

LÉP TRÓTXKI

đời tôi

TẬP I

**TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU
1998
LÉP TRÓTXKI**

đời tôi

tập một

TỦ SÁCH NGHIÊN CỨU 1998

Lép Trótxki: Đời tôi

Nguyên tác:

ЛЛЕЕВВ ТТРРООЦЦККИИЙЙ:: ММООЯЯ ЖЖИИЗЗННЬЬ П—ПШ

Tủ sách Nghiên cứu dịch theo bản tiếng Pháp:

Léon Trotsky: Ma Vie

Nhà xuất bản Gallimard, Paris 1953

Hoàng Nguyễn đối chiếu, sửa chữa
và chỉnh lý theo bản tiếng Hung:

Lev Trockij: Életem

Nhà xuất bản Kossuth, Budapest 1989

Trình bày bìa: Hoàng Giang

In lần thứ nhất tại Hungary, 1998

Tủ sách Nghiên cứu giữ bản quyền ấn bản Việt ngữ
Vietnamese Copyright © 1998 by Tủ sách Nghiên cứu

LỜI CẢM ƠN

Cuốn sách này được ra đời nhờ sự góp sức của một tập thể anh em gồm có những người trót-kít và những người không xu hướng đảng phái chính trị, trong số đó, có người ở Việt Nam, có người ở Pháp, có người ngụ cư ở Đông Âu.

Mặc dầu ở cách xa nhau hàng ngàn cây số, họ đã liên lạc, phân công và hợp tác với nhau trong việc dịch thuật, hiệu đính, chỉnh lý, sửa chữa bản thảo và in ấn.

Thay mặt bộ biên tập Tủ sách Nghiên cứu, chúng tôi xin chân thành cảm ơn hết thảy các bạn và mong rằng sự hợp tác này sẽ tiếp tục để những cuốn sách khác của Trótxki có điều kiện ra mắt đông đảo độc giả, theo chương trình đã ấn định.

Paris tháng Ba năm 1998
Hoàng Khoa Khôi

LỜI GIỚI THIỆU

H

ơn nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày tên sát nhân gốc Tây Ban Nha Ramôn Méccade [Ramon Mercader] thực hiện bản án của những ông chủ từ Mạc Tư Khoa dành cho người sáng lập Đệ tứ Quốc tế.

Trong khi Trótxki [Trotsky] còn sống cũng như sau khi ông bị giết, tên tuổi ông thường xuyên là đề tài bôi nhọ, vu cáo và thóa mạ của những kẻ tự đặt mình dưới sự dắt dẫn của điện Cẩm Linh.

Độc giả các quốc gia xã hội chủ nghĩa (cũ) nói chung, và Việt Nam nói riêng, biết rất sơ sài về Trótxki. Có thời muốn kết tội một ai, chỉ cần vu cho anh ta là trót-kít! Một thời gian dài, trong những tài liệu tuyên truyền cộng sản, cái tên Trótxki đồng nghĩa với *phát-xít, bán nước, phân cách mạng, chỉ điểm, điệp viên cho đế quốc...*

Vậy, hẳn nhiều người có thể đặt câu hỏi: "Trótxki là ai?"

*

Nhắc đến Trótxki, những người am tường lịch sử thường nghĩ đến hình ảnh một nhà cách mạng "*siêu việt*" (chữ của báo chí phương Tây đương thời), lãnh tụ chủ chốt của thợ thuyền Xanh-Pêtécbua [Saint-Petersbourg] trong các cuộc cách mạng 1905 và 1917 trên cương vị chủ tịch Xô-viết thành phố. Đặc biệt, giữ chức chủ tịch Ủy ban Quân sự Cách mạng, bên cạnh Lênin [Lénine], Trótxki là người lãnh đạo tối cao của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng Nga năm 1917. Chính Lênin về sau cũng phải công nhận: trong những ngày cách mạng tháng Mười, không có người bên-se-vích nào hơn Trótxki. Là người sáng lập và tổ chức Hồng quân Liên Xô kiêu hùng một thời, Trótxki còn có vai trò chính trị và quân sự nổi bật trong thời nội chiến Nga. Không phải ngẫu nhiên mà trong "di chúc chính trị" viết khi lâm trọng bệnh, Lênin từng khẳng định: "*Về mặt cá nhân, hẳn có lẽ đồng chí ấy [Trótxki] là người tài năng nhất trong Ban Trung ương [đảng bên-se-vích] hiện nay*".

Dĩ nhiên những chi tiết này đều bị Xtalin [Staline] và bè cánh của ông ta xuyên tạc hoặc giấu nhẹm trong những thập kỷ kế tiếp. Chẳng những thế, trong cả ba vụ án nguy tạo lớn ở Mạc Tư Khoa thời kỳ 1936-1938, Trótxki còn là bị cáo chính (vắng mặt!) với những tội danh bịa đặt như "*kẻ cầm đầu mọi tổ chức đối lập*", "*người khơi mào và tổ chức chính yếu các hành động khủng bố*"... Mười năm sau ngày thành

lập nhà nước Xô-viết mà Trótxki là một trong những người có công lớn nhất sau Lenin, tên tuổi và hình ảnh ông bị xóa khỏi mọi sách báo, tự điển, tổng luận, phim ảnh.

Vào những năm "cải tổ" và "công khai" cuối thập niên 80 ở Liên Xô (cũ), đại đa số các nhà cách mạng bôn-se-vích bị chêt oan uổng dưới triều đại Xtalin đều được phục hồi danh dự. Nhưng chưa bao giờ Trótxki, tác giả những cuốn sách đề cập đến cốt lõi của thể chế xta-lin-nít như *Cuộc cách mạng bị phản bội, Trường phái giả mạo lịch sử kiểu xta-lin-nít...*, được đưa vào danh sách "minh oan" này.

"*Chủ nghĩa trót-kít là kẻ thù hung hãn nhất của chủ nghĩa lê-nin-nít*": đó vẫn là lời đánh giá chính thức của phe cộng sản "chính thống" Nga.

Ngày nay, theo đánh giá của nhiều sử gia và các nhà nghiên cứu nghiêm túc, Trótxki và chủ thuyết "cách mạng thường trực" của ông là một nhánh đặc biệt trong lịch sử những phong trào cách mạng mác-xít. Trong sự nghiệp chính trị của ông, nhân tố "*người anh hùng cô đơn*" luôn tồn tại như một nét chủ đạo. Trótxki "cô đơn", vì trong mọi trường hợp, ông đều cấp tiến và đều theo đuổi những giải pháp độc đáo so với thời đại ông sống. Về căn bản, nhiều ý tưởng và vấn đề ông đặt ra, cho đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự và đáng để chúng ta suy ngẫm.

*

Có điều, nếu chỉ nhìn nhận Trótxki như một chính khách xuất sắc - có tầm nhìn chiến lược sáng suốt, sâu rộng và nhiều khi có những ý tưởng vượt thời đại -, thì dẫu *đúng* nhưng chưa *đủ*. Người ta đã không quá lời khi nói rằng Trótxki còn là một cây bút siêu việt. Nói về tài diễn thuyết của Trótxki, Lunatrácxi [Lounatcharsky] cho rằng ông là diễn giả "*cừ khôi nhất thời đại*" với những bài phát biểu đậm tính văn chương. Phải nói rằng, tài văn chương của Trótxki, có lẽ không thua kém tài diễn thuyết của ông là bao.

Một đặc điểm nổi bật là các nhà chính trị cách mạng mác-xít nổi tiếng nửa cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này thường là những học giả, những cây bút xuất sắc trên báo chí. Mặt mạnh của họ cố nhiên là ở các bài viết, bài luận về đề tài *triết học* hay *chính luận*: với mục đích "tài đạo" (theo nghĩa *tuyên truyền những ý tưởng, những đường lối của bản thân họ hay đảng họ*). Trong một thời kỳ mà *bạo lực* chưa được coi là liều thuốc chính yếu để chữa mọi căn bệnh, nhiều khi một cuốn sách sắc sảo, một bài báo đánh thép có tác động mạnh đến xã hội đương thời hơn súng đạn.

Về mặt này, Trótxki không thuộc ngoại lệ. Nói về sự nghiệp cầm bút của ông, cần phải nhấn mạnh rằng trước hết ông là một nhà báo chính luận tài ba. Trong đời hoạt động cách mạng chìm nổi, Trótxki từng là chủ nhiệm, đồng thời ông cũng là cộng tác viên và là cây bút chủ lực của nhiều tờ báo, tạp chí Nga như *Tạp chí phương Đông, Bình minh, Tia lửa, Báo nước Nga, Buổi đầu, Sự thật, Tư tưởng Kiếp* [Kiev], *Tiếng nói của chúng ta, Thế giới mới...* (trước năm 1917) và *Thông tin Đối lập...* (sau ngày bị trục xuất khỏi Nga). Trong số đó, không ít tờ có tiếng vang lớn cả ở Tây Âu. Ngoài ra, trong thời gian sống lưu vong ở nước ngoài, Trótxki cũng viết thường xuyên cho báo chí xã hội Pháp, Đức, Áo, Ba Lan... với phong cách được giới hiểu biết đương thời đánh giá là "*chói lợi*", "*quyến rũ*" và "*xuất chúng*". Bản thân Lenin - ngay trong lần đầu gặp gỡ - cũng phải thừa nhận chàng trai 24 tuổi Trótxki là một "*ngòi bút*" (Piêrô) [Pêrô] "*có năng lực phi thường*" (Piêrô là biệt danh do các đồng sự dành cho Trótxki, bằng chứng công nhận bút lực lớn lao của ông).

Nếu không tham gia phong trào công nhân và cách mạng, rất có thể Trótxki đã trở thành một văn sĩ thuần túy. Nhưng, hoạt động tuyên truyền và tổ chức phong trào từ thừa thanh niên cùng những ngày tháng tù đầy biệt xứ đã biến ông thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp. Từ đó trở đi, nói chung, Trótxki thường dùng cây bút của mình như một vũ khí sắc bén trên chính trường (như lời bộc lộ của chính ông: "*Kể từ năm 1897, tôi chiến đấu chủ yếu bằng ngòi bút. Thành thử, lịch sử đời tôi đã đọng lại trên những trang in hầu như liên tục trong suốt ba mươi hai năm*".)

Vốn có học thức sâu rộng, thông thạo nhiều ngoại ngữ, Trótxki không ngừng trau dồi tầm hiểu biết của mình qua sách vở thuộc đủ các thể loại trong những năm lưu lạc qua Áo, Đức, Thụy Sĩ, Anh, Pháp, Hunggari [Hongrie], Mỹ, Canada [Canada]... trước cách mạng tháng Mười 1917. Chính vì thế, những bài viết của ông không chỉ bó gọn trong khuôn khổ chính trị, ý thức hệ, đảng phái...: các tác phẩm của ông về đời sống nông dân Nga, xã hội Nga, văn hóa Nga... cũng đều có giá trị không nhỏ. Cạnh đó, tác phẩm *Văn học và cách mạng* cho ta thấy một quan niệm rộng rãi, bao dung về mối quan hệ giữa văn nghệ và quyền uy, rất khác (và có nhiều nét trái ngược) với chính sách văn nghệ ở nhiều xứ cộng sản theo mô hình xta-lin-nít. Đó là chưa nói đến những diễn giải mang tính phê bình về lịch sử văn học Nga với nhiều sắc thái rất "đặc thù" Trótxki.

Dĩ nhiên, một độc giả bình thường không quan tâm đến chính trị cùng mọi khái niệm phức tạp và rối rắm của nó, hẳn sẽ đặt câu hỏi: "*Trótxki có một văn nghiệp 'thuần túy' không?*" Đây là điều cần khẳng

định, đồng thời cũng là một "điểm son" khiến Trótxki có chỗ đứng cao hơn trên văn đàn so với các chính trị gia, triết gia... chỉ viết những tác phẩm mang nội dung chính luận.

Từ những năm còn rất trẻ, Trótxki đã có nhiều tiểu luận văn học đặc sắc về các văn hào cổ điển Nga như Goócđki [Gorki], Anđrâyép [Andréiev], về các nhà văn phương Tây như Ípxen [Ibsen], Haotman [Hauptmann] hay Mốpátxăng [Maupassant]. Phải nói con mắt sắc sảo của Trótxki đã khiến ông có biệt tài trong thể loại "chân dung văn học" này: về sau, Trótxki còn nhiều phác thảo rất hay và đậm tính thơ về các văn hào (Maiacốpxki [Maiakovsky], Goócđki, Manrô [Malraux]...), bạn bè, đồng chí và người thân (Lunatrácxki, Corúpxcaia [Kroupskaia], Riadanốp [Riazanov], Lép Xêđốp [Léon Sedov]...). Với kẻ thù, địch thủ của mình (Xtalin, Iagôđa [Iagoda]...), ông cũng có những biếm họa tinh táo và sắc nét. Ngay trong *Đời tôi*, người đọc cũng hay gặp những bức chân dung, nhiều khi ngắn gọn mà rất đủ ý và hóm hỉnh. Đây là sở trường chính của ông.

Nhưng, muốn hiểu rõ tư cách con người cũng như văn phong, nghệ thuật cầm bút của Trótxki, không gì hơn là đọc *Đời tôi*, một cuốn sách thuộc thể loại văn-hồi ký mà tác giả đã cho ra đời từ đầu thập niên 30. Giới sử học tìm thấy ở đây nguồn tư liệu vô cùng quý giá về cách mạng Nga và những người khởi sự nó. Đối với độc giả "ngoại đạo" thông thường, cuốn sách cũng có thể đem đến nhiều thông tin, dữ kiện bổ ích về một thời kỳ tuy đã xa vời, nhưng vẫn có những tác động không nhỏ đến thời đại chúng ta đang sống. Đặc biệt, *Đời tôi* rất có ích cho thế hệ thanh niên, muốn tìm hiểu quá khứ trên căn bản tài liệu và sự thực.

*

Viết hồi ký - trong đó cố làm đẹp và biện minh cho những thất bại hay sai lầm của mình trong quá khứ - là việc làm thường thấy và dễ hiểu của các chính khách, các lãnh tụ cao cấp khi họ không còn ở đỉnh của quyền lực. Nhưng *Đời tôi* của Trótxki, xét trên nhiều phương diện, là một cuốn hồi ký đặc biệt. Được viết khi các sự kiện còn nóng hổi và tác giả cuốn sách còn theo đuổi một cuộc đấu tranh không khoan nhượng, khi đa số các nhân vật chính còn sống - thậm chí còn hoạt động chính trị tích cực -, *Đời tôi* vừa trung thực, vừa mang tính luận chiến sắc sảo, khác những tự truyện của các chính khách về già, không còn quan hệ với "đời", viết sách chỉ nhằm "trà dư tửu hậu" và ngâm ca ngợi bản thân.

Trong số những địch thủ của Xtalin, có lẽ Trótxki là người duy nhất có thời gian và điều kiện để viết lại cuộc đời mình cùng mọi thăng trầm của cuộc cách mạng Nga: đa số các yếu nhân khác của đảng Cộng sản (bôn-se-vích) Liên Xô như Camênhép [Kamenev], Dinôviép [Zinoviev], Bukharin [Boukharine], Rucốp [Rykov], Rađéc [Radek]..., hoặc bị hành quyết sau những phiên tòa nguy tạo (mặc dù đã quy phục, "hối cải" và trở thành con rối trong tay bộ máy đàn áp khổng lồ G.P.U. -N.K.V.D.), hoặc gục ngã trong lao tù của "nhà độc tài đỏ".

Ngành mật vụ của Xtalin đã phạm sai lầm gây tai hại lớn cho họ khi cho phép Trótxki rời Liên Xô được mang theo toàn bộ những thư từ, giấy tờ cá nhân của ông. Được lưu trữ trong các kho văn khố và thư khố ở Bốttxtôn [Boston], Xtenpho [Stanford] và Amxtécđam [Amsterdam], những tư liệu đó vô cùng quý báu và không thể thiếu được cho các sử gia cũng như những người muốn tìm hiểu về phong trào công nhân và cách mạng Âu châu đầu thế kỷ XX nói chung, cũng như cách mạng Nga và Trótxki nói riêng. Những văn kiện ấy đã giúp Trótxki một phần không nhỏ trong quá trình viết hồi ký.

Trong di cáo để lại của Trótxki, chúng ta được biết ông đã có ý định viết những hồi tưởng về cuộc đời mình ngay trong thời kỳ bị đày ải và lưu trú tại Anma-Ata [Alma-Ata] (đầu tháng 2-1928). Mùa xuân năm 1929, kho thư khố Amxtécđam công bố một bài viết bằng tiếng Nga dài bảy trang của Trótxki, có dáng dấp một bản tiểu sử tự thuật. Dường như đó chính là dàn ý đầu tiên cho cuốn hồi ký đồ sộ sau này.

Trótxki khởi sự công việc vào giữa hè năm 1928 theo lời khuyên của Prêôboragiexki [Préobrajensky]. Cuốn hồi ký cũng được Racốpxki [Rakovsky] tán đồng, trong một lá thư gửi Trótxki được lưu trữ trong kho tư liệu ở Bốttxtôn, ông coi nó rất có ý nghĩa về mặt nguyên tắc. Trong vòng gần một năm tại Anma-Ata, Trótxki đã hoàn thành chừng một phần ba *Đời tôi*: ông hoàn tất những chương về thời niên thiếu và thanh niên, về hai lần đi đày ở Xibêri [Sibérie]. Xét về mặt văn học, có thể nói rằng đây là phần tươi tắn nhất, nhuần nhuyễn nhất và chứa nhiều dấu ấn cá nhân nhất trong cuốn hồi ký.

Ngày 18-1-1929, theo quyết định của Ban Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô, cơ quan mật vụ G.P.U. buộc Trótxki lập tức phải rời khỏi quê hương bởi "*những hoạt động chống chính quyền Xô-viết*" (!) của ông. Sau khi bị "*các nền dân chủ Tây Âu*" khước từ, Trótxki đến Cônxtantinốp [Constantinople] (Thổ Nhĩ Kỳ) ngày 12-2-1929, rồi định cư ở đảo Prinkipô [Prinkipo].

Với sự trợ giúp của vợ (Natalia Xêđôva [Natalia Sédova]) và con trai (Lép Xêđốp), Trótxki bắt tay ngay vào việc bổ sung những phần đã khởi thảo và viết tiếp những chương mới của *Đời tôi*. Ông dự định sẽ cho ra đời cuốn sách đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của mình, ngày 7-11-1929. Để thực hiện

dự kiến gấp gáp ấy, Trótxki có một phương thức làm việc độc đáo và khá... "khoa học": như lời thuật lại của một sử gia, cạnh ngòi bút, ông còn làm việc với... hồ dán và kéo! Chẳng hạn, câu chuyện về cuộc vượt ngục từ Xibêri lần thứ hai, vốn viết từ năm 1907 (trong cuốn sách 1905, rất được ưa chuộng trong thời kỳ lưu vong), nay được chép lại hầu như y nguyên trong hồi ký (trừ một số chi tiết nhỏ mà ông cố tình viết khác đi trong lần xuất bản trước để đánh lạc hướng cảnh sát Nga hoàng). Tương tự như vậy, những tình tiết về vụ trục xuất khỏi Tây Ban Nha năm 1916 - tạp chí *Đất hoang đơ* đăng tải đầu thập niên 20 và sau đó, được xuất bản dưới dạng sách có minh họa - cũng được ông đưa toàn vẹn, không chút sửa đổi vào *Đời tôi*. Một số trang cuối của cuốn sách cũng từng được ra mắt trên tờ *Thông tin Đối lập* số tháng 7-1929. Cạnh đó, gần nửa số trang viết về Lênin trong cuốn hồi ký là một phần tác phẩm mang tên *Lênin* của ông, do Nhà xuất bản Quốc gia Mạc Tư Khoa ấn hành năm 1924.

Trong số những phần cuối của *Đời tôi*, có khá nhiều đoạn do vợ và con trai Trótxki viết. Khi còn ở Anma-Ata, ông đã đề nghị Lép và Natalia ghi chép lại đầy đủ mọi chi tiết cần thiết. Trong hồi ký, những đoạn này được Trótxki đưa vào ngoặc kép và nêu rõ xuất xứ; tất nhiên, chúng đã được chỉnh lý kỹ càng trong thời gian gia đình Trótxki cư ngụ trên đảo Prinkipô. Phải nhấn mạnh sự trợ giúp đáng kể của Xêđốp trong những trang viết của Trótxki: theo chính lời ông, "*sự cộng tác của anh [Xêđốp] thật vô giá*" và "*thực ra, trong hầu hết những sách vở tôi viết sau năm 1928, cạnh tên tôi cần đề thêm tên Xêđốp nữa*".

Như đã nói ở trên, Trótxki tự đặt cho mình một thời hạn rất gấp rút để hoàn tất cuốn hồi ký. Ông ký khá nhiều hợp đồng với các tòa báo lớn ở châu Âu cho việc đăng tải *Đời tôi*. Do thời gian bó buộc, thoạt tiên Trótxki không định viết kỹ lưỡng về thời kỳ sau cách mạng tháng Mười (1917); ta có thể nhận biết điều này qua mục lục và dàn ý đầu tiên còn lưu lại trong bản thảo *Đời tôi*. Nhưng do việc ẩn loát tại Đức bị chậm trễ, đến cuối năm 1929, chỉ mới có *Quyển một* của cuốn sách được ra đời. Càng ngày, bản thảo càng được bổ sung bằng những dữ liệu, sự kiện mới nhất: Trótxki viết thêm nhiều chương mới phản ánh cuộc đấu tranh chống lại Xtalin của ông và các cộng sự. Cứ như thế, *Quyển hai* đồ sộ hơn nhiều so với dự kiến và người đọc có cảm tưởng dù ở xa, Trótxki vẫn theo sát và cập nhật tình hình chính trị của đất nước Xô- viết đương thời.

Bản tiếng Nga của *Đời tôi* do Nhà xuất bản Granit (Berlin) ấn hành lần đầu năm 1930. Trong vòng vài năm ngắn ngủi, cuốn sách được dịch ra 20 thứ tiếng, trong đó có tiếng Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Hà Lan, Trung Hoa, Nhật Bản và Do Thái. Những người hâm mộ Trótxki còn dịch vài chương của cuốn sách ra Quốc tế ngữ và in thành những tập nhỏ để giáo dục con cái. Chiến dịch tuyên truyền cho *Đời tôi* trên báo chí cũng đạt được mục đích: vài nhà xuất bản năng động không chờ nguyên bản tiếng Nga mà dịch gấp cuốn sách từ những bản gián tiếp như Anh ngữ hay Đức ngữ. Đặc biệt, *Đời tôi* rất được phổ biến ở Đức: cuốn sách có mặt trong hầu hết các quầy sách ở nước này do sự vận động và giới thiệu của Phoranxo Pemphe [Franz Pfemfert], chủ nhiệm tạp chí *Die Aktion*, một môn đệ của chủ nghĩa trót-kít.

Tuy nhiên, cuốn sách cũng làm nhiều kẻ điên đầu. Báo chí cực hữu - cũng như báo chí "cộng sản" Tây Âu - tìm mọi cách bôi nhọ Trótxki và thuyết phục độc giả tẩy chay cuốn hồi ký. Ở Liên Xô, người ta nói và bàn tán nhiều về *Đời tôi*, nhưng đọc và truyền bá cuốn sách bị coi như trọng tội. Cũng ít ai được thấy tận mắt cuốn sách của ông. Nhưng trong số sách vở ấn hành ở Tây Âu của Trótxki, đây là tác phẩm *duy nhất* lọt về Nga: vào thập kỷ 30, một số ít văn nghệ sĩ và lãnh đạo đảng, nhà nước Xô- viết còn được ra nước ngoài, chính họ giấu giếm và mang lậu cuốn hồi ký về nước.

*

Đời tôi được chia làm hai phần với số trang gần tương đương.

Quyển một (Chương I - Chương XXIII) bao gồm những sự kiện trong vòng 38 năm, từ ngày cậu bé Brônsten [Bronstein] cất tiếng khóc chào đời (ngày 8-11-1879) tại một làng nhỏ thuộc chính phủ Khécxôn [Kherson] [Ucoraina [Ukraine]] đến khi Trótxki trở về Nga sau những năm dài lưu vong, trên cương vị một nhà cách mạng ưu tú, được ưa chuộng nhất thời ấy.

Quyển một chứa nhiều trang rất sinh động và hấp dẫn, đó là phần thành công nhất của tác phẩm, xét về mặt văn chương. Chúng ta đọc Trótxki thoải mái nhất khi ông đi thẳng vào những vấn đề cụ thể: trong những đoạn ấy, có thể thường thức trực tiếp phong cách hóm hỉnh, ý nhị và và trong sáng của tác giả. Trong một số đoạn tả cảnh, tả tình hay độc thoại, đối thoại, ta có cảm giác như đang đọc một tác phẩm văn học thực thụ chứ không phải một hồi ký thuần túy. Các trang sách về thời thơ ấu, thuở đến trường, về những năm tháng đầu trên con đường cách mạng của Trótxki là những đoạn như vậy.

Quyển hai (Chương XXIV - Chương XLV) bắt đầu với những ngày sôi động của cách mạng tháng Mười 1917 và kết thúc bằng cảnh nhà cách mạng - ở tuổi ngũ tuần - bị lưu đày và lang bạt trên những xứ sở xa lạ, với niềm tin mãnh liệt pha chút cay đắng về lý tưởng của mình.

Trong phần này, người đọc có dịp tìm hiểu kỹ những sự kiện phức tạp diễn ra trên chính trường Nga-Liên Xô. Thoạt đầu là cuộc cách mạng tháng Hai (năm 1917) khiến nước Nga đứng trước tình trạng "nhị quyền", đến thắng lợi của cách mạng tháng Mười, đưa chính quyền vào tay đảng bôn-se-vích, một chính đảng nhỏ nhưng biết lợi dụng thời cơ, có chiến thuật linh hoạt và kỷ luật nghiêm thích hợp với hoàn cảnh. Kế đó là những năm nội chiến đẫm máu, khi nhà nước Xô-viết non trẻ đứng trước cảnh "thù trong, giặc ngoài", đến thời kỳ hòa bình với những khó khăn chồng chất. Trótxki dành nhiều trang nói về những tranh chấp quyền lực trong nội bộ thượng đỉnh đảng bôn-se-vích sau khi Lênin mất, kết cục dẫn đến thất bại của phe "Tả đối lập" trước tập đoàn quan liêu xta-lin-nít, khiến người đứng đầu phe này bị đày ải và trục xuất khỏi Liên bang Xô-viết.

Quyển hai là một nguồn tư liệu khá tin về những gì xảy ra trong hậu trường đảng bôn-se-vích Liên Xô, vốn bị bè phái của Xtalin giấu bặt trong nhiều thập kỷ liền. Đọc phần này (và cuốn *Cuộc cách mạng bị phản bội* về sau), độc giả có thể hiểu thể chế độc tài quan liêu xta-lin-nít đã phản bội cuộc cách mạng tháng Mười như thế nào, và tại sao Liên bang Xô-viết không tiến triển như ý muốn của những người đã sáng lập ra nó.

*

Vài lời về hình thức nghệ thuật và nội dung cuốn hồi ký.

Đọc *Đời tôi*, ta có thể thấy sự khác biệt trong hình thức và chất lượng giữa các chương, các phần của cuốn sách.

Văn phong của tác giả thay đổi tùy theo từng đoạn, khi thì mang phong thái trong sáng của văn học cổ điển Nga, khi thì khô khan do sự pha trộn với văn phong đặc trưng cho các văn kiện mác-xít kinh điển với những ngôn từ của phong trào công nhân và xã hội đầu thế kỷ XX.

Trong *Đời tôi*, ta thấy tác giả hiểu biết chính xác diễn tiến của cách mạng Nga thời kỳ "hậu chiến", khi Lênin bị thất bại nặng nề trước Xtalin và bộ máy quan liêu của đảng. Nhưng qua cuốn sách, Trótxki không hề đã động đến chuyện ông đã không đứng dứt khoát về phía Lênin - lúc ấy đang lâm trọng bệnh - như mọi lần, mỗi khi ông đồng tình với Lênin.

Qua các trang sách của *Đời tôi*, người đọc có thể ngạc nhiên về giọng văn khá "cảm chùng", xa lạ với phong cách "nảy lửa" của Trótxki, khi ông tố cáo những sai lầm và tội ác của ban lãnh đạo đảng Cộng sản Liên Xô. Ông không nói về tình cảnh đất nước sau khi Lênin mất, về âm mưu, thủ đoạn và các hành vi của Xtalin, về những quyết định "mật" của Bộ Chính trị đảng Cộng sản Liên Xô... Có giả thuyết cho rằng vào thời kỳ ấy, Trótxki còn nghĩ đến việc *trở về*. Ông cho rằng những mâu thuẫn nội tại trong ban lãnh đạo đảng - nhất là sự đối đầu giữa Xtalin và Bukharin - sẽ dẫn đến khủng hoảng không lối thoát, và trong tình hình như vậy ông sẽ có điều kiện trở lại chính trường. Ngoài ra, Trótxki còn cân nhắc kỹ lưỡng đề ngòi bút của ông khỏi bị lợi dụng, chống lại những lợi ích của Liên Xô.

*

Bản dịch này được dựa chủ yếu vào bản Pháp ngữ, có tham khảo, đối chiếu, chỉnh lý và hiệu đính theo bản tiếng Hunggari. Để độc giả có điều kiện hiểu rõ và tường tận hơn về những nhân vật, sự kiện và khái niệm - nhiều khi phức tạp và xa lạ - của thừa xa xưa, chúng tôi mạnh dạn bổ sung *Đời tôi* bằng các chú giải không có trong nguyên tác.

Cho đến nay, đánh giá di sản chính trị và tinh thần, cũng như hệ tư tưởng và lý thuyết của Trótxki vẫn là đối tượng quan tâm của nhiều người. Điều chắc chắn là tấn thảm kịch Trótxki vẫn để lại nhiều thông điệp đáng lưu tâm cho thời đại chúng ta.

Khi người đọc cầm trên tay ấn bản Việt ngữ đầu tiên của cuốn sách thì *Đời tôi* đã sắp được bảy mươi năm tuổi.

Năm mươi bảy năm sau ngày bị thảm sát, tác giả cuốn sách này vẫn chưa hề được khôi phục chính thức ngay tại quê hương mình.

Một sự chậm trễ kếp mang tính trớ trêu của lịch sử!

Nhưng, xét cho cùng, Trótxki không cần ai phục hồi danh dự cho mình. Cuộc đời của ông, sự nghiệp của ông cùng những tác phẩm ông để lại cũng đủ chứng minh giá trị đích thực của ông, người đã từng cống hiến đời mình cho lý tưởng cộng sản và phấn đấu tới cùng chống lại những kẻ phản bội nó như Xtalin.

Tháng Chín năm 1997
Hoàng Nguyễn

QUYỀN THỨ NHẤT

TỰA

Thời đại chúng ta, một lần nữa, có quá nhiều những hồi ký, có lẽ nhiều hơn bao giờ hết. Bởi vì có biết bao nhiêu chuyện để kể. Thời đại càng nhiều kịch tính bao nhiêu thì lịch sử đương đại lại càng được quan tâm bấy nhiêu. Nghệ thuật vẽ tranh phong cảnh đã không thể nảy sinh ở sa mạc Xahara [Sahara]. Các thời kỳ "chông chéo" như hiện nay tạo ra nhu cầu phải nhìn nhận ngày hôm qua, giờ đã trở nên xa xôi, dưới con mắt những kẻ đã tích cực tham gia vào đó. Điều này giải thích sự nở rộ của thể văn hồi ký kể từ cuộc chiến tranh sau chót. Và đây cũng có thể là lý do của cuốn sách này.

Cuốn sách được ra đời nhờ một lần tạm nghỉ trong sự nghiệp hoạt động chính trị sôi động của tác giả. Cônxtantinốp đã trở thành một chặng bất ngờ, tuy không ngẫu nhiên của đời tôi. Tôi dựng một lều trại tạm thời ở đây, không phải là lần đầu, và kiên nhẫn đợi chờ những gì sẽ xảy ra. Hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi cuộc đời một nhà cách mạng nếu thiếu một chút về "định mệnh" nào đó. Dù sao đi nữa, khúc chuyển hồi ở Cônxtantinốp là khoảng khắc thuận lợi nhất để nhìn lại phía sau, chừng nào các tình huống còn chưa cho phép tôi tiếp bước.

Thoạt đầu, tôi đã viết những phác thảo tự thuật ngắn cho báo chí và tôi cho rằng thế cũng đủ. Phải ghi nhận ngay là từ chón lưu đây này, tôi không theo dõi được tác động của những bài viết ấy đến độc giả. Nhưng mọi công việc đều có cái luận lý riêng của nó. Tôi chỉ cảm thấy điều này khi sắp hoàn thành các bài viết. Khi ấy, tôi quyết định sẽ viết một cuốn sách. Tôi chọn một cung bậc khác, rộng hơn rất nhiều và làm lại từ đầu. Điểm chung duy nhất giữa những bài báo và cuốn sách này là chúng cùng chung một đề tài. Trên mọi phương diện khác, đó là hai tác phẩm riêng biệt.

Tôi đặc biệt giành nhiều thời gian để nói kỹ lưỡng về giai đoạn hai của cách mạng Xô-viết, mở đầu bằng việc Lênin ốm và một chiến dịch chống "chủ nghĩa trots-kít" được công bố. Như bạn đọc sẽ thấy, cuộc đấu tranh giành quyền lực của những kẻ kẻ nghiệp bất tài không thể coi là dụng độ cá nhân. Nó mở ra một chương mới trong chính trị: đó là sự phản bội cuộc cách mạng tháng Mười và chuẩn bị cho một Témido [Thermidor]. Từ đó, nghiêm nhiên suy ra lời giải đáp cho câu hỏi mà người ta hay đặt cho tôi: "Ông đã để mất quyền lực như thế nào?".

Tự truyện chính trị của một nhà cách mạng nhất thiết phải đụng chạm đến nhiều vấn đề lý luận có liên quan một phần đến sự phát triển xã hội của nước Nga và một phần đến toàn thể nhân loại, nhất là về những giai đoạn gay go được gọi là cách mạng. Lẽ cố nhiên, trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi không thể xem xét đến cùng những vấn đề lý thuyết phức tạp ấy. Ví dụ như lý thuyết về *cách mạng thường trực* - một học thuyết đã đóng vai trò lớn lao trong đời tôi, và điều quan trọng hơn, hiện đang có tính thời sự sắc sảo tại các nước phương Đông -, đã xuyên suốt cuốn sách như một nét nhạc chủ đạo vang vọng từ xa. Nếu độc giả nào chưa hài lòng về điều này, tôi có thể nói rằng tôi sẽ phân tích các vấn đề của cách mạng trong một cuốn sách riêng biệt, ở đó tôi sẽ thử tổng kết mọi kinh nghiệm quan trọng nhất mang tính lý thuyết của

những thập niên cuối này.

Vì trong những trang sách của tôi sẽ xuất hiện vô số chính khách và không phải bao giờ họ cũng được mô tả dưới thứ ánh sáng họ mong muốn, cho bản thân hoặc cho đảng của họ, hẳn trong số đó thế nào cũng có nhiều người cho rằng câu chuyện của tôi thiếu tính khách quan cần thiết. Ngay việc tôi công bố một số đoạn của cuốn sách này trên báo chí cũng đã gây nên nhiều ý kiến phản đối. Đây là điều không tránh khỏi. Chắc chắn, nếu hồi ký này chỉ đơn thuần là một phiên bản của đời tôi - điều mà tôi không hề muốn - thì nó cũng đã đủ để gây nên những bất đồng quan điểm bắt nguồn từ các cuộc xung đột được nhắc đến ở đây. Nhưng tập sách này không phải là bản sao tằm hình vô tri, mà là bộ phận cấu thành của đời tôi. Qua những trang sách, tôi tiếp tục cuộc chiến đấu mà tôi đã hiến dâng cả đời mình. Khi trình bày, tôi vừa phân tích và đánh giá; khi kể, tôi tự vệ và trong nhiều trường hợp tôi còn tấn công. Tôi cho rằng đó là cách duy nhất để một bản tự truyện có tính khách quan dưới một ý nghĩa cao hơn, tức là làm cho nó biểu đạt con người, hoàn cảnh và thời đại một cách thích đáng nhất.

Trong trường hợp này, tính khách quan không phải là sự lãnh đạm giả tạo, sự giả dối trước bè bạn và kẻ thù, gián tiếp gợi ý bóng gió cho độc giả những điều mà người viết cảm thấy bất tiện khi phải nói thẳng tuột ra. Kiểu khách quan ấy không khác gì thứ cam bẫy của giới thượng lưu. Tôi không cần đến nó. Khi tôi buộc phải nói về mình - cũng chưa từng thấy ai viết tự truyện mà lại không nói về mình -, thì không có lý do nào để tôi phải che giấu những cảm tình hay ác cảm, tình yêu hay lòng căm thù của tôi.

Đây là một cuốn sách luận chiến, phản ánh tính năng động của một đời sống xã hội được thiết lập trên nền tảng những mâu thuẫn. Học trò lão xược với thầy giáo; những lời chua chát đầy gan tị được che đậy bằng bề ngoài thân thiện trong phòng khách; sự cạnh tranh không ngừng trên chôn thương trường; cuộc chạy đua điên cuồng trong mọi lĩnh vực kỹ thuật, khoa học, nghệ thuật, thể thao; các mâu thuẫn quyền lợi sâu sắc lúc lên lúc xuống ở chốn nghị trường; cuộc chiến dữ dội hàng ngày của báo chí; những cuộc đình công của thợ thuyền; súng nổ vào những người biểu tình; bọc chứa đầy thuốc nổ mà các nước láng giềng vẫn minh gửi cho nhau bằng đường hàng không; những ngọn lửa nội chiến hầu như không bao giờ tắt trên hành tinh của chúng ta - tất cả đều là những dạng khác nhau của cuộc "luận chiến" xã hội, từ tính chất thường nhật, tự nhiên, bình dị, hầu như không nhận ra nổi mạch đầu tính căng thẳng của nó, cho đến thứ luận chiến được đẩy tới những thái cực bùng nổ như núi lửa và các cuộc chiến tranh, cách mạng. Thời đại chúng ta đang sống như thế đó. Chúng ta sinh ra, hít thở và trưởng thành cùng với nó. Làm sao có thể không luận chiến, nếu muốn trung thành với "tổ quốc trong thời gian" của mỗi chúng ta?

Nhưng có một tiêu chuẩn khác sơ đẳng hơn: sự thành thật, đơn giản khi trình bày các sự việc. Tự như cuộc đấu tranh cách mạng triệt để nhất cũng không thể bỏ qua những tình huống thời gian và hoàn cảnh, tác phẩm mang tính luận chiến nhất cũng cần giữ những tỷ lệ nhất định giữa người và việc. Tôi muốn hi vọng rằng tôi đã chú trọng đến đòi hỏi đó, trong toàn thể và trong cả những chi tiết.

Ở vài trường hợp nhất định, thật ra không nhiều, tôi thuật lại những cuộc nói chuyện dưới hình thức đối thoại. Sau từng ấy năm, không ai có thể đòi hỏi người viết kể lại những cuộc đàm thoại đúng từng câu, từng chữ. Tôi cũng không có ý định ấy. Một vài cuộc đối thoại chỉ mang tính tượng trưng. Nhưng trong đời mỗi người, có những lúc, những khoảng khắc mà một vài cuộc trò chuyện này khác đặc biệt khác sâu trong trí nhớ của họ. Thông thường, người ta không chỉ kể lại một đôi lần những cuộc nói chuyện như thế với người thân hay bạn hữu chính trị, thành thử chúng đọng lại trong tâm tưởng. Cổ nhiên, ở đây trước hết tôi nghĩ đến các cuộc nói chuyện chính trị.

Tôi muốn lưu ý bạn đọc rằng tôi thường tin tưởng vào trí nhớ của mình. Những lời trần thuật của tôi đã nhiều lần trải qua các kiểm nghiệm khách quan và đạt kết quả tốt. Tuy nhiên, ở điểm này tôi thấy cũng cần giải thích đôi chút. Nếu trí nhớ của tôi về địa thế - chưa kể đến trí nhớ về âm nhạc - là khá kém, còn trí nhớ thị giác cũng như ngôn ngữ học là khá bình thường thì trí nhớ của tôi về tư tưởng lại vượt xa mức trung bình. Và lại, trong cuốn sách này, các tư tưởng cùng sự phát triển của chúng và cuộc đấu tranh của con người cho các tư tưởng đó nói chung lại chiếm phần chủ yếu.

Quả thật, trí nhớ không phải là một cái máy đếm tự động. Nó cũng hoàn toàn không vô tư. Nhiều khi, nó làm nổi bật lên, hoặc nhận chìm vào ngõ tối những tình tiết bất lợi cho bản năng sinh tồn của nó, lắm lúc nó làm thế chỉ vì tự ái. Nhưng chuyện này lại thuộc về lĩnh vực "phân tâm học", một môn nhiều khi thâm thúy và bổ ích nhưng lắm lúc cũng thất thường và độc đoán.

Thiết nghĩ khỏi phải nói rằng tôi đã không ngừng kiểm tra hồi ức của mình bằng các tư liệu. Cho dù các điều kiện làm việc của tôi có khó khăn đến mấy - đây là nói về sự tìm tòi trong các thư viện và kho lưu trữ -, tôi vẫn có khả năng kiểm nghiệm lại những hoàn cảnh và những thời điểm trọng yếu nhất khi cần đến.

Kể từ năm 1897, tôi chiến đấu chủ yếu bằng ngòi bút. Thành thử, lịch sử đời tôi đã đọng lại trên

những trang in hầu như liên tục trong suốt ba mươi hai năm. Cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng trong đảng từ năm 1905 rất phong phú về mặt tinh tiết cá nhân. Không ai nương nhẹ những ngón đòn, kể cả tôi lẫn các đối thủ. Tất cả mọi điều này đã để lại dấu ấn trên báo chí. Từ ngày cách mạng tháng Mười diễn ra, lịch sử phong trào cách mạng chiếm vị trí đáng kể trong những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Xô-viết trẻ tuổi và các học viện lớn. Người ta tìm tòi tất cả những gì đáng chú ý trong các kho lưu trữ cách mạng, trong các ban ngành của cảnh sát Nga hoàng, rồi công bố chúng cùng với các chứng cứ hiển nhiên và chi tiết. Trong những năm đầu tiên, khi chưa cần phải che giấu hoặc nguy trang gì, công việc ấy đã được hoàn tất một cách hết sức tận tâm. Các tác phẩm của Lênin và một phần các tác phẩm của tôi được Nhà xuất bản Quốc gia ấn hành, mỗi tập lại kèm theo những chú giải đầy đủ và cần thiết về sự nghiệp của tác giả, cũng như về mọi sự kiện thuộc giai đoạn tương ứng. Dĩ nhiên, việc này giúp tôi thiết lập dễ dàng một mạng lưới thời gian chính xác và tránh được những sai lầm trong sự việc, ít ra là những sai lầm thô thiển nhất.

Không thể phủ nhận rằng cuộc đời tôi đã không hoàn toàn theo dòng chảy thường lệ. Nhưng, phải tìm những nguyên nhân của điều đó trong các hoàn cảnh thời đại chứ không phải trong bản thân tôi. Cổ nhiên, cũng có một số nét cá nhân trong những công việc tốt hay xấu mà tôi đã thực hiện. Có điều, trong những điều kiện lịch sử khác, những đặc tính cá nhân ấy có thể chìm đắm trong giấc ngủ ngon lành, cũng như vô số những thiên hướng và đam mê của con người, vốn không được môi trường xã hội đòi hỏi. Ngược lại, những yếu tố khác, hiện đương bị gạt bỏ hay đè nén, lại có thể được biểu hiện. Cái khách quan vượt lên cái chủ quan và cuối cùng nó trở thành nhân tố quyết định.

Sự nghiệp tích cực và có ý thức của tôi - bắt đầu từ năm tôi mười bảy, mười tám tuổi - nằm trong cuộc chiến đấu thường xuyên cho những tư tưởng nhất định. Trong đời tư của tôi, không có những sự kiện mà bản thân chúng đáng được công luận lưu ý. Mọi việc ít nhiều đáng chú ý trong quá khứ của tôi đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng và nhờ đó chúng trở nên có ý nghĩa. Đó là điều duy nhất chứng tỏ lý do tại sao tôi công bố cuốn hồi ký của mình.

Nhưng nguồn gốc một số khó khăn nhất định cho tác giả cũng xuất phát từ đây. Những sự việc thuộc đời tư của tôi hòa quyện với những sự kiện lịch sử đến nỗi khó tách rời chúng khỏi nhau. Tuy nhiên, cuốn sách này không phải là một luận văn về đề tài lịch sử. Tôi lựa chọn các sự kiện không theo ý nghĩa khách quan của chúng, mà theo một chuẩn mực: chúng liên quan đến mức nào tới những vụ việc thuộc đời tư tôi. Thành thử, không có gì lạ nếu trong khi phân tích một số sự kiện và cả những giai đoạn, tôi đã không tuân thủ tỉ lệ phải có đối với một công trình nghiên cứu lịch sử. Tôi đành phải lần mò, dùng kinh nghiệm để tìm ra ranh giới giữa một cuốn tự truyện và một tác phẩm lịch sử viết về cách mạng. Không để lẫn lộn việc miêu tả đời người vào một cuốn sách nghiên cứu lịch sử, nhưng tôi lại phải giúp người đọc nắm bắt được quá trình phát triển xã hội. Xuất phát từ giả thiết độc giả đã biết các nét cơ bản của những sự kiện lớn, tôi chỉ cần giúp họ bổ sung trí nhớ bằng cách nhắc lại ngắn gọn sự kiện lịch sử theo thứ tự của chúng.

Khi cuốn sách này ra đời, tôi sẽ tròn năm mươi tuổi. Ngày sinh của tôi trùng lặp với ngày cách mạng tháng Mười. Các nhà thần bí học và các đồ đệ của Pitago [Pythagore] muốn rút ra từ đó những kết luận gì, tùy họ. Bản thân tôi chỉ nhận ra sự trùng hợp kỳ lạ này ba năm sau cách mạng tháng Mười. Cho đến năm lên chín, tôi sống tại một vùng quê hẻo lánh xa xôi và không bước chân khỏi đó bao giờ. Trong tám năm tiếp tới, tôi theo học trung học. Một năm sau khi ra trường, tôi bị bắt lần đầu. Như rất nhiều người cùng thời với tôi, trường đại học của tôi là nhà tù, là lưu đày và biệt xứ. Tôi bị giam hai lần trong các nhà tù của Nga hoàng, tổng cộng bốn năm. Tôi bị đi đày lần thứ nhất gần hai năm và lần thứ hai vài tuần. Hai lần tôi trốn khỏi Xibêri. Tôi sống lưu vong hai lần, cả thảy mười hai năm tại nhiều nước châu Âu, châu Mỹ - hai năm trước cách mạng năm 1905 và gần mười năm sau khi cuộc cách mạng này bị đè bẹp. Trong chiến tranh, năm 1915 tôi bị xử tù vắng mặt tại nước Đức của triều đại Hôhendôlécno [Hohenzollern]. Năm sau, tôi bị trục xuất từ Pháp qua Tây Ban Nha, ở đây sau khi bị giam ít ngày tại nhà tù Madrid [Madrid] và qua một tháng quản thúc của cảnh sát Cadix [Cadix], tôi bị tổng sang Mỹ. Tôi được tin về cuộc cách mạng tháng Hai ở đó. Tháng Ba 1917, trên đường từ Niu Oóc [New York] trở về nước, tôi bị người Anh bắt và giam một tháng trong trại tập trung ở Canada. Tôi đã tham gia các cuộc cách mạng 1905 và 1917 và từng là chủ tịch Xô-viết Pêtécbuva [Péttersbourg] năm 1905, rồi 1917. Tôi trực tiếp tham gia cách mạng tháng Mười và là thành viên của chính phủ Liên Xô. Với tư cách dân ủy Ngoại giao, tôi đã dẫn đầu các cuộc thương thuyết hòa bình ở Bôrét-Litôpxơ [Brest-Litovsk] với các phái đoàn Đức, Áo-Hung, Thổ Nhĩ Kỳ và Bungari [Bulgarie]. Trên cương vị dân ủy Quốc phòng và Hải quân, trong vòng năm năm, tôi đã tổ chức Hồng quân và phục hồi Hạm đội đỏ. Trong năm 1920, ngoài những công việc trên, tôi còn chỉ đạo hệ thống đường sắt, hồi ấy đang ở trong tình trạng khốn đốn.

Nhưng, không kể những năm nội chiến, phần chủ yếu của đời tôi là công tác đảng và viết văn.

Năm 1923, Nhà xuất bản Quốc gia tiến hành in toàn tập những tác phẩm của tôi. Họ đã ấn hành được mười ba tập, ngoài năm tập sách về quân sự được in trước đó. Việc xuất bản bị ngừng lại vào năm 1927, khi những cuộc khủng bố chống "chủ nghĩa trót-kít" đặc biệt trở nên kịch liệt.

Tháng Giêng 1928, tôi bị đi đày bởi chính phủ Xô-viết hiện tại. Tôi trải qua một năm ở biên giới Trung Quốc, rồi tháng 2-1929 tôi bị trục xuất đi Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi viết những dòng này ở Cônxtantinốp.

Dù có được trình bày một cách phác thảo như trên, cuộc đời tôi cũng không đơn điệu. Trái lại, nếu chỉ dựa vào số lượng những bước ngoặt, những tình huống bất ngờ, những xung đột gay go, những bước thăng trầm, có thể nói cuộc đời ấy có quá nhiều chuyện "ly kỳ". Tuy nhiên, xin được nói rằng không bao giờ tôi tự tìm kiếm những chuyện ly kỳ ấy. Trong những thói quen của mình, tôi là người mô phạm và bảo thủ thì đúng hơn. Tôi thích và biết đánh giá tính kỷ luật và hệ thống. Và hoàn toàn không phải là nghịch lý khi nói rằng tôi không dung thứ được sự lộn xộn và phá hoại. Đó là sự thực. Tôi luôn là một học sinh rất chăm chỉ và cẩn thận, hai đức tính ấy được tôi giữ gìn trong suốt cuộc đời sau này. Trong những năm nội chiến, khi vượt qua những chặng đường dài gấp nhiều lần đường xích đạo trên xe hỏa, tôi vui mừng mỗi khi trông thấy một hàng rào mới được gọt đẽo từ những tấm gỗ bách tươi. Biết tôi có sở thích đó, Lênin đã thân mật chế giễu tôi vài lần. Một cuốn sách hay làm tôi có thể tìm thấy những tư tưởng mới, một cây bút tốt giúp tôi truyền bá các suy nghĩ riêng tư đến người khác - đối với tôi đã và đang là những kết quả đáng quý và gần gũi nhất của nền văn hóa. Tôi chưa bao giờ hết ham muốn học hỏi và nhiều lần trong đời, tôi có cảm tưởng cách mạng đã cản trở tôi làm việc có phương pháp. Vậy mà tôi vẫn dành gần một phần ba thế kỷ trong cuộc đời có ý thức của mình cho cuộc đấu tranh cách mạng và nếu cần phải làm lại, tôi sẽ đi lại con đường ấy mà không ngần ngại.

Tôi viết những dòng này trong cảnh lưu đày lần thứ ba trong đời, giữa lúc các bạn bè thân thiết nhất bị đày ải và tù tội trong nước Cộng hòa Xô-viết mà họ đã góp phần quyết định để xây dựng nên. Một vài người trong số họ đã do dự lùi bước, đã đầu hàng địch thủ. Người thì vì cạn kiệt trữ lượng tinh thần; kẻ bởi không tìm thấy lối thoát trong cái thiên la địa võng của hoàn cảnh; số còn lại bởi sự o ép về vật chất. Đã hai lần tôi thấy quần chúng rời bỏ ngọn cờ chiến đấu: sau thất bại của cách mạng năm 1905 và khi Thế chiến nổ ra. Từ một khoảng cách khá gần, bằng kinh nghiệm bản thân, tôi biết các cao trào và thoái trào của lịch sử, tôi biết chúng bị những quy luật tự thân chi phối, không thể nhanh chóng biến cải chúng chỉ bằng sự nóng vội. Tôi đã quen tìm kiếm triển vọng của lịch sử không thông qua góc độ số phận cá nhân mình. Bản phận hàng đầu của người cách mạng là nhận biết tính hợp lý của những sự kiện và tìm thấy chỗ đứng cho bản thân trong đó. Và đây cũng là niềm thỏa mãn cá nhân cao nhất với một kẻ tự cảm thấy còn bản phận với ngày hôm nay.

Lép Tróttxki

Prinkipô ngày 14 tháng Chín 1929

CHƯƠNG I

IANÓPCA

Người ta nói tuổi thơ là thời gian hạnh phúc nhất của cuộc đời. Có phải lúc nào cũng vậy không? Không, chỉ ít người có tuổi thơ hạnh phúc. Sự lý tưởng hóa tuổi thơ bắt nguồn từ nền văn học cũ của những kẻ có đặc quyền, đặc lợi. Một tuổi thơ được đảm bảo, đầy đủ, được cung phụng và đùa chơi thỏa thích, không gợn một bóng mây, trong những gia đình thế tập giàu có và học thức - đọng lại trong ký ức như một bãi cỏ nhỏ bên bia rừng thưa ngập ánh nắng ở bước đầu của đường đời. Các lãnh chúa lớn trong văn chương hoặc những ca sĩ bình dân của họ đã tụng ca cái ý tưởng về tuổi thơ thắm nhuần màu sắc quý tộc ấy. Trái lại, nếu có lúc nhìn lại phía sau, đại đa số chỉ thấy một tuổi thơ tăm tối, bần cùng, vất vưởng. Cuộc sống đánh vào kẻ yếu và còn ai yếu hơn lũ con trẻ?

Vào thuở đầu đời, tôi không bị đói và rét. Khi tôi ra đời, cha mẹ tôi đã khá giả. Nhưng đây là thứ no đủ ngặt nghèo của những con người vừa đi lên từ cảnh túng bần và không muốn dừng lại giữa chừng. Căng thẳng đến từng cơ bắp, mọi ý nghĩ đều hướng về công việc và tích lũy. Trong guồng sống ấy, phần dành cho trẻ con là quá ít. Chúng tôi không thiếu thốn, nhưng cũng không được biết đến sự hào phóng và

chiều chuộng của cuộc sống. Tuổi thơ không sống trong tôi như một cánh rừng thưa tràn ánh nắng như trong tâm trí một số ít ỏi; cũng không phải là hang sâu âm đạm của đói khát, bạo lực và nhục mạ như tình cảnh thời niên thiếu của nhiều người, của đa số. Đó là những năm tháng thơ ấu xám xịt trong một gia đình tiêu tư sản tại vùng nông thôn hẻo lánh, nơi thiên nhiên thì khoáng đạt nhưng phong tục đạo đức, cách nhìn và nỗi quan tâm thì quá sâu thẳm và hạn hẹp.

Bầu không khí tinh thần bao trùm lên những năm đầu của đời tôi và bầu không khí sau này, khi tôi đã sống một cách có ý thức, là hai thể giới riêng biệt, chẳng những cách nhau bởi vài thập niên và nhiều biên giới quốc gia mà còn bởi những cạnh sắc hiểm trở của các sự kiện lớn và những sụt lở nội tại, khó thấy hơn, nhưng không phải không đáng kể đối với một cá nhân. Lần đầu tiên khi phác họa những kỷ niệm này, nhiều lúc tôi cảm thấy dường như không phải tôi miêu tả thời thơ ấu của bản thân, mà chính là miêu tả về một chuyến du hành thời xưa cũ tại một xứ sở xa xăm. Tôi cũng đã thử nói về mình ở ngôi thứ ba. Nhưng cái hình thức giả tưởng ấy dễ rơi vào thứ văn chương thuần túy và đó là điều tôi muốn tránh trước nhất.

Mặc dầu có mâu thuẫn giữa hai thể giới kể trên, cá tính thống nhất chuyển từ thế giới này sang thế giới kia qua những đường mòn bí mật. Điều đó cắt nghĩa tại sao, nói chung, người ta chú ý đến tiểu sử và tự truyện của những người đã có một vị trí lớn trong đời sống xã hội, vì lý do này khác. Bởi thế, tôi sẽ cố kể lại chi tiết hơn về thời thơ ấu và những năm tháng đi học của tôi, không tìm cách báo trước hoặc suy đoán, nghĩa là không bắt các sự việc phải tuân theo những tổng quát hóa mang tính tiên nghiệm. Một cách đơn giản, tôi thuật lại như sự việc đã xảy ra và như ký ức còn lưu lại về quá khứ.

Đôi khi, hình như tôi còn nhớ được cả những lúc tôi ôm chầm lấy bầu vú mẹ. Nhưng chắc hẳn là tôi đã mơ về mình những điều tôi nhìn thấy ở các đứa trẻ khác. Tôi có những kỷ niệm mơ hồ về một cảnh đã diễn ra dưới một cành táo tây trong vườn khi tôi mới được một tuổi rưỡi. Nhưng ký ức ấy cũng chẳng đáng tin là bao. Sự việc sau cũng khắc sâu trong trí nhớ tôi: tôi ở Bôbrinhét [Bobrinetz] với mẹ tôi, trong gia đình X., ở đây có một con bé lên hai hoặc ba tuổi. Người ta gọi tôi là "chú rể" và con bé là "cô dâu". Hai đứa chơi đùa trên chiếc sàn được quét sơn trong phòng khách. Rồi con bé biến đâu mất để thằng bé trở lại một mình, bản thân tựa vào chiếc tủ con nhiều ngăn như người trong cơn mơ. Mẹ tôi trở lại với bà chủ nhà. Người mẹ nhìn thằng bé và thấy gần nó có một bãi nước nhỏ. Rồi bà lại nhìn đứa con, lắc đầu về trách móc và bảo nó:

- Con không thấy xấu hổ à?...

Thằng bé nhìn mẹ rồi nhìn lại mình, sau đó liếc vũng nước như một cái gì không liên quan đến nó.

- Không sao, không sao cả - bà chủ nhà nói -, trẻ con mãi chơi là chúng quên hết ấy mà.

Chú bé chẳng cảm thấy xấu hổ hay hối hận gì. Chú độ mấy tuổi vào thời ấy nhỉ? Có thể hai, cũng có thể ba tuổi.

Cũng trong thời gian ấy, một lần đi dạo với chị bảo mẫu trong vườn, chúng tôi gặp phải một con rắn lục.

- Này, Liôva [Liova], nhìn kia kia - chị chỉ cho tôi một vật gì lấp lánh trong cỏ và nói. - Có một cái hộp thuốc lá được vùi ở đây này.

Chị cầm một cái que và đào bới chiếc hộp. Chị ấy cũng chưa quá mười sáu tuổi. Cái hộp đựng thuốc lá duỗi ra và biến thành một con rắn, trườn trên đám cỏ rồi kêu phì phì.

- i chà, ối chà!

Chị bảo mẫu hét lên, kéo tay tôi và bỏ chạy. Vất vả lắm tôi mới theo kịp. Sau đó, chúng tôi kể đến không kịp thở về chuyện xảy ra.

Tôi còn nhớ một cảnh diễn ra từ thời niên thiếu trong nhà bếp của "ông bà chủ". Cả cha lẫn mẹ tôi đều vắng nhà. Trong gian bếp, ngoài những người ở và các chị đầu bếp còn có khách khứa của họ. Alékhxandơ [Alexandre], anh của tôi về nghỉ hè cũng quanh quẩn ở đây. Anh thượng cả hai chân lên một cái xeng gỗ như người đi thăng bằng trên đôi cựa kheo và cứ thế, anh nhảy liên hồi trên nền đất nện của nhà bếp. Tôi nài anh cho tôi chơi với, nhưng vừa trèo lên thì đã bị ngã và òa khóc. Anh đỡ tôi dậy và bế tôi khỏi bếp.

Chắc tôi phải lên bốn khi được ai đó đặt lên lưng một con ngựa cái lớn, lông xám, hiền như một con cừu, không yên cương, chỉ sơ sai một đoạn dây thừng để làm "phanh". Choạng hai chân, hai tay tôi nắm lấy bờm ngựa. Con ngựa cái từ từ đưa tôi đến một cây lê và đi qua dưới một cành vượn ngang tầm bụng tôi. Chẳng hiểu sao tôi trượt khỏi hông ngựa và ngã sòng xoài xuống cỏ. Tôi không thấy đau nhưng nhón nhác.

Thời thơ ấu, tôi hầu như không có những thứ đồ chơi phải đi mua. Chỉ một lần mẹ đem về cho tôi một con ngựa bằng giấy bồi và một quả bóng từ Kháccốp [Kharkov]. Tôi chơi búp bê với em tôi bằng những đồ tự làm. Một lần, các em gái của cha tôi, cô Phênhia [Fénia] và cô Raixa [Raissa] làm cho chúng tôi mấy con búp bê bằng vải vụn rồi cô Phênhia nguệch ngoạc vẽ mắt, miệng và mũi cho chúng. Những con

búp bê ngày ấy đối với tôi thật khác thường, đến nay tôi còn nhớ chúng.

Một tối mùa đông, người thợ máy của chúng tôi, anh Ivan Vaxiliêvich [Ivan Vassiliévitch] cắt bia và dán lại thành một toa tàu có cả cửa sổ và bánh xe cho tôi. Anh tôi về nghỉ lễ Giáng sinh, lập tức tuyên bố anh cũng có thể làm một toa tàu như thế trong nháy mắt. Rồi anh liền bóc cả toa tàu của tôi, lòi thước, bút chì và kéo ra, anh vẽ hồi lâu và sau khi cắt theo vạch kẻ thì thấy các mảnh của toa tàu không khớp với nhau.

Nhiều lần, họ hàng hoặc người quen của chúng tôi lên thành phố, họ hỏi tôi muốn quà gì từ Êlidavétgorát [Elisavetgrad] hoặc Nhicôlaiép [Nikolaiev]. Khi ấy mắt tôi sáng lên. Xin cái gì bây giờ? Thường người ta góp ý kiến ngay với tôi. Người thì đồ chơi con ngựa, người thì sách, người bút chì màu, người giày trượt tuyết. Và tôi trả lời: "giày trượt tuyết nửa-Heliphécxơ [Halifax]" vì đã nghe anh tôi nói đến thứ đó. Nhưng những kẻ hứa hẹn quên bằng lời hứa ngay từ khi bước chân khỏi cửa. Tôi thì nuôi hi vọng hàng tuần và sau đó còn đau khổ rất lâu vì thất vọng.

Một con ong đậu lên bông hướng dương trong khu vườn nhỏ có rào dậu. Tôi biết loài ong đó nên thận trọng, thế là tôi bứt một chiếc lá nguru bàng và dùng lá ấy để bắt con ong bằng hai ngón tay. Đột nhiên, tôi cảm thấy đau buốt không chịu nổi. Tôi rống lên và chạy đến nhà xưởng tìm Ivan Vaxiliêvich. Anh nặn nọc ong ra và lấy thuốc nước bôi vào ngón tay tôi.

Ivan Vaxiliêvich có một cái lọ, vốn để đựng quả ngâm trong đó anh chứa những con nhện sói trong dầu hướng dương. Người ta cho đó là thứ thuốc tốt nhất để chữa những vết cắn. Tôi cũng đi bắt nhện sói cùng Vichia Ghécôpanốp [Vitia Gertopanov]. Muốn bắt được chúng, phải buộc một cục sáp vào một sợi chỉ vòng xuống hố nhện. Chú nhện bám cả tám chân vào sáp và bị dính luôn ở đó. Rồi chỉ còn việc tống nó vào một bao diêm rỗng. Nhưng có lẽ việc đi bắt nhện sói phải thuộc về thời kỳ muộn hơn.

Tôi nhớ vào một buổi tối dài mùa đông, cạnh chén trà, người lớn nói về việc họ đã mua Ianovka [Ianovka] trong hoàn cảnh và thời điểm nào, khi ấy bọn trẻ lên mây và Ivan Vaxiliêvich đến làm việc cho chúng tôi từ hồi nào. Mẹ tôi nói "chúng ta đã mang sẵn Liôva từ trại về đây" và bà ranh mãnh nhìn tôi. Tôi suy nghĩ và hỏi: "Vậy con sinh ra ở trại à?". "Không - mọi người trả lời. - Con sinh ra ở đây, ở Ianópca".

- Vậy sao mẹ lại bảo con đã có sẵn ở trại và chỉ cần đưa con về đây?...

- Thế là mẹ nói đùa đấy...

Tôi không hài lòng lắm về câu trả lời và suy nghĩ: sao lại kỳ quặc thế? Nhưng tôi im lặng vì nhìn thấy trên nét mặt mọi người cái cười đặc biệt của những kẻ đã biết chuyện, cái cười tôi không thích chút nào.

Thời gian được tính từ kỷ niệm những buổi uống trà đêm đông như thế. Tôi sinh vào tháng Mười, ngày 26. Như vậy cha mẹ tôi đã rời trại đến Ianópca vào mùa xuân hoặc mùa hạ năm 1879.

Tôi ra đời vào năm những quả tạc đạn đầu tiên làm rung động chế độ Nga hoàng. Một chính đảng khủng bố mang tên Tự do Nhân dân hình thành trước đó ít lâu - hai tháng trước khi tôi sinh - đã tuyên án tử hình Nga hoàng Alécxandơ Đệ nhị (ngày 26 tháng Tám 1879). Vụ mưu sát bằng bom vào đoàn tàu của Nga hoàng được tổ chức ngày 19 tháng Mười một. Một cuộc chiến khủng khiếp bắt đầu, dẫn đến cái chết của Alécxandơ Đệ nhị ngày 1 tháng Ba 1881 nhưng cũng khiến đảng Tự do Nhân dân bị tiêu vong.

Chiến tranh Nga-Thổ kết thúc trước đó một năm. Tháng Tám 1879, Bítxmác [Bismarck] đặt nền móng cho Liên minh Áo-Đức. Cũng vào năm ấy, Dôla [Zola] xuất bản cuốn tiểu thuyết *Nana* trong đó hoàng thân xứ Ganlơ [Galles] đương thời - người tổ chức tương lai của Liên minh - được thể hiện như một kẻ hâm mộ các nàng diễn viên ca kịch. Luồng gió phản động - thổi càng mạnh trong nền chính trị Âu châu, kể từ chiến tranh Pháp-Đức và sau thất bại của Công xã Pari [Paris] - vẫn chưa hề giảm. Ở Đức, đảng Xã hội Dân chủ khốn khổ dưới đạo luật đặc biệt của Bítxmác. Năm 1879, Víchto Uygô [Victor Hugo] và Lui Blăng [Louis Blanc] đệ đơn lên Quốc hội Pháp đòi ân xá cho các chiến sĩ Công xã.

Nhưng những cuộc tranh cãi nghị trường, những tin tức ngoại giao, hoặc thậm chí những vụ nổ mìn cũng không có tiếng vang đến làng Ianópca, nơi tôi sinh ra và trải qua chín năm đầu đời. Trong các thảo nguyên mênh mông của chính phủ Khécxôn và cả vùng Nôvôrôtxítxơ [Novorossisk], vương quốc của lúa mì và lũ cừu vẫn sống theo những luật lệ riêng. Nhờ không gian bao la và đường xá tồi tệ, nó được cách ly vững vàng khỏi sự xâm lấn của chính trị. Các gò mộ trên thảo nguyên còn lại như các cột mốc ghi dấu thời đại của những làn sóng di cư lớn.

Cha tôi là nhà nông, lúc đầu nghèo thôi, nhưng sau này khá giả hơn. Khi còn rất trẻ, ông đã theo gia đình rời một khu dân cư Do Thái vùng Pôntava [Poltava] đi lập nghiệp trong vùng thảo nguyên mênh mông miền Nam. Thời đó tại các vùng Khécxôn và Êcacherinôtxláp [Ekaterinoslav], có gần bốn mươi tụ điểm quần cư nông nghiệp Do Thái với dân số chừng hai mươi lăm ngàn người. Các nhà nông Do Thái sống bình đẳng với những nông dân, chẳng những trong pháp luật (cho đến năm 1881) mà còn cả trong sự khốn cùng. Tích lũy ban đầu được kiếm bằng cố gắng không mệt mỏi, lao động cật lực không nương nhẹ bản thân và người khác, cứ thế cha tôi ngày càng đi lên.

Tại trại Grômôcolây [Gromoklei], những chứng từ khai sinh không được ghi chép cẩn thận cho lắm. Nhiều thứ chỉ được ghi nhận về sau này. Trước khi vào trường trung học, gia đình tôi mới hay rằng tôi không đủ tuổi vào lớp một, thế là thay cho 1879, năm sinh của tôi được ghi vào giấy khai sinh là 1878. Bởi vậy lúc nào tôi cũng có hai ngày sinh: một ngày chính thức và một ngày của gia đình.

Trong chín năm đầu của cuộc đời, hầu như tôi không ra khỏi làng. Làng được gọi là Ianópca vì người ta mua nó của một địa chủ tên là Ianópcki [Ianovsky]. Ông lão Ianópcki, xưa là lính tron, sau leo được đến chức đại tá. Dưới triều Alécxandơ Đệ nhị, ông được lòng cấp trên và họ cho ông chọn năm trăm mẫu đất tại các vùng thảo nguyên hoang dã tại Khécxôn. Ông đại tá xây một nhà nhỏ bằng đất lợp mái rạ cùng một số công trình phụ đơn sơ tương tự trên thảo nguyên. Tuy nhiên, công việc làm ăn của ông không chạy. Sau khi ngài đại tá mất, gia đình ông đến ngụ cư tại Pôntava. Cha tôi đã mua hơn một trăm mẫu và ngoài ra còn thuê của nhà Ianópcki độ hai trăm mẫu nữa. Tôi còn nhớ rất rõ bà đại tá, một phụ nữ bé tí, khô quắt: cứ mỗi năm bà đến một hai lần để thu tiền thuê đất và xem mọi thứ có đâu vào đấy không. Người ta cho một xe ra đón bà ở nhà ga và khi bà đến, họ lại đặt một chiếc ghế để bà bước xuống để dàng khỏi toa xe có lò xo. Mãi sau này cha tôi mới có một chiếc xe ngựa bốn bánh, lúc ấy ông cũng đã có ngựa kéo. Chúng tôi nấu xúp gà và làm món trứng thết bà đại tá già. Đi dạo trong vườn với chị tôi, bà lấy những móng tay khô và nhỏ cào vào những cây ăn quả cho cháy nhựa rồi quả quyết rằng đó là thứ kẹo bánh ngon lành nhất.

Đất trồng tía của chúng tôi rộng ra, đàn ngựa và gia súc tăng lên. Chúng tôi thử nuôi giống cừu Mêrinôt [Mérinos] nhưng không thành công. Ngược lại chúng tôi có rất nhiều lợn. Được thả tự do trong sân, chúng lấy mỡ ủ tất cả đất đai xung quanh và cuối cùng phá tan thành vườn rau. Việc kinh doanh được tiến hành với một nỗ lực lớn nhưng theo phương thức cũ: người ta chỉ áng chừng được lỗ lãi từ đâu đến. Cũng vì thế mà khó đánh giá được tổng giá trị tài sản. Toàn bộ tiền của đều nằm trong đất, lúa mì, hạt và sản phẩm mà sản phẩm thì luôn nằm trong vựa hoặc trên đường đến các cảng. Đôi khi trong lúc uống trà hoặc ăn tối, cha tôi sực nhớ ra:

- À! Ghi lấy cái này cho tôi, tôi đã cầm trước 1300 rúp của ông cầm đồ, trích 660 rúp gửi cho bà đại tá, 400 cho Đembópcki [Dembovsky], ghi luôn vào đó là tôi đã đưa 100 rúp cho Phêôđôxia Antônópna [Féodosia Antonovna] vào mùa xuân, khi tôi ở Êlídavétgôrát.

Công việc kê toán sổ sách đại khái được làm như thế. Tuy nhiên, dần dà nhưng kiên nhẫn, cha tôi vẫn cứ đi lên.

Chúng tôi ở trong cái nhà đất nhỏ do ông đại tá già xây. Mái nhà bằng rạ chia ra và dưới đó có vô số tổ chim sê. Tường bị nứt nẻ phía mặt ngoài và rần rết làm tổ trong những kẽ nứt này. Lầm lúc người ta tưởng đó là rần lục và lấy ấm xa-mô-va rót nước sôi vào kẽ hở, nhưng vô ích. Những ngày mưa to, trần nhà bị dột, nhất là ở hàng hiên: người ta đặt trên nền đất nện chén, bát và chậu để hứng. Các căn phòng đều nhỏ với những cửa sổ tối tăm. Trong hai phòng ngủ và phòng của trẻ con, sàn đất là nơi sản sinh vô số bọ chết. Phòng ăn được lát gỗ và cọ bằng cát vàng mỗi tuần một lần. Gia đình tôi mời bà đại tá ở trong một căn phòng sàn bóng nhoáng, dài chừng tám bộ, được gọi một cách long trọng là "phòng khách".

Trong khu vườn bao quanh nhà có hoa keo vàng, hoa hồng bạch và hồng nhung, mùa hè thêm hướng dương. Sân không được rào dậu. Tòa nhà lớn lợp ngói do cha tôi xây bằng đất sét gồm xương, nhà bếp của chủ và phòng cho người ở. Rồi đến cái vựa "tiêu", vựa "đại" đều lát gỗ và cuối cùng là cái vựa "mới" để đựng thóc. Tất cả đều lợp lau sậy. Để nước không rò vào và hạt không lên men, cả ba vựa đều được xây trên những bệ đá. Khi trời quá nóng hoặc quá lạnh, bọn chó, lợn và gia cầm trốn biệt vào đó. Lũ gà mái tìm thấy ở đây chỗ kín đáo để giấu trứng. Nhiều lần tôi phải bỏ giữa những hàng đá để moi trứng ra ngoài: người lớn không chui vừa vào đây. Trên nóc của vựa thóc lớn, thường xuyên có vạc đến làm tổ. Gió mỏ đỏ lên trời, chúng nuốt chửng rần rết và éch nhái, nom thật dễ sợ! Con rần run rẩy cựa quậy ngoài mỏ chim và trông cứ như là nó ăn con vạc từ bên trong ra.

Vựa được chia ra thành những ngăn đựng lúa mì mới thơm phức, hạt đại mạch nhọn xù xì, hạt lanh dẹt dính gần như chảy nước, hạt cườm có ánh xanh đen, yến mạch tinh và nhẹ. Không phải lúc nào cũng vậy, nhưng khi có khách đến, người ta cho lũ trẻ em chơi trốn tìm cả ở trong vựa. Lách qua vách, tôi trèo lên đồng lúa mì cao và lặn xuống phía bên kia. Khép mình đến đầu gối, tôi trùng khuỷu tay trong cái đồng di động; hạt lúa mì chui vào đôi giày thường là rách nát của tôi và lùa cả vào tay áo. Cửa vựa được đóng và ai đó đã treo lên đó một ổ khóa nhưng không quay chìa để đánh lùa: luật chơi được đặt ra như vậy. Tôi nằm dài trong vựa lúa tươi mát, chìm vào đồng hạt mì hít thở bụi thực vật và nghe Xênhia [Sénia] V. - hoặc Xênhia Gi-xki hoặc Xênhia X. hoặc chị Nida [Nisa] của tôi hoặc ai đó nữa - lần lượt tìm ra những kẽ nắp trốn, nhưng không sao tìm ra tôi đang vui trong đồng lúa mì tươi.

Chuồng ngựa và bò, chuồng lợn và sân nuôi gà ở phía bên kia của nhà ở, tất cả được nhào trát tạm bợ bằng đất sét, cảnh nho và rom rạ. Cách nhà chừng một trăm bước có một giếng với cái cần vọt chìa cao

lên trời. Sau nữa là dòng suối mà nông dân thường lấy nước tưới rau. Hàng năm, cứ vào mùa xuân, nước lớn lại làm trôi mất đập, phải củng cố nó bằng rơm, đất và phân. Có một chiếc cối xay trên gò cao ngay bên bờ suối. Một cái lán được tiện bằng gỗ phiến chứa chiếc máy hơi nước mười mã lực và một đôi trục lăn. Thời thơ ấu của tôi, phần lớn thời giờ mẹ tôi làm việc ở đây. Cối xay không chỉ phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình tôi mà còn cho cả vùng lân cận. Nông dân ở xa từ mười đến mười lăm dặm mang lúa mì đến đây thuê xay và trả công gia đình tôi bằng một phần mười số lượng. Vào thời kỳ cao điểm, trước khi đập lúa, cối xay làm việc hai mươi tư trên hai mươi tư tiếng mỗi ngày và khi tôi biết đếm, biết viết, thỉnh thoảng tôi phải cân các bao lúa mì và tính xem cần trả lại bao nhiêu bột cho những nông dân mang mì đến. Trong vụ gặt, người ta đóng cửa cối xay và dùng động cơ hơi nước để đập lúa. Sau này, có một động cơ cố định đặt tại nhà và nhà cối xay được xây lại bằng đá, lợp phiến thạch. Căn nhà đất của ông bà chủ cũng được thay thế bằng một nhà lớn bằng gạch, lợp tôn. Nhưng những việc này chỉ xảy ra vào năm tôi gần mười bảy tuổi. Trong kỳ nghỉ cuối tuần, tôi tính toán khoảng cách giữa các cửa sổ và kích thước các cửa lớn cho ngôi nhà tương lai, nhưng không sao ra kết quả. Khi về làng lần sau, tôi thấy đã có móng đá. Số phận không cho tôi được ở trong căn nhà này. Ngày nay, tại đó có một trường học Xô-viết...

Những người nông dân có khi phải chờ đợi nhiều tuần liền ở cối xay. Ai ở gần thì đặt các bao của họ theo thứ tự rồi quay về nhà. Những kẻ ở xa sống trên xe của họ, ngày mưa gió họ nằm trên các bao bì trong nhà cối xay. Có lần một khách hàng thấy biến mất cái dây cương. Ai đó thấy một gã thiếu niên không thuộc vùng này rình mò quần quanh bên con ngựa. Thế là họ lục lọi cỗ xe ngựa của bỏ nó và thấy chiếc dây cương giấu dưới cỏ khô. Cha đưa bé, một nông dân râu ria xồm xoàm, tính tình cau có, quay về hướng Đông khoát tay làm dấu và thề rằng chỉ có cái thằng trời đánh, cái thằng sông tù ấy mới làm chuyện này, rồi ông ta sẽ rút ruột thằng vô lại. Nhưng chẳng ai tin. Người nông dân tóm cổ thằng bé, hất nó xuống đất và vục lấy vục để vào người nó bằng cái dây cương ăn cắp. Nấp sau lưng người lớn, tôi nhìn quang cảnh ấy. Thằng bé gào la thề sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Quanh nó đám đông đứng lặng lẽ, thờ ơ với tiếng kêu la của thằng bé, họ hút thuốc lá và nói lầm bầm dưới bộ râu rằng người nông dân không đánh thực sự, lão ta vờ vĩnh thôi và lẽ ra phải nện cả ông bố nữa.

Sau lán và chuồng trại là những kho đựng lúa, mái dài hàng hai, ba chục xaghen [sagenet], cái bằng lau sậy, cái bằng rơm rạ, dựa trên những cột đặt ngay ở nền đất không có bức tường chống nào. Người ta đổ hàng đồng hạt trong những kho ấy và cho chạy máy quạt gió hay máy sàng vào những ngày mưa gió. Phía sau các mái che là sân đập lúa mì. Bên kia khe nước là một khu được bao quanh cho gia súc, lổn nhổn đầy phân khô.

Tất cả thời thơ ấu của tôi đều gắn liền với căn nhà nhỏ của ông đại tá và chiếc ghế đi-văng cũ trong phòng ăn. Tôi ăn trưa, ăn tối, chơi búp bê với em tôi và sau này, tôi đọc sách trên cái đi-văng ốp gỗ dán màu gụ ấy. Lốp vô bọc bị thủng hai chỗ. Lỗ nhỏ nằm về phía chiếc ghế bành của Ivan Vaxiliévich và lỗ to ở chỗ tôi ngồi, cạnh cha tôi.

Ivan Vaxiliévich nói:

- Đã đến lúc cần bọc lại nó bằng ni mới.

- Đáng ra phải làm việc này từ lâu rồi - mẹ tôi đáp -, chúng ta đã không bọc lại nó từ năm người ta sát hại Nga hoàng.

Cha tôi chống chế:

- Chà, cứ đến cái thành phố chết tiệt ấy là phải chạy ngược chạy xuôi, người xà-ích cáu kỉnh, thế là chỉ còn nghĩ đến chuyện chuồn cho le, quên khuấy cả việc mua bán.

Xuyên ngang phòng ăn, dưới cái trần thấp là một giá gỗ không lò sơn trắng, trên đó đặt đủ mọi thứ: những đĩa thức ăn ngoài tầm nhảy của con mèo, đỉnh, dây rợ, sách vở, lọ mực nút bằng cục giấy, một chiếc bút cũ với cái ngòi đã han gỉ. Tôi không thiếu ngòi bút. Có những tuần tôi lấy con dao ăn gọt những chiếc ngòi gỗ để vẽ lại những chú ngựa mà tôi thấy trong các số báo ảnh *Niva* (Cánh đồng) cũ. Con mèo cái ở mãi trên cao tít, dưới trần nhà, nơi ống khói của lò sưởi nổi gồ lên. Nó đẻ và chăm sóc lũ con ở đó. Những khi quá nóng, nó cắn cổ những chú mèo con và lao xuống bằng một cú nhảy táo bạo. Tất cả những người khách cao lớn đến nhà chúng tôi đều bị đập đầu vào cái giá gỗ khi họ đứng dậy khỏi bàn ăn; vì thế, người ta có thói quen chỉ lên trần báo cho khách biết: "Cẩn thận, cẩn thận đấy".

Trong phòng khách, đáng chú ý hơn cả là một cây đàn cla-vo-xin chiếm ít nhất một phần tư gian nhà. Tôi không nhớ chúng tôi có nó từ bao giờ. Một bà địa chủ phá sản ở cách chúng tôi chừng 15-20 dặm chuyển lên thành phố và bán tổng tất cả đồ đạc. Chúng tôi mua của bà cái đi-văng, ba chiếc ghế kiểu thành Viên [Vienne] và cái đàn cla-vo-xin cũ, hỏng, để mãi trong nhà kho với bộ dây đứt. Cây đàn giá mười sáu rúp và được chở về Ianópca trên một chiếc xe bò. Khi người ta tháo dỡ nó ở trong xưởng, một đôi chuột chết được lôi ra từ dưới bàn hòa âm. Mùa đông năm ấy, trong nhiều tuần lễ liền, chiếc đàn cla-vo-xin chiếm cả căn xưởng. Ivan Vaxiliévich lau chùi, dán lại gỗ, đánh véc-ni cho nó, anh kiếm được một bộ dây mắc lên

đàn và chỉnh lại tiếng. Toàn bộ phím đàn được sửa lại và cuối cùng không thể kim được, cây đàn cũng lên tiếng dù hơi rè. Ivan Vaxiliêvich chuyển những ngón tay thần diệu đã quen với phím đàn phong cầm của anh sang bàn phím cla-vo-xin, anh chơi bản *Camarinxcaia* [Kamarinskaia], một bản *Pónca* [Polka] và *Oh, Mein lieber-Augustin*. Chị cả tôi bắt đầu học nhạc. Đôi khi anh tôi cũng mở cò xuống cây đàn, anh đã học vĩ cầm vài tháng ở Élidavétgorát. Cuối cùng tôi cũng chơi vung vẩy một ngón tay dựa theo bản nhạc soạn cho vĩ cầm của anh tôi. Tôi không có "tai nhạc" và tình yêu của tôi với âm nhạc vĩnh viễn chỉ vô vọng và một chiều. Cũng trên cây đàn cla-vo-xin ấy, Môixây Kharitônôvich M-xki [Moisei Kharitonovitch M-sky], một người hàng xóm của chúng tôi đã trở tài bằng bàn tay phải "có thể biểu diễn hòa tấu dương cầm" của ông.

Mùa xuân, cái sân trở thành một biển bùn. Ivan Vaxiliêvich tự đẽo những đôi guốc gỗ, thực ra là những chiếc giày cao gót và tôi khoái trá nhìn anh bước đi từ cửa sổ, người cao lên đến gần nửa ácsin [arshin]. Chẳng bao lâu xuất hiện trong trang trại một cụ già làm nghề thuộc da. Hình như không ai biết tên ông. Ông đã hơn tám mươi tuổi. Đó là một cựu chiến binh thời Nhicôlai [Nicolas] Đệ nhất, đã từng phục vụ hai mươi năm trong quân đội. Dáng người to, vai rộng, râu và tóc trắng toát, đi đứng nặng nề khó khăn, ông đi đến cái lán nơi đặt xương đã chiến của ông. "Cái chân tôi nó yếu lắm rồi"- ông nói. Nhưng đã mười năm nay ông ca cẩm như thế. Ngược lại, bàn tay thuộc da của ông còn chắc hơn những gọng kim. Móng tay ông như những phím ngà, rất nhọn.

- Mày có muốn ông chỉ cho thấy Mátxcova [Mouscou] không? - ông già hỏi tôi.

Dĩ nhiên là tôi muốn. Ông già túm lấy tôi bằng đôi tay to lớn và nhấc bổng tôi lên. Những móng tay kinh khủng cạo vào tai làm tôi đau và cảm thấy nhục nhã. Dỡ dựa đôi chân, tôi đòi ông ta đặt xuống đất.

- Nếu mày không muốn thì thôi - ông già nói.

Dù cái, tôi cũng không chịu đi.

- Nay - ông già nói -, trèo thang lên cái lán này mà xem trên gác xép có gì.

Tôi cảm thấy có cạm bẫy và ngập ngừng. Số là trên gác xép, anh thợ phụ ở nhà máy xay Cônxtanchin [Konstantin] đang tiêu khiển với chị nấu bếp Cachiusa [Katioucha]. Cả hai đều đẹp, vui tính và lao động giỏi.

- Khi nào thì anh cưới Cachiusa? - bà chủ hỏi Cônxtanchin.

- Chúng con thấy cứ như thế này là hơn - Cônxtanchin đáp. - Muốn cưới phải mất đến chục rúp, thà mua cho Cachiusa đôi ủng còn hơn.

Mùa hè cháy bỏng, căng thẳng của thảo nguyên trôi qua với cường độ làm việc kinh khủng, với mùa gặt và thời lao khổ phải làm việc xa nhà; những ngày đầu của mùa thu gần đến, khi ấy chúng tôi tính số một năm lao động gần như khổ sai. Việc đập lúa đang độ khắt trương nhất. Mọi hoạt động dồn lại trên sân đập lúa, sau những nhà kho cách nhà chường một phần tư dặm. Một đám mây bụi trắng bay mù mịt trên sân. Thùng trống của máy đập kêu âm ỉ. Anh thợ xay Philip [Philippe] đeo kính đứng cạnh thùng. Bộ râu đen của anh đầy bụi xám. Người ta chuyên cho anh từng bó lúa từ xe bò, anh đỡ lấy mà không thèm nhìn, sau đó mở nút dây buộc, xòe bó lúa ra và thả vào thùng. Cái máy nuốt lấy cả ôm, lâu nhàu như con chó ngoạm được cục xương; những chiếc thùng rữ rom, gạt rom ra ngoài như chơi đùa. Trấu chạy về một phía theo ống dẫn, người ta cuộn nó về phía đụn lúa và tôi thì đứng ở cuối các tấm ván, tay nắm dây điều khiển. "Cẩn thận đấy con, kéo ngã!" - cha tôi la lên. Nhưng tôi đã ngã hàng chục lần rồi, khi thì vào rom, khi thì vào trấu. Đám mây bụi xám dày lên phía trên chiếc máy đập, cái thùng trống kêu âm ỉ, trấu chui vào áo sơ mi, vào mũi làm người ta hắt hơi lia lịa. "Kia Philip, từ từ chút!"- cha tôi kêu lên khi cái thùng trống gầm lên quá dữ tợn. Tôi nâng cây gậy lên nhưng tuột tay làm nó rơi thẳng vào một ngón tay. Con đau làm tôi tối tăm mặt mũi. Tôi lên lần đi để không ai trông thấy mình khóc rồi chạy về nhà. Mẹ tôi dội nước lạnh lên ngón tay tôi rồi lấy giẻ quấn lại. Nhưng con đau không giảm. Ngón tay mừng mù hành hạ tôi mất mấy ngày.

Những bao mì được chắt đầy các vựa lúa, các kho, chúng được xếp lên nhiều tầng và che vải bạt ngoài sân. Ông chủ cũng hay đích thân đứng cạnh nơi sàng sảy, giữa mấy trụ nhà và chỉ cho mọi người thấy phải quay bánh xe như thế nào để lùa trấu ra và sau đó chỉ cần hất gọn một cái là hạt gạo sạch rơi hết xuống thành đồng. Dưới các mái che và các lán được quây lại cho khuất gió, người ta quay máy sàng. Hạt lúa được làm sạch và chuẩn bị đem đi bán.

Dân buôn kéo đến, mang theo những chiếc bình bằng đồng và những cái cân đặt trong hộp đánh bóng cẩn thận. Họ xem thóc, đề nghị một giá và tìm cách đưa tiền đặt cọc. Chúng tôi tiếp đãi họ lịch sự, mời trà và bánh bích cốt với bơ nhưng không bán cho họ. Đây chưa phải là những khách sộp. Ông chủ đã vượt qua những hình thức buôn bán nhỏ. Ông có một mối giao hàng riêng tại Nhicôlaiép. "Hạt lúa có thể nằm đây một thời gian - cha tôi nói - Nó không đòi ăn đâu". Sau đó một tuần, chúng tôi thường nhận được thư, hoặc thỉnh thoảng điện tín, từ Nhicôlaiép: giá lúa mì đã lên năm cô-péck mỗi pút [poud]. "Thế là chúng ta đã được lợi một ngàn cácbôvantri [karbovantsi] - ông chủ hể hả - Tiền bắt được đấy!". Nhưng ngược lại,

cũng có khi giá cả đi xuống. Những sức mạnh huyền bí của thị trường thế giới cũng tìm đường tới tận Ianópca. Từ Nhicôlaiép về, cha tôi râu rĩ nói: "Người ta nói rằng... gọi là cái quái gì nhỉ... Áchentina [Argentina] năm nay xuất khẩu nhiều mì".

Làng mạc yên tĩnh vào mùa đông. Chỉ có cối xay và xưởng hoạt động hết công suất. Nhà được sưởi bằng rơm rạ do kẻ ăn người ở trong nhà mang lên, họ ôm từng bó lớn, roi vãi một phần dọc đường và cứ mỗi lần như thế họ lại phải quét lại. Thật là vui khi tổng rơm vào lò và nhìn chúng bốc cháy. Một hôm, bác Grigôri [Gregory] thấy tôi và em Ôlia [Olia] trong phòng ăn, xanh xao vì nhiễm độc than khí. Tôi quay cuồng giữa phòng và không thấy gì trước mặt, khi chú gọi, tôi lăn ra mê man bất tỉnh. Trong những ngày đông chúng tôi hay ở nhà một mình, nhất là khi cha tôi đi công chuyện và mọi thứ trong nhà đều vào tay mẹ tôi. Đôi khi vào lúc hoàng hôn, tôi và em gái tôi ngồi sát vào nhau trên ghế đi-văng, mắt mở to và không dám cử động vì sợ. Thình thoảng từ bên ngoài băng giá, một bóng người khổng lồ lao vào căn nhà ăn tôi tắm trong chiếc áo da đồ sộ, cổ to lật ngược, mũ bê-rê, găng tay, ủng dạ chạm vào nhau ken két, râu ria dính những mảnh băng và cất giọng oang oang trong bóng tối: "Chào cả nhà!". Chúng tôi kê vai nhau, chết lặng trong một góc đi-văng và không dám đáp lại. Khi ấy, người khổng lồ châm một que diêm và phát hiện ra chúng tôi. Hóa ra là một ông hàng xóm. Thình thoảng, không chịu đựng nổi nỗi cô đơn trong phòng ăn, bắt chập trời băng giá, tôi chạy ra phòng ngoài, mở cửa và nhảy lên viên đá lớn phẳng trước thềm; từ đó tôi gào vào bóng tối: "Masoca [Machka], Masoca! Về phòng ăn, về ngay phòng ăn!" - cứ như thế nhiều lần, rất nhiều lần, vì Masoca bận nhiều việc ở nhà bếp, nhà người ở và những nơi khác. Cuối cùng mẹ tôi từ nhà cối xay về, bà thấp đèn lên và mang ra một cái ấm xa-mô-va.

Buổi tối chúng tôi thường ở trong phòng ăn cho đến khi thấy buồn ngủ. Mọi người đi ra đi vào, mang đến hoặc lấy đi những chum chìa khóa, canh bàn ăn, công việc được cắt đặt và chuẩn bị cho ngày hôm sau. Trong những giờ khắc ấy, tôi, em Ôlia, chị Lida và có khi cả người hầu gái, sống một cuộc sống hoàn toàn phụ thuộc vào người lớn và ngạt thở vì họ. Đôi khi người ta buông một câu và gọi cho chúng tôi sự nhớ đến một kỷ niệm riêng, đặc biệt nào đó. Tôi nháy mắt nhìn em tôi, em bụm miệng cười; ai đó trong số người lớn lơ đãng nhìn em. Tôi lại nháy mắt lần nữa; em cố giấu con cười dưới tấm vải dầu và đập trán vào bàn. Tôi bật cười theo và đôi khi cái cười cũng lây sang cả chị tôi, chị tìm cách giữ vẻ trang nghiêm của cô gái mười ba, lập lờ giữa bọn trẻ và người lớn. Nếu cái cười trở nên quá ồn ào, tôi phải chui xuống gầm bàn, len vào chân những người lớn và sau khi dậm phải đuôi con mèo, tôi chạy trốn sang các xó nhỏ được gọi là "phòng bọn trẻ". Vài phút sau, mọi thứ bắt đầu từ đầu. Cười nhiều quá, ngón tay run đến nỗi không cầm được cả cốc nữa. Đầu, môi, tay, chân của tôi rã rời và hòa tan trong tiếng cười. "Các con làm sao vậy?"- mẹ tôi hỏi, về mặt môi. Hai vòng đời, vòng trên và vòng dưới, những khi ấy hòa vào nhau được một lúc. Người lớn nhìn bọn trẻ với vẻ thăm dò, đôi khi độ lượng nhưng cũng lắm khi bực bội. Thế là tiếng cười bất ngờ lại bật lên ồn ào. Ôlia lại chúi đầu xuống bàn, tôi nhào xuống chiếc ghế dài, Lida cắn môi dưới còn cô hầu gái thì biến vào sau cửa.

- Nào, thôi, chúng mày đi ngủ đi! - người lớn nói.

Nhưng chúng tôi không chịu ra, cứ nấp trong các góc và sợ phải trông thấy nhau. Em tôi được bế ra khỏi phòng còn tôi lăm khi ngủ luôn trên đi-văng. Ai đó đến bế tôi đi. Đang ngái ngủ, có khi tôi thét lên như điên. Tôi thấy hình như mình bị đàn chó bao quanh hoặc lũ rắn thờ phỉ phỉ dưới chân, hay bị những tên cướp bắt vào rừng. Con ác mộng của tuổi thơ đi vào đời sống người lớn. Người ta tìm cách dỗ dành, vuốt ve, ôm ấp tôi. Thành thử từ cười đến mơ, từ mơ đến ác mộng, từ ác mộng đến khi thức dậy, tôi lại chìm vào giấc mơ, nhưng lần này trên giường đệm lông chim ở phòng ngủ có lò sưởi.

Như thế mùa đông là thời kỳ đậm âm nhất trong năm. Có những ngày liên tục cha mẹ tôi dường như không ra khỏi nhà. Vào lễ Giáng sinh, anh chị tôi đều nghỉ học và về nhà. Chủ nhật, sau khi đã tắm rửa, đầu tóc chỉnh tề, anh Ivan Vaxiliévích cầm kéo và lược để tỉa đầu, trước tiên cho cha tôi rồi đến Xasa [Sacha], cậu học sinh trường Hiện đại và cuối cùng mới đến tôi. Xasa hỏi:

- Anh Ivan Vaxiliévích, anh có biết cắt kiểu Capun [Capoul] không?

Mọi người ngẩng đầu nhìn Xasa, còn anh kể rằng ở Êlidavétgorát, một người thợ cạo cắt cho anh kiểu Capun tuyệt vời nhưng ngay hôm sau ông thanh tra nhà trường đã nghiêm khắc khiển trách anh về tội đó.

Cắt tóc xong, chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Cha tôi và Ivan Vaxiliévích chiếm hai chiếc ghế bành ở hai đầu bàn, lũ trẻ con ngồi trên đi-văng và mẹ tôi ngồi đối diện với chúng tôi. Cho đến khi chưa lấy vợ, Ivan Vaxiliévích ăn cùng với chúng tôi. Vào mùa đông, bữa ăn kéo dài và sau đó chúng tôi còn trò chuyện. Ivan Vaxiliévích hút thuốc và nhả ra những vòng khói tài tình. Đôi khi mọi người bắt Xasa hoặc Lida ngồi đọc chuyện. Cha tôi ngồi ngủ gà ngủ gật trên tầng thấp của lò sưởi, nhưng thường bị phát hiện. Buổi tối, thình thoảng lắm chúng tôi cũng chơi bài đứắc [dourak], khi đó khá ồn ào, chúng tôi cù nhau và cười như nắc nẻ, đôi lúc còn cãi cọ chút đỉnh. Thú nhất là đánh ăn gian với cha tôi, ông chơi rất lơ đãng và khi thua

cũng cười, khác hẳn với mẹ tôi, chơi giỏi hơn, luôn hồi hộp và cảnh giác theo dõi để không bị anh cả tôi ăn gian.

Trạm bưu điện gần nhất cách Ianópca hai mươi ba cây số, đến được đường sắt thì phải hơn ba mươi lăm cây. Còn xa mới đến được các công sở, các cửa hàng, các trung tâm trong thành phố; những sự kiện lịch sử lớn thì còn xa hơn nữa. Nhịp điệu lao động nông nghiệp là nhân tố duy nhất điều hành cuộc sống ở đây. Tất cả những thứ khác đều trở nên không đáng kể: mọi thứ, trừ giá lúa mì trên thị trường thế giới. Những năm ấy người ta không đưa báo, tạp chí đến làng; chúng chỉ có về sau này, khi tôi đã là học sinh trường Hiện đại. Thư từ chỉ đến một cách ngẫu nhiên, rất hiếm hoi. Đôi khi, người hàng xóm mang một lá thư từ Bôbrinhét, anh ta cũng giữ lại trong túi một hai tuần. Nhận được thư là cả một sự kiện, điện tín thì chứng tỏ một tai họa đã xảy ra.

Người ta giải thích cho tôi là điện được báo đi trên dây thép, thế mà chính mắt tôi trông thấy một người cưỡi ngựa mang đến từ Bôbrinhét và phải trả cho anh ta hai rúp năm mươi cô-péc. Điện báo là một mảnh giấy cũng như một lá thư và chữ trong đó được viết bằng bút chì. Thế thì làm sao nó đi được trên dây thép, hay là bị gió đẩy đi? Người ta trả lời tôi: đó là vì có điện. Điều này lại càng mù mịt. Một hôm chú Abram hăm hở giải thích cho tôi:

- Dòng điện chạy trong dây thép và ghi lại dấu hiệu trên một cuộn băng. Nhắc lại đi!

Tôi nhắc lại:

- Điện chạy trong đường dây và ghi lại dấu trên cuộn băng.

- Thế cháu đã hiểu chưa?

Tôi hiểu.

- Nhưng sau đó làm sao ra được bức thư? - tôi hỏi vì nghĩ đến mảnh giấy điện báo thường được mang về từ Bôbrinhét.

- Thư nó đi riêng đến - chú tôi trả lời.

Tôi hồ nghi không hiểu tại sao lại cần đến dòng điện nếu cái "thư" được ngựa đưa đến. Nhưng chú tôi nổi cáu:

- Để cho tao yên với cái thư của mày - ông la lên -, tao giải thích cho mày thế nào là điện báo mà mày thì cứ nói chuyện cái thư!

Thế là vấn đề này vẫn mù mờ đối với tôi.

Một lần bà Pôlina Pêtrópna [Polina Petrovna], một nữ địa chủ ở Bôbrinhét đến thăm gia đình chúng tôi. Bà đeo những đôi hoa tai lớn và có một món tóc dài trải xõa xuống trán. Sau đó mẹ tôi đưa bà về lại Bôbrinhét và tôi cũng đi theo. Khi đi qua cái gò cách nhà mười một dặm, tôi thấy những cột dây thép và nghe tiếng dây kêu u... u.

- Điện báo nó đi như thế nào hở mẹ? - tôi hỏi mẹ.

- Con hỏi bà Pôlina Pêtrópna ấy - lúng túng mẹ tôi đáp -, rồi bà ấy sẽ giải thích cho con.

Bà Pôlina Pêtrópna giải thích cho tôi như sau:

- Các dấu trên cuộn băng tương đương với những chữ cái, một điện báo viên phiên ra thành chữ trên giấy và một người cưỡi ngựa mang tờ điện báo ấy đi.

Như thế thì hiểu được.

- Nhưng dòng điện thì đi như thế nào vì cháu chẳng nhìn thấy gì cả? - tôi nhìn đường dây thép và hỏi.

- Dòng điện đi bên trong - bà Pôlina Pêtrópna đáp. - Những đường dây thép ấy được làm theo hình ống và dòng điện chạy bên trong.

Điều này cũng sáng sủa và tôi yên tâm một thời gian dài. Bốn năm sau, khi thầy giáo vật lý giảng về sóng điện từ, tôi còn cảm thấy khó hiểu hơn thế nhiều.

Mặc dầu không phải không có mâu thuẫn, song về cơ bản, cha mẹ tôi rất hòa thuận với nhau trong suốt cuộc đời bận rộn, tuy hai người xuất thân từ những thành phần xã hội khác nhau. Mẹ tôi thuộc một gia đình tiểu tư sản thành thị, khinh thường người nông dân tay chân nứt nẻ. Nhưng cha tôi thời trai trẻ là một thanh niên khôi ngô, cao ráo với gương mặt rắn rỏi và quyết đoán. Ông đã gom góp một chút tiền nên vài năm sau mới mua được trang trại Ianópca. Trôi dạt từ thủ phủ của vùng về một làng quê ở thảo nguyên, người phụ nữ trẻ ấy không dễ dàng hòa nhập vào các điều kiện nghiệt ngã của nền kinh tế nông nghiệp, nhưng cuối cùng bà cũng quen dần và bị trói buộc vào đó gần bốn mươi lăm năm. Trong tám đứa trẻ ra đời từ cuộc hôn nhân của cha mẹ tôi, bốn đứa còn sống sót. Tôi là thứ năm theo thứ tự. Bốn đứa chết từ thuở sơ sinh vì bệnh bạch hầu, bệnh sốt phát ban; chúng chết gần như không ai để ý, cũng như chẳng mấy ai quan tâm đến những đứa sống sót. Đất đai, đàn gia súc, gia cầm, nhà cối xay đòi hỏi một sự chú ý đặc biệt. Mùa tiếp mùa, công việc đồng áng liên miên lấn át những tình cảm gia đình. Trong gia đình không có sự yêu thương vỗ về, nhất là trong những năm đầu, nhưng công việc đã tạo nên mối quan hệ gắn bó giữa cha và

mẹ tôi. "Lấy một cái ghế cho mẹ"- cha tôi nói mỗi khi thấy mẹ bước tới thềm nhà, người trắng toát vì bụi cối xay. "Masoca, chuẩn bị ầm nước nhanh lên - khi khác, mẹ tôi lại kêu lên như thế, ngay cả khi chưa bước chân vào đến nhà. - Ông sắp ở đồng về rồi đấy". Cả hai đều biết rất rõ cái giới hạn tột cùng của sự mệt nhọc thể xác.

Cha tôi hơn mẹ tôi rõ ràng cả về tinh thần lẫn tính cách. Ông sâu sắc hơn, điềm đạm hơn và tế nhị hơn. Ông có cái nhìn sắc sảo hiểm có khi đánh giá, không chỉ về vật mà cả về người. Thường thường cha mẹ tôi không mấy khi mua sắm, đặc biệt là trong những năm đầu; cả cha lẫn mẹ tôi đều biết dè sẻn từng đồng cô-pécch. Nhưng cha tôi biết, không một chút sai lầm, về giá trị những gì mình mua. Từ mảnh dạ, cái mũ, con ngựa hay cỗ máy, ở đâu ông cũng có ý thức về chất lượng.

- Cha không thích những đồng xu này - sau này ông nói với tôi như để thanh minh về tính keo kiệt của mình -, nhưng cha cũng không thích nếu thiếu chúng. Thật là một tai họa lớn khi cần tiền mà lại thiếu.

Cha tôi nói sai ngữ pháp, lẫn lộn tiếng Nga với tiếng Ucoraina và nặng về tiếng Ucoraina hơn. Ông đánh giá con người theo phong thái, khuôn mặt, cách ứng xử và thường thường ông đúng.

- Thế nào ấy, tôi không thích cậu sinh viên này - ông nói về một người khách mới đến chơi -, có phải là hân ta hơi ngốc nghếch không?

Lũ trẻ không bằng lòng vì cha nghĩ thế về khách, nhưng trong lòng chúng thấy ông nói đúng. Chỉ đôi lần đến thăm một nhà là ông đoán ra rất đúng mặt bên trong của đời sống gia đình ấy.

Sau nhiều lần sinh đẻ và công việc, mẹ tôi bị ốm một thời gian và phải đi điều trị đều đặn tại một thầy thuốc ở Khácốp. Những lần đi lại như vậy là sự kiện lớn, phải chuẩn bị lâu la từ trước. Mẹ tôi để dành tiền, sắp xếp những lọ bơ, bánh quy bơ, gà quay và nhiều thứ khác. Bà dự kiến phải tiêu pha nhiều tiền. Mỗi lần khám bệnh, mẹ tôi trả ba rúp cho bác sĩ. Mọi người nói nhiều về chuyện đó, cả trong gia đình, cả trước mặt khách khứa, vừa nói vừa gờ ba ngón tay với một bộ mặt đầy ý nghĩa đặc biệt: trong đó có sự tôn sùng khoa học nhưng cũng có ý phản nản vì nó quá tốn kém và cả lòng hãnh diện vì chúng tôi có khả năng trả những khoản tiền không thể tưởng tượng ấy. Chúng tôi hồi hộp chờ mẹ về. Bà về với một chiếc áo dài mới, trông thật lịch sự giữa căn nhà bếp ở Ianópca. Bà còn mang về một cái bếp dầu dùng để nấu nướng trong mấy tuần, một quả bóng cao su và một con ngựa bằng giấy bồi cho tôi, một con búp bê cho em gái tôi.

Hồi còn nhỏ, cha tôi đối xử với chúng tôi dịu dàng và điềm đạm hơn. Mẹ tôi hay cáu kỉnh, đôi khi vô lý do, đơn giản bà muốn trút lên đầu lũ trẻ sự mệt nhọc hay thất bại gì đó của công việc. Thời ấy, khi cần gì chúng tôi thường xin cha nhiều hơn. Nhưng thời gian trôi qua, ông trở nên khắt tính bởi những khó khăn trong cuộc sống, những mối lo ngày càng tăng với sự tấn tới của công việc kinh doanh - nhất là trong khủng hoảng nông nghiệp thập niên tám mươi -, và những thất vọng do lũ trẻ gây ra.

Những mùa đông dài, khi tuyết vùng thảo nguyên bao phủ Ianópca tứ bề và vun thành đống cao quá cửa sổ xung quanh nhà, mẹ tôi thích ngồi đọc sách. Bà ngồi trên cái tầng thấp hình tam giác của phòng sưởi, đặt chân lên một chiếc ghế, hoặc những khi hoàng hôn xuống rất nhanh vào mùa đông bà chuyển sang ghế bành của cha tôi cạnh cánh cửa sổ nhỏ đầy những bông tuyết và đọc thi thầm, nhưng vẫn nghe rõ từng câu, một cuốn tiểu thuyết đã cũ mòn của thư viện Bôbrinhét, ngón tay lật mỗi lần theo các hàng chữ. Bà thường bị sưng lại ở một từ nào đó và lúng túng trước những câu rắc rối. Đôi khi, một đứa con "nhắc bài" làm cho bà hiểu khác hẳn những gì đã đọc. Nhưng bà vẫn kiên trì và đọc không biết mệt mỏi: trong những giờ rỗi rãi của những ngày đông yên tĩnh, có thể nghe ngay từ thềm cửa ra vào tiếng đọc thi thầm và đều đặn của bà.

Cha tôi đã già khi ông tập đánh vần để ít nhất cũng đọc được các tựa đề sách của tôi. Năm 1910 ở Béclin [Berlin], tôi rất cảm động nhìn ông cố hết sức để hiểu cuốn sách tôi viết về đảng Xã hội Dân chủ Đức.

Khi cách mạng tháng Mười diễn ra, cha tôi đã là một người hết sức sung túc. Mẹ tôi mất vào năm 1910 song cha tôi còn sống đến khi chính quyền Xô-viết được thiết lập. Trong giai đoạn cao điểm của cuộc nội chiến đặc biệt kéo dài ở phía Nam, khi các chính quyền bị thay đổi liên tục, ông già bảy mươi tuổi ấy đã phải đi bộ vài trăm cây số để tìm một chỗ ẩn náu tạm thời ở Ôđétxa [Odessa]. Hồng quân nguy hiểm đối với ông vì ông là địa chủ, còn Bạch vệ săn đuổi ông vì ông là cha tôi. Sau khi quân đội Xô-viết quét sạch phương Nam, ông có thể về Mátxcova. Cố nhiên cách mạng tháng Mười đã tước đoạt mọi thứ ông dành dụm được trong đời. Trong hơn một năm, ông quản lý một nhà cối xay nhỏ của nhà nước tại vùng ngoại ô Mátxcova. Xiurupa [Tsiouroupa], dân ủy Bộ Lương thực và Thực phẩm thời ấy thích nói chuyện với cha tôi về những vấn đề kinh tế. Cha tôi mất vào mùa xuân năm 1922 vì bệnh dịch tả, đúng lúc tôi đang thuyết trình tại Đại hội lần thứ tư Quốc tế Cộng sản.

Nơi chủ yếu, quan trọng nhất ở Ianópca là nhà xưởng, chỗ làm việc của Ivan Vaxiliévich Grêben. Anh phục vụ cha tôi từ năm hai mươi tuổi, đứng vào lúc tôi ra đời. Anh mày tao với bọn trẻ, kể cả những đứa lớn, chúng tôi gọi anh là "anh" và gọi "Ivan Vaxiliévich" một cách kính trọng. Khi bị gọi nhập

ngũ, cha tôi đi cùng anh và bỏ tiền hối lộ ai đó, thế là Grêben được ở lại Ianópca. Đó là một người rất tài giỏi và điển trai, ria màu vàng suộm và chòm râu cầm để kiểu Pháp. Anh thạo tất cả mọi việc: sửa chữa máy hơi nước, trông coi nồi hơi, tiện những chiếc ốc vít bằng thép và gỗ, những vòng bi bằng đồng đặt trên lò xo, sửa đồng hồ quả quýt, đồng hồ để bàn, điều chỉnh đàn dương cầm, bọc đệm bàn ghế và lắp một cái xe đạp hoàn chỉnh tuy không có lốp. Xong lớp dự bị, trong khi chờ vào lớp đệ nhất, tôi tập xe đạp trên bộ khung ấy. Từ xa, những người Đức nhập cư đến nhà xưởng nhờ sửa chữa máy gieo hạt, máy bó lúa và mời Ivan Vaxiliêvích đến chỗ họ khi họ cần mua một chiếc máy đạp hoặc máy hơi nước. Người ta hỏi cha tôi về những vấn đề kinh tế và hỏi Ivan Vaxiliêvích về kỹ thuật. Trong nhà xưởng có cả những thợ phụ và thợ học nghề. Tôi đã phải học lại rất nhiều việc từ những thợ học nghề này.

Người đến học việc đầu tiên là Xênhia Ghécôpanốp [Sénia Gertopanov], con một địa chủ xưa kia cũng giàu có nhưng đã hoàn toàn phá sản; hẳn không lưu lại đây được lâu vì bị Ivan Vaxiliêvích đuổi đi. Vichia Ghécôpanốp, một thanh niên khôi ngô, rắn rỏi thế chân anh ta, rồi đến Đavít Sécnikhốpxki [David Chernikhovsky], con ông già Hécơ [Hersh], một thợ xây có bộ râu khó tưởng tượng được. Đavít yếu nhưng chăm làm. Ở xưởng, một vài lần anh sửa cái dây treo quần cho cha anh, vốn bị sa ruột.

- Làm cái gì thế, Đavítca [Davidka]? Một cái dây cương cho bố cậu à? - anh cai Phôma [Foma] hỏi.

Đavít cười lúng túng và vội vã quay về công việc của anh.

Nhiều lần tôi làm gien cho ê-cu và đính vít ở trong xưởng. Tôi rất thích công việc này vì kết quả có ngay trong tay. Đôi khi tôi cũng đòi hòa màu trên một cái đĩa bằng đá rất nhẵn. Nhưng chẳng mấy chốc, tôi đã mệt và ngày càng hỏi nhiều xem như vậy đã được chưa. Ivan Vaxiliêvích thọc ngón tay vào hỗn hợp ấy và lắc đầu tỏ ý chưa được. Cuối cùng tôi trả đĩa đá cho một người học việc.

Đôi khi Ivan Vaxiliêvích ngồi lên trên một cái rương con đưng đồ nghề để trong góc, sau bàn thợ. Anh hút thuốc và nhìn mơ hồ vào không trung, có lẽ anh suy nghĩ hoặc nhớ lại một cái gì, cũng có thể anh chỉ nghĩ ngợi vô tư lự. Những lúc đó, tôi trườn đến bên anh và vắn về một sợi ria dày màu vàng suộm, hoặc chăm chú nhìn bàn tay với những ngón rất đặc biệt của người thợ cá. Tất cả làn da trên tay anh lấm tẩm những chấm đen: đó là những mảnh vô cùng bé đã chui vĩnh viễn vào da thịt khi anh mài sắc đĩa mài. Ngón tay dính dính như những rễ cây, nhưng hoàn toàn không cứng, nó bè ra ở đầu cùng, hết sức linh hoạt và ngón tay cái có thể bẻ thành vòng cung. Mỗi ngón tay biết tự mình hoạt động theo mỗi cách, chung sức lại chúng tạo thành một ê-kíp tuyệt vời. Dù còn rất bé, tôi vẫn nhìn và cảm thấy bàn tay ấy không cảm búa hay kim như những bàn tay khác. Ngón cái bàn tay trái có một đường sẹo vòng tròn nằm hơi chệch. Đùng vào ngày tôi ra đời, Ivan Vaxiliêvích bị lưỡi rìu bập phải tay, ngón tay treo lủng lẳng chỉ còn dính một tý da. Cha tôi tình cờ nhìn thấy người thợ máy trẻ này đang đặt bàn tay lên một tấm ván chuẩn bị chặt rời hẳn ngón tay. "Khoan, dừng lại đã - cha tôi kêu lên -, ngón tay có thể liền lại được". "Ông cho là nó sẽ liền lại à?" - người thợ máy hỏi và thả cái rìu xuống. Ngón tay cái dính lại thật và hoạt động tốt, chỉ có điều là không thể bẻ cong nó về phía sau như ngón cái của bàn tay phải.

Ivan Vaxiliêvích sửa một cái súng cổ kiểu Bécđan [Berdan] thành súng bắn đạn chì và thử độ chính xác của nó: theo thứ tự, mỗi người bắn một viên để làm tắt một cây nến đặt cách vài bước. Không phải ai cũng thành công. Tình cờ cha tôi bước vào. Khi nâng khẩu súng lên vai và bắn, tay ông run run và ông cầm súng cũng không vững. Tuy nhiên, ông làm tắt ngay ngọn nến. Cha tôi có con mắt chắc chắn trong mọi việc và Ivan Vaxiliêvích cũng hiểu điều đó. Hai người không bao giờ bắt hòa mặc dù đôi với kẻ khác, cha tôi sử sự như một ông chủ, thường rầy la và cảnh cáo họ.

Trong xưởng tôi luôn luôn có việc. Tôi thối bệ lò được Ivan Vaxiliêvích thiết kế theo cách riêng của anh: không thấy chiếc quạt gió vì nó nằm trên gác xép và điều này khiến những người đến thăm phải kinh ngạc. Tôi quay bánh xe của máy tiện đến một nhòai, nhất là khi người ta tiện những hòn bi tròn có khía bằng gỗ keo để làm cái móc. Ngoài ra, trong nhà xưởng người ta còn nói nhiều chuyện thật lý thú. Không phải lúc nào họ cũng giữ phép lịch thiệp, nói đúng hơn là chẳng bao giờ họ giữ ý tứ. Ngược lại, tầm nhìn của tôi được mở rộng không phải ngày này sang ngày khác, mà giờ này qua giờ khác. Phôma kể về các đại diện trang nơi anh đã làm việc và những cuộc phiêu lưu của các ông chủ, bà chủ. Phải nói rằng anh không có thiện cảm mấy với họ. Anh thợ xây Philip nhập cuộc với những kỷ niệm thời quân ngũ. Ivan Vaxiliêvích đặt câu hỏi, xoa dịu mọi người và bổ sung điều này, điều khác vào những chuyện đã kể.

Anh Iasoca [Iachka] - thợ đốt lò, đôi khi kiêm thợ rèn - là một người tóc hung, mặt mày ủ dột, chừng ba mươi tuổi và không ở đâu lâu một chỗ. Luôn luôn có một cái gì đó thúc đẩy anh: khi thì mùa thu, khi thì mùa xuân, anh biến đi và nửa năm sau mới quay lại. Ít khi anh uống rượu nhưng khi đã uống thì ra trò. Anh rất mê săn bắn nhưng đã bán cả khẩu súng của mình để uống. Phôma kể chuyện một lần Iasoca đi chân đất vào một cửa hiệu ở Bôbrinhét: đôi chân trần của anh dính đầy bùn đen ngoài ruộng, anh hỏi mua một mồi đạn cho khẩu súng hỏa mai của mình. Cố tình làm đổ cái hộp, anh cúi xuống nhặt mồi đạn, giữa

chùng giẫm chân lên một cái và cứ thế anh tha nó đi.

- Phôma bịa phải không? - Ivan Vaxiliêvich hỏi.

- Anh ấy bịa làm gì? - Iasoca trả lời -, lúc đó tôi không có lấy một cô-péché.

Tôi thấy cách kiếm những thứ người ta đang cần như thế thật tuyệt vời và đáng bắt chước.

- Igonát [Ignat] nhà ta đã đến - cô hầu phòng Masoca báo tin. - Nhưng Đunca [Dounka] lại không có ở đây, chị ấy về nhà nhân ngày lễ rồi.

Khi nói về anh thợ đột lò Igonát, người ta nói Igonát "nhà ta" để phân biệt với Igonát gù lưng, ông này vốn là hương trưởng trước Tarát [Tarass]. Igonát "nhà ta" bị gọi đi tòng quân. Ivan Vaxiliêvich thân chinh đo vòng ngực của anh ta và nói: "Chẳng bao giờ người ta bắt hắn đi đâu". Hội đồng Kiểm tra cho Igonát vào bệnh viện một tháng để khám. Ở đó, anh làm quen với những công nhân thành phố và quyết định thử vận may trong một nhà máy. Igonát đi ứng thị thành và mặc một cái áo khoác da ngắn thêu diêm dúa. Anh ở suốt ngày trong xưởng để kể về thành phố, về công việc, về các tập tục, máy móc và lương lậu.

- Đúng rồi, nhà máy... - Phôma trầm ngâm nói.

- Nhà máy không phải như một cái xưởng - Philip nói để vào.

Và thế là mọi người suy tư nhìn về hướng nhà xưởng.

- Nhiều máy lắm hả? - Víchto [Victor] háo hức hỏi.

- Như rừng...

Tôi mở mắt lắng nghe và tự tưởng tượng ra một nhà máy như ngày xưa tôi tưởng tượng ra rừng: cả trên, cả phải, cả trái, cả đằng sau, cả đằng trước - chẳng thấy gì ngoài máy móc và Igonát đứng giữa những cỗ máy ấy, lưng thắt chặt một chiếc dây da. Chúng tôi còn được biết Igonát có cả một chiếc đồng hồ quả quýt. Người ta chuyền tay nhau xem. Buổi tối ông chủ đi dạo trong sân với Igonát, theo sau có anh thư ký. Tôi cũng quần quanh bên họ, lúc cạnh cha tôi, lúc thì cạnh Igonát.

- Thế thức ăn thì sao? Anh mua bánh mì trong hiệu à? Cả sữa nữa? Phải trả tiền thuê nhà hả?

- Đúng thế, phải trả tiền tất cả - Igonát gật đầu công nhận. - Có điều tiền lương cũng khác.

- Tôi biết là khác, nhưng tất cả những gì cậu kiếm được xem ra đều đi theo cái ăn cả.

- Thế mà - Igonát quả quyết nói -, trong nửa năm tôi cũng may mặc được chút ít, lại còn tậu được cái đồng hồ nữa, trong túi tôi đây này.

Và anh lại lôi chiếc đồng hồ ra để khoe. Lý lẽ này không ai cãi lại được. Ông chủ lặng thinh rồi hỏi:

- Hẳn cậu cũng uống chứ, Igonát? Ở đây cậu có những ông chủ, họ tập cho cậu nốc rượu ngay chứ gì?

- Làm gì có chuyện ấy, tôi đâu có thêm cái thứ vốt-ca đó.

- Thế thì - bà chủ hỏi -, Igonát, anh đưa Đunca đi theo chứ?

Igonát nhìn sang một bên, cười vớ về hồi hận thoáng qua, nhưng không trả lời.

- Chà! Tao đã biết mà - bà chủ nói -, mày lại dính với con nào ở thành thị, thú thật đi, đồ lừa đảo!

Và như thế Igonát đi khỏi Ianópca.

Lũ trẻ con bị cấm vào nhà người ở. Nhưng ai quản được chúng? Bao giờ ở đó cũng có nhiều điều lý thú. Một thời gian dài, đầu bếp của chúng tôi là một bà có gò má dô, mũi dị dạng. Chồng bà, một ông già liệt nửa bộ mặt, trông coi gia súc. Những người như họ bị gọi là caxáp vì họ xuất thân từ vùng nội địa của chính phủ. Đôi vợ chồng này có một cô con gái tám tuổi rất xinh, mắt xanh và tóc vàng. Nó đã quen việc cha mẹ nó cãi nhau liên miên.

Ngày chủ nhật, các cô gái lại chơi trò lục lọi tìm kiếm trong tóc nhau hoặc trong tóc các chàng trai. Trong phòng người ở, trên một bó rom, hai cô Tachiana [Tatiana] - cô lớn và cô bé - nằm ườn cạnh nhau. Gã coi ngựa Aphanátxi [Afanassi] - con anh thư ký Pútđơ [Poud] và anh của cô đầu bếp Parátxca [Paraska] - ngồi bắt ngang giữa hai cô: chân đặt lên Tachiana bé và cùi tay chống lên người Tachiana lớn.

- Này, thưa quan tổng trấn Môhamét [Mohamed] - anh thư ký nói với vẻ ghen tức -, chẳng phải đã đến lúc dắt ngựa đi uống nước ư?

Gã Aphanátxi tóc hung này cùng với anh Mutudốc [Moutouzok] tóc đen là những người hay hành hạ tôi. Khi vô tình tôi đến đúng vào lúc chia cháo đặc, thế nào cũng có một giọng nói giễu cợt vang lên: "Nào Liôva, ăn trưa với chúng tôi chứ", hoặc "Này Liôva, cậu xin bà cho chúng tôi một ít thịt gà đi". Những khi ấy tôi lúng túng và rón rén đi ra.

Đến lễ Phục sinh, người ta làm bánh xốp và nhuộm trứng cho công nhân. Cô Raixa rất khéo tay trong việc nhuộm trứng. Bà mang mấy quả trứng tô màu từ trại về và cho tôi hai quả. Sau hầm rượu, trên một sườn dốc, người ta lăn trứng, đập quả nọ vào quả kia xem trứng của ai cứng nhất? Tôi đã gần thắng cuộc, chỉ còn lại Aphanátxi. "Đẹp chứ, phải không?"- tôi chỉ cho anh những quả trứng vẽ. "Cũng khá - Aphanátxi trả lời với bộ mặt hờ hững. - Cậu có muốn mình đập trứng không, xem của ai cứng hơn?". Tôi

không dám từ chối lời thách thức. Aphanátxi cầm trứng đập và quả trứng vẽ của tôi bị đập đầu. "Nào thấy chưa, trứng của tôi cứng hơn - Aphanátxi nói -, thử quả khác xem nào?" Tôi ngoan ngoãn chia nốt quả kia ra. Aphanátxi lại đập: "Tôi lại thắng rồi". Anh vỗ lấy cả hai quả trứng và đi không ngoảnh lại. Tôi ngơ ngác nhìn anh ta và muốn bật khóc nhưng sự đã rồi.

Những người thợ làm việc thường xuyên cả năm cho gia đình chúng tôi chỉ chiếm số ít. Trong những năm trồng trọt lớn, đội ngũ vài trăm công nhân phần lớn là những người làm theo thời vụ, đến từ Kiép, Trécnhigóp [Tchernigov], Pôntava. Người ta thuê họ làm việc cho đến lễ Thiên mạc, tức là ngày 1 tháng Mười. Vào những năm được mùa, chính phủ Khécxôn thu nạp hai, ba trăm ngàn công nhân loại ấy. Trong bốn tháng hè, những thợ gặt đàn ông được nuôi ăn và lĩnh bốn mươi đến năm mươi rúp, đàn bà hai mươi đến ba mươi rúp. Cánh đồng là nhà của họ, khi mưa thì đã có các đụn rơm. Bữa trưa của họ gồm có món củ cải hầm và cháo đặc, bữa tối có cháo kê. Người ta không cho họ ăn thịt, về chất béo hầu như họ chỉ được ăn dầu thực vật nhưng cũng rất ít. Thành thử đôi lúc họ cũng bất bình. Công nhân bỏ gặt, tụ tập trong sân, nằm sấp trong bóng râm các vựa thóc, họ giơ lên không những bàn chân trần nứt nẻ, bị rạ cứa nát và chờ đợi. Khi ấy người ta cho họ sửa chữa hoặc đưa đồ, hoặc nửa túi cá khô và họ lại quay về làm việc, nhiều khi còn ca hát. Điều này xảy ra ở tất cả các trang trại nông nghiệp. Có những người thợ gặt tuổi khá cao, lực lưỡng, râm nắng đến làm việc ở Ianópca trong mười năm liền vì biết rằng ở đó luôn có công việc cho họ. Họ được lĩnh hơn những người khác vài rúp và thỉnh thoảng được một ly vốt-ca vì họ giữ được nhịp điệu lao động. Những người khác đem cả gia đình tới đây thành một ổ. Họ đi bộ hàng tháng trời từ xứ sở của mình, sống bằng bánh mì và đêm ngủ trong chợ. Có một vụ hè các công nhân đều lần lượt mắc chứng quáng gà. Khi hoàng hôn xuống họ đi lại chậm chạp, hai cánh tay giơ ra phía trước. Một người cháu của mẹ tôi đến thăm gia đình, anh viết một bài tường thuật về chuyện này, được Hội đồng Tự quản địa phương chú ý. Họ cử một thanh tra đến chỗ chúng tôi. Cả cha lẫn mẹ tôi đều rất bức dọc với việc làm của cậu "phóng viên", người mà họ vẫn yêu quý. Bản thân cậu cũng không thích thú gì với sáng kiến này. Sự việc cũng không đem lại hậu quả đáng tiếc: ông thanh tra xác định nguyên do của căn bệnh là vì chế độ ăn uống thiếu mỡ, phổ biến trong gần hết miền này, bởi ở đâu người ta cũng nuôi công nhân như vậy, có nơi còn tệ hơn.

Trong nhà xưởng, nhà người ở, nhà bếp, sân sau, thế giới mở rộng ra trước mắt tôi và khác so với trong gia đình. Cuốn phim cuộc sống không bao giờ hết mà tôi mới chỉ ở những khúc đầu. Khi tôi còn bé, sự có mặt của tôi không làm phiền ai. Họ tha hồ mở miệng, không bị ai cản trở, nhất là khi vắng mặt Ivan Vaxiliévich hoặc anh thư ký, những người dù sao cũng tham gia ít nhiều vào ban điều khiển. Bên ảnh lửa của lò rèn hoặc bếp nấu ăn, cha mẹ tôi, những người thân thích và bà con hàng xóm nhiều khi xuất hiện trước mắt tôi dưới một ánh sáng hoàn toàn mới. Rất nhiều điều trong những câu chuyện hồi đó vĩnh viễn đọng lại trong tôi và có thể trên nhiều phương diện, chúng đã đặt nền móng cho cái nhìn của tôi về xã hội hiện đại.

CHƯƠNG II

NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM TRƯỜNG HỌC ĐẦU TIÊN

Cách trang trại Ianópca chừng một dặm, hoặc có thể gần hơn, là trang trại của dòng họ Đembópki. Cha tôi thuê một phần đất của họ và hai bên đã có quan hệ làm ăn với nhau trong nhiều năm. Chủ trang trại là Phêôđôxia Antônópna, một nữ địa chủ già người Ba Lan, một thời làm quản gia. Sau cái chết của ông chồng thứ nhất giàu có, bà lấy Cadimia Antônôvích [Casimir Antonovitch], anh quản lý trang trại kém bà chừng hai mươi tuổi. Nhưng đã từ lâu Phêôđôxia Antônópna không sống cùng người chồng thứ hai này và anh ta vẫn tiếp tục quản lý trang trại. Cadimia Antônôvích là một người Ba Lan cao lớn, có bộ ria mép dày, vui tính và ôn ào. Ông ta thường đến uống trà với chúng tôi bên chiếc bàn hình bầu dục lớn và kể hai, ba lần những chuyện rỗng tuếch, lặp đi lặp lại một số từ và búng ngón tay đôm đốp.

Cadimia Antônôvích có một bọng ong tuyệt vời, đặt xa các chuồng ngựa, chuồng gia súc vì loài ong không chịu được mùi ngựa. Những chú ong hút nhụy hoa từ những cây ăn quả, cây keo trắng, cây cải

dầu, cây lúa mạch đen; tóm lại chúng có chỗ để bay nhảy. Thình thoảng, Cadimia Antônôvích tự tay đem đến cho chúng tôi một tấm ong trong lớp mật vàng trong suốt được ép giữa hai cái đĩa và phủ lên trên bởi một lớp khăn mặt.

Một lần Ivan Vaxiliêvích dẫn tôi đến nhà Cadimia Antônôvích để xin bỏ câu giống về nuôi. Cadimia Antônôvích mời trà chúng tôi trong một gian ở góc căn nhà lớn trông trái. Có bơ, pho-mát tươi và mật trên những chiếc đĩa lớn miệng loe mùi hôi hám. Tôi uống trà trong tách và lắng nghe câu chuyện chậm chậm.

- Minh không quá chậm chân đấy chứ? - tôi hỏi nhỏ Ivan Vaxiliêvích.

- Khoan, chờ chút nào! - Cadimia Antônôvích đáp. - Phải có thời giờ để lũ bỏ câu yên vị dưới mái nhà đã. Chúng nó có bọ ngàn ở đó.

Tôi thấy sốt ruột quá. Cuối cùng, chúng tôi cầm đèn và trèo lên gác xếp một nhà kho.

- A! Giờ thì hãy cẩn thận đấy! - Cadimia Antônôvích nói với tôi.

Gác xếp dài và tối tăm bị các xà gỗ cắt ngang dọc. Mùi chuột, bụi bặm, mạng nhện và mùi cứt chim bốc lên. Chúng tôi tắt đèn đi.

- Chúng ở đây này, bắt đi! - Cadimia Antônôvích nói thì thầm.

Vừa dứt lời, một cái gì không thể tả nổi diễn ra. Trong bóng tối như mực, điệu múa của lũ quỷ địa ngục bắt đầu: tầng gác xếp bùng tinh xoay vùn như một cơn gió lốc. Trong một giây phút, tôi tưởng như cả thế giới sụp đổ và thế là kết thúc tất cả. Tôi chỉ hồi lại dần dần khi nghe những giọng nói căng thẳng: "Thêm một con nữa, vào đây, vào đây, nhét vào túi này, thế". Ivan Vaxiliêvích xách túi và trên suốt đường về, tất cả những gì xảy ra ở căn gác xếp lại tiếp diễn trên lưng anh.

Chúng tôi dựng một chuồng nuôi bỏ câu dưới mái nhà xường. Cứ mỗi ngày tôi lại trèo thang hàng chục lần để đem nước, hạt kê, hạt mì và vụn bánh mì cho lũ chim. Một tuần lễ sau, hai quả trứng con xuất hiện trong một tổ. Nhưng chưa kịp vui vì phát hiện mới mẻ ấy, lũ bỏ câu đã bắt đầu bay về nơi ở cũ, con nọ nối tiếp con kia. Chúng tôi chỉ còn lại ba đôi, những con đã bị chặt đầu cánh, nhưng một tuần sau khi lông cánh mọc lại chúng cũng lia bỏ chiếc chuồng bỏ câu được trang trí tuyệt vời có cấu trúc theo hệ thống hành lang. Thử nghiệm nuôi bỏ câu của chúng tôi kết thúc ở đó.

Gần Êlidavétgorát, cha tôi thuê đất của bà T-xcaia. Bà là một địa chủ góa chồng, trạc bốn mươi tuổi và rất có tính cách. Một ông cha cô cũng góa bụa luôn luôn quần quanh bên bà. Ông ta thích âm nhạc, chơi bài và nhiều thứ khác nữa. Bà T-xcaia cùng ông cha cô góa vợ đến Ianópca xem xét lại các điều kiện thuê đất. Chúng tôi dành cho họ phòng khách và buồng bên cạnh. Họ được mời ăn món gà rán bơ, rượu anh đào và món bánh varêniki [varêniki] nhân anh đào chua. Sau bữa trưa, tôi ở lại trong phòng và thấy ông cha cô ngồi sát bà T-xcaia và thì thầm vào tai bà một chuyện gì đó, hẳn là rất ngộ nghĩnh. Ông ta lật tà áo thầy tu của mình lên, rút hộp thuốc lá mạ bạc có khắc chữ khỏi túi quần kẻ sọc rồi châm một điếu và nhả ra những vòng khói thật khéo; trong khi bà T-xcaia vắng mặt, ông kể rằng bà ta chỉ ưa xem những mẫu đối thoại trong các tiểu thuyết. Mọi người mỉm cười lịch sự nhưng tránh không phát biểu ý kiến vì biết rằng ông cha cô sẽ kể hết lại cho bà khách và còn chêm thêm phần của mình vào nữa.

Cha tôi đã thuê đất của bà T-xcaia cùng với Cadimia Antônôvích. Hồi đó ông này đã góa vợ và thay đổi trong phút chốc: những sợi bạc trong bộ râu ông biến mất, thay vào đó ông đeo một cổ áo hồ cứng, một cà vạt có ghim và trong túi có ảnh một bà khác. Cũng như tất cả mọi người, đôi lúc Cadimia Antônôvích cũng chế diễu bác Grigôri, nhưng bác lại thổ lộ hết mọi nỗi niềm tâm sự với cậu và còn cho cậu xem một bức ảnh rút ra từ phong bì.

- Nhìn này - Cadimia nói với bác Grigôri, lúc ấy đương mê mẩn -, tôi nói với cô ấy: "Thưa bà, đôi môi của bà được sinh ra để hôn".

Sau đó, Cadimia Antônôvích cưới người đàn bà ấy nhưng sau lễ thành hôn một năm hay năm rưỡi gì đó, ông chết bất ngờ: trong trang trại của bà T-xcaia, một con bò tót dùng cặp sừng húc chết ông...

Cách nhà tôi chừng tám dặm là đại điền trang vài ngàn mẫu đất của anh em Ph-der. Nhà của họ giống như một lâu đài, nội thất sang trọng, có phòng khách, phòng chơi bi-a và nhiều thứ khác. Hai anh em Ph-der, Lép [Lev] và Ivan thừa hưởng tất cả từ cha họ, ông Chimôphây [Timofei], và ăn dần dần vào đó. Trang trại được giao cho một người quản lý nhưng rồi ngày càng thất thoát.

- Chớ có nhầm nhé, nhà Đavít Lêônchêvích [David Leóntievitch] vách đất nhưng ông ấy giàu hơn tôi đấy. - Đôi khi người anh cả Ph-der nói về cha tôi như thế và khi nghe điều này, ông cụ hài lòng ra mặt.

Một lần, người em Ivan cưới ngựa qua Ianópca cùng hai thợ săn súng chéo vất vai và một bầy chó săn trắng. Chưa bao giờ vùng Ianópca thấy cảnh tượng như thế.

- Chẳng bao lâu họ sẽ bắn sạch đi cả gia sản đó - cha tôi nói vọng theo, về không hài lòng.

Số phận những gia đình địa chủ vùng Khécôn ấy đã được định đoạt từ trước. Họ trải qua một quá trình tiến hóa vô cùng nhanh chóng và càng ngày, tiến trình ấy càng theo hướng bại sản, mặc dù ở đây có

khá nhiều loại người: quý tộc lâu đời, viên chức được khen thưởng do công hiến, rồi cả dân Ba Lan, Đức và Do Thái đã mua được đất từ trước năm 1881. Trong số những sáng lập viên các vương triều tại thảo nguyên này, có nhiều người lỗi lạc trong chủng loại của họ: đó là những kẻ thành đạt và có bản chất tham tàn. Thật ra tôi chẳng biết cụ thể một ai trong số họ, vào đầu thập kỷ tám mươi họ đã qua đời cả. Trong số đó, nhiều người khởi đầu với một đồng xu mè nhưng với những nước cờ táo bạo, những công cụ lăm khi phạm pháp, họ chiếm được những miếng khổng lồ. Thế hệ thứ hai đã lớn lên giữa các điều kiện sống quý tộc còn non trẻ: nói tiếng Pháp, chơi bi-a, sống bừa bãi, phóng túng. Khủng hoảng nông nghiệp những năm tám mươi do sự cạnh tranh bên kia bờ đại dương đã giáng một đòn không thương tiếc vào đám người này. Họ rụng như lũ ruồi mùa thu. Thế hệ thứ ba cho ra đời rất nhiều kẻ vô lại, vô dụng, mất cân bằng và sớm bại liệt.

Gia đình Ghécôpanốp là kết quả thuần túy nhất của giới quý tộc suy đồi. Một làng lớn và cả thị trấn mang tên họ: Ghécôpanốpxki [Gertopanovsky]. Ngày xưa cả vùng này thuộc sở hữu của gia đình họ. Đến giờ ông già của nhà này vẫn còn bốn trăm mẫu đất nhưng đều đã bị cầm cố một vài lượt. Cha tôi thuê mảnh đất ấy và tiền thuê được chuyển về ngân hàng. Chimôphây Ixaêvích [Timofei Issaévitch] sống bằng nghề viết thuê đơn từ, kiến nghị và thư từ cho nông dân. Khi đến chơi nhà chúng tôi, ông ta thủ thuốc lá và đường trong ông tay áo. Vợ ông cũng làm như thế. Sùi bọt mép, bà ta kể về thời niên thiếu, về những chị nông nô, những cây đàn dương cầm, hàng tơ lụa và đồ nước hoa. Hai đứa con trai của họ hầu như mù chữ. Thăng em Víchto học nghề trong xưởng chúng tôi.

Cách Ianốpca năm, sáu dặm có một gia đình địa chủ Do Thái: dòng họ M-xki. Đây là một gia đình lớn, loạn óc. Ông già Môixây Kharitônôvích chừng sáu mươi tuổi, nổi bật với nền giáo dục quý phái: ông nói thạo tiếng Pháp, biết chơi dương cầm và hiểu chút ít về văn học. Tay trái ông kém, nhưng bàn tay phải, theo ông, có thể dùng để biểu diễn đàn. Ông bỏ những móng tay thiếu chăm sóc lên bàn phím chiếc cla-vơ-xin cũ như thể nó là một chiếc sên. Bắt đầu với một bản *Pôlônêdo* [Polonaise] của Ôghinxki [Oguinsky], ông đảo sang một khúc *Ráp-xô-đi* [Rapsodie] của Lítxtơ [Liszt] lúc nào không biết, rồi lại tức khắc chuyển qua *Kinh cầu nữ đồng trinh*. Khi nói chuyện ông cũng hay nhảy cóc như thế. Đột nhiên ông ngừng đàn, lại gằn chiếc gương và nếu không có ai quanh đó, ông lấy điều thuốc đang cháy dụi vào bộ râu để sửa sang chúng. Ông hút liên miên đến ngạt thở và dường như có vẻ chán chường. Đã mười lăm năm nay ông không nói một lời với vợ, một bà già nặng nề.

Đavít, cậu con trai ba mươi lăm tuổi của ông luôn xuất hiện với một mảnh vải trắng băng trên mặt và con mắt đỏ hoe, nhấp nháy trên mảnh băng. Đã một lần suýt nữa anh ta tự tử. Khi đang ở trong quân ngũ, anh ta trót nói một câu tục tằn gì đó với viên sĩ quan. Ông này đánh anh, Đavít giáng trả một cái tát rồi chạy về trại lính và toan dùng súng tự sát. Viên đạn xuyên qua má, vì thế anh phải đeo vĩnh viễn cái băng trắng. Lẽ ra anh ta đã bị trừng phạt nặng nề. Nhưng vào thời đó, ông già Kharitôn [Khariton], người thành lập ra dòng họ này vẫn còn sống. Đó là một người giàu có, chuyên chế, tham bạo và ít học. Ông làm náo động cả tỉnh, cuối cùng cháu ông được coi là kẻ không làm chủ bản thân. Cũng có thể điều này không xa sự thực là bao. Từ dạo đó, Đavít sống với cái má bị thủng và có dấu hiệu bị điên.

Sự sa sút của dòng họ M-xki vẫn tiếp diễn vào thời thơ ấu của tôi. Trong những năm đầu đời, Môixây Kharitônôvích còn đến thăm gia đình tôi trên một cỗ xe bốn bánh với những chú ngựa tuyệt đẹp. Còn rất bé (khoảng bốn năm tuổi), tôi đến nhà họ M-xki với anh cả tôi. Họ có một vườn lớn, luôn được chăm sóc cẩn thận, cả lũ công cũng dạo chơi ở đó. Lần đầu tiên tôi được thấy những con vật kỳ lạ ấy, một cái vương miện nhỏ trên cái đầu ngộ nghĩnh, những mảnh gương bé nhỏ, kỳ diệu trên cái đuôi huy hoàng và những móng đeo ở chân.

Rồi những chú công biến mất và cùng với chúng, nhiều thứ khác nữa.

Hàng rào quanh vườn đổ sụp. Lũ gia súc dẫm nát bồn hoa và phá tan những cây ăn quả. Môixây Kharitônôvích đến Ianốpca trên một chiếc xe thùng ngựa kéo như loại xe của nông dân. Con cái ông ta tìm cách khôi phục trang trại, không phải theo kiểu cách quý tộc mà theo kiểu nông dân.

- Chúng tôi sẽ mua một con nghê, cứ mỗi sáng chúng tôi cũng ra đồng như Brônsten vẫn làm - họ nói.

- Họ không làm nổi đâu - cha tôi nói.

Đavít được cử đi chợ phiên Êlidavétgorát để mua "con nghê". Anh dạo khắp chợ, xem ngựa với con mắt một lính kỵ binh và cuối cùng cũng chọn được ba con. Mãi đến tối anh mới trở về làng. Nhà đầy khách khứa, họ mặc những bộ quần áo mỏng mùa hè. Abram xách đèn xuống bậc thêm để xem ngựa, theo sau anh là các bà, lũ học sinh và thiếu niên. Ngay lập tức, Đavít cảm thấy như cá gặp nước, anh ta liền bắt đầu ca tụng lũ ngựa, nhất là một con theo ý anh "giống hết một tiểu thư".

Abram gãi gãi chòm râu và nhắc đi nhắc lại:

- Ủ..., toàn ngựa tốt cả...

Buổi tối kết thúc bằng bữa tiệc và cuộc chơi bởi ngoài vườn. Đavít tháo một chiếc giày của một bà

khách dễ thương, rót đầy bia vào đó và đưa lên miệng.

- Anh định uống thật đầy à? - bà khách kêu lên và đỏ mặt vì hoảng sợ hoặc kinh ngạc.

- Đến bản súng vào người mình tôi còn chẳng sợ nữa là... - người hùng đáp lại và tợp một hơi bia từ chiếc giầy.

- Cậu đừng tự khoe chiến tích của mình thì hơn - mẹ anh đột nhiên lên tiếng, thường thường bà vẫn hay yên lặng. Đó là một phụ nữ cao lớn, người đã nhão. Bà phải gánh vác tất cả công việc của trang trại.

- Đây là lúa mì mùa thu à? - Abram M-xki hỏi cha tôi để tỏ ra là người thạo việc.

- Chà, tất nhiên chẳng phải mì mùa xuân rồi.

- Nhicôpônca [Nikopolka] phải không?

- Tôi đã nói với ông là mì thu mà lỵ.

- Tôi biết là mì thu, nhưng giống nào kia chứ? Nhicôpônca hay Ghiécca [Ghirka]?

- Tôi chưa bao giờ nghe có giống Nhicôpônca vào mùa thu. Có thể ai đấy có, nhưng tôi thì không.

Tôi chỉ có giống Xandômiécca [Sandomirka] thôi.

Cố gắng của Abram không đạt được kết quả gì. Một năm sau mảnh đất ấy lại phải để cho cha tôi thuê.

Những người Đức nhập cư làm thành một nhóm riêng biệt. Trong số họ có những người giàu thực sự. Họ đeo đai hơn những người khác, các phong tục gia đình của họ cũng cứng rắn hơn. Con trai rất ít khi được gửi ra thành phố, con gái thường làm việc đồng áng. Nhưng nhà cửa của họ được làm bằng gạch, lợp tôn sơn màu xanh lá cây hoặc màu đỏ; họ có những giống ngựa nòi, yên cương được chăm sóc kỹ càng; những chiếc xe có lò xo của họ cũng thường được gọi là xe thùng kiểu Đức.

Sống gần chúng tôi nhất là Ivan Ivanôvích Đônơ [Ivan Ivanovitch Dorn], một người đàn ông to béo nhưng nhanh nhẹn, chân trần đi giày cao cổ, má rám nắng, râu ria lởm chởm và mái tóc đã bạc. Ông ta lúc nào cũng đi một chiếc xe thùng đẹp, sơn lòe loẹt, được kéo bởi những con ngựa ô giống, đi đến đâu đất đá tung tóe đến đó. Những người như Đônơ khá đông. Nổi bật trong số họ là Phandơ-Phen [Folz-Fein], ông vua cừu, Kannichtverstan của thảo nguyên.

Những đàn cừu vô tận đi qua.

- Lũ cừu này của ai? - Của Phandơ-Phen.

Những người nông dân đánh xe đi qua, họ chờ cỏ khô, rom trâu.

- Chờ cho ai vậy? - Cho Phandơ-Phen.

Một chiếc xe sơn trang trí chờ đầy những tấm da thú chồng chất thành hình kim tự tháp do ba chú ngựa phi nước kiệu chạy vụt qua. Viên quản lý của Phandơ-Phen ngồi ở chân của kim tự tháp đó. Hoặc đột nhiên một đàn lạc đà chạy hùng hục với vẻ bề ngoài đáng sợ. Phandơ-Phen là người duy nhất nuôi lạc đà. Ông ta có lũ ngựa đực giống châu Mỹ và bò tót Thụy Sĩ.

Tổ tiên của dòng họ này lúc đó mới chỉ là Phandơ, chưa có Phen, là *Schafmeister* của quận công Ôndenbua [Oldenbourg], ông này nhận được của quốc khố một khoản tiền lớn để nuôi cừu Mèrinôt. Ông quận công nợ chừng một triệu rúp và không hoàn thành nhiệm vụ của mình. Phandơ mua lại cơ ngơi và cai quản nó không theo cách của một quận công mà như một *Schafmeister*. Các đàn cừu của ông ta được nhân lên nhanh chóng, đồng thời các bãi cỏ trang trại cũng được mở rộng. Con gái ông ta lấy Phen, một người chăn nuôi cừu. Như thế là hai triều đại nuôi cừu hợp lại với nhau. Cái tên Phandơ-Phen vang lên như tiếng ầm ầm của hàng vạn con cừu, tiếng be be, tiếng kêu và tiếng còi của những kẻ chăn cừu trên thảo nguyên với gậy đeo trên lưng, tiếng sữa của vô số chó chăn cừu. Ngay cả thảo nguyên cũng thờ ra cái tên ấy trong những ngày tốt đỉnh nóng bùng hay băng giá.

Tôi đã để lại phía sau năm năm đầu tiên của đời mình. Kinh nghiệm của tôi được nhân lên. Cuộc sống vô cùng sáng tạo và chăm chỉ thực hiện những phối hợp tại một vùng nông thôn nhỏ, hẻo lánh cũng như trên vũ đài thế giới. Các sự kiện cứ lần lượt tràn đến với tôi, việc này nối tiếp việc kia.

Mọi người đưa từ cánh đồng về một nữ công nhân bị rấn lục căn, cô gái khóc lóc than thở. Người ta thắt chặt phần chân bị sưng tấy phía trên đầu gối của cô và dầm vào một cái thùng nhỏ đựng sữa chua. Rồi cô được đưa đến bệnh viện ở Bôbrinhét. Sau khi trở lại làm việc, cô khập khiễng trên cái chân bị thương trong chiếc tất bẩn và rách rưới và các công nhân gọi cô là "tiểu thư".

Một con lợn giống độp vào trán, vào vai, vào tay người cho nó ăn. Đó là một chú lợn khổng lồ được mua về để tái tạo đàn lợn. Anh chàng bị cắn hoảng sợ khóc sụa sụa như một đứa trẻ. Người ta cũng đưa anh ta đi bệnh viện.

Hai công nhân trẻ đứng ném đĩa vào người nhau trên những xe chở đầy lúa. Tôi nhìn chăm chăm vào cảnh tượng đó. Một cái đĩa đâm vào hông một trong hai người, anh ta ngã lăn xuống và gào lên.

Tất cả những chuyện này xảy ra trong vòng một mùa hè. Mà mùa hè năm nào cũng đầy những sự kiện như thế.

Trong một đêm mùa thu, toàn bộ mái gỗ nhà cối xay bị hất xuống suối. Cọc nhà đã mọc từ lâu và dưới sức gió bão, các vách gỗ rung chuyển như những cánh bướm. Chiếc máy hơi nước, các bánh xe vận hành và bộ phận nghiền phơi trần ra trong đống đổ nát. Giữa những tấm ván, lũ chuột không lồ nhảy đại ra giẫm đè cả lên nhau.

Có phần lén lút, tôi theo người xách nước ra đồng săn chuột. Phải rót nước cẩn thận vào hang chuột, không nhanh quá nhưng cũng không chậm quá. Chúng tôi cầm gậy trong tay và chờ đợi cho đến lúc một mồm chuột nhỏ xuất hiện ở miệng lỗ với bộ lông ẩm ướt dính bẹp xuống đất. Một con chuột đồng già có thể cầm cự được lâu, nó căng đuôi đứt nút cái lỗ, nhưng xô nước thứ hai khiến nó phải đầu hàng và lao vào cái chết. Phải chặt chân con chuột chết và căng lên một sợi dây: Hội đồng Quản trị địa phương trả một cô-pêch cho mỗi con chuột bị giết. Trước đó chỉ cần đưa ra cái đuôi là đủ, nhưng nhiều tay tinh quái có thể làm hàng tá đuôi từ lớp da chuột nên Hội đồng Quản trị quyết định cứ phải trình cái chân. Tôi trở về nhà, người ướt đầm đìa và lấm bùn đến tận cổ. Gia đình không tán thành những chuyến đi như thế, người ta thích hơn nếu tôi ngồi trên đi-văng và vẽ chàng Ođíp [Oedipe] mù bên nàng Antigôn [Antigone].

Một lần tôi đi về nhà với mẹ tôi bằng xe trượt tuyết từ thành phố gần nhất là Bôbrinhét. Bị tuyết làm mờ mắt, chiếc xe đu đưa trong cuộc hành trình khiến tôi ngủ gà ngủ gật. Đến một khúc ngoặt xe đổ kênh và tôi ngã sấp mặt xuống đất, bị vùi dưới cái chăn và cò khô. Tôi nghe tiếng gọi lo lắng của mẹ nhưng không lên tiếng trả lời được. Người đánh xe mới đến làm việc ở gia đình tôi là một gã trẻ trung, cao ráo và tóc đỏ hung, anh ta nâng cái chăn lên và phát hiện ra chỗ "trú ẩn" của tôi. Chúng tôi lại yên vị trên chiếc xe trượt và tiếp tục đi. Nhưng khi ấy tôi bắt đầu phàn nàn về chuyện mình nổi gai ốc vì lạnh. Gã đánh xe trẻ cò bộ râu hung đỏ quay lại hỏi, để lộ ra hàm răng trắng, khỏe:

- Nổi gai ốc à?

Tôi nhìn miệng anh ta và nói:

- Vâng, chú biết đấy, cứ như là có kiến bò...

Anh đánh xe bật cười:

- Không sao cả - anh nói -, chúng ta sắp về đến nhà rồi!

Và anh ta quất con ngựa màu cả phê sữa.

Đêm hôm sau, cũng người đánh xe ấy biến mất cùng chú ngựa. Trang trại được báo động. Một đội kỵ binh chuẩn bị sẵn lòng, anh cả tôi dẫn đầu. Anh đóng yên cương cho con ngựa Mút-xơ [Mutz] và thẻ sẽ trưng trị nghiêm khắc tên ăn trộm kia.

- Trước hết hãy tóm cổ nó đã - cha tôi nói giọng rầu rĩ.

Sau hai ngày đêm, đoàn "kỵ sĩ" trở về. Anh tôi phàn nàn sưng mù đã ngăn anh đuổi kịp thằng trộm ngựa. Thế ra anh chàng đẹp trai vui tính ấy lại là tên ăn trộm ngựa? Hẳn có hàm răng trắng đẹp thế kia mà?

Bị cơn sốt hành hạ, tôi vật vã. Tay, chân và đầu khiến tôi vương vãi, chúng sưng lên như chạm vào tường, vào trần nhà; tôi không thoát khỏi nỗi đau đớn vì chúng đến từ bên trong. Họng tôi đau và người tôi nóng bỏng. Mẹ rồi cha tôi nhìn vào họng, họ liếc nhau lo lắng và quyết định đặt viên đá xanh lên chỗ đau.

- Tôi sợ nó bị bạch hầu - mẹ tôi nói.

- Nếu Liôva bị bạch hầu thì nó đã "trương lên" từ lâu rồi - Ivan Vaxiliêvích đáp.

Tôi đoán mơ hồ "trương lên" tức là chết như em gái Rôđôtroca [Rosotchka] của tôi. Nhưng tôi không tin điều đó có thể xảy ra với mình và bình thân nghe cuộc nói chuyện. Cuối cùng người ta quyết định đưa tôi đi Bôbrinhét. Mẹ tôi không hay theo những phong tục nhưng bà cũng không dám ra thành phố vào ngày thứ bảy. Ivan Vaxiliêvích đi cùng tôi ra thành phố.

Chúng tôi đến nhà chị Tachiana bé, trước là đây tờ của chúng tôi và bây giờ lấy chồng ở Bôbrinhét. Họ không có con, như thế không sợ bị lây lan. Bác sĩ Satunôpxki [Chatounovsky] khám họng tôi, đo nhiệt độ và theo thói quen của ông, ông tuyên bố chưa thể biết là bệnh gì. Chị chủ nhà Tanhia cho tôi một chai bia, bên trong có cả một nhà thờ bằng que và những tấm ván nhỏ. Tay và chân tôi đã hết khó chịu. Tôi trở nên khỏe hơn. Việc này xảy ra khi nào? Không lâu trước "công nguyên".

Chuyện ấy xảy ra như thế này. Chú Abram, một ông già ích kỷ, có thể đi qua trước mặt lũ trẻ con hàng tuần mà không nói với chúng một lời, một hôm trong lúc vui vẻ đã gọi tôi vào hỏi:

- Châu nói ngay cho chú biết, thành thực vào; chúng ta đang ở năm nào? Không biết à? Năm 1885! Nhắc lại đi và nhớ lấy, sau này chú sẽ hỏi lại.

Như thế là sao? Tôi không hiểu được

- Đúng năm nay là năm 1885 - bà chị họ Ônga [Olga] dịu dàng của tôi nói -, và năm sau sẽ là 1886.

Tôi không tin vào điều đó. Nếu giả sử thời gian có một cái tên thì 1885 phải tồn tại vĩnh viễn, tức là rất, rất lâu, cũng như hòn đá lớn dùng làm bậc thềm ở cửa ra vào, như nhà cối xay và cuối cùng, như bản thân tôi chẳng hạn. Em gái chị Ônga, Bêchia [Betia] chẳng biết nên nghe ai. Cả ba chúng tôi đều cảm thấy bản khoăn khi bước chân vào một lĩnh vực mới mẻ, dường như ta bất thành linh mở toang cánh cửa một căn phòng tranh tối tranh sáng, không có chút đồ đạc nào và trong đó tiếng vọng lại rất dài. Cuối cùng tôi phải chịu đầu hàng. Mọi người đều bảo chị Ônga có lý. Như vậy năm đầu tiên có đánh số mà tôi ý thức được là 1885. Nó đánh dấu sự kết thúc một khoảng thời gian không hình thù, giai đoạn tiền sử của đời tôi, của một thế giới hỗn mang: niên đại đời tôi được tính từ điểm thất nút đó. Lúc ấy tôi lên sáu. Đối với nước Nga, đó là một năm mất mùa, khủng hoảng và diễn ra sự náo động lớn đầu tiên trong giới thợ thuyền. Nhưng với tôi, tôi chỉ ngạc nhiên khi được biết mỗi năm lại có một cái tên không thể nắm bắt nổi. Tôi bản khoăn cố tìm ra mối quan hệ huyền bí giữa thời gian và những con số. Rồi năm tháng cứ nối tiếp nhau, ban đầu chậm chạp sau nhanh dần lên. Nhưng trong một thời gian dài, 1885 vẫn nổi bật lên như một năm "chị cả", năm gốc. Nó đã mở đầu "kỷ nguyên" của tôi.

Một lần sự cố như sau xảy ra: trước bậc thềm, tôi ngồi lên thùng xe, nắm dây cương và đợi cha tôi. Lũ ngựa non liền cuốn tôi đi vượt quá nhà, vựa lúa, vườn rau, chúng ra khỏi đường, chạy xuyên cánh đồng đi về phía trang trại của Đembôpxki. Sau lưng tôi nhiều tiếng kêu vọng tới. Trước mặt chúng tôi là một cái hào. Lũ ngựa chạy như điên. Chỉ khi đến ngay trước cái hào chúng mới bất thành linh quay ngang làm cho xe gần đổ và dừng lại. Người đánh xe chạy sau chúng tôi, sau anh là hai ba người công nhân, xa hơn nữa có cha tôi và cuối cùng là mẹ tôi đang kêu gào và chị tôi vò tay về thất vọng. Khi tôi chạy lại chỗ mẹ tôi, bà vẫn còn kêu gào. Tôi không giấu được rằng cha tôi đã cho tôi hai cái bạt tai và ông thì nhợt nhạt như người sắp chết. Tôi cũng không méch lòng vì sự việc đã xảy ra thật lạ lùng.

Có lẽ cũng vào năm đó tôi cùng cha đi Êlidadétgorát. Chúng tôi xuất hành từ rạng sáng và không vội vã. Ở Bôbrinhét người ta cho ngựa ăn; chiều tối chúng tôi đến Vosivaia [Vchivaia], theo phép lịch sự chúng tôi gọi chệch là Sovivaia [Chvivaia]; chúng tôi đợi ở đó đến rạng đông bởi vùng ngoại vi thành phố luôn có bọn cướp hoành hành.

Không một thủ đô nào trên thế giới - kể cả Pari lẫn Niu Oóc - lại gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ như Êlidadétgorát, thành phố với những vỉa hè, những mái nhà màu xanh lá cây, những ban công, những cửa hiệu, những viên cảnh sát và những khối cầu đồ treo trên các sợi dây mỏng tại cửa ra vào các quầy hàng. Trong vài tiếng đồng hồ, tôi mở to mắt ngắm nhìn trực diện bộ mặt của nền văn minh.

Sau "công nguyên" một năm, tôi bắt đầu đi học. Một buổi sáng sau khi đã ngủ kỹ và tắm rửa qua loa (ở Ianópca bao giờ người ta cũng tắm rửa vội vã), thường thức một ngày mới - trước hết là trà pha sữa và bánh mì bơ - tôi bước vào phòng ăn. Mẹ tôi ngồi trong đó với một người lạ mặt, thân hình mảnh khảnh, nụ cười nhợt nhạt và có vẻ khúm núm. Cả mẹ tôi lẫn người lạ mặt đều nhìn tôi khiến tôi thấy rõ họ đang nói chuyện về mình. Mẹ tôi gọi tôi:

- Liôva, chào thầy đi con. Đây là thầy giáo của con.

Tôi nhìn thầy vẻ lo lắng nhưng không phải là không có chút tò mò. Thầy chào tôi với vẻ khá ái mà các thầy đều có trước đưa học sinh tương lai khi có sự hiện diện của bố mẹ nó.

Trước mặt tôi, mẹ chuyển câu chuyện sang phần công xá: với chừng ấy rúp và chừng ấy pút bột mì, thầy sẽ nhận dạy tôi môn tiếng Nga, số học và *Kinh Thánh* bằng tiếng Do Thái cổ trong lớp học của thầy nơi quần cư. Khối lượng các kiến thức khoa học chỉ được xác định một cách khá mơ hồ vì mẹ tôi cũng chẳng biết được bao nhiêu về chúng. Trong chén trà sữa tôi đã cảm thấy mùi vị của sự biến đổi sắp xảy ra trong đời.

Chủ nhật sau, cha tôi dẫn tôi đến khu quần cư và cho tôi trọ tại nhà di Rakhen [Rakhel]. Trên chuyến xe ấy, chúng tôi cũng chờ đến cho đi bột mì và đại mạch, vừng kê và mọi thứ thực phẩm khác.

Grômôcolây và Ianópca cách nhau bốn dặm. Khu quần cư nằm hai bên sườn một thung lũng. Những người Do Thái ở một bên, còn người Đức ở bên kia. Hai bộ phận này rất khác biệt nhau. Trong khu người Đức, nhà cửa được chăm sóc tỉ mỉ, mái ngói hoặc mái lợp lau sậy; họ có những chú ngựa to khỏe, những chị bò cái lông láng bóng. Bên phía người Do Thái là những nhà gỗ nhỏ bé, đồ nát, mái sứt mẻ và đàn gia súc khốn khổ.

Có vẻ kỳ lạ là ngôi trường đầu tiên để lại cho tôi quá ít kỷ niệm. Tấm bảng đá đen, trên đó tôi viết những chữ cái đầu tiên của tiếng Nga; ngón tay trở gầy gò của thầy giáo tỳ xuống quân bút, buổi đọc đồng thanh *Kinh Thánh*; một thằng bé bị phạt vì tội ăn cắp - toàn những mẫu vụn mơ hồ, những vết mờ nhạt, không hình ảnh nào nổi bật trong số chúng. Có lẽ một ngoại lệ là hình ảnh vợ thầy giáo; một người đàn bà cao lớn, béo tốt, thỉnh thoảng lại can thiệp vào đời sống nhà trường một cách bất ngờ. Một hôm ngay trong giờ học, bà đến phản nản với chồng rằng thứ bột mới mua có mùi hôi; trong khi ông thầy giáo chia cái mùi nhợt vào bàn tay chứa bột của bà, bà hất tất cả chỗ bột đó vào mặt ông và cho đó là trò đùa. Lũ con trai,

con gái cười vang. Một mình thầy giáo đứng tiu nghỉ. Tôi thấy thương ông thầy đứng giữa lớp, mặt đầy bột.

Tôi sống ở nhà dì Rakhen tốt bụng nhưng không chú ý mấy đến dì. Chú Abram ngự trị tại căn nhà chính cùng công ra vào. Ông hoàn toàn không để ý đến các cháu trai, cháu gái. Tuy nhiên, có khi ông gọi tôi vào và thưởng cho một cái xương có cả tủy rồi nói:

- Cái xương này mười rúp chú cũng chẳng bán.

Ngôi nhà của chú gần như đầu khu quần cư. Phía đối diện là nhà của một người Do Thái cao, gầy và đen, bị coi là một tên trộm ngựa và bậc thầy của mọi việc mờ ám khác. Ông này có một đứa con gái và cô ta cũng bị nói xấu đủ điều. Cách nhà ấy không xa là nhà một người Do Thái trẻ, có râu cằm màu hung vàng rực. Anh làm nghề máy mũ lưỡi trai. Vợ anh ta có lần đi tìm gặp ông thanh tra chính phủ khi ông này đi kinh lý và đến nhà chú Abram. Chị phàn nàn về việc con gái tên trộm ngựa đã quyến rũ chồng chị. Ông thanh tra có vẻ không giúp được chị mấy. Một hôm khi đi học về, tôi thấy một đám đông la hò, khạc nhổ, lôi kéo trên đường phố một cô gái trẻ, đó là con gái tên trộm ngựa. Cái cảnh như trong *Kinh Thánh* ấy mãi mãi đọng lại trong tâm trí tôi. Vài năm sau, chú Abram lại lấy chính người phụ nữ ấy làm vợ. Hồi đó theo lời kể của những người trong chung cư, cha cô ta đã bị đẩy đi Xibêri như một phần tử bất hảo.

Masa [Macha], chị vú nuôi xưa kia của tôi hiện là người hầu gái ở nhà chú Abram. Tôi hay chạy đến tìm chị ở nhà bếp. Đối với tôi, chị là hiện thân của những mối quan hệ với Ianópca. Nhưng chị còn những người khách khác, đôi khi họ rất nôn nóng, lúc ấy họ nhẹ nhàng đẩy tôi ra. Vào một buổi sáng đẹp trời, cùng với tất cả bọn trẻ con ở trong nhà, tôi được biết Masa đã sinh ra một đứa bé. Với vẻ hồi hộp đầy thích thú, chúng tôi thì thầm về chuyện đó trong các góc nhà. Vài ngày sau mẹ tôi từ Ianópca đến và bà xuống bếp thăm Masa cùng đứa bé. Tôi cũng lon ton theo sau mẹ. Masa đứng trong phòng, chòm một chiếc khăn lên mắt và một đứa bé nhỏ nhoi nằm nghiêng trên chiếc đi-văng rộng. Mẹ tôi nhìn Masa rồi đứa bé. Bà im lặng và lắc cái đầu, vẻ chê trách. Masa lặng lẽ nhìn chăm chăm xuống sàn rồi ngược lên ngắm đứa bé và nói:

- Bà thấy không, nó gối đầu lên cánh tay nhỏ như là người lớn ấy.

- Thế chị không tiếc là nó bỏ đi rồi à? - mẹ tôi hỏi.

- Không, anh ấy quá cao sang đối với con - Masa trả lời, vẻ không thật lòng.

- Nói dối! Chị còn thương nó... - mẹ tôi hòa giải đáp lại.

Một tuần sau đứa trẻ chết trong những hoàn cảnh cũng kỳ bí như khi nó ra đời.

Tôi thường đi từ trường về làng và hầu như tất cả những lần ấy, tôi ở lại chơi một tuần hoặc hơn. Tôi không thân với một người bạn cùng học nào vì không tôi biết nói tiếng Do Thái kiểu Đông Âu. Việc học hành chỉ kéo dài vài tháng, hẳn vì thế mà tôi ít có kỷ niệm về trường. Tuy nhiên thầy Suphe [Schufer] ở Grômôcolây đã dạy tôi biết đọc và viết, tôi sử dụng lợi ích của hai môn này trong suốt cuộc đời về sau. Vì thế tôi nhớ đến người thầy đầu tiên với một lòng biết ơn.

Tôi bắt đầu đọc sách in. Tôi sao chép những bài thơ, bản thân tôi cũng làm thơ. Sau này tôi và người em họ Xênhia Gi-xki định ra một tạp chí. Nhưng con đường mới này đầy chông gai. Mới chỉ biết sơ qua về nghệ thuật viết lách, nó đã trở thành một sự cám dỗ nguy hiểm đối với tôi. Một lần khi còn lại một mình trong phòng ăn, tôi viết bằng chữ in những từ đặc biệt mà tôi đã nghe thấy trong nhà xưởng và nhà bếp, nhưng không được nói trong gia đình. Tôi biết làm như thế là không đúng nhưng những từ ấy lại quyến rũ tôi vì chúng bị cấm đoán. Tôi quyết định nhét mảnh giấy tai hại ấy vào một cái hộp diêm và tôi sẽ chôn sâu sau vựa lúa. Còn lâu mới hoàn thành được tác phẩm khi chị tôi bước vào phòng ăn và tò mò muốn xem tôi làm gì. Tôi giật tờ giấy khỏi bàn và nắm chặt. Mẹ tôi cũng bước vào ngay sau chị tôi. Họ đòi xem tờ giấy tôi viết. Xấu hổ quá tôi ném nó sau lưng chiếc đi-văng. Chị tôi muốn lấy nó ra nhưng tôi gào lên như điên: "Đề em, đề em tìm!" Tôi trườn xuống dưới đi-văng và xé tờ giấy ra từng mảnh nhỏ. Sự thất vọng và nước mắt của tôi thật vô bờ.

Vào lễ Giáng sinh, chắc chắn là năm 1886 vì khi đó tôi đã biết viết, trong giờ uống trà buổi tối, một đám người hóa trang tràn vào phòng ăn. Mọi việc bất ngờ đến nỗi tôi kinh hoàng ngã sấp xuống chiếc ghế dài tôi đang ngồi. Mọi người trấn an tôi và tôi thích thú lắng nghe câu chuyện về ông vua Míchsa [Mikcha]. Lần đầu tiên, một thế giới sân khấu kỳ ảo được mở ra trước mắt tôi. Tôi rất đỗi ngạc nhiên khi biết người thủ vai chính là anh thợ Prôkhốp [Prokhov] của chúng tôi, một người lính mới giải ngũ.

Ngày hôm sau, tôi cầm giấy và bút chì lên vào buồng người ở sau khi họ vừa ăn xong bữa trưa và tôi cầu khẩn "ông vua" Míchsa đọc lại cho tôi chép các đoạn đọc thoại. Prôkhốp từ chối nhưng tôi bám vào người anh, tôi đòi, tôi xin và không cho anh một lối thoát nào. Cuối cùng chúng tôi ngồi bên cửa sổ và tựa vào thành cửa nham nhở, tôi bắt đầu ghi đoạn văn có vần của "vua" Míchsa. Chưa đầy năm phút, cha tôi nhìn ra cửa thấy cảnh tượng ấy, ông nghiêm khắc nói với tôi:

- Liôva, về phòng ngay, con!

Tôi khóc mãi đến tối, không ai dỗ được.

Tôi làm thơ, những dòng thơ thâm hại, có thể là chứa đựng sự say mê sớm phát triển đối với văn học, nhưng chắc chắn không hứa hẹn một tương lai thi sĩ. Chị tôi biết những bài thơ của tôi, mẹ tôi biết qua chị rồi cha tôi biết qua mẹ. Người ta bắt tôi đọc thơ trước mặt khách khứa. Tôi bị làm tình làm tội đến là khổ sở. Tôi từ chối. Mọi người tìm cách thuyết phục tôi, thoạt đầu dễ dàng rồi sau đó có phần gay gắt, cuối cùng hăm dọa. Tôi cũng hay chạy trốn. Nhưng người lớn biết cách duy trì những dự định của họ. Tim đập loạn xạ, nước mắt lưng tròng, tôi đọc thơ, giữa chừng cảm thấy xấu hổ vì những câu vay mượn hoặc lạc vắn.

Nhưng dầu sao đi nữa, tôi cũng đã ném vào trái cây tri thức. Giờ này qua giờ khác, cuộc sống mở rộng trước mắt tôi. Trên chiếc đi-văng thung ở phòng ăn, tôi đã bị những thể giới khác lôi cuốn. Việc đọc sách mở ra một giai đoạn mới trong đời tôi.

CHƯƠNG III

GIA ĐÌNH VÀ HỌC ĐƯỜNG

Năm 1888 bắt đầu những sự kiện lớn trong đời tôi. Tôi được gửi đi học ở Ôđétxa. Sự việc diễn ra như sau:

Mùa hè, một người cháu của mẹ tôi về làng, anh tên là Môixây Philíppôvích Spenxe [Moisei Filippovitch Spenser], một thanh niên hai mươi tám tuổi, thông minh và tốt bụng. Theo cách nói đương thời, Spenxe cũng hơi "đề cháy mình" và vì thế sau khi tốt nghiệp trung học, anh không được vào đại học. Anh cũng làm báo và làm thống kê đôi chút. Spenxe về nông thôn để tránh bệnh lao. Mônhia [Monia] - tên gọi trong gia đình của anh - là niềm tự hào của mẹ và các chị em do những khả năng xuất sắc và tính tình của anh. Sự quý trọng ấy lan sang cả gia đình tôi. Ai nấy đều vui mừng từ trước khi anh đến. Cùng mọi người, tôi cũng rất mong anh. Khi Mônhia bước vào phòng ăn, tôi đang còn đứng trên bậc thềm một phòng nhỏ ở góc - vẫn thường được gọi là "phòng bọn trẻ" -, không thể nhích lên một bước vì cả hai mũi giày cao cổ đều há miệng toang hoác. Không phải vì nghèo khổ - hồi đó chúng tôi đã rất khá giả rồi - nhưng ở nông thôn người ta không chú ý đến những điều ấy, ai nấy còn phải làm việc cật lực và mọi nhu cầu thì không lớn lắm.

- Chào cậu, chàng trai nhỏ - Môixây Philíppôvích nói. - Lại đây nào...

- Chào anh - đứa bé trả lời nhưng không động đậy.

Giữa những tràng cười lúng túng, người ta kể cho khách biết sự thể và anh vui vẻ nhắc tôi qua ngưỡng cửa rồi ôm chặt vào mình, đưa tôi ra khỏi tình thế khó khăn.

Trong bữa trưa, Mônhia được tất cả mọi người chú ý: mẹ tôi tiếp anh những miếng ngon nhất, bà hỏi anh ăn có vừa miệng không và gạn hỏi anh thích những món gì.

Buổi tối khi đàn bò về chuồng, Mônhia nói với tôi:

- Minh đi uống sữa tươi mới vắt đi, cầm lấy cốc... nhưng chú ý đừng cho tay vào trong cốc nhé, cầm bên ngoài thôi, chú bỏ cậu bé bông của tôi ả.

Tôi học được ở Mônhia nhiều điều trước đó tôi chưa biết: phải cầm cốc thế nào, tắm rửa ra sao, làm thế nào đọc cho đúng một số từ ngữ và tại sao sữa vừa vắt lại rất bổ cho phổi. Spenxe đi dạo, viết lách, chơi ky; anh dạy tôi môn số học và tiếng Nga, chuẩn bị cho tôi vào lớp một. Tôi theo anh hào hứng nhưng cũng đượm một nỗi băn khoăn: tôi cảm thấy ở anh mầm mống của một kỷ luật với những nhu cầu cao hơn. Đó là khởi đầu của nền văn minh thành thị.

Mônhia rất thân mật đối với mọi bà con của anh ở nông thôn, anh hay nói đùa và hát bằng một giọng nam cao mềm mại. Nhưng cũng có những khoảng khắc anh sa sầm mặt, lặng lẽ và kín đáo ngồi vào bữa trưa. Những khi ấy mọi người băn khoăn nhìn anh và gạn hỏi: anh làm sao thế, ốm ả? Anh đáp ngắn gọn và lẩn tránh. Cứ không rõ ràng như thế và phải đến cuối kỳ anh ở với chúng tôi, tôi mới đoán ra nguyên nhân của những cơn lặng lẽ này: Mônhia bị chấn động bởi sự thô lỗ hoặc bất công của miền thôn dã. Không phải chú hay dì của anh là những người chủ cay nghiệt, không, không có lý do nào để khẳng định như vậy - mối quan hệ với công nhân và nông dân ở đây cũng không tệ hơn các trang trại khác. Nhưng cũng chẳng khá hơn là bao. Nghĩa là người ta đối xử cứng rắn với họ. Một lần, anh thư ký dùng chiếc roi da dài quất vào một người chăn cừu vì anh này đã giữ bầy ngựa cho đến tối mịt bên bờ nước. Mônhia tái mặt

và nghiêng răng thì thầm:

- Đồ khốn kiếp!

Và tôi cảm thấy quả thực đó là điều khốn nạn. Không biết nếu không có Mônhia, tôi có cảm thấy như thế không? Tôi chắc là có. Nhưng rõ ràng anh đã giúp tôi thấy điều đó. Chỉ một việc này cũng khiến tôi biết ơn anh một đời.

Spenxe chuẩn bị cưới cô hiệu trưởng một trường nhà nước ở Ôđétxa dành cho các nữ sinh Do Thái. Ở Ianópca không ai biết cô, nhưng ngay từ đầu, ai nấy đều cho rằng hẳn cô phải là người ưu tú: vì là nữ hiệu trưởng và vì là vợ tương lai của Mônhia. Người ta định vào mùa xuân sang năm sẽ đưa tôi đến Ôđétxa, tôi sẽ trọ tại gia đình Spenxe và vào trường trung học.

Người thợ may trong khu quần cư may vội vã cho tôi bộ trang phục, mọi người bỏ vào một cái thùng to những lọ bơ, mứt và các thứ quà khác để biếu bà con ngoài thành phố. Phút giã từ kéo dài, tôi khóc to, mẹ tôi cùng các chị tôi cũng khóc và khi đó lần đầu tiên tôi cảm thấy Ianópca và mọi người ở đó quý báu biết chừng nào đối với tôi. Cỗ xe ngựa chở chúng tôi vượt qua thảo nguyên đến nhà ga. Tôi khóc một mạch cho đến khúc rẽ ra đường lớn. Từ Nôvui Bugơ [Novy Boug], chúng tôi đáp tàu hỏa tới Nhicôlaiép và xuống tàu thủy ở đó. Tiếng còi tàu làm tôi thấy rờn rợn sau lưng, nó vang lên như báo hiệu một cuộc sống mới. Nhưng đây mới là sông Bugơ [Boug], biển cả vẫn còn ở trước mặt tôi. Rất nhiều, rất nhiều thứ khác nữa đang chờ đợi tôi. Bên cảng đây rồi, một người đánh xe, một phố nhỏ mang tên Póc-rốp-xki [Pokrovosky] và một tòa nhà lớn cũ kỹ, ở đó có trường dành cho các nữ sinh với cô hiệu trưởng. Người ta quan sát tôi từ mọi phía, hôn lên trán và lên má tôi: thoát đầu là một phụ nữ trẻ, rồi một bà già, mẹ cô. Như thường lệ, Môixây Philíp-pô-vích vẫn bông đùa, anh hỏi tôi về Ianópca, về tất cả những người sống ở đó mà chúng tôi biết và về cả những con bò cái. Nhưng lúc này, lũ bò cái là những con vật vô nghĩa đến mức tôi cảm thấy phát ngượng khi phải nhắc đến chúng giữa nhóm người thanh lịch như thế.

Căn nhà không lớn. Người ta dành cho tôi một góc trong phòng ăn, được che chắn bởi một bức màn. Tôi đã ở đây trong bốn năm đầu của đời học trò.

Lập tức tôi tự khép mình hoàn toàn vào quyền lực của thứ kỷ luật hấp dẫn nhưng khát khe của Môixây Philíp-pô-vích mà tôi đã dự cảm từ hồi ở làng. Trật tự sống trong gia đình không đến nỗi nghiêm khắc, quy củ thì đúng hơn: chính vì thế trong thời gian đầu tôi thấy nó nghiêm ngặt. Tôi phải đi ngủ vào lúc chín giờ. Chỉ sau này khi học lên những lớp cao, người ta mới cho phép tôi ngủ muộn hơn. Dần dà tí một, từng bước người ta dạy tôi phải biết chào buổi sáng, phải rửa tay và các móng, không được đưa dao lên miệng, phải cảm ơn người phục vụ khi họ dọn thức ăn cho mình, không được đến chậm trễ và nói xấu ai sau lưng họ. Tôi được biết vài chục từ mà chúng tôi coi như không có vấn đề gì ở làng, không phải tiếng Nga chính gốc mà là tiếng Ucoraina bị nói sai lạc đi. Ngày này qua ngày khác, tôi tìm ra những mảnh mới của một môi trường văn minh hơn cái nơi tôi đã sống trong chín năm đầu của cuộc đời mình. Ngay cả kỷ niệm về nhà xưởng cũng bắt đầu phai mờ, mất sức quyến rũ trước những cảm dỗ của văn học cổ điển và sân khấu. Tôi trở thành một tiểu thị dân. Nhưng đôi khi hình ảnh xóm làng chợt sáng rực trong ý thức của tôi, hấp dẫn như một thiên đường bị đánh mất. Những lúc ấy tôi buồn bã đứng ngồi không yên, tôi lấy ngón tay viết những lời chúc tụng mẹ tôi lên kính cửa sổ hoặc vùi đầu vào gối mà khóc.

Cuộc sống ở gia đình Môixây Philíp-pô-vích khá đạm bạc, tiền tài chỉ vừa đủ. Ông chủ nhà không có việc làm cố định. Anh dịch và chú giải những vở bi kịch Hy Lạp hoặc viết những mẩu chuyện cho trẻ em. Spenxe nghiên cứu kỹ Slôsse [Schlosser] và các sử gia khác để lập nên những niên biểu, cạnh đó anh giúp vợ quản lý nhà trường. Chỉ sau này anh mới thành lập một nhà xuất bản nhỏ, phát triển rất khó khăn trong những năm đầu nhưng sau đó thăng tiến rất nhanh. Mười, mười hai năm sau, Spenxe trở thành người xuất bản sách quan trọng nhất miền Nam nước Nga, anh có một nhà in lớn và là chủ nhân một cơ nghiệp. Tôi sống sáu năm trong gia đình ấy, đúng vào thời kỳ đầu tiên của nhà xuất bản. Tôi làm quen với công việc sắp chữ, sửa bản in thử, lên trang, in ấn, gấp và đóng bìa. Việc sửa bản in thử là trò giải trí làm tôi thích thú. Tôi rất thích tờ giấy mới in xong, say mê ấy có từ những năm xa xôi thuở còn đi học.

Như lệ thường trong các gia đình tư sản và nhất là tiểu tư sản, đội ngũ kẻ hầu người hạ đóng một vai trò không mấy nổi bật nhưng khá quan trọng trong đời tôi. Đasa [Dacha], cô hầu đầu tiên có một tình bạn đặc biệt bí mật với tôi: cô trao cho tôi những chuyện bí ẩn nhất của mình. Sau bữa trưa, khi mọi người đã đi nghỉ, tôi lên xuống nhà bếp. Ở đó Đasa nói đủ thứ chuyện linh tinh, không ra đầu, ra đuôi về cuộc đời và mối tình đầu của cô.

Sau Đasa, gia đình lại có một cô hầu người Do Thái vùng Ghitômnia [Jitomir] đã ly hôn với chồng. "Anh ấy ác lắm, thật đáng kinh tởm" - cô phàn nàn với tôi.

Tôi bắt đầu dạy cô ta tập đọc. Mỗi ngày cô bỏ ra ít nhất nửa giờ trước bàn tôi, cô học hỏi bí quyết của bảng chữ cái và quá trình sắp xếp chúng thành một từ.

Hồi đó, một đứa bé được sinh ra trong gia đình và nhà cần một chị vú nuôi. Sau đó, tôi viết thư hộ

cho chị này. Cô than vãn và kêu ca trong thư gửi người chồng đã sang châu Mỹ. Theo yêu cầu của cô, tôi cố mô tả lời cô nói với những màu sắc âm đạm nhất rồi thêm vào: "Riêng chỉ có đóa bé đang bú của chúng ta là một vì sao sáng trên bầu trời âm đạm của đời em". Chị vú nuôi thích thú đến tuyệt đỉnh. Bản thân tôi cũng khoái khi đọc bức thư, chỉ cảm thấy phiền phiền vì đoạn cuối lại có lời xin một ít đô-la.

Rồi chị vú nuôi lại đề nghị:

- Bây giờ cậu giúp cho một thư nữa.

- Cho ai? - tôi hỏi, sẵn sàng chuẩn bị cho tác phẩm.

- Cho người anh họ tôi - chị vú nuôi trả lời, nhưng trong giọng chị có gì không quả quyết lắm.

Lá thư này cũng nói về một đời sống âm đạm, nhưng không hề đã động đến "một vì sao" nào cả, và kết thúc rằng chị đồng ý đến thăm người nhận thư nếu anh ta muốn.

Cô vú nuôi vừa ra khỏi cửa thì cô hầu, học trò của tôi bước vào; chắc chắn cô đã nghe ngóng ở ngoài cửa.

- Chẳng phải là anh họ gì đâu - cô thì thầm vào tai tôi về bất bình

- Thế thì là ai? - tôi hỏi.

- Một ai đó, thể thôi... - cô trả lời.

Và tôi có dịp trầm ngâm về sự rắc rối trong những mối quan hệ con người.

Tối bữa trưa, chị Phanni Xôlômônốpna [Fanny Solomonovna] nói với tôi kèm một nụ cười bí hiểm:

- Kia thi sĩ, cậu không muốn ăn xúp nữa à?

- Sao? - tôi hoảng hốt hỏi.

- -, không sao! Cậu biên thư hộ chị vú nuôi, vậy cậu là thi sĩ rồi còn gì... Cậu viết thế nào nì: "... một vì sao sáng trên bầu trời âm đạm..."; đúng là một thi sĩ thực thụ rồi!

Và không kìm được nữa, chị phá lên cười.

Môixây Philíppovich trấn an tôi:

- Cậu viết hay đấy. Nhưng cậu biết không, đừng viết hộ thư cho cô ấy nữa, để chị Phanni viết thì

hơn.

Mặt rối rắm của cuộc sống mà mọi người không muốn nói ra trong gia đình cũng như trên học đường, không vì thế mà không tồn tại; chúng còn khá mạnh và có mặt ở mọi nơi để thu hút sự chú ý của một chú bé lên mười. Người ta không cho chúng vào lớp học cũng như vào nhà qua cửa chính, nhưng chúng tự tìm thấy đường thông qua nhà bếp.

Người Do Thái được dành mười phần trăm trong các trường của nhà nước, chỉ số ấy được đặt ra năm 1887. Hầu như vô vọng nếu muốn được vào trường Trung học Cổ điển: phải có ô dù hoặc đút lót. Trường Trung học Hiện đại khác với Trung học Cổ điển ở chỗ tại đó người ta không dạy những ngôn ngữ cổ điển, ngược lại chương trình toán học, vạn vật học và các ngôn ngữ hiện đại được mở rộng hơn. Chỉ số nói trên cũng được áp dụng cho các trường Trung học Hiện đại nhưng người ta thi vào đó ít hơn, thành thử các thí sinh có nhiều hi vọng được nhận hơn.

Thời ấy trên các báo và tạp chí, người ta tranh cãi hồi lâu về cách giáo dục cổ điển và hiện đại. Phái thủ cựu cho rằng giáo dục cổ điển truyền cho con người một thứ kỷ luật; nói đúng hơn họ hi vọng một công dân đã chịu đựng ê a tiếng Hy Lạp thời thơ ấu thì suốt đời cũng sẽ chịu đựng được thể chế Nga hoàng. Ngược lại, những người có tư tưởng tự do - dù không phủ nhận chủ nghĩa cổ điển, anh em cùng vú nuôi với chủ nghĩa tự do vì cả hai cùng được sinh ra trong thời Phục hưng -, nhưng họ vẫn ủng hộ ngành học hiện đại. Vào thời kỳ tôi phải quyết định học loại nào, cuộc tranh luận này đã lắng xuống do một thông tư đặc biệt của chính phủ, cấm việc tranh cãi ngành học nào hơn ngành học nào.

Mùa thu, tôi thi vào năm thứ nhất trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn [Saint Paul]. Kết quả cuộc thi ấy khá thường; tôi được điểm "3" môn tiếng Nga và điểm "4" môn số học. Điểm thi như thế không đủ bởi chỉ số nói trên đòi hỏi một sự chọn lọc rất chặt chẽ. Hệ thống thi cử còn nặng nề thêm vì nạn đút lót. Người ta quyết định cho tôi vào lớp dự bị, đó là một lớp tự thực hoạt động phụ bên cạnh trường công. Từ lớp đó, người Do Thái được lên năm thứ nhất vẫn theo chỉ số nói trên, nhưng được ưu tiên so với sinh viên ngoại trú.

Trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn do người Đức sáng lập. Nó thuộc về cộng đồng Tin Lành Luthơ [Luthe] và đáp ứng nhu cầu của nhiều kiều dân Đức sống ở Ôđétxa và khắp miền Nam. Mặc dù trường này được hưởng các "quyền lợi nhà nước" nhưng vì nó chỉ có sáu lớp, người ta buộc phải học năm thứ bảy trong một trường Trung học Hiện đại khác, nếu muốn vào trung cấp hay đại học. Có lẽ bằng cách đó, chính phủ hi vọng sẽ loại bỏ được những học sinh ưu tú nhất của dân tộc Đức vào năm cuối. Hơn nữa, ngay trong trường Xanh Pôn, bản thân thứ "tinh thần" Đức ấy càng mai một dần, năm này qua năm khác. Học sinh người Đức chiếm không đầy một nửa sĩ số. Các thầy giáo người Đức bị loại bỏ thẳng thừng khỏi

ban lãnh đạo trường.

Trong trường, những ngày đầu tiên đầy đau buồn, niềm vui chỉ đến vào sau đó. Tôi đi học với bộ đồng phục mới, đầu đội chiếc cát-kết mới tinh buộc dải màu vàng, lại được tô điểm bằng một huy hiệu tuyệt vời: những chữ đầu tiên của tên trường cuộn vào nhau giữa hai cành cây, mỗi cành có ba lá. Tôi đeo trên lưng một cái cặp mới tinh đựng sách học, bia đồng sáng loáng và mới nguyên cùng một hộp bút đẹp có chiếc bút chì gọt nhọn đầu, quản bút mới tinh và một cái tẩy. Hào hứng, tôi dạo khắp phố dài Útxpenxcaia [Ouspenskaia] với cả bộ đồ lộng lẫy ấy, lòng vui khi nghĩ rằng còn xa mới tới trường. Tôi tưởng tượng tất cả những người qua lại đều nhìn ngắm bộ đồ nghề tuyệt vời của tôi với vẻ khâm phục, thậm chí ghen tị. Vô cùng tự tin và tò mò, tôi nhìn chăm chăm vào mọi gương mặt đi ngược chiều. Nhưng hoàn toàn bất ngờ, một thằng bé cao gầy, khoảng mười ba tuổi - có lẽ từ một xưởng nào ra vì nó cầm một vật gì đó bằng tôn - dừng lại cách tôi hai bước, ngửa đầu về phía sau khạc ầm ầm và nhổ một bãi to vào vai áo choàng mới tinh của tôi, rồi nó khinh bỉ nhìn tôi và tiếp tục đi chẳng nói chẳng rằng.

Điều gì khiến nó hành động như vậy? Ngày nay, tôi thấy rõ ràng: một chú bé bần cùng, áo rách như sơ mướp, đi đôi giày rách nát không tất, phải làm những việc bẩn thỉu cho chủ, trong khi đó các cậu con ông chủ vênh vang, hãnh diện trong bộ đồng phục học sinh đẹp đẽ... và bằng hành động của mình, đứa bé đã thể hiện sự phản kháng xã hội của nó. Nhưng trong giây phút đó tôi nào biết khái quát hóa. Tôi lau chùi vai áo rất lâu bằng lá cây dẻ, không kim nỉ sự phật ý bất lực và đi hết chặng đường còn lại với tâm trạng đen tối.

Đòn thứ hai chờ tôi ở sân trường.

- Thưa thầy Piôt Páplovích [Pierre Pavlovitch], lại có một thằng còi lóp dự bị cũng mặc đồng phục! - bọn học sinh la lên.

Sao vậy? Nguyên là thế này: lớp dự bị được coi là lớp tư thực nên học sinh lớp này bị cấm ngặt không được mặc đồng phục. Ông giám thị Piôt Páplovích, một thầy có bộ râu đen giải thích cho tôi: phải cất huy hiệu trên mũ cát kết, cất phù hiệu trên cổ áo, cất vòng trên thắt lưng và thay khuy áo có chạm phượng hoàng bằng những khuy xương thường. Tai họa thứ hai đến với tôi như thế.

Hôm đó chúng tôi không phải học. Học sinh người Đức và những bọn còn lại cùng đến nhà thờ Tin Lành mà nhà trường được mang tên. Lập tức một thằng bé mập mạp che chở và bảo tôi ngồi cạnh trên một chiếc ghế băng trong nhà thờ, nó lưu ban và đang học lại lớp dự bị, thông thạo mọi nội quy, tập quán. Lần đầu tiên tôi được nghe đại phong cầm (đàn ống) và âm thanh của nó làm hồn tôi rung động. Rồi xuất hiện một người cao lớn, râu cạo nhẵn, áo ve trắng và tiếng nói của ông tràn khắp tòa nhà, tạo nên một làn sóng âm thanh chạy đuổi nhau. Ông nói bằng một ngôn ngữ tôi không hiểu khiến bài thuyết giáo đường bệ hơn gấp hàng chục lần.

- Ai vậy? - tôi hỏi về hồi hộp.

- Đích thân ông mục sư Binneman [Binnemann] đấy - Cácxon [Karlsohn] giảng giải -, ông ấy thông thái vô cùng, đó là người thông minh nhất ở Ôđétxa.

- Thế ông ấy nói gì?

- Cậu biết đấy, ông ấy nói tất cả những gì phải nói trong các dịp như thế này - lời giảng giải của Cácxon không còn hào hứng như trước. - Ông nói chúng ta phải học giỏi, phải chăm chỉ và sống hòa thuận với bạn bè...

Sau này tôi mới biết thằng bé có gò má cao sừng bá Binneman ấy là đứa đại lười nhác trong đám học sinh, nó luôn gây gổ và đánh nhau loạn xạ trong các giờ nghỉ.

Ngày thứ hai đã an ủi tôi. Tôi nổi lên ngay về môn số học và chép lại đúng các mẫu chữ trên bảng. Thầy giáo Rudencô [Rudenko] khen tôi trước lớp và cho tôi hai điểm "5" liền. Điều đó hòa giải tôi với các khuy xương mà tôi mang trên áo. Trong các lớp dưới, đích thân thầy hiệu trưởng Khoritxchian Khoritxchianôvích Svanêbác [Christian Christianovitch Schwane-bach] dạy tiếng Đức. Đó là một người ăn mặc rất chải chuốt, sơ dĩa trèo lên được địa vị cao như thế chỉ vì ông ta là con rể của Binneman. Bắt đầu giờ học, ông kiểm tra tay tất cả học trò và thấy tay tôi sạch. Sau đó vì tôi chép cẩn thận các từ tiếng Đức ở trên bảng, thầy hiệu trưởng khen tôi và cho tôi một con "5". Như thế sau ngày học đầu tiên ấy, tôi về nhà với trọng lượng nặng trĩu của ba điểm "5". Tôi giữ chúng trong cặp như một của quý, không đi mà chạy trên phố nhỏ Póc-rốpki với lòng khát khao được gia đình khen ngợi.

Tôi đã trở thành học sinh như thế. Tôi dậy sớm uống vôi vàng chén trà buổi sáng, nhét vào túi áo choàng bữa ăn trưa bọc trong mảnh giấy và vôi vữa chạy đến trường cho kịp giờ đọc kinh buổi sáng. Không bao giờ tôi chậm trễ. Tôi luôn ngồi ngoan ngoãn trên chiếc ghế dài. Tôi nghe giảng chăm chú và chép cẩn thận những thứ thầy viết trên bảng. Ở nhà tôi chăm chỉ chuẩn bị bài vở. Tôi luôn đi nằm đúng giờ để ngày hôm sau lại uống vôi chén trà sáng, rồi lại chạy đến trường với nỗi lo chậm giờ đọc kinh buổi sáng. Tôi lên lớp đều đặn, lớp này tiếp nối lớp khác. Khi gặp một thầy giáo ngoài phố, tôi chào với một lòng kính trọng

lớn nhất có thể có.

Trong số những người bên tôi có rất nhiều kẻ kỳ quặc, tỉ lệ này đặc biệt cao trong giới giáo viên. Ở trường Xanh Pôn, trình độ các thầy giáo cao hơn mức trung bình. Nhà trường có một tiếng tốt và không phải không có lý do: chế độ ở đây nghiêm ngặt, mọi đòi hỏi cũng cao; năm này qua năm khác, đây càng càng hơn. Nhất là sau khi ông hiệu trưởng Svanêbác được ông Nhicôlai Antônôvich Caminxki [Nikolas Antonovitch Kaminsky] thay thế.

Ông này nếu xét về nghiệp vụ thì là một nhà vật lý, còn về tâm tính là kẻ thù ghét con người. Không bao giờ ông nhìn thẳng vào người ông nói chuyện. Ông lướt qua các hành lang và các lớp không một tiếng động trên đôi giày đế lót cao su. Giọng nói của ông mỏng và rè, chẳng cần cất cao cũng gây nên sợ hãi. Nhìn bề ngoài Caminxki có vẻ cân bằng nhưng bên trong không bao giờ ông thoát khỏi trạng thái cấu kính dồn ép. Ngay cả với những học trò giỏi nhất ông cũng giữ một thái độ trung lập có tính đối phó. Ông cũng đối xử với tôi như thế.

Là nhà vật lý, Caminxki sáng chế ra một thiết bị để chứng minh định luật Bôilơ-Mariôt [Boyle-Mariotte] về tính nén được của các chất khí. Sau khi giới thiệu thiết bị ấy, thế nào cũng có hai ba đứa học sinh thì thảo với nhau, nhưng cốt để thầy nghe được:

- Cừ thật đấy!

Thình thoảng còn có đứa nào đó đứng lên và nghi hoặc hỏi:

- Thưa thầy, thế ai làm ra cái thiết bị này?

Caminxki hững hờ trả lời với giọng như người bị cúm:

- Tôi đấy.

Mọi người nhìn nhau và những kẻ có nguy cơ lưu ban thờ dài thán phục hết sức to.

Khi thầy Caminxki thay thế thầy Svanêbác vì vấn đề Nga hóa, ông Antôn Vaxiliêvích Corugianôpxki [Anton Vassiliévitch Kryjanovsky] dạy môn ngôn ngữ và văn học được bổ nhiệm làm thanh tra học tập. Đó là một người láu lỉnh, râu màu hung, cựu học sinh chủng viện, có thoảng một chút tư tưởng tự do. Ông ta rất thích quà biếu và rất tài che giấu những suy nghĩ bên trong của mình dưới bộ mặt vui tươi giả tạo. Vừa được bổ nhiệm làm thanh tra, ông đã tỏ ra nghiêm khắc và bảo thủ hơn. Corugianôpxki dạy tiếng Nga từ năm thứ nhất. Ông quý tôi vì khả năng đọc-viết và vì tôi thích học tiếng Nga. Theo một thông lệ được đặt ra chặt chẽ, ông đọc to giữa lớp những bài viết của tôi và cho tôi điểm "5" cộng.

Thầy giáo dạy toán Iurotrencô [Iourtchenko] là một người mập lùn, lãnh đạm và láu lỉnh. Người ta đặt cho ông cái biệt hiệu "Bindiugionhích" [Bindioujnik], trong ngôn ngữ ở Ôđétxa nghĩa là "người lái xe tải". Iurotrencô mảy tao với tất cả học sinh từ năm thứ nhất đến năm cuối và không lựa chọn khi ăn nói. Với vẻ bình dân có tính toán, ông làm cho học sinh kính trọng đến một mức nào đó, nhưng điều này bốc hơi theo thời gian khi bọn trẻ biết ông ta ăn của đứt lốt. Và lại các thầy giáo khác cũng ăn của đứt lốt bằng nhiều cách. Cậu học trò nào dốt, nếu là người vùng khác, thì đến trọ ở nhà ông thầy dạy môn mà anh ta lo ngại nhất. Nhưng nếu là người Ôđétxa thì cậu ta sẽ xin học thêm với giá cắt cổ từ thầy giáo nào đe dọa cậu nhiều nhất.

Một thầy giáo dạy toán khác, ông Dlôtranxki [Zlotchansky] thì hoàn toàn trái ngược với Iurotrencô: gầy gò với bộ ria nhọn trên khuôn mặt vàng vố xanh nhợt, lông trắng con mắt lúc nào cũng đục, cứ chỉ một môi như vừa mới ngủ dậy, cứ từng phút, ông khạc ầm ầm ra đờm đặc và nhỏ ngay trong lớp. Người ta biết ông có một mối tình bất hạnh, ông chơi bời trác táng và uống rượu. Dlôtranxki là nhà toán học không tồi nhưng dường như không lúc nào ông để ý đến học trò, đến những tiết học, thậm chí ông coi thường cả môn toán. Vài năm sau ông ta cắt họng bằng lưỡi dao cạo.

Mối quan hệ của tôi với hai thầy giáo toán lúc nào cũng cân bằng và mỹ mãn vì tôi giỏi môn này. Khi học đến những lớp trên của trường trung học, tôi còn cân nhắc cả đến việc theo con đường toán học thuần túy.

Dạy sử là ông Liubimốp [Lioubimov], vóc dáng to lớn và thẳng đuồm, ông đeo kính gọng vàng trên cái mũi nhỏ, khuôn mặt đều đặn được viền bởi chòm râu trẻ và khỏe. Chỉ khi ông cười, người ta mới thấy - ngay cả đối với bọn trẻ chúng tôi - vẻ oai vệ và chững chạc ấy chỉ là ảo tưởng, ông là người kém nghị lực, rụt rè, nhút nhát, luôn bị cái gì đó giằng xé. Lúc nào ông cũng sợ người ta biết hoặc có thể biết gì đó về ông.

Tôi chìm vào môn lịch sử với sự chú ý ngày càng tăng, dù còn rất tản mạn. Từng bước một, tôi mở rộng phạm vi kiến thức từ những cuốn giáo khoa tẻ tẻ của nhà nước đến các giáo trình giảng dạy ở đại học hoặc các pho sách nặng của Slösse. Không chút nghi ngờ, trong sự say mê của tôi về lịch sử bao hàm một thứ tinh thần thể dục: tôi học thuộc lòng vô số tên tuổi và chi tiết vô bổ, chỉ làm bề bọn thêm trí nhớ, với mục đích thình thoảng đặt thầy giáo vào tình huống khó khăn.

Liubimóp không có khả năng giữ kỷ luật trong lớp. Đôi khi trong giờ học, đột nhiên ông hoảng hốt, giậm giữ nhìn quanh, tìm cách chộp lấy những tiếng thì thảo mà ông cho rằng chúng xúc phạm đến ông. Những lúc ấy cả lớp đều ngạc nhiên và đề phòng thận trọng. Liubimóp còn dạy cả ở một trường trung học nữ, ở đó người ta cũng bắt đầu nhận thấy những biểu hiện kỳ quặc ở ông. Kết cục là một bận, trong một cơn điên, ông tự treo cổ ở móc cửa một cửa sổ.

Chúng tôi sợ thầy địa lý Giucópcki [Joukovsky] như sợ lửa. Ông ta nghiên học sinh như một chiếc cối xay thịt. Trong giờ học ông đòi hỏi một sự yên lặng tuyệt đối không thực hiện nổi. Nhiều khi ngừng một học sinh đang trả lời, ông dồng tai như một con chim nghe ngóng nguy hiểm từ phương xa. Cả lớp biết điều này nghĩa là gì: khi ấy phải cứng đờ người ra, không động đậy và cố nhịn thở, nếu được.

Tôi chỉ nhớ đến độc một trường hợp khi Giucópcki nói tay một chút, hôm ấy hình như là ngày sinh nhật của ông theo tôi nghĩ. Ai đó trong số học sinh bật ra một nhận xét nửa riêng tư, nghĩa là không liên quan trực tiếp đến tiết học; Giucópcki cho qua. Bản thân điều này cũng đã là một biến cố lớn. Nhưng tức thì Vácke [Wacker], một thằng nịnh bợ bật dậy từ chiếc ghế băng và nói với nụ cười khẩy:

- Mọi người đều nói rằng Loubimov chẳng bằng cái đế giày của Giucópcki.

Giucópcki lập tức đờ người lại:

- Nói cái gì thế? Ngồi xuống!

Tức thì trong lớp lại xuất hiện sự im lặng đặc biệt chỉ có trong các giờ địa lý. Vácke ngồi sụp xuống như bị sét đánh. Từ mọi phía, những khuôn mặt trách móc và khinh bỉ hướng về hắn.

- Lạy Chúa, đúng thế đấy ạ- Vácke thì thảo, vẫn mong làm động tâm ông thầy địa lý vốn không ưa hắn chút nào.

Thầy giáo chính dạy môn tiếng Đức tên là Xtruvê [Struhve], một người Đức cao lớn, đầu to, râu dài đến thắt lưng. Chân nhỏ như chân một đứa trẻ, ông vắn cái thân hình nặng nề ấy như một cái chum. Là một người vô cùng chân thật, Xtruvê đau khổ vì những kém cỏi của học sinh, ông lo lắng, động viên, bực bội vì phải cho một con "2"- không bao giờ ông cho điểm "1". Ông cố không để cho bất kỳ ai phải lưu ban. Xtruvê đã xin vào trường cho đứa cháu chị đầu bếp của ông, thằng Vácke đã nói ở trên; một kẻ vừa kém năng khiếu vừa đáng ghét. Xtruvê là một nhân vật hơi hài hước, nhưng nhìn chung chúng tôi có thiện cảm với ông.

Dạy tiếng Pháp là ông Gútxtáp Xamôilôvích Buócngang [Gustave Samoilovitch Burnand] người Thụy Sĩ. Đó là một người gầy còm, trông nghiêng dẹt như bị lôi từ ê-tô ra, hơi hói đầu, môi xấu mỏng quẹt và xanh nhạt, mũi nhọn. Trên trán ông có một cái sẹo bí hiểm hình chữ "X". Tất cả học sinh đều nhất trí không thể chịu đựng được Buócngang và điều này có lý do. Mặc chúng khó tiêu, suốt trong giờ học ông nuốt một thứ kẹo gì đó và tìm thấy trong mỗi học sinh một kẻ thù cá nhân. Cái sẹo trên trán ông là đầu đề của vô số những suy đoán và giả thuyết. Một số học sinh cho rằng vào thời thanh niên, Gútxtáp tham gia một cuộc đấu kiếm và địch thủ của ông đã để lại một chữ thập nghiêng trên trán ông. Vài tháng sau, giả thuyết ấy bị bác bỏ. Theo thuyết này, không có trận quyết đấu nào cả, trong một lần phẫu thuật người ta đã lấy một mảnh da trán để vá lên mũi ông. Lũ học sinh quan sát kỹ lưỡng cái mũi của ông thầy tiếng Pháp và những kẻ tào bạo nhất khẳng định chúng thấy rõ đường vá. Bọn trầm tĩnh hơn giải thích vết sẹo bằng một tai nạn xảy ra thời thơ ấu của ông: ông thầy tội lỗi bị ngã từ thang xuống và rách trán. Nhưng người ta gạt bỏ cách giải thích này vì nó quá thô sơ. Và lại, tuyệt đối không thể hình dung được Buócngang dưới những nét của một trẻ thơ.

Người gác cổng chính, kẻ có vai trò đáng kể trong đời sống chúng tôi, là một người Đức cứng rắn, vô cùng oai vệ với chòm râu má bắt đầu hoa râm. Ông ta tên là Antôn [Anton]. Khi giải quyết những vụ đi chậm, phạt mất bữa trưa, giam trong nhà ngục, dường như Antôn chỉ đóng vai trò kẻ thừa hành nhưng trong thực tế ông có quyền lực rất lớn và nên giữ những mối quan hệ thân thiện với ông. Tôi đối với ông khá thờ ơ, cũng như ông đối với tôi vì tôi không thuộc số "khách hàng" của ông; tôi luôn đi học đúng giờ, chiếc cặp đeo lưng luôn ngăn nắp và lúc nào cũng mang thẻ học sinh trong túi trái áo vét-tông. Nhưng có hàng tá học sinh hàng ngày phải lệ thuộc vào Antôn và phải mua lấy cảm tình của ông bằng cách này cách khác. Dù sao đối với chúng tôi, ông vẫn là một trong những nền tảng của trường Xanh Pôn. Ngạc nhiên biết bao khi sau kỳ nghỉ hè, chúng tôi được biết vì mê mẩn và ghen tuông, ông già Antôn đã nã một phát súng vào cô gái mười tám tuổi, con một người gác cổng khác, và hiện đương ngồi tù.

Như vậy đó, trong cuộc sống chùng mịch của học đường và cả đời sống bị bóp nghẹt, dồn nén vào bên trong xã hội đương thời, những thâm canh cá nhân cứ chen vào, mỗi lần tạo ra một cảm giác thái quá, như một tiếng rên vang lên trong một tòa đại sảnh trống rỗng.

Gần nhà thờ Xanh Pôn có một cô nhi viện. Một góc sân chơi của chúng tôi được dành cho cô nhi viện này. Những đứa trẻ của cô nhi viện ra sân chơi với bộ mặt buồn bã, trong bộ quần áo vải xanh bạc màu vì bị giặt là nhiều lần, chúng lê bước ừ dột trong góc của mình, rồi buồn rầu cúi đầu lên lại thang gác trở về

nơi chúng ở. Mặc dầu sân chơi là sân chung và không có chướng ngại vật nào ngăn cản giữa góc trẻ mồ côi và góc của chúng tôi, bọn học sinh Trung học và lũ "cô nhi" - như cách chúng tôi gọi - tạo thành hai thế giới hoàn toàn cách biệt. Tôi đã thử nói chuyện hai, ba lần với các chú bé mặc quần áo vải xanh nhưng chúng trả lời tôi bằng giọng uể oải về bất đắc dĩ rồi vội vã quay về: chúng được lệnh nghiêm ngặt không được quan hệ với học sinh trường trung học. Trong bảy năm ròng, tôi dạo chơi trong sân trường mà không biết tên đứa nào trong số trẻ mồ côi. Hẳn là vào đầu năm học, ông mục sư Binneman đã ban phát phước lành cho chúng bằng cách rút ngắn phần nghỉ lễ.

Ở phần sân tiếp liền với cô nhi viện, người ta dựng những dụng cụ thể dục phức tạp: vòng, sào, thang đứng và thang nghiêng, xà treo, xà đơn và nhiều thứ khác. Ngay sau khi được vào học, tôi muốn lập lại một tiết mục mà một đứa trẻ ở viện cô nhi đã làm ngay trước mắt tôi. Trèo lên chiếc thang đứng, tôi treo người lên bậc trên cùng bằng những ngón chân, đầu quay xuống đất, hai tay nắm lấy bậc thang thứ nhất, dùng đầu ngón chân, tôi đập khoi bậc trên để uốn người 180 độ trên không trung và nhảy xuống đất một cách dẻo dai. Nhưng tôi thả tay quá muộn nên sau khi uốn vòng xong, cả người tôi đập vào thang. Ngực tôi như bị nằm trong một gọng kìm, tôi ngạt thở và lăn lộn dưới đất như một con sâu, tay bấu víu vào chân bọn trẻ xung quanh. Rồi tôi ngất đi. Sau lần ấy, tôi trở nên thận trọng hơn trong môn thể dục.

Tôi không biết mấy về cuộc sống ngoài đường phố, trên quảng trường cũng như thế giới của thể thao và các thứ giải trí ngoài trời. Những điều này tôi cố gắng bù lại vào các dịp nghỉ hè ở nông thôn. Đối với tôi, thành phố là nơi giành cho học tập và đọc sách. Tôi cho những cuộc đánh nhau của bọn trẻ trong phố là một điều nhục nhã. Mặc dù những lý do để xảy ra điều đó thì không bao giờ thiếu.

Học sinh trường Trung học Cổ điển do có khuy mạ bạc và phù hiệu, được gọi là "cá trích bạc", còn học sinh trường Trung học Hiện đại hai tay áo có nạm đồng màu vàng, bị gọi là "cá trích hun khói". Ở phố Iamxcaia [Iamskaia], trên đường đi học về, tôi bị một anh học sinh trường Cổ điển cao như sếu vượn theo đuổi một cách kiên trì và gạn hỏi:

- Ở chỗ chú mày, có bao nhiêu tên bị "hun khói"?

Vì tôi không trả lời câu hỏi khách quan ấy, anh ta dùng vai hích tôi.

- Sao anh cứ chòng gheo tôi thế? - tôi nói với anh bằng một giọng lịch sự bắt buộc.

Sững sờ, anh ta suy nghĩ một phút rồi hỏi

- Mày có súng cao su không?

- Súng cao su? Là cái gì vậy? - tôi hỏi lại

Anh sếu vượn "cổ điển" chẳng nói chẳng rằng rút từ trong túi ra một vật nho nhỏ; đó là một sợi cao su buộc giữa hai nhánh của một cái nĩa bằng gỗ và một viên đạn chì.

- Tao nấp sau cái cửa sổ con trên mái nhà và bắn bỏ cậu, sau đó đem đi nướng.

Tôi ngạc nhiên nhìn anh bạn mới. Một việc như thế đối với tôi không phải không thú vị, nhưng tôi thấy nó lạc lõng và không hợp với môi trường thành thị.

Trong số bọn con trai, nhiều đứa chèo thuyền ra biển và buông câu ở đầu ngọn sóng. Tôi hoàn toàn không biết những thú vui ấy. Điều kỳ lạ là hồi đó, biển không chiếm một vị trí nào trong cuộc đời tôi, mặc dầu tôi đã sống bảy năm bên bờ biển. Trong suốt thời gian ấy tôi không đi thuyền bao giờ, không câu cá và chỉ gặp gỡ biển mỗi khi về làng và quay lại. Khi Cácxon xuất hiện vào ngày thứ hai với cái mũi chày nặng bị trầy da và khoe đã câu cá ngoài khơi, niềm vui ấy xa lạ và chẳng liên quan gì đến tôi. Vào thời ấy tôi chưa có thú ham mê săn bắn và đi câu.

Ở lớp dự bị tôi chơi khá thân với Cốtxchia [Kostia] R., con một thầy thuốc. Anh ít hơn tôi một tuổi, người cũng thấp hơn, bề ngoài bình thân, kỹ thực anh chính là một tay hải hươc lâu linh với cặp mắt tinh nhanh. Anh biết tường tận thành phố và tạo được lợi thế đáng kể với tôi về khoản này. Cốtxchia R. không thuộc loại chăm chỉ nhất, còn tôi luôn là một học sinh giỏi ngay từ đầu. Ở nhà, Cốtxchia R. chỉ nói chuyện về người bạn mới của mình. Cuối cùng mẹ anh, một bà người nhỏ quắt, đến đề nghị chị Phanni Xôlômônốpna:

- Những cậu bé của chúng ta - bà nói - có thể học chung với nhau được không?

Sau một cuộc hội ý ngắn mà tôi cũng được tham gia, nhà Spenxe quyết định đồng ý. Trong vòng hai hoặc ba năm chúng tôi ngồi cùng ghế, cho đến ngày Cốtxchia R. bị lưu ban và vì thế hai đứa xa nhau. Nhưng quan hệ giữa chúng tôi sau đó vẫn tiếp tục.

Cốtxchia R. có một người chị hơn anh hai tuổi học trong trường Trung học Cổ điển nữ. Chị có những cô bạn gái, những cô này lại có những anh em trai. Các cô gái học nhạc. Bọn con trai quanh quẩn bên bạn gái của các chị mình. Vào những ngày sinh nhật, các bậc cha mẹ mời bọn trẻ. Thế là hình thành một thế giới nhỏ của những cảm tình, những ganh đua, mọi người nhảy van-xơ, tham gia các trò vui, có những ghen tuông và hiềm khích. Gia đình ông A., một thương gia giàu, là trung tâm thế giới nhỏ ấy. Họ sống cùng nhà với bố mẹ Cốtxchia, cùng tầng gác, cả hai căn hộ cùng hướng ra một hành lang, ở đó có

những cuộc gặp gỡ tình cờ và không tình cờ. Ở nhà ông A., bầu không khí hoàn toàn khác, không như tôi đã quen ở gia đình Spenxe. Lúc nào cũng có nhiều con trai và con gái đều là học sinh trung học, họ tán tỉnh nhau cạnh nụ cười bao dung của người mẹ. Trong những cuộc trò chuyện, người ta thường kể tên một người đã phải lòng một người khác nào đó. Về vấn đề này, bản thân tôi luôn tỏ ra kiêu kỳ và như vậy cũng khá giả dôi.

- Khi cậu mê cô nào, nhất định phải nói cho mình biết đấy nhé - cô chị cả nhà A., một cô gái mười bốn tuổi nói với tôi bằng giọng kẻ cả.

- Có mất gì đâu, tôi có thể hứa được - tôi đáp giọng trang trọng với vẻ kiêu kỳ của một đứa bé tự biết giá trị của mình: tôi đã là học sinh năm thứ hai rồi cơ mà.

Chừng hai tuần sau các cô gái làm những hoạt cảnh. Cô trẻ nhất làm hình tượng buổi đêm, trên nền một cái khăn đen lớn được giơ cao lấp tẩm những vì sao bạc bằng giấy

- Cậu xem nó xinh không? - cô chị cả nói và huých nhẹ tôi bằng cùi tay.

Tôi chỉ nhìn, trong thâm tâm tôi cũng đồng ý thế và đột nhiên quyết định: đã đến lúc phải giữ lời hứa của mình.

Sau đó không lâu cô chị cả tiếp tục tra hỏi tôi:

- Cậu không có gì nói với mình à?

- Trời ơi! - tôi cụp mắt xuống và trả lời. - Có chứ.

- Ai thế?

Tôi không còn sức để nói ra lời. Cô chị đề nghị tôi chỉ cần nói chữ cái đầu tiên. Như vậy dễ hơn. Cô chị cả tên là Anna, cô em út là Béceta [Berta]. Thành thử tôi đã nói không phải chữ đầu mà là chữ thứ hai trong bảng chữ cái (B).

- Bê (B)? - Anna nhắc lại về thất vọng và câu chuyện dừng lại ở đó.

Hôm sau tôi đến nhà Cốttxchia học và cũng như mọi lần, tôi đi qua cái hành lang dài ở tầng ba về hướng sân chơi. Từ bậc nghỉ ở cầu thang, tôi đã thấy hai chị em với bà mẹ ngồi ở hành lang trước cửa nhà họ. Khi chỉ cách nhóm phụ nữ này vài bước, tôi cảm thấy bị đâm chông chéo bởi những mũi kim trong cái nhìn chế nhạo của họ. Cô em không mỉm cười, ngược lại cô nhìn đi chỗ khác về lạnh lùng kinh khủng. Tức thì tôi hiểu ngay là mình đã bị phản bội. Bà mẹ và cô chị bắt tay tôi với một ý rõ ràng: "Này cậu, giờ thì chúng tôi đã biết sau cái bộ dạng nghiêm túc của cậu là thứ gì rồi". Cô em chia bàn tay cho tôi như một mảnh gỗ, không thêm nhìn và không đáp lại cái xiết tay của tôi. Sau đó, tôi còn phải đi một đoạn ngắn nữa trên hành lang rồi quay ngang dưới con mắt hành hạ của hội đàn bà. Trong suốt thời gian ấy, tôi cảm thấy những cái nhìn giết người xuyên vào lưng tôi. Sau cuộc phản bội tai quái ấy, tôi quyết định đoạn tuyệt với đám người xảo quyệt này, không đến nhà họ nữa, quên họ đi, tổng họ vĩnh viễn khỏi trái tim tôi. May mà kỳ nghỉ hè sắp bắt đầu đã giúp tôi trong chuyện này.

Giữa chừng, hoàn toàn đột ngột, người ta nhận thấy tôi bị cận thị. Tôi được đưa đến một bác sĩ nhãn khoa, ông kê đơn cho tôi mua kính. Không thể nói rằng tôi buồn phiền vì thế: dù sao đôi kính cũng cho tôi một vẻ quan trọng. Tôi đã tưởng tượng ra trước cái cảnh tôi đeo kính khi trở về Ianópca và tôi khoái chí. Nhưng với cha tôi thì cặp kính là một đòn ông không chịu nổi. Ông cho rằng tất cả chỉ là giả vờ, làm điệu và nhất quyết buộc tôi cất kính đi. Tôi cố thuyết phục ông rằng trong lớp tôi không thấy chữ cái trên bảng và tôi không đọc được các bảng treo trên đường phố, nhưng vô ích. Thành thử lúc về Ianópca tôi chỉ có thể đeo trộm kính mà thôi.

Tuy nhiên khi về thôn quê, tôi bạo dạn, hiên ngang và tháo vát hơn nhiều. Dường như tôi hát được khỏi vai thứ kỳ luật của phố phường. Tôi cưới ngựa một mình đến Bôbrinhét và trở về ngay trong buổi chiều hôm ấy. Đó là một cuộc thử sức đường dài năm chục cây số. Ở Bôbrinhét, tôi đeo kính và không nghi ngờ về ấn tượng gây ra trong phố.

Tại Bôbrinhét chỉ có một trường thị trấn cho con trai. Trường Trung học Cổ điển gần nhất ở Êlidavétgorát, cách đó chừng năm chục cây số. Nhưng Bôbrinhét có một tiền học đường Trung học cho nữ. Các nữ sinh trường này làm bạn với các cậu con trai trường thị trấn. Nhưng tình thế thay đổi hẳn trong vụ hè. Bọn Trung học Cổ điển và Hiện đại từ Êlidavétgorát trở về với đồng phục lộng lẫy, điệu bộ thanh nhã, chúng làm lu mờ lũ học sinh ở Bôbrinhét. Mâu thuẫn thật khốc liệt. Bị xúc phạm, bọn con trai trường thị trấn làm thành những tổ xung kích nhỏ và không chỉ dùng đá và gậy gộc, chúng sử dụng cả dao.

Một lần, tôi ngồi bình yên trên cánh dậu trong vườn một gia đình quen và đang thưởng thức những quả chín thì bị ai đó ném một hòn đá lớn vào đầu. Đây chỉ là một tình tiết nhỏ trong cuộc chiến đấu kéo dài và không loại trừ đổ máu, chỉ dừng lại sau khi các đảng cấp đặc quyền, đặc lợi ấy đi khỏi Bôbrinhét vào đầu năm học mới.

Ở Êlidavétgorát tình hình lại khác: trong suốt năm, học bọn học sinh Cổ điển và Hiện đại chiếm lĩnh đường phố và mọi trái tim. Nhưng khi hè đến bọn sinh viên đại học trở về từ Kháccốp, Ôđétxa và các

đô thị xa hơn - nơi có trường đại học - lũ Cô điển tức khắc bị dồn vào hậu trường. Mâu thuẫn ở đây cũng rất tàn khốc. Không thể tả xiết sự phân trác của các cô nữ sinh trung học. Nhưng ở đây, theo những luật lệ đã định hình, vũ khí tinh thần được ưu tiên sử dụng hơn.

Ở làng tôi chơi bóng chày, chơi ky, tôi hướng dẫn các trò chơi nhỏ có đặt cược và nói những lời khiếm nhã với con gái. Cũng ở đó, tôi tập đi xe đạp trên cái thiết bị hai bánh hoàn toàn do Ivan Vaxilievich làm ra. Việc này giúp tôi sau này bạo dạn ra tập ở sân đua xe đạp Ôđétxa. Còn hơn thế: ở nông thôn tôi một mình cai quản một con ngựa đực giống thuần chủng, mắc vào xe đua. Thời kỳ đó ở Ianópca, người ta đã có những con ngựa đẹp dùng để kéo xe. Tôi mời bác Bróttxki [Brodsky], vốn làm nghề nấu bia, đi dạo chơi với tôi.

- Nhưng cháu không để lật ngã bác đấy chứ? - bác hỏi. Bróttxki là người bản tính không ưa chuyện mạo hiểm.

- Lật làm sao được hả bác! - tôi nói về phật ý khiến bác thờ dài và đành ngồi lên xe sau lưng tôi.

Tôi ra khỏi tường rào, vượt qua cái rãnh ra con đường cạnh nhà cối xay mà cơn mưa mùa hè mới xối lên. Con ngựa hồng muốn ra chỗ thoáng đạt, nó bực bội vì phải leo một sườn dốc và chạy ngung nguẩy. Tôi căng dây cương, dậm cả hai chân lên phần trước xe và nâng người lên vừa đủ để bác khỏi thấy cảnh tôi nứu cả thân hình vào dây cương. Nhưng con ngựa đực cũng thuộc giống tự ái. Nó trề hơn tôi ba lần, nó lên bốn còn tôi thì mười ba. Lồng lên với cái xe nhẹ, nó tức tối như một con mèo muốn vứt khỏi cái võ đồ hộp bị buộc vào đuôi. Tôi cảm thấy sau lưng, bác Bróttxki đã thôi hút thuốc, thờ dòn dập hơn và chuẩn bị đưa ra một thứ tối hậu thư nào đó. Tôi ngồi lại vững chãi hơn, thả lỏng dây cương và để thêm tự tin, tôi đánh lười theo nhịp xóc của con ngựa giống đang chạy.

- Đùng giỡn chú nhóc ạ! - tôi nói giọng bẻ trên với con ngựa khi nó thử chạy nước kiệu và dang rộng khuỷu tay.

Tôi cảm thấy bác tôi đã bình tĩnh trở lại và lại rít thuốc lá. Tôi đã thắng cuộc, mặc dầu tim đập mạnh như nước đua của con ngựa hồng.

Trở lại thành phố, tôi lại cúi đầu khuất phục trước cái ách kỷ luật. Tôi chịu đựng nhưng không phải cố gắng lắm. Các trò chơi và thể thao nhường chỗ cho sách vở và một phần sân khấu. Tôi phục tùng thành phố tuy không tiếp xúc với nó mấy. Đời sống đô thị hầu như trôi qua bên cạnh tôi. Và không phải chỉ bên cạnh tôi. Ngay những kẻ trưởng thành cũng cố gắng không thò đầu ra cửa sổ. Có lẽ Ôđétxa là thành phố sen đầm nhất trong nước Nga cảnh binh thời ấy.

Trong thành phố, nhân vật chính là gã thị trưởng có biệt danh Lục-nhị (Dêliônui [Zéliónoi] Đê nhị), cựu chuẩn đô đốc hải quân. Quyền lực vô biên của hắn được phối hợp với một tính khí không gì phanh hãm nổi. Vô số giai thoại về hắn được những người dân Ôđétxa truyền miệng thì thầm với nhau. Ở nước ngoài, trong một nhà in tự do, vào những năm ấy người ta ấn hành cả một tập sách về những chiến tích của cựu chuẩn đô đốc Lục-nhị.

Tôi chỉ thấy hắn một lần từ sau lưng. Và như thế cũng là quá đủ. Gã thị trưởng vươn cả thân hình lên khỏi đội ngũ lính tráng của hắn, tuôn ra bằng một giọng khàn khàn những lời chửi rủa trên khắp đường phố và vung vẩy nắm đấm. Trước mặt hắn, những cảnh binh sắp thành hàng ngũ, tay đặt lên vành mũ và những người tạp dịch cầm mũ trên tay. Sau các bức màn che cửa, thấp thoáng những khuôn mặt hoảng sợ. Tôi kéo lại dây quàng chiếc túi đeo lưng và rảo bước về nhà.

Khi muốn làm sống lại trong ký ức hình ảnh nước Nga chính thống thời niên thiếu, tôi thấy trước mặt mình cái lưng của gã thị trưởng, thấy nắm đấm của hắn vung vẩy trong không khí và nghe thấy những lời chửi rủa không mấy khi được đưa vào các pho tự điển.

CHƯƠNG IV

SÁCH VÀ NHỮNG XUNG ĐỘT ĐẦU TIÊN

Thiên nhiên và con người chiếm ít chỗ trong đời sống tinh thần hàng ngày của tôi so với sách vở và tư tưởng, không chỉ vào những năm còn đi học mà cả sau này, trong thời thanh niên của tôi. Mặc dầu được sinh ra ở nông thôn, tôi không nhạy cảm lắm với thiên nhiên. Tôi chỉ phát triển khả năng để ý và thấu hiểu tự nhiên vào thời sau này, khi tôi đã để lại sau lưng không chỉ thời niên thiếu mà cả những năm đầu của

thời thanh niên. Một thời kỳ dài, con người đi qua ý thức của tôi như những chiếc bóng tình cờ. Tôi tự tìm hiểu bản thân và sách vở và trong đó, tôi lại kiếm tìm bản thân và tương lai của mình.

Tôi bắt đầu đọc sách từ năm 1887, hồi Mốixây Philippovich đến Ianópca: anh mang theo một chồng sách, trong số đó có cả những cuốn giọng điệu rất dân dã của Tônxtôi [Tolstoi]. Trong thời gian đầu, chú vào sách không phải là một công việc nhẹ nhàng gì, thậm chí còn mệt nhọc là khác. Mỗi cuốn sách mới đem lại những trở ngại mới: những từ ngữ lạ lẫm, những tình cảnh sống khó hiểu và sự bấp bênh phân chia thực tại và hư ảo. Trong đa số trường hợp tôi không có ai để hỏi. Những khi ấy tôi thường lạc lối, tôi bỏ cuộc rồi lại bắt đầu từ đầu, niềm vui mơ hồ của sự hiểu biết trộn lẫn với nỗi sợ hãi những thứ mới lạ. Có thể so sánh việc đọc sách của tôi thời ấy như một chuyến đi xe ngựa buổi đêm trong thảo nguyên: ta nghe thấy tiếng bánh xe nghiêng, tiếng người thì thào, những đống củi ven đường xuất hiện từ bóng tối; đường như mọi thứ đều quen thuộc, cùng lúc ấy, ta không biết điều gì đang xảy ra, ai đi và mang vác cái gì, ta không biết cả chính mình đang đi đâu, tiến hoặc lùi. Và không có ai giải thích cho bạn, theo kiểu của bác Grigori, rằng "đó là những nông dân chờ ngũ cốc cho chúng ta".

Ồ Ôđétxa có nhiều sách vở hơn hẳn và tôi được hướng dẫn một cách chăm chú và ân cần. Tôi bắt đầu ngấu nghiến sách vở. Chỉ có thể tách tôi khỏi chúng khi mọi người bắt tôi đi dạo. Khi đi chơi, tôi sống lại những gì đã đọc và vội vã muốn biết phần tiếp theo. Cứ tối tối, tôi xin thêm mười lăm phút nữa, hoặc ít ra dăm phút, để đọc hết một chương. Tôi nào cũng xảy ra những cuộc cãi cọ lật vạt về chuyện đó.

Sự ham muốn được thấy, được biết, được chiếm lĩnh nảy sinh và tìm thấy lối thoát trong quá trình tiếp thu không mệt mỏi những trang sách in; bàn tay và đôi môi con trẻ của tôi lúc nào cũng vươn về ly rượu của sáng tạo văn học. Những điều thú vị, cảm động, niềm vui, nỗi buồn mà sau này cuộc sống sẽ giành cho tôi đều đã chứa đựng trong những cảm xúc khi tôi đọc sách, như mỗi liên tưởng hứa hẹn nào đó, như một bức phác thảo rụt rè và nhẹ nhàng bởi cây bút chì hoặc màu nước.

Trong những năm đầu tôi trọ học ở Ôđétxa, các buổi đọc sách chung ban đêm là những giờ, hay đúng hơn là những nửa giờ đẹp nhất trong ngày, khi tôi đã làm xong bài tập về nhà và chưa đi ngủ. Moisei Philippovich là người đọc, anh hay đọc Pútsokin [Pouchkine] hoặc Nhêcoraxốp [Nékrassov] và thường đọc Nhêcoraxốp hơn. Nhưng cứ đến giờ đã định là chị Phanni Xôlômônốpna luôn lên tiếng:

- Lióvútsca [Liovouchka], đến giờ đi ngủ rồi đấy.

Tôi nhìn chị van vi.

- Này cậu bé, phải đi ngủ thôi - Mốixây Philippovich nói.

- Thêm năm phút nữa mà! - tôi van nài và người ta cho thêm năm phút. Sau đó tôi hôn từ biệt anh chị và đi ngủ với cảm giác rằng tôi có thể nghe anh đọc suốt đêm, nhưng vừa đặt đầu xuống gối là tôi đã ngủ ngay.

Xôphia [Sóphia], một nữ sinh lớp tám trường Trung học Cổ điển, bà con xa của tôi, tình cờ đến trọ tại gia đình Spénxe vài tuần để tránh cơn dịch sốt phát ban ở nhà cô. Đó là một cô gái rất có năng khiếu và đọc nhiều, dù cô hơi thiếu bản sắc và cá tính. Cô tàn tạ rất nhanh. Tôi hâm mộ cô, cứ mỗi ngày lại tìm thấy ở cô những kiến thức và phẩm chất mới và thường xuyên cảm thấy sự kém cỏi của mình. Tôi chép lại cho cô chương trình thi và giúp cô vô số những việc lật vạt. Sau bữa trưa, khi người lớn đi ngủ, chúng tôi đọc cho nhau nghe rồi dự định cùng làm chung một tập thơ châm biếm với nhan đề *Du lịch lên cung trăng*. Trong công việc này tôi thường xuyên đề mắt nhíp thơ. Vừa gọi ra được một ý nhỏ nào đó, người chị cùng cộng tác với tôi liền nắm bắt lấy, phát triển nhanh đề tài và đưa ra hàng loạt khả năng khác; cô tìm vãn rất dễ dàng và hầu như cuốn tôi theo. Khi thời gian sáu tuần tránh bệnh dịch đã trôi qua và Xôphia trở về nhà, tôi cảm thấy mình đã lớn.

Trong số những người quen biết xuất sắc của gia đình, có Xécgây Ivanovich Xutrépxki [Serguei Ivanovitch Sytchovsky], một nhà báo già lãng mạn, một học giả và nhà bình luận nổi tiếng ở miền Nam về Sếchxpia [Shakespeare]. Đó là một người có tài nhưng hỏng vì rượu chè. Vì quá chén, ông luôn có mặc cảm tội lỗi đối với mọi người, kể cả với con trẻ. Ông quen Phanni Xôlômônốpna từ thời còn trẻ và thân mật gọi cô là Phaniúttsca [Faniouchka]. Ngay từ buổi đầu, Xécgây Ivanovich rất quý tôi. Sau khi gạn hỏi tôi về những gì xảy ra trong trường, ông giao cho tôi một đề tài: so sánh hai bài thơ *Nhà thơ và người buôn sách* của Pútsokin và *Nhà thơ và người công dân* của Nhêcoraxốp. Tôi lạnh toát cả người. Tôi chưa đọc tác phẩm thứ hai trong hai tác phẩm kể trên và Xutrépxki làm tôi rất sợ vì tư cách nhà văn của ông. Hai từ ấy đối với tôi là một tiếng vang dội từ một đỉnh cao xa vời.

- Chúng ta sẽ đọc ngay hai bài thơ này - Xécgây Ivanovich nói và bắt đầu đọc với giọng tuyệt vời.

- Cháu hiểu chứ? Thế thì bắt đầu đi!

Tôi được đưa vào phòng, người ta trao cho tôi tác phẩm của Pútsokin và Nhêcoraxốp cùng giấy và mực.

- Nhưng em không thể làm được - tôi thì thào vào tai chị Phanni Xôlômônốpna một cách ảo não -,

em viết gì bây giờ.

- Đừng hồi hộp - chị trả lời và vuốt ve tóc tôi -, em hiểu thế nào thì cứ viết như thế, đơn giản thôi mà. Chị có đôi tay nhẹ nhàng và giọng nói dịu dàng. Tôi tự trấn tĩnh lại một chút, nghĩa là tìm cách vượt lên được tính tự ái bản thân đang bị khiếp đảm và bắt đầu viết,

Gần một giờ sau, mọi người bắt tôi nộp bài. Tôi cầm tờ giấy lớn đầy chữ viết và trao nó vào tay nhà văn với một nỗi run rẩy chưa từng biết đến trong nhà trường. Xécgây Ivanovich im lặng đọc lướt qua vài dòng rồi quay lại phía tôi, mắt ông tỏa ra những tia lửa, ông kêu lên:

-Này, thử nghe cậu ta viết... Thế mới thực là một chàng trai cừ khôi chứ!

Và ông đọc to:

- "Nhà thơ sống cùng với thiên nhiên thân yêu mà mỗi âm thanh vui hay buồn đều có tiếng dội trong tim anh..."

Xécgây Ivanovich giơ ngón tay lên:

- Tuyệt vời quá..."mà mỗi âm thanh", các vị nghe chứ, "vui hay buồn, đều có tiếng dội trong tim anh"...

Và những câu nói ấy ghi sâu vào trái tim tôi, khiến tôi nhớ suốt đời...

Bữa trưa Xécgây Ivanovich đùa cợt nhiều, ông hỏi tương, kể chuyện, hứng khởi vì ly vốt-ca luôn được chuẩn bị sẵn cho ông. Thịnh thoảng ông lại nhìn tôi từ góc bàn phía bên kia và kêu lên:

- Cậu viết cừ quá, phải ôm hôn cậu mới được.

Ông dùng khăn mặt lau chùi cẩn thận bộ ria và đôi môi rồi đứng dậy khỏi ghế và loay hoay đi vòng quanh bàn. Tôi ngồi đợi như đợi một tai họa, một tai họa vui mừng nhưng vẫn cứ là một tai họa.

- Đứng dậy cậu, Liôvôtroca [Liovotchka], đến trước ông ấy đi - Môixây Philippovich thì thảo với tôi.

Sau bữa trưa, Xécgây Ivanovich đọc thuộc lòng bài thơ châm biếm *Giấc mơ của Pôpốp* [Popov]. Tôi quan sát hết sức chăm chú bộ ria xám bạc mà những lời hài hước được tuôn ra từ đó. Tình trạng nửa say, nửa tỉnh của nhà văn không làm uy tín của ông bị suy suyền chút nào trong mắt tôi. Lũ trẻ con rất có khả năng triu tượng hóa mọi việc.

Đôi khi trước lúc hoàng hôn, tôi đi dạo với Môixây Philippovich và nếu anh đang vui vẻ, chúng tôi nói về đủ thứ chuyện khác nhau. Một lần, anh kể cho tôi nội dung vở nhạc kịch *Phauxtơ* [Faust] mà anh rất thích. Tôi nghe như muốn nuốt lấy lời của anh và mơ ước được xem vở ấy một lần trên sân khấu. Cứ theo giọng người kể, tôi cảm thấy chúng tôi đang đến gần một đoạn rắc rối. Tôi cổ vũ cho người kể và sợ không được biết đoạn tiếp sau của câu chuyện. Nhưng Môixây Philippovich tự làm chủ được mình và anh tiếp tục như sau: "Và thế rồi... Grétchen [Gretchen] có một đứa con trước ngày cưới..."

Khi qua được điểm kịch tính ấy, cả hai chúng tôi đều cảm thấy dễ chịu hơn và câu chuyện kết thúc không mấy khó khăn.

Lần khác tôi phải nằm với một miếng gạc trên họng. Để an ủi, người ta cho tôi đọc *Ôliver Tuýttxơ* [Oliver Twist] của Đíchken [Dickens]. Câu nói đầu tiên của ông bác sĩ trong nhà hộ sinh - nhận xét rằng người phụ nữ không đeo nhẫn trên tay - khiến tôi thấy ngỡ ngàng:

- Thế nghĩa là thế nào? - tôi hỏi Môixây Philippovich. - Sao lại có chuyện cái nhẫn ở đây?

Anh trả lời với giọng ngập ngừng:

- Thế này, cậu ạ... khi người ta chưa có gia đình thì không có nhẫn.

Tôi lại nhớ đến Grétkin. Và số phận của Ôliver Tuýttxơ tỏa ra trong suy tưởng của tôi từ chiếc nhẫn, chiếc nhẫn không có ấy. Thế giới những mối quan hệ con người thuộc phạm vi cảm đoán tràn vào ý thức của tôi qua sách vở, và còn rất nhiều điều tôi nghe được tinh cò, thường là những lời thô tục, khiếm nhã, giờ đây được khái quát hóa, được làm đẹp và nâng lên một mức độ cao hơn trong văn học.

Vào thời gian ấy, tác phẩm mới ra đời của Tônxtôi mang tên *Sức mạnh của bóng tối* làm sôi động dư luận. Người ta nói đến nó với nhiều ngụ ý và bình luận cuốn sách một cách sa đà. Pôbêđônôtxép [Pobiédonotsev] xin Aléchxandơơ Đê tam cầm trình diễn vở này trên sân khấu. Tôi biết Môixây Philippovich và Phanni Xôlômônôpna - sau khi đã bắt tôi đi ngủ - cùng nhau đọc vở bi kịch ấy ở phòng bên. Tôi chỉ nghe tiếng thì thầm đều đều.

- Thế em có được đọc không? - tôi gạn hỏi.

- Không, chú bò câu của tôi ạ, còn quá sớm đối với em - họ trả lời tôi bằng một giọng cương quyết khiến tôi không dám nài nỉ thêm.

Tuy nhiên tôi nhận thấy cuốn sách mỏng mới tinh này xuất hiện trên một ngăn sách quen thuộc. Thừa lúc người lớn đi vắng, tôi vẫn cứ đọc vở kịch ấy của Tônxtôi. Nó tác động đến tôi ít hơn nhiều so với điều những người nuôi dạy tôi lo ngại. Những đoạn bi thảm nhất - như đoạn đứa bé bị bóp cổ hay chuyện những mẩu xương bị vỡ vụn ra như thế nào - không cho tôi một cảm giác thực tế khủng khiếp, tôi chỉ coi

chúng như một hư cấu sách vở, một ý tưởng sân khấu, tóm lại tôi hoàn toàn không hiểu bản chất của câu chuyện.

Trong vụ nghi hề, trên nóc tủ, ngay dưới trần nhà và giữa đám giấy cũ, tôi tìm thấy một quyển sách do anh cả tôi đem về từ Êlidavétgorát. Mở ra tôi thấy một vẻ gì lạ thường và bí hiểm trong đó. Đây là biên bản tòa án về việc một cô gái nhỏ bị giết sau khi bị hãm hiếp. Cuốn sách đầy ắp những nhận xét về y tế và pháp lý, tôi đọc nó trong trạng thái hoàn toàn hoảng sợ, như một kẻ lạc vào rừng trong đêm tối, đụng đầu vào những cây cối hình thù ma quái lơ mờ dưới ánh trăng và không tìm nổi đường ra. Nhưng ấn tượng ấy đã tan đi rất nhanh. Tâm lý con người, đặc biệt là tâm lý trẻ em có những đệm, những phanh hãm, những lối thoát, những bộ phận giảm tốc, đó là một hệ thống lớn được thiết lập hoàn thiện để phòng ngừa những va chạm quá đột ngột hoặc quá sớm.

Tôi đến nhà hát lớn lần đầu tiên khi học lớp dự bị. Đó là một điều khó tưởng tượng và không thể diễn tả nổi. Người ta cho tôi đi xem một vở kịch tiếng Ucoraina mang tựa đề *Nada Xtôđôlia* [Nazar Stodolia], tôi cùng đi với ông khán trưởng Grigôri Khôlôt [Gregory Kholod]. Lần ấy, mặt tôi tái nhợt - sau này ông Grigôri kể lại điều đó với Phanni Xôlômônôpna - và tôi cảm thấy đau khổ vì không đủ sức chứa được hết niềm vui tràn ngập trong lòng. Trong giờ giải lao giữa các hồi, tôi không nhúc nhích khỏi chỗ ngồi để khỏi bỏ qua chút gì, lạy Chúa lòng lành! Buổi biểu diễn kết thúc bằng một vở hí kịch *Anh bạn cùng nhà thổi kèn lệnh*. Căng thẳng của vở bi kịch được giải tỏa bằng những trận cười thỏa thuê. Tôi cựa quậy người trên ghế ngồi, ngoảnh đầu về phía sau rồi lại căng mắt lên sân khấu.

Về nhà tôi kể lại vở *Anh bạn cùng nhà thổi kèn lệnh* và thêm vào câu chuyện các chi tiết mới để gây nên những tràng cười như tôi vừa mới trải qua. Và tôi buồn rầu nhận thấy mình không đạt được mục đích.

- Thế cậu không thích vở *Nada Xtôđôlia* phải không? - Môixây Philíppôvích hỏi tôi.

Tôi cảm thấy sự trách móc trong những câu nói ấy; nhớ lại những đau khổ của Nada, tôi đáp:

- Sao lại không? Vở kịch thật tuyệt vời!

Trước ngày lên năm thứ ba, tôi sống một thời gian ngắn gần Ôđétxa ở nhà chú tôi, một kỹ sư. Một bữa, tôi được xem một buổi biểu diễn nghiệp dư trong đó anh Corugoliacóp [Krougliakov], học sinh trường tôi thủ vai người đầy tớ. Đó là một cậu bé yếu phổi, mặt đầy những vết hoe, có cặp mắt rất thông minh nhưng rất ốm yếu. Tôi rất quyến luyến anh và vật nài anh tổ chức chung một buổi biểu diễn với tôi. Cuối cùng chúng tôi chọn *Người hiệp sĩ keo kiệt* của Pútsokin. Tôi đóng vai người con, còn Corugoliacóp đóng vai người cha. Tôi hoàn toàn tuân thủ sự hướng dẫn của anh và bỏ ra nhiều ngày liền để học thuộc lòng các khổ thơ Pútsokin. Thật là một trạng thái đầy hồi hộp và xúc động tuyệt vời! Nhưng chẳng bao lâu tất cả đều sụp đổ: cha mẹ Corugoliacóp cấm anh diễn kịch, viện lý do anh không được khỏe. Sau ngày tựu trường anh chỉ có mặt ở trường vài tuần đầu. Mỗi lần tôi đợi anh ở cổng trường để nói chuyện với anh về văn học trên quãng đường về nhà. Nhưng ít lâu sau, Corugoliacóp vắng mặt hoàn toàn. Tôi biết anh ốm, vài tháng sau được tin anh chết vì bệnh lao.

Ma lực của sân khấu chiếm lĩnh tôi trong nhiều năm. Sau đó tôi mê nhạc kịch Ý mà thành phố Ôđétxa rất tự hào. Đang còn học năm thứ sáu, tôi đã dạy tư nhằm mục đích kiếm tiền để đi xem hát. Trong nhiều tháng liền, tôi thâm yêu trộm nhớ một giọng nữ cao có cái tên bí ẩn là Giudéppina Uyghét [Giuseppina Huguette] và tôi tưởng như nàng từ trên trời lượn xuống sân khấu nhà hát kịch Ôđétxa chỉ trong một quãng thời gian ngắn.

Tôi không được phép đọc báo chí, nhưng về khoản này chế độ cũng không nghiêm khắc lắm. Và dần dần, đôi khi cũng phải nhượng bước, tôi được quyền đọc báo, chủ yếu là những tờ ra từng kỳ. Báo chí Ôđétxa nói nhiều nhất về sân khấu, đặc biệt là về nhạc kịch và dư luận công chúng dường như chỉ va chạm nhau trong sự sùng bái sân khấu. Chỉ trong lĩnh vực đó, các báo chí được phép bày tỏ chút ít sự say mê của mình.

Trong thời gian này, một ngôi sao viết báo giải trí từng kỳ tên là Đôrôxêvích [Dorochévitch] đang lên như diều. Một thời gian ngắn, Đôrôxêvích trở thành người chủ của những suy tưởng mặc dầu ông chỉ viết về những chuyện nhỏ nhặt, nhiều khi còn vô nghĩa. Nhưng rõ ràng ông có tài và dưới hình thức mạnh dạn của những tin tức xét ra là vô hại, dường như ông đã đục một lỗ thông hơi cho cái thành phố Ôđétxa bị bế quan tỏa cảng bởi Dêliônuri Đê nhị. Tôi sốt ruột vô lấy tờ báo buổi sáng, lục tìm chữ ký của Đôrôxêvích. Các bài báo của nhà văn này đã làm say mê những ông bố có tư tưởng tự do và cả những đứa con chưa có ý tưởng cực đoan.

Ngay từ những năm đầu, tôi đã ham mê viết văn; sự ham mê ấy theo đuổi tôi, khi yếu, khi mạnh, nhưng tóm lại nó ngày càng lớn lên. Thế giới các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ luôn luôn là thứ hấp dẫn nhất đối với tôi, tôi biết lối vào thế giới đó chỉ mở ra với một số ít người ưu tú.

Lên năm thứ hai, chúng tôi quyết định ra một tờ tạp chí. Về việc đó rất nhiều lần tôi hỏi ý kiến

Môixây Philippovich, anh còn đặt tên cho tờ tạp chí là *Cáplia* [Kaplia] (Giọt nước), ngụ ý lớp thứ hai trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn đóng góp giọt nước nhỏ bé này vào đại dương văn học. Nhân dịp ấy tôi làm một bài thơ mang tính cương lĩnh. Đa số thơ và truyện ngắn là của tôi. Một trong những cây vẽ của chúng tôi trang trí tờ bìa rất rườm rà. Ai đó đề nghị giới thiệu tờ tạp chí cho ông Corugianốpki. Anh I. trợ học ở nhà thầy giáo đảm nhận việc này. Anh đã thực hiện nhiệm vụ một cách xuất sắc: rời khỏi ghế, anh lại bàn thầy giáo, quả quyết đặt tờ *Cáplia* lên bàn, cúi chào lễ phép và trở về chỗ ngồi bằng những bước chân mạnh mẽ. Cả lớp nín thở và im phăng phắc.

Ông Corugianốpki nhìn tờ bìa, nhãn đôi lông mày cùng râu mép và râu cằm rồi bắt đầu đọc tác phẩm của chúng tôi. Một sự im lặng bao trùm cả lớp học, chỉ có tiếng lào xào khe khẽ của các trang giấy tờ tạp chí.

Rồi thầy Corugianốpki đứng lên bục và đọc bằng một giọng trầm lắng bài *Giọt nước nhỏ trong trẻo* của tôi.

- Có hay không? - thầy hỏi.

- Thưa hay ạ! - tiếng trả lời khá đồng thanh.

- Hay thì cũng hay đấy - thầy Corugianốpki nói -, nhưng tác giả của nó không biết thi pháp. Nào, hãy thử xem, anh có biết thế nào là một âm tiết không?

Quay về phía tôi, ông đoán ra ngay tôi dưới cái bút danh khá lộ liễu. Tôi thú thật với thầy là tôi không biết.

- Vậy thì tôi sẽ nói cho các anh nghe về chuyện này.

Và thế là - để dành phần ngữ pháp và cú pháp vào các buổi khác -, ông giảng giải cho lũ học sinh lớp hai về những bí ẩn của âm luật học. Cuối cùng ông nói:

- Về phần tờ tạp chí, tốt hơn cả là đừng làm tạp chí, cũng chẳng cần đến "đại dương văn học", chỉ nên là một cuốn vở bài tập...

Bởi vì trong thực tế, người ta cấm ra tạp chí trong nhà trường. Nhưng giải pháp lại đến từ một phía khác. Đòi học sinh êm đềm của tôi đột ngột bị cắt đứt, tôi bị đuổi khỏi trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn.

Từ thuở thơ ấu ban đầu, tôi đã có nhiều cuộc xung đột xuất phát từ "mảnh đất của cuộc chiến chống lại sự chà đạp luật pháp", như cách nói của một luật gia. Tôi thường xuyên gán bó hay đoạn tuyệt với bạn bè trên cơ sở ấy. Sẽ quá dài nếu điểm qua tất cả các tình huống, nhưng trong nhà trường tôi đã có hai vụ nghiêm trọng.

Xung đột trầm trọng nhất của tôi xảy ra với ông Buócnang khi tôi học lớp hai, chúng tôi gọi ông là "người Pháp" tuy ông là người Thụy Sĩ. Trong nhà trường, tiếng Đức được dạy trên một tầm gần như tiếng Nga. Nhưng với tiếng Pháp thì mọi thứ trở nên khá khó khăn. Đại đa số học sinh mới được làm quen với thứ tiếng này lần đầu trong nhà trường, đặc biệt, tiếng Pháp là ngoại ngữ khó đối với học sinh Đức, con cái những kiều dân. Buócnang sát phạt ghê gớm những học sinh này. Nạn nhân đầu bảng của ông là Vácke, một kẻ quả thực học rất kém. Nhưng một hôm, số đông - thậm chí tất cả mọi người - đều có ý kiến là Buócnang không công bằng khi cho Vácke điểm "1". Hơn thế nữa, vào hôm đó Buócnang cũng đặc biệt khát máu vì ông ta đã nuốt một liều gấp đôi số kẹo chữa bệnh tiêu hóa.

- Cho ông ấy một bản hợp tấu đi! - lũ học sinh thì thào, nháy mắt nhìn nhau và lấy cùi tay huých nhau. Tôi cũng thuộc số ấy, không phải những đứa cuối, thậm chí còn thuộc loại đầu tiên đề xuất ra.

Trước đó, đã nhiều lần chúng tôi tổ chức những bản "hợp tấu" như thế, nhất là với ông giáo dạy vẽ mà chúng tôi thù ghét vì bản tính ngu xuẩn đến độc ác của ông ta.

Một bản "hợp tấu" là như thế này: khi thầy giáo đi ra cửa, cả lớp tiễn thầy bằng một tiếng ầm ì to, nhưng không đứa nào hé môi để không bắt được quả tang thù phạm. Đã hai lần chúng tôi tiễn Buócnang như thế, nhưng rất khẽ, chỉ thì thào thôi vì chúng tôi sợ ông. Nhưng lần này chúng tôi táo tợn ra mặt. Ông "người Pháp" vừa cấp nách cuốn sổ đầu bài của lớp thì một tiếng hú vang lên từ góc trái và lan thành một làn sóng đậm đặc đến chiếc ghế băng gần cửa ra vào.

Tôi cũng làm hết sức mình. Buócnang đã ra đến thềm cửa, ông quay ngoắt trở lại và nhào vào giữa lớp, đứng đối diện với lũ trẻ thù địch, mặt mày tái nhợt, mắt tóa lửa nhưng lặng thinh không nói gì. Bọn trẻ ngồi ở bàn liền lấy lại ngay vẻ mặt vô tội nhất, đặc biệt là những đứa ngồi ở bàn đầu. Lũ ở cuối lớp làm bộ lục lọi cặp như chẳng có việc gì xảy ra. Buócnang dừng lại nửa phút rồi quay ra cửa, giận dữ tới mức tà áo căng ra như cánh bướm. Lúc đó một tiếng hú đồng thanh tiễn ông "người Pháp", theo ông rất xa dọc hành lang.

Đầu giờ học hôm sau Buócnang, Svanêbác và ông chủ nhiệm Maye [Mayer] cùng đến lớp. Chúng tôi gọi Maye là "con cừu" vì ông có đôi mắt lồi, cái trán dô ra bướng bỉnh và trí óc đàn độn. Svanêbác nói

lời khai mào, cẩn thận cố tránh những hiểm hóc của lối chia động từ và biến thể tiếng Nga, Buốcnang hàm hè trả thù, còn Maye tròn tròn mắt dò xét lũ học sinh từng đứa một, ông gọi tên những thằng nghịch nhất và nói với chúng:

- Này, chắc chắn là có mày vào đấy!...

Một số chổi, lũ còn lại im lặng. Như thế, mười hoặc mười lăm cậu bị phạt "nhịn bữa trưa": phải lưu lại lớp một hai giờ. Những đứa khác được thả ra, tôi cũng ở trong số ấy, mặc dầu khi điểm danh tôi thấy dường như Buốcnang nhìn tôi soi mói. Tôi không làm gì để được thả nhưng cũng không tự đi đầu thú. Ra khỏi lớp, tôi còn có ý tiếc rẻ vì giá ở lại cùng chúng bạn thì vui hơn.

Sáng hôm sau, trên đường đi đến trường và đã gần như quên hết câu chuyện bữa trước, tôi gặp ở cổng trường một cậu bạn cùng lớp thuộc nhóm bị phạt:

- Này nghe đây - anh nói với tôi -, tai họa đấy, hôm qua Đanhilốp [Danilov] mách lẻo cậu với Maye rồi, Maye đã cho mời Buốcnang, cả ông hiệu trưởng cũng đến. Họ gạn hỏi xem cậu có phải là đầu trò không.

Lòng dửng dưng của tôi như biến đầu mất. Vừa đúng lúc đó, thầy chủ nhiệm Piốt Páplovích xuất hiện:

- Đến chỗ ông hiệu trưởng đi.

Việc ông chủ nhiệm đứng chờ tôi trước cửa và nói với một giọng như thế chẳng báo hiệu điều gì tốt lành.

Hỏi đường những người trực cửa, tôi đến một hành lang chưa từng biết, tại đó có phòng của hiệu trưởng và tôi dừng lại trước cửa. Khi ông hiệu trưởng đi qua cạnh tôi, ông nhìn tôi một cách ý nghĩa và lắc đầu. Tôi đứng đờ người, dờ sống dờ chết. Ông hiệu trưởng lại ra khỏi phòng và chỉ nói: "Tốt, tốt". Tôi cảm thấy chẳng tốt chút nào.

Vài phút sau đến lượt các thầy giáo ra khỏi phòng hội đồng ở bên cạnh, đa số đi vội về lớp họ và chẳng ai để ý đến tôi. Đáp lại lời chào của tôi, Corugianốpxki nhẩn mặt láu lỉnh như muốn nói: "Cậu dính vào một việc tồi tệ, tiếc cho cậu nhưng chẳng làm được gì".

Còn Buốcnang, khi tôi lễ phép chào ông, ông ta đến sát gần tôi, cúi hẳn người xuống rồi vung tay nói:

- Cậu học sinh đứng đầu năm thứ hai lại là một con quái vật về đạo đức.

Ông dừng lại một giây, phủ lên người tôi một hơi thở không mấy nhẹ nhàng rồi nhắc lại "một con quái vật về đạo đức". Sau đó ông quay lưng và bỏ đi.

Một chút sau "con cừu" cũng đến chỗ tôi.

- A! Đồ lợn - Maye nói về thích thú ra mặt -, rồi chúng ông sẽ cho mày biết tay!

Cực hình bắt đầu kéo dài từ đây. Người ta không cho tôi vào lớp và bỏ buổi dạy ngày hôm ấy. Một cuộc thăm vấn diễn ra. Buốcnang, ông hiệu trưởng, Maye, thanh tra Caminxki làm thành một ban điều tra tối cao về vụ "quái vật đạo đức", là tôi.

Hình như câu chuyện đã bắt đầu như thế này: trong giờ bị phạt lưu, một học sinh đã nói với Maye: "Thật bất công, thưa thầy; người kêu thì được thả ra: B. (Brônsten) kích động những người khác và anh ta cũng kêu, thế mà được thả ra. Có Cácxon ở đây này, cậu ấy cũng biết đấy". "Không thể có chuyện ấy - Maye trả lời. - B. là một đứa ngoan".

Nhưng Cácxon, chính cái thằng hồi xưa đã nói cho tôi biết ông mục sư Binneman là người thông minh nhất Ôđétxa, lại chứng nhận lời của đứa tố giác, và bọn khác cũng làm theo. Maye liền cho mời Buốcnang. Được các thầy giáo khuyến khích và thúc đẩy từ trên; bắt chước lẫn nhau, có thêm mười, mười hai đứa trong lớp đứng ra tố cáo tôi.

Thế là đột nhiên bọn chúng nhớ lại bao nhiêu thứ: "Năm ngoài trong buổi đi dạo chơi B. đã nói thế này, thế nọ về thầy hiệu trưởng..., B. đã đưa bài cho anh này, anh nọ..., B. cũng tham gia trong bản "hợp tấu" tiền thầy Đomigorótxki [Zmigrodsky]..."

Váccke, đứa mà vì nó chúng tôi đã làm tất cả chuyện này, thuật lại rất mùi mẫn như sau.

- Tất nhiên tôi đã khóc khi thầy Gútxtáp Xamôilôvích cho tôi điểm "1". B. sấn lại gần, đặt tay lên vai tôi và nói: "Đừng khóc nữa Váccke, chúng ta sẽ viết một lá thư lên ông thanh tra để ông ấy tống cổ Buốcnang đi".

- Một lá thư, cho ai cơ?

- Cho ông thanh tra!

- Không thể thế được! Thế mày trả lời ra sao?

- Dĩ nhiên tôi không nói gì hết

Đanhilốp còn bồi thêm:

- Vâng, vâng, B. đã đề nghị chúng tôi viết một lá thư lên ông trưởng phòng giáo dục huyện, nhưng

không ký tên vào đó để khỏi bị đuổi học; mỗi người chỉ viết một chữ cái vào lá thư thôi.

- Ra là vậy - Buồnnang nuốt nước bọt la lên. - Nghĩa là mỗi đứa chúng mày viết một chữ cái để kết lại thành một từ!

Không trừ một ai, tất cả đều bị thẩm vấn. Một số đứa chối thẳng thừng, bất luận phải trái. Trong số này có Côtchia R., anh khóc cay đắng khi thấy người ta đim chết bạn tốt nhất của anh, một học sinh đứng đầu lớp. Những người phủ nhận ngoan cố bị bọn tố giác bôi xấu, chúng bảo họ là bạn thân thiết của tôi. Bầu không khí trầm lắng bao trùm lên lớp học. Đa số co mình lại im lặng. Trong vụ này Đanhilốp đóng vai trò số một, điều đã và cũng sẽ không xảy ra với hắn bao giờ. Tôi đứng sững ở hành lang trước phòng ông hiệu trưởng, cạnh một chiếc tủ đánh véc-ni vàng, như một kẻ tội nhân trầm trọng, bị buộc tội chống lại nhà nước. Lần lượt, những nhân chứng được gọi lên phòng hiệu trưởng để đối chất với bị cáo. Cuối cùng tôi bị tổng về nhà.

- Anh về đi và báo bố mẹ anh đến trường.

- Cha mẹ tôi ở xa, tận nhà quê cơ.

- Thế thì báo những người bảo lãnh anh đến đây.

Mới hôm qua tôi là người đứng đầu lớp, vượt xa kẻ thứ hai. Những nghi ngờ của Mày cũng không hề chạm đến tôi. Thế mà hôm nay tôi bị xô từ đỉnh cao xuống, còn Đanhilốp, kẻ mà ai cũng biết là đứa lười biếng và hư hỏng nổi tiếng, lại lảng mạ tôi trước cả lớp và ban lãnh đạo nhà trường.

Vậy việc gì đã xảy ra? Có lẽ vì tôi đã quá cương quyết bảo vệ một kẻ bị áp bức, người chẳng gần gũi gì với tôi và bản thân cậu ta cũng chẳng gọi cho tôi tí chút tình cảm nào? Hay vì tôi quá tin vào sự đoàn kết trong lớp học?

Dĩ nhiên, việc rút ra những kết luận kẻ trên là điều tôi không mấy nghĩ đến trên đường về qua phố nhỏ Póc-rốp-xki. Mặt mày ủ dột, tim đập lộn xộn, nghẹn ngào trong tiếng khóc, tôi kể lại việc đã xảy ra: những người bảo lãnh ra sức an ủi tôi, dù chính họ cũng phát hoảng. Chị Phanni Xô-lômônốp-na đến tìm gặp ông hiệu trưởng, ông thanh tra Corugianốp-xki, ông Iurô-sencô, chị cố giải thích, thuyết phục, dựa vào cả kinh nghiệm giáo dục của bản thân chị.

Chị làm tất cả những việc đó mà tôi không biết. Tôi ngồi nhà trong góc học tập của mình, chiếc cặp đeo vai của tôi được khóa lại, lăn lóc trên bàn và tôi ngao ngán. Sẽ ra sao đây?

Ông hiệu trưởng nói: chúng tôi sẽ triệu tập Hội đồng Giáo dục để xem xét mọi mặt về vấn đề này. Câu nói thật dễ sợ.

Phiên họp trôi qua. Mối xây Philíp-pô-vích đi xem kết quả. Tôi bồn chồn, hồi hộp chờ anh về, hơn nhiều so với những lần sau này khi chờ phán quyết của tòa án Nga hoàng. Tôi nghe tiếng kẹt cửa hàng ngày của cửa ra vào dưới nhà, tiếng những bước chân quen thuộc leo lên bậc thang sắt, cửa phòng ăn mở ra và cùng lúc ấy chị Phanni Xô-lômônốp-na cũng xuất hiện ở buồng bên. Tôi vén nhẹ tấm màn che.

- Bị đuổi học - Mối xây Philíp-pô-vích nói, giọng rất mệt mỏi.

- Bị đuổi? - Phanni Xô-lômônốp-na nghẹn ngào hỏi lại.

- Ủ, bị đuổi - Mối xây Philíp-pô-vích nhắc lại, giọng còn nhỏ hơn.

Tôi không nói gì chỉ đưa mắt nhìn Mối xây Philíp-pô-vích và chị Phanni Xô-lômônốp-na rồi rút lui sau tấm màn che.

Trong kỳ nghỉ hè, Phanni Xô-lômônốp-na về ít bữa tại nhà chúng tôi ở Ianốp-ca, chị kể về tôi:

- Khi nghe nói từ ấy, cậu ta xanh mét cả người khiến tôi cũng phát hoảng.

Tôi không khóc, tôi đau khổ vì bị hành hạ.

Trong phiên họp của Hội đồng Giáo dục, người ta tranh luận về ba hình thức đuổi học: đuổi và cấm không được vào học bất cứ một trường nào khác, đuổi vĩnh viễn khỏi trường Trung học Hiện đại Xanh Pôn, hoặc đuổi nhưng tôi được quyền trở lại học trường cũ. Hình thức thứ ba nhẹ nhàng nhất được quyết định

Tôi run rẩy nghĩ đến việc cha mẹ tôi sẽ tiếp nhận tin này như thế nào. Những người bảo lãnh tôi tìm mọi cách để chuẩn bị cho cha mẹ tôi tiếp nhận cú đòn này và giảm nhẹ nó. Phanni Xô-lômônốp-na viết một lá thư dài cho chị cả tôi, chị dặn dò về cách báo tin cho cha mẹ tôi. Tôi ở lại Ô-đét-xa cho đến cuối năm học và trở về nhà vào kỳ nghỉ hè như thường lệ.

Trong những đêm dài, khi cha mẹ tôi đã đi ngủ, tôi kể cho anh chị tôi sự việc đã diễn ra như thế nào, tôi sắm lại vai các thầy và các học trò. Anh và chị tôi còn những kỷ niệm rất mới mẻ về đời học sinh của họ. Cùng lúc đó, họ xem xét tôi dưới cái nhìn của người hơn tuổi, khi lắc đầu, khi thì cười phá lên vì những điều tôi kể. Một hôm đang cười, chị tôi chuyển sang khóc, gục đầu xuống bàn và nức nở hồi lâu. Họ quyết định là tôi sẽ tạm lánh ở nhà một người bạn nào đó một, hai tuần và trong khi tôi đi vắng, chị tôi sẽ thuật lại tất cả cho cha tôi nghe. Bản thân chị cũng sợ phải làm nhiệm vụ đó. Sau thất bại trong chuyện học hành của anh cả tôi, cha đặt hết kỳ vọng vào tôi. Những năm học đầu cũng hứa hẹn một thành công rực rỡ

và bây giờ, tất cả biến thành mây khói trong phút chốc...

Một tuần sau, khi cùng anh bạn Grisa [Gricha] (chính là cháu của ông Môixây Kharitônôvich, người có bàn tay trái "thích hợp cho cả việc hòa tấu nhạc") trở về nhà, tôi hiểu ngay là mọi người đã biết hết. Mẹ tôi vẫn vẫn tiếp đón Grisa, nhưng làm ra vẻ không để ý đến tôi. Trái lại, cha tôi xử sự như chẳng có chuyện gì xảy ra. Chỉ vài hôm sau, trong một ngày nóng bức, khi đi làm đồng về và ngồi hóng mát ở cửa ra vào, ông đột nhiên hỏi tôi trước mặt mẹ:

- Nói cho bố biết, con đã huýt sáo vào ông hiệu trưởng như thế nào? Thế này phải không? Hai ngón tay đút vào miệng?

Ông làm cử chỉ huýt sao và bật cười

Mẹ tôi ngạc nhiên và nhìn cả hai người, từ cha sang tôi. Nụ cười trên gương mặt bà xen lẫn vẻ bất bình: làm sao có thể bông đùa về những chuyện kinh khủng như thế?

Nhưng cha tôi vẫn tiếp tục gạn hỏi:

- Chỉ cho cha thấy con đã huýt sáo như thế nào?

Và càng ngày ông càng cười vui vẻ. Dù buồn bực đến mấy, rõ ràng ông thấy thích đùa con của ông, dù đứng đầu lớp, vẫn dám cả gan huýt sáo những ông sếp cấp bậc cao. Tôi quả quyết với ông là chúng tôi không huýt sáo mà chỉ rì rầm vô hại thôi, nhưng không sao thuyết phục được ông. Cha tôi nhất định cho là tôi đã huýt sáo. Cuối cùng mẹ tôi òa khóc.

Suốt vụ hè tôi hầu như không chuẩn bị gì cho kỳ thi. Những việc xảy ra đã làm tôi chán học một thời gian. Với tôi đây là một mùa hè bực dọc, cáu tiết, những cuộc cãi lộn nổ ra bất cứ lúc nào. Tôi về lại Ôđétxa hai tuần trước khi thi, nhưng ở đó tôi cũng chỉ học hành uể oải. Có lẽ tôi chuẩn bị môn tiếng Pháp kỹ hơn. Nhưng trong kỳ thi Buốcnang chỉ hỏi tôi vài câu qua loa. Các thầy khác còn hỏi ít hơn. Tôi được vào năm thứ ba. Ở đó tôi gặp lại hầu hết mọi người: những kẻ đã phản bội tôi, bảo vệ tôi hoặc đứng tránh ra một bên. Điều này quyết định những mối quan hệ của tôi trong một thời gian dài. Tôi đã không nói chuyện với nhiều kẻ, cả chào hỏi cũng không, ngược lại đối với những người đã đứng cạnh tôi trong giờ phút khó khăn, tôi càng trở nên thân thiết hơn.

Có thể nói rằng đó là một thử thách chính trị đầu tiên đối với tôi. Những nhóm người đã hình thành trong tình huống ấy: bọn phản bội và ghen ghét một bên, những người trung thực và dũng cảm ở cực bên kia và bọn trung lập ở giữa, chúng dao động và không có lập trường ổn định. Trong những năm tiếp theo, ba nhóm ấy vẫn tồn tại, tôi còn gặp lại chúng nhiều lần trong những hoàn cảnh khác nhau.

Người ta chưa quét hết tuyết trên các đường phố, nhưng trời đã ấm lên. Các mái nhà, hàng cây và lũ chim sẽ cho thấy xuân đã về. Cậu học sinh năm thứ tư đi học về, trái với lệ thường, cậu cầm một sợi dây da của chiếc cặp trong tay vì chiếc khóa đã bị tung ra. Cậu cảm thấy chiếc áo dài trên mình thật vô ích và nặng nề, nó làm cậu toát hết mồ hôi. Cậu bé nhìn mọi vật xung quanh - và trước hết là bản thân cậu - bằng một cặp mắt khác hẳn. Tia nắng đầu xuân cho cậu biết có những thực tế hùng vĩ gấp bội so với một trường học, với ông thanh tra, với chiếc cặp buộc lơ lửng trên vai, hơn những bài học, những ván cờ, những bữa trưa, hơn cả đọc sách và nhà hát và cuối cùng, hơn cả đời sống thường ngày. Nỗi lo nghĩ về những thứ xa lạ, những thế lực không cưỡng được trùm lên mọi cá nhân, xoáy vào đứa bé đến tận xương tủy và gọi cho nó nỗi đau ngọt ngào, âm dịu của sự bất lực.

Cậu ta về đến nhà, đầu óc quay cuồng, khúc nhạc đau đớn vang động trong tai, nó ném chiếc cặp lên bàn, nằm xoài ra giường, vùi đầu vào chiếc gối và bật lên khóc mà không hề biết. Để tìm nguyên do cho những giọt nước mắt của mình, cậu nhớ lại những cảnh buồn bã trong các bài tập đọc và trong chính đời nó, và cứ như bỏ thêm củi vào lò, cậu khóc, khóc mãi bằng những giọt nước mắt lo âu của tuổi xuân. Nó sắp tròn mười bốn tuổi.

Từ thời thơ ấu, đứa bé đã bị một bệnh mà các thầy thuốc trong những hồ sơ chính thức gọi là bệnh viêm niêm mạc dạ dày và ruột mãn tính. Căn bệnh ấy cứ ngấm ngấm hành hạ cậu suốt đời. Cậu bé thường xuyên phải uống thuốc và ăn theo chế độ. Những chấn động thần kinh hầu như bao giờ cũng tác động trở lại bộ máy tiêu hóa của nó. Vào năm thứ tư, căn bệnh nặng đến mức cậu không thể tiếp tục việc học hành. Sau một thời gian dài chữa trị nhưng vô hiệu, các thầy thuốc quyết định cho thăng bé về ở nông thôn.

Trong những giờ phút ấy, tôi đã chấp nhận quyết định của các bác sĩ với một nỗi vui mừng hơn là phiền muộn. Nhưng còn phải được sự đồng ý của cha mẹ tôi. Và còn phải tìm được một gia sư ở làng để khỏi mất một năm học. Điều này gây nên những tổn kém mà ở Ianópca thì mọi người không ưa những sự tiêu pha tốn kém. Tuy nhiên nhờ Môixây Philippôvich, công việc được sắp xếp ổn thỏa. Người ta tìm được một thầy phụ đạo: ông G., người bé nhỏ, mớ tóc dày bắt đầu hoa râm ở hai thái dương, vốn là một sinh viên đại học. Đó là một người hơi tự phụ, hơi lông bông, ba hoa và không có tính khí, thuộc loại người rui ro chỉ mới có nửa học vấn đại học. Ông làm thơ và đã in được hai bài trên một tờ báo ở Ôđétxa. Lúc nào ông cũng

đem hai số báo ấy bên mình và sẵn sàng đưa ra khoe.

Mối quan hệ của chúng tôi đầy sóng gió và xuống dốc thường xuyên. Ban đầu, G. ngày càng suông sã với tôi, ông luôn nhấn mạnh chỉ muốn là bạn tôi. Nhằm mục đích ấy, ông chia tôi xem tâm hình một cô Clápđia [Klavdia] nào đó và nói về mối quan hệ phức tạp của ông với cô này. Rồi đột nhiên ông tháo lui và đòi hỏi ở tôi sự kính trọng của học trò đối với thầy giáo. Tất cả mớ bong bóng ấy có một kết cục chẳng ra sao: chúng tôi cãi vã ồn ào rồi đoạn tuyệt vĩnh viễn. Nhưng hình ảnh ông gia sư cũng để lại những dấu ấn trong tôi: dù sao một người tóc đã hoa râm lại thổ lộ với tôi chuyện kín phức tạp về quan hệ của ông với một phụ nữ, người nhìn trong ảnh rất hấp dẫn. Tôi cảm thấy mình già dặn hơn từ dạo đó.

Ở các lớp trên, thầy Gamốp [Gamov] dạy môn văn thay thầy Corugianốpxki. Đó là một người còn trẻ, tóc vàng hoe, mũm mĩm, cận thị nặng và ốm yếu, ông chẳng cảm thấy một chút hứng thú hay yêu mến gì với bộ môn của mình. Chúng tôi uể oải bước thấp bước cao theo ông từ chương này sang chương khác của cuốn sách giáo khoa. Thêm vào đấy, Gamốp không tận tâm mấy, ông kéo dài đến vô tận việc chấm bài cho chúng tôi. Năm thứ năm chúng tôi phải làm bốn bài luận ở nhà trong một học kỳ. Tôi ngày càng ham thích loại bài này. Không chỉ đọc những sách tham khảo được thầy giáo hướng dẫn, tôi còn đọc rất nhiều cuốn khác, ghi lại những số liệu, những sự kiện để trích dẫn, tôi đánh dấu và biến hóa những câu văn tôi thích, tóm lại tôi học với tinh thần hăng hái không phải bao giờ cũng dùng lại ở mức "đạo văn" vô tội. Có mấy học sinh cũng như tôi, không coi bài luận là công việc khổ sai. Những học sinh năm thứ năm hội họp chờ sự phán xét bài vở của mình; người lo lắng, kẻ hi vọng. Nhưng "quan tòa" không lên tiếng. Điều này cũng xảy ra ở tam cá nguyệt thứ hai. Đến tam cá nguyệt thứ ba, tôi nộp một quyển vở chứa đầy các bài luận. Một, hai, rồi ba tuần trôi qua. Không một chút tăm hơi. Bằng lời lẽ thận trọng, chúng tôi nhắc Gamốp. Ông thoái thác. Đến giờ sau Iablônốpxki [Iablonovsky], một trong những tác giả sốt sắng nhất, hỏi thẳng thừng Gamốp:

- Thầy giải thích ra sao về việc chúng em không được biết kết quả bài tập và thực sự điều gì đã xảy ra với những cuốn vở ấy?

Gamốp thô bạo ngắt lời anh. Iablônốpxki không chịu lùi bước. Nhíu đôi lông mày vốn dĩ đã sát nhau trên sống mũi, anh nóng nảy lay lay nắp bàn và cao giọng rằng không thể làm như thế được.

- Tôi khuyên anh im đi và ngồi xuống - Gamốp trả lời. Nhưng Iablônốpxki không ngồi xuống và cũng không im lặng.

- Mời anh ra khỏi lớp - Gamốp quát lên.

Quan hệ của tôi với Iablônốpxki đã xấu đi từ lâu. Chuyện xảy ra giữa tôi với ông Buốcnang hồi năm thứ hai làm tôi thận trọng hơn. Nhưng lần này tôi vẫn cảm thấy không thể im lặng được và tôi tuyên bố:

- Thưa thầy Antôn Mikhailôvích [Anton Mikhailovitch], bạn Iablônốpxki nói đúng và tất cả chúng em ủng hộ bạn ấy...

- Đúng, đúng thế - vài người khác cũng nói.

Gamốp bắt đầu bối rối rồi nổi giận:

- Thế này là thế nào? - ông gào lên lạc cả tiếng. - Bản thân tôi cũng biết phải làm gì và vào khi nào... Các anh không được ra lệnh cho tôi... các anh phá rối trật tự...

Chúng tôi đã đánh trúng vào điểm yếu của ông.

- Chúng tôi muốn được thấy bài luận của mình, có thể thôi - một người thứ ba đứng lên nói.

Gamốp không tự kiểm chế được nữa.

- Iablônốpxki, ra khỏi lớp!

Iablônốpxki không nhúc nhích.

- Đi, đi thôi! Còn đợi gì nữa? - người ta thì thào với anh từ mọi phía.

Nhún vai, đảo lòng trắng mắt trên khuôn mặt rám nâu, Iablônốpxki giẫm mạnh chân lên sàn, cựa ra khỏi lớp và sập cửa thật mạnh

Đầu giờ học sau, Caminxki lặng lẽ vào lớp, vẫn trên đôi giày đế cao su. Điều này không báo hiệu chút gì tốt lành. Cả lớp im lặng như ri. Bằng một giọng kim hơi rè như của một kẻ vừa qua cơn say rượu, ông hiệu trưởng cất lời cảnh cáo ngắn gọn nhưng vô cùng nghiêm khắc trước toàn lớp: ông dọa đuổi những kẻ phạm tội rồi thông báo các mức trừng phạt: Iablônốpxki nhận hai mươi tư giờ giam cầm cố và hạnh kiểm "3", tôi bị hai mươi tư giờ cầm cố, kẻ phản kháng thứ ba nhận mười hai giờ. Đó là đòn ngang thứ hai trên con đường học hành của tôi. Lần này, vụ việc không có những hậu quả nghiêm trọng hơn. Gamốp không trả bài cho chúng tôi và mọi việc kết thúc như thế.

Cũng trong năm đó Nga hoàng mất. Sự việc có vẻ khủng khiếp gần như không thể tin được, nhưng cũng xa vời như một con độn đất ở một xứ sở xa lạ. Tôi không thấy thương tiếc và cảm tình với vị Nga hoàng ốm yếu đó, chúng tôi cũng chẳng buồn bã vì cái chết của ông. Ngày hôm sau khi đến trường, tôi cảm

thấy một nỗi kinh hãi, khiếp đảm không giải thích nổi ở đó.

- Nga hoàng đã mất - lũ học sinh nói với nhau và không biết nói gì thêm, không tìm được lời lẽ để biểu lộ tình cảm vì chúng cũng không biết thứ tình cảm ấy là gì.

Ngược lại, chúng biết chúng được nghỉ học và mừng rỡ ngấm ngấm trong lòng, nhất là những đứa không chuẩn bị bài hoặc sợ bị gọi lên bảng. Ông gác công hướng tất cả mọi người về phía hội trường lớn, ở đó đang chuẩn bị tang lễ. Một cha cố đeo kính gọng vàng buông vãi lời ngắn gọn thích hợp với hoàn cảnh: con cái buồn rầu khi cha chúng mới mất: nỗi đau còn lớn hơn bao nhiêu khi người cha của cả một dân tộc ra đi.

Nhưng chúng tôi chẳng thấy buồn gì cả. Nghi lễ kéo dài. Mọi mệt và chán ngất. Mọi người được lệnh phải khâu một mảnh băng tang lên cánh tay áo trái và một mảnh nữa lên vành mũ cát kết. Ngoài ra, mọi việc vẫn tiếp diễn như thường lệ.

Ở năm thứ năm các học sinh đã bắt đầu bàn bạc về việc lựa chọn những trường cao hơn và con đường theo đuổi sau này. Người ta nói nhiều về kỳ tuyển sinh, về các giáo sư đại học Pê-téc-bua tìm cách đánh hỏng thí sinh như thế nào, họ ra đề hóc búa ra sao và ai là những chuyên gia ở Pê-téc-bua giúp việc chuẩn bị thi cử cho các thí sinh. Trong số học sinh đàn anh, một số hàng năm vẫn lên Pê-téc-bua, vẫn hỏng thi, vẫn về chuẩn bị lại rồi lại lao đầu vào thử thách. Chỉ riêng ý nghĩ về các kỳ thi tương lai đã làm không ít kẻ lạnh gáy từ hai năm trước đó.

Không có sự cố gì đặc biệt trong năm thứ sáu. Ai cũng muốn kết thúc năm học càng nhanh càng tốt. Buổi thi tốt nghiệp diễn ra rất long trọng, trong phòng lớn, với sự tham gia của các giáo sư đại học được phòng giáo dục quận gửi đến. Mỗi lần như thế ông hiệu trưởng lại trịnh trọng mở phong bì do ngài trưởng phòng giáo dục gửi đến, trong đó có bài thi viết. Sau khi đề thi được đọc lên, chúng tôi đồng thanh thở dài vì khiếp đảm như thể cả lũ bị chìm xuống nước lạnh. Thần kinh căng thẳng đến mức mọi người cảm thấy hoàn toàn không giải nổi các bài tập. Nhưng rồi chúng tôi thấy mọi thứ cũng chẳng đến nỗi kinh khủng lắm. Khi hai giờ làm bài gần kết thúc, các thầy giáo giúp chúng tôi đánh lừa sự cảnh giác của những vị đại diện. Làm bài xong tôi không nộp mà ngồi rón rai trong phòng thi, được sự chấp thuận ngầm của thanh tra Corugianốp-xki, tôi trao đổi thư từ sôi nổi với các bạn đang còn trây trệ với bài vở.

Lớp bảy được coi là lớp phụ. Trường Xanh Pôn vốn không có lớp bảy, thành thử phải đăng ký học một trường khác. Trong khoảng thời gian chờ đợi, chúng tôi là những "công dân" tự do. Nhân dịp này, ai nấy đều sắm một bộ thường phục. Hôm phát chúng chỉ tốt nghiệp, chúng tôi tập trung thành một nhóm đông tại vườn mùa hè, nơi các nữ ca sĩ tập kỹ hát trên bục, học sinh vốn bị cấm ngặt vào đây. Tất cả đều thất cả vạt, hai chai bia được đặt trên bàn và chúng tôi phì phèo thuốc lá trong miệng. Ai nấy thảm cảm thấy lo lắng về sự liễu lĩnh của mình.

Chúng tôi vừa mở chai bia thứ nhất thì thầy giám thị Vinhem [Wilhelm] xuất hiện bên bàn, ông có biệt danh "con dê cái" vì giọng nói eo éo. Theo bản năng chúng tôi toan đứng dậy và cảm thấy tim hơi thất lại. Nhưng không có gì đáng sợ.

- À, thì ra các anh đã ở đây rồi... - Vinhem nói giọng đượm buồn và hào hiệp chìa tay bắt từng người. Anh K. nhiều tuổi nhất trong số chúng tôi - người có một chiếc nhẫn ở ngón tay út - thẳng thắn mời ông cạ chén với chúng tôi. Điều này đã hơi quá. Vinhem nghiêm túc từ chối lời mời, ông vội vã chào chúng tôi và lại đi lung sục các học sinh khác vì phạm khu vườn cấm. Càng yên tâm hơn bao giờ hết, chúng tôi lao vào uống bia.

Bảy năm tôi sống trong trường Hiện đại, kể cả năm dự bị, không thiếu những niềm vui, nhưng rõ ràng niềm vui ít hơn những tủi hờn. Những kỷ niệm thời học sinh của tôi, dù không phải hoàn toàn màu đen, nhưng cũng nhuộm màu xám. Đứng ngoài mọi sự cố của trường học, nặng nề hay vui vẻ, chúng tôi cảm thấy sự thờ ơ lạnh nhạt và hệ thống hành chính hình thức đè nặng lên mình. Khó nhắc được tên một thầy giáo nào mà tôi thực sự hồi tưởng lại với lòng yêu quý. Mặc dù trường tôi không thuộc loại tồi nhất. Dẫu sao, trường vẫn dạy cho tôi những kiến thức sơ đẳng, thói quen làm việc có phương pháp và khiến tôi tuân thủ kỷ luật bên trong. Sau này, những thứ ấy trở nên cần thiết đối với tôi. Cùng lúc đó, trái hẳn với mục đích được đề ra, nhà trường đã gieo trong tôi sự căm thù đối với thể chế hiện hành. Dù sao những hạt giống ấy cũng không rơi vào sỏi đá.

CHƯƠNG V

NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ

Tôi không rời khỏi làng trong chín năm đầu của cuộc đời mình. Bảy năm tiếp theo, tôi về làng mỗi vụ hè, đôi khi cả vào dịp lễ Giáng sinh và Phục sinh. Cho đến năm gần mười tám tuổi, tôi gắn bó mật thiết với Ianópca và với tất cả những gì xung quanh nó. Trong những năm đầu của thời thơ ấu, làng quê có ảnh hưởng hết sức lớn lao đối với tôi. Giai đoạn tiếp theo, ảnh hưởng đó bị cạnh tranh bởi tác động của thành phố và nó đã phải nhường bước trên toàn trận tuyến.

Nông thôn cho tôi kiến thức về nông nghiệp, về máy xay, máy bó lúa của Mỹ. Nó đưa tôi gần gũi với những nông dân - người trong vùng đền xay thuê và cả những người từ các tỉnh thuộc chính phủ Ucoraina đến kiếm ăn với một cái liềm và bị vất vại. Sau này, nhiều điều trong cuộc sống thôn dã bị lãng quên, mờ nhạt trong ký ức tôi, nhưng ở mỗi bước ngoặt mới của cuộc đời chúng lại xuất hiện và giúp tôi trong việc này, việc khác.

Trong môi trường tự nhiên của nó, nông thôn cho tôi thấy những điển hình của tầng lớp quý tộc bại sản hay của sự đầu cơ tư bản đang lên. Nó bộc lộ cho tôi khá nhiều biểu hiện của mối quan hệ giữa người với người trong cái thô thiển tự nhiên của những mối quan hệ ấy. Do vậy tôi cảm nhận thấm thía hơn một thứ văn hóa khác, cao hơn nhưng cũng chứa đựng lắm mâu thuẫn hơn là văn hóa đô thị.

Ngay từ các vụ nghỉ hè đầu, đã có sự đối chiếu thành thị và nông thôn trong nhận thức của tôi. Tôi trở về nhà với một nỗi hăm hở vô biên. Tim tôi như nhảy lên vì vui mừng. Tôi mong gặp lại tất cả mọi người và khoe mình với họ. Cha tôi đón tôi ở Nôvui Bugơ. Tôi cho ông xem tất cả những điểm "5" của mình và giảng giải với ông: từ giờ trở đi tôi đã là học sinh lớp một, tôi rất cần một bộ đồng phục lễ hội.

Chúng tôi đi ban đêm bằng xe hòm, một anh thư ký trẻ làm nhiệm vụ đánh xe. Trong thảo nguyên, nhất là ven bờ thung lũng, không khí lạnh và ẩm ướt trùm lên người, thành thử tôi được trùm trong một chiếc áo choàng dạ lớn. Say sưa vì thay đổi chỗ ở, vì đi đường, vì những kỷ niệm và cảm tưởng, càng ngày tôi càng kể không biết mệt về học đường, về những buổi đi tắm, về cậu bạn Côtchia R. của tôi, về nhà hát. Không ngừng một phút, tôi kể từ đầu đến cuối, trước tiên là chuyện *Nada Xtôđôlia*, rồi đến *Anh bạn cùng nhà thổi kèn lệnh*. Cha tôi lắng nghe, thỉnh thoảng thiệp đi rồi lại choàng dậy và cười thỏa mãn. Anh thư ký trẻ lâu lâu quay đầu lại và nhìn ông chủ: chà, câu chuyện thật hay!...

Từ mờ sáng tôi thiệp đi và chỉ thức dậy khi đến Ianópca. Tôi thấy cán nhà nhỏ kinh khủng, bánh mì nhà quê thì màu xám. Tất cả lối sống nông thôn với tôi vừa thân thuộc vừa xa lạ. Tôi cũng kể cho mẹ và các chị em tôi về sân khấu, nhưng đã không nồng nhiệt như hồi đêm với cha tôi. Trong xưởng tôi gặp Vichia và Đavít, họ thay đổi đến mức tôi gần như không nhận ra: cả hai đều lớn lên nhiều và vạm vỡ. Nhưng họ cũng nhìn tôi với con mắt khác. Họ thưa "anh" với tôi ngay. Tôi phản đối.

- Làm sao có thể khác được? - anh chàng Đavít rám nắng, gầy gò và trầm tĩnh đáp lại. - Anh đã là người có học thức.

Trong thời gian tôi đi vắng, Ivan Vaxiliêvich đã lấy vợ. Nhà bếp của kẻ ăn những người ở nằm cạnh xưởng, được sửa thành căn hộ cho anh; nhà bếp chuyển vào một nhà mới, tường đất, ngay sau xưởng.

Tuy nhiên không phải chỉ có thế. Đột nhiên tôi cảm thấy một bức tường dựng lên giữa tôi và những gì đã đánh dấu thời thơ ấu của tôi. Mọi thứ đều như thế nhưng cũng không phải như thế nữa. Người và vật hình như đã bị thay thế. Tất nhiên trong vòng một năm, những thay đổi này khác đã xảy ra. Nhưng cái chính là cách nhìn của tôi đã thay đổi. Ngay từ lần thăm nhà đầu tiên, một thứ xa cách đã diễn ra giữa tôi và gia đình: thoát đầu trong những việc nhỏ nhặt rồi với năm tháng, nó trở nên nghiêm trọng và sâu sắc hơn.

Ảnh hưởng kép của thành thị và nông thôn đã tác động đến cả thời kỳ đi học của tôi. Ở thành phố, tôi cư xử tự tin hơn hẳn mọi người: trừ một vài xung đột hiếm hoi, nhưng dữ dội như với ông "người Pháp", hoặc với thầy dạy văn và ngôn ngữ, tôi tiến bước khá đều đặn, tuân thủ đầy cương kỷ luật của gia đình và nhà trường. Nguyên nhân điều này tôi thấy một phần nằm ở tập quán sống của gia đình Spenxe, nơi những mối quan hệ cá nhân được tạo dựng trên các yêu cầu hợp lý và những tiêu chuẩn tương đối cao; phần khác trong guồng sống đô thị. Nói đúng ra, những mâu thuẫn của thành thị không nhỏ hơn chút nào so với mâu thuẫn ở nông thôn, ngược lại thậm chí còn lớn hơn; nhưng ở thành phố chúng được che đậy, sắp xếp, quy chế hóa hơn nhiều. Những người thuộc các giai cấp xã hội khác biệt chỉ tiếp xúc với nhau trong các vụ việc làm ăn, ngoài ra họ dường như không tồn tại đối với nhau. Ngược lại ở nông thôn, mỗi người buộc phải sống dưới con mắt những người khác. Mỗi lệ thuộc của người này vào người khác cũng hiện hiện rõ ràng như chiếc lò so trời lên khỏi tấm đệm ghế cũ. Ở làng, tính tôi không điếm đám mà hay sinh sự hơn rất nhiều. Ngay cả với chị Phanni Xôlômônôpna khi chị về nhà tôi chơi, mỗi khi chị thận trọng đứng về phía mẹ hoặc chị tôi, tôi cũng hay gây gổ và tỏ ra hỗn láo với chị mặc dù ở thành phố quan hệ giữa tôi với chị chẳng

những tốt mà còn đầy tình thương mến. Những cuộc đụng độ đôi khi chẳng bắt nguồn từ đâu, nhưng lắm lúc chúng bị gây ra bởi những việc nghiêm trọng hơn.

Mặc bộ quần áo mới giặt, thắt lưng da có khóa đồng, đội mũ cát-két gắn một huy hiệu vàng lấp lánh dưới nắng, tôi hoàn toàn choáng lộn. Phải phổ điều này cho mọi người được biết chứ! Tôi cùng cha đi xe ra đồng vào thời cao điểm của vụ gặt mùa thu. Anh thợ cả Áckhíp [Arkhip] hay cậu nhàu nhưng hiền hậu đi đầu lên một đỉnh đồi, theo sau anh là mười một thợ gặt và mười hai chị bó lúa. Mười hai cái liềm cắt lúa và bầu không khí bị hun đốt. Khi làm việc, Áckhíp vận chiếc quần đơm một khuy sừng, các chị xếp lúa mặc váy rách hoặc áo sơ mi bằng vải mộc. Từ xa, nghe tiếng lưỡi hái mà tưởng như tiếng bầu không khí nóng rung rung.

- Đưa đây cho tôi - cha tôi nói -, để xem rạ mùa đông như thế nào...

Ông đón lưỡi hái từ tay Áckhíp và thế vào chỗ anh. Tôi nhìn ông hồi hộp. Động tác của cha tôi đơn giản, quen thuộc, dường như ông không làm việc mà chỉ chuẩn bị làm; bước chân ông nhẹ nhàng thăm dò như thể ông tìm nơi để có thể rạ tay. Ông sử dụng lưỡi hái trong tay một cách đơn giản, hoàn toàn không hăm hở, thoạt nhìn có thể cho rằng ông chưa được chắc tay lắm, nhưng nhát cắt rất thấp, rất bằng - ông tiện đứt và thuận tay hất sang trái những gì đã bị hót thành một dải liên tục.

Áckhíp liếc nhìn cảnh đó và có thể thấy rằng anh tán thưởng công việc của cha tôi. Những kẻ còn lại nhìn theo nhiều cách: người thì thân thiện - thấy chưa, ông chủ thạo việc; kẻ khác lạnh lẽo - gặt cho mình mà lại, hèn gì, với cả cũng chỉ là làm mẫu thôi.

Có thể tôi chưa diễn đạt được thành lời những gì mình thấy, nhưng tôi cảm thấy vô cùng chính xác cái cơ chế phức tạp của những mối quan hệ. Khi cha tôi bước sang một thửa ruộng khác, tôi cũng tập thử với lưỡi hái.

- Cậu để rạ dưới gót giày, dưới gót giày, còn phần để phía trước thì thả lỏng rạ, đừng để chặt!

Song trong cơn hồi hộp, tôi không biết cái mũi giày hay cái đế giày ở đâu và vùng lưỡi hái lần thứ ba thì đã cắm phập nó vào đất.

- Hê, hê, cứ thế thì chẳng mấy chốc sẽ đi toi cái lưỡi hái - Áckhíp nói. - Cậu còn phải học ông nhiều.

Tôi cảm thấy trên mình cái nhìn chế giễu của một cô gái xếp lúa, người rậm nắng và đầy bụi bặm; vôi vàng rút lui, mồ hôi của tôi tuôn ra như suối dưới cái mũ cát-két có gắn huy hiệu đẹp.

- Về mà ăn bánh ngọt với mẹ - tôi nghe giọng chế nhạo của Mutudóc sau lưng. Tôi biết anh thợ gặt đen như củ sừng này: anh nhập cư hẳn ở Ianópca sau ba năm làm việc tại đây. Đó là một người khéo tay nhưng hay đặt điều nói xấu, năm ngoái anh cố tình nói những lời độc địa về ông bà chủ trước mặt tôi.

Tôi thích sự bạo dạn và can đảm của anh ta, đồng thời những lời nhạo báng thô lỗ của anh làm nảy nở trong tôi sự thù ghét bất lực. Tôi muốn nói một lời nào đó để biến anh thành đồng minh của tôi, hoặc trái lại, lấy quyền lực để bịt miệng anh nhưng tôi lại không biết những thứ đó...

Khi ở đồng về nhà, tôi thấy bên cửa ra vào một phụ nữ đi đất. Dựa vào tường, chị ngồi xồm bên tấm đá, không dám ngồi lên nó; đó là mẹ của Ignátca [Ignatka], cậu mục đồng cảm hấp. Chị đi bộ bầy dậm để xin một rúp, nhưng chẳng có ai ở nhà và không ai cho chị đồng rúp ấy. Chị sẽ còn đợi đến chiều. Trái tim tôi se lại khi nhìn bóng hình chị, con người thể hiện cả sự khổ cùng và nhẫn nhục.

Một năm sau tình hình cũng không khá hơn tại Ianópca. Còn trái lại nữa là khác. Chơi bóng chày về, tôi gặp cha tôi đi từ đồng, mệt mỏi và bực dọc, toàn thân đầy bụi bặm, theo sau là một nông dân bé nhỏ ăn mặc lôi thôi, chân trần lấm chấu đen, ông ta rào bước và cầu khẩn cha tôi:

- Lạy Chúa, cho con xin lại con bò cái, con thè sẽ không để nó vào ruộng nhà ông nữa.

Cha tôi trả lời:

- Con bò của mày chỉ ăn có mười cô-pếch, nhưng làm tao hại đến mười rúp đấy!

Người nông dân lại van vi nhưng trong lời cầu khẩn của ông có pha chút căm hờn.

Cảnh tượng này làm tôi rung động đến tận đường gân thớ thịt sâu thẳm nhất. Tâm trạng hứng khởi của tôi sau trận đấu bóng chày dưới các cây lê, nơi tôi đã đánh bại oanh liệt các chị gái, đột nhiên nhường chỗ cho nỗi thất vọng tràn trề.

Tôi đi rất nhẹ qua trước mặt cha tôi rồi nhào vào phòng ngủ, nằm vật ra giường và khóc nức nở không ngừng dù tôi đã có thể học sinh năm thứ hai. Cha tôi qua lối vào phòng ăn, người nông dân theo ông đến bậc thềm, chân đất dậm lên nền. Tôi nghe thấy tiếng người nói rồi người nông dân bước đi.

Mẹ tôi từ trạm xay lúa về, tôi nhận ra giọng bà, tôi nghe thấy mọi người chuẩn bị bữa trưa rồi tiếng bà gọi tôi. Tôi không trả lời, chỉ khóc. Cuối cùng tôi cảm thấy nước mắt cũng có hương vị của niềm hạnh phúc tuyệt vời. Cửa mở và mẹ tôi cúi xuống bên tôi.

- Sao thế con, Liôvôtroca?

Tôi không trả lời. Cha mẹ tôi thì thầm.

- Con khóc vì cái lão nông dân loắt choắt ấy chứ gì? Nhưng lão ta đã nhận lại được con bò cái, lại chẳng bị phạt xu nào.

- Không phải vì thế đâu - tôi đáp, mặt vui vào gối, xấu hổ với ý nghĩ: thế mà cũng khóc.

- Ngay cả tiền phạt ông ta cũng không phải nộp - mẹ tôi tiếp tục trấn an.

Cha tôi đoán ra lý do làm tôi buồn và ông nói với mẹ tôi. Chỉ cần liếc qua là ông đã nhận ra khá nhiều việc

Một hôm trong lúc chủ nhà đi vắng, một tên đội trưởng hiến binh thô tục, tham lam, hống hĩnh đến nhà tôi, y đòi kiểm tra thẻ căn cước của các công nhân. Thấy hai tờ đã quá hạn, y liền cho gọi chủ nhân từ đồng về và tuyên bố: họ bị bắt giữ và sẽ bị chuyển hồi về nguyên quán cùng đoàn tù khổ sai trong lần gần nhất.

Trong số những kẻ "phạm tội", có một ông già cổ rám nắng hằn những vết nhăn sâu, người kia là cháu họ ông, một thanh niên. Cả hai quỳ gối trên nền đất nện ở cửa ra vào, ông già quỳ trước và anh thanh niên sau ông, họ cúi sát đất lạy lạy và lạy đi lạy lại:

- Nhân danh Chúa cao vời, xin rủ lòng thương chúng con!

Tên hiến binh vạm vỡ, đậm mồ hôi vung vẩy thanh kiếm, nhấp chút sữa lạnh được đem lên từ kho chứa dưới hầm và đáp lại:

- Tao chỉ làm phúc ngày lễ thôi mà bữa nay lại là ngày thường...

Tôi thấy mình như đứng trên lửa bỏng và lấp bắp một câu phản đối gì đó bằng giọng nghẹn ngào.

- Đây không phải chuyện của cậu - tên hiến binh nghiêm khắc nói, tách rời từng âm tiết một.

Chị cả tôi giơ ngón tay ra hiệu tôi đừng nói vào. Tên hiến binh đưa hai người thợ đi.

Tôi giữ chân kẻ toán trong vụ hè. Lần lượt, tôi, anh và chị tôi ghi vào sổ đăng ký các công nhân được tuyển dụng, điều kiện tuyển dụng cùng những khoản chi trả bằng hiện vật hoặc bằng tiền. Khi tổng kết, thanh toán, tôi hay phụ việc cho cha tôi, khi ấy chúng tôi thường có những cuộc cãi cọ ngắn, bị nén lại vì sự có mặt của các công nhân. Người ta không lừa ai bao giờ, song các điều kiện trong hợp đồng luôn được diễn giải rất chặt chẽ. Các ông thợ, nhất là những người nhiều tuổi nhận ra cậu bé đứng về phía họ và điều đó làm cha tôi bức bối.

Sau những cuộc cãi vã kịch liệt, tôi cấp nách một cuốn sách, bỏ đi và đôi khi không trở về ăn bữa trưa. Sau một lần cãi cọ như thế, tôi bất ngờ gặp con giông ngoài đồng, sấm rền không ngớt, thảo nguyên nín thở dưới cơn mưa rào lớn, dường như các tia chớp tấn công tôi lúc từ phía này, lúc từ phía khác. Tôi đi đi lại lại, người ướt sũng, lội bì bõm trong đôi giày và chiếc mũ cát-két của tôi biến thành một mảng nước. Khi trở về đến nhà, mọi người liếc mắt nhìn trộm tôi. Chị tôi bắt tôi thay quần áo khô và cho tôi ăn.

Cuối kỳ nghỉ hè, theo thường lệ tôi cùng cha tôi trở về thành phố. Những khi đổi tàu, chúng tôi không thuê người vác mà tự mang lấy hành lý. Cha tôi xách những thứ nặng nhất và cứ nhìn dáng lưng và cánh tay đang ra của ông, tôi biết ông khó nhọc. Tôi thấy thương ông và cố xách những gì tôi xách được. Thỉnh thoảng trong số hành lý, chúng tôi cũng mang một chiếc thùng lớn đựng quà cáp của dân làng đem biếu bà con ở Ôđétxa, khi ấy phải thuê người vác. Cha tôi trả công rất chi li. Người phụ vác không bằng lòng và lắc đầu về phạt ý. Việc này bao giờ cũng làm tôi cảm thấy khó chịu. Nếu tôi đi xe tàu một mình và phải thuê người vác, tôi tiêu vung tiền túi rất nhanh, bao giờ cũng sợ trả chưa đủ và tôi băn khoăn tìm ánh mắt của người phụ vác. Tôi phản ứng lại tính dè sẻn của gia đình như vậy và suốt đời tôi vẫn thế.

Ở nông thôn cũng như ở thành thị, tôi đã sống trong môi trường tiểu tư sản, nơi mà mọi cố gắng đều hướng về sự làm giàu. Thành thử, tôi xa cách môi trường nông thôn những năm đầu của thời thơ ấu và cả thế giới thành thị của những năm tôi đi học. Tôi rời bỏ bản năng góp nhặt, lối sống và tầm nhìn tiểu tư sản bằng một động lực bất ngờ và xa rời chúng trong suốt cuộc đời.

Trong các vấn đề tôn giáo và dân tộc, thành thị và nông thôn không đối lập với nhau, ngược lại, chúng bổ sung cho nhau từ nhiều mặt.

Gia đình tôi không có tư tưởng sùng đạo. Thoạt tiên, một vài biểu hiện bên ngoài còn sót lại bởi ảnh hưởng của sức ỳ: trong những ngày lễ lớn, cha mẹ tôi đến nhà thờ Do Thái của khu kiều dân, ngày thứ bảy mẹ tôi không may áo quần, ít ra cũng không may trước mặt mọi người. Nhưng những tập tục nghi lễ ấy càng yếu dần đi theo ngày tháng, khi lũ trẻ lớn lên và gia đình cũng khá giả hơn. Từ thời thanh niên, cha tôi đã không tin vào Chúa và sau này ông nói thẳng ra điều đó trước mặt vợ con. Mẹ tôi muốn tránh vấn đề này, mỗi khi nhắc đến nó bà lại ngược mắt nhìn trời.

Khi tôi lên bảy hoặc tám tuổi, mọi người coi lòng tin vào Chúa như một thứ chính thống. Có lần, một ông khách - như thường lệ, cha mẹ tôi đem khoe những đứa con mình và bắt tôi phải đưa ra những bức tranh cùng thơ ca do tôi làm - đã hỏi tôi:

- Thế Chúa Trời là gì?

- Chúa Trời là một loại người - tôi trả lời không chút ngập ngừng.

Nhưng ông khách lắc đầu.

- Không, không, Chúa Trời không phải là người

- Thế thì Chúa Trời là gì? - đến lượt tôi vặn lại vì ngoài con người ra, tôi chỉ biết thú vật và cây cỏ.

Ông khách và cha mẹ tôi lúng túng đưa mắt và mím cười với nhau như cách người lớn vẫn làm khi lũ trẻ con đã động đến các vấn đề nan giải muôn thâu.

- Chúa Trời là một đấng tinh thần - ông khách nói.

Đến lượt tôi mím cười bối rối nhìn lên mặt người lớn xem họ có chế giễu tôi không.

Nhưng không, hoàn toàn không phải trò đùa. Không còn cách nào khác, tôi phải chấp nhận điều này. Tôi quen nhanh chóng với chuyện Chúa Trời là một đấng tinh thần thuần túy. Cũng như một kẻ mọi rợ, tôi liên hệ ý tưởng Chúa Trời với ý tưởng về tinh thần của chính tôi mà tôi gọi là linh hồn, tôi đã biết rằng, tinh thần tức hơi thở sẽ mất đi khi con người qua đời. Nhưng lúc đó tôi chưa biết đây là một học thuyết có tên là thuyết vật linh.

Vào kỳ nghỉ hè đầu tiên, khi tôi sắp sửa ngủ trên chiếc ghế dài trong phòng ăn, tôi bắt chuyện về Chúa Trời với D., một sinh viên đến chơi Ianópca, anh cũng nghỉ trưa trên chiếc đi-văng. Thời đó, tôi bán tin bán nghi về sự hiện hữu của Chúa Trời. Tôi không chú ý đặc biệt đến vấn đề này, nhưng giá có một câu trả lời xác đáng thì cũng hay.

- Sau khi người ta chết, linh hồn biến đi đâu? - tôi hỏi, đầu ngả trên gối.

- Thế nó biến đi đâu khi người ta ngủ? - trả lời.

- Nhưng mà những khi ấy,... vẫn... - tôi đáp lại, cố chống con buồn ngủ.

D. tiếp tục tấn công:

- Thế linh hồn một con ngựa biến đi đâu khi nó lăn quay ra chết?

Lời bác bỏ ấy khiến tôi thỏa mãn hoàn toàn và tôi chìm vào giấc ngủ thanh thản.

Trong gia đình Spenxe, tuyệt đối không có tư tưởng tôn giáo, trừ một bà cô già nhưng không ai tính đến. Tuy nhiên, cha tôi muốn tôi biết *Kinh Thánh* trong nguyên bản, đó là một trong những điều tự đắc cơ bản của ông. Vì thế ở Ôđétxa, tôi có những tiết học riêng về *Kinh Thánh* với một cụ già rất thông thái. Những buổi học ấy chỉ kéo dài vài tháng, chúng không hề củng cố chút nào về đức tin trong tôi. Phát hiện trong lời nói của ông thầy một chút sắc thái lập lờ đối với văn bản chúng tôi đang nghiên cứu, tôi hỏi ông bằng sự thận trọng của nhà ngoại giao:

- Nếu chúng ta đặt giả thiết - như nhiều người nghĩ - rằng không có Chúa Trời thì thế giới xuất hiện như thế nào?

- Hừm - thầy trả lời -, con có thể đặt câu hỏi này cho chính bản thân người đó.

Cụ già chỉ giảng giải bằng những lời vòng vo như thế. Tôi hiểu rằng người dạy đức tin cho tôi cũng chẳng tin vào Chúa Trời và vì thế, cuối cùng tôi hoàn toàn yên tâm.

Học sinh của trường Trung học Hiện đại thuộc nhiều dân tộc và tôn giáo khác nhau. Tùy theo từng tôn giáo, giáo lý "thánh hiền" được nhiều thầy giảng giải: một linh mục nhà thờ chính thống, một mục sư Tin Lành, một cha Thiên Chúa giáo và một giáo trưởng Do Thái.

Ông linh mục là cháu họ của vị tổng giám mục và như lời thiên hạ, ông được các bà sùng ái. Đó một thanh niên đẹp như trong tranh, có mái tóc vàng hoe giống chúa Kitô, nhưng hoàn toàn là kẻ thế tục với cặp kính gọng vàng, mái tóc bông vàng chõe và trung diện đến mức không ai chịu nổi. Trước giờ học giáo lý, các học sinh được chia ra từng nhóm, những kẻ không theo đạo chính thống bị đưa ra khỏi lớp, đôi khi ngay trước mặt ông linh mục. Đối với họ, ông ta có một vẻ mặt đặc biệt: ông khinh khỉnh nhìn những người đi ra, tuy có giảm đi chút ít bởi tầm lòng rộng lượng của chúa Kitô.

- Các anh đi đâu? - ông hỏi một trong những người ra khỏi lớp.

- Chúng con theo Thiên chúa giáo - người kia đáp.

- A! Thiên chúa giáo...

Ông linh mục lặp lại và đu đưa cái đầu.

- Tốt, tốt, tốt... thế còn các anh kia?

- Chúng con là Do Thái.

- Do Thái, trẻ con Do Thái, ờ... ờ... ờ...

Một ông cha cổ Ba Lan nhập vào đám học sinh Thiên Chúa giáo như một bóng đen, lúc nào ông cũng đi nép vào tường, ông đến rồi vụt biến đi chẳng ai nhận ra đến nỗi trong những năm đi học chưa bao giờ tôi thấy rõ khuôn mặt cạo nhẵn nhụi của ông. Một người tốt bụng tên là Dieghenman [Ziegelmann] dạy *Kinh Thánh* và lịch sử dân tộc Do Thái bằng tiếng Nga cho các học sinh Do Thái. Chẳng ai coi trọng những giờ học ấy.

Vấn đề dân tộc không bao giờ làm tôi bận tâm vì không dễ nhận ra nó trong đời sống thường nhật. Mặc dù những đạo luật đặc biệt ban bố năm 1881 khiến cha tôi không được mua đất - đó luôn là tham vọng

của ông - và chỉ được thuê đất bằng tên người khác; nhưng tất cả những điều này đụng chạm đến tôi quá ít. Là con một địa chủ khá giả, tôi thuộc về giai cấp có lợi quyền hơn là những người bị áp bức.

Trong gia đình và ở trang trại, người ta dùng thứ tiếng Nga có lẫn tiếng Ucoraina. Khi tôi đăng ký vào trường học, một định lượng hạn chế (*numerus clausus*) mười phần trăm đối với người Do Thái khiến tôi mất một năm học, nhưng sau đó lúc nào tôi cũng thuộc số học sinh đứng đầu lớp và tôi không cảm thấy trực tiếp tác động của định lượng ấy. Các học sinh thuộc dân tộc thiểu số trong trường cũng không bị đàn áp ra mặt. Ở một mức độ nào đó, thành phần chủng tộc phong phú - chẳng những của các học sinh mà cả trong số giáo viên - cũng góp phần tạo nên điều này. Nhưng vẫn có thể cảm thấy một thứ chủ nghĩa sô-vanh tiềm ẩn và thỉnh thoảng nó nổ ra. Thầy giáo dạy sử Liubimốp khoái trá vặn hỏi một học sinh Ba Lan về việc những người theo đạo chính thống bị tổ tiên anh ta đàn áp như thế nào ở Bêlôrút-xia và Litva [Lithuanie]. Míchkiêvích [Mickiévitch], một cậu bé da nâu gầy gò, mặt mày tái mét, răng nghiến chặt đứng trước mặt thầy giáo và không nói một lời nào.

- Này, anh làm sao đấy? - Liubimốp thúc giục cậu ta với một vẻ thích thú trông thấy. - Sao anh lại im lặng?

Một học sinh không chịu được nữa nói:

- Míchkiêvích cũng là người Ba Lan và là người Công giáo.

- À, à thế à... - Liubimốp kéo dài giọng với một vẻ ngạc nhiên giả trá. - Ở trường này, không có những sự phân biệt như thế...

Tôi phản ứng gay gắt trước những điều giả dối đều đặn của ông thầy dạy sử đối với các học sinh Ba Lan, sự gây gổ độc ác của lão Buốcnang "người Pháp" với học sinh người Đức và cái lắc đầu của tay linh mục trẻ khi nhìn thấy "lũ trẻ con Do Thái". Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc hằn đã là một trong những động lực ngầm ngầm khiến tôi chán ghét chế độ, nhưng lý do này hoàn toàn tan biến đi trong những bất công khác của xã hội và chẳng những không đóng vai trò cơ bản, sự bất bình đẳng ấy còn không có vai trò độc lập.

Ý thức về ưu thế của toàn thể đối với bộ phận, của quy luật đối với sự việc, của lý thuyết đối với kinh nghiệm cá nhân đã nảy sinh sớm trong tôi và lớn mạnh lên cùng với tháng năm. Thị thành đóng vai trò quyết định trong việc hình thành ý thức này, cái ý thức sau đó trở nên nền tảng thế giới quan của tôi. Khi bọn học sinh - đã học vật lý và khoa học tự nhiên - nói những điều mê tín về ngày thứ hai, cho đó là một ngày xấu, hoặc bảo điều bất hạnh sẽ tới nếu một cha cố qua đường trước mặt họ, tôi vô cùng phẫn nộ và coi đó là một xúc phạm đến tư tưởng. Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để lôi kéo các bạn tôi ra khỏi những tín ngưỡng nhục nhã ấy.

Khi ở Ianópca người ta phải vất vả lắm để tính diện tích một thửa ruộng có dạng hình thang, tôi dùng theo cách của Ócolít [Euklitde] và giải phẳng bài toán trong vòng hai phút. Nhưng đáp số của tôi không phù hợp với kết quả "thực nghiệm" và người ta không tin tôi. Tôi chỉ cho họ sách giáo khoa hình học, tôi thể thốt về khoa học, tôi giận dữ, tôi hờn hờn nhưng không thuyết phục được ai và đành chịu thất vọng.

Tôi tranh cãi dữ dội với Ivan Vaxiliêvích, người thợ máy của làng vì anh không từ bỏ hi vọng thiết kế một động cơ vĩnh cửu vào một lúc nào đó. Với anh, định luật bảo toàn năng lượng là thứ lý thuyết không mấy liên quan đến đối tượng anh tìm tòi.

- Sách là một chuyện, còn thực hành lại là chuyện khác... - anh nói.

Tôi không hiểu được và không chịu được những người nhân danh sai lầm thông thường hoặc những mơ tưởng phi lý để từ bỏ các chân lý bất di, bất dịch.

Về sau này, ý thức rằng cái tổng quát có ưu thế trên cái cá biệt đã trở thành bộ phận không thể tách rời trong các công trình văn học và trong đường lối chính trị của tôi. Chủ nghĩa kinh nghiệm thiên cận, thái độ cúi đầu trước sự việc - đôi khi chỉ là một sự tưởng tượng, nhiều lúc bị suy diễn sai trái - đối với tôi thật đáng thù ghét. Tôi tìm các quy luật trên các sự kiện. Cố nhiên việc này lắm khi dẫn tôi đến những tổng quát hóa vội vàng, nhầm lẫn, nhất là trong những năm tôi còn trẻ, khi tôi còn thiếu các hiểu biết đầy đủ về khoa học và cuộc đời. Nhưng trong mọi lĩnh vực, tôi chỉ cảm thấy mình có khả năng tiến bộ và tung hoành nếu tôi nắm được trong tay sợi dây khái quát hóa. Chủ nghĩa xã hội cách mạng cấp tiến trở thành trục chính của đời sống tinh thần trong tôi, xuyên suốt cuộc đời, bắt nguồn chính từ sự thù nghịch tư tưởng với những thứ đấu tranh tầm thường bởi lòng tim vết, với chủ nghĩa kinh nghiệm và nói chung, với tất cả những thứ không được hình thành trong một ý thức hệ, không được khái quát hóa trên phương diện lý thuyết.

Tôi thử nhìn lại bản thân mình thời đó. Không chút nghi ngờ, tôi là một cậu bé đầy tự phụ, sôi sục, có thể là khó gần. Khi đưa bé ấy vừa đi học, nó không có mấy ý thức về sự trội hơn đối với các bạn cùng lứa. Đúng là ở làng người ta đem nó ra khoe với khách đến chơi, nhưng tại đó nó không có ai để so sánh khả năng của mình. Còn lũ trẻ thành phố đôi khi về Ianópca, chúng luôn có cái uy thế "bề trên" không thể với tới được của các học sinh trung học, đó là chưa kể đến lợi thế về tuổi tác khiến người ta chỉ có thể nhìn

chúng từ dưới lên.

Ngược lại, trường học là một đấu trường cạnh tranh kịch liệt. Kể từ giây phút được đứng đầu lớp, bỏ xa đũa thứ nhì, chú bé người Ianôpca cảm thấy nó có khả năng hơn những kẻ khác. Lũ trẻ chơi với nó thừa nhận nó hơn bọn chúng. Điều này không thể không ảnh hưởng đến tính tình của nó. Các thầy giáo cũng rất hay khen ngợi nó; một vài thầy như ông Corugianôpxki còn đưa nó lên vị trí rất cao. Nói chung các thầy đối xử với nó tốt nhưng dè chừng. Ở lũ học sinh thì có sự phân chia: nó có những bạn bè rất thân thiết nhưng cũng có những kẻ thù địch.

Nó không phải không biết tự phê bình, thậm chí còn đòi hỏi rất cao với bản thân. Nó chưa bằng lòng với kiến thức đã có và những nét chính trong tính khí nó, với thời gian, ý thức ấy càng trở nên mạnh mẽ. Nó giận dữ khi thấy mình chưa nói sự thực, nó luôn luôn trách mình khi chưa đọc những cuốn sách mà các bạn khác tự tin nhắc đến... Cố nhiên những điều này gắn liền với tính tự ái của nó. Ý tưởng muốn thành người giỏi hơn, thông minh hơn, hiểu biết hơn, không để cho nó yên. Nó suy nghĩ về số phận con người và đặc biệt, số phận nó nói riêng.

Một buổi tối, Mỗixây Philippôvich đi qua trước mặt tôi và trịnh trọng hỏi:

- Ngày cậu em, cậu có suy nghĩ về cuộc đời không?

Người bảo lãnh tôi thường dùng đến lối tu từ đùa cợt bằng một kiểu nói châm biếm như trên sân khấu. Nhưng lần này, câu hỏi ấy khiến tôi cảm thấy như bông rớt cả cơ thể. Đúng, tôi đang suy nghĩ về cuộc đời; chỉ có điều tôi chưa biết định nghĩa tất cả những bản khoản, day dứt của một cậu bé đứng trước tương lai bằng khái niệm ấy. Tôi có cảm tưởng người bảo lãnh của tôi đã thấu tỏ tất cả.

- Nào, thầy chưa, có phải là tôi đoán đúng không? - anh nói bằng giọng khác hẳn, vỗ nhẹ vào lưng tôi và về phòng mình.

Trong gia đình Spenxe có những chính kiến về chính trị không? Có, đó là những ý tưởng tự do chủ nghĩa ôn hòa; trong trường hợp Mỗixây Philippôvich, là cảm tình mơ hồ với chủ nghĩa xã hội pha chút sắc thái dân túy và tư tưởng Tônxtôi. Người ta hầu như không bao giờ nói chuyện chính trị, nhất là trước mặt tôi: có thể họ sợ tôi nói quá đi vài lời trước bạn bè và gây tai họa cho gia đình. Khi trong câu chuyện của người lớn, tình cờ ai đó nhắc đến những sự kiện liên quan đến phong trào cách mạng - ví dụ "chuyện này xảy ra vào năm Aléxandơrô Đệ nhị bị ám hại" - thì điều đó như từ một quá khứ xa xôi, dường như người ta nói: "vào năm Côlômbô [Colomb] tìm ra châu Mỹ".

Môi trường tôi sống xa lạ với chính trị. Trong những năm đi học, tôi không có những chính kiến chính trị và cũng không thấy nhu cầu cần phải có. Nhưng những khuynh hướng tự phát của tôi lại mang tính đối lập. Tôi thù ghét sâu sắc trước chế độ hiện hành, trước những bất công chuyên chế. Cái đó đến với tôi từ đâu? Từ thời đại Aléxandơrô Đệ tam, từ chế độ cảnh sát bạo hành, từ sự bóc lột của lũ địa chủ, những hà lạm của bọn viên chức, từ sự cự tuyệt quyền lợi cho các dân tộc thiểu số, những bất công trong trường, ngoài phố, từ những quan hệ mật thiết của tôi với nông dân, người ở, công nhân, từ những câu chuyện nghe được trong nhà xưởng, từ tinh thần nhân đạo bao trùm trong gia đình Spenxe, từ thơ Nhêcoraxốp và những cuốn sách khác, tóm lại, từ bầu không khí xã hội đương thời. Tôi phát hiện ra trong mình có cá tính phản kháng ấy do tiếp xúc với hai người bạn cùng lớp: Rôtdévich [Rodzevitch] và Côlôgorivốp [Kologrivov].

Voladimira [Vladimir] Rôtdévich là con một đại tá, học giỏi thứ nhì trong lớp. Anh năn nỉ xin với bố mẹ cho phép mời tôi đến chơi nhà vào một ngày chủ nhật. Họ tiếp tôi khá lạnh nhạt nhưng cũng tử tế. Ông đại tá và bà vợ ít trò chuyện với tôi, dường như họ muốn thử tôi. Trong ba bốn giờ ở gia đình Rôtdévich, có lẽ hai lần tôi vấp phải một cái gì đó xa lạ làm tôi lo ngại, thậm chí thù ghét: khi người ta đụng chạm đến vấn đề tôn giáo hoặc quyền lực. Cái giọng bảo thủ hiền từ ngự trị trong gia đình ấy làm tôi như bị thụi vào ngực. Voladimira bị cha mẹ cấm không được gần tôi, thành thử quan hệ chúng tôi đứt đoạn. Sau cuộc cách mạng thứ nhất, ở Ôđétxa có một gã "trăm đen" rất nổi danh mang họ Rôtdévich, hẳn là một thành viên của gia đình này.

Ấn tượng của tôi về Côlôgorivốp còn mạnh mẽ hơn. Anh được vào thẳng học kỳ hai, năm thứ hai. Đó là một chàng trai cao ráo và dị hình, khá kỳ quặc trong lớp. Anh chăm chỉ đến mức không thể tưởng tượng được. Hễ có thể là anh học thuộc lòng tất cả mọi thứ. Ngay trong tháng đầu đến trường, anh đã mù đầu vì thế. Khi bị thầy giáo địa lý gọi lên bảng trả lời, chẳng chờ câu hỏi Côlôgorivốp đã tuôn ngay:

- Giêxu Kitô [Jesus Christ] giáo giảng hòa bình...

Anh tưởng đang học giờ giáo lý Cơ đốc, giờ này liền sau giờ địa lý.

Một lần trò chuyện với Côlôgorivốp - anh khá nể tôi vì tôi đứng đầu lớp - tôi buông một câu phê bình ông hiệu trưởng hay một ai đó không nhớ nữa.

- Có thể nói như thế về thầy hiệu trưởng được không? - Côlôgorivốp hỏi với vẻ phật ý thành thật.

- Tại sao không? - Tôi hỏi lại, ngạc nhiên một cách thành thật không kém.

- Nhưng ông ấy là cấp trên của chúng ta. Và nếu cấp trên của cậu ra lệnh cho cậu đi bằng đầu thì nhiệm vụ của cậu là tuân lệnh chứ không được kêu ca.

Đây là những lời lẽ của anh ta. Câu tuyên bố đầy tính công thức ấy làm tôi ngạc nhiên. Lúc đó tôi không nghĩ ra rằng anh ta chỉ nói những điều đã được nghe nhiều lần trong cái gia đình phong kiến của anh. Và mặc dù chưa có chính kiến riêng nhưng tôi cảm thấy có những cái nhìn mà tôi không thể chấp nhận được, cũng như tôi không ăn nổi thức ăn thiêu thối.

Đồng thời với mỗi cảm thù mù quáng nhằm vào chế độ chính trị của nước Nga, tôi bắt đầu lý tưởng hóa ngoại quốc - Tây Âu và Mỹ - mà không nhận thấy. Căn cứ vào những nhận xét được bổ sung bằng trí tưởng tượng và những điều tản mạn, rải rác, tôi hình dung ra hình ảnh một nền văn hóa cao, bao trùm tất cả mọi người, không trừ ai. Sau này, tôi còn thêm vào đây quan niệm về một chế độ dân chủ lý tưởng. Chủ nghĩa duy lý thời non trẻ của tôi bảo tôi rằng nếu chúng ta hiểu được cái gì đó thì tức thời ta cũng thực hiện được chúng. Vì thế tôi thấy thật vô lý chuyện châu Âu vẫn còn mê tín, giáo hội vẫn có một vai trò lớn và ở Mỹ người da đen vẫn bị khủng bố. Cái cách lý tưởng hóa được tiếp thu lúc nào không biết từ môi trường tiêu tư sản và tự do chủ nghĩa vẫn còn cho đến tận sau này, khi những tư tưởng cách mạng bắt đầu thâm nhập vào tôi. Trong những năm đó, hẳn tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu tôi đã biết - nếu tôi có thể biết - rằng nước Cộng hòa Đức do những người xã hội dân chủ nắm quyền cho phép những kẻ theo chủ nghĩa quân chủ cư trú, nhưng lại chối từ quyền ty nạn của những nhà cách mạng. Từ đó, may là tôi đã không ngạc nhiên trước nhiều điều. Cuộc sống loại trừ khỏi con người tôi chủ nghĩa duy lý và dạy tôi phép biện chứng. Có là Hécman Muynle [Hermann Müller] đi chẳng nữa cũng không thể làm tôi ngạc nhiên.

CHƯƠNG VI

SỰ CÔNG PHÁ

Sự phát triển chính trị nước Nga kể từ giữa thế kỷ trước phải được tính bằng những giai đoạn mười năm. Những năm sáu mươi, thời kỳ sau chiến tranh Còrum [Crimée] là thời đại ánh sáng, thế kỷ XVIII ngắn ngủi của chúng tôi. Trong thập kỷ tiếp theo, giới trí thức tìm cách rút ra các kết luận thực tiễn từ những ý tưởng khai sáng: mở đầu, họ đi về với nhân dân, tuyên truyền cách mạng và kết thúc bằng sự khủng bố. Những năm bảy mươi đi vào lịch sử chủ yếu như giai đoạn của đảng Tự do Nhân dân. Các phần tử ưu tú nhất của thế hệ này tự thiêu hủy mình trong ngọn lửa của những vụ nổ bom. Kẻ thù đứng vững trên mọi vị trí. Tiếp theo đó, những năm tám mươi là thập kỷ của sự sa sút, thất vọng, bi quan, của những tìm tòi tôn giáo và luân lý. Tuy nhiên, nấp dưới bóng phản động, các lực lượng tư bản vẫn âm thầm hoạt động. Thập kỷ chín mươi đến cùng những cuộc đình công và tư tưởng mác-xít. Sự trở dậy mới đạt tới đỉnh cao vào những năm đầu của thế kỷ chúng ta: năm 1905.

Thập kỷ tám mươi gắn liền với tên tuổi Pôbêđônốtxép, Tổng quản Hội đồng Giáo hội Nga, đại diện kinh điển của chế độ chuyên chế và bất động toàn diện. Những người tự do chủ nghĩa coi ông ta như một kẻ quan liêu thuần túy, xa lạ với mọi sự trên đời. Nhưng không phải vậy. Pôbêđônốtxép biết đánh giá một cách khôn ngoan hơn, nghiêm túc hơn các nhà tự do về những mâu thuẫn tiềm ẩn sâu kín trong đời sống nhân dân. Ông hiểu rằng nếu họ thả lỏng những chiếc ốc vít, áp lực từ dưới lên sẽ làm bật tung "cái vung" xã hội và tan tành tất cả mọi thứ vốn được Pôbêđônốtxép và cả các nhà tự do coi là nền móng của văn minh và đạo đức. Bằng cách riêng của ông, Pôbêđônốtxép nhìn nhận sâu sắc hơn những người tự do. Không phải lỗi của ông mà quá trình lịch sử tỏ ra mạnh hơn cái hệ thống Bidanxơ [Byzance] vốn được bảo vệ hết lòng bởi vị quân sư của Alếchxandơ Đê tam và Nhicôlai Đê nhị.

Trong những năm tám mươi đen tối, khi tất cả dường như đã tiêu tan đối với các nhà tự do chủ nghĩa, Pôbêđônốtxép cảm thấy làn sóng âm ỉ và lòng đất chuyên rung dưới chân mình. Ông không yên lòng ngay cả trong những năm lặng lẽ nhất của triều đại Alếchxandơ Đê tam. Ông viết cho những kẻ tâm phúc của mình:

Điều đó đã rất nặng nề, đang còn nặng nề và - phải nói một cách đấng cay - sẽ vẫn nặng nề. Linh hồn tôi không thoát khỏi cảm giác đè nén vì lúc nào tôi cũng nhìn thấy và cảm thấy tinh thần của thời đại như thế nào và những con người đã biến

chuyện ra sao... So sánh hiện tại với quá khứ xa xăm, chúng ta cảm thấy đang sống trong một thế giới khác, trong đó *mọi thứ đang trở về thời nguyên thủy hỗn mang* và chúng ta bất lực trong cái trào lưu ấy.

Số phận cho Pôbêđônôt-xép sống được đến năm 1905, khi chính những sức mạnh trong lòng đất - vốn làm ông khiếp sợ - nổi bùng trên bề mặt và những vết nứt sâu đầu tiên làm thành một mạng lưới giăng phủ khắp nền móng và bức tường chính của tòa nhà cũ kỹ.

1891 được coi là năm chính thức của sự rạn nứt chính trị ở Nga, đáng nhớ bởi mùa màng thất bát và đói kém. Thập kỷ mới đề ra vấn đề công nhân, không chỉ ở nước Nga. Năm 1901, đảng Xã hội Đức thông qua bản cương lĩnh tại Écphuốc [Erfurt]. Giáo hoàng Lêôn [Léon] XIII đưa ra một thông cáo về tình hình giới thợ thuyền. Ghiôm [Guillaume] Đệ nhị cũng bận tâm đến những tư tưởng xã hội trong đó sự dốt nát lơ lửng đi đôi với thứ lãng mạn quan liêu. Sự thân cận của Nga hoàng với nước Pháp thúc đẩy làn sóng tư bản đổ vào Nga. Vittê [Witte] được cử làm bộ trưởng Tài chính, đây là khởi đầu của kỷ nguyên bảo hộ công nghiệp. Chủ nghĩa tư bản triển bão táp đề ra cái "tinh thần thời đại" khiến Pôbêđônôt-xép dự cảm thấy nhiều điều nhọc nhằn, trần trụi.

Như hệ quả của những biến đổi chính trị, có thể thấy rõ sự năng động, chủ yếu trong giới trí thức. Những nhà mác-xít trẻ tiến bước ngày một đông và cương quyết. Đồng thời, chủ nghĩa dân túy đã ngủ yên cũng bắt đầu thức tỉnh. Tác phẩm mác-xít công khai đầu tiên ra đời năm 1893 dưới ngòi bút của Xtruvê [Strouvé]. Hồi ấy tôi mới mười bốn tuổi và những vấn đề này còn xa lạ với tôi.

Alêchxanđơ Đệ tam mất năm 1894. Như thường lệ trong những trường hợp tương tự, phái tự do đặt hi vọng vào người kế vị. Nhưng nhà vua mới đáp họ bằng một cái tát nảy lửa. Tiếp các đại biểu Demxtvô [Zemstvo], vị Nga hoàng trẻ coi những hi vọng lập hiến của họ là "mơ tưởng vô nghĩa". Tuyên bố này được đăng tải trên mọi báo chí. Người ta truyền miệng nhau rằng trong bản thảo bài diễn văn của Nga hoàng, đoạn trên được ghi là "mơ tưởng không có chỗ đứng"; nhưng do quá xúc động, nhà vua đã nói thô thiển hơn ý ngài muốn.

Lúc đó tôi mười lăm tuổi. Một cách tự phát, tôi đứng về phe "mơ tưởng vô nghĩa" mà không về phía Nga hoàng. Tôi tin tưởng mơ hồ rằng sự phát triển từng bước sẽ đưa nước Nga lạc hậu đến gần châu Âu tiên tiến. Ngoài ra, tôi không có những lý tưởng chính trị sâu xa hơn.

Về mặt chính trị, Ôđétxa là thành phố thương mại, ồn ào, nhiều màu sắc và có thành phần dân cư hỗn tạp, bị các trung tâm khác bỏ rất xa. Thời đó, tại Pêtécbuva, Mátxcova, Kiép đã có khá nhiều nhóm xã hội hoạt động trong các trường học. Còn ở Ôđétxa thì vẫn chưa.

Phrیدrich Ăngghen [Friedrich Engels] mất năm 1895. Tại nhiều thành phố Nga người ta tưởng nhớ đến ông trong những buổi nói chuyện bí mật ở các câu lạc bộ sinh viên và học sinh. Tôi sắp được mười sáu tuổi nhưng chưa biết đến cả cái tên Ăngghen và có lẽ không nói nổi điểm nào cụ thể về Mác [Marx]; xét cho cùng tôi chưa biết gì về ông.

Thiên hướng chính trị của tôi trong nhà trường mang tính đối lập khá mù mịt, nhưng chỉ đến thế. Ở học đường vào thời tôi, không bao giờ người ta bàn về những vấn đề cách mạng. Người ta chỉ thì thào rằng trong phòng thể dục của ông Nôvác [Novak], một người Tiệp, có các nhóm hội họp gì đó, có cả những vụ bắt bớ và chính vì thế, Nôvác - cũng là thầy dạy thể dục ở trường tôi - đã bị đuổi khỏi trường và một sĩ quan thế chân ông.

Trong môi trường mà tôi lui tới bởi quan hệ với gia đình Spenxe, người ta bất bình với chế độ nhưng cho là không thể lay chuyển được nó. Những kẻ mạnh dạn nhất cùng lắm chỉ mơ tưởng đến một hiến pháp sau vài thập kỷ nữa. Ianópca càng không đáng nhắc đến.

Khi tốt nghiệp trường Trung học Hiện đại, tôi trở về làng với những tư tưởng dân chủ mơ hồ của mình, cha tôi liền ôm đầu và tuyên bố ngay, vẻ gay gắt:

- Có ba trăm năm nữa cũng không được như thế...

Ông tin tưởng sắt đá rằng những cố gắng cải cách là vô ích và ông lo sợ cho con trai mình.

Năm 1921, khi đã thoát khỏi hiểm họa Bạch vệ và Hồng quân, cha tôi đến gặp tôi ở điện Còremlin, tôi nói đùa với ông:

- Cha có nhớ không, cha bảo rằng chế độ Nga hoàng còn tồn tại đến ba trăm năm nữa...

Ông già cười hóm hỉnh và trả lời tôi bằng tiếng Ucoraina:

- Lần này thì chân lý của con đã thắng rồi...

Trong giới trí thức đầu những năm chín mươi, các tư tưởng của Tônxtôi đang hấp hối, chủ nghĩa mác-xít ngày càng chiến thắng những ý tưởng dân túy. Tiếng vang của cuộc đấu tranh tư tưởng này được phản ánh trên khắp các báo thuộc mọi khuynh hướng. Đầu đầu người ta cũng nhắc đến những thanh niên tràn đầy niềm tin, họ tự gọi mình là "duy vật". Tôi chỉ nhận thấy điều đó lần đầu vào năm 1896.

Các vấn đề đạo đức cá nhân dính líu mật thiết đến ý thức hệ thụ động của những năm tám mươi trọt qua tôi trong một giai đoạn mà "tu thân" đối với tôi như một nhu cầu hữu cơ của sự trưởng thành tâm tưởng, hơn là sự định hướng trí tuệ. Nhưng sự tu thân ấy rơi ngay vào vấn đề "thế giới quan", điều này đưa tôi đến một lựa chọn cơ bản: "dân túy hay mác-xít?" Cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng chi phối cuốn tôi chậm vài năm so với biến chuyển tư tưởng chung diễn ra trong nước. Khi tôi mới tìm hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế học và tự đặt cho mình câu hỏi "nước Nga có phải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa không?" thì những nhà mác-xít thế hệ trước đã tìm ra con đường đến với giới công nhân và trở thành những người xã hội dân chủ.

Trên đường đến ngã tư đầu tiên của đời tôi, tôi vốn ít được chuẩn bị về chính trị, dù đã là một thanh niên mười bảy tuổi. Quá nhiều vấn đề đột ngột đặt ra trước mắt tôi cùng một lúc, không hề theo thứ tự cần thiết. Tôi nhảy cóc từ vấn đề này sang vấn đề khác. Chỉ một điều chắc chắn: một trữ lượng dồi dào những tư tưởng phản kháng xã hội đã lắng đọng trong ý thức tôi. Chúng gồm có gì? Thiện cảm với những kẻ bị áp bức và bất bình trước bất công. Có lẽ cảm giác cuối này mạnh hơn cả. Từ thời thơ ấu, sự bất bình đáng hết sức thô bỉ và phò trương giữa con người xuất hiện trong mọi ấn tượng của tôi, sự bất công thường nhuộm màu láo xược và không bao giờ bị trừng phạt, nhân phẩm luôn bị giày đạp. Chỉ cần nghĩ đến việc nông dân bị trừng trị về thể xác. Tôi cảm nhận hết sức sâu sắc những điều đó trước khi biết bất cứ một thứ lý thuyết gì và đây là cả một kho ấn tượng với sức công phá lớn. Có lẽ chính vì thế, tôi do dự trong một thời gian dài trước khi rút được những kết luận lớn mà lẽ ra tôi đã phải có từ những quan sát thuộc giai đoạn đầu đời.

Nhưng sự tiến hóa của tôi còn có mặt khác nữa. Thời kỳ chuyển đổi thế hệ, lắm khi cái đã chết lại cuốn theo cái đang sống. Điều này cũng xảy ra với thế hệ những nhà cách mạng Nga mà tuổi niên thiếu được hình thành trong bầu không khí ngột ngạt của thập niên tám mươi. Tuy có những triển vọng lớn do học thuyết mới mở ra, trong thực tế, những nhà mác-xít bị hạn chế bởi thứ tình cảm bảo thủ rơi rớt từ năm 1880: họ bắt lực trước những khởi xướng mới, họ rút lui khi gặp chướng ngại, họ đẩy cách mạng đến một tương lai vô định và họ có xu hướng coi chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp tiến hóa của vài thế kỷ.

Trong một gia đình như gia đình Spence, tiếng nói phê phán chính trị đúng ra phải mạnh hơn nhiều nếu nó được vang lên sớm hơn hay muộn hơn vài năm. Nhưng tôi đến chỗ họ vào những năm im ắng nhất. Hầu như trong gia đình không có những cuộc nói chuyện về chính trị, người ta né tránh các vấn đề lớn. Ở nhà trường, tình hình cũng tương tự. Dĩ nhiên tôi cũng ngấm bầu không khí ấy của những năm tám mươi. Và sau này, khi tôi bắt đầu tự rèn luyện thành người cách mạng, đôi khi tôi chợt nhận ra mình đã nghi ngờ tác động của quần chúng, tôi suy nghĩ một cách sách vở, trừu tượng - và do đó - với tư tưởng hoài nghi về cách mạng. Tôi phải chiến đấu với tất cả những điều này trong bản thân - bằng suy ngẫm, bằng học hỏi sách vở, nhất là qua việc tra dồi kinh nghiệm - cho đến ngày tôi vượt lên sức ỳ của tâm lý.

Tuy nhiên trong cái rủi cũng có cái may. Có thể chính hoàn cảnh khiến tôi phải chiến thắng một cách có ý thức trong bản thân những tàn dư của thập kỷ tám mươi, đã tạo điều kiện khiến tôi xem xét nghiêm túc hơn, cụ thể hơn và sâu sắc hơn về các vấn đề cơ bản trong hành động của quần chúng. Chỉ có gì ta giành được trong đấu tranh mới có tính lâu bền. Nhưng điều này đã thuộc về các chương khác của cuốn tự thuật.

Vào năm thứ bảy, tôi không học ở Ôđétxa mà ở Nhicôlaiép. Đó là một thành phố quê mùa, trình độ giáo dục của nhà trường cũng thấp hơn. Nhưng năm tôi học ở đây (1896) lại đánh dấu bước ngoặt của tuổi thiếu niên tôi. Một câu hỏi đặt ra trong tôi: đâu là vị trí của tôi trong xã hội loài người? Tôi sống trong một gia đình mà những đứa trẻ đã trưởng thành và đụng chạm ít nhiều đến các trào lưu mới. Đáng chú ý là trong thời gian đầu, tôi cương quyết bác bỏ "những điều không tưởng của chủ nghĩa xã hội". Tôi làm bộ một kẻ hoài nghi đã trải qua tất cả những điều đó. Tôi luôn phản ứng về các vấn đề chính trị với một giọng nhạo báng về bề trên. Bà chủ trọ nhìn tôi về ngạc nhiên và còn nêu gương tôi với các con bà - dù thực ra bà cũng không tin lắm vào lời mình - những anh này lớn tuổi hơn tôi đôi chút và nghiêng về cánh tả. Về phần tôi, đó chỉ là một cuộc chiến không cân sức cho sự độc lập bản thân. Tôi cố thoát khỏi ảnh hưởng cá nhân của những nhà xã hội trẻ tuổi mà số phận đã đưa tôi đến với họ. Cuộc chiến đấu ấy chỉ kéo dài vài tháng. Những tư tưởng thời thượng đã tỏ ra mạnh hơn, hơn nữa, tự đáy lòng, tôi không mong gì hơn là quy thuận họ. Ngay sau những tháng đầu ở Nhicôlaiép, cung cách cư xử của tôi đã thay đổi tận gốc rễ. Tôi từ bỏ vai trò bảo thủ và mạnh mẽ lao sang cánh tả khiến một số bạn mới của tôi phải hoảng sợ.

- Thế này là thế nào? - bà chủ trọ của tôi gạn hỏi. - Có lẽ tôi nhầm khi đưa anh ra làm gương cho các con tôi.

Tôi bỏ bễ việc học. Những kiến thức mang về từ Ôđétxa cũng tạm đủ để tôi duy trì vị trí đứng đầu lớp chính thức, nhưng càng ngày tôi càng nghỉ học nhiều. Một bạn ông thanh tra đến nhà tôi xem vì sao tôi hay vắng mặt. Tôi cảm thấy bị xúc phạm tột độ. Nhưng ông ta tỏ ra lịch sự, ông nhận thấy trong gia đình

tôi trợ cũng như ở phòng tôi, mọi thứ đều trật tự. Cuối cùng ông lặng lẽ ra về. Dưới tấm đệm tôi nằm có vài cuốn sách bất hợp pháp.

Ngoài những thanh niên có cảm tình với chủ nghĩa mác-xít, ở Nhicôlaiép lần đầu tiên tôi gặp các cựu tù nhân bị lưu đày đang sống dưới sự quản thúc của cảnh sát. Đó là những nhân vật hạng hai từ thời kỳ suy thoái của phong trào dân túy. Những người xã hội dân chủ còn chưa được thả khỏi nơi tù đày: họ vẫn đang bị gửi đi. Hai dòng chảy ngược làm thành những luồng xoáy ý thức hệ. Tôi cũng quay cuồng trong đó một thời gian. Thế giới của những người dân túy bốc lên mùi mốc. Chủ nghĩa mác-xít làm tôi sợ vì cái "hẹp hòi" của nó. Bị sự sốt ruột hành hạ, tôi cố gắng nắm bắt bản chất những hệ tư tưởng. Nhưng chúng không dễ đầu hàng. Quanh tôi, tôi không thấy ai có thể là chỗ dựa chắc chắn. Và ngoài ra, mỗi buổi nói chuyện mới lại làm tôi cay đắng, thất vọng đau đớn về sự kém cỏi của mình.

Tôi làm quen và quan hệ bạn bè với một người làm vườn gốc Tiệp tên là Sovigópcki [Chvigovsky]. Lần đầu tiên, tôi gặp một công nhân thông thạo báo chí, đọc được tiếng Đức, hiểu biết các tác phẩm cổ điển và tham gia một cách hoàn toàn tự tin trong các cuộc tranh luận giữa những người mác-xít và dân túy. Căn nhà vườn một buồng của ông là nơi gặp gỡ của lũ học sinh vắng lai, những tù nhân cũ và một số thanh niên địa phương. Qua Sovigópcki có thể kiểm được các cuốn sách cấm. Trong câu chuyện của các cựu tù nhân, tên một số nhà dân túy được nhắc đến: Giêliabóp [Jéliabov], Pêrôpxcaia [Perovskaia], Phigone [Figner], không phải như những anh hùng trong huyền thoại mà như các nhân vật sống động mà nếu không phải họ - những kẻ đang bị tù đày - thì các đồng sự cao tuổi hơn của họ đã có cơ hội gặp gỡ. Tôi cảm thấy mình như một mắt xích nhỏ được gắn vào sợi dây lớn.

Tôi nhào vào sách vở, sợ rằng cả một đời cũng không đủ để chuẩn bị hành động. Tôi đọc một cánh nóng này, vội vã và vô hệ thống. Sau những tài liệu bất hợp pháp thời kỳ trước, tôi chuyển sang *Luận lý* của Giôn Xtua Mìn [John Stuart Mill], rồi chìm vào *Văn hóa nguyên thủy* của Líppe [Lippe] khi chưa đọc đến nửa cuốn *Luận lý*. Tôi coi thuyết vị lợi của Bentam [Bentham] như đỉnh cao tư tưởng nhân loại. Sau vài tháng, tôi cảm thấy mình hoàn toàn là đệ tử của Bentam. Cũng theo chiều hướng đó, tôi say mê mỹ học hiện thực của Trécnusépcki [Tchernyshevsky]. Chưa ngón xong Líppe, tôi đã lao vào *Lịch sử cách mạng Pháp* của Minhê [Mignet]. Mỗi cuốn sách đều có cuộc sống riêng trong tôi, chúng không tìm được chỗ đứng của mình trong một hệ thống. Tôi chiến đấu căng thẳng, đôi khi điên cuồng để hệ thống hóa. Đồng thời tôi lại xa cách với chủ nghĩa mác-xít một phần vì nó đã tự tạo nên một hệ thống hoàn chỉnh.

Cũng vào thời gian đó, tôi bắt đầu đọc báo, nhưng không như hồi ở Ôđétxa mà trên phương diện chính trị. Có uy tín nhất là tờ báo mang tư tưởng tự do *Rútxiê Vêđômôxchi* [Rousskia Viédomosti] (Tin tức nước Nga) xuất bản ở Mátxcova. Chúng tôi không chỉ đọc mà hầu như còn nghiên cứu tờ báo, từ những xã luận của các giáo sư bất lực đến các bài phổ biến khoa học nhiều kỳ. Tờ báo tự hào nhất với đội ngũ phóng viên ở nước ngoài, đặc biệt là tại Béclin. Nhờ *Rútxiê Vêđômôxchi*, lần đầu tôi có ý niệm về đời sống chính trị Tây Âu, nhất là về những đảng phái nghị trường. Bây giờ khó tưởng tượng được chúng tôi đã đọc những bài nói chuyện của Bêben [Bebel] và ngay cả của Ôgien Ríchte [Eugen Richter] với vẻ hồi hộp như thế nào. Và đến nay, tôi vẫn nhớ một câu nói mà Đaxinski [Daszinski] ném vào mặt bọn cảnh binh đang kéo vào tòa nhà quốc hội: "Tôi đại diện cho ba vạn công nhân và nông dân Galixi [Galicie], kẻ nào dám động đến tôi?" Hầu như chúng tôi nhìn thấy bằng con mắt nội tâm của mình hình ảnh khổng lồ của nhà cách mạng xứ Galixi. Viên cảnh sát khầu của chế độ đại nghị, tiếc thay, đã huyền hoặc chúng tôi một cách tai ác. Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội Đức, bầu cử tổng thống ở Mỹ, xáo trộn trong Râyxrát [Reichsrat] (Áo), hoạt động của lũ báo hoàng Pháp - tất cả những điều này thu hút mạnh mẽ chúng tôi hơn nhiều so với số phận riêng của chính mình.

Giữa lúc ấy, quan hệ giữa tôi với gia đình xấu đi. Cha tôi đi bán bột mì ở Nhicôlaiép, không biết bằng cách nào, đã biết những mối quen biết mới của tôi. Cảm thấy hiểm nguy sắp đến với tôi, song ông vẫn hi vọng ngăn ngừa tôi bằng sức mạnh của uy quyền người cha. Chúng tôi có vài cuộc nói chuyện sóng gió. Tôi tỏ ra bất trị khi bảo vệ sự tự lập và quyền lựa chọn đường đi cho chính mình. Cuối cùng, tôi từ chối sự trợ giúp vật chất của gia đình, bỏ chỗ trọ học sinh và chuyển đến ở cùng Sovigópcki, lúc đó anh vừa thuê một cái vườn khác to hơn với căn nhà gỗ rộng hơn. Ở đây, sáu người chúng tôi sống thành một "công xã". Mỗi mùa hè, quân số chúng tôi tăng thêm một, hai học sinh bị lao và cần bầu không khí trong lành. Tôi bắt đầu mở lớp dạy. Chúng tôi sống khắc khổ, không có đồ trải giường và ăn thứ xúp hồ lớn tôi tự nấu. Mặc áo dài xanh, đội mũ rom vành tròn, chúng tôi ve vẩy chiếc gậy đen trong tay. Ở thành phố, người ta đồn đại rằng chúng tôi thuộc một giáo phái bí mật nào đó. Chúng tôi đọc không theo một hệ thống nào rồi tranh luận dữ dội, say sưa vạch ra tương lai và hạnh phúc theo lối riêng của mình.

Ít lâu sau, chúng tôi lập một hội truyền bá những sách vở hữu ích trong quần chúng. Chúng tôi thu nhập tiền quyên góp, mua những sách rẻ tiền nhưng không biết cách phổ biến. Trong vườn của Sovigópcki, có một công nhân làm thuê và một thiếu niên học nghề làm việc. Chúng tôi bỏ sức truyền bá cho họ là

chính. Nhưng gã công nhân lại là một tên sen đầm trá hình, được cài vào làm việc ở vườn để theo dõi chúng tôi. Tên hắn là Kirin Thôrogiépxki [Kirill Tjorjevsky]. Thăng bé học nghề cũng do hắn đưa tới. Nó cuỗm của chúng tôi một bọc to đựng sách phổ thông và đem về đồn cảnh sát. Khởi đầu của chúng tôi rõ ràng là không may mắn. Nhưng lòng tin của chúng tôi vào thành công sắp tới thì không gì lay chuyển được.

Tôi viết cho một tờ dân túy tại Ôđétxa một bài bút chiến chống tạp chí mác-xít đầu tiên ở địa phương. Bài báo gồm nhiều đề từ, trích dẫn và chỉ trích nanh nọc, phần nội dung thì kém hơn nhiều. Tôi gửi bài báo qua bưu điện và một tuần sau đích thân đi nhận hồi âm. Ông tổng biên tập nhìn tác giả - một chàng trai có mái tóc xù không lồ trên trán và mặt chưa gọn chút lông tơ nào - qua cặp kính to sụ, vẻ thiện cảm. Bài báo không được đăng. Như thế chẳng ai mất gì cả và tôi là kẻ mất ít nhất.

Khi ban lãnh đạo thư viện công cộng (được lựa chọn bằng bầu bán) muốn nâng niên phí từ năm lên sáu rúp, chúng tôi thấy đó là ý đồ xa rời dân chủ và gióng chuông báo động. Trong mấy tuần, chúng tôi không làm gì khác ngoài việc tổ chức đại hội các hội viên thư viện. Chúng tôi bóc sạch túi, góp những đồng rúp và nửa rúp và ghi tên những hội viên mới, cấp tiền hơn; trong số họ, nhiều người chẳng những không có nổi sáu rúp mà còn chưa đủ hai mươi tuổi như điều lệ đòi hỏi. Quyên số khiếu nại của thư viện bị chúng tôi biến thành tập hợp những bài đã kích chua cay. Trong kỳ họp hàng năm, có hai phái đối chọi nhau: một bên gồm các viên chức, giáo viên, các địa chủ tự do và sĩ quan hải quân; bên kia, chúng tôi, đại diện phe dân chủ. Chúng tôi đã chiến thắng trên toàn trận tuyến: phục hồi lệ phí năm rúp và bầu ra ban lãnh đạo mới.

Một lúc chạy theo nhiều mục tiêu, chúng tôi quyết định tổ chức một trường đại học tự do trên cơ sở dạy lẫn nhau. Có khoảng hai chục thính giả. Tôi phụ trách những bài giảng về khoa học xã hội. Nghe oách lắm. Tôi bóc toàn lực chuẩn bị cho khóa học. Nhưng sau hai bài giảng khá thành công trên tổng thể, tôi cảm thấy mình hoàn toàn cạn nguồn. Một người khác - phụ trách phần lịch sử cách mạng Pháp - lúng túng ngay từ mấy câu đầu và hứa rằng sẽ giảng bằng bài viết. Cố nhiên anh ta không giữ lời hứa. Sự nghiệp chúng tôi chấm dứt tại đó.

Tôi cùng anh chàng giảng viên thứ hai kia - là anh cả trong mấy anh em nhà Xôcôlôpxki [Sokolovsky] - quyết định viết một vở kịch. Vì mục đích ấy, chúng tôi còn rời khỏi "công xã" một thời gian và thuê một buồng riêng; chúng tôi không cho ai địa chỉ. Vở kịch của chúng tôi chứa đầy nội dung xã hội, được trình bày trên nền cuộc đấu tranh giữa các thế hệ. Mặc dù cả hai tác giả vở kịch còn ngờ vực chủ nghĩa mác-xít, hình tượng nhà dân túy trong kịch có dáng vẻ một kẻ tàn tật trong khi sự tươi trẻ, sục sôi và hi vọng lại là đặc tính của những nhà mác-xít trẻ. Mới biết ảnh hưởng của thời đại mạnh đến chừng nào! Đoạn lằng mạn được đặc tả như sau: một nhà cách mạng thế hệ trước bị cuộc đời giầy đạp lại mê một cô gái mác-xít, nhưng bị cô cho một bài độc thoại không thương tiếc về sự sụp đổ của phong trào dân túy.

Chúng tôi bỏ nhiều công sức vào vở kịch. Đôi khi chúng tôi cùng viết, động viên và sửa chữa cho nhau, thỉnh thoảng chúng tôi chia nhau công việc và mỗi người trong ngày phải xong một cảnh hoặc một màn độc thoại. Phải nói rằng những cuộc độc thoại như thế không hề thiếu trong vở kịch.

Tối tối Xôcôlôpxki đi làm về, anh tha hồ thảo ra những lời than vãn của nhà cách mạng thập kỷ bảy mươi với cuộc đời tan nát. Tôi cũng về từ mấy lớp dạy thêm hay từ chỗ Sovigôpxki. Cô con gái bà chủ trọ mang ấm xa-mô-va ra. Xôcôlôpxki móc túi lôi bánh mì và xúc xích. Thế rồi, cách ly với bên ngoài bởi cái vỏ thép kỳ bí, các nhà soạn kịch làm việc căng thẳng suốt phần còn lại của buổi tối. Chúng tôi viết xong toàn bộ hồi một, không quên chêm vào một cảnh gây ấn tượng trước khi màn hạ. Các hồi khác - còn bốn hồi nữa - mới chỉ được phác thảo.

Tuy nhiên càng đi sâu vào công việc, chúng tôi càng thấy nguội lạnh. Sau một thời gian ngắn, chúng tôi đi đến quyết định rời bỏ cái phòng trọ bí mật và hoãn phần kết của vở bi kịch. Tập bản thảo được Xôcôlôpxki chuyển sang một nhà khác. Sau này khi chúng tôi ngồi tù ở Ôđétxa, Xôcôlôpxki nhờ thân nhân của anh tìm tập bản thảo. Có lẽ anh thoáng nghĩ thời kỳ tù đầy sẽ là dịp thích hợp để hoàn thành vở kịch. Nhưng bản thảo đã biến mất không dấu tích. Khả năng lớn nhất là những người cất giữ nó thấy đốt đi là tốt hơn cả, sau khi các tác giả bất hạnh bị bắt. Tôi nhẹ nhõm hơn với ý nghĩ trên đường đời không bằng phẳng của mình, tôi đã để mất những bản thảo quan trọng gấp bội phần.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN

Mùa thu năm 1896, tôi vẫn trở về thăm làng. Nhưng đây chỉ là một sự hòa hoãn ngắn với gia đình. Cha tôi muốn tôi thành kỹ sư. Còn tôi vẫn do dự không biết chọn gì: toán học thuần túy mà tôi cảm thấy rất hấp dẫn hay cách mạng, thứ đang dần dần xâm chiếm tôi. Cứ mỗi lần đụng đến vấn đề này là cãi lộn gay gắt lại diễn ra trong gia đình. Mọi người sa sầm mặt, ai nấy đau khổ, chị cả tôi khóc thẫn và không ai biết điều gì sẽ tới. Chú tôi, vốn là kỹ sư và chủ một nhà máy ở Ôđétxa, đến chơi và rủ tôi về nhà ông một thời gian. Ấu cũng là lối thoát tạm thời, giúp tôi khỏi ngộ cụt.

Tôi ở nhà chú mấy tuần. Chúng tôi tranh luận về lợi nhuận và giá trị thặng dư. Chú tôi có khả năng chiếm lĩnh lợi nhuận hơn là giải thích chúng. Tôi trì hoãn việc đăng ký vào khoa toán trường đại học. Tôi ở Ôđétxa và tìm kiếm một cái gì đó. Tìm gì ư? Trước tiên tôi tìm chính mình. Ngẫu nhiên, tôi làm quen với những người công nhân, tôi tìm sách vở bất hợp pháp, tôi dạy học và diễn thuyết bí mật cho các học sinh một trường dạy nghề, tôi tranh luận với những người mác-xít và cố gắng không đầu hàng. Tôi đáp chiếc tàu mùa thu cuối cùng trở về Nhicôlaiép và lại đến ở trong vườn của Sovigôpxki.

Quá khứ lại tiếp diễn. Chúng tôi thảo luận những số mới nhất của các tạp chí cấp tiến, tranh luận về học thuyết Đacuyn [Darwin], bốc cháy trong sức nóng của sự chờ đợi và chuẩn bị một cái gì đó mơ hồ, vô định. Điều gì thúc đẩy trực tiếp chúng tôi vào công việc tuyên truyền cách mạng? Khó trả lời câu hỏi ấy. Sự thúc đẩy đến từ bên trong. Ở môi trường trí thức mà tôi lui tới, không ai gánh vác công tác cách mạng thực sự. Chúng tôi nhận thức được rằng giữa những cuộc đàm thoại bất tận bên bàn trà và một tổ chức cách mạng, có cả một vực sâu thực sự. Chúng tôi biết mỗi liên lạc với công nhân đòi hỏi một cuộc *bao phân* lớn, từ này được nhắc đến một cách trang trọng, gần như kỳ bí. Chúng tôi không nghi ngờ rằng trước sau chúng tôi sẽ đi từ những buổi trà đến *bao phân*, nhưng không ai nói đến chuyện điều này sẽ xảy ra như thế nào trong thực tế. Đề bào chữa cho sự trì hoãn ấy, chúng tôi thường nói với nhau: "Còn phải chuẩn bị đã...". Và điều này cũng không xa sự thực là bao.

Nhưng có một cái gì đó di chuyển trong không gian và đột ngột đưa chúng tôi vào con đường cách mạng. Chuyển biến này không xảy ra trực tiếp ở Nhicôlaiép mà trong khắp đất nước, trước hết tại các thủ đô, nhưng có tiếng vang đến cả chỗ chúng tôi.

Năm 1896, những cuộc đình công vang dội của khối thợ dệt nổ ra ở Pêtécbuva. Giới trí thức phấn khích. Sinh viên đại học mạnh dạn hơn khi cảm thấy sự thức tỉnh của những trữ lượng quần chúng hùng hậu. Các kỳ nghỉ hè, Giáng sinh và Phục sinh, nhiều học sinh về Nhicôlaiép mang theo tiếng vọng của cuộc đấu tranh diễn ra tại Pêtécbuva, Mátxcova và Kiép. Một số bị đuổi khỏi trường đại học; những học sinh trung học ngày hôm qua trở về với vầng hào quang của người chiến sĩ.

Tháng Hai 1897, một nữ sinh đại học tên là Vêtrôva [Vétrovà] tự thiêu trong pháo đài Piôt-Paven [Pierre-Paul]. Tấn thảm kịch chưa bao giờ được giải tòa này làm chấn động tất cả chúng tôi. Những cuộc bắt bớ và đây ải ngày càng tăng.

Những cuộc biểu tình do vụ Vêtrôva gây ra là tiền đề cho hoạt động cách mạng đầu tiên của tôi. Chuyện xảy ra như sau:

Tôi đi dạo phố với Grigôri Xôcôlôpxki, người trẻ nhất trong "công xã" chúng tôi. Anh chừng trạc tuổi tôi.

- Chúng ta cũng nên bắt đầu thôi chứ - tôi nói với anh.

- Phải bắt đầu thôi - Xôcôlôpxki đáp.

- Nhưng bằng cách nào?

- Thì thế, bằng cách nào?

- Phải tìm gặp giới công nhân, đừng chờ ai cả, đừng hỏi han ai mà phải tìm anh em công nhân và bắt tay vào việc.

- Tôi nghĩ rằng có thể tìm được họ - Xôcôlôpxki nói. - Ngày xưa tôi có quen một ông bảo vệ trong công viên thành phố, thành viên một giáo phái đọc *Kinh Thánh* gì đó. Tôi sẽ đến chỗ ông ấy.

Trong ngày hôm đó Xôcôlôpxki đến chỗ ông ta ở công viên. Đã từ lâu ông không làm việc ở đây, nhưng có một chị thay thế ông, chị này quen một người cũng thuộc giáo phái nói trên. Qua người quen của chị phụ nữ mà chúng tôi không quen biết này, cùng ngày ấy, Xôcôlôpxki làm quen với mấy công nhân, trong số đó có anh thợ điện Ivan Andrêêvích Mukhin [Ivan Andréievitch Moukhine], chẳng bao lâu sau sẽ là nhân vật chính của tổ chức.

Xôcôlôpxki trở về từ cuộc tìm kiếm, mắt ngời sáng:

- Thế mới là người chứ! Những con người thực sự!

Ngày hôm sau, nhóm chúng tôi gồm năm, sáu người tập trung trong một quán rượu. Cái máy hát

gầm rú trên đầu chúng tôi, chúng tôi nói chuyện giữa âm thanh âm ĩ để không ai nghe được.

Mukhin, người mảnh khảnh, râu cằm nhọn, nếp gấp mắt trái thông minh nhìn khuôn mặt không râu ria của tôi với vẻ thân mật nhưng dò xét; giữa những khúc nghĩ tình quái, anh giảng giải rành rọt:

- Với tôi, trong chuyện này, sách *Phúc Âm* như một điem tựa. Tôi bắt đầu bằng đạo và sẽ chuyển sang đời. Cách đây mấy bữa, tôi đã vạch ra chân lý cho bọn Stundít [Stundistes] bằng những hạt đậu...

- Hạt đậu á? Như thế nào?

- Rất giản đơn: tôi đặt một hạt đậu lên bàn - đó là Nga hoàng -, rồi tôi đặt nhiều hạt khác vòng quanh - đó là những bộ trưởng, giám mục, tướng tá, xa hơn nữa là lũ quý tộc, thương nhân, đồng hạt đậu này là đám thường dân. Rồi tôi hỏi: Nga hoàng ở đâu? Thính giả chỉ hạt đậu ở giữa. Các bộ trưởng ở đâu? Anh ta chỉ, rồi lặp lại những lời đáp hết như tôi vừa nói với anh. Bây giờ hãy để ý đây, xem này - Ivan Andrêevích nói, anh nếp mắt trái và dừng một lúc. - Rồi tôi xáo trộn đồng đậu. Thử tìm xem, đâu là Nga hoàng? Đâu là các bộ trưởng? Làm sao mà biết được, anh ta trả lời. Bây giờ không thể tìm ra họ nữa rồi. Thì chính thế, tôi đáp, đúng là không thể tìm ra họ nữa. Chỉ cần xáo trộn tất cả những hạt đậu.

Hào hứng, tôi thấy rục cả người khi nghe Ivan Andrêevích nói. Phải như thế, vậy mà chúng tôi cứ suy đi tính lại, mò mẫm và chờ đợi. Máy hát cứ gào rú - thế là có *bạo loạn*, Ivan Andrêevích lật đật cơ chế giai cấp nhờ những hạt đậu. Vậy là tìm ra cách tuyên truyền cách mạng.

- Có điều xáo trộn chúng bằng cách nào? Vấn đề là ở chỗ đó - Mukhin nói với giọng khác hẳn, anh nghiêm khắc nhìn tôi về dò xét. - Đây là chuyện khác, chẳng phải là đồng hạt đậu nữa rồi, phải không?

Bây giờ thì anh chờ một câu trả lời từ tôi.

Từ hôm đó, chúng tôi ngập đầu trong công việc. Chúng tôi không có những người kỳ cựu dẫn dắt, không đủ kinh nghiệm cá nhân, nhưng chưa bao giờ chúng tôi chững lại hoặc bối rối. Tất cả tuân tự nói đuổi nhau một cách tự nhiên như trong cuộc nói chuyện với Mukhin ở quán rượu.

Đời sống kinh tế Nga cuối thế kỷ trước nhanh chóng chuyển về hướng Đông-Nam. Ở miền Nam, những nhà máy không lồ lần lượt mọc lên. Tại Nhicôlaiép cũng có hai nhà máy, trong thành phố này, vào năm 1897, có tám ngàn công nhân nhà máy và gần hai ngàn thợ thủ công. Trình độ văn hóa của công nhân cũng như lương bổng của họ tương đối cao, trong số họ không mấy ai mù chữ. Trong một chừng mực nào đó, các giáo phái thế chỗ những tổ chức cách mạng, họ đấu tranh có hiệu quả với giáo hội chính thống. Chưa từng biết những cuộc bạo động lớn, giới sen đầm ở Nhicôlaiép còn thiêm thiếp trong giấc ngủ yên lành. Tình trạng ấy vô cùng may mắn cho chúng tôi. Nếu cảnh binh kiểm soát cẩn trọng hơn, hẳn chúng tôi đã bị bắt ngay từ những tuần đầu. Nhưng chúng tôi là những kẻ đi đầu và có mọi thuận lợi vì thế. Lũ cảnh binh chỉ tinh dậy sau khi chúng tôi làm rung động công nhân ở Nhicôlaiép.

Khi làm quen với Mukhin và các bè bạn của anh, tôi tự xưng là Lovóp [Lvov]. Sự dối trá đầu tiên của tôi trong thời bạo loạn không dễ dàng đối với tôi. Tôi thấy khó xử khi phải "đánh lừa" những người mà tôi đã gặp gỡ vì một chính nghĩa lớn lao và tốt đẹp như thế. Nhưng cái bí danh Lovóp chẳng bao lâu đã gắn chặt với tôi và tôi cũng quen nó.

Những công nhân tràn đến chỗ chúng tôi, dường như họ đã chờ chúng tôi từ lâu trong các nhà máy. Mỗi người kéo đến một anh bạn, một số đưa cả vợ đến, nhiều công nhân già gia nhập nhóm chúng tôi cùng con cái của họ. Chúng tôi không đi tìm công nhân, chính họ đi tìm chúng tôi. Là những lãnh đạo trẻ và thiếu kinh nghiệm, chẳng bao lâu chúng tôi đuối hơi trong cái phong trào do chúng tôi đẩy lên. Mỗi lời nói của chúng tôi đều có tiếng vọng. Trong các buổi học hay nói chuyện bất hợp pháp được tổ chức ở nhà, trong rừng, bên bờ sông, thường thường có từ hai mươi đến hai trăm người tham dự, đôi khi hơn. Họ đa số là thợ bậc cao, có lương bổng không tồi. Trong nhà máy đóng tàu ở Nhicôlaiép, hồi ấy người ta đã làm tám tiếng một ngày. Những công nhân này không bận tâm đến việc đình công, họ tìm những mối quan hệ xã hội công bằng. Một số trong họ tự coi mình thuộc phái Bápítít [Baptistes], Stundít hay Cơ đốc giáo, nhưng trong chuyện này không có tinh thần giáo điều của giáo phái: đơn giản, những công nhân ấy chỉ xa rời giáo hội chính thống, với họ, theo Bápítít là một đoạn ngắn trên con đường cách mạng. Những tuần đầu nói chuyện với họ, một số còn dùng những công thức thường thấy trong giáo phái và so sánh hiện tại với thời nguyên thủy của Thiên chúa giáo. Nhưng chẳng bao lâu, hầu như tất cả bọn họ đều vứt bỏ lối nói dài dòng mà đám công nhân trẻ thường ra mặt chế giễu.

Cho đến nay tôi vẫn nhìn thấy những công nhân tuyệt diệu nhất bằng cặp mắt tâm hồn mình, như thể họ còn sống. Côtótóp [Korotkov], anh thợ mộc chạm thợ lên gỗ, hay đội chiếc mũ cứng, trùm đũa cọt; đã từ lâu anh xa rời mọi thứ thân bí.

- Tôi là một người *duy lý* - trịnh trọng nói, anh hiểu từ ấy là "duy lý".

Và khi Tarát Xavêlêvích [Tarass Savéliévitch], môn đệ lâu đời của *Phúc Âm*, người đã có cháu chắt, kể đến lần thứ một trăm chuyện những con chiên Thiên Chúa giáo đầu tiên cũng hội họp bí mật như chúng tôi, Côtótóp liền ngắt lời:

- Chuyện Chúa Trời của ông chi đáng giá thế này đây!

Rồi anh giật mũ khỏi đầu, giận dữ ném vào bụi cây. Lát sau, anh lại đi tìm mũ. Việc xảy ra trong rừng, trên một mảnh đất cát pha.

Bị lỗi cuốn bởi những tình cảm mới, nhiều công nhân bắt đầu làm thơ. Côrotcốp viết một bản "hành khúc vô sản" bắt đầu bằng câu: "Chúng ta là những alpha và omega, là khởi đầu và kết thúc...". Nhétxchêrencô [Nestérenko] - cũng là thợ mộc làm sườn nhà, tham gia câu lạc bộ của Aléxchândora Lovópna Xôcôlôpxcaia [Alexandra Lvovna Sokolovskaia] cùng con trai - soạn một bài mang hơi hướng dân ca Ucoraina về Các Mác. Rồi họ đồng ca hát bài ấy. Nhưng bản thân Nhétxchêrencô đã kết thúc thảm hại: hẫng liên lạc với cảnh sát và tổ giác cả tổ chức.

Anh thợ phụ Êphimốp [Efimov] là một thanh niên mắt xanh, tóc vàng, người to lớn. Xuất thân từ một gia đình sĩ quan, sống trong đám căn bã của thành phố, anh biết đọc và viết, hơn nữa, còn đọc nhiều. Tôi tìm ra anh trong một quán ăn nghèo khó giữa những kẻ lang thang. Êphimốp làm công nhân bốc vác ở bến cảng, anh không rượu chè, không hút sách, khá giữ gìn ý tứ và lịch sự, nhưng ở anh có cái gì đó bí mật khiến anh có vẻ ù dột, dù chỉ mới hai mốt tuổi.

Ít lâu sau Êphimốp kể với tôi chuyện anh làm quen một tổ chức "Narôđôvônxu"[Norodovoltsy] (Tự do Nhân dân) gì đó và đề nghị đưa chúng tôi bắt liên lạc với họ.

Ba đứa chúng tôi - tôi, Mukhin và Êphimốp - uống trà trong cái quán "Nước Nga" ồn ào, nghe tiếng gào diếc tai của chiếc máy hát và chờ đợi. Cuối cùng, Êphimốp đưa mắt chỉ cho chúng tôi một người to lớn, vạm vỡ, có bộ râu của kẻ lái buôn: "Ông ta đấy". Người này uống trà rất lâu ở một bàn riêng, rồi khoác chiếc áo lên người và làm dấu bằng một động tác máy móc về phía những bức tranh thánh.

- Thì ra một nhà cách mạng là thế đấy! - Mukhin sững sờ.

Ông thành viên đảng Tự do Nhân dân tránh tiếp xúc với chúng tôi, qua Êphimốp, ông ta chuyển đến chúng tôi một lời giải thích mơ hồ gì đó. Câu chuyện này vĩnh viễn không có lời giải đáp. Về phần Êphimốp, chẳng bao lâu anh tính nợ với cuộc đời: anh tự tử bằng hơi ngạt. Có thể anh chàng không lỗ mất xanh này chỉ đơn thuần là trò chơi trong tay một tên cảnh sát chó săn nào đó, nhưng cũng có thể còn tệ hơn...

Mukhin là thợ điện, anh thiết lập trong nhà một hệ thống báo động phức tạp để phòng trường hợp cảnh sát ập tới. Anh hai mươi bảy tuổi, đôi lúc ho ra máu, rất khôn ngoan trong cuộc sống và gần như là một cụ già trong mắt tôi. Suốt đời anh là người cách mạng. Sau lần thứ nhất bị đi đày, anh phải vào tù, rồi lại đi đày. Tôi gặp lại anh ở Kháccốp sau hai mươi ba năm xa cách, trong kỳ họp của đảng Cộng sản Ucoraina. Chúng tôi ngồi hồi lâu trong một góc, nhắc lại quá khứ, ôn lại một số biến cố và kể cho nhau nghe những điều biết được về những người đã hoạt động với chúng tôi trong buổi bình minh cách mạng. Trong kỳ họp này, Mukhin được bầu vào Ban Kiểm tra Trung ương đảng Cộng sản Ucoraina. Bằng cả đời mình, anh xứng đáng với sự lựa chọn ấy. Nhưng sau đó ít lâu, anh nằm liệt giường và không bao giờ đứng dậy nữa.

Sau khi quen biết nhau, Mukhin giúp tôi làm quen với mọi người bạn, cũng thuộc một giáo phái nào đó. Anh tên là Babencô [Babenko], có một ngôi nhà riêng và những cây táo trong vườn. Đi cà nhắc, cử chỉ chậm chạp, lúc nào cũng tỉnh táo, Babencô dạy cho tôi cách uống trà với táo, thay chanh.

Babencô bị bắt cùng nhiều người khác, ngồi tù khá lâu rồi trở về Nhicôlaiép. Số phận bắt chúng tôi xa nhau hoàn toàn. Năm 1925, tình cờ tôi đọc trong một tờ báo nào đó mẩu tin Babencô, cựu thành viên "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga" đang sống ở tỉnh Cuban [Kouban]. Lúc ấy anh không đi lại được. Tôi xin được cho ông già đi chữa bệnh ở Êtxentuki [Essentouki], vào năm 1925 việc này không còn đơn giản nữa. Rồi anh khỏi chân. Tôi đến thăm anh ở viện điều dưỡng. Anh không biết Trótxki và Lovóp chỉ là một! Chúng tôi lại uống trà với táo và gọi lại quá khứ. Chẳng biết anh ngạc nhiên đến độ nào khi ít lâu sau, anh nghe tin Trótxki là một tên "phản cách mạng"!

Xung quanh tôi có rất nhiều gương mặt đáng chú ý, không thể kể ra được hết. Đó là một tập thể tuyệt vời, trẻ trung và có học thức: tất cả mọi người đều học trường Kỹ thuật Hàng hải. Họ hiểu ngay khi mới nói đến nửa lời, như vậy việc tuyên truyền cách mạng đơn giản hơn nhiều so với chúng tôi tưởng. Chúng tôi ngạc nhiên và ngây ngất vì hiệu quả công việc. Qua những mẩu chuyện được nghe về công tác cách mạng, chúng tôi biết thông thường chỉ thuyết phục được vài công nhân. Nếu mỗi nhà cách mạng lôi kéo nổi hai, ba người thì đó đã là một thành công đáng kể. Thế mà ở chỗ chúng tôi, trong thực tế, con số những người gia nhập hoặc muốn gia nhập đoàn thể là vô hạn. Chỉ thiếu sách vở tuyên truyền và người lãnh đạo. Các giảng viên của nhóm giảng từ tay nhau bản viết tay duy nhất, đã nhàu nát của cuốn *Tuyên ngôn đảng Cộng sản* (Mác và Ăngghen); bản này do nhiều người chép lại, thiếu khá nhiều và đầy lỗi.

Chẳng bao lâu chúng tôi cũng bắt đầu sản xuất sách vở. Đây chính là khởi đầu sự nghiệp văn chương của tôi và gần như trùng với bước đầu hoạt động cách mạng của tôi. Tôi viết các bản tuyên ngôn,

những bài báo rồi chép lại bằng chữ in cho máy in. Thời ấy chúng tôi không hề biết trên thế giới đã có máy chữ. Tôi vẽ những chữ cái rất cẩn thận, coi chuyện sao cho một công nhân hầu như không biết đọc và viết cũng nhả ra được - không mấy khó khăn lắm - bản tuyên bố lấy từ máy ra là vấn đề danh dự. Mỗi trang giấy đòi hỏi ít nhất hai giờ làm việc. Có khi tôi gù lưng cả tuần với công việc và chỉ ngừng những khi cần họp hành và bàn bạc công việc của tổ. Nhưng vui biết bao khi được biết ở các nhà máy, công xưởng, người ta đọc như chết đói, chuyên tay và tranh cãi sôi nổi như thể nào những tờ truyền đơn bí mật in chữ tím. Họ hình dung tác giả những tờ báo như một nhân vật mạnh mẽ và huyền bí, anh ta xông xáo vào mọi nhà máy, biết những gì xảy ra trong các phân xưởng, và đáp lại các sự kiện sau hai mươi tư giờ đồng hồ bằng những tờ truyền đơn mới.

Lúc đầu, chúng tôi đun chảy loại mực dùng để in và in những bản tuyên bố ở nhà, ngay trong phòng chúng tôi. Một người đứng gác ngoài sân. Diêm và dầu hỏa luôn được đặt gần lò sưởi để mở, phòng khi nguy hiểm, chúng tôi có thể thiêu hủy mọi bằng chứng. Tất cả những điều này đều vô cùng ngây thơ. Nhưng cảnh sát Nhicôlaiép cũng chẳng giàu kinh nghiệm hơn chúng tôi là mấy.

Sau này, cơ sở in của chúng tôi được chuyển tới căn hộ của một công nhân đứng tuổi, ông bị mù vì tai nạn lao động. Không chút ngần ngại, ông giao căn nhà ông cho chúng tôi.

- Đối với người mù, đâu chẳng là nhà tù? - ông nói thân nhiên với nụ cười châm biếm.

Dần dà chúng tôi chất đống ở nhà ông một lượng đáng kể gli-xê-rin, giê-la-tin và giấy. Chúng tôi làm việc ban đêm. Căn phòng thấp, tối tăm, thật sự có vẻ cùng khổ. Chúng tôi nấu món hồ lớn cách mạng trong một cái chảo gang rồi rót nó lên tấm sắt tây. Ông mù cử động chắc chắn hơn chúng tôi trong căn phòng tối và giúp chúng tôi. Một công nhân trẻ và một nữ công nhân nhìn nhau về tôn kính mỗi lần tôi nhắc khỏi máy tờ báo mới vừa in xong.

Nếu ai đó nhìn từ trên xuống với con mắt "có lý trí" vào đám thanh niên đi lại trong cảnh tranh tối tranh sáng, quanh chiếc máy in khốn khổ, hẳn người ấy thấy thật lố bịch biết bao cái ý nghĩ của chúng tôi muốn lật đổ một chế độ lớn mạnh đã tồn tại bao thế kỷ nay. Thế mà ý đồ đó được thực hiện trong thời hạn một thế hệ: từ những đêm ấy đến 1905 chỉ có tám năm, và đến 1917 cũng chỉ gần hai chục năm.

Tôi cho rằng tuyên truyền bằng miệng ít đem lại niềm vui như tuyên truyền bằng viết. Kiến thức của tôi còn hồng và tôi chưa biết cách trình bày một cách thích đáng. Hầu như chúng tôi không có những bài diễn văn theo đúng nghĩa của nó. Chỉ đọc một lần, tôi phải phát biểu một bài gì đó trong rừng vào dịp 1 tháng Năm. Tôi bối rối vô cùng. Mỗi lời lẽ của tôi, trước khi rời khỏi cổ họng, đều có vẻ giả tạo một cách quá đáng. Nhưng thỉnh thoảng, những cuộc nói chuyện trong câu lạc bộ cũng không đến nỗi thất bại. Về toàn cục, công tác cách mạng tiến tới hết tốc lực. Tôi duy trì và phát triển những mối quan hệ của mình với Ôđétxa. Buổi tối tôi ra cảng Nhicôlaiép, mua một vé hạng ba giá một rúp, nằm trên boong tàu thủy, cảng gần ông khói cảng tốt, gối trên chiếc áo vét-tông, tôi đập lên người cái áo choàng. Sáng thức dậy ở Ôđétxa, tôi đi đến những địa chỉ quen biết. Đêm hôm sau tôi lại ở trên tàu. Bằng cách đó tôi không mất thời giờ đi lại vô ích.

Quan hệ của tôi với Ôđétxa phát triển một cách bất ngờ. Bên cửa thư viện công cộng, tôi làm quen với một công nhân đeo kính; chúng tôi nhìn nhau dò hỏi và đoán xem kẻ kia là ai. Anh là Anbe Pôliác [Albert Poliak], công nhân sắp chữ, người tổ chức ra nhà in trung ương của đảng, nổi tiếng sau này. Mỗi quen biết này mở ra một giai đoạn mới trong đời sống của tổ chức chúng tôi. Vài ngày sau, tôi mang về Nhicôlaiép một va-li đầy sách vở bất hợp pháp in ở nước ngoài. Đó là những cuốn sách tuyên truyền mỏng, mới tinh, bìa màu tươi tắn. Chúng tôi mở va-li nhiều lần để chiêm ngưỡng kho báu ấy. Sách vở được phân phát nhanh chóng và làm tăng hẳn uy tín chúng tôi trong giới công nhân.

Trong một cuộc nói chuyện tình cờ với Pôliác, tôi được biết kỹ thuật viên Srenden [Schrenzel] - thường tự xưng là kỹ sư và quanh quẩn bên chúng tôi từ lâu nay - là một tên khiêu khích già đời. Ngu xuẩn và hay quấy rối, Srenden luôn đội một cái mũ cát-két có phù hiệu. Tự bản năng, chúng tôi ngờ vực hẳn nhưng hẳn có biết việc này khác về một số người. Tôi mời Srenden đến nhà Mukhin. Ở đây, tôi vạch ra mọi chi tiết của đời y từ gốc đến ngọn mà không cần nêu tên y khiến y sợ đến phát cuồng. Chúng tôi dọa thủ tiêu y nếu y giao nộp chúng tôi. Lời cảnh cáo ấy hẳn có hiệu quả vì chúng tôi được yên trong vòng ba tháng. Ngược lại, sau khi chúng tôi bị bắt, Srenden khai chông chắt, hết điều khủng khiếp này đến điều khủng khiếp khác.

Chúng tôi đặt cho tổ chức của mình cái tên "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga", hi vọng kết hợp với những thành phố khác. Tôi thảo điều lệ Liên minh trong tinh thần đảng Xã hội Dân chủ. Chính quyền cố chống lại chúng tôi bằng những cuộc nói chuyện trong các nhà máy. Nhưng ngay hôm sau chúng tôi đáp lại bằng một bản tuyên bố. Cuộc đấu tay đôi ấy khiến cho không chỉ giới thợ thuyền mà cả những tầng lớp rộng rãi trong dân cư thành phố phải hồi hộp. Cuối cùng, cả thành phố nói về những người cách mạng rải truyền đơn tràn ngập trong các nhà máy. Tên chúng tôi được thì thầm mọi ngả. Nhưng cảnh sát

vẫn chân chừ, chúng không tin "mấy thằng nhãi ở nhà tay làm vườn" có thể làm một chiến dịch như vậy và cho rằng đằng sau chúng tôi là những nhà lãnh đạo kinh nghiệm hơn. Chắc chúng nghi đó là những cựu tù nhân đi đây về. Nhờ thế, chúng tôi lại được lợi thêm hai ba tháng. Nhưng cuối cùng, rõ ràng lũ mật thám dò được ra tung tích chúng tôi, và sở cảnh binh lần lượt biết hết các tổ của chúng tôi. Chúng tôi quyết định tự phân tán và rời Nhicôlaiép vài tuần để đánh lạc hướng cảnh sát. Tôi phải về chỗ cha mẹ ở làng, Xôcôlốpcaia và em trai đi Êcachêrinôtxláp v. v... Đồng thời, chúng tôi đi đến một quyết định cứng rắn: trong trường hợp bất bớ hàng loạt diễn ra, chúng tôi sẽ không ần náu mà để bị bắt giữ để bọn cảnh binh không thể nói với công nhân: "Thấy chưa, lãnh đạo của các anh đã bỏ rơi các anh rồi đó!"

Trước khi tôi đi, Nhétxchêrencô đòi tôi phải giao tận tay anh một nắm tuyên ngôn. Anh ta định thời điểm gặp gỡ rất muộn tại một nơi sau nghĩa trang. Tuyệt dày bao phủ khắp nơi, trắng sáng. Khoảng đất sau nghĩa trang hoàn toàn hoang vắng. Tôi gặp Nhétxchêrencô ở chỗ hẹn. Nhưng đúng lúc tôi giao cho anh ta bó giấy rút từ chiếc áo dài, một người rời khỏi bức tường nghĩa trang, đi ngang qua sát chúng tôi và dùng khuỷu tay huých vào Nhétxchêrencô.

- Ai vậy? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Tôi không biết - Nhétxchêrencô đáp, mắt nhìn theo bóng người vừa đi khỏi.

Hắn đã có quan hệ với cảnh binh từ đạo ấy, thế mà tôi không hề nghi ngờ chút nào.

Những cuộc bắt bớ hàng loạt xảy ra ngày 28 tháng Giêng 1898. Tổng cộng hơn hai trăm người bị "nhòm ngó" tới. Cuộc đàn áp bắt đầu. Một trong số những người bị bắt, anh lính Xôcôlốp [Sokolov] sợ hãi đến mức định tự tử bằng cách nhảy từ hành lang tầng một của nhà tù xuống, nhưng anh thoát chết, chỉ bị giập xương trầm trọng. Một người bị giam khác, anh Lêvandốpki [Lévandovsky] bị bọn cảnh binh hành hạ đến phát điên. Còn nhiều nạn nhân khác.

Nhiều người bị bắt do ngẫu nhiên. Một số người được chúng tôi tin tưởng lại bỏ rơi, thậm chí phản bội chúng tôi. Và ngược lại, những người lâu nay không được ai biết đến, lại tỏ ra có ý chí mạnh mẽ. Vì một lý do gì đó, một thợ tiện người Đức chừng năm mươi tuổi, anh Aogúttxơ Đômơ [August Dorn] bị bắt và giam giữ lâu. Anh chỉ đảo qua chỗ chúng tôi ở câu lạc bộ một hai lần. Đômơ cư xử thật tuyệt vời, anh làm âm ỉ nhà tù bằng những bài hát Đức, thực ra không phải lúc nào cũng nghiêm chỉnh. Anh bông đùa bằng thứ tiếng Nga rất trôi và giữ tinh thần cho đám thanh niên. Tại nơi tạm giam những người bị đi đây ở Mátxcova, chúng tôi ngồi cùng một phòng, Đômơ gọi cái âm xa-mô-va đến chỗ anh và kết thúc màn đối thoại như sau:

- Này âm, mày không muốn đến đây thì Đômơ phải đến chỗ mày vậy!

Mặc dầu cảnh ấy lặp lại ngày này qua ngày khác, ai nấy đều phá lên cười thật lòng.

Tổ chức ở Nhicôlaiép bị một đòn nặng nề nhưng không tan vỡ. Chẳng mấy chốc chúng tôi được những người khác thay thế. Những nhà cách mạng và cả bọn cảnh binh đều trở nên có kinh nghiệm hơn.

CHƯƠNG VIII

NHỮNG NHÀ TÙ ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Tháng Giêng 1898, trong lần cảnh sát cắt vó hàng loạt, tôi bị bắt không phải ở Nhicôlaiép mà trong trang trại của một đại điền chủ tên là Xôcôpních [Sokovnik], nơi Sovigốpki xin vào làm vườn. Tôi ghé qua đó trên đường từ Ianópca đi Nhicôlaiép, mang theo chiếc cặp lớn chứa đầy bản thảo, hình vẽ, thư từ và nhiều tư liệu bất hợp pháp khác. Sovigốpki giấu qua đêm những tài liệu nguy hiểm ấy vào một cái hồ đựng bắp cải và đến bình minh, khi sắp đi trồng cây, anh mới lôi nó ra đưa cho tôi vì tôi muốn làm việc. Đúng lúc đó cảnh sát ập tới. Sovigốpki còn kịp ném cái cặp ra sau một bể nước bên lối ra vào. Anh cũng kịp nói thầm với bà quản gia - bà cho chúng tôi ăn trưa dưới sự giám sát của lũ cảnh binh - rằng hãy đem cái gói đi và giấu càng kỹ càng tốt. Bà già thấy tốt hơn cả là đem chôn chiếc cặp trong vườn, dưới đồng tuyết. Chúng tôi chắc chắn những tài liệu ấy sẽ không lọt vào tay kẻ địch. Nhưng mùa xuân đến, tuyết tan, cỏ mọc cao lên để lộ chèn ềnh chiếc cặp. Chúng tôi thì ngồi tù. Mùa hạ, người ta làm cỏ trong vườn của điền chủ. Hai đứa nhỏ, con của một công nhân, chơi ở vườn phát hiện ra chiếc cặp, chúng đem lại cho bố;

người này mang đến nộp nhà chủ. Hoảng sợ, ông điền chủ có đầu óc tự do này liền đi Nhicôlaiép và trao mớ giấy tờ cho một đại tá cảnh binh. Bản thảo viết tay được dùng làm bằng chứng để tố giác nhiều người.

Cái nhà tù cũ kỹ ở Nhicôlaiép hoàn toàn không thích hợp cho việc giam giữ tù chính trị, nhất là chúng tôi lại quá đông. Tôi cùng bị giam một buồng với anh thợ đóng sách trẻ Iavích [Iavitch]. Căn phòng rất lớn, có thể chứa ba chục người, không có chút đồ đạc gì và chỉ được sưởi tí chút. Ở cửa ra vào, có một "con mắt" lớn hình chữ nhật mở ra hành lang thông trực tiếp ra sân. Lúc ấy là thời kỳ băng giá lạnh lẽo tháng Giêng. Ban đêm, người ta quăng cho chúng tôi một cái đệm rom trải sàn, đến sáu giờ sáng lại cất đi. Tinh giắc và mặc quần áo là cả một cực hình. Mặc áo choàng, đội mũ và đi giày cao su, tôi ngồi sát Iavích, lưng dựa vào chiếc lò sưởi âm âm, chúng tôi mơ màng và ngủ gà ngủ gật một hai tiếng. Có lẽ đó là lúc dễ chịu nhất trong ngày. Chúng tôi không bị gọi đi lấy khẩu cung. Chạy từ góc này sang góc khác cho ấm người, chúng tôi triển miên theo những kỷ niệm, phỏng đoán và hi vọng. Tôi bắt đầu dạy Iavích học. Cứ như thế được ba tuần rồi thì có sự thay đổi. Người ta bắt tôi mang cả đồ đạc lên văn phòng nhà tù và tôi bị giao cho hai tên cảnh binh cao lớn. Tôi bị chuyển đi nhà tù Khécxôn bằng xe ngựa. Nhà tù Khécxôn còn cũ kỹ hơn nhà tù Nhicôlaiép. Xà-lim rộng nhưng cửa sổ lại hẹp, bị che bởi một tấm lưới nặng nề làm ánh sáng rất khó lọt qua. Tôi cô đơn vô cùng. Không được đi dạo, không có láng giềng. Không thấy gì vì cửa sổ bị bít kín vào mùa đông. Tôi không được nhận quà từ bên ngoài. Tôi không có trà, không có đường. Mỗi ngày, tôi được nhận khẩu phần ăn của tù nhân một lần, vào buổi trưa: món xúp. Bánh mì đen rắc muối dùng cho cả bữa sáng và bữa trưa. Tôi đọc thoại rất lâu rằng mình có quyền tăng khẩu phần buổi sáng lẫn vào phần buổi chiều không? Những lý do tôi tìm ra vào buổi sáng đã trở nên vô lý và tội lỗi khi chiều tới. Đến giờ ăn tối, tôi cảm thù kẻ ăn sáng. Tôi không có quần áo lót để thay. Ba tháng liền tôi chỉ có đọc một chiếc quần lót ấy. Tôi không có xà phòng. Rận, rệp nhà tù ăn tươi nuốt sống tôi. Tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ đi chéo trong phòng một ngàn một trăm mười một bước. Khi đó, tôi sắp được mười chín tuổi. Tôi sống trong sự cô độc tuyệt đối đến mức sau này, dù trải qua hai tá nhà tù, tôi không thấy ở đâu như thế. Tôi không có lấy một quyển sách, một cây bút chì, một tờ giấy. Xà-lim không được thông gió. Rừng không khí trong đó như thế nào, tôi có thể đánh giá được qua những cái nhăn mũi của tên trại phó nhà giam, thỉnh thoảng đến gặp tôi. Tôi gặm nhấm mẩu bánh mì trại giam, đi lại theo đường chéo của buồng và làm thơ. Tôi biến khúc hát *Cái dùi cui* của những người dân tụy thành khúc hát vô sản *Cái máy*. Tôi còn soạn một bài ca cách mạng theo điệu *Camarinxcaia*. Những vần thơ ấy chất lượng khá trung bình nhưng sau đó lại rất phổ biến: cho đến nay chúng vẫn được xuất hiện trong các tập nhạc. Có điều, đôi khi cái khắc khoải của cánh cô đơn làm tôi mòn mỏi. Lúc đó, con số một ngàn một trăm mười một bước chân được tôi đếm một cách cứng cỏi hơn hẳn trên đế giày mòn vẹt. Cuối tháng thứ ba, khi bánh mì nhà tù, đệm rom và chầy rận đã trở thành những yếu tố không thể tách rời trong đời sống của tôi, bình thường như ngày và đêm, vào một buổi tối, các giám thị đem đến xà-lim một đồng tướng những đồ vật từ một thế giới khác trong mộng tưởng: quần áo lót sạch, chăn, gối, bánh mì trắng, trà, đường, thịt giảm bông, đồ hộp, táo, cam, đúng thế, những quả cam màu sắc thật tươi... Cho đến nay, sau ba mươi một năm, tôi vẫn xúc động khi nhắc lại tên những vật kỳ diệu trên và chợt nhận thấy mình đã quên không kể đến một lọ mứt, bánh xà phòng và chiếc lược.

- Mẹ anh mang đến đây - tên trại phó bảo.

Và dù trong thời đó tôi không mấy hiểu tâm hồn con người, nhưng nghe giọng y, tôi hiểu ngay là y đã ăn hối lộ.

Ít lâu sau, tôi được chuyển bằng tàu thủy về Ôđétxa và bị giam trong xà-lim cá nhân tại một nhà tù mới xây vài năm theo kỹ thuật tối tân nhất. Sau khi đã ở Nhicôlaiép và Khécxôn, xà-lim riêng tại Ôđétxa là nơi lý tưởng. Chúng tôi đánh moóc-xơ [morse], gửi thư và "điện thoại" cho nhau bằng cách gào qua cửa sổ - tóm lại, sự liên lạc hầu như liên tục. Tôi "gõ" những vần thơ của tôi làm hồi ở Khécxôn cho các bạn hàng xóm, để đáp lại họ báo tin tức cho tôi. Qua cửa sổ, tôi được Sovigópki cho biết gói giấy của tôi đã lọt vào tay cảnh binh, nhờ thế tôi dễ dàng làm hỏng kế hoạch của đại tá Đremluiga [Dremlouga], ông này muốn như tôi vào bẫy. Phải nói rằng trong giai đoạn ấy, chúng tôi còn chưa theo chiến thuật về sau này, là từ chối trả lời mọi câu hỏi khi bị khảo cung.

Nhà tù chật ních những người bị bắt sau thất bại toàn diện của phong trào mùa xuân tại nước Nga. Ngày 1 tháng Ba 1898, trong khi tôi bị giam ở nhà tù Khécxôn, Đại hội thành lập đảng Xã hội Dân chủ được tổ chức tại Minxơ [Minsk]. Chỉ có chín người tham gia. Hầu như ngay lập tức, họ bị chìm vào làn sóng bắt bớ. Vài tháng sau không còn ai nhắc tới Đại hội này. Nhưng những hệ quả của nó về sau có ảnh hưởng đến lịch sử nhân loại... Bản Tuyên ngôn được thông qua vẽ ra viễn cảnh sau đây của cuộc đấu tranh chính trị:

... càng đi về phía Đông châu Âu, giai cấp tư sản càng hèn hạ và khốn nạn trên phương diện chính trị, do đó những nhiệm vụ văn hóa và chính trị mà giai cấp vô sản

phải gánh vác lại càng to lớn hơn.

Về phương diện lịch sử, có cái gì chua chát trong việc tác giả bản tuyên ngôn - Piott Xtruvê, nhân vật rất được nhiều người biết đến - sau đó lại trở thành lãnh tụ phong trào tự do, và cuối cùng là nhà báo của trào lưu phản động, tôn sùng giáo hội và chủ nghĩa quân chủ.

Trong những tháng đầu ở nhà tù Ôđétxa, tôi không nhận được sách vở từ bên ngoài và buộc phải bằng lòng với lượng sách của thư viện nhà tù, phần lớn gồm những tạp chí tôn giáo và lịch sử có nội dung bảo thủ, được ấn hành từ nhiều năm. Tôi nghiên ngẫm chúng với sự thèm khát không nguôi. Tôi làm quen với mọi giáo phái và dị giáo thời cổ đại và hiện đại, những ưu đãi đặc biệt đối với sự tôn thờ chính giáo, những lý lẽ tốt nhất để chống đạo Thiên Chúa, Tin Lành, tư tưởng Tônxtôi và học thuyết Đácuyt. Tinh thần Cơ đốc - tôi đọc trong tờ *Pravóxlápnôie Óbóдорénié* [Pravoslavnoié Obozrenié] (Tạp chí Chính giáo) - yêu những môn khoa học thực sự và trong số đó, các môn khoa học tự nhiên, như những bà con tinh thần của đức tin. Câu chuyện con lừa của Balaam biết tranh luận với nhà tiên tri là điều kỳ diệu không thể bác bỏ, ngay cả theo quan điểm khoa học: "Bởi vì có cả những con vẹt, thậm chí hoàng yến biết nói nữa cơ mà." Lý lẽ này của tổng giám mục Nhicanô [Nikanor] làm tôi bận tâm trong nhiều ngày; đôi khi trong cơn mơ tôi cũng thấy nó. Các bài nghiên cứu về ma vương hoặc ác quỷ, về những chúa tể của chúng, về quý Sa-tăng và cõi âm đen tối - với sự ngu xuẩn được pháp điển hóa hàng thiên niên kỷ - luôn làm tôi ngạc nhiên và gây nổi hào hứng cho tư duy trẻ trung, duy lý của tôi. Những công trình tràng giang đại hải về thiên đường, về bài trí bên trong và vị trí của nó đều được kết thúc bằng nhận xét đượm vẻ buồn bã: "Chưa có những dữ kiện chính xác về địa điểm của thiên đường". Tôi tự thâm nhắc câu nói này khi ăn trưa, lúc uống trà và đi dạo. Như vậy người ta không có số liệu gì vĩ độ địa lý của cõi thiên đường cực lạc. Mỗi khi có dịp, tôi luôn tranh luận về thần học với hạ sĩ cảnh binh Míchlin [Mikline]. Đó là một kẻ keo kiệt, dối trá và độc ác, nhưng vô cùng thành thạo kinh truyện và sùng đạo tuyệt đối. Leo thật nhanh trên những bậc thang sắt, tay vung vẩy chùm chìa khóa, ông ta lẩm nhẩm các bài hát nhà thờ. Tìm cách gây ấn tượng với tôi, Míchlin nói:

- Chỉ vì một cách gọi thôi, lẽ ra phải nói là "Đức mẹ của Chúa", tên dị giáo Ariút [Arius] lại gọi là "mẹ của Kitô" nên y đã bị vỡ bụng đấy.

- Thế tại sao tất cả những tên dị giáo bây giờ lại bình an vô sự?

- Bây giờ, bây giờ... thời thế đã đổi khác rồi - Míchlin đáp, vẻ phật ý.

Theo yêu cầu của tôi, chị tôi từ làng lên thăm mang cho tôi bốn cuốn *Phúc Âm* bằng tiếng nước ngoài. Dựa vào những kiến thức thu nhận được trong nhà trường về tiếng Đức và Pháp, tôi đọc và đối chiếu từng dòng một cuốn sách ấy bằng cả tiếng Anh và Ý. Trong vài tháng tôi tiến bộ đáng kể. Cũng phải nói rằng năng khiếu về ngôn ngữ của tôi khá bình thường. Cho đến giờ tôi vẫn không biết hoàn hảo một ngôn ngữ nào mặc dầu tôi đã sống dài hạn ở nhiều nước châu Âu khác nhau.

Trong thời gian gặp mặt, tù nhân bị lừa vào những chiếc chuồng hẹp bằng gỗ, ngăn cách những người đến thăm bởi hai lớp lưới sắt. Khi vào thăm lần đầu, cha tôi tưởng tôi phải sống trong cái cũi chật hẹp ấy suốt thời gian bị cầm tù. Cảm giác rùng mình khiến ông không nói nên lời. Ông chỉ mấp máy đôi môi trắng bệch và lặng thinh trước những câu hỏi của tôi. Không bao giờ tôi quên gương mặt ông lúc ấy. Khi mẹ tôi đến, bà đã được cha tôi báo trước nên tỏ vẻ bình tĩnh hơn.

Tiếng vọng những sự kiện tầm cỡ thế giới chỉ đến với chúng tôi như những mảnh vụn rời rạc. Cuộc chiến ở Nam Phi không tác động mấy đến chúng tôi. Chúng tôi vẫn là dân tinh lễ thực thụ theo đúng nghĩa của từ này. Chúng tôi giải thích cuộc chiến tranh giữa người Anh và Bôe [Boers] như thắng lợi tất yếu của tư bản lớn đối với tư bản nhỏ. Vụ Đơrâyphuyt [Dreyfus], đạt đến đỉnh cao vào lúc bấy giờ, thỉnh thoảng thu hút chúng tôi bằng tính bi kịch của nó. Một lần chúng tôi nhận được tin vịt là ở Pháp có đảo chính và nền quân chủ được tái thiết. Cảm giác nhục nhã không gì rửa nổi khiến chúng tôi rầu rĩ. Lũ cảnh binh lo lắng chạy dọc các hành lang và cầu thang sắt để chấm dứt sự đập phá và kêu la. Chúng tưởng chúng tôi bất bình vì bữa ăn trưa quá tệ. Nhưng không, đó là sự phản đối kịch liệt âm mưu phục hồi nền quân chủ Pháp của cánh tù nhân chính trị.

Những bài báo về hội Tam Điểm đăng trên các tạp chí thần học khiến tôi chú ý. Trào lưu kỳ lạ ấy xuất phát từ đâu? Chủ nghĩa mác-xít giải thích hiện tượng này ra sao? - tôi tự hỏi. Trong một thời gian khá dài, tôi chống lại chủ nghĩa duy vật lịch sử (tôi dựa vào lý thuyết đa nhân tố lịch sử, lý thuyết này - như đã biết - đến nay vẫn là chiều hướng phổ biến nhất của khoa học xã hội). Con người gọi những mặt khác nhau của các hoạt động xã hội của họ là những nhân tố, họ gán cho khái niệm ấy một tính *siêu* xã hội và giải thích một cách mê muội những hoạt động xã hội của chính mình như sản phẩm của tác động tương hỗ của những lực độc lập ấy. Các nhân tố ấy đến từ đâu, chúng phát triển trong những điều kiện nào từ xã hội nhân loại nguyên thủy? Chủ nghĩa chiết trung chính thức hầu như không đụng chạm đến vấn đề này. Trong

buồng giam, tôi hào hứng đọc hai tiểu luận nổi tiếng của Antônio Labriôla [Antonio Labriola], học giả mác-xít già người Ý, theo xu hướng Hêghen [Hégel]. Hai bản này lọt vào nhà tù bằng tiếng Pháp. Labriôla thuộc số ít những nhà văn thuộc hệ La Tinh nắm vững duy vật mác-xít, trong phương diện triết học lịch sử chứ không phải trong lĩnh vực chính trị mà ông vốn mù. Dưới vẻ hào hoa tài tử, bài viết của ông chứa nhiều điểm sâu sắc thực sự. Labriôla thanh toán một cách tuyệt vời chủ thuyết đa nhân tố lịch sử chôn chôn trên đỉnh Ôlimpơ [Olympe] của lịch sử và ngự trị số kiếp chúng ta từ những đỉnh cao vợi vợi. Và dù đã ba chục năm trôi qua kể từ ngày tôi đọc các tiểu luận của ông, trình tự tư tưởng khái quát của ông khắc sâu trong ký ức tôi cũng như điệp khúc: "Tư tưởng không rơi từ trên trời xuống". Sau những bài viết ấy, các lý thuyết gia Nga về tính đa dạng của những nhân tố - như Láprốp [Lavrov], Mikhailốpxki [Mikhailovsky], Carêiép [Karéiev] và nhiều người khác - đều yếu ớt trong mắt tôi. Rất lâu về sau, tôi vẫn không tài nào hiểu nổi những nhà mác-xít đã bị ảnh hưởng bởi cuốn sách căn cỗi mang tựa đề *Kinh tế và luật pháp* của giáo sư người Đức Stamle [Stammler], một trong vô số cố gắng để mở một lối cho dòng chảy tự nhiên và lịch sử từ con vi trùng amíp đến thời chúng ta - vượt qua những vòng khép kín của các phạm trù vĩnh cửu - thực tế chỉ là những phiên bản còn đọng lại trong não bộ mấy nhà thông thái rơm.

Chính vào thời đó tôi bắt đầu chú ý đến vấn đề hội Tam Điểm. Trong nhiều tháng trời, tôi hăng hái đọc những sách vở liên quan đến hội này, do họ hàng và bạn bè mang từ thành phố lên. Tại sao, vì cơ gì mà từ đầu thế kỷ XVII, những thương gia, nghệ sĩ, chủ ngân hàng, viên chức và trạng sư lại quyết định tự gọi mình là "thợ nề", lặp lại nghi thức phường hội thời Trung cổ? Thử hỏi cái hội giả trang kỳ lạ ấy bắt nguồn từ đâu? Bức tranh dần dần sáng tỏ. Phường hội thời xưa không chỉ là một nhóm sản xuất, nó còn là một tổ chức mang tính đạo đức và phong tục riêng. Từ mọi phía, nó quyết định đời sống của dân thị thành, đặc biệt là phường hội những thợ bán thủ công, bán nghệ sĩ thuộc ngành xây dựng. Việc nền kinh tế theo kiểu phường hội bị giải thể đánh dấu sự khủng hoảng tinh thần của một xã hội vừa thoát khỏi thời Trung cổ. Đạo đức mới hình thành chậm hơn rất nhiều so với sự sụp đổ của đạo đức cũ. Từ đó, nảy ra sự cố gắng - thường thấy trong lịch sử nhân loại - nhằm giữ lại những hình thức kỷ luật đạo đức mà tiến trình lịch sử (trong trường hợp này là những cơ sở phường hội của sản xuất) đã đào thải từ lâu. Cuối cùng, hội Tam Điểm hành động trở thành một thứ Tam Điểm tư biện. Nhưng như điều thường thấy ở các trường hợp tương tự, những hình thức đạo đức và phong tục lạc hậu mà con người cố giữ lại cho mình - chính vì tính hình thức của chúng - đã chứa đựng một nội dung mới và khác hẳn dưới tác động đời sống. Trong một số xu hướng của hội Tam Điểm, có thể nhận thấy trực tiếp những nhân tố phong kiến phản động khá mạnh, chẳng hạn trong hệ thống nghi thức kiểu Tô Cách Lan. Tuy vậy vào thế kỷ XVIII, ở nhiều nước, các dạng của hội Tam Điểm được bổ sung bằng sự khai sáng tác chiến, nội dung của học thuyết khai sáng từng đóng vai trò tiên cách mạng; cánh tả của họ tiến đến phong trào Cacbônari [Karbonari] (ở Ý). Vua Lui [Louis] XVI và bác sĩ Ghiôtanh [Guillotine] (người sáng chế ra chiếc máy chém) cũng là hội viên Tam Điểm. Ở miền Nam nước Đức, hội Tam Điểm bắt đầu mang tính cách mạng công khai; trong cung của nữ hoàng Catêrina [Catherine] Đệ nhị, nó trở thành biểu hiện giả dối của hệ thống tôn ti trật tự quý tộc và viên chức. Vị nữ hoàng hội viên Tam Điểm ấy đã đày ông Nôvícốp [Novikov] đi Xibêri, ông này cũng là một hội viên Tam Điểm.

Nếu ngày nay, vào thời kỳ hàng may sẵn trở nên rẻ tiền và hầu như không còn ai nghĩ đến việc dùng chiếc áo ro-đanh-gốt [redingote] của ông nội mình thì trong lĩnh vực tư tưởng, áo ro-đanh-gốt và váy kri-nô-lin [krinoline] vẫn được sử dụng rộng rãi. Trữ lượng tư tưởng được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, dù gổi và chần bả nội đã bốc mùi chua mốc. Kể cả những kẻ buộc phải thay đổi quan niệm cũng thường nhò nhét các ý đồ của mình trong những hình thức cũ. Cách mạng diễn ra trong kỹ thuật sản xuất có tác động lớn hơn nhiều so với cuộc cách mạng trong tư tưởng chúng ta; ở đó, người ta vẫn luôn thích vá vúi và khâu lộn quần áo hơn là may một chiếc mới. Bởi thế, những tín đồ tiểu tư sản Pháp của thế chế đại nghị - cố gắng chống lại lực ly tán của những hoàn cảnh đương thời bằng cái vẻ giả mạo nào đó của mối quan hệ đạo đức giữa con người - thấy không còn gì hơn là chui vào một chiếc tạp dề trắng và tự vũ trang bằng cái com-pan hoặc sợi dây dọi. Như thế, thực ra họ không có ý xây dựng một tòa nhà mới mà chỉ muốn đi vào một tòa nhà cũ kỹ của nghị viện hoặc chính phủ.

Vì ở trong nhà tù, cứ mỗi lần phát vở mới người ta lại thu cuốn cũ đã viết đầy, tôi dùng quyển vở một ngàn trang có đánh số để nghiên cứu vấn đề Tam Điểm. Trong đó tôi chép bằng chữ rất nhỏ những đoạn trích từ vô số sách vở và xen vào cách nhìn nhận của tôi về hội Tam Điểm và quan niệm duy vật lịch sử.

Việc này làm tôi mất tổng cộng gần một năm. Tôi hoàn chỉnh một số chương, chép lại vào những cuốn vở được đưa lậu từ ngoài vào và gửi chúng cho bạn bè tại các phòng giam khác để họ đọc. Chúng tôi có một hệ thống rất phức tạp gọi là "điện thoại" để làm việc này. Nếu phòng giam của người nhận tài liệu không xa tôi lắm, anh ta sẽ lấy một vật nặng buộc vào một sợi dây, thò tay hết sức qua song sắt và lắng nó

đi. Trước đó, chúng tôi đã thảo luận cách chuyển giao bằng cách gõ báo hiệu; khi ấy tôi cũng luôn một cái chổi ra ngoài, càng xa càng tốt. Khi vật nặng quán được vào quanh chổi, tôi kéo nó vào phòng và buộc bản thảo vào đầu sợi dây. Nếu người nhận ở xa hơn thì phải truyền qua hàng loạt những "ga trung gian", dĩ nhiên điều này làm cho mọi việc phức tạp lên nhiều.

Vào cuối thời gian ngồi tù ở Ôđétxa, quyền vỡ dầy của tôi - được hạ sĩ cảnh binh Uxốp [Oussov] xác nhận và ký tên chứng thực - đã trở thành một kho tàng thực sự mang tính uyên bác lịch sử và có chiều sâu triết học. Không biết ngày nay có thể đem nó ra in ở dạng như đã được viết không? Cùng một lúc, quá nhiều loại kiến thức thuộc đủ mọi lĩnh vực đổ xuống đầu tôi từ các thời kỳ và các quốc gia khác nhau. Tôi sợ mình muốn nói quá nhiều thứ một lúc trong tác phẩm đầu tay của mình. Nhưng tôi cho rằng những suy nghĩ và kết luận chính đều đúng. Vào hồi đó tôi đã cảm thấy mình đứng khá vững trên đôi chân và cảm giác ấy càng mạnh khi công việc càng tiến triển. Ngày nay tôi dám đánh đổi tất cả để tìm lại cuốn vở lớn ấy! Nó theo tôi suốt cả thời gian đi đày; thật ra lúc đó tôi thôi không nghiên cứu lịch sử hội Tam Điểm nữa và chuyển sang học hỏi hệ thống kinh tế của Mác. Khi tôi trốn ra nước ngoài, Aléxchandra Lovópna chuyển cho tôi quyển vở từ nơi lưu đày nhân dịp cha mẹ tôi đến thăm tôi ở Pari năm 1903. Cuốn vở ấy cùng một ít bản thảo, thư từ tôi viết trong lúc di tản đã nằm lại Gionevơ [Genève] khi tôi về lại Nga một cách bất hợp pháp; sau đó nó thuộc kho lưu trữ của tờ *Ichcòra* [Iskra] (Tia lửa): nơi đó trở thành nhà mô trước thời hạn của cuốn vở. Sau khi trốn khỏi Xibêri ra nước ngoài, tôi cố tìm lại tác phẩm của mình nhưng vô hiệu. Hẳn là bà chủ nhà người Thụy Sĩ được giao phó việc giữ gìn các bản thảo đã dùng quyển vở này để nhóm lò hoặc vào những nhu cầu khẩn thiết khác. Tôi không tránh khỏi việc buông một lời trách móc với người phụ nữ khả kính này.

Nghiên cứu phong trào hội Tam Điểm trong tù với lượng sách vở rất hạn chế trong tầm tay là điều bổ ích đối với tôi. Thời đó tôi hoàn toàn không biết đến những tài liệu mác-xít cơ bản. Các tiểu luận của Antôniô Labriôla là những bài đã kích mang tính triết học và như thế, chúng đòi hỏi những kiến thức mà tôi chưa có và đành phải thay thế bằng các phỏng đoán. Sau khi từ giả những thử nghiệm của Labriôla, tôi có một mớ giả thuyết trong đầu. Công trình về hội Tam Điểm là thử thách cho những giả thuyết ấy. Tôi không phát hiện được gì mới. Những kết luận mang tính phương pháp luận của tôi đều đã được tìm thấy từ lâu và còn được áp dụng trong thực tiễn. Nhưng tôi tự lẩn mò và tiến đến chúng, trong một chừng mực nào đó, nhờ vào sức của chính mình. Tôi cho rằng điều này có tác động đến toàn bộ sự phát triển tư tưởng của tôi sau này. Về sau, tôi tìm thấy trong các công trình của Mác, Ăngghen, Plékhanốp [Plékhanov], Mêrinh [Mehring] sự xác nhận những điều mà lúc trong tù, tôi mới chỉ coi là ý kiến cá nhân, còn cần phải lý giải và kiểm tra lại. Ngay từ đầu, tôi không chấp nhận duy vật lịch sử dưới hình thức giáo điều, bắt buộc. Lần đầu tiên, biện chứng đến với tôi không bằng những định nghĩa trừu tượng mà như một thứ lò xo sống động, tôi tìm thấy ngay trong quá trình lịch sử bởi vì tôi gắng sức để hiểu nó.

Vào thời gian ấy, những cơn sóng bắt đầu dâng lên cao khắp đất nước. Trong hoàn cảnh này, biện chứng lịch sử cũng thỏa sức hoạt động, nhưng nó đã đi vào thực tế và trên một quy mô rộng lớn. Phong trào sinh viên, học sinh chuyển thành những cuộc biểu tình. Kỵ binh Côđắc [Cosaques] đàn áp sinh viên bằng roi ngựa. Những người mang tư tưởng tự do bất bình vì con cái họ bị hành hạ. Đảng Xã hội Dân chủ vững mạnh lên, ngày càng hòa nhập vào phong trào công nhân. Hoạt động cách mạng thôi không còn là đặc quyền của các nhóm trí thức. Số công nhân bị cầm tù ngày càng tăng. Trong nhà tù, dù có phải chen chúc chật chội, vẫn còn dễ thở hơn. Vào cuối năm thứ hai, chúng tôi nhận bản án về vụ "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga": bốn bị cáo chính bị đày bốn năm ở Đông Xibêri. Chúng tôi còn phải ở lại hơn sáu tháng trong nhà tạm giam Mátxcova. Thời kỳ ấy đi đôi với việc nghiên cứu lý thuyết cao độ của tôi. Ở đây, lần đầu tôi nghe nói đến Lênin và cũng tại đây, tôi đọc cuốn sách vừa mới xuất bản của ông về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Nga. Cũng tại đây, tôi viết và chuyển ra ngoài cuốn sách mỏng về phong trào công nhân Nhicôlaiép, được in tại Gionevơ sau đó ít lâu. Chúng tôi bị chuyển đi từ trại giam Mátxcova vào mùa hè. Dọc đường chúng tôi dừng lại nhiều lần ở những nhà tù khác. Chúng tôi chỉ đến nơi lưu đày được ấn định vào mùa thu năm 1900.

CHƯƠNG IX

ĐI ĐÀY LẦN THỨ NHẤT

Chúng tôi xuôi dòng Lêna [Léna]. Dòng nước lôi chậm chậm những chiếc xà-lan chở đầy tù nhân và cai tù. Những đêm trường lạnh lẽo. Chiếc áo lông chúng tôi mặc phủ đầy sương giá vào tờ mờ sáng. Dọc đường khi đến những làng mạc đã được định trước, người ta thả một hai tù nhân lên bờ. Cho đến thị trấn Útxchi-Cút [Ousti-Kout], tôi còn nhớ chúng tôi đã lênh đênh khoảng ba tuần. Tại đây, tôi được ở lại cùng một phụ nữ khá thân quen, cũng bị xử trong vụ Nhicôlaiép. Aléchxandơra Lovópna là một trong những nhân vật tuyệt vời nhất của "Liên minh Công nhân miền Nam nước Nga". Lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội và tinh thần chí công vô tư của cô đã đem lại cho cô một uy tín vô cùng lớn về mặt đạo đức. Công việc chung gắn bó chúng tôi với nhau. Để khỏi bị đi đày riêng rẽ, chúng tôi đã làm lễ thành hôn ở nhà giam Mátxcova.

Thị trấn có chừng trăm mái nhà nhỏ. Chúng tôi chuyển ra ở rìa ngoài làng. Quanh chúng tôi là rừng, phía dưới là sông. Xa hơn về phía Bắc, dọc bờ Lêna có những mỏ vàng. Vàng làm cả con sông ánh rực một màu. Útxchi-Cút đã có một thời khảm khá hơn với những cuộc ăn chơi điên cuồng, trộm cắp và cướp bóc. Nhưng vào thời chúng tôi nó đã thuần đi. Còn lại tẻ nghiệm ngập. Ở nơi chúng tôi sống, ông bà chủ nhà uống liên miên không ngừng. Đây là một cuộc sống đen tối, bế tắc ở nơi cùng trời cuối đất. Ban đêm, lũ gián sột soạt đầy nhà thật đáng sợ. Chúng bò lên bàn, lên giường, lên tận mặt. Thỉnh thoảng, chúng tôi đành rời nhà một hai ngày, mở toang mọi cửa ngõ mặc dầu nhiệt độ xuống tới 30 độ âm. Vào mùa hè, lũ rỉn biến cuộc sống chúng tôi thành địa ngục. Có lần, những con rỉn đã đốt chết một con bò cái lạc trong rừng. Những người nông dân phải che mặt bằng một cái lưới đan bằng lông đuôi ngựa, tẩm dầu mỡ bản thiêu. Đến mùa xuân và mùa thu, thị trấn ngập ngựa và lầy lội trong biển bùn. Thiên nhiên ở đây rất đẹp. Nhưng trong những năm ấy tôi hoàn toàn thờ ơ với nó. Đường như tôi tiếc rẻ nếu phải để tâm và tốn thời gian vào việc nhìn ngắm thiên nhiên. Tôi sống ở khoảng giữa rừng và sông mà thực ra không để ý đến chúng. Sách vở và những mối quan hệ cá nhân hầu như thu hút tôi toàn diện. Tôi nghiên cứu Mác và đôi lúc lại phải xua những chú gián bò ra từ các trang sách.

Lêna là con đường thủy lớn chuyên chở người lưu đày. Những kẻ được trả tự do đi ngược về phía Nam theo dọc sông. Mối quan hệ giữa các nhóm người bị đi đày - ngày càng đông theo ngọn trào cách mạng - hầu như không bao giờ bị đứt đoạn. Mọi người trao đổi thư từ đến độ chúng trở thành những luận văn thực sự. Ông thống đốc tỉnh Iécécútxcơ [Irkutsk] tương đối dễ tính trong việc cho phép thay đổi chỗ ở. Tôi cùng Aléchxandơra Lovópna dời chỗ ở đi 250 dặm về phía Đông, gần sông Ilim, nơi các bạn thân chúng tôi sinh sống. Tại đây, trong một thời gian ngắn, tôi làm "nhân viên văn phòng" cho một triệu phú lái buôn. Những nhà kho đầy lông thú, các cửa hiệu và quán của ông ta rải trên một diện tích bằng cả nước Bỉ và Hà Lan cộng lại. Đó là một lãnh chúa khổng lồ trong địa hạt thương mại. Có hàng ngàn người Tungút [Toungouses] làm việc dưới quyền ông, ông ta gọi họ là "các con Tungút của ta". Cả đến tên mình ông cũng không biết ký, thế vào đó, ông vẽ một chữ thập. Ông sống dè sẻn, hà tiện cả năm để rồi tung cả chục ngàn rúp vào hội chợ ở Nhigionhi Nôvơgôrôt [Nijni-Novgorod]. Tôi làm việc cho ông ta trong vòng một tháng rưỡi. Một hôm, tôi ghi trên hóa đơn - đáng lẽ là một pao sun-phát đồng thì lại nhầm thành một pít (hơn 16 kg) - và gửi bản thanh toán quá trớn ấy đến một cửa hiệu xa tít mù tắp. Tôi hoàn toàn mất uy tín vì vụ này và buộc phải thôi việc. Chúng tôi lại trở về Útxchi-Cút. Mùa đông năm ấy thật khắc nghiệt, nhiệt độ xuống dưới 44 độ Réômuia [Réaumur]. Người đánh xe dùng chiếc khăn tay để bứt những mảnh băng đóng cứng trên mõm ngựa. Cháu gái mười tháng của tôi được đặt trên lòng. Nó thở qua một cái ống cuộn bằng da thú đặt trên đầu. Cứ qua mỗi ga chúng tôi lại lo lắng lồi chồi khỏi bao che; tuy nhiên cuộc hành trình cũng kết cục may mắn. Nhưng chúng tôi không phải ở lâu tại Útxchi-Cút. Vài tháng sau, ông thống đốc cho phép chúng tôi lùi xuống phía Nam hơn chút nữa, ở Véckhônlenxcơ [Verkholensk], tại đó chúng tôi cũng có bạn bè.

Tầng lớp quý tộc trong nhóm người bị đi đày được đại diện bởi những nhà dân túy già, với năm tháng họ đã gần như ổn định cuộc sống. Những người mác-xít trẻ hạp thành một giới riêng. Ngay trong thời kỳ tôi ở đây, có một đội công nhân ủa về phía Bắc: họ đa số ít học và bị chính quyền bứt khỏi đám đình công một cách ngẫu nhiên. Đối với những người này, tù đày là một trường học không gì thay thế nổi để họ có dịp tìm hiểu về chính trị và văn hóa nói chung. Những bất đồng tư tưởng - thường xảy ra ở nơi con người buộc phải sống trong hệ khép kín - bị rắc rối thêm bởi các vụ cãi cọ. Các xung đột mang tính cá nhân, đặc biệt là những vụ việc xuất phát từ lý do tình ái, rất dễ biến thành những tấn thảm kịch. Có khá nhiều vụ tự tử như thế. Ở Véckhônlenxcơ, chúng tôi lần lượt cử nhau trông coi một sinh viên người Kiép. Có lần tôi để ý thấy trên bàn anh có những vụn sắt lấp lánh. Chỉ sau này mọi người mới vỡ nhẽ anh làm đạn chì cho khẩu súng săn của mình. Anh tì nòng súng vào tim và đập cò bằng ngón chân cái. Chúng tôi chôn anh trên một quả đồi trong bầu không khí yên lặng. Thời ấy, chúng tôi ngại cả việc đọc điếu văn, sợ như thế là giả dối.

Trong mọi khu quần cư lớn của người bị đi đày đều có một khu mộ những kẻ tự vẫn. Một số tù nhân hòa vào môi trường, nhất là những người ở thành phố. Số khác đam mê rượu chè. Chỉ bằng biện pháp tự giáo dục cao độ, người ta mới có thể được cứu vãn trong cảnh lưu đày cũng như tù tội. Phải nói rằng trong thực tế, chỉ có những người mác-xít nghiên cứu và học tập lý luận.

Trong những cuộc hành trình lớn trên sông Lêna thuở ấy, tôi được biết Décginxki [Dzerjinsky], Urítxki [Ouritsky] và những nhà cách mạng trẻ tuổi khác, sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong tương lai. Vào một đêm xuân tối trời, cạnh đồng lửa trên bờ Lêna ngập nước, Décginxki đọc cho chúng tôi nghe một bài thơ của anh viết bằng tiếng Ba Lan. Khuôn mặt và giọng nói của anh thật tuyệt vời, thi phẩm thì có phần kém hơn. Ngay cuộc đời con người đó đã trở thành bài thơ thâm khắc nhất.

Không lâu sau khi đến Útxchi-Cút, tôi bắt đầu gửi bài cho tờ báo *Vóxtóchnôi Ôbôdrênhié* [Vostotchnoié Obozrenié] (Tạp chí phương Đông) của tỉnh Iécécútxcơ. Đây là tờ báo tinh lễ hợp pháp do những nhà dân túy già bị đi đày sáng lập, nhưng đôi khi nó bị những người mác-xít thâm tóm. Tôi bắt đầu bằng những bài phóng sự về làng mạc và xúc động, hồi hộp chờ bài đầu tiên được in. Được tòa soạn đồng ý, tôi chuyển sang phê bình văn học và viết báo.

Để tìm bút danh, tôi mở bừa một tự điển tiếng Ý và tình cờ bám lấy từ *antidoto*; trong rất nhiều năm tôi ký cái tên Antidơ -ttô [Antide Oto] dưới các bài báo và bông đùa giải thích cho bạn bè biết rằng tôi muốn bom liều thuốc giải độc mác-xít vào báo chí hợp pháp. Hoàn toàn đột ngột, tờ báo tăng gấp đôi tiền thù lao cho tôi: thay vì hai, tôi nhận được bốn cô-pécch mỗi dòng. Đó là bằng chứng cao nhất về sự thành công. Tôi viết về giai cấp nông dân, về các nhà văn cổ điển Nga, về Ípxen, về Haotman và Nítso [Nietzsche], về Mốpátxăng và Étxtônhié [Estonier], về Lêônhit Andrâyép [Léonide Andréiev] và Goóccki. Tôi thức bao đêm sửa đi sửa lại những bản thảo, lục tìm một ý cần thiết hoặc một từ bị thiếu. Tôi trở thành một nhà văn.

Từ năm 1896 khi còn cố thoát khỏi những tư tưởng cách mạng và từ năm 1897, khi tôi đã thực hiện công tác cách mạng nhưng vẫn chối bỏ học thuyết mác-xít bằng cả chân tay, tôi đi một quãng đường đáng kể. Đến thời bị đi đày, chủ nghĩa mác-xít đã vĩnh viễn trở thành cơ sở thế giới quan và phương pháp luận tư tưởng của tôi. Và ở đây, trong lúc bị tù đày, tôi cũng dùng cách nhìn ấy để tiếp cận những điều được gọi là "vấn đề vĩnh cửu" của đời người: tình yêu, cái chết, tình bạn, chủ nghĩa lạc quan, bi quan và những thứ khác nữa. Tùy theo từng thời đại và từng môi trường xã hội, con người có những cách yêu, chết và hi vọng khác nhau. Giống như cây nhờ rễ nuôi hoa và trái bằng nhựa hút từ đất, con người tìm thấy thức ăn cho cả những tình cảm và tư tưởng cao nhất của mình trong mảnh đất kinh tế của xã hội. Trong các bài tôi viết về văn học thời đó, nói cho cùng tôi chỉ nghiên cứu một đề tài: quan hệ tương hỗ giữa cá nhân và xã hội. Gần đây những bài ấy được in lại trong một tập riêng. Nếu hiện nay phải viết lại chúng, tất nhiên tôi sẽ làm theo cách khác. Nhưng xét về cơ bản thực ra tôi chẳng phải thay đổi gì.

Vào lúc đó, chủ nghĩa mác-xít chính thức hoặc hợp pháp đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Giờ đây bằng kinh nghiệm trong cuộc sống, tôi biết các nhu cầu mới của xã hội tự cần một cách hung bạo cho mình một bộ đồng phục tư tưởng từ tâm vai lý thuyết với những mục đích hoàn toàn khác biệt. Trước những năm chín mươi, đại đa số trí thức Nga còn ngụp lặn trong chủ nghĩa dân túy, phủ nhận sự phát triển của chế độ tư bản và lý tưởng hóa chế độ công xã ở nông thôn của những người dân túy, mặc dầu chủ nghĩa tư bản đã gỡ cửa mọi nhà và hứa hẹn mọi thứ lợi lộc cũng như vai trò chính trị đáng kể cho giới trí thức. Trí thức tư sản cần lưỡi dao sắc của chủ nghĩa mác-xít để cắt cuống rốn dân túy đã nối họ với thứ quá khứ đáng thù ghét. Đây là lời giải thích cho hiện tượng tại sao những lý tưởng mác-xít lại lan tràn nhanh chóng trong các năm cuối của thế kỷ trước. Nhưng khi lý thuyết mác-xít vừa làm xong nhiệm vụ của mình, nó bắt đầu trở nên nặng nề với giới trí thức. Biện chứng chỉ tốt khi nó chứng tỏ tính tiến bộ của những phương pháp tư bản về sự phát triển. Nhưng ở chỗ mà chủ nghĩa tư bản bắt đầu bị phủ nhận một cách cách mạng, tầng lớp trí thức liền cảm thấy phép biện chứng trở nên gò bó và tuyên bố rằng nó đã lỗi thời. Ở ranh giới giữa hai thế kỷ, trùng lặp với những năm tôi bị tù đày, giới trí thức Nga đã bước qua giai đoạn phê bình chủ nghĩa mác-xít một cách tổng quát. Họ giữ lấy phần biện minh lịch sử cho chủ nghĩa tư bản và gạt bỏ sự phủ nhận có tính cách mạng đối với chủ nghĩa này. Bằng những đường vòng như thế, các trí thức dân túy-vô chính phủ trở thành tầng lớp trí thức tự do-tư sản.

Sự phê bình chủ nghĩa mác-xít ở châu Âu lúc đó đã có một mảnh đất màu mỡ ở nước Nga, hoàn toàn độc lập với những giá trị mà nó có thể có. Chỉ cần nhắc đến việc Êđua Bécxten [Edouard Bernstein] trở thành một trong những người hướng đạo được ưa chuộng nhất trên con đường từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tự do. Triết học "quy phạm" ngày càng lấn át có hiệu quả phép biện chứng mác-xít. Chính kiến bắt đầu hình thành trong xã hội tư sản cần những chuẩn mực không thể đánh đổ được, không chỉ nhằm chống lại sự độc đoán của chế độ chuyên chế quan liêu mà còn để chống lại sự vung lên của quần chúng cách mạng. Sau khi học thuyết của Hêghen bị lật đổ, Căng [Kant] cũng không đứng vững được lâu. Chủ

nghĩa tự do Nga hình thành muộn màng và ngay từ đầu đã được xây dựng trên vùng đất hỏa sơn. Mệnh lệnh nhất quyết đối với nó là thứ quá trừu tượng và không bền vững. Phải cần những phương tiện mạnh hơn nhằm chống lại quân chúng cách mạng. Bọn duy tâm tiên nghiệm biến dần thành những con chiên chính giáo. Giáo sư kinh tế chính trị học Bungacốp [Boulgakov] khởi đầu bằng sự xét lại chủ nghĩa mác-xít trong vấn đề nông nghiệp rồi chuyển sang chủ nghĩa duy tâm và cuối cùng, ông chui vào chiếc áo thầy tu. Thực ra Bungacốp chỉ khoác chiếc áo ấy sau đó vài năm.

Trong những năm đầu của thế kỷ này, nước Nga như một phòng thí nghiệm mệnh mông của ý thức hệ xã hội. Tôi quan tâm khá nhiều đến lịch sử hội Tam Điểm, đủ để tôi nhận ra chức năng hỗ trợ của các tư tưởng trong quá trình lịch sử. "Tư tưởng không rơi từ trên trời xuống" - tôi nhắc đi nhắc lại lời cụ Labriôla.

Đây không còn là sự quan tâm thuần túy mang tính khoa học mà đã là việc lựa chọn con đường chính trị. Việc xét lại chủ nghĩa mác-xít trong mọi hướng đã giúp tôi - cũng như nhiều nhà cách mạng trẻ khác - tập trung tư tưởng và mài sắc vũ khí tinh thần. Chúng tôi cần chủ nghĩa mác-xít không chỉ để thanh toán tư tưởng dân túy, thực ra vốn không ảnh hưởng bao nhiêu đến chúng tôi, mà trước hết để tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa tư bản ngay trên địa hạt của chính nó. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại đã tôi luyện chúng tôi không chỉ trong lý thuyết mà cả về chính trị. Chúng tôi trở thành những nhà cách mạng vô sản.

Trong cùng thời gian đó, chúng tôi vấp phải sự phê bình của cánh tả. Trong một khu quần cư xa nhất về phía Bắc, hình như là Viliuixơ [Viliuisk] thì phải, có một người tù bị đi đày là Makhaixki [Makhaisky], khá được biết đến sau đó ít lâu. Makhaixki bắt đầu bằng sự phê bình chủ nghĩa cơ hội trong đảng Xã hội Dân chủ. Cuốn vở in sao đầu tiên của ông với nội dung tố cáo chủ nghĩa cơ hội trong đảng Xã hội Dân chủ Đức đã gặt hái được thành công lớn trong các khu quần cư của những người bị tù đày. Makhaixki dành cuốn thứ hai để phê phán hệ thống kinh tế mác-xít và dẫn đến một kết luận bất ngờ: chủ nghĩa xã hội là một thể chế xã hội trong đó giới trí thức có tay nghề bóc lột tầng lớp công nhân. Trong cuốn thứ ba, dưới tinh thần nghiệp đoàn-vô chính phủ, Makhaixki phủ nhận sự cần thiết của đấu tranh chính trị. Trong vài tháng trời, công trình của Makhaixki thu hút sự chú ý của các tù nhân dọc bờ Lêna. Đối với tôi, đó là một liều huyết thanh vô cùng hiệu quả chống chủ nghĩa vô chính phủ, thứ chủ nghĩa rất hăng hái khi phủ nhận bằng lời lẽ nhưng lại thiếu sinh khí, thậm chí rụt rè khi phải sáng lọc những kết luận thực tiễn.

Lần đầu tiên, tôi gặp một người vô chính phủ bằng xương bằng thịt tại khu tạm giam Mátxcova. Đó là một thầy giáo kín đáo, ít nói và cứng rắn tên là Ludin [Louzine]. Trong tù, anh có xu hướng gần gũi tù thường phạm và thích nghe họ kể những mẩu chuyện giết người, cướp bóc. Ludin không ưa tranh luận lý thuyết. Có một lần duy nhất, tôi không để anh yên với câu hỏi "trong một tập thể tự trị, hoạt động của đường sắt phải được quản lý ra sao?", anh cự lại:

- Đồ quý! Nếu sau này có tình trạng vô chính phủ, đi lại bằng đường sắt làm quái gì!

Với tôi, câu trả lời như thế là hoàn toàn đủ.

Ludin tìm cách lôi kéo thợ thuyền về phía anh ta, giữa chúng tôi đã xảy ra một cuộc đấu tranh lạng lẽ, không khỏi mang tính thù địch.

Chúng tôi cùng Ludin đến Xibêri. Đó là lúc những dòng lũ mùa xuân chảy ngập bờ. Ludin quyết định vượt sông Lêna bằng thuyền. Anh không hoàn toàn tinh táo và thách tôi cùng theo anh. Tôi chấp nhận lời thách thức ấy. Dòng sông cuộn sóng cuốn trôi những cột xà gỗ và xác động vật chết, có khá nhiều vùng xoáy. Chúng tôi thực hiện chuyến vượt sông đầy lo ngại một cách may mắn. Bằng giọng ù ì, Ludin thừa nhận tôi là một "đồng chí tốt" hoặc một thứ gì đó tương tự. Mâu thuẫn giữa chúng tôi có phần dịu đi.

Nhưng chẳng bao lâu sau người ta chuyển anh lên phương Bắc. Ở đó sau vài tháng, anh dùng dao đâm viên phụ trách cảnh binh huyện. Ông này không phải là người ác và vết thương cũng không đến nỗi trầm trọng. Trước tòa, Ludin tuyên bố rằng thực ra anh không thù ghét gì ông phụ trách cảnh binh nhưng qua ông ta, anh muốn giáng một đòn vào chính quyền chuyên chế nhà nước. Ludin bị kết án khổ sai.

Trong khi ở các khu quần cư tù đày xa xôi, tận cùng xứ Xibêri tuyết phủ, người ta tranh cãi sôi nổi về sự phân hóa trong nông dân Nga, về các *trade union* Anh, về mối quan hệ giữa mệnh lệnh nhất quyết và các quyền lợi giai cấp, về những vấn đề chủ nghĩa Đácuyv và chủ nghĩa mác-xít thì một cuộc đấu tranh độc đáo về tư tưởng đã nổ ra trong giới chính phủ.

Tháng Hai 1901, Hội đồng Giáo hội Tối cao Nga đã rút phép thông công của Lép Tônxtôi. Lệnh của Giáo hội được đăng tải trên tất cả các mặt báo. Tônxtôi bị buộc vào sáu tội như sau:

1. Phủ nhận Đức Chúa Giêxu, người được vinh danh trong Thánh ba ngôi,
2. Phủ nhận Đức Chúa Giêxu từng phục sinh từ cõi chết,
3. Phủ nhận sự trinh bạch của Đức Mẹ Đồng trinh trước và sau khi sinh ra Chúa,

4. Phủ nhận cuộc sống ở thế giới bên kia và lẽ công bằng tối cao,
5. Phủ nhận tác dụng hành động ban ân huệ của Thánh Thần,
6. Nhạo báng phép màu của lễ ban thánh thể.

Những vị giáo chủ râu rậm, tóc trắng cùng vị chỉ huy của họ - Pôbêđônôtxép - và các nhân vật trụ cột khác của nhà nước coi chúng tôi, những người cách mạng, chẳng những là lũ tội phạm mà còn là bọn cuồng tín điên rồ; họ mới là đại diện cho lý trí lành mạnh dựa trên kinh nghiệm lịch sử của toàn nhân loại. Lũ người ấy đòi hỏi nhà nghệ sĩ hiện thực vĩ đại phải tin vào sự trinh tiết khi thụ thai cũng như tin vào Thánh thần trong mỗi chúng ta qua mẩu bánh mì không men. Chúng tôi đọc đi đọc lại danh mục những tà thuyết Tônxtôi và cứ mỗi lần như thế, với nỗi ngạc nhiên mới, chúng tôi lại tự nhủ: không, chính chúng tôi mới dựa vào kinh nghiệm của toàn thể loài người, tương lai chính là chúng tôi, còn những kẻ ngự trị trên kia không đơn thuần gây tội ác mà còn là lũ gàn dở. Và chúng tôi biết chắc chắn rằng chúng tôi sẽ lập lại trật tự trong cái nhà thương điên ấy.

Tòa nhà cổ lỗ của nhà nước rạn nứt ở từng tấm ghép. Trong cuộc đấu tranh này, ngoài chúng tôi, chính giới sinh viên đại học là người mở màn. Nóng vội, họ đi đến những hành động khủng bố. Sau những tiếng súng của Cácpôvích [Karpovitch] và Banmasốp [Balmachov], giới tù đầy xôn xang như nghe còi báo động. Bắt đầu những cuộc tranh luận về chiến lược khủng bố. Sau một số giao động lẻ tẻ, những người tù mác-xít phản đối khủng bố. "Hóa học của những chất nổ không thể thay thế quần chúng", chúng tôi nói vậy. Những chiến sĩ đơn độc tự hủy hoại mình trong cuộc đấu tranh anh dũng mà không vận động nổi giai cấp công nhân. Nhiệm vụ chúng tôi không phải là trừ khử lũ bộ trưởng Nga hoàng mà là lật đổ chế độ ấy bằng một cuộc cách mạng. Bên bờ đường gầy khúc ấy, bắt đầu xuất hiện ranh giới giữa những người xã hội dân chủ và xã hội cách mạng. Và nếu nhà tù đối với tôi là thời kỳ huấn luyện lý thuyết thì đi đây là giai đoạn quyết định bước đường chính trị của tôi.

Hai năm của đời tôi trôi qua như thế. Trong khoảng thời gian này, bao nhiêu nước trôi qua dưới những trụ cầu ở Pêtécbuva, Mátxcova và Vácava [Varsovie]. Phong trào đã chuyển từ bí mật qua công khai trên đường phố. Ở một số vùng, tầng lớp nông dân bắt đầu nổi dậy. Những tổ chức xã hội dân chủ được thành lập ở Xibêri tại các tuyến đường sắt và người ta bắt liên lạc với tôi. Tôi thảo cho họ các bản kêu gọi và truyền đơn. Sau ba năm gián đoạn, tôi lại tham gia vào cuộc đấu tranh tích cực.

Những người bị đi đây không còn muốn ở yên tại nơi quy định cho họ. Một cơn dịch đào tẩu diễn ra. Mọi người phải đăng ký để chờ đến lượt. Hầu như trong mỗi làng mạc đều có những nông dân chịu ảnh hưởng các nhà bôn-sê-vích thuộc thế hệ cao tuổi hơn từ thuở ấu thời. Những người này bí mật chở các tù chính trị bằng tàu thuyền, xe ngựa và xe trượt tuyết và đưa họ đi từ nơi này qua nơi khác. Tóm lại, cảnh sát Xibêri cũng bất lực như chúng tôi. Không gian mệnh mông vừa có lợi và vừa có hại cho họ. Khó mà tóm lại được người tù chạy trốn. Nhưng anh ta có nhiều khả năng chết đuối dưới sông hoặc chết công trong rừng tai-ga.

Phong trào cách mạng lan rộng nhưng vẫn tản mạn. Mỗi địa phương, mỗi thành phố đấu tranh riêng rẽ. Chế độ Nga hoàng có ưu thế vô cùng lớn trên phương diện thống nhất hành động. Vào thời đó, sự cần thiết phải lập ra một đảng tập trung lóe ra trong nhiều bộ óc. Tôi viết một bản thuyết trình về đề tài này, các bản sao được phân phát trong các vùng có người bị tù đầy và gây nên những cuộc tranh cãi sôi nổi. Chúng tôi tưởng hình như ở Nga cũng như trong đám di cư ra nước ngoài, những người bạn đồng chính kiến với chúng tôi chưa để ý đúng mức đến vấn đề này. Nhưng họ đã nghĩ đến và hành động. Mùa hè năm 1902, tôi nhận được cuốn vở qua đường Iécxútscơ, dưới bìa có kẹp những tài liệu tuyên truyền mới nhất được in ở nước ngoài trên loại giấy rất mỏng. Nhờ vậy chúng tôi được biết ở ngoại quốc, tờ báo mác-xít mang tên *Iskra* đã ra đời với mục đích lập nên một tổ chức tập trung những nhà cách mạng chuyên nghiệp và gắn bó họ trong hành động bằng kỷ luật sắt. Chúng tôi nhận được cuốn sách của Lênin in ở Gionevơ nhan đề *Làm gì?* trong đó ông dành toàn thể nội dung để nghiên cứu vấn đề này. Những bản thuyết trình viết tay, những bài báo và những lời tuyên bố tôi gửi đến "Liên minh Xibêri" trong phút chốc trở nên không đáng kể và thiên cận trước nhiệm vụ mới mẻ và lớn lao đang được đặt ra. Phải làm ăn ở nơi khác. Tôi quyết định trốn tù.

Lúc đó chúng tôi đã có hai cháu gái, đứa nhỏ gần được bốn tháng. Hoàn cảnh sống ở Xibêri khá khắc nghiệt. Nếu tôi trốn đi thì Alécxanđơra Lovópna phải chịu một gánh nặng gấp đôi. Nhưng cô giải quyết vấn đề ấy bằng một lời duy nhất: cần phải thế! Với cô, nhiệm vụ cách mạng phải được đặt lên trên mọi vấn đề khác và trước hết, trên các vấn đề riêng tư. Chính cô là người đầu tiên đưa ra ý định phải trốn tù khi chúng tôi nhận thức được những nhiệm vụ mới và quan trọng. Về điểm này, cô phá tan mọi nghi ngại của tôi. Sau khi tôi trốn được mấy ngày, cô vẫn giấu được bọn cảnh binh việc tôi vắng mặt. Từ nước ngoài, tôi hầu như không thư từ được với cô. Tiếp đó cô còn bị đi đây lần thứ hai. Sau này, chúng tôi chỉ còn gặp

nhau đôi lần một cách tình cờ. Cuộc đời đã chia lìa chúng tôi nhưng mối quan hệ tư tưởng và tình bạn không gì phá vỡ nổi, vẫn còn mãi mãi.

CHƯƠNG X

TRỐN THOÁT LẦN THỨ NHẤT

Mùa thu sắp đến và như chúng tôi đã dự tính, đường xá xấu đến nỗi không thể đi lại được. Để đẩy nhanh việc chạy trốn, chúng tôi quyết định làm hai mẻ cùng một lúc. Một nông dân bạn tôi nhận đưa tôi cùng cô E. G. - nữ dịch giả các tác phẩm của Mác - trốn khỏi vùng Véckhôlenxơ. Ban đêm trên một cánh đồng, anh dắt chúng tôi trong xe ngựa và phủ bằng chiếu và cỏ khô như một thứ hàng chuyên chở. Đồng thời, để có lợi thế hai ngày trước cảnh sát, chúng tôi đặt tại nhà một người gõ vào chân, làm ra vẻ tôi bị ốm. Người đánh xe đưa chúng tôi đi theo kiểu Xibêri, tức là với tốc độ gần hai chục dặm một giờ. Lưng tôi chịu xóc bởi mọi hóc rãnh và tôi đếm từng tiếng kêu rên cổ nén lại của người bạn gái đồng hành. Chúng tôi thay ngựa hai lần dọc đường. Gần đến đường sắt, tôi chia tay cô bạn đồng hành để giảm những sai lầm hoặc hiểm nguy cho cả đôi bên. Tôi lên tàu hỏa ngồi và không có sự cố đặc biệt gì xảy ra; ở đó có một va-li - đựng quần áo lót có hồ bột, vài chiếc cà-vạt cùng vài thứ khác của nền văn minh - do các bạn tôi tại Iécxcơ mang đến. Tôi có trong tay một cuốn của Hômerô [Homère] do Goniêdích [Gniéditch] dịch ra tiếng Nga dưới thể thơ lục ngôn. Trong túi có một hộ chiếu mang tên Trótxki do tôi đã ghi một cách ngẫu nhiên, không ngờ người ta sẽ gọi tôi suốt đời bằng cái tên ấy.

Tôi đi về phía Tây theo đường sắt Xibêri. Các cảnh bình nhà ga thờ ơ đi qua cạnh tôi. Những phụ nữ Xibêri đầy đà mang gà, lợn quay, sữa đóng chai và hàng núi bánh mì ròn ra ga bán. Mỗi ga có vẻ như một cuộc triển lãm về kinh tế vùng Xibêri. Trong suốt chuyến đi, cả toa tàu uống nước chè và nhai loại bánh mới rẻ tiền. Tôi đọc những vần thơ lục ngôn và mơ màng về nước ngoài. Cuối cùng chuyến tàu thoát thực ra cũng chẳng có gì lãng mạn. Nó chìm trong những buổi uống trà bất tận.

Tôi dừng lại một thời gian ở Xamara [Samara], tổng hành dinh trong nước của tờ *Íchcòra*. Đứng đầu bộ tham mưu ấy là Crgiurgianốpxki [Krijjanovsky], hiện nay là chủ tịch Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Mang bí danh "Cole" [Khler] (Lạnh lợi), anh và vợ anh là bạn của Lênin trong đảng Xã hội Dân chủ ở Pétécbuva trong thời gian 1894-95 và cả lúc họ bị đi đày ở Xibêri. Liên ngay sau khi cách mạng 1905 bị dập tắt, Cole cùng hàng ngàn chiến sĩ khác rời bỏ đảng và trên cương vị kỹ sư, anh chiếm một vị trí rất có uy tín trong giới công nghệ. Những đảng viên hoạt động bất hợp pháp phản nản chuyện anh từ chối giúp đỡ cả những việc mà trước kia phe tự do chủ nghĩa từng giúp họ. Sau mười, mười hai năm gián đoạn, Crgiurgianốpxki tái nhập đảng, lúc đó đã giành được chính quyền. Đó là con đường một số lớn trí thức đã đi theo, ngày nay họ là chỗ dựa của Xtalin.

Ở Xamara, có thể nói tôi chính thức gia nhập tổ chức *Íchcòra* dưới một bí danh Cole đã đặt cho tôi: "Piêrô" (Ngòi bút). Điều này chứng tỏ người ta đã thừa nhận những thành công trong thời làm báo của tôi ở Xibêri. Tổ chức *Íchcòra* bắt đầu bằng việc gây dựng lại đảng. Đại hội lần thứ nhất họp tháng 3-1898 ở Minxơ không thành công trong việc thành lập một tổ chức đảng tập trung. Những vụ bắt bớ hàng loạt làm tan vỡ bộ máy non trẻ, chưa có cơ sở cần thiết trong nước. Sau việc này, phong trào cách mạng phát triển trong những tụ điểm tách biệt và tương đối mang tính cục bộ địa phương. Đồng thời, trình độ tư tưởng xuống dốc. Trong cuộc đấu tranh để giành quyền, những người xã hội dân chủ đẩy các khẩu hiệu chính trị vào hậu trường. Một khuynh hướng mang tên "kinh tế" được hình thành và lớn mạnh nhờ sự phát triển mạnh mẽ trong thương mại, công nghiệp cũng như phong trào đình công. Đến tận cùng thế kỷ trước, một cuộc khủng hoảng rõ rệt nổ ra làm trầm trọng thêm toàn bộ những mâu thuẫn trong nước và thúc đẩy cao trào chính trị. *Íchcòra* tiến hành một cuộc chiến đấu quyết liệt với những đại diện tình lẻ của phe "kinh tế", nhằm lập ra một đảng cách mạng tập trung. Bộ Tổng tham mưu của *Íchcòra* nằm ở nước ngoài, điều này đảm bảo sự ổn định tư tưởng của tổ chức. Tổ chức này thống nhất những nhà cách mạng được gọi là "chuyên nghiệp", gắn bó chặt chẽ họ bởi sự thống nhất của lý thuyết và công tác thực tiễn. Thời đó, đa số các chiến sĩ của *Íchcòra* thuộc tầng lớp trí thức. Họ đấu tranh để nắm uy thế trong các ủy ban xã hội dân chủ địa phương và chuẩn bị một đại hội đảng đủ sức đảm bảo thắng lợi những tư tưởng và phương pháp của *Íchcòra*. Đây là một phác thảo, một "bản nháp" của tổ chức cách mạng - vừa phát triển, tôi luyện, tấn

công và phòng thủ, vừa gấn bó ngày càng mật thiết hơn với quần chúng công nhân, ngày càng đặt ra những nhiệm vụ nặng nề hơn - mười lăm năm sau sẽ lật đổ giai cấp tư sản và giành chính quyền.

Theo lệnh văn phòng bộ chỉ huy tại Xamara, tôi đi Kháccốp, Pôntava và Kiép để gặp gỡ vài nhà cách mạng đã gia nhập *Íhcôra* hoặc còn ở diện phải thuyết phục. Tôi trở về Xamara với kết quả khá nghèo nàn: ở miền Nam các mối liên lạc còn yếu, tại Kháccốp địa chỉ liên lạc bí mật không tồn tại, còn ở Pôntava tôi rơi vào thứ chủ nghĩa yêu nước cục bộ. Không thể làm được gì bằng những chuyến đi đột ngột như thế, phải làm việc nghiêm túc hơn.

Tuy nhiên, Lênin - người có quan hệ liên lạc thư từ rất sống động với ban chỉ huy ở Xamara - giục tôi ra nước ngoài. Cole đưa tiền đi đường kèm những chỉ dẫn cần thiết để tôi có thể vượt biên giới Áo, đoạn gần Camênhét-Pôđônxcơ [Kamenetz-Podolsk].

Một loạt chuyện phiêu lưu mang tính hài hước hơn là bi thảm bắt đầu ngay từ nhà ga Xamara. Để lũ cảnh binh không chú ý tới, tôi quyết định chỉ lên tàu vào phút chót. Một sinh viên tên là Xôlôviốp [Soloviov] có nhiệm vụ mang chiếc va-li lên tàu, chiếm một chỗ và chờ đợi tôi; hiện nay anh là một lãnh tụ Công đoàn Dầu lửa. Tôi dạo chơi bình thản trên cánh đồng khá xa nhà ga, thỉnh thoảng liếc nhìn đồng hồ. Đột nhiên, tôi chợt nghe tiếng chuông thứ hai. Tôi nhận ra là người ta báo nhảm thời điểm xuất phát và mở hết tốc lực chạy về phía nhà ga. Đến lúc ấy, Xôlôviốp vẫn nghiêm túc chờ tôi trên toa nhưng khi vừa có tín hiệu tàu chuyển bánh, anh xách va-li nhảy xuống và liền bị các nhân viên nhà ga cùng lũ cảnh binh bao vây. Việc xuất hiện một kẻ chạy đến đút hơi sau khi tàu đã chuyển bánh (là tôi) thu hút sự chú ý của tất cả mọi người. Đám cảnh binh dọa làm biên bản phạt Xôlôviốp, nhưng rồi họ quên khuấy đi giữa những tràng nhạo báng cay nghiệt đổ lên đầu chúng tôi.

Tôi đến vùng biên giới một cách may mắn. Ở ga cuối, một cảnh sát đòi xem hộ chiếu của tôi. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thứ giấy tờ chính tay tôi làm lấy lại được anh ta cho là hoàn toàn hợp pháp.

Công việc tổ chức cú vượt biên bất hợp pháp nằm trong tay một học sinh trung học, ngày nay là một nhà hóa học lỗi lạc, đứng đầu một viện khoa học của nước Cộng hòa Xô-viết. Chàng học sinh tự nhận mình là người xã hội cách mạng. Biết tôi thuộc tổ chức *Íhcôra*, đột nhiên anh lên giọng đe dọa và buộc tội:

- Anh có biết trong mấy số cuối này, tờ *Íhcôra* mở một cuộc đả kích nhục nhã chống lại chủ nghĩa khủng bố không?

Tôi định sa vào cuộc tranh luận mang tính lý thuyết thì anh ta giận dữ bồi thêm:

- Tôi cóc đưa anh qua biên giới nữa!

Kết luận này làm tôi choáng váng nhưng nó hoàn toàn hợp lý. Mười lăm năm sau, với vũ khí trong tay, chúng tôi phải lật đổ chính quyền của tập đoàn xã hội cách mạng. Nhưng trong giây phút này, vấn đề nhỏ nhất của tôi cũng lớn hơn mọi triển vọng lịch sử. Tôi cố chứng tỏ không thể trừng phạt tôi vì một bài báo của tờ *Íhcôra* và cuối cùng tôi tuyên bố sẽ không nhúc nhích trước khi có một người dẫn đường.

Chàng học sinh dịu giọng:

- Thôi được, nhưng đến đây anh hãy nói với họ đây là lần cuối cùng!

Đêm hôm ấy, anh ta cho tôi ở trong căn nhà trống của một người làm nghề chào hàng, sống độc thân và đến hôm sau mới về. Tôi nhớ lơ mơ là phải trườn qua cửa sổ mới vào được căn nhà bị chủ nhân khóa trái.

Trong đêm, tôi bừng tỉnh bởi một luồng sáng bất thình lình. Một người lạ mặt nhỏ bé đội mũ cứng vành cúi xuống nhìn tôi, một tay cầm ngọn nến, tay kia cầm gậy. Một chiếc bóng không lồ đội mũ vành cứng cũng bò lại phía tôi từ trần nhà.

- Anh là ai? - tôi hỏi về tức tối.

- Thế mới kỳ chứ! - người lạ mặt đáp, giọng buồn thảm. - Nằm trên giường người ta mà lại hỏi người ta là ai!

Tôi cố thanh minh với anh ta là lẽ ra ngày mai anh mới về, nhưng không thành công.

- Tôi biết rõ khi nào tôi phải về! - anh ta phản bác và phải công nhận anh có lý.

Tình thế trở nên rắc rối.

- Tôi hiểu ra rồi - ông chủ nhà kêu lên, vẫn không ngừng chiếu đèn vào mặt tôi -, lại một thủ thuật nữa của Aléxhândơơ đây mà. Thôi được, ngày mai tôi sẽ xử cho anh ta vài câu!

Tôi vui mừng ủng hộ ý kiến may mắn ấy, rằng anh chàng Aléxhândơơ xa xôi kia là lý do của mọi sự hiểu nhầm.

Phần còn lại của đêm tôi ở lại nhà anh chào hàng và được anh thân thiện mời trà.

Sáng hôm sau, cậu học sinh trung học thanh minh âm ỹ với ông chủ nhà rồi giao tôi cho những kẻ buôn lậu ở thị trấn nhỏ mang tên Brôđi [Brody].

Suốt ngày tôi nằm trên đệm rom của một nông dân Ucoraina làm nghề phơi ngũ cốc; anh cho tôi ăn dưa hấu.

Đêm, dưới trời mưa tầm tã, chúng tôi khởi hành qua biên giới. Chúng tôi chập choạng, lang thang khá lâu trong màn đêm, bị vấp ngã luôn luôn.

- Này, leo lên lưng tôi đi! - anh dẫn đường nói. - Trước mặt ta có nước đấy...

Tôi phản đối. Anh chàng Ucoraina vật nài:

- Không thể qua bờ bên kia mà ướt như chuột lột được!

Tôi phải để cho anh công, tuy vậy giày cũng ngấm đầy nước.

Chỉ chừng mười lăm phút sau, chúng tôi đã sây khô trong căn nhà gỗ một người Do Thái thuộc lãnh thổ Áo của thị trấn Brôđi. Chủ nhà cam đoan với tôi rằng người dẫn đường cố tình đưa tôi đến chỗ nước sâu để vùi thêm nhiều tiền. Về phần mình, anh chàng Ucoraina chia tay tôi rất vui vẻ và còn dặn tôi phải cảnh giác với người Do Thái, bao giờ cũng lấy đất gấp ba kẻ khác. Khoản tiền dự trữ của tôi quả nhiên cạn đi nhanh chóng. Tôi còn phải đi tám cây số trong đêm mới đến nhà ga gần nhất. Khó khăn và nguy hiểm nhất là quãng đường một hai cây số dọc biên giới, chúng tôi phải theo một đường nhỏ bị mưa xối mòn trước khi gặp đường quốc lộ. Một công nhân Do Thái già chờ tôi trên chiếc xe ngựa hai bánh.

- Không chóng thì chầy tôi cũng phải bỏ xác ở đây - ông ta lầu bầu.

- Sao thế?

- Lũ lính gọi dừng lại và nếu cậu không trả lời là chúng bắn liền. Ngọn đèn canh đêm của chúng nó kia kia. Còn may là đêm nay khá an toàn.

Quả thực màn đêm thật an toàn: một đêm thu tối tăm mù mịt, mưa không ngừng quất vào mặt và bùn vổ bập bênh dưới móng ngựa. Xe chúng tôi leo lên một quả đồi, bánh xe cứ trượt đi; ông già động viên con ngựa bằng tiếng thì thầm khản đặc cố nén trong họng. Bánh xe lún sâu trong bùn, chiếc xe nhẹ nghiêng dần về một phía và thỉnh thoảng đổ nhào. Bùn thán Mười sáu và lạnh buốt. Tôi ngã sóng xoài, ngáp đến nửa người và tai hại nhất là mất cặp kính cặp mũi trong bùn. Nhưng kinh hoàng hơn cả là đúng vào giây phút xe đổ, một tiếng kêu vang lên ở đâu đó, ngay gần chúng tôi, một tiếng than tuyệt vọng, một lời kêu cứu, tiếng hét huyền bí cầu xin trời và trong màn đêm đen đặc, khó biết được cái tiếng bí ẩn, đầy tính biểu đạt nhưng vẫn không phải tiếng của của con người, tiếng đó phát ra từ đâu.

- Nó làm hại chúng ta rồi, nói thật với cậu đấy - ông già lắp bắp bởi tuyệt vọng. - Nó làm hại ta...

- Nhưng là cái gì vậy? - tôi nín thở hỏi.

- Một con gà trống, trời đánh thánh vật nó, con gà trống bà chủ giao tôi đem đến đồ tể để làm lông vào ngày thứ bảy.

Những tiếng kêu rộn tóc gáy bây giờ vang lên theo một chu kỳ thời gian đều đặn.

- Nó làm hại chúng ta, đồn gác chỉ cách đây hai trăm bước, lũ lính sẽ nhào ra ngay bây giờ...

- Vận cổ nó đi! - tôi thì thào giận dữ.

- Cổ ai cơ?

- Con gà trống ấy!

- Nhưng tìm nó ở đâu bây giờ? Nó bị cái gì đè lên rồi...

Cả hai chúng tôi bò, trượt trong đêm tối, hai tay mò mẫm trong bùn; trên đầu chúng tôi mưa vẫn rơi như roi quất. Chúng tôi nguyên rửa con gà trống và số phận của chúng tôi. Cuối cùng, ông già lòi được nạn nhân khốn khổ bị vùi dưới chân của tôi. Con vật biết ơn im lặng ngay. Chúng tôi chung sức dựng chiếc xe dậy và tiếp tục cuộc hành trình. Đến ga, tôi mất đến ba tiếng đồng hồ để hong và tắm rửa trước khi tàu đến.

Sau khi đổi tiền, tôi mới biết mình không còn đủ tiền để đến đích, tức là đến Durich [Züürich], nơi tôi phải có mặt ở chỗ Ácxenrôt [Akselrod]. Tôi lấy một vé đến Viên: ở đó rồi sẽ hay.

Điều làm tôi lạ nhất ở Viên là mặc dầu đã học tiếng Đức trong trường, tại đây tôi không hiểu ai và đa số người qua lại cũng không hiểu tôi. Tuy nhiên, tôi cũng giải thích được cho một ông già đội mũ cát-két rằng tôi muốn đến tòa soạn báo *Arbeiter-Zeitung*. Tôi quyết định phải giải thích cho chính Víchto Átle [Victor Adler] - người đứng đầu đảng Xã hội Dân chủ Áo - biết rằng những lợi ích của cách mạng Nga đòi hỏi tôi phải đi Durich tức khắc. Ông già dẫn đường hứa sẽ đưa tôi đến nơi yêu cầu. Chúng tôi đi suốt một tiếng. Thì ra tòa soạn báo đã chuyển đi hai năm nay rồi. Chúng tôi lại đi tiếp nửa giờ nữa. Ở đó, người gác cổng tuyên bố: không phải giờ tiếp khách! Tôi không còn tiền để trả công người dẫn đường, tôi đang đói và quan trọng nhất là tôi phải đến Durich. Lúc đó, một vị cao lớn - bề ngoài không mấy thân thiện - đi xuống cầu thang. Tôi hỏi ông về Átle...

- Anh biết hôm nay là thứ mấy không? - ông hỏi về nghiêm khắc.

Tôi chẳng hay biết gì. Qua một quãng đường dài trên tàu hỏa, xe ngựa, trong nhà anh làm nghề chào hàng, trong vựa rom chàng Ucoraina, trong cuộc chiến đấu ban đêm với chú gà trống, tôi đã đánh mất khái niệm về thời gian.

- Hôm nay là chủ nhật - ông cao lớn nói, tách bạch từng âm tiết và tỏ ý muốn đi tiếp.

- Chẳng sao cả - tôi nói. - Tôi cần gặp Átle.
Khi ấy người nói chuyện với tôi đáp lại bằng giọng một đại đội trưởng đương chỉ huy giữa chiến trận khốc liệt:

- Không thể gặp bác sĩ Átle vào ngày chủ nhật, anh hiểu chứ?
- Nhưng tôi có chuyện cần kíp lắm! - tôi cố nài nỉ.
- Cho dù việc của anh có cần kíp gấp mười lần thế này đi nữa cũng không được, hiểu không?

Ông ta chính là Phòrit Aoxtéclít [Fritz Austerlitz], người làm cả tòa soạn báo khiếp đảm vì cái giọng nói "sấm sét", như văn hào Uygô từng mô tả.

- Cho dù anh đến báo tin Nga hoàng các anh bị giết, anh nghe rõ chưa? Và rằng cách mạng nổ ra ở chỗ các anh, biết chưa? Thì điều này cũng không cho anh quyền quấy rầy buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật của bác sĩ!

Aoxtéclít quả thật làm tôi vị nể bởi giọng nói âm âm như sóng cuộn. Tuy nhiên tôi cảm thấy ông nói những điều ngu xuẩn. Không thể đặt buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật đứng trên lợi ích cách mạng! Tôi quyết định sẽ không lùi bước. Tôi cần phải đến Durích. Ban biên tập tờ *Íchcờra* đang chờ tôi. Ngoài ra, tôi vượt ngục từ Xibêri về đây, lẽ ra điều này phải được người ta coi trọng chứ. Đứng ở chân cầu thang, tôi chặn đường người đối thoại đáng sợ. Cuối cùng, tôi cũng đạt được điều mong muốn: Aoxtéclít cho tôi địa chỉ mà tôi khao khát. Tôi đến nhà Átle cùng người dẫn đường cũ.

Một người thấp, lưng cong gàn như gù, mí mắt phồng lên trên khuôn mặt mệt nhọc ra mở cửa cho tôi. Ở Viên, lúc đó đang diễn ra kỳ bầu cử vào Lantác [Landtag]; ngày hôm trước Átle đã phát biểu trong nhiều cuộc họp và ban đêm ông còn ngồi viết những bài báo và lời hiệu triệu. Con dâu ông cho tôi biết tất cả những điều này sau đó mười lăm phút.

- Xin bác sĩ thứ lỗi vì tôi đã quấy rầy buổi nghỉ ngơi ngày chủ nhật của ông...

- Tiếp đi, cứ nói tiếp đi! - Átle nói, vẻ cứng rắn nhưng với một giọng không làm người ta sợ mà còn có ý động viên. Trí tuệ toát ra từ mọi nếp nhăn trên mặt ông.

- Tôi là người Nga...

- -, không phải nói điều này, chừng ấy thời gian đủ để tôi đoán ra rồi...

Trong khi bác sĩ nhanh chóng tìm hiểu tôi bằng ánh mắt, tôi kể lại cho ông nghe cuộc nói chuyện ở thềm cửa tòa soạn báo.

- Thế à? Người ta nói vậy với anh à? Ai nhi? Một người cao lớn? Và còn hét lên nữa? Đúng rồi, Aoxtéclít đấy. Anh bảo ông ta hét lên à? Chỉ có thể là Aoxtéclít thôi! Đừng quá quan tâm đến chuyện đó. Nếu anh mang tin cách mạng từ nước Nga qua, anh có thể bấm chuông nhà tôi ngay cả ban đêm. Cachia [Katia]! Cachia! - đột nhiên ông kêu lên.

Cô con dâu ông bước vào. Đó là một người Nga.

- Nào, bây giờ công việc của anh sẽ thuận lợi đấy - ông nói rồi từ giã chúng tôi.

Cuộc hành trình tiếp tục của tôi đã được đảm bảo.

CHƯƠNG XI

LƯU VONG LẦN THỨ NHẤT

Từ Durích, tôi qua Pari đến Lônđôn [London] vào mùa thu năm 1902 trong một buổi sớm mai, có lẽ vào tháng Mười. Tôi làm điệu bộ như diễn viên kịch câm khiến một anh đánh xe hiểu được và chở tôi đến địa chỉ ghi trên giấy. Nơi ấy là nhà ở của Lênin. Từ trước đó, ở Durích người ta đã bảo tôi phải gõ cửa ba lần. Nadejiôđa Cônxtanchinópna [Nadejda Konstantinovna] mở cửa cho tôi, tôi nghĩ hẳn bà bị đánh thức khỏi giường ngủ. Lúc đó còn quá sớm và bất kỳ ai thông thạo những hành vi thuộc nếp sống văn minh hơn tôi chắc đã phải bình tâm đợi một hai giờ ở nhà ga chứ không đến gõ cửa người lạ vào lúc tinh mơ ấy. Nhưng trong tôi vẫn còn sự căng thẳng của chuyến tẩu thoát khỏi Vécckhônlenxơ. Cũng với cung cách man rợ ấy, tôi đã quấy rối Ácxenrôt ở Durích, có điều không phải lúc bình minh mà vào giữa đêm.

Lênin còn nằm trên giường và trên khuôn mặt ông, sự vồn vã pha lẫn vẻ ngạc nhiên có lý. Cuộc gặp gỡ và trò chuyện đầu tiên của chúng tôi đã diễn ra trong cảnh như vậy. Voladimíia Ilích [Vladimir Ilitch] và Nadejiôđa Cônxtanchinópna đã biết về tôi thông qua lá thư của Cole và họ đợi tôi. Tôi được tiếp đón

bằng câu "Ngòi bút đã đến".

Tôi lập tức tuân ra những ấn tượng về nước Nga từ cái bọc ít ỏi: những mối liên lạc ở miền Nam rất yếu ớt, địa chỉ gặp gỡ tại Khácôp không tồn tại, tòa soạn báo *Iugionri Rabôtri* [Ioujny Rabotchy] (Công nhân miền Nam) chống lại sự sát nhập, biên giới Áo nằm trong tay một anh học trò không muốn giúp đỡ những người thuộc phái *Íchcôra*. Những sự kiện trần trụi nói trên không khiến tôi vui thích mấy, nhưng lòng tin vào tương lai thì chan chứa.

Có lẽ vào buổi sáng ấy hoặc hôm sau, tôi đi dạo rất lâu với Lênin trong lòng Lônđôn. Đứng trên cầu, ông chỉ cho tôi điện Oétminxtơ [Westminster] và những dinh thự đáng chú ý khác. Tôi không nhớ lời lẽ của ông nhưng ông nói với một sắc thái như sau: "Đây là Oétminxtơ trừ danh của *chúng nó*". *Chúng nó*, có nhiên không để nói người Anh mà ám chỉ giai cấp thống trị. Sắc thái hoàn toàn không nhấn mạnh xuất phát từ nội tâm ấy được diễn đạt chủ yếu qua giọng nói, bao giờ cũng thấy ở Lênin mỗi khi ông nói về những giá trị văn minh, những tiến bộ mới, những cuốn sách quý báu của Bảo tàng Anh quốc hay về hệ thống tin tức của nền báo chí lớn châu Âu; sau đó nhiều năm, về pháo binh Đức hoặc không lực Pháp: "Bọn chúng có khả năng và đã có, đã làm hoặc đã đạt được. Ôi lũ kẻ thù gớm ghiếc!". Cái bóng vô hình của giai cấp thống trị trong mắt ông dường như trải khắp nền văn minh toàn nhân loại; ông luôn cảm nhận cái bóng ấy một cách chắc chắn, hiển nhiên như ánh sáng ban ngày.

Lần ấy có lẽ tôi không để ý mấy đến nghệ thuật kiến trúc của Lônđôn. Từ Véckhônlexơ, tôi đi thẳng ra nước ngoài, đây lại là lần đầu tiên được đổi nên Viên, Pari và Lônđôn tương đối trùng lặp trong tôi. Vấn đề nhỏ nhất của tôi cũng lớn hơn những "chi tiết" của lâu đài Oétminxtơ. Và lại, tất nhiên Lênin dẫn tôi dạo chơi lâu như thế cũng không phải vì điều đó. Mục đích của ông là làm quen và "sát hạch" tôi một cách vô hình. Và quả thực, kỳ thi đã được thực hiện trên tất cả những môn của "giáo trình".

Tôi kể cho ông nghe về những cuộc tranh luận ở Xibêri, chủ yếu về vấn đề một tổ chức tập trung, tôi nói với ông về bản tường trình tôi viết về đề tài này, về cuộc xung đột kịch liệt giữa tôi và những người dân tụy già tại Léccúttxơ trong thời gian tôi ở đó vài tuần; về ba cuốn vở của Makhaixki và tất cả những thứ khác. Lênin tỏ ra biết lắng nghe.

- Thế về mặt lý luận, mọi sự đi đến đâu?

Tôi nói rằng ở trại tam giam Mátxcova, chúng tôi đã cùng nhau nghiên cứu cuốn sách nhan đề *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* của Lênin, rằng tại nơi lưu đày chúng tôi nghiên ngẫm *Tư bản luận* nhưng bị mắc lại ở tập hai. Chúng tôi chăm chú theo dõi cuộc tranh luận giữa Bécxten và Caoxki [Kautsky] qua những tư liệu gốc. Trong số chúng tôi, không ai đứng về phía Bécxten. Trên lĩnh vực triết học, chúng tôi rất mê cuốn sách của Bốcđanốp [Bogdanov], người thống nhất chủ nghĩa mác-xít với môn tri thức luận của Mác [Mach] và Avênariút [Avenarius]. Vào lúc đó, Lênin cũng nhận định rằng cuốn sách của Bốcđanốp chứa đựng những ý tưởng không tồi.

- Tôi không phải là triết gia - ông nói, giọng pha chút bần khoản -, nhưng Plêkhanốp đang kịch liệt lên án triết học của Bốcđanốp, coi nó như một dị bản trá hình của chủ nghĩa duy tâm.

Vài năm sau, Lênin nghiên cứu triết học của Mác và Avênariút trong một công trình lớn, về căn bản ông đánh giá theo cách của Plêkhanốp.

Trong lúc nói chuyện, tôi hỏi tương lại: những số liệu thống kê đồ sộ mà Lênin sử dụng trong cuốn sách của ông về chủ nghĩa tư bản Nga đã gây ấn tượng lớn cho những người bị đi đày.

- Nhưng có thể làm việc đó ngày một ngày hai đầu... - Voladimíria Ilích đáp, hơi bối rối.

Có nhiên ông rất vui khi thấy các đồng chí thuộc thế hệ trẻ hơn đã đánh giá đúng công sức lao động khổng lồ mà ông đã đầu tư cho các tác phẩm chính phân tích kinh tế. Khi nói về công việc của tôi, câu chuyện chỉ bàn đến những điều đại cương. Chúng tôi dự tính tôi sẽ ở nước ngoài một thời gian nữa, tìm hiểu các tài liệu được ấn hành, quan sát đây đó rồi mọi thứ sẽ tính sau. Sau một thời gian, tôi định bí mật trở về nước Nga để tiếp tục làm công tác cách mạng.

Nađegiôđa Cônxtanchinốpna dẫn tôi về chỗ ở cách đó vài góc phố, tòa nhà mà Daxulích [Zassoulitch], Máctốp [Martov] và Blumenphen [Blumenfeld] (lãnh đạo nhà in báo *Íchcôra*) đã ở. Có một phòng trống dành cho tôi. Trong căn nhà, theo phong tục người Anh, các phòng ở không phân bố theo chiều ngang mà theo chiều dọc: phòng dưới cùng của bà chủ nhà, sau đó các phòng trên của người thuê. Ngoài ra, có một phòng chung nơi chúng tôi thường uống cà phê, hút thuốc và bàn tán những chuyện bất tận. Ở đó vô cùng lộn xộn, một phần bởi lỗi Daxulích nhưng Máctốp cũng tham gia. Sau chuyến đến thăm đầu tiên, Plêkhanốp gọi phòng này là "sào huyệt".

Giai đoạn ngắn ngủi ở Lônđôn của đời tôi bắt đầu như thế. Tôi háo hức lao vào chông báo *Íchcôra* vừa ấn hành và các tập san *Daria* [Zaria] (Bình minh) do cùng một tòa soạn in ra. Đó là những tài liệu xuất sắc, chiều sâu khoa học được phối hợp với nhiệt tình cách mạng. Tôi mê *Íchcôra* thẳng thừng, xấu hổ về sự kém cỏi của mình và đem hết sức để cố bù đắp càng nhanh càng tốt. Chẳng bao lâu tôi cộng tác với tờ báo,

thoạt đầu viết những đoạn ghi chú ngắn rồi những bài về chính trị, thậm chí cả xã luận.

Cũng trong thời gian này tôi diễn thuyết ở Oaito-Sapen [White-Chapel], ở đó tôi độ sức với Traicópaxki [Tchaikovsky], vị lão trượng của những kiều dân, và Tréckêdóp [Tcherkézov], một nhân vật không mấy trẻ trung của phái vô chính phủ. Tôi thật sự ngạc nhiên khi nghe những lập luận ầu trĩ mà các cụ già đáng kính này dùng để đả phá chủ nghĩa mác-xít. Tôi nhớ tôi trở về nhà trong trạng thái vô cùng hưng phấn, hầu như không cảm thấy hề phổ dưới đế giày mình.

Tôi liên lạc được với Oaito-Sapen và nói chung, với thế giới bên ngoài nhờ Alécxâyép [Alexéiev], cư dân lâu đời ở Lônđôn, một người mác-xít di tản có quan hệ với tòa soạn *Íchcòra*. Ông giúp tôi quen với đời sống thường nhật ở Anh và nói chung, đối với tôi ông là nguồn gốc mọi kiến thức. Alécxâyép hết sức tôn kính Lênin:

- Tôi cho rằng - ông nói nhiều lần - đối với cách mạng thì Lênin quan trọng hơn Plêkhanốp.

Cố nhiên, tôi không kể lại điều này với Lênin nhưng tôi nói với Máctốp. Không thấy ông nói gì.

Một ngày chủ nhật, tôi đi cùng Lênin và Corúpxcaia tới một nhà thờ ở Lônđôn, tại đó có một cuộc mít-tinh lớn của những người xã hội dân chủ xen giữa các bài thánh ca. Diễn giả là một người thợ sập chữ in từ Úc về, anh ta nói về cách mạng xã hội. Sau đó tất cả cử tọa đứng dậy và đồng thanh hát: "Lạy Chúa quyền năng tuyệt đối của chúng con, xin Người làm cho không còn vua chúa và bọn giàu có nữa". Tôi không tin vào mắt và tai của mình.

Khi chúng tôi ra khỏi nhà thờ, Lênin nói về điều này:

- Trong giai cấp vô sản Anh, những yếu tố cách mạng và xã hội sống cùng nhau một cách tàn mạn, nhưng chúng lại kết hợp với chủ nghĩa bảo thủ, với tôn giáo và các thành kiến nên không thoát ra và khái quát hóa được.

Sau khi ra về từ nhà thờ xã hội dân chủ, chúng tôi ăn trưa trong căn phòng nhỏ một ngôi nhà hai gian. Như mọi lần, người ta lại bông đùa: tôi có tự tìm thấy đường về nhà không? Bởi lẽ tôi rất vụng về trong việc nhận biết đường phố; thiên về hệ thống hóa, tôi gọi nhược điểm ấy của mình là "sự dấn độn về địa hình". Sau này tôi tiến bộ đôi chút trên phương diện này nhưng mọi kết quả không tự đến một cách dễ dàng.

Những khái niệm ít ỏi về Anh ngữ tiếp thu được trong nhà tù Ôđétxa hầu như không tăng thêm trong thời gian tôi ở Lônđôn. Các sự kiện ở Nga chiếm hết tâm trí tôi. Chủ nghĩa mác-xít tại Anh không có gì đặc sắc. Trung tâm các tư tưởng xã hội dân chủ thời đó nằm ở Đức và chúng tôi theo dõi sát sao cuộc đấu tranh giữa phe mác-xít chính thống và những kẻ xét lại.

Ở Lônđôn cũng như ở Gionevơ sau này, tôi gặp Daxulich và Máctốp nhiều hơn Lênin. Chúng tôi sống chung một nhà ở Lônđôn, còn tại Gionevơ, chúng tôi thường cùng ăn tối trong những tiệm ăn nhỏ nên mỗi ngày tôi gặp Máctốp và Daxulich nhiều lần. Ngược lại, Lênin sống cùng gia đình; ngoài những buổi họp chính thức, mọi lần hội kiến với ông đều mang tính quan trọng của một sự kiện nhỏ.

Những thói quen và sự thích thú lối sống giang hồ, lãng tử của Máctốp hoàn toàn xa lạ với Lênin. Ông biết rằng thời gian, mặc dù mang tính tương đối, là giá trị quan trọng nhất. Lênin dành nhiều thời giờ trong thư viện của Bảo tàng Anh quốc, ông nghiên cứu lý thuyết và thường viết những bài báo ở đó. Được ông giúp đỡ, tôi cũng có thể vào nơi thánh đường này. Tôi cảm thấy cơn đói không thể dập tắt, gần như tôi ngạt thở trong dòng chảy của sách vở. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi phải quay trở về lục địa.

Sau những buổi "diễn thuyết thử nghiệm" của tôi ở Oaito-Sapen, người ta cứ tôi đi nói chuyện ở Bruýchxen [Bruxelles], Liegiơ [Liège] và Pari. Tôi phải bảo vệ quan điểm duy vật lịch sử chống lại những phê bình của một trường phái Nga mang tên "trường phái chủ quan". Lênin tỏ ra rất muốn biết đề tài này. Tôi đưa ông xem một bản ý chi tiết; ông khuyên tôi nên viết thành một bài báo cho số *Daria* sắp tới. Nhưng tôi không đủ dũng cảm để xuất hiện bên cạnh Plêkhanốp và những vị khác với một bài báo mang hơi hướng lý thuyết.

Đang ở Pari, tôi nhận được điện tín gọi về Lônđôn. Số là phải đưa tôi một cách bất hợp pháp về Nga: ở đó người ta phàn nàn về những thất bại và tình trạng thiếu nhân sự, họ buộc tôi trở về. Nhưng tôi chưa kịp về tới Lônđôn thì kế hoạch đã thay đổi. Đốttrơ [Deutsch] lúc đó đang ở Lônđôn và rất quý mến tôi, sau này kể với tôi rằng ông đã can thiệp để "bệnh vực" tôi như thế nào. Ông chứng tỏ "chàng thanh niên ấy" (Đốttrơ chỉ gọi tôi theo cách này) cần phải sống một thời gian ở nước ngoài để học tập và Lênin đồng tình với ông.

Hoạt động trong tổ chức *Íchcòra* ở Nga rất hấp dẫn; tuy nhiên tôi sẵn sàng chấp nhận ở nước ngoài thêm một thời gian nữa. Tôi trở lại Pari, trái với ở Lônđôn, tại đây có một khu quần cư lớn dành cho sinh viên Nga. Các đảng phái cách mạng chiến đấu với nhau kịch liệt để tranh dành ảnh hưởng trong đám sinh viên. Sau đây là một trang trong hồi ký của Natalia Ivanópna Xêđôva [Natalia Ivanovna Sédova] liên quan đến thời kỳ này:

Mùa thu 1902 có nhiều buổi diễn thuyết trong khu người Nga ở Pari. Nhóm *Íchcòra* (tôi thuộc nhóm này) đầu tiên gặp Máctốp, rồi Lênin. Cuộc đấu tranh chống phái kinh tế và xã hội cách mạng diễn ra. Một đồng chí trẻ đến nhóm của chúng tôi. Anh vừa trốn khỏi tù đày. Anh đến nhà Êcachêrina Mikhailópna Aléxandorôva [Ecatherine Mikhailovna Alexandrova], một cựu thành viên đảng Tự do Nhân dân, nay về với *Íchcòra*. Lũ thanh niên chúng tôi rất mến chị Aléxandorôva, thích nghe chị nói chuyện và chịu ảnh hưởng của chị. Khi người cộng tác viên trẻ tuổi của *Íchcòra* xuất hiện ở Pari, Aléxandorôva nhờ tôi tìm cho anh ấy một phòng trọ ở gần đó. Có một phòng trống trong căn nhà nơi tôi ở, giá thuê là mười hai phờ-răng một tháng, nhưng nó rất nhỏ, hẹp và tối như nhà ngục. Khi tôi mô tả cho chị Aléxandorôva, chị ngắt lời:

- Được, được rồi, khỏi phải nhiều lời... Anh ấy ở đó là tốt, phải lấy căn phòng này...

Khi đồng chí trẻ (người ta không cho chúng tôi biết tên anh) đã dọn đến ở, Aléxandorôva tra hỏi tôi:

- Nay, anh ấy có chuẩn bị bài diễn thuyết không?

- Em không biết - tôi trả lời -, hẳn là có. Đêm qua khi lên cầu thang, em nghe thấy anh ấy huýt sáo trên phòng...

- Bảo anh ấy hãy chuẩn bị cho cẩn thận thì hơn là huýt sáo.

Chị Aléxandorôva rất lo lắng không biết buổi diễn thuyết của "anh ta" có thành công không? Nhưng sự lo ngại ấy trở nên không có cơ sở. Buổi diễn thuyết rất thành công, cả khu sinh viên hào hứng, người chiến sĩ trẻ tuổi của *Íchcòra* vượt quá mọi sự mong đợi.

Tôi tìm hiểu Pari kỹ càng hơn Lônđôn nhiều. Trong việc này, cũng có ảnh hưởng của L.I. Xêđôva. Tôi sinh ra và lớn lên ở nông thôn, nhưng ở Pari tôi mới bắt đầu đến gần thiên nhiên. Cũng ở đây tôi gặp nghệ thuật đích thực. Phát hiện ra nghệ thuật cũng khó khăn như việc tìm đến với thiên nhiên. Xin được trích đoạn từ những ghi chép sau này của Xêđôva:

Cảm tưởng chung về Pari của anh: "Nó giống Ôđétxa nhưng Ôđétxa vẫn hơn".

Cái kết luận trái với lương tri ấy có thể được giải thích như sau: đời sống chính trị hoàn toàn chiếm hết tâm trí L.D., anh chỉ nhận thấy mọi biểu hiện khác của cuộc sống khi sự việc buộc anh phải chú ý tới; khi ấy anh cảm thấy như bị quấy rối bởi một cái gì không thể tránh khỏi. Tôi không đồng tình với đánh giá của anh về Pari và có phần chế nhạo anh.

Vâng, đúng thế. Tôi đi vào thủ đô của thế giới như một kẻ bưng bình, bắt kham. Thoạt đầu tôi "phủ nhận" Pari, thậm chí còn tìm cách lờ tịt nó đi. Xét cho cùng, đây là cuộc đấu tranh để tự bảo vệ của một kẻ mọi rợ. Tôi cảm thấy dễ gần gũi được với Pari và thực sự chấp nhận nó, tôi phải tiêu phí mình rất nhiều. Ngược lại tôi có lĩnh vực riêng của mình, một lĩnh vực có yêu cầu rất cao và không chấp nhận mọi sự cạnh tranh: cách mạng. Dần dà, khó nhọc lắm tôi mới làm quen được với nghệ thuật. Tôi giao chiến với điện Luvrơ [Louvre], với vườn Luýchxămbua [Luxembourg] và các buổi triển lãm. Tôi thấy Rubenxơ [Rubens] quá no nề và tự mãn, còn Puyvi đơ Savan [Puviss de Chavannes] quá khắc khổ và thiếu sắc màu. Những chân dung của Carie [Carrière] làm tôi tức tối vì vẻ dờ dạng mờ ảo của chúng. Về điêu khắc và kiến trúc tôi cũng gặp phải tình trạng như vậy. Về căn bản, tôi chống lại nghệ thuật cũng như thời xưa tôi từng chống đối cách mạng rồi chống chủ nghĩa mác-xít và sau này trong nhiều năm, tôi chống lại Lênin cùng các phương pháp của ông. Chẳng bao lâu, cuộc cách mạng 1905 sẽ làm gián đoạn quá trình thích nghi của tôi với châu Âu và nền nghệ thuật. Chỉ đến chuyến ra nước ngoài lần thứ hai, tôi mới gần gũi lại với nghệ thuật. Tôi chú ý, đọc và đôi khi còn viết nữa. Nhưng tôi không vượt quá giới hạn sự ham mê kiểu tài tử.

Ở Pari, tôi được nghe nói về Giôrét [Jaurès]. Đó là thời kỳ nội các Vandêch-Rútô [Waldeck-Rousseau]. Minlorăng [Millerand] là bộ trưởng Pháp lý và Galiphê [Galiffet] là bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Tôi tham gia biểu tình trên đường phố của những người thuộc phái Ghétđơ [Guesdes] và cùng với họ, tôi hăng hái la hét mọi thứ để thóa mạ Minlorăng. Lúc đó Giôrét chưa gây cho tôi ấn tượng mạnh. Tôi cảm thấy ông là một địch thủ quá trực tiếp. Phải vài năm sau tôi mới đánh giá được nhân vật đặc biệt ấy, điều này không làm giảm quan điểm của tôi về chủ nghĩa Giôrét.

Các sinh viên mác-xít yêu cầu Lênin làm ba cuộc nói chuyện về vấn đề nông nghiệp ở trường Cao học, vốn do những giáo sư bị cấm khỏi các trường đại học Nga tổ chức ở Pari. Đội ngũ giáo sư có tư tưởng tự do đề nghị diễn giả bất kham cố tránh những cuộc tranh luận chùng nào hay chùng ấy. Nhưng Lênin từ chối mọi bó buộc liên quan đến vấn đề này và ông mở đầu bài thứ nhất như sau: chủ nghĩa mác-xít là một học thuyết cách mạng, do đó xét về bản chất, nhất thiết phải có tranh luận.

Tôi còn nhớ Lênin rất hồi hộp trước buổi nói chuyện đầu tiên. Nhưng khi lên diễn đàn, ông lập tức làm chủ được bản thân, ít ra bề ngoài ông tỏ ra như vậy. Giáo sư Gambaróp [Gambarov] đến nghe Lênin nói, ông nói với Đốttrơ cảm tưởng của mình bằng những từ sau đây: "Một giáo sư thực sự!" Đường như ông cho đó là lời ca ngợi lớn nhất.

Chúng tôi quyết định đưa Lênin đi xem nhạc kịch và Xêđôva được giao việc tổ chức. Lênin đến nhà hát Opéra Comique (Ca hài kịch) với chiếc cặp vẫn hay mang khi diễn thuyết. Chúng tôi làm thành một nhóm trên tầng cao nhất của nhà hát: ngoài Lênin, Xêđôva và tôi, tôi nhớ hình như có cả Máctốp. Chuyển đi nhà hát ca kịch ấy gắn liền với một kỷ niệm không liên quan gì đến âm nhạc. Lênin mua một đôi giày ở Pari nhưng quá chật. Tình cờ tôi cũng cần thay giày khẩn cấp. Lênin cho tôi đôi giày và thoát tiên hình như nó vừa vặn với tôi. Trên quãng đường đến nhà hát vẫn chưa xảy ra sự cố gì. Nhưng ngay ở nhà hát "Opéra Comique", tôi đã cảm thấy trực trặc. Trên đường về, tôi trải qua những cực hình thâm khốc và Lênin còn chế giễu tôi suốt buổi một cách không thương xót vì chính ông cũng bị đôi giày ấy hành hạ trong nhiều giờ.

Từ Pari, tôi đi diễn thuyết tại các khu sinh viên Nga ở Bruýchxen, Liegiơ, Thụy Sĩ và các thành phố Đức. Tại Haidenbéc [Heidelberg], tôi đến nghe ông già Cunô Phise [Cuno Fischer] nhưng không bị học thuyết Căng cuốn rũ. Triết học quy phạm xa lạ với tôi một cách hữu cơ. Có ai lại nằm trên ổ rom khô khi cạnh đó có cỏ mềm thơm phức?... Haidenbéc nổi tiếng là "hang ổ" của những sinh viên duy tâm Nga. Trong số họ có Ápxenchiép [Avkxentiev], bộ trưởng Bộ Nội vụ trong chính thể tương lai của Kêrenxki [Kérensky]. Ở đó tôi đã phải chiến đấu dữ dội để bảo vệ thuyết duy vật biện chứng.

CHƯƠNG XII

ĐẠI HỘI ĐẢNG VÀ SỰ CHIA RẼ

Lênin ra nước ngoài trong độ chín muồi vào năm ba mươi tuổi. Ở Nga, ông giữ vai trò lãnh đạo trong các nhóm sinh viên, các tổ dân chủ xã hội đầu tiên cũng như trong các khu của người đi đày. Lênin không thể không cảm thấy sức mạnh của ông, ngay cả vì lý do đơn thuần: những ai đã gặp, đã làm việc với ông đều thừa nhận điều đó. Ông ra nước ngoài với hành trang lớn về lý luận và kho kinh nghiệm cách mạng đáng kể. Ở đây, ông phải cộng tác với nhóm "Giải phóng sức lao động" và trước hết, với Plêkhanốp, người diễn giải xuất sắc học thuyết mác-xít, người thầy của nhiều thế hệ lý thuyết gia, chính trị gia, nhà báo, nhà hùng biện, một tên tuổi vang lừng châu Âu và có những mối quan hệ bao trùm châu lục. Cạnh Plêkhanốp, còn hai người có uy tín vô cùng lớn: Daxulich và Ácxenrôt. Vêra Ivanópna Daxulich thuộc lớp người hàng đầu không chỉ vì quá khứ anh hùng của chị. Chị còn có đầu óc vô cùng sâu sắc, với kho kiến thức khổng lồ chủ yếu về lịch sử và một trực giác hiếm có. Thời trước Daxulich lập nên mối quan hệ giữa nhóm "Giải phóng sức lao động" và ông già Ăngghen. Khác với Plêkhanốp và Daxulich - những người gắn bó mật thiết hơn với chủ nghĩa xã hội La Tinh - Ácxenrôt đại diện cho thế giới tư tưởng của phái xã hội dân chủ Đức, anh mang những kinh nghiệm của phái này để thực hiện trong Nhóm. Tuy nhiên vào những năm ấy, giai đoạn suy tàn của Plêkhanốp đã bắt đầu. Nhân tố làm ông suy yếu chính là điều đem lại sức mạnh cho Lênin: cách mạng đang đến gần. Tất cả hoạt động của Plêkhanốp thiên về việc chuẩn bị tư tưởng cho cách mạng. Là nhà tuyên truyền và luận chiến tuyệt vời của chủ nghĩa mác-xít, nhưng ông không phải chính trị gia cách mạng của giai cấp vô sản. Cách mạng càng đến gần, ông càng cảm thấy đất trượt dưới chân mình một cách rõ rệt. Hẳn Plêkhanốp cũng nhận biết được điều đó và vì thế ông gay gắt với đám trẻ.

Người lãnh đạo chính trị của *Ichcòra* là Lênin, còn Máctốp là cây bút chính luận mạnh nhất. Máctốp viết dễ dàng và liên tục, cũng như khi ông nói. Sát cánh với Lênin - lúc đó là bạn chiến đấu gần gũi nhất -, ông cảm thấy không thoải mái. Họ còn xung hô "cậu", "tớ" với nhau nhưng trong mối quan hệ giữa hai người đã có những làn gió lạnh. Máctốp sống chủ yếu cho hiện tại, cho những lợi ích nhất thời, cho công việc viết lách thường ngày của nhà báo, cho các tin tức và những buổi nói chuyện. Lênin, sau khi đã

chà đi xát lại hiện tại, đi sâu bằng suy tưởng vào ngày mai. Máctốp có vô số những trực cảm, giả thuyết và đề nghị rất xuất sắc mà chính ông cũng thường quên đi nhanh chóng. Nhưng Lênin luôn nắm bắt những thứ ông cần vào đúng thời điểm cần thiết. Những tư tưởng mong manh của Máctốp nhiều lần làm Lênin phải lắc đầu, về e ngại. Hồi đó sự khác nhau trong đường lối chính trị của họ chưa được kết tinh, có thể nói chúng chưa hề xuất hiện. Sau này khi xảy ra sự chia rẽ ở Đại hội II, những cộng tác viên của *Íchcờra* phân chia làm "cứng rắn" và "mềm mỏng". Cách gọi ấy như ta biết, rất thông dụng trong thời gian đầu. Nó chứng tỏ nếu như chưa có một đường phân chia rõ rệt thì cũng đã có sự khác biệt trong cách đề cập vấn đề, trong tính cương quyết và kiên trì để đi đến đích. Về phần Lênin và Máctốp, có thể nói rằng trước Đại hội và trước khi xảy ra việc ly khai, Lênin đã "cứng rắn" và Máctốp "mềm mỏng". Cả hai đều biết rõ điều này. Lênin nhìn Máctốp bằng con mắt phê phán và hơi ngờ vực dù ông đánh giá rất cao Máctốp. Ngược lại Máctốp nhận thấy cái nhìn ấy, ông cảm thấy khó xử và cấu kinh nhún đôi vai gầy. Khi gặp gỡ và chuyện trò với nhau, trong câu chuyện của họ đã thấy không có những nhấn mạnh về thân mật hay những lời bông đùa, ít nhất là trước mặt tôi. Lúc nói chuyện, Lênin không nhìn thẳng vào mặt Máctốp và cái nhìn của Máctốp đại đi dưới cặp kính cận mũi nghiêng về phía trước mà ông không lau bao giờ. Và khi Lênin nói chuyện với tôi về Máctốp, trong giọng của ông có một sắc thái đặc biệt: "Thế nào, Giuli (tức Máctốp) nói vậy hả?" Cái tên Giuli được đọc lên theo một cách nào đó, đặc biệt hơi nhấn mạnh, dường như ông muốn cảnh cáo: "Anh ta tốt, thậm chí giỏi là khác, có điều quá mềm mỏng." Còn Máctốp, rõ ràng ông chịu ảnh hưởng của Vêra Ivanópna Daxulich, chị cách ly ông khỏi Lênin không phải về mặt chính trị mà về tâm lý.

Mối liên lạc với nước Nga nằm toàn bộ trong tay Lênin. Thư ký của tòa soạn chính là Nadegioda Cônxtanchinópna Corúpxcaia. Bà ở trung tâm tất cả công tác tổ chức, bà tiếp đón các đồng chí từ xa đến, hướng dẫn và tiễn đưa người ra đi, bà tổ chức nhiều mối quan hệ, thỏa thuận các chỗ hẹn, bà viết, mã hóa và giải mã các bức thư. Trong phòng của Corúpxcaia, gần như lúc nào cũng có mùi giấy bị đốt bốc từ những lá thư bí mật mà bà sưỡi trên mặt lò để đọc. Bà hay phàn nàn một cách nhẹ nhàng là không nhận được nhiều thư, rằng người ta đã nhầm mã số hoặc viết bằng mực bí mật làm cho dòng này đè lên dòng khác...

Trong công việc tổ chức-chính trị, Lênin cố gắng phụ thuộc tối thiểu vào phe cực đoan, trước hết là Plêkhanốp; với ông, Lênin đã có những xung đột nặng nề trong thời gian này bởi các lý do khác nhau, đặc biệt vì dự thảo cương lĩnh của đảng. Dự thảo đầu tiên của Lênin đối lập với Plêkhanốp khiến Plêkhanốp phê bình rất thô bạo bằng giọng chế giễu trích thượng đặc trưng của ông trong những trường hợp tương tự. Nhưng cố nhiên không thể đe dọa và làm Lênin nản lòng bằng cách ấy. Xung đột trở nên mang tính bi kịch. Daxulich và Máctốp nhận vai trò trung gian: Daxulich về phía Plêkhanốp và Máctốp về phía Lênin. Hai vị trung gian đều rất sẵn sàng hòa giải, và lại họ vô cùng thân thiện với nhau. Theo lời của Vêra Ivanópna, chị nói với Lênin:

- Ghêoócghi [Georges] (tức Plêkhanốp) là giống chó săn thỏ - cắn nhầm nạn nhân một thời gian rồi thả ra; còn ông là giống bun-độc có cái cắn chết người.

Sau này khi kể lại cho tôi, Vêra Ivanópna nói thêm:

- Điều này làm ông ấy (Lênin) rất khoái. "Tôi cắn chết người, chị bảo thế à?" - ông nhắc lại về thỏa mãn.

Vêra Ivanópna bắt chước lối nhấn mạnh trong câu nói Lênin một cách đáng yêu.

Tất cả những vụ đụng độ nghiêm trọng ấy xảy ra trước khi tôi qua nước ngoài. Tôi không ngờ có những chuyện này. Tôi cũng không biết các cuộc tranh luận trong nội bộ tòa soạn còn dữ dội hơn khi người ta bàn đến tôi. Bốn tháng sau khi tôi đến, Lênin viết cho Plêkhanốp như sau:

Pari ngày 2 tháng Ba 1903,

Tôi có đề nghị như sau với tất cả thành viên của tòa soạn: đưa Piêrô bằng cách chỉ định vào ban biên tập với các quyền bình đẳng như những thành viên khác (tôi cho rằng với cách chỉ định ấy, đa số đơn thuần không đủ mà phải có sự nhất trí của toàn thể). Chúng ta *rất cần* một thành viên thứ bảy, vừa dễ thuận tiện lúc bầu (sáu là số chẵn) và sự chỉ định này còn làm mạnh thêm lực lượng tòa soạn. Đã từ nhiều tháng nay, số báo nào cũng có bài của Piêrô. Anh hoạt động hết sức tích cực cho *Íchcờra*, anh diễn thuyết nhiều (và đạt được thành công lớn). Trong mục thời sự, Piêrô rất có ích, thậm chí không thể thiếu được đối với chúng ta. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một người có năng lực phi thường, đáng tin tưởng, hăng hái và còn tiến xa hơn nữa. Ngoài ra, trong lĩnh vực dịch thuật và văn chương bình dân, Piêrô cũng sẽ làm được nhiều điều.

Những lý lẽ phản bác có thể đưa ra:

1. Piêrô còn trẻ,
2. (có thể) trong một ngày gần đây, Piêrô sẽ trở về Nga,
3. ngòi bút của Piêrô (không ngoặc kép) còn chút dấu vết loại văn giải trí từng kỳ, diễn đạt quá rối rắm.

Trả lời 1. Tôi giới thiệu Piêrô không phải để anh chiếm một vị trí độc lập mà để làm thành viên trong ban biên tập. Ở đó, rồi Piêrô sẽ có thực tế cần thiết. Hiện nhiên anh có cái "nhảy" của một nhà chính trị trong đảng, một thành viên của nhóm; còn kiến thức và kinh nghiệm là thứ có thể đạt được trong cuộc sống. Cũng hiện nhiên là Piêrô đang cố gắng và làm việc. Sự lựa chọn Piêrô còn cần thiết để động viên và buộc anh ở lại mãi mãi với chúng ta.

Trả lời 2. Nếu Piêrô tham gia vào mọi công việc của chúng ta, có thể anh chẳng vội vã đi đâu. Nhưng dù nếu anh đi, quan hệ về mặt tổ chức với ban biên tập sẽ không phải là điều bất lợi mà là lợi thế vô cùng lớn.

Trả lời 3. Những khuyết điểm về văn phong không phải là lỗi lớn. Anh ấy sẽ tự rèn luyện. Hiện tại anh còn bằng lòng (và cũng không tự nguyện gì lắm) để người ta "uốn nắn". Trong ban biên tập sẽ có những tranh luận, bầu bán và những "mệnh lệnh" sẽ mang tính hình thức và bắt buộc hơn.

Vì thế tôi đề nghị:

1. Cả sáu thành viên tòa soạn *nhất trí* chỉ định Piêrô,
2. Sau khi đưa Piêrô vào làm việc, hãy qui định lâu dài các mối quan hệ và hình thức bầu bán trong nội bộ tòa soạn, xây dựng bản điều lệ chuẩn xác. Điều đó là cần thiết *đối với chính chúng ta* và quan trọng với Đại hội.

T.B. Tôi cho là sẽ *hết sức bất tiện* và khó xử nếu *trì hoãn* sự chỉ định bổ sung vì tôi thấy rõ ràng sự bất mãn khá nghiêm trọng của Piêrô (tất nhiên anh không nói thẳng ra): anh thấy mình vẫn luôn luôn lơ lửng trong không trung và lúc nào cũng bị coi là một "chàng trẻ tuổi" (ít ra là đối với anh). Nếu chúng ta không nhận Piêrô ngay và chẳng hạn, một tháng sau anh quay trở về Nga, tôi tin chắc Piêrô sẽ coi đó là sự từ chối không đưa anh vào tòa soạn. Chúng ta có thể "đánh mất" anh và điều này vô cùng bất hạnh.

Tôi chỉ biết đến lá thư này trong thời gian gần đây, tôi đăng nguyên vẹn (trừ một số chi tiết chuyên môn nhất định) bởi nó đặc trưng ở mức độ cao nhất tình hình trong nội bộ tòa soạn, bản thân con người Lênin và quan hệ đối với tôi. Về cuộc đấu tranh trong tòa soạn xảy ra sau lưng tôi liên quan đến vấn đề đưa tôi vào ban biên tập, tôi không hay biết gì như đã nói ở trên. Khi Lênin viết tôi "bất mãn khá nghiêm trọng" vì không được vào ban biên tập, điều này sai và hoàn toàn không đúng với trạng thái tinh thần tôi lúc đó. Thực tế tôi không hề nghĩ đến nó. Tôi nhìn lên ban biên tập như cậu học trò trước thầy giáo mình. Tôi mới hai mươi ba tuổi. Thành viên trẻ nhất của ban biên tập là Máctốp cũng hơn tôi bảy tuổi và Lênin hơn tôi mười tuổi. Tôi vô cùng thỏa mãn với số phận đã đưa tôi đến gần tổ chức tuyệt vời ấy. Tôi có thể học hỏi rất nhiều từ mọi người trong nhóm và tôi chăm chỉ làm việc đó.

Tại sao Lênin lại viện cớ tôi bất mãn? Tôi nghĩ rằng đây đơn thuần chỉ là một bước chiến thuật. Qua lá thư Lênin muốn chứng minh và thuyết phục người khác chấp nhận lý lẽ của ông. Lênin cố tình làm cho các thành viên khác của tòa soạn lo lắng về sự bất mãn giả định và việc tôi có thể rời bỏ *Íchcôra*. Ở ông, đây chỉ là một luận cứ phụ. Vì thế, ông gọi tôi là "chàng trẻ tuổi". Ông già Đốttrơ hay gọi tôi như vậy, nhưng chỉ mình ông thôi. Chính Đốttrơ là người có mối quan hệ rất thân ái với tôi tuy ông không có và cũng không thể có một chút ảnh hưởng chính trị nào đối với tôi. Lênin dùng từ đó chỉ để thuyết phục những người cụ thể: phải coi tôi là người đã chín muồi về chính trị.

Tám ngày sau khi Lênin gửi lá thư đi, Máctốp viết cho Ácxenrôt:

Lôndôn ngày 10 tháng Ba 1903,

Voladimira Ilích đề nghị chúng ta nhận Piêrô, người mà anh đã từng biết, làm thành viên của tòa soạn với quyền ngang những người khác. Những công trình văn học của Piêrô chứng tỏ một cách không thể chối cãi rằng anh rất có tài; về mặt chính trị, hiện nhiên Piêrô thuộc về chúng ta. Piêrô hoàn toàn gắn bó với quyền lợi của

Íchcòra và nhờ tài hùng biện vô song, anh tạo được ảnh hưởng lớn ở đây (nước ngoài). Piêrô là một diễn giả tuyệt vời, không thể hơn được. Voladimìa Ilích lập luận như thế và bản thân tôi cũng tin chắc về điều đó. Piêrô có kiến thức sâu rộng và anh luôn cố gắng để bổ sung thêm. Tôi ủng hộ vô điều kiện đề nghị của Voladimìa Ilích.

Trong lá thư này, Máctốp chỉ là tiếng vang trung thành của Lênin. Nhưng ông không nhắc lại luận điểm do Lênin đưa ra về sự bất mãn của tôi. Tôi sống cùng một nhà với Máctốp, sát bên nhau, ông biết tôi từ khoảng cách rất gần nên không thể khẳng định rằng tôi sốt ruột chờ đợi để được vào ban biên tập.

Tại sao Lênin quá nhấn mạnh việc chỉ định tôi vào ban biên tập? Ông muốn có một đa số ổn định. Trong nhiều vấn đề quan trọng, tòa soạn chia ra làm hai "bộ tam": nhóm cựu trào (Plêkhanốp, Daxulich, Ácxenrôt) và nhóm trẻ (Lênin, Máctốp, Pôtrexốp [Potressov]). Lênin không nghi ngờ chuyện tôi sẽ đứng về phía ông trong các vấn đề gay gắt nhất. Một hôm, khi cần phản đối Plêkhanốp, Lênin gọi riêng tôi ra và tình quái nói:

- Hãy để Máctốp nói trước! Máctốp tra dầu mỡ mọi thứ rồi anh sẽ mài sắc...

Và ông liếc nhìn tôi. Nhận thấy chút vẻ ngạc nhiên trên mặt tôi, ông nói thêm:

- Tôi thích mài sắc hơn, nhưng lần này đối địch với Plêkhanốp, tốt hơn cả là cứ tra dầu mỡ.

Đề nghị của Lênin cho tôi tham gia vào ban biên tập gặp phải sự phản đối của Plêkhanốp. Hơn thế nữa, đề nghị ấy là nguyên nhân chính làm Plêkhanốp luôn có ác cảm với tôi vì ông đoán ra: Lênin tìm một đa số vững chãi nhằm chống lại ông. Việc điều chỉnh nhân sự của ban biên tập được hoãn lại cho đến Đại hội. Tuy nhiên tòa soạn quyết định: không phải chờ đến Đại hội, tôi sẽ được tham dự các phiên họp với quyền tư vấn. Plêkhanốp kiên quyết chống lại cả giải pháp này. Nhưng Vêra Ivanópna nói với ông:

- Thế thì tôi sẽ mang anh ta lại!

Và quả nhiên, chỉ "mang" tôi đến kỳ họp gần nhất. Không hay biết những cuộc tranh luận xảy ra sau hậu trường, tôi khá sững sờ khi thấy Ghêoócghi Valenchinôvích [Valentinovitch] tiếp tôi với vẻ lạnh lùng đặc biệt. Ông là bậc thầy của trò này. Ác cảm của Plêkhanốp đối với tôi kéo dài rất lâu, về cơ bản nó không bao giờ hết. Tháng Tư 1904, trong một lá thư gửi Ácxenrôt, Máctốp nói về "sự căm ghét cá nhân dành cho đương sự (là tôi) nhục nhã và thấp hèn đối với ông ta (Plêkhanốp)."

Nhận xét về văn phong của tôi trong lá thư Lênin gửi cho Plêkhanốp rất đáng để ý. Cả hai ý kiến đều đúng đắn: tôi viết khá cầu kỳ và không tự nguyện chấp nhận những "uốn nắn" của người khác. Hồi ấy tôi mới viết được độ hai năm và những vấn đề văn phong chiếm một chỗ lớn, riêng biệt trong công việc của tôi. Tôi chỉ mới bắt đầu ham thích văn học. Như đứa trẻ con khi răng mới nhú, chúng có nhu cầu cọ răng vào bất cứ vật gì, kê cả vào những thứ không được học cho lắm; cũng như thế, sự tìm tòi bột phát về từ ngữ, công thức, hình ảnh ứng với giai đoạn tôi ở tuổi mọc răng trong nghề viết. Chỉ với thời gian tôi mới tinh lọc được phong cách của mình. Nhưng vì sự cố gắng cho hình thức không ngẫu nhiên, hơi hợt mà phù hợp với những quá trình tâm tưởng nội tại; không có gì lạ nếu tôi bảo vệ theo bản năng nhân cách nhà văn đang hình thành ở tôi trước sự xâm nhập của những cây bút đã có bản sắc, nhưng khác biệt với tôi, dù tôi luôn tôn trọng ban biên tập...

Giữa chừng, thời điểm họp Đại hội xích lại gần và cuối cùng, một quyết định được đưa ra: rời tòa soạn sang Thụy Sĩ, cụ thể là Gionevơ; đời sống ở đó rẻ hơn rất nhiều và liên lạc với nước Nga cũng đơn giản hơn. Lênin cũng chấp thuận, dù khá miễn cưỡng. Xêđôva viết:

Ở Gionevơ, chúng tôi dọn đến hai buồng nhỏ sát mái nhà. L.D. bị thu hút bởi công việc chuẩn bị cho Đại hội. Tôi sẵn sàng trở về Nga để làm công tác đảng ở đó.

Các đại biểu đầu tiên lục tục kéo đến, họ họp hành không ngừng. Trong công cuộc chuẩn bị, vai trò lãnh đạo của Lênin là không thể chối cãi, mặc dù không phải lúc nào cũng nhận thấy được. Một bộ phận đại biểu đến Đại hội với những hồ nghi và đòi hỏi. Việc chuẩn bị chiếm rất nhiều thời gian. Trong các cuộc họp của chúng tôi, việc xây dựng điều lệ tổ chức rất được quan tâm, trong đó đặc biệt quan trọng là tương quan giữa cơ quan ngôn luận trung ương (tờ *Íchcòra*) và Ban Trung ương hoạt động tại Nga. Tôi ra nước ngoài với suy nghĩ tòa soạn phải phụ thuộc vào Ban Trung ương. Đây cũng là ý kiến của đa số môn đệ Nga thuộc *Íchcòra*.

- Như thế không được - Lênin bác lại. - Tương quan lực lượng không phải như vậy. Nào, làm sao họ lãnh đạo được chúng ta từ đáy sâu của nước Nga? Không thể thế được, chúng ta là một trung tâm vững mạnh. Chúng ta mạnh hơn về ý thức và chúng ta sẽ lãnh đạo từ đây.

- Nhưng đây chính là sự chuyên chính toàn diện của tòa soạn? - tôi hỏi.

- Thì có gì sai? - Lênin đáp. - Trong tình hình hiện tại rất cần phải như thế.

Những kế hoạch tổ chức của Lênin gây cho tôi chút hồ nghi. Nhưng còn xa tôi mới nghĩ rằng

chính những vấn đề này sẽ làm nổ tung Đại hội đảng.

Tôi được sự ủy nhiệm của "Liên minh Xibêri" - tổ chức có liên lạc mật thiết với tôi trong thời gian đi đây - cùng đại biểu Tula [Toula], bác sĩ Ulianốp [Oulianov] (em ruột Lênin) đến Đại hội. Nhưng để tránh lưới mật thám, chúng tôi không đi từ Gionevơ mà từ Niông [Nion], một ga xếp yên tĩnh sau đó, ở đây chuyến tàu tốc hành chỉ dừng có nửa phút. Đúng là dân tình lê nước Nga, chúng tôi không đợi tàu ở bên lề ra phải đợi. Khi chuyến tốc hành đến, chúng tôi cầm cổ chạy qua các đường ray định leo bừa lên một toa. Nhưng chưa kịp đu lên thì tàu đã chuyển bánh. Ông trưởng ga thấy hai hành khách lao qua đường ray liền thổi còi báo động. Tàu dừng lại. Sau khi lên toa tàu, người soát vé lập tức cho chúng tôi hay: đây là lần đầu trong đời anh ta gặp phải những kẻ ngu si như chúng tôi, chúng tôi phải nộp phạt năm chục phờ-răng vì đã làm tàu dừng lại. Đến lượt mình, chúng tôi làm cho anh ta hiểu rằng bọn tôi không biết một câu tiếng Pháp nào. Thực ra điều này không hoàn toàn đúng, nhưng lại rất hợp lý: anh chàng soát vé béo tốt người Thụy Sĩ ấy la hét thêm chừng ba phút rồi để chúng tôi yên. Cách đối xử của anh cũng thật phải lẽ: chúng tôi đâu có năm chục phờ-răng để trả. Một lúc sau, khi đi kiểm tra vé, anh ta lại phàn nàn với mọi người chuyện hai ông khách phải nhặt từ đường tàu lên. Anh chàng bất hạnh ấy nào ngờ chúng tôi lên đường để thành lập một đảng.

Đại hội được khai mạc tại Maison du peuple, trụ sở Hội Công nhân Bruýchxen. Chúng tôi họp trong một nhà kho tương đối heo hút để tránh những cái nhìn nhòm ngó. Ở đó người ta chứa những kiện len và chúng tôi bị vô số rệp tấn công. Chúng tôi gọi chúng là "đạo quân của Anxen [Ansele]" lên đường tấn công xã hội tư sản. Những phiên họp là cả một sự tra tấn thể xác thực sự. Và còn tồi tệ hơn: ngay từ những ngày đầu, các đại biểu nhận ra họ bị theo dõi. Tôi sử dụng hộ chiếu một người Bungari không quen biết tên là Xamôcôpliep [Samokovliev]. Trong tuần lễ thứ hai, tôi cùng Daxulich ra khỏi tiệm ăn nhỏ "Chim trĩ vàng". Đêm đã khuya, D., một đại biểu Ôđétxa chặn đường và không nhìn chúng tôi, anh thì thầm:

- Một thằng mật thám đi theo các vị đấy, hãy chia tay nhau đi. Nó sẽ bám theo người đàn ông...

D. là một chuyên gia sành sỏi về môn theo dõi, ở mặt này, đôi mắt anh chính xác như một dụng cụ đo lường thiên văn. Anh thuê phòng ở tầng trên một ngôi nhà cạnh quán "Chim trĩ vàng" và biến cửa sổ của mình thành một đài quan sát.

Tôi tạm biệt Daxulich và tiếp tục đi thẳng. Trong túi tôi có cái hộ chiếu Bungari và năm phờ-răng.

Tên mật thám, một gã Phơlamăng [Flamand] cao gầy và mũi tẹt, theo sau tôi. Đã quá nửa đêm, phố xá hoàn toàn vắng lặng. Bất thình lình tôi quay lại:

- Thưa M'sieur, đây là phố gì?

Tên Phơlamăng giật mình lùi lại và dựa lưng vào tường.

- Tôi không biết...

Y chắc chắn sẽ nhận được một phát súng lục.

Tôi tiếp tục đi thẳng trên đại lộ. Đâu đó một chiếc đồng hồ đánh chuông. Đến chỗ ngoặt đầu tiên, tôi rẽ vào một phố nhỏ và bắt đầu chạy thục mạng. Tên Phơlamăng rượt theo tôi. Thế là trong đêm khuya, hai người đàn ông không quen biết đuổi nhau trên đường phố Bruýchxen. Đến nay tôi vẫn còn nghe tiếng giầy lộp cộp của họ.

Tôi chạy quanh ba cạnh một tòa nhà rồi lại dẫn tên Phơlamăng ra đại lộ. Cả hai đều mệt nhọc và giận dữ, chúng tôi lại đi bước một, về ù rữ. Tôi thấy hai ba chiếc xe ngựa ở đường. Nhưng lên một xe thì có ích gì vì tên mật thám sẽ nhảy ngay lên chiếc kia. Chúng tôi cứ tiếp tục đi. Đại lộ dài vô tận hình như cũng sắp kết thúc, chúng tôi đã ra phía ngoài thành phố. Có một chiếc xe ngựa duy nhất đứng cạnh một quán đêm nhỏ. Tôi nhảy đại vào trong xe.

- Đi ngay, nhanh lên! Tôi vội lắm!

- Đi đâu?

Tên mật thám đóng tai nghe. Tôi nói tên một công viên cách nơi tôi ở chừng năm phút đi bộ.

- 100 sous!

- Thì cứ đi mà!

Người đánh xe nắm lấy dây cương, tên mật thám bổ nhào vào quán và trở ra với một người hầu bàn, y lấy ngón tay chỉ vào kẻ thù đang tẩu thoát.

Nửa giờ sau tôi đã ở trong phòng mình. Tôi thấp nển và chợt nhận ra một bức thư trên chiếc tủ nhỏ đầu giường. Trên bức thư có cái tên Bungari của tôi. Ai có thể viết đến cái địa chỉ này nhỉ? Thì ra trong phong bì có một "giấy mời" với nội dung: "Sieur Samokowlieff hãy tới trình diện ở sở cảnh sát vào mười giờ sáng ngày mai, mang theo hộ chiếu." Như vậy, một tên mật thám khác tối hôm qua đã theo tôi về tận nhà và cuộc chạy đuổi ban đêm trên đại lộ chỉ là một thứ diễn tập vô tư của hai kẻ tham gia. Những đại biểu khác cũng nhận được "giấy mời" tương tự. Ai đến trình diện ở sở cảnh sát đều bị buộc phải rời khỏi Bỉ

trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Tôi không đến đó mà qua thẳng Luânđôn. Đại hội được chuyển sang đây.

Hác tinh [Harting] - người điều khiển mạng lưới mật vụ Nga ở Béclin hồi đó - viết báo cáo gửi ban chuyên trách cảnh binh hữu quan: "Cảnh sát thành phố Bruýchxen ngạc nhiên vì lần sóng người nước ngoài; họ ngờ có mười người hoạt động vô chính phủ". Đến lượt chính Hác tinh làm cảnh sát Bruýchxen "ngạc nhiên". Tên thật y là Héckenman [Heckelmann], một tay khiêu khích năng nổ, bị tòa án Pháp kết án khổ sai vắng mặt. Sau đó, y thành tướng Ôkhorana [Okhrana] của Nga hoàng rồi được thưởng Bắc đầu Bội tinh với một tên giả. Nhưng Hác tinh lại nhận được thông tin từ một *agent provocateur* khác, bác sĩ Gitômírski [Jitomirsky], tay này tham gia tích cực vào quá trình chuẩn bị Đại hội từ Béclin. Tất cả những điều này chỉ được phát hiện sau đó nhiều năm. Hình như chế độ Nga hoàng nắm trong tay mọi đầu mối. Tuy vậy, điều này cũng không cứu vãn nổi chúng...

Trong Đại hội, mâu thuẫn nội bộ của tòa soạn *Íchcòra* bộc lộ rõ rệt. Lập trường của những người "cứng rắn" và "mềm mỏng" bắt đầu được phác họa. Sự bất đồng nổ ra chủ yếu quanh điểm một của bản Điều lệ tổ chức: ai có thể coi là thành viên của đảng? Lênin muốn Điều lệ phải nói rõ ràng: đảng là một tổ chức bất hợp pháp. Nhưng Máctốp lại muốn bất kỳ ai hoạt động dưới sự chỉ đạo của tổ chức bất hợp pháp thì đều là thành viên của đảng. Trong thực tiễn, mâu thuẫn ấy không có tầm quan trọng trực tiếp vì theo ý kiến của cả đôi bên, chỉ thành viên các tổ chức bất hợp pháp mới có quyền bầu ban. Tuy nhiên, rõ ràng là có hai khuynh hướng trái ngược nhau. Lênin muốn quy định một cách chuẩn xác và nghiêm khắc những mối quan hệ trong nội bộ đảng. Máctốp thiên về những khái niệm mờ mịt hơn. Những phe cánh hình thành quanh vấn đề này sẽ quyết định tiến trình sắp tới của Đại hội và cả thành phần ban lãnh đạo.

Sau hậu trường, có một cuộc đấu tranh để giành giật từng đại biểu. Lênin dùng mọi cách để lôi kéo tôi đứng về phía ông. Cùng với Coraxícốp [Krassikov], ông rủ tôi đi dạo rất lâu. Giữa đường cả hai đều cố gắng chứng minh cho tôi thấy con đường của tôi và Máctốp không đồng nhất vì Máctốp "mềm mỏng". Coraxícốp nêu đặc điểm từng thành viên của *Íchcòra* một cách tàn nhẫn đến mức Lênin phải nhắm mắt và tôi thì rùng mình. Trong mối quan hệ với tòa soạn, nói chung tôi vẫn là một thanh niên đa cảm. Buổi nói chuyện ấy đẩy tôi ra xa hơn là quyền rũ tôi lại gần. Những bất đồng ý kiến vẫn còn mơ hồ, mọi người mò mẫm ban đêm và hành động trong khoảng vô lường.

Mọi người quyết định triệu tập một cuộc họp các thành viên kỳ cựu của *Íchcòra* để đổ nước sạch vào cốc. Nhưng ngay việc lựa chọn một chủ tọa cũng gây ra những khó khăn.

- Tôi đề nghị cử chủ nhỏ tuổi nhất - Đốttrơ nói, nhằm tìm một lối thoát cho tình thế.

Bằng cách ấy tôi đã thành chủ tọa của những người *Íchcòra* trong một phiên họp mà sự phân ly giữa bên-sê-vích và men-sê-vích trở nên rõ rệt. Thần kinh của mọi người đều căng thẳng đến tột độ. Khi rời phiên họp, Lênin sập mạnh cánh cửa. Đây là lần duy nhất chính mắt tôi thấy ông mất tự chủ trong một vụ đụng độ thuộc nội bộ đảng.

Tình hình trở nên nghiêm trọng hơn. Những mâu thuẫn bộc lộ ngay ra trong Đại hội. Lênin còn làm một thử nghiệm để thu hút tôi về phía những người "cứng rắn". Ông phái người em, bác sĩ Đòmíttri [Dmitri] và nữ đại biểu D. đến chỗ tôi. Cuộc trao đổi kéo dài nhiều giờ trong một công viên. Những phái viên muốn giữ tôi bằng mọi giá.

- Chúng tôi được lệnh kéo anh về bằng bất kỳ giá nào.

Cuối cùng, tôi thắng thắn cự tuyệt và không theo họ.

Sự chia rẽ nổ ra bất ngờ đối với mọi người tham dự Đại hội. Bản thân Lênin - người đấu tranh tích cực nhất - cũng không dự kiến và không muốn sự phân liệt ấy. Những sự kiện xảy ra vô cùng trầm trọng với cả hai phe. Sau Đại hội, Lênin ở trong trạng thái thần kinh rất tồi suốt mấy tuần liền.

Trong những ghi chép của Xêđôva, ta có thể đọc:

Từ Luânđôn, hầu như ngày nào L.D. cũng viết thư. Những lá thư ngày càng đượm vẻ lo lắng và cuối cùng, lá thư kể về sự chia rẽ trong đội ngũ *Íchcòra* tuyệt vọng báo tin: *Íchcòra* không còn nữa, *Íchcòra* đã chết... Chúng tôi đau đớn trải qua sự phân liệt của *Íchcòra*. Chẳng bao lâu sau khi L.D. trở về từ Đại hội, tôi đi Pêtécbuva mang theo những tư liệu của Đại hội, được chép bằng thứ chữ nhỏ ly ti trên giấy mỏng và nhét trong bìa cuốn tự điển *Larútxo* [Larousse].

Tại sao trong Đại hội, tôi lại đứng về phía những người "mềm mỏng"?

Trong số các thành viên của tòa soạn, tôi thân nhất với Máctốp, Daxulích và Ácxenrôt. Họ có ảnh hưởng vô cùng lớn và không thể chối cãi đối với tôi. Cho đến trước Đại hội, trong tòa soạn có những sắc thái dị biệt nhưng không có những bất đồng quan điểm rõ rệt. Tôi xa vời với Plêkhanốp nhất: sau những xung đột đầu tiên, chung quy cũng chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, Plêkhanốp tiếp tục thù ghét tôi. Lênin

đối xử với tôi tuyệt vời nhưng trong mắt tôi, giờ đây ông là người công kích một ban biên tập, một tòa soạn mà theo tôi rất thống nhất và mang cái tên *Íchcờa* mê hồn. Hành động muốn chia đôi ban biên tập của ông, tôi cho là bất kính.

Tập trung cách mạng là một nguyên tắc cứng nhắc, độc đoán và nghiêm khắc. Nhiều khi nó không thương tiếc cả một số người hoặc một số nhóm mà hôm qua còn chung ý kiến với nhau. Không phải ngẫu nhiên mà trong từ ngữ của Lênin, ta hay gặp những cụm từ *không thể dung hòa, không thể nhân nhượng*. Chỉ có sự vươn lên của cách mạng, độc lập với mọi vấn đề cá nhân thấp hèn, mới có thể minh chứng cho sự *không thể dung thứ* ấy.

Năm 1903, Lênin mới chỉ nêu ý kiến đưa Ácxenrôt và Daxulich ra khỏi tòa soạn *Íchcờa*. Tôi không chỉ kính trọng mà còn rất yêu quý họ. Lênin cũng đánh giá họ rất cao vì quá khứ của họ. Nhưng ông đi đến kết luận: càng ngày họ càng cản trở chúng tôi trên con đường đi đến tương lai. Là nhà tổ chức, ông quyết định loại trừ họ khỏi cương vị lãnh đạo. Đó là điều tôi không thể qui phục. Tất cả con người tôi chống lại sự loại trừ không thương tiếc những nhân vật cựu trào đã đi tới bậc thềm của đảng. Bất bình của tôi lúc đó dẫn tới sự đoạn tuyệt với Lênin trong Đại hội II. Tôi thấy cách xử sự của ông không thể chấp nhận được, nó khủng khiếp và bạo ngược, mặc dù về mặt chính trị cách cư xử ấy lại đúng và do đó, cần thiết cho tổ chức. Sự đoạn tuyệt với những nhân vật cựu trào bị mắc lại trong thời kỳ chuẩn bị, xét về mọi mặt là không thể tránh khỏi. Lênin hiểu điều đó trước ai hết. Ông còn cố gắng giữ lại Plêkhanốp, tách ông này khỏi Daxulich và Ácxenrôt. Nhưng, như những sự kiện sắp tới chứng tỏ, cố gắng ấy cũng không đem lại kết quả nào.

Như vậy, sự đoạn tuyệt của tôi với Lênin diễn ra trên khía cạnh "đạo đức", thậm chí cá nhân. Nhưng đó chỉ là bề ngoài. Tôi đối nghịch với ông về mặt chính trị, có điều việc này biểu hiện ra trong lĩnh vực tổ chức.

Tôi tự coi mình là tín đồ của chủ nghĩa tập trung. Nhưng, không còn nghi ngờ gì nữa, trong giai đoạn đó tôi chưa hoàn toàn thấy hết việc đảng cách mạng cần một chủ trương tập trung không khoan nhượng và kiên quyết để dẫn dắt hàng triệu quần chúng vào cuộc chiến đấu chống xã hội cũ. Tuổi thiếu niên của tôi trôi qua trong bầu không khí âm ảm thời phản động và kéo dài tiếp năm năm ở Ôđétxa. Lênin còn là thanh niên vào những năm tổ chức "Tự do Nhân dân" hoạt động. Những người trẻ hơn tôi vài tuổi đã được giáo dục trong những năm thịnh vượng của nền chính trị mới. Khi Đại hội diễn ra ở Lônđôn năm 1903, một cuộc cách mạng trong mắt tôi vẫn là lý thuyết trừu tượng đến quá nửa. Tư tưởng tập trung của Lênin, đối với tôi, chưa được bắt nguồn từ một quan niệm cách mạng sáng sủa và được dẫn dắt một cách độc lập. Và nhu cầu phải tự mình hiểu được vấn đề rồi từ đó rút ra những kết luận cần thiết luôn là yêu cầu bức thiết nhất của đời sống tinh thần tôi.

Cạnh những bất đồng về nguyên tắc chỉ mới được phác thảo, xung đột nổ ra trong Đại hội lại càng nghiêm trọng thêm do những người cựu trào không thấu hiểu sự lớn mạnh và tầm quan trọng của Lênin. Trong và liền ngay sau Đại hội, Ácxenrôt và các thành viên khác của tòa soạn rất bất bình trước cách xử sự của Lênin và sự bất bình ấy đi kèm với nỗi ngạc nhiên: sao ông ấy lại làm thế? "Bởi ông ta cũng mới ra nước ngoài ít lâu thôi mà - những nhân vật cựu trào suy luận. - Ông ta đến để học hỏi và thái độ của ông ấy cũng là thái độ một học trò. Lòng tự tin này từ đâu ra? Sao ông ấy lại làm tất cả những chuyện này?"

Nhưng Lênin dám làm và ông đã làm. Muốn vậy, ông phải thấy rõ việc những người cựu trào không có khả năng nắm trong tay sự lãnh đạo trực tiếp những tổ chức đang chiến đấu cho đội tiền phong vô sản giữa hoàn cảnh một cuộc cách mạng đang đến gần. Phe cựu trào đã nhầm - và không chỉ có họ nhầm: Lênin không còn đơn thuần là một chiến sĩ ưu tú, ông đã là một lãnh tụ, ông vươn lên hết mình để đạt mục đích và theo ý tôi, ông tự cảm thấy mình là một lãnh tụ vĩnh viễn; cạnh những người hơn tuổi, những bậc thầy, ông nhận thấy mình mạnh hơn và cần thiết hơn đối với đảng. Trong cái tập thể khá mù mờ quây tụ quanh tờ *Íchcờa* thời bấy giờ, Lênin là người duy nhất hình dung được hoàn toàn và triệt để về ngày mai với tất cả mọi nhiệm vụ gian nan, những xung đột tàn khốc cùng những nạn nhân không kể xiết của nó.

Ở Đại hội, Lênin chinh phục nhưng không hi vọng giữ được Plêkhanốp; đồng thời ông đánh mất Máctốp vĩnh viễn. Dường như Plêkhanốp cảm thấy một điều gì đó ở Đại hội này. Ít ra, ông đã nói như sau về Lênin với Ácxenrôt:

- Người ta nhào nặn ra những Rôbétxpie [Robespierre] từ thứ bột ấy đấy...

Bản thân Plêkhanốp đóng một vai trò không đáng ghen tị mấy trong Đại hội. Chỉ đọc một lần, trong ủy ban dự thảo cương lĩnh của Đại hội, tôi được thấy và nghe ông nói với tất cả sức mạnh của ông. Plêkhanốp mang trong đầu một sơ đồ sáng sủa, được hoàn thiện một cách khoa học của bản cương lĩnh. Tự tin ở mình, ở kiến thức của mình, ở sự hơn người của mình, mắt ánh lên một tia vui pha chút lửa mĩa mai, với bộ ria mép hoa râm và nhọn, cử chỉ hơi tuồng nhưng linh động và với những điệu bộ biểu cảm, trên cương vị chủ tọa, Plêkhanốp làm ngời sáng cuộc họp đông người như một cây pháo bông sống của kiến

thức và sự sắc sảo.

Mác-tốp, lãnh tụ những người men-sê-vích, là một trong những gương mặt bi thảm nhất của phong trào cách mạng. Là một cây bút tài ba, một chính trị gia sáng tạo, một tư duy sâu sắc, ông cao hơn rất nhiều so với trào lưu tư tưởng mà ông dẫn đầu. Nhưng tư tưởng của Mác-tốp còn thiếu sự can đảm, sự sáng suốt của ông không được nghị lực hỗ trợ. Bản tính nhẫn nại không thay thế được những gì ông thiếu. Phản ứng đầu tiên của Mác-tốp trước mọi sự kiện bao giờ cũng biểu hiện một nhiệt tình cách mạng. Nhưng tư tưởng của ông đổ gục nhanh chóng vì thiếu nghị lực làm lò xo nâng đỡ. Quan hệ của chúng tôi không vượt qua được thử thách của những sự kiện lớn đầu tiên trong cuộc cách mạng đang đến.

Dù sao, Đại hội II cũng là một chặng đáng kể trong đời tôi, ít nhất vì nó làm tôi đoạn tuyệt với Lênin trong vài năm. Bây giờ khi nhìn lại quá khứ trong tổng thể, tôi không hối tiếc về điều đó. Tôi trở lại với Lênin chậm hơn nhiều so với người khác, nhưng tôi đi trên con đường riêng của tôi, trải qua và suy ngẫm những kinh nghiệm của cách mạng, của phân cách mạng và nội chiến. Nhờ những hoàn cảnh ấy, tôi trở lại với Lênin bền vững và nghiêm túc hơn so với các "môn đệ" của ông, những kẻ mà khi Lênin còn sống chỉ biết lặp đi lặp lại lời lẽ và cử chỉ của bậc thầy và sau khi ông mất, đã tỏ ra là những kẻ kể tục bất tài, những công cụ vô ý thức trong tay các lực lượng thù địch.

CHƯƠNG XIII

TRỞ VỀ NƯỚC NGÀ

Mọi quan hệ của tôi với phái thiểu số trong Đại hội II không được dài lâu. Ngay từ những tháng đầu, đã có hai đường lối hình thành trong phe thiểu số ấy. Tôi cho rằng phải chuẩn bị càng nhanh càng tốt sự hợp nhất với đa số. Tôi coi sự ly khai chỉ như một chuyện cảnh có tầm vóc lớn, thế thôi, không hơn không kém. Với một số người khác, chia cắt xảy ra ở Đại hội là khởi điểm theo hướng cơ hội chủ nghĩa. Đối với tôi, suốt năm 1904 chứa chất đầy những xung đột trên các vấn đề về chính trị và tổ chức với nhóm lãnh đạo men-sê-vích. Các vụ tranh chấp xoay quanh hai điểm chính: phải có thái độ như thế nào đối với phái tự do và những người bên-sê-vích? Tôi đồng ý rằng cần kịch liệt chống lại những cố gắng của phái tự do nhằm chiếm sự ủng hộ của quần chúng, đồng thời, cũng vì lý do ấy, tôi đòi hỏi ngày càng kiên quyết sự hợp nhất giữa hai nhóm xã hội dân chủ. Tháng Chín 1904, tôi tuyên bố rời bỏ phái thiểu số một cách hình thức vì trong thực tế, tôi đã không thuộc về họ từ tháng Tư. Trong thời kỳ này, tôi sống cách biệt đám dân di cư Nga vài tháng ở Muyních [München], nơi được coi là thành phố dân chủ nhất và nghệ thuật nhất của nước Đức đương thời. Tôi biết khá đầy đủ về những người xã hội dân chủ xứ Bavari [Bavière], về các bảo tàng của thành phố và các nhà biếm họa *Simplicissimus*.

Ngay từ khi Đại hội đang họp ở Lônđôn, một phong trào đình công mạnh mẽ làm sục sôi toàn miền Nam nước Nga. Những cuộc nổi dậy của nông dân ngày càng nhiều. Các trường đại học cũng náo động. Chiến tranh Nga-Nhật làm phong trào khựng lại một thời gian, nhưng thất bại quân sự của chế độ Nga hoàng tỏ ra là động lực không lồ cho cuộc cách mạng. Báo chí trở nên mạnh dạn hơn, những hành động khủng bố diễn ra dày đặc, phái tự do xông xáo, một chiến dịch tiệt chủng bắt đầu. Những vấn đề cơ bản của cách mạng được đặt ra rõ ràng. Đối với tôi, những gì trừu tượng đã thực sự trở nên có nội dung xã hội. Phái men-sê-vích, đặc biệt Daxulich, ngày càng đặt hi vọng vào những người thuộc phái tự do.

Trước khi họp Đại hội, sau một phiên họp của tòa soạn, ở quán cà phê Landôntơ [Landolt], Daxulich bắt đầu phàn nàn bằng cái giọng dè dặt, năn nỉ đặc biệt mà chị thường có trong những dịp như thế, rằng chúng tôi công kích quá mạnh phái tự sản tự do. Đó là điểm nhạy cảm nhất của chị.

- Hãy xem họ cố gắng như thế nào - chị nói và tránh cái nhìn của Lênin, mặc dù chị dành chủ yếu câu chuyện này cho ông. - Xtruvê đòi hỏi những người tự sản tự do Nga không đoạn tuyệt với chủ nghĩa xã hội, nếu không họ cũng phải chịu số phận khốn khổ của chủ nghĩa tự do Đức; ông ta muốn họ noi gương bọn xã hội cấp tiến Pháp.

- Cần phải choảng đám ấy mạnh hơn nữa! - Lênin mỉm cười nói, như để trêu chọc Vêra Ivanốpna.

- Ô kìa, hay thật đấy! - chị kêu lên về thất vọng hoàn toàn. - Họ lại gần chúng ta, thế mà chúng ta lại choảng họ!

Tôi hoàn toàn đồng tình với Lênin về vấn đề này, một vấn đề ngày càng có tầm quan trọng quyết

định với thời gian.

Mùa thu 1904 - thời kỳ xảy ra chiến dịch tiệt chủng, chẳng mấy chốc đi đến ngõ cụt của phái tự do - tôi tự đặt câu hỏi: "tiếp tục như thế nào?". Và cũng chính tôi tự trả lời: chỉ một cuộc tổng đình công mới có thể đưa ra lối thoát, tiếp tới là khởi nghĩa của giai cấp vô sản, dẫn đầu quần chúng nhân dân chống lại chủ nghĩa tự do. Quan điểm ấy càng làm sâu thêm vực thẳm giữa những người men-sê-vích và tôi.

Sáng sớm ngày 23 tháng Giêng 1905, tôi trở về Gionevơ sau chuyến đi diễn thuyết, mệt mỏi và đau như người vì một đêm trằn trọc trên tàu hỏa. Một chú bé bán cho tôi tờ báo hôm trước. Người ta viết vào thời tương lai về một cuộc biểu tình của công nhân tại Cung điện Mùa đông. Tôi cho là cuộc biểu tình hẳn đã không xảy ra. Một hai giờ sau tôi đến tòa soạn *Íchcờra*. Mác-tốp hỏi hộp đến cực độ.

- Không xảy ra chứ? - tôi hỏi.

- Không là thế nào? - ông lao về phía tôi -. Suốt đêm chúng tôi thức trong tiệm cà phê để đọc những bản điện tín mới nhất. Thế ra anh không biết gì à? Nhìn đây, coi đây này...

Ông ấn vào tay tôi số báo trong ngày. Tôi lướt qua mười dòng đầu của bài tường thuật theo thể loại điện báo về "ngày chủ nhật đẫm máu". Một làn sóng nóng bỏng bao phủ lên óc khiến tôi ù tai.

Tôi không thể tiếp tục ở nước ngoài được nữa. Tôi không liên lạc với những người bên-sê-vích từ ngày Đại hội kết thúc. Tôi cũng đã đoạn tuyệt về mặt tổ chức với những người men-sê-vích. Như thế tôi phải tự lo liệu cho mình. Các sinh viên Nga kiếm cho tôi một hộ chiếu. Tôi đi Muyních cùng vợ tôi, cô ấy trở lại nước ngoài vào mùa thu 1904. Pác-vút [Parvus] cho chúng tôi trọ tại nhà anh. Ở đây, anh đọc bản thảo bài viết của tôi về các sự kiện trước ngày 9 tháng Giêng và hết sức tán thưởng:

Các sự kiện đã hoàn toàn chứng thực dự đoán này. Bây giờ không ai có thể phủ nhận tổng đình công là phương pháp đấu tranh chủ yếu. Cuộc bãi công chính trị đầu tiên đã xảy ra ngày 9 tháng Giêng, dù nó còn phải núp dưới chiếc áo thầy tu. Chỉ cần nói thêm rằng cách mạng Nga có thể đưa một chính phủ công nhân dân chủ lên nắm chính quyền.

Pác-vút đã viết một lời tựa cho tập sách của tôi trong tinh thần như vậy.

Không chút nghi ngờ, Pác-vút là nhà mác-xít lỗi lạc cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này. Anh hoàn toàn nắm được phương pháp luận mác-xít, có tầm nhìn sâu rộng, anh đề ý mọi sự kiện quan trọng diễn ra trên vũ đài quốc tế; Pác-vút là một cây bút xuất chúng với một tư duy vô cùng dũng cảm, một phong cách mạnh dạn, gân guốc. Những công trình trước đây của anh đã giúp tôi hiểu các vấn đề của cuộc cách mạng xã hội, nhờ anh tôi mới hình dung việc cướp chính quyền của giai cấp vô sản không phải một mục tiêu xa vời lơ lửng trong khoảng không vũ trụ mà là nhiệm vụ thực tiễn của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, lúc nào ở Pác-vút cũng có một cái gì đó thật vô độ và không bền vững. Nhà cách mạng ấy bị ám ảnh bởi một ý tưởng hoàn toàn bất ngờ: anh muốn làm giàu. Vào những năm tháng đó, hầu như Pác-vút cũng gắn ước mơ này vào quan niệm cách mạng - xã hội của anh.

- Bộ máy đảng đã quá xương xẩu - anh phàn nàn -, khó mà thấy nổi cả những gì diễn ra trong đầu Bében. Những người cách mạng mác-xít chúng ta cần một tờ nhật báo lớn, ra cùng một lúc bằng ba thứ tiếng thông dụng ở châu Âu. Nhưng muốn được thế phải có tiền, thật nhiều tiền!

Thì ra trong cái đầu nặng nề, nhưng nhúc nhích như đầu chó bun-độc ấy, ý tưởng làm cách mạng xã hội và làm giàu lại quyện vào nhau.

Pác-vút tìm cách mở ra ở Muyních một nhà xuất bản tư nhân, nhưng anh thất bại khá thảm hại. Sau đó anh về Nga và tham gia cuộc cách mạng 1905. Mặc dù có đầu óc sáng tạo và tài tình, anh chẳng bộc lộ chút gì những ưu điểm của một lãnh tụ.

Thời kỳ suy tàn của Pác-vút bắt đầu sau thất bại của cách mạng 1905. Anh chuyển từ Đức sang Viên rồi từ đó qua Cônxtantinốp và chạm trán với Thế chiến thứ nhất tại đây. Lập tức, Pác-vút làm giàu nhanh chóng do những vụ chuyên chở gì đó cho quân đội. Đồng thời anh công khai tuyên bố bên vực sứ mạng tiến bộ của quân phiệt Đức, đoạn tuyệt vĩnh viễn với cánh tả và trở thành kẻ khời xướng phe cực hữu của đảng Xã hội Dân chủ Đức. Khởi phải nói, tôi đoạn tuyệt mọi quan hệ chính trị và cá nhân với anh kể từ Thế chiến.

Từ Muyních, tôi cùng Xêđôva đi tiếp đến Viên. Làn sóng những người di cư đã chảy về Nga. Víchto Átle ngập cổ trong công việc: ông xoay sở tiền bạc, hộ chiếu, địa chỉ cho những người di tản... Trong nhà ông, một thợ cắt tóc đã thay đổi diện mạo của tôi, vốn dĩ rất quen thuộc với lũ mật thám Nga hoạt động ở nước ngoài.

- Tôi vừa nhận được một bức điện tín của Ácxenrốt - Átle thông báo với tôi -. Bức điện báo tin Gapôn [Gapone] đã ra nước ngoài và tự xưng là người xã hội dân chủ. Tiếc thật... Nếu y biến đi vĩnh viễn thì còn để lại một sự tích đẹp. Làm dân di tản, y chỉ có thể là một thằng hề...

Và ông nói thêm, mắt ánh lên một tia lửa nhỏ làm dịu bớt sự châm biếm gay gắt:

- Anh biết không, loại người như thế thà là thứ tử vì đạo cho lịch sử thì hay hơn làm đồng chí của chúng ta...

Ở Viên, tôi được tin đại công tước Xécgây [Serge] bị ám sát. Các sự kiện xảy ra dồn dập. Báo chí xã hội dân chủ hướng về phía Đông. Vợ tôi về trước để kiểm nhà ở và thiết lập những mối liên lạc bất hợp pháp ở Kiép. Tôi đến Kiép vào tháng Hai với hộ chiếu của một tay thiếu úy về hưu tên là Ácbudốp [Arbouzov], ở đó trong vòng mấy tuần tôi phải chuyển hết nhà này sang nhà khác. Thoạt đầu tôi ở nhà một anh luật sư trẻ, anh này sợ cả cái bóng của mình, rồi sang nhà một giáo sư trường Cao đẳng Kỹ thuật, cuối cùng đến nhà một góa phụ có tư tưởng tự do. Một thời gian tôi còn phải ẩn náu trong một viện chữa mắt. Theo chỉ thị của bác sĩ trưởng - ông biết những hoạt động của tôi - một chị y tá đưa tôi loại thuốc nhỏ mắt vô hại và còn cho tôi ngâm chân làm tôi khá xấu hổ. Là kẻ phiến loạn, tôi phải thận trọng gấp đôi: tôi thảo những bản tuyên ngôn một cách giấu diếm để chị y tá khỏi thấy, chị có nhiệm vụ theo dõi ngặt nghèo, không cho tôi làm mệt mắt. Đến giờ đi thăm bệnh nhân, ông giáo sư - sau khi đã tổng được một anh phụ tá ít tin cậy - nhào vào phòng tôi cùng một chị phụ tá mà ông tin tưởng. Ông nhanh chóng khóa cửa bằng chìa và kéo màn cửa sổ, như thể đang khám mắt cho tôi. Rồi cả ba người cùng cười, thận trọng nhưng vui vẻ.

- Anh có thuốc lá không? - vị giáo sư hỏi.

- Tôi có.

- Quantum satis? - ông lại hỏi.

- Quantum satis - tôi trả lời.

Và chúng tôi lại cùng cười. Thế là buổi khám kết thúc và tôi lại quay về với những bản tuyên ngôn. Cách sống này làm tôi khá thích thú. Tôi chỉ cảm thấy hơi khó xử trước mặt chị y tá già tốt bụng, chị chuẩn bị cho tôi ngâm chân rất chu đáo.

Hồi đó ở Kiép có một nhà in bí mật nổi tiếng, nó vẫn tồn tại được nhiều năm ngay dưới mũi tên tướng cảnh binh Nôvítxki [Novitsky] mặc dù những bại lộ liên tiếp xảy ra xung quanh. Ở đây, vào mùa xuân năm 1905, người ta in ra những bản tuyên ngôn của tôi. Nhưng những lời kêu gọi quan trọng hơn được giao cho anh kỹ sư trẻ Coraxin [Krassine], tôi làm quen với anh ở Kiép. Coraxin là thành viên Ban Trung ương đảng bôn-sê-vích và có một nhà in bí mật lớn, trang bị đầy đủ ở vùng Cápcađơ [Caucasus]. Từ Kiép, tôi viết bài gửi cho nhà in ấy, chúng được in đặc biệt tốt trong những hoàn cảnh bất hợp pháp.

Giống như cách mạng, đảng rất trẻ trong thời kỳ ấy. Trong cách đối xử với con người cũng như trong việc giải quyết công việc, người ta thấy ngay sự non nớt và bối rối. Cố nhiên Coraxin cũng không hoàn toàn thoát khỏi những nhược điểm ấy. Nhưng trong anh đã có cái cứng rắn, cương quyết của loại người "thừa hành". Anh làm việc xuất sắc trên cương vị kỹ sư, được mọi người đánh giá cao, phạm vi kiến thức của anh rộng và phong phú hơn rất nhiều so với bất kỳ một thanh niên cách mạng nào thời đó. Trong các khu công nhân, các xóm kỹ sư, các cung điện của giới chủ nhà máy tự do tại Mátxcova, trong các nhóm văn học - đâu đâu Coraxin cũng có những mối quan hệ. Anh phối hợp rất khéo léo tất cả những thứ đó và trước mặt anh, mọi khả năng thực tiễn - hoàn toàn không thể đạt tới với kẻ khác - được mở ra. Năm 1905, trong khi vẫn thực hiện những công việc chung của đảng, Coraxin là người điều khiển các lĩnh vực nguy hiểm nhất: các nhóm chiến đấu, mua sắm vũ khí, điều chế chất nổ... Dù có tầm nhìn rộng trong chính trị và trong đời sống nói chung, Coraxin là con người của những kết quả trực tiếp. Sức mạnh của anh ở đó, đồng thời cũng là nhược điểm của anh. Sắp xếp tỉ mỉ các lực lượng trong nhiều năm, tự huấn luyện về chính trị và biến kinh nghiệm thành lý luận: không, Coraxin không có năng khiếu về việc này. Khi cách mạng 1905 không đem lại những mong mỏi mà nó từng hứa hẹn, kỹ thuật điện tử và công cuộc công nghiệp hóa nói chung trở thành nhiệm vụ hàng đầu của Coraxin. Trong lĩnh vực này, Coraxin cũng tỏ ra là một kẻ thừa hành tuyệt vời, một người đạt những kết quả xuất sắc. Không thể nghi ngờ, những thành công lớn anh giành được trên cương vị kỹ sư đem lại cho Coraxin sự hài lòng cá nhân mà anh đã từng có khi là nhà cách mạng. Thoạt tiên, anh đón nhận biến cố tháng Mười với vẻ ngạc nhiên và hiềm khích, coi đó như một hành động phiêu lưu nhuộm màu thất bại ngay từ đầu. Trong một thời gian dài, anh không tin chúng tôi có thể tránh được sự tan vỡ. Nhưng sau đó khả năng làm việc trên quy mô lớn lại lôi cuốn anh.

Đối với tôi, quan hệ với Coraxin năm 1905 là một vật báu thực sự. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở Pêtécbuva. Anh cũng cho tôi địa chỉ những chỗ hẹn bí mật. Chỗ hẹn đầu tiên và quan trọng nhất tại Học viện Pháo binh mang tên hoàng thân Cônxtanchin [Konstantin], nơi làm việc của bác sĩ trưởng Alêchxandơ Alêchxandơvích Lítkenxơ [Alexandre Alexandrovitch Litkens]. Số phận đã gắn tôi với gia đình bác sĩ trong thời gian dài. Tại nhà bác sĩ Lítkenxơ trên đại lộ Dabancanxki [Zabalkansky] hay ngay trong tòa nhà Học viện, tôi đã lẩn trốn nhiều lần trong những ngày và đêm bồn chồn năm 1905. Đôi khi, ngay trước mắt người gác cổng, nhiều người lên nhà bác sĩ trưởng thăm tôi, đây là những kẻ mà cả thang gác lẫn sân Học viện đều chưa từng thấy bao giờ. Nhưng đám lính có thiện cảm với bác sĩ Lítkenxơ, không ai tố cáo và

chúng tôi vượt qua tất cả. Aléxhândorơ, đứa con trai lớn mười tám tuổi của bác sĩ, khi ấy đã là thành viên của đảng; vài tháng sau anh lãnh đạo phong trào nông dân ở vùng Ôriôn [Oriël] nhưng cuối cùng anh ốm và mất vì thân kinh quá căng thẳng. Épgoráphơ [Evgraf] - em trai của Aléxhândorơ - lúc ấy còn là học sinh trung học, sau này có vai trò quan trọng trong cuộc nội chiến và trong công tác giáo dục của chính quyền Xô-viết, nhưng rồi anh bị bọn cướp ám hại năm 1921 ở Cờum.

Về mặt công khai, tôi sống ở Pêtécbuia bằng giấy tờ một địa chủ tên là Vikenchiép [Vikentiev]. Trong các nhóm cách mạng, tôi lại có tên Piốt Pêtrôvích [Pierre Petrovitch]. Đứng về mặt tổ chức, tôi không thuộc một nhóm nào. Tôi tiếp tục cộng tác với Coraxin, anh được coi là một người bên-sê-vích dễ dung hòa thời đó. Điều này càng làm chúng tôi gần gũi nhau hơn và cũng vì quan điểm của tôi lúc ấy. Nhưng cũng trong thời gian đó, tôi giữ mối liên lạc với một nhóm men-sê-vích địa phương, đại diện rất tích cực cho xu hướng cách mạng. Dưới ảnh hưởng của tôi, nhóm này có quan điểm tẩy chay Viện Đuma [Douma] đầu tiên, vì thế các thành viên men-sê-vích xung đột với chính trung tâm của họ ở ngoài nước. Nhưng chẳng bao lâu, nhóm men-se-vích bại lộ do một thành viên tích cực phản bội: gã Đôbrôtxcôc [Dobroskok], biệt danh "Nhiכולאי kính gọng vàng" tỏ ra là một tên khiêu khích nhà nghề. Y biết tôi hiện đang ở Pêtécbuia và còn trực tiếp quen tôi. Vợ tôi bị bắt nhân một cuộc mít-tinh trong rừng ngày 1 tháng Năm. Tôi buộc phải lẩn náu tạm thời. Lúc đó là mùa hè, tôi đi Phần Lan.

Ở đây tôi có thể thờ phào đôi chút. Tôi tiếp tục công việc viết lách miệt mài, xen lẫn những cuộc dạo chơi ngắn. Tôi ngẫu nhiên báo chí, theo dõi sự hình thành của các đảng phái, tôi sưu tầm những mảnh cắt từ báo và phân loại các sự kiện. Trong giai đoạn này, tôi đưa ra phác họa cuối cùng về các lực lượng nội tại của xã hội Nga và những triển vọng của cách mạng ở xứ này.

Hồi đó tôi viết:

Nước Nga đứng trước bậc thềm một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Vấn đề ruộng đất là cơ sở cuộc cách mạng này. Giai cấp (hoặc đảng phái) nào lôi kéo được nông dân theo mình chống lại chế độ Nga hoàng và điền chủ quý tộc, giai cấp (hoặc đảng phái) ấy sẽ giành được chính quyền. Chủ nghĩa tự do và giới trí thức dân chủ không thể đạt kết quả này: thời điểm lịch sử của họ đã chấm dứt. Giai cấp vô sản đã chiếm được mặt tiền của cuộc cách mạng. Chỉ có đảng Xã hội Dân chủ - thông qua giới công nhân - mới lôi kéo được giai cấp nông dân. Điều này mở ra trước đảng Xã hội Dân chủ Nga triển vọng giành được chính quyền sớm hơn ở các quốc gia phương Tây. Nhiệm vụ trực tiếp của đảng Xã hội Dân chủ là hoàn thiện hóa cuộc cách mạng dân chủ. Nhưng một khi đã cướp được chính quyền, đảng của giai cấp vô sản không thể tự bằng lòng với việc thực hiện một chương trình dân chủ. Nó buộc phải thi hành những chính sách xã hội. Chặng đường đi được theo hướng này sẽ tùy thuộc không chỉ vào những tương quan lực lượng nội bộ mà còn phụ thuộc tình hình trên toàn thế giới. Như thế, đường lối chiến lược chủ yếu đòi hỏi đảng Xã hội Dân chủ phải đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa tự do để giành ảnh hưởng trong giai cấp nông dân và tự đặt cho mình mục tiêu giành chính quyền ngay trong thời kỳ cách mạng tư sản diễn ra.

Câu hỏi về triển vọng chung của cách mạng gắn bó mật thiết với các vấn đề chiến thuật. Khẩu hiệu chính trị chính của đảng là triệu tập Hội nghị Lập hiến. Nhưng cuộc đấu tranh cách mạng đặt ra câu hỏi: ai triệu tập, và triệu tập bằng cách nào thứ Hội nghị Lập hiến ấy? Triển vọng cho thấy cuộc khởi nghĩa nhân dân do giai cấp vô sản lãnh đạo sẽ tiến đến việc hình thành một chính phủ cách mạng lâm thời. Giai cấp vô sản giữ vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng, điều này đảm bảo cho họ một vai trò quyết định trong Chính phủ Lâm thời.

Về vấn đề này, một cuộc tranh luận rộng rãi đã nổ ra trong các giới lãnh đạo thượng đỉnh của đảng, cũng như giữa tôi và Coraxin. Tôi viết ra giấy những luận đề trong đó tôi chứng minh thắng lợi toàn diện của cách mạng trước chế độ Nga hoàng là sự thành lập chính quyền của giai cấp vô sản dựa trên nông dân, hoặc sẽ là sự giai cấp vô sản giành lấy chính quyền vào tay mình. Coraxin hoảng sợ trước cách đặt vấn đề cương quyết như vậy. Anh chấp nhận khẩu hiệu về Chính phủ Lâm thời và chương trình dự kiến cho chính phủ ấy do tôi đặt ra, nhưng anh đòi chúng tôi đừng quyết định trước vấn đề về một đa số xã hội dân chủ trong chính phủ. Các luận điểm của tôi được in ở Pêtécbuia dưới hình thức đó và Coraxin nhận phần bảo vệ chúng tại Đại hội đảng toàn quốc họp vào tháng Năm ở nước ngoài. Nhưng Đại hội chung ấy đã không được tổ chức. Tuy nhiên, Coraxin tham gia các cuộc tranh luận về Chính phủ Lâm thời ở Đại hội những người bên-sê-vích và trình bày các luận điểm của tôi dưới dạng đề nghị bổ sung cho quyết định của Lênin.

Chi tiết này thú vị về chính trị đến mức tôi buộc phải trích dẫn từ biên bản của Đại hội III:

Về dự thảo nghị quyết của đồng chí Lênin - Coraxin nói -, tôi thấy nhược điểm của nó ở chỗ không nhấn mạnh vấn đề Chính phủ Lâm thời và không vạch ra rõ ràng mối tương quan giữa Chính phủ Lâm thời và cuộc khởi nghĩa vũ trang. Trong thực tế, Chính phủ Lâm thời bắt nguồn từ khởi nghĩa nhân dân và là cơ quan riêng của cuộc khởi nghĩa ấy... Ngoài ra trong dự thảo nghị quyết, tôi thấy ý kiến sau cũng không đúng: Chính phủ Lâm thời chỉ xuất hiện *sau* thắng lợi cuối cùng của khởi nghĩa vũ trang và *sau* sự sụp đổ của chế độ chuyên chế. Không, chính phủ ấy xuất hiện ngay trong quá trình khởi nghĩa và tham gia tích cực nhất, đảm bảo cho khởi nghĩa thắng lợi nhờ ảnh hưởng về mặt tổ chức của nó. Nghĩ rằng những người xã hội dân chủ chỉ có thể tham gia trong Chính phủ Lâm thời kể từ khi chế độ chuyên chế hoàn toàn sụp đổ là ngây thơ: lúc kẻ khác đã móc được hạt dẻ khỏi vỏ thì chẳng còn ai nghĩ đến chuyện chia sẻ nó với chúng ta.

Những điều kể trên hầu như lặp lại từng chữ sự diễn đạt trong đề luận của tôi.

Trong bản báo cáo thuyết trình, Lênin đề cập đến vấn đề này theo ý nghĩa lý luận thuần túy. Ông chấp nhận quan điểm của Coraxin với thiện cảm sâu sắc. Lênin nói:

Về toàn cục, tôi đồng tình với ý kiến của đồng chí Coraxin. Với tư cách một nhà lý luận, tất nhiên tôi chú ý đến khía cạnh lý thuyết của vấn đề. Tầm quan trọng của mục đích cuộc đấu tranh đã được đồng chí Coraxin chỉ ra rất đúng đắn và tôi hoàn toàn đứng về phía đồng chí ấy. Không thể chiến đấu nếu chúng ta không tin vào khả năng chinh phục đỉnh cao, vốn là mục tiêu của cuộc chiến...

Dự thảo nghị quyết được chỉnh lý theo hướng này. Sẽ không thừa nếu chúng ta ghi nhận rằng trong cuộc luận chiến xảy ra những năm gần đây, hàng ngàn lần người ta đã lấy nghị quyết về Chính phủ Lâm thời của Đại hội III để chống lại "chủ nghĩa trót-kít". Các "giáo sư đỏ" được đào luyện trong lò xta-lin-nít không hề có chút khái niệm rằng trong khi tìm một hình mẫu của chủ nghĩa lê-nin-nít nhằm chống lại tôi, họ đã trích dẫn chính những dòng do tôi viết ra.

Hoàn cảnh sống của tôi ở Phần Lan hoàn toàn không gợi nhớ đến cuộc cách mạng thường trực: đồi núi, rừng thông, ao hồ, bầu không khí mùa thu trong suốt, và tĩnh lặng. Cuối tháng Chín, tôi còn tiến sâu hơn nữa vào lãnh thổ Phần Lan: tôi ở tại một nhà nghỉ cô quạnh có tên là "Rauha" nằm giữa rừng, bên bờ hồ. Rauha tiếng Phần Lan có nghĩa là yên tĩnh. Khu nhà nghỉ mênh mông ấy hoàn toàn hoang vắng vào cuối mùa. Một nhà văn Thụy Điển cùng một nữ diễn viên Anh đã sống những ngày cuối cùng ở đó, rồi họ ra đi không trả tiền. Ông chủ đuổi theo họ đến tận Hendingphô [Helsingfors]. Vợ ông ta bị bệnh nặng nằm liệt giường, bà nốc rượu sâm banh để trợ tim. Và lại, tôi cũng không thấy bà bao giờ. Bà ta mất trong khi chồng đi vắng. Xác chết nằm ở buồng ngay phía trên phòng tôi. Anh bồi bàn chính đi Hendingphô tìm ông chủ. Chỉ còn độc một cậu bé phục vụ. Tuyết đầu mùa đến sớm và rơi dữ dội. Các cây thông được bao phủ bởi lớp vải liệm bằng tuyết. Nhà nghỉ trở nên thật hoang vu. Cậu bé ở tít trong nhà bếp, đầu đó dưới tầng hầm. Bên trên phòng tôi là cái xác bà chủ. Tôi còn lại một mình. Tất cả những điều này quả thực là "rauha" - sự yên tĩnh lớn. Không một bóng người, không một âm thanh. Tôi chỉ viết lách và dạo chơi.

Một buổi tối, người đưa thư mang lại một xấp báo ở Pê-téc-bua. Tôi mở hết tờ này đến tờ khác - dường như một cơn bão dữ dội ủa vào cửa sổ đang mở. Cuộc đình công toàn quốc dâng lên, lan rộng và lan truyền từ thành phố này sang thành phố khác. Trong cái yên lặng của khách sạn, tiếng giấy báo sột soạt vang lên chẳng khác gì tiếng gấm của núi lở. Cách mạng đang tiến lên hết tốc lực. Tôi gọi chú bé để thanh toán tiền nong rồi thuê một chiếc xe và để lại nơi đây sự "yên tĩnh", tôi đi về phía núi lở. Ngay tối hôm đó tôi đã đăng đàn ở Pê-téc-bua, trong đại giảng đường trường Cao đẳng Kỹ thuật.

CHƯƠNG XIV

1905

Có thể nói cuộc đình công tháng Mười đã nổ ra không theo một kế hoạch nào. Những người thợ in khởi đầu ở Mátxcova, nhưng làn sóng này dịu dần đi. Các đảng phái dự tính cuộc chiến quyết định sẽ nổ ra nhân dịp kỷ niệm ngày 9 (22) tháng Giêng. Vì thế, tôi làm việc không vội vã tại nơi ẩn náu ở Phần Lan. Nhưng cuộc đình công đột xuất, tưởng như đã hấp hối ấy lại bất ngờ lan sang ngành đường sắt và từ đó nó không ngừng bước. Kể từ ngày 10 tháng Mười, cuộc đình công diễn ra với những khẩu hiệu mang nội dung chính trị, khởi đầu từ Mátxcova và truyền đi toàn quốc. Thế giới chưa từng thấy một cuộc tổng đình công lớn như vậy. Tại nhiều tỉnh thành đã có những cuộc đụng độ ngoài đường phố với quân đội. Tuy nhiên, nhìn về tổng thể, những sự kiện tháng Mười dừng lại ở tầm một cuộc đình công chính trị, chưa chuyển sang khởi nghĩa vũ trang. Dù vậy, chế độ chuyên chế hoang mang phải lùi bước. Bản Tuyên ngôn Lập hiến ngày 17 (30) tháng Mười được ban bố. Nói đúng ra, chế độ Nga hoàng dù bị thương nhưng vẫn nằm trong tay bộ máy nhà nước. Đường lối của chính phủ - theo đánh giá của Vittê -, hơn bao giờ hết, "là phối hợp của sự hèn hạ, mù quáng, quý quýệt và ngu xuẩn." Và cách mạng đã thắng một trận đầu, chưa toàn vẹn nhưng đầy hứa hẹn.

Chi tiết quan trọng nhất của cuộc cách mạng Nga năm 1905 cố nhiên nằm trong khẩu hiệu "Cho chúng tôi ruộng đất" của nông dân.

Sau này Vittê viết như thế. Dĩ nhiên chúng ta có thể đồng ý với ông ở điểm này. Nhưng Vittê lại viết tiếp:

Tôi không thấy Xô-viết của công nhân có một tầm quan trọng nào đặc biệt. Và nó cũng không xứng đáng được như thế.

Điều này chỉ chứng tỏ kẻ xuất sắc nhất trong hàng ngũ quan lại cũng không hiểu nổi ý nghĩa các sự kiện, rằng đó là lời cảnh cáo cuối cùng gửi đến giai cấp thống trị. Vittê đã chết kịp thời để khỏi phải xét lại ý kiến mình về tầm quan trọng của Xô-viết công nhân.

Tôi về đến Pêtécbuva khi cuộc đình công tháng Mười lên đến cực điểm. Phong trào không ngừng lan rộng nhưng có nguy cơ thất bại mà không đem đến một kết quả gì vì nó không được một tổ chức quần chúng lãnh đạo. Tôi trở về từ Phần Lan với một kế hoạch bầu ra một hội đồng không đảng phái, cứ một ngàn công nhân lại cử một đại diện cho mình.

Đúng vào hôm tôi về, tôi được nhà báo Gioócđanxki [Iordansky], sau này là đại sứ Liên Xô ở Ý, cho biết rằng những người men-sê-vích đã đưa ra khẩu hiệu "Một hội đồng cách mạng thông qua bầu bán", ở đó năm trăm công nhân có một đại diện. Tôi đồng tình với điều này. Các ủy viên Ban Trung ương bôn-sê-vích đang ở Pêtécbuva lúc đó kiên quyết phản đối việc thành lập một hội đồng vô đảng phái bằng con đường bầu bán. Họ lo rằng hội đồng này sẽ cạnh tranh với họ. Những công nhân bôn-sê-vích hoàn toàn không e ngại như thế. Ngược lại, các lãnh đạo chủ chốt xử sự một cách bẽ phái đối với Xô-viết. Điều này diễn ra đến tận tháng Mười một khi Lênin trở về nước Nga. Chúng ta có thể viết nên một chương sách đáng tham khảo về các phương pháp lãnh đạo của những người "lê-nin-nít" khi Lênin vắng mặt. Lênin vượt xa các đồ đệ thân cận nhất của ông đến mức cạnh ông, họ cảm thấy chẳng phải lo lắng gì trong việc tự giải quyết những vấn đề về lý luận và chiến thuật. Họ đã bắt lực một cách ghê gớm khi Lênin không ở bên họ trong những tình huống nguy kịch. Điều này xảy ra vào mùa thu năm 1905 và mùa xuân năm 1917. Trong hai dịp đó cũng như trong nhiều trường hợp khác, có tầm lịch sử nhỏ hơn, chỉ bằng trực giác, quần chúng của đảng đã cảm thấy đường lối đúng đắn, chính xác hơn nhiều so với các lãnh tụ nửa vờ bị bỏ rơi. Lênin trở về nước quá muộn, đó là một lý do khiến nhóm bôn-sê-vích không chiếm được vị trí lãnh đạo trong các sự kiện của cuộc cách mạng đầu tiên.

Tôi đã kể chuyện N.I. Xêđôva bị một đội kỵ binh bắt tại cuộc mít-tinh ngày 1 tháng Năm trong rừng. Cô bị giam gần nửa năm trong tù rồi bị trục xuất và bị cảnh sát quản thúc ở Tôvéc [Tver]. Khi bản Tuyên ngôn tháng Mười được ban bố, cô trở về Pêtécbuva. Dưới cái tên Vikenchiép, chúng tôi thuê một buồng tại nhà một ông, sau này tôi mới biết là chuyên nghề đầu cơ ở Sở Giao dịch Chứng khoán. Công việc làm ăn của ông ta không chạy. Nhiều tay đầu cơ buộc phải sống tản tiện tại gia. Sáng nào chúng tôi cũng mua tất cả các loại báo chí từ một cậu bé bán báo. Ông chủ nhà đôi khi cũng mượn vợ tôi báo, ông đọc và nghiêng răng. Mỗi ngày ông một sa sút. Một lần, gần như nhào vào phòng chúng tôi, ông ta giận dữ vung vẩy tờ báo trong tay:

- Coi đây này! - ông gầm lên và lấy ngón tay chỉ vào bài báo mới nhất của tôi mang tựa đề *Chào anh chàng quét sân thành Pêtécbuva* -, xem này, bây giờ chúng nó khuấy động cả lũ quét sân nữa. Tôi mà tóm được thằng tù khổ sai ấy, tôi sẽ bắn tan xác nó bằng cái này...

Rồi ông rút một khẩu súng lục khỏi túi và vung vẩy trên không. Ông có vẻ không minh mẫn và

cần sự đồng cảm. Vợ tôi chạy đến tòa soạn báo cho tôi cái tin đáng sợ ấy. Cần phải tìm một chỗ trọ khác nhưng chúng tôi không có lấy một phút rỗi rãi, thành thử đành phó mặc mọi sự cho số phận. Chúng tôi sống như thể ở nhà ông đầu cơ tuyệt vọng đến ngày tôi bị bắt. May là cả chủ nhà lẫn cảnh binh đều không bao giờ biết ai là kẻ ẩn náu dưới cái tên Vikenchiép. Sau khi tôi bị bắt, cảnh sát cũng chẳng buồn lục soát nơi tôi trọ.

Trong Xô-viết, tôi tham gia với bí danh Ianópki để ghi nhớ cái làng nhỏ nơi tôi ra đời. Trên báo, tôi ký Trótxki dưới các bài viết. Tôi cộng tác liền một lúc với ba tờ báo. Cùng Pácvút, chúng tôi đứng đầu tờ báo nhỏ *Rútcaia Gadeta* [Russkaia Gazeta] (Báo nước Nga) và biến nó thành cơ quan chiến đấu cho quần chúng. Trong vài ngày, số lượng ấn bản tăng từ ba mươi lên một trăm ngàn. Một tháng sau đã có nửa triệu người đặt mua. Nhưng kỹ thuật của chúng tôi không thể theo kịp mức độ hâm mộ của người đọc đối với tờ báo. Cuối cùng, chúng tôi chỉ giải quyết được mâu thuẫn ấy bởi cuộc tập kích của nhà chức trách. Ngày 13 tháng Mười một, chúng tôi liên kết với những người men-sê-vích tung ra một tập san chính trị mới có tầm cỡ: tờ *Natraló* [Natchalo] (Buổi đầu). Lượng báo tăng từng giờ. Văng Lênin, tờ *Nóvaia Giudin* [Novaia Jizn] (Đời mới) của những người bên-sê-vích có vẻ tẻ nhạt. Ngược lại, *Natraló* vô cùng được ưa chuộng. Tôi nghĩ tập san này - hơn bất kỳ tờ nào trong vòng nửa thế kỷ nay - xích gần nhất đến nguyên mẫu kinh điển của nó, tờ *Die Neue Rheinische Zeitung* (Báo mới trên sông Ranh) do Mác xuất bản năm 1848. Camênhép - thành viên tòa soạn *Nóvaia Giudin* - sau này kể với tôi chuyện khi đi tàu, anh quan sát cảnh những số báo mới được lưu hành như thể nào ở các ga. Những hàng người dài dằng dặc chờ tàu ở Pêtécbuua. Mọi người chỉ ưa thích báo chí cách mạng.

- *Natraló! Natraló! Natraló!* - người ta kêu trong hàng.

- *Nóvaia Giudin!*

Rồi lại:

- *Natraló! Natraló! Natraló!*

Và Camênhép thú thực:

- Khi ấy tôi bực tức tự nhủ: rõ ràng những tay viết *Natraló* làm khá hơn chúng ta...

Ngoài *Rútcaia Gadeta* và *Natraló*, tôi còn viết các bài xã luận cho *Idvétchia* [Izvestia] (Tin tức), cơ quan chính thức của Xô-viết. Tôi cũng thảo ra vô số lời kêu gọi, tuyên ngôn và quyết định. Năm mươi hai ngày tồn tại của Xô-viết đầu tiên đây áp công việc: Xô-viết, Ban Chấp hành Xô-viết, những cuộc mít-tinh lớn không ngừng và ba tờ báo. Bản thân tôi cũng không biết chúng tôi đã sống như thế nào trong con nước xoáy ấy. Nhưng trong quá khứ, có nhiều điều tưởng chừng không thể hiểu nổi bởi các hồi tưởng đã đánh mất dấu vết của sự hoạt động: người ta chỉ nhìn lại bản thân thuở nào từ bên ngoài. Và trong những ngày ấy chúng tôi đã hoạt động hết mình. Chẳng những quay tròn trong vòng xoáy, chúng tôi còn khuấy động chúng. Tất cả đều được làm vội vã nhưng không đến nỗi tôi, một vài việc thậm chí còn rất tốt là đáng khác. Phụ trách biên tập, bác sĩ Đòmítρι Hécdenstein [Dmitri Herzenstein] - một nhà dân chủ già - thỉnh thoảng đến thăm tòa soạn trong bộ áo khoác hoàn hảo màu đen có hai hàng khuy. Ông đứng giữa phòng và nhìn cái đồng hồ mang do chúng tôi tạo nên với vẻ thân mật trông thấy. Một năm sau ông phải ra hầu tòa vì tính cách mạng không kiểm chế của tờ báo mà ông vốn không có chút ảnh hưởng nào. Ông già ấy không chối bỏ chúng tôi. Ngược lại, nước mắt lưng tròng, ông kể cho các quan tòa nghe: khi làm công việc biên tập tờ báo được ưa chuộng nhất, chúng tôi chỉ ăn uống vội vàng thứ pa-tê khô cứng bọc trong giấy mà người gác đêm đem về từ hàng bánh mì gần nhà. Ông phải chịu một năm tù vì một cuộc cách mạng thất bại - thay cho hội di tảo và pa-tê khô...

Sau này, Vittê viết trong hồi ký: "Năm 1905, đại đa số nước Nga dường như mất trí." Cái trí óc thủ cựu ấy sở dĩ thấy cuộc cách mạng như một thứ "chứng bệnh điên cuồng tập thể" vì cách mạng đã làm căng thẳng đến cực điểm sự điên rồ "bình thường" của các mâu thuẫn xã hội. Cũng như thế, khi người ta không muốn nhận ra bản thân mình trong một bức biếm họa táo bạo. Tuy nhiên sự tiến hóa hiện tại làm các mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, mạnh mẽ hơn và sắc bén hơn, tăng cường chúng đến độ không chịu đựng nổi và hậu quả là nó tạo nên một tình thế trong đó tối đại đa số bị "mất trí". Nhưng trong những trường hợp như thế, chính cái đa số điên rồ kia lại trối gô thiêu số sáng suốt trong tấm áo chèn của người điên. Nhờ vậy mà lịch sử mới tiến triển được.

Hỗn mang cách mạng hoàn toàn không giống một cơn động đất hoặc một trận lụt. Trong cái hỗn độn của cách mạng, một trật tự mới lập tức hình thành, con người và tư tưởng phân chia theo những trục mới một cách tự nhiên. Cách mạng chỉ có vẻ điên cuồng ghê gớm với những kẻ bị nó lật đổ và quét đi. Với chúng tôi, cách mạng là yếu tố ruột thịt dù khá xáo động. Tất cả đều có thời cơ và vị trí của nó. Một số người còn thời gian để sống cuộc sống cá nhân, để yêu đương, để tìm thêm những mối quan hệ quen biết, thậm chí còn tới cả những nhà hát cách mạng. Pácvút thích thú một vở kịch châm biếm mới đến mức anh mua liền năm chực vé buổi diễn hôm sau để mời bạn bè. Cần phải nói rõ là hôm trước anh mới lĩnh tiền

nhuận bút cho các cuốn sách của mình. Khi bị bắt, cảnh sát tìm thấy trong túi Pácvút năm chục vé xem hát. Chúng nặn óc hồi lâu để hiểu cho ra cái điều bí ẩn cách mạng ấy. Cảnh sát không biết rằng Pácvút bao giờ cũng hào hiệp...

Xô-viết huy động những khối quần chúng khổng lồ. Tất cả công nhân, triệu người như một, đều đứng bên Xô-viết. Ở nông thôn nổ ra những cuộc bạo loạn. Điều này cũng xảy ra trong hàng ngũ quân đội trở về từ vùng Viễn Đông sau hòa ước Poóc-mút [Portsmouth]. Nhưng các lữ đoàn cấm vệ và lính Cô-đắc vẫn còn khá mạnh. Tất cả những yếu tố của một cuộc cách mạng thành công đã có, nhưng chưa chín muồi.

Ngày 18 (31) tháng Mười, một hôm sau khi bản Tuyên ngôn được ban bố, hàng vạn người tập trung trước trường Đại học Pê-téc-bua, họ còn hùng hực khí thế đấu tranh sau trận chiến và say sưa với thắng lợi ban đầu. Từ ban công, tôi nói với họ rằng thắng lợi nửa vời không phải là điều chắc chắn, rằng kẻ thù của chúng ta không thể dung hòa, rằng một cạm bẫy đang rình rập chúng ta; tôi xé tan bản Tuyên ngôn của Nga hoàng và tung các mảnh vụn vào gió. Nhưng mọi báo động chính trị như vậy chỉ tạo nên vài vết xước hời hợt trong tâm tưởng quần chúng. Quần chúng còn phải trải qua trường học của những sự kiện lớn lao.

Tôi còn nhớ hai cảnh sinh hoạt của Xô-viết Pê-téc-bua liên quan đến dịp này.

Cảnh thứ nhất diễn ra ngày 29 tháng Mười khi trong thành phố, người ta chỉ nói về cuộc tàn sát mà bọn "trăm đen" đang chuẩn bị. Từ nhà máy, các đại biểu đến thẳng phiên họp Xô-viết, họ lên diễn đàn và đệ trình những vũ khí mà giới công nhân tự trang bị cho mình để chống lũ "trăm đen". Họ vung vẩy những con dao Phần Lan, những quả đấm sắt, dao găm, những chiếc roi bện bằng sợi thép, nhưng vẫn vui vẻ và đùa cợt chứ chưa có vẻ lo âu gì. Đường như họ nghĩ rằng chỉ cần sẵn sàng phản kháng là mọi vấn đề sẽ được giải quyết tức khắc. Đại đa số chưa ý thức được đây là cuộc chiến sinh tử. Rồi những ngày tháng Chạp sẽ dạy cho họ hiểu điều đó.

Tối ngày 3 tháng Chạp, Xô-viết Pê-téc-bua bị quân đội bao vây. Tất cả các cửa ra vào đều bị đóng kín. Từ trên tầng cao nhất, nơi Ban Chấp hành họp, tôi kêu to với hàng trăm đại biểu đang chen lấn ở dưới:

- Đứng tỏ ra chống đối, đừng trao vũ khí cho kẻ thù!

Ai nấy đều có những vũ khí bỏ túi, những khẩu súng lục. Và khi đó, trong phòng họp bị các đội bộ binh, kỵ binh và pháo binh bao vây tứ bề, công nhân bắt đầu đập phá vũ khí của họ. Những bàn tay khéo léo nện các khẩu Maudơ [Mauser] lên Braoninh [Browning] và ngược lại. Đây không còn là trò đùa như ngày 29 tháng Mười trước đó. Trong những tiếng chan chất, kọt kẹt và loảng xoảng của kim loại bị đập vỡ, có cả tiếng nghiền răng của giai cấp vô sản. Lần đầu tiên những người công nhân hiểu rằng họ phải cố gắng nhiều hơn, kịch liệt hơn mới hòng lật đổ và đập nát kẻ thù.

Thắng lợi nửa chừng của cuộc đình công tháng Mười - bên cạnh những kết luận mang tính chính trị của nó - đối với tôi còn có ý nghĩa lý luận vô giá. Không phải phong trào đối lập của tư sản tự do, không phải những cuộc nổi dậy tự phát của nông dân, không phải những hoạt động khủng bố của giới trí thức mà chính cuộc đình công của giới thợ thuyền đã buộc chế độ Nga hoàng lần đầu tiên phải quỳ gối. Quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản đã là một thực tế không thể chối cãi. Tôi nghĩ lý thuyết về cách mạng thường trực vừa vượt qua thử thách lớn đầu tiên. Rõ ràng cuộc cách mạng mở ra cho giai cấp vô sản triển vọng giành chính quyền. Những năm tháng của thời kỳ phản động sắp tới không khiến tôi rời bỏ quan điểm đó. Cũng từ đây tôi rút ra các kết luận cho cả phương Tây. Nếu ở nước Nga giai cấp vô sản non trẻ còn mạnh như thế thì sức mạnh cách mạng của họ tại những nước phát triển nhất còn đến mức nào?

Lunatrác-xki với phong cách thiếu chính xác và câu thả của anh, sau này đã đánh giá quan niệm cách mạng của tôi như sau:

Đồng chí Trốt-xki (năm 1905) chủ trì quan điểm hai cuộc cách mạng (tư sản và xã hội) không trùng khớp với nhau nhưng lại móc nối với nhau khiến chúng ta được là nhân chứng của một cuộc *cách mạng thường trực*. Bộ phận Nga của nhân loại và cùng với họ, toàn thể giới đang bước vào giai đoạn cách mạng thông qua biến cố chính trị của giai cấp tư sản và họ không thể ra khỏi giai đoạn này trước chiến thắng của cách mạng xã hội. Không thể chối cãi, đồng chí Trốt-xki khi nêu ra những ý kiến như thế, đã tỏ ra vô cùng sáng suốt dù đồng chí ấy có nhầm chừng mười lăm năm năm.

Nhận xét về sai lầm mười lăm năm của tôi sau này được Rađéc nêu lại, nhưng không phải vì thế mà sâu sắc hơn. Năm 1905 mọi dự kiến và khẩu hiệu của chúng tôi đều được xây dựng trên thắng lợi - chứ không phải thất bại - của cách mạng. Lúc đó chúng tôi không thực hiện được nền cộng hòa, cũng không làm được cách mạng ruộng đất hoặc không đòi được quyền làm việc tám giờ một ngày. Như vậy phải chăng chúng tôi nhầm khi nêu ra những yêu sách nói trên? Thất bại của cách mạng khép lại mọi viễn cảnh, không chỉ những điều mà tôi đã xét đến về mặt lý luận. Vấn đề không ở chỗ thời hạn của cuộc cách mạng mà là sự phân tích những động lực thúc đẩy nội tại và tiên đoán các bước phát triển trên toàn cục của cuộc

cách mạng.

Tôi có quan hệ thế nào với Lênin trong cuộc cách mạng 1905? Sau khi ông mất, lịch sử đích thực bị viết lại. Cả với năm 1905 người ta cũng thiết lập một cuộc đấu tay đôi giữa hai nguyên lý - cái tốt và cái xấu. Nhưng thực tế là thế nào? Lênin không hề tham gia trực tiếp vào công việc của Xô-viết, ông cũng không phát biểu ở đó. Chẳng cần phải nói rằng ông đã chăm chú theo dõi mỗi bước đi của Xô-viết, thông qua các đại biểu của phe bên-sê-vích ông có ảnh hưởng đến đường lối chính trị của Xô-viết và ông đã làm sáng tỏ hoạt động của Xô-viết trong tờ báo của ông. Lênin không bắt đồng với đường lối chính trị của Xô-viết trong bất cứ vấn đề nào. Cùng lúc đó, như các tư liệu đã chứng thực, tất cả các nghị quyết của Xô-viết - trừ vài quyết nghị tình cờ và ít quan trọng - đều do tôi thảo ra và đệ lên Ban Chấp hành, rồi chính tôi thay mặt Ban Chấp hành báo cáo trước Xô-viết. Khi hình thành một ủy ban liên hiệp các đại biểu bên-sê-vích và men-sê-vích, lại vẫn tôi nhân danh ủy ban phát biểu trước Ban Chấp hành. Và giữa chừng không xảy ra bất kỳ một xung đột nào.

Trước khi tôi trở về từ Phần Lan, chủ tịch đầu tiên của Xô-viết là Khorútxtalép [Khroustalev], một trạng sư trẻ tuổi. Anh là hiện tượng ngẫu nhiên của cách mạng, một thứ trung gian giữa Gapôn và những người xã hội dân chủ. Khorútxtalép làm chủ tịch nhưng anh không chỉ đạo về chính trị. Sau khi anh bị bắt, một đoàn chủ tịch mới được bầu ra, đứng đầu là tôi.

Xvéctrocóp [Svertchkov], một thành viên khá xuất sắc của Xô-viết, hỏi tôi:

Lãnh đạo tư tưởng của Xô-viết là L.D. Trótxki. Chủ tịch Xô-viết Nôxa [Nosar]-Khorútxtalép chỉ là một thứ bình phong, anh không thể tự quyết định trong bất kỳ một vấn đề nào mang tính lý thuyết. Tự ái một cách bệnh hoạn, Khorútxtalép căm ghét L.D. Trótxki bởi anh ta thường xuyên phải xin ý kiến và chỉ dẫn từ Trótxki.

Lunatrácxki kể lại trong hồi ký của mình:

Tôi còn nhớ ai đó nói trước mặt Lênin: "Ngôi sao Khorútxtalép đã đến lúc tàn và Trótxki là người mạnh nhất hiện nay trong Xô-viết". Lênin dường như sa sầm nét mặt một khoảng khắc rồi ông nói: "Trótxki đã chiếm lĩnh tinh thể bằng sức lao động không mệt mỏi và xuất sắc."

Quan hệ giữa hai tòa soạn hết sức thân mật. Không có cuộc luận chiến nào xảy ra giữa đôi bên. Tờ *Nôvaia Giudin* của những người bên-sê-vích viết như sau:

Số *Natralô* đầu tiên vừa ra đời. Chúc mừng người bạn chiến đấu của chúng ta. Xin nhắc trong số đầu tiên này có bài tường thuật xuất sắc về cuộc đình công tháng Mười của tác giả Trótxki.

Người ta không viết như vậy khi đầu đá nhau. Nhưng cũng không hề có cuộc chiến nào. Trái lại, báo chí chúng tôi bảo vệ nhau, chống lại phê bình của phe tư sản. Sau khi Lênin trở về, tờ *Nôvaia Giudin* bênh vực những bài viết của tôi về cách mạng thường trực. Các tờ báo - cũng như hai khuynh hướng - đều có mục tiêu hợp nhất. Ban Trung ương của những người bên-sê-vích với sự tham gia của Lênin đã nhất trí tán thành một quyết định cho rằng sự phân liệt chỉ là kết quả của những điều kiện di tản và các sự kiện cách mạng đã khiến cuộc đấu tranh giữa các khuynh hướng không còn chỗ đứng. Đó cũng là đường lối mà tôi tán thành trong *Natralô*, cạnh sự phản kháng thụ động của Máctốp.

Dưới áp lực của quần chúng, ở giai đoạn đầu những người men-sê-vích trong Xô-viết cố gắng đứng về cánh tả. Trong hàng ngũ họ, biến chuyển chỉ xảy ra sau đòn đầu tiên của bọn phản động. Lãnh tụ của họ, Máctốp than vãn trong một lá thư gửi Ácxenrót vào tháng 2-1906:

Đã hai tháng rồi... tôi không thể kết thúc bất kỳ tác phẩm nào của mình... Có lẽ tôi đau thần kinh, có lẽ tôi quá suy nhược về tinh thần - nhưng tôi không thể làm chủ được tư duy của mình.

Máctốp không biết gọi tên căn bệnh của mình. Thế mà nó đã có một cái tên hoàn toàn rõ ràng: *chủ nghĩa men-sê-vích*. Trong thời cách mạng, chủ nghĩa cơ hội trước hết đồng nghĩa với sự hoảng loạn và tạo ra kết quả là con người "không làm chủ được tư duy" của mình.

Khi phái men-sê-vích công khai sám hối và bắt đầu lên án đường lối chính trị của Xô-viết, tôi bảo vệ đường lối ấy, trước hết trong báo chí Nga rồi trong báo tiếng Đức và tạp chí Ba Lan của Rôđa Luychxămbua [Rosa Luxembourg]. Từ cuộc đấu tranh cho những truyền thống và phương pháp của 1905, tôi đã cô đúc được một cuốn sách thoát đầu mang tên *Nước Nga trong cách mạng*, sau đó được tái bản nhiều lần ở một số nước dưới cái tên *1905*. Sau biến cố tháng Mười, cuốn sách ấy trở thành giáo trình chính

thức của đảng, không chỉ ở Nga mà trong nhiều đảng cộng sản phương Tây. Chỉ sau khi Lenin mất và bắt đầu một chiến dịch được chuẩn bị chu đáo nhằm chống lại tôi thì cuốn sách về năm 1905 mới bị đưa ra trước làn mưa đạn. Trước tiên những phê bình chỉ bó gọn dưới dạng vài nhận xét thiếu não và nhỏ mọn mang tính gây gổ, nhưng dần dà chúng mạnh dạn lên, mở rộng ra, hùng hổ lên, rồi ren thêm đến mức lão xược và càng ôn ào nhằm át đi những lo lắng của chính chúng. Bằng cách như vậy, người ta đã tạo ra huyền thoại về chuyện đường lối của Lenin và Trótxki không đồng nhất trong cuộc cách mạng 1905.

Cách mạng 1905 là bước ngoặt trong đời sống của đất nước, đời sống của đảng và đời sống của cá nhân tôi. Tôi trở nên chín chắn hơn. Công tác cách mạng đầu tiên của tôi ở Nhicôlaiép là một thử nghiệm què mùa, được thực hiện mò mẫm trong bóng tối. Tuy nhiên thử thách ấy không vô bổ. Về sau này có lẽ không bao giờ tôi còn dịp tiếp xúc gần gũi với những công nhân ở cơ sở như tại Nhicôlaiép. Khi ấy tôi hoàn toàn chưa "có tên tuổi" và không có gì phân biệt giữa họ và tôi. Những điển hình cơ bản của giai cấp vô sản Nga để lại dấu ấn vĩnh viễn trong tâm trí tôi. Sau này, trong thực tế tôi chỉ gặp các phiên bản khác nhau của những người công nhân ấy. Trong tù, hầu như tôi nghiên cứu các học thuyết cách mạng từ ABC. Hai năm rưỡi bị giam cầm, hai năm đi đày tạo cho tôi khả năng đặt nền móng cho những vấn đề lý thuyết cơ bản của thế giới quan cách mạng. Lên ra nước ngoài đầu tiên là trường học lớn về chính trị đối với tôi. Dưới sự hướng dẫn của các nhà cách mạng mác-xít lỗi lạc, tôi học cách tiếp cận các sự kiện theo những triển vọng lịch sử lớn và gắn chúng với những quan hệ quốc tế. Vào cuối thời kỳ di tản, tôi tách rời cả hai nhóm bôn-sê-vích và men-sê-vích đang nắm vai trò lãnh đạo. Tôi trở lại nước Nga tháng 2-1905 trong khi các lãnh tụ di tản khác chỉ về vào tháng Mười hoặc tháng Mười một. Trong số những đồng chí ở Nga, không ai đáng để tôi học hỏi. Ngược lại, bản thân tôi ở vào vị trí một người thầy. Những sự kiện của cái năm bão táp ấy gần như nghẽn lại cùng nhau. Phải tìm được chỗ đứng tức khắc trong mọi vấn đề. Mục chưa kịp khô trên những bản tuyên ngôn, chúng tôi đã gửi thẳng đến nhà in. Những nền móng lý luận tìm được trong nhà tù và nơi lưu đày, giờ đây được áp dụng lần đầu tiên vào cuộc chiến đấu. Tôi cảm thấy vững vàng trước các sự kiện. Tôi hiểu cơ chế hoạt động của chúng - ít nhất tôi cảm thấy thế. Tôi hình dung ra tác động của chúng lên ý thức của công nhân và tôi dự kiến được ngày mai trong những đường nét lớn. Từ tháng Hai đến tháng Mười, tôi tham gia các sự kiện, chủ yếu thông qua viết lách. Nhưng vào tháng Mười, đột nhiên tôi chìm vào làn sóng khổng lồ, đối với tôi là thử thách nghiêm trọng nhất. Phải quyết định ngay trong những tình huống nóng bỏng. Cũng cần ghi nhận rằng những quyết định ấy - bằng một cách nào đó - đã tự hình thành trong tôi, rất tự nhiên. Tôi không quan tâm đến việc những kẻ khác sẽ nói như thế nào, ít khi tôi có điều kiện thảo luận với ai - mọi chuyện đều phải làm rất vội vã. Sau này tôi ngạc nhiên và cảm thấy xa lạ khi Máctốp, người thông minh nhất trong số men-sê-vích, luôn luôn tỏ ra bị động và sững sờ trước mọi sự kiện lớn. Không nghĩ ngợi - tôi có quá ít thời gian để tự xét mình -, tôi cảm thấy mình đã vượt qua những năm tháng học trò. Không phải theo nghĩa tôi đã ngừng học tập: không, bởi nhu cầu và lòng hăng say học hỏi của tôi vẫn tươi rói trong tôi đến cuối đời. Nhưng từ đây trở đi, không còn như một học sinh, tôi tiếp tục học hỏi trên tư cách một người thầy. Khi bị bắt lần thứ hai tôi đã hai mươi sáu tuổi. Và ông già Đóttơ cũng chứng thực sự trưởng thành của tôi: trong tù ông long trọng từ bỏ cách gọi "chàng trẻ tuổi" đối với tôi, từ đó ông gọi tôi bằng tên họ và phụ danh.

Trong cuốn sách *Những hình bóng cách mạng* mà tôi đã từng trích dẫn (hiện nay bị cấm đoán), Lunatrácxki đánh giá như sau về vai trò của các lãnh tụ cách mạng đầu tiên:

Trong tầng lớp vô sản Pêtécbuva, Trótxki vô cùng được ưa chuộng vào thời ông bị bắt, sự ưa chuộng ấy chỉ tăng lên do cách xử sự *kiểu mẫu* (?) và *anh dũng* (?) trước tòa án. Tôi cần phải nói rằng trong số những lãnh tụ xã hội dân chủ thời kỳ 1905-1906, mặc dầu còn trẻ, Trótxki hiển nhiên là người được chuẩn bị tốt nhất, ông là người mà những năm tháng di tản ít để lại dấu ấn hẹp hòi nhất, như tôi đã nói, vào thời ấy Lenin cũng bị hạn chế bởi điều này. Ông [Trótxki] thấy hơn ai hết thế nào là một cuộc chiến quyền lực. Và từ cuộc cách mạng ấy, ông là người được nhiều nhất trên phương diện tiếng tăm: xét về đại thể, cả Lenin lẫn Máctốp đều không được chút gì về khoản này. Plêkhanốp mất rất nhiều do những khuynh hướng tự do mà ông bộc lộ ra thời kỳ ấy. Ngược lại, từ thời điểm này Trótxki vươn lên vị trí hàng đầu.

Những dòng chữ viết năm 1923 càng có ý nghĩa khi hiện tại Lunatrácxki đang viết đúng điều ngược lại - với một phong cách không mấy "kiểu mẫu" và cũng không mấy "anh dũng".

Một sự nghiệp lớn không thể thiếu trực giác, nghĩa là không thể thiếu một tiềm thức có thể phát triển và tăng cường nhờ các công việc lý luận và thực hành, nhưng trước hết phải là thiên bẩm trong con người. Khả năng học hỏi lý thuyết, thói quen nghề nghiệp trong thực hành không thể thay thế nổi cái nhìn

sắc sảo của nhà chính trị cho phép chúng ta nhận biết được mình trong một tình thế nhất định, khiến chúng ta đánh giá được nó trong toàn thể và tiên đoán được sự phát triển kế tiếp. Năng khiếu ấy có tầm quan trọng quyết định trong những giai đoạn chứa đựng những thúc đẩy bất ngờ, những chuyển biến dữ dội; nói cách khác, giữa hoàn cảnh cách mạng. Tôi thấy những sự kiện 1905 đã làm nảy nở trong tôi cái trực giác cách mạng và cho phép tôi có thể dựa vào nó một cách chắc chắn trong thời gian về sau. Tôi cũng ghi lại ngay ở đây: sai lầm tôi phạm phải, dù quan trọng đến mấy đi nữa - vì có những sai lầm mang tầm quan trọng vô cùng lớn -, luôn chỉ đụng chạm đến những vấn đề phụ trong tổ chức và chiến thuật, không bao giờ chúng mang tính thiết yếu hoặc chiến lược. Trong việc đánh giá toàn thể tình hình chính trị và những viễn cảnh cách mạng của nó, tôi có thể thanh thản khẳng định: tôi không phải tự chê trách mình bởi những sai lầm nghiêm trọng.

Trong đời sống nước Nga, cách mạng 1905 là cuộc tổng diễn tập của 1917. Riêng với cá nhân tôi nó cũng có ý nghĩa tương tự. Tôi đi vào các sự kiện năm 1917 một cách hoàn toàn cương quyết và tin tưởng vì với tôi chúng chỉ là tiếp nối và phát triển của sự nghiệp cách mạng bị ngắt quãng bởi việc các thành viên Xô-viết Pêtécbuva bị bắt bớ ngày 3 tháng Chạp 1905.

Những cuộc bắt bớ xảy ra hai ngày sau khi chúng tôi công bố bản Tuyên ngôn "tài chính"; nó đưa ra trước công luận khả năng vỡ nợ của chế độ Nga hoàng và cảnh cáo: các khoản nợ của dòng họ Rômanốp [Romanov] sẽ không được nhân dân thừa nhận một khi họ giành được thắng lợi.

Bản Tuyên ngôn của Xô-viết các đại biểu công nhân nói như sau:

Chế độ chuyên chế chưa bao giờ được nhân dân tín nhiệm và thừa nhận. Do đó, chúng tôi quyết định không cho phép việc trả các khoản nợ do chính phủ Nga hoàng vay mượn trong khi họ tuyên chiến công khai và thẳng thừng với cả dân tộc.

Vài tháng sau, Sở Giao dịch Chứng khoán Pari đáp lại tuyên ngôn của chúng tôi bằng việc cho Nga hoàng tiếp tục vay 750 triệu phờ-răng. Báo chí phản động và tự do chế nhạo những lời đe dọa yếu ớt của Xô-viết nhằm vào các cơ quan tài chính Nga hoàng và các chủ ngân hàng châu Âu. Sau đó chúng cố quên bản tuyên ngôn. Nhưng tự nó sẽ gây tiếng vang. Phá sản về tài chính của Nga hoàng - đã được chuẩn bị bằng cả quá khứ - nổ ra đồng thời với sự tan vỡ của quân đội. Sau khi cách mạng tháng Mười thành công, sắc lệnh ngày 10 tháng Hai 1918 của Hội đồng Dân ủy tuyên bố hủy bỏ toàn bộ các món nợ của Nga hoàng. Sắc lệnh ấy đến nay vẫn còn hiệu lực. Những kẻ nói rằng cách mạng tháng Mười không chịu nhận bất kỳ một trách nhiệm nào, đã nhầm. Cách mạng thừa nhận mọi nghĩa vụ của *bản thân*. Những bôn phận mà cách mạng cam kết ngày mùng 2 tháng Chạp 1905 đã được thực hiện ngày 10 tháng Hai 1918. Cách mạng có quyền nhắc nhở các chủ nợ của chế độ Nga hoàng: "Thưa các ngài, chúng tôi đã cảnh cáo trước và kịp thời cho các ngài!"

Trên phương diện này cũng như ở tất cả các mặt khác, 1905 đã chuẩn bị cho 1917.

CHƯƠNG XV

XÉT XỬ, LƯU ĐÀY, TRÓN THOÁT

Chu kỳ tù tội thứ hai của tôi bắt đầu. Tôi chịu đựng dễ hơn nhiều so với lần đầu, hơn nữa, những hoàn cảnh cũng nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với tám năm về trước. Tôi bị giam một thời gian ngắn trong nhà tù Còrétxtur [Kresty] (Thánh giá) rồi trong pháo đài Piốt-Paven và cuối cùng, trong nhà giam sơ bộ. Trước khi chuyển chúng tôi đi Xibêri, tôi bị đẩy sang trại tạm giam. Tổng cộng tôi bị mười lăm tháng tù. Mỗi nhà tù đều có những đặc điểm buộc tôi phải thích nghi với chúng. Nhưng sẽ rất mệt mỏi nếu phải miêu tả tất cả và dù bề ngoài có khác nhau đi nữa, các nhà giam vẫn tương tự nhau. Tôi lại có thời gian chuyên tâm về khoa học và văn học một cách có phương pháp. Tôi chú ý đến các vấn đề lý luận của tô tức ruộng đất và lịch sử những quan hệ xã hội Nga. Tôi soạn thảo một công trình lớn về tô tức nhưng chưa kịp kết thúc, sau này bị thất lạc trong những năm đầu sau biến cố tháng Mười. Đối với tôi, đó là tổn thất nặng nề nhất kể từ khi công trình về lịch sử hội Tam Điểm bị tiêu hủy. Kết quả những tìm tòi của tôi về lịch sử xã hội Nga là bài

viết nhan đề *Tổng kê và viễn ảnh*, hồi đó là cơ sở hoàn chỉnh cho thuyết cách mạng thường trực.

Sau khi chuyển đến trại tạm giam, các trạng sư được quyền đến thăm chúng tôi. Quốc hội Đuma thứ nhất làm sôi động đời sống chính trị. Báo chí lại mạnh dạn lên. Các nhà xuất bản mác-xít hoàn hồn. Các nhà báo chính luận chiến đấu lại có đất dụng võ. Trong tù tôi viết nhiều, các trạng sư đề bản thảo trong cặp và mang trộm ra ngoài. Giai đoạn này tôi viết bài đã kích mang tựa đề *Piôt Xtruvê trong chính trị*. Tôi làm việc say sưa đến nỗi những cuộc đi dạo cũng làm tôi khó chịu. Bài đã kích ấy chĩa mũi dùi vào chủ nghĩa tự do, về thực chất nó biện hộ cho Xô-viết Pê-téc-bua, cho cuộc khởi nghĩa tháng Chạp ở Mátxcova và nói chung, cho đường lối chính trị cách mạng, chống lại sự phê phán của chủ nghĩa cơ hội. Báo chí bôn-sê-vích đón chào bài viết với vẻ thân thiện rõ rệt. Những người men-sê-vích dường như lặng thinh. Bài báo được lan truyền hàng vạn bản trong vài tuần.

Đòmritri Xvéctrocốp, người bạn tù của tôi, sau này kể lại giai đoạn tù ấy trong cuốn *Vào buổi bình minh cách mạng* của anh:

Trótxki viết một mạch cuốn sách *Nước Nga và cách mạng* và chuyển từng phần ra khỏi nhà tù. Trong cuốn sách ấy, lần đầu tiên (không chính xác! - L.T.) anh nêu rõ ràng suy nghĩ cuộc cách mạng khởi sự ở Nga không thể dừng lại chừng nào nó chưa đạt được hệ thống xã hội chủ nghĩa. Lý thuyết (của Trótxki) về "cách mạng thường trực" - hồi ấy người ta gọi ý tưởng trên bằng cái tên này - hầu như không được ai thừa nhận vào lúc đó. Tuy nhiên anh vẫn cương quyết trung thành với lập trường của mình và đã thấy - trong trạng thái nhiều nước trên thế giới - những biểu hiện sụp đổ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và khả năng đến gần tương đối của một cuộc cách mạng xã hội...

Xvéctrocốp tiếp tục:

Phòng giam của Trótxki chẳng mấy chốc biến thành một thư viện. Người ta gửi đến cho anh hầu như tất cả những cuốn sách ít nhiều đáng chú ý; anh đọc chúng và viết lách từ bình minh đến khuya. "Tôi thấy khỏe lạ thường" - anh nói với chúng tôi. - "Tôi ngồi làm việc và biết chắc chắn là không còn ai đến bắt tôi... Các vị thấy chứ, đấy là một cảm giác lạ thường trong biên giới nước Nga Xa hoàng..."

Để nghỉ ngơi, tôi đọc các tác phẩm kinh điển văn học châu Âu. Nằm dài trên chiếc giường gỗ, tôi say sưa đọc chúng với vẻ khoái trá xác thịt như những tay sành ăn uống nhắm nháp thứ rượu vang hảo hạng hay hút điếu xì gà thơm. Đó là những giờ đẹp đẽ nhất. Có thể nhận ra bằng chứng việc đọc sách vờ cớ điển trong toàn bộ những bài tôi viết hồi đó dưới dạng các đề từ, trích dẫn. Cũng trong thời gian ấy tôi làm quen với những "grands seigneurs" của nền tiểu thuyết Pháp. Nghệ thuật truyện ngắn trước hết là nghệ thuật của nước Pháp. Dù tôi thạo tiếng Đức hơn tiếng Pháp một chút - đặc biệt trong lĩnh vực thuật ngữ khoa học - nhưng tôi đọc các tác phẩm văn học Pháp dễ hơn Đức. Đến ngày hôm nay tôi vẫn giữ trọn vẹn tình yêu của mình với tiểu thuyết Pháp. Ngay cả dưới thời nội chiến - trong toa xe hỏa - tôi cũng dành thời gian để đọc các tác phẩm mới nhất của văn học Pháp.

Nói cho cùng, tôi không thể phàn nàn về những nhà tù của mình. Chúng là trường học tốt đối với tôi. Tôi rời cái phòng giam được bao bọc kín mít của pháo đài Piôt-Paven với một sự luyến tiếc nào đó: thật là nơi lý tưởng cho công việc trí tuệ, yên tĩnh, bình lặng và không bị ai quấy rầy.

Ngược lại, trại tạm giam chật ních những người và vô cùng náo động. Tôi có dịp gặp gỡ nhiều tù ở đó: các hành động khủng bố và làn sóng cướp bóc vũ trang lan tràn khắp nước. Nhờ Quốc hội Đuma thứ nhất, chế độ quản lý trong tù khá tự do. Các xà-lim không bị đóng vào ban ngày, chúng tôi được đi dạo chung. Chúng tôi mê mải chơi nhảy cừu hàng tiếng đồng hồ: bọn tù tù cũng nhảy và giờ lưng làm cừu cùng mọi người khác. Vợ tôi vào thăm tôi một tuần hai lần. Linh trực làm ngợ trước việc chúng tôi trao thư từ và bản thảo cho nhau. Một ông khá cao tuổi trong số họ đối xử đặc biệt tốt với chúng tôi. Tôi tặng ông một cuốn sách kèm ảnh và chữ ký theo yêu cầu của ông.

- Các con gái tôi đều là học sinh - ông thì thâm về nhiệt tình và bí hiểm nháy mắt về phía tôi.

Vào những năm của chính quyền Xô-viết, tôi gặp lại ông và tôi đã làm mọi việc có thể để giúp ông trong thời kỳ cùng cực nhất.

Pác-vút đi dạo với ông già Đốttrơ trong sân chơi. Tôi cũng hay nhập bọn với họ. Có một tấm ảnh chụp ba chúng tôi trong bếp nhà giam. Ông già Đốttrơ không biết mệt mỏi này tìm cách vượt ngục cho cả nhóm, ông lôi kéo Pác-vút dễ dàng và kiên trì mời mọc tôi. Tôi phản đối vì bị lôi cuốn bởi tầm quan trọng chính trị của phiên tòa sắp mở. Nhưng Đốttrơ để lộ cho quá nhiều người biết dự kiến của mình. Một giám

thị tìm thấy bộ dụng cụ sửa khóa trong thư viện nhà tù, nơi trung tâm của chiến dịch. Thật ra lãnh đạo nhà tù muốn lấp liếm chuyện này vì họ ngờ bọn cảnh binh lén đưa bộ đồ nghề vào để thay đổi chế độ nhà tù. Tuy nhiên lần vượt ngục thứ tư của Đốttrơ được tổ chức ở Xibêri chứ không phải từ nhà tù Pêtécbuva.

Sự phân biệt giữa các khuynh hướng trong đảng lại diễn ra mạnh mẽ sau thất bại tháng Chạp. Việc Duma bị giải tán phản chiếu mọi vấn đề của cuộc cách mạng. Tôi viết một cuốn sách nhỏ mang tính chiến lược về các vấn đề này và được Lenin cho in tại một nhà xuất bản bên-sê-vích. Những người men-sê-vích đã rút lui trên toàn trận tuyến. Nhưng những mối quan hệ giữa các khuynh hướng trong nhà tù không quá gay gắt như bên ngoài. Điều này cho phép chúng tôi viết một công trình tập thể về Xô-viết Pêtécbuva, có sự công tác của cả những người men-sê-vích.

Vụ án các đại biểu Xô-viết mở ra ngày 19 tháng Chín trong những tuần lễ "trăng mật" của các tòa án quân sự đặc biệt Xtôlupin [Stolypine]. Sân của tòa Pháp đình và các phố lân cận biến thành một trại lính. Toàn bộ lực lượng cảnh binh Pêtécbuva được huy động. Nhưng bản thân vụ xét xử diễn ra khá tự do: bọn phản động muốn làm tổn hại vĩnh viễn uy tín của Vittê bằng cách phơi trần "tư tưởng tự do" và sự yếu đuối của ông trước cách mạng. Khoảng bốn trăm nhân chứng được nêu tên, trong đó hơn hai trăm người đến hầu tòa và khai báo. Công nhân, nhà sản xuất, cảnh binh, kỹ sư, người ở, thường dân, nhà báo, nhân viên bưu điện và điện báo, cảnh sát trưởng, học sinh trung học, cô vẫn thành phố, trẻ quét sân, nghị sĩ, bọn du côn, đại biểu, giáo sư và lính - tất cả đều qua trước tòa án dưới hòa lực chống chéo của những câu hỏi phát ra từ bục diễn đàn và hàng ghế quan tòa, biện lý, bào chữa và bị cáo - nhất là từ phía bị cáo - họ đi từng bước, nhích từng tí một, tái hiện cả thời kỳ hoạt động của Xô-viết công nhân. Các bị cáo được thanh minh. Tôi nói về chỗ đứng của cuộc khởi nghĩa vũ trang trong cách mạng, thế là đạt được mục đích chính. Khi tòa án từ chối cho gọi nghị sĩ Lôpukhin [Lopoukhine] - ông này vào mùa thu 1905 đã mở ra một nhà in trong một ban ngành của cục cảnh sát, ủng hộ việc khủng bố -, chúng tôi đình chỉ cuộc đối thoại và đòi trở lại nhà giam. Các trạng sư, nhân chứng và công chúng cũng theo bước chúng tôi rời phiên tòa. Quan tòa còn trở lại với biện lý. Họ tuyên án trong lúc chúng tôi vắng mặt. Biên bản tốc ký của phiên tòa đặc biệt kéo dài một tháng này cho đến nay vẫn chưa được công bố, thậm chí tôi cho là cũng chưa tìm lại được. Tôi đã thuật lại các chi tiết chính yếu trong cuốn sách 1905 của mình.

Cả cha và mẹ tôi đều đến dự phiên tòa. Hai cụ có phản ứng khác nhau trước những gì thấy được. Hành động của tôi không còn có thể giải thích như một trò quá trốn con trẻ như thời tôi ở Nhicôlaiép, trong vườn của Sovigópki. Tôi đã là tổng biên tập nhiều tờ báo, là chủ tịch Xô-viết, là nhà văn có tên tuổi. Những điều này làm các cụ vị nể. Mẹ tôi trò chuyện với các trạng sư, cố lắng nghe và nghe mãi những điều tốt đẹp về tôi. Khi tôi nói, bà không hiểu hết nội dung và lặng lẽ khóc. Rồi mẹ tôi nức nở khi chừng hai chục trạng sư lần lượt đến bắt tay tôi. Trước đó, một trong số những trạng sư đề nghị tòa tạm ngưng do sự xúc động chung. Đó là A.S. Darútnei [Zaroudny], sau này là bộ trưởng Tư pháp trong nội các Kêrenxki và chính ông đã bỏ tù tôi vì tội phản quốc. Nhưng đây là chuyện của mười năm về sau...

Trong giờ giải lao, các cụ nhìn tôi vẻ hạnh phúc tràn trề. Mẹ tôi chắc mẫm chẳng những tôi sẽ được tha bổng mà người ta còn phải gán cho tôi một huân chương gì đó. Tôi quả quyết với mẹ rằng bà phải chuẩn bị tư tưởng về việc tôi sẽ bị kết án khổ sai. Hoảng hốt và ngỡ ngác, hết nhìn tôi lại nhìn các trạng sư, bà cố hiểu tại sao mọi sự lại như thế. Cha tôi mặt nhợt nhạt, lặng lẽ ngồi vừa sung sướng vừa rã rời.

Chúng tôi bị tước mọi quyền công dân và bị đày đi một nơi được quy định. Có thể coi đây là một bản án tương đối nhẹ, chúng tôi tưởng sẽ bị kết án khổ sai. Nhưng bị đày đi một nơi quy định hoàn toàn không giống loại câu lưu hành chính như tôi bị lần đầu. Đày ải kiểu này là vô thời hạn, mọi mưu toan trốn chạy bị phạt thêm ba năm khổ sai. Việc đánh bốn mươi lăm roi kèm theo hình phạt đã bị bãi bỏ trước đó hai ba năm.

Tôi viết cho vợ ngày 3 tháng Giêng 1907:

Thế là bọn anh bị nhốt ở trại tạm giam được hai tuần nay. Thú thực anh chia tay xà-lim nhà giam tạm bợ này với nỗi bồn chồn căng thẳng. Anh đã quá quen với cái lồng nhỏ mà trong đó anh có thể làm việc thả cửa. Ở trại tạm giam, như anh biết, bọn anh sẽ bị nhốt chung - còn gì mệt nhọc hơn nữa? Tiếp đó là những bữa thiêu, bữa bọn và lộn xộn rất quen thuộc trên đường đi đày. Ai mà biết bao giờ bọn anh mới đến được chỗ chỉ định? Và ai đoán được khi nào bọn anh mới trở về từ nơi ấy? Chẳng phải cứ ngồi tịt trong xà-lim 462, đọc sách, viết và chờ đợi lại chẳng hay hơn sao?

Người ta đột ngột chuyển bọn anh qua đây mà không hề báo trước. Họ phát quần áo tù nhân cho bọn anh tại cái sân rộng trước nhà giam. Bọn anh làm từ đầu đến cuối thủ tục ấy với vẻ tò mò của lũ học sinh. Thật ngộ nghĩnh khi thấy kẻ khác mặc quần

xám, áo choàng nỉ xám và mũ xám. Tuy nhiên bọn anh không mang trên lưng con át rô cổ điển. Họ cho phép các anh giữ lại đồ lót và giày. Cả lũ rầu rĩ nhào vào phòng trong bộ quần áo mới...

Việc được giữ lại đôi giày có ý nghĩa to lớn với tôi: tôi giấu một chiếc hộ chiếu tuyệt vời trong đế giày và những đồng tiền vàng trong đôi gót cao.

Tất cả chúng tôi bị dẫn đi đến một thị trấn mang tên -pđốcxơ [Obdorsk], ngoài vòng cực khá xa. Đường sắt gần nhất cách -pđốcxơ một ngàn năm trăm dặm, trạm bưu điện cách tám trăm dặm. Cứ hai tuần mới có thư và báo. Vào thời kỳ bùn lầy mùa xuân và thu, có khi tháng rưỡi, hai tháng liền hoàn toàn không có bưu chính.

Đọc đường, người ta áp dụng những biện pháp an ninh đặc biệt đối với chúng tôi. Đoàn áp tải từ Pêtécbuva không thuộc diện đáng tin cậy. Và quả thật: viên hạ sĩ đứng canh trong toa chờ tù, kiểm soát trần, anh đọc cho chúng tôi nghe những bài thơ cách mạng mới nhất. Ở toa bên cạnh, một tiểu đội cảnh binh ngồi, họ bao quanh xe chúng tôi ở mỗi nhà ga. Đồng thời chính quyền nhà tù rất tử tế với chúng tôi. Cán cân cách mạng-phản cách mạng vẫn còn dao động, chưa thể biết ai sẽ thắng. Viên sĩ quan chỉ huy cả đoàn bắt đầu bằng việc cho chúng tôi xem quyết định của cấp trên cho phép không còng tay chúng tôi, dù pháp luật bắt buộc như vậy.

Ngày 11 tháng Giêng, tôi viết như sau cho vợ về cuộc hành trình:

Nếu anh nói viên sĩ quan tỏ ra ân cần và lịch sự thì khỏi phải nói về lính tráng của y: gần như tất cả đều đọc bản tường thuật vụ xét xử các anh và họ bày tỏ nỗi đồng cảm nồng hậu nhất. Cho đến phút cuối những người lính không biết họ phải áp tải ai và áp tải đi đâu. Cứ dựa vào cung cách thận trọng mà người ta điều họ từ Mátxcova đến Pêtécbuva, họ tưởng sẽ hộ tống những tử tù đến Solút xen buva [Schlüsselbourg] để hành quyết. Trong sân trước nhà giam, anh nhận thấy đoàn áp tải rất xúc động và ân cần lạ lùng, dường như họ cũng có chút tâm thức tội lỗi. Chỉ khi lên tàu anh mới hay lý do. Họ mừng rỡ biết bao khi biết đoàn "đại biểu công nhân" do họ dẫn độ chỉ bị kết án đi đày thôi. Một số cảnh binh đi hộ tống không hề chú ý mũi vào toa bọn anh. Họ chỉ gác vòng ngoài: bao quanh xe tại các trạm ga, đứng canh trước cửa và có vẻ như họ chỉ giám sát đám lính áp tải là chính.

Những lá thư viết dọc đường được đội áp tải ngâm thả vào các thùng thư.

Chúng tôi đi xe lửa đến Chiumen [Tioumen], từ đó chuyển sang xe ngựa trượt. Mười bốn người đi đày mà có tới năm mươi hai lính hộ tống, chưa kể viên đại úy, một viên đội và một hạ sĩ quan. Chúng tôi có cả thấy bốn mươi hai xe trượt. Từ Chiumen chúng tôi qua Tôbônxcơ [Tobolsk] dọc sông Ôbi [Obi].

Tôi viết về cho vợ:

Trong thời gian gần đây, mỗi ngày bọn anh vượt từ chín trăm đến một ngàn dặm về phía Bắc, tức là ngót một vĩ độ. Do việc di chuyển liên tục ấy, sự suy giảm văn hóa - nếu có thể nói đến văn hóa ở đây - hiện hiện trước mắt bọn anh một cách gay gắt đến độ nhức mắt. Mỗi ngày, bọn anh tụt xuống thêm một bậc thang gần vương quốc lạnh lẽo và man rợ.

Sau khi đã vượt qua những vùng có bệnh dịch tả hoành hành, ngày 12 tháng Hai, ngày thứ ba mươi ba của cuộc hành trình, chúng tôi đến Bêrêđốp [Bérezov], nơi xưa kia bạn chiến đấu của Piôt [Pierre] Đệ nhất, hoàng thân Mensicốp [Menchikov] đã sống thời đày ải. Người ta cho chúng tôi nghỉ hai hôm tại đây. Chúng tôi còn phải đi khoảng năm trăm dặm nữa mới đến -pđốcxơ. Chúng tôi được dạo chơi tự do. Nhà chức trách không lo có ai bỏ trốn từ đó. Chỉ có độc nhất một con đường về dọc sông Ôbi, theo đường dây điện báo: mọi kẻ trốn chạy đều bị tóm cổ ngay.

Ở Bêrêđốp có một nhân viên trách địa bị đi đày tên là Rótscôpxki [Rochkovsky]. Tôi tranh luận với anh về kế hoạch chạy trốn. Anh nói có thể thử bằng cách đi thẳng về hướng Tây dọc sông Xôtxva [Sosva], phía núi Uran [Oural]. Bằng một cỗ xe tuần lộc, có thể đến những phân xưởng hầm mỏ, cạnh nhà máy Bôgôtxlôpxki [Bogoslovsky] có một đường sắt hẹp, lên tàu đi đến Cútsva [Kouchva], nơi đó nối với đường sắt lớn Pécmơ [Perm]. Từ đây có thể đi Pécmơ, Viátca [Viatka], Vôlôcđa [Vologda], Pêtécbuva, Hêndinhphô...

Tuy nhiên dọc sông Xôtxva không có đường xá gì hết. Quá Bêrêđốp là xứ sở hoang dã và căm lăng vĩnh cửu. Hàng ngàn dặm không một đồn cảnh binh, không đâu có một quần cư của người Nga. Chỉ có rải rác những lều trại của dân -txchiắc [Ostiak] du mục. Nói gì đến điện báo! Ngay cả ngựa cũng không

có, đi đường chỉ nhờ lũ tuần lộc. Cảnh binh không thể đuổi kịp. Nhưng có nguy cơ lạc trong hoang mạc, trong tuyết. Lúc ấy là tháng Hai, thời kỳ của những trận bão tuyết...

Bác sĩ Phâytor [Feit] - một nhà cách mạng già, thành viên nhóm chúng tôi - dạy tôi cách giả đau thần kinh tọa, nhờ vậy tôi được ở lại thêm vài ngày tại Bêrêđốp. Tôi thực hiện thành công cái phần không đáng kể ấy của kế hoạch đã định. Ai cũng biết không thể kiểm tra được việc đau thần kinh tọa. Tôi được vào bệnh viện, ở đó nội quy hoàn toàn thoải mái. Tôi biến khỏi đây mấy tiếng liền mỗi khi thấy mình "khá hơn". Thầy thuốc khuyến khích tôi đi dạo. Như đã nói, không ai lo tù trốn khỏi Bêrêđốp vào mùa này trong năm. Cần phải quyết định. Cuối cùng tôi đồng ý chọn hướng Tây: thẳng tới núi Uran.

Rôtscôpxki hỏi ý kiến một nông dân trong vùng có tục danh là "Chân dê". Con người bé nhỏ, khô khan và thận trọng ấy trở thành người tổ chức vụ trốn chạy. Ông cộng tác hoàn toàn vô tư với chúng tôi. Khi vai trò bị lộ, "Chân dê" bị trừng phạt rất tàn nhẫn. Sau cách mạng tháng Mười khá lâu, "Chân dê" mới biết chính tôi là người được ông giúp đỡ mười năm trước. Mãi năm 1923, ông đến chỗ tôi tại Mátxcova và khiến tôi vô cùng mừng rỡ. Chúng tôi mặc trang phục đại lễ của Hồng quân cho ông, đưa ông đi nhiều nhà hát, biểu ông máy hát và vô số thứ quà khác. Sau đó ít lâu, ông già mất tại quê hương vùng cực Bắc của ông.

Từ Bêrêđốp, chúng tôi phải xuất phát bằng một cỗ xe tuần lộc. Tất cả việc thành bại chỉ xung quanh vấn đề có tìm nổi người hướng đạo chịu mạo hiểm đi vào con đường nguy hiểm vào mùa này không? "Chân dê" tìm được một anh chàng người Durian [Zyriane], khéo léo và giàu kinh nghiệm như đa số dân thuộc bộ tộc đó.

- Nhưng anh ta không say đấy chứ?

- Không say là thế nào? Y uống bí ti ấy chứ. Nhưng anh ta nói thạo tiếng Nga, tiếng Durian và hai thổ ngữ -txchiắc ở hạ lưu và thượng lưu, những tiếng ấy hầu như không giống nhau. Không thể tìm đâu một người đánh xe như thế đâu: một tay lái cá đấy.

Chính cái tay lái cá ấy sau này đã phản bội "Chân dê". Nhưng hắn giúp tôi tẩu thoát thành công.

Thời điểm khởi hành được dự định vào đêm chủ nhật. Hôm ấy, nhà chức trách địa phương tổ chức một buổi biểu diễn sân khấu nghiệp dư. Tôi xuất đầu lộ diện ở trại lính, cũng là nơi dựng rạp hát. Rồi tại đó tôi gặp tay phụ trách cảnh binh tinh, tôi bảo với ông ta rằng tôi đã khá lên rất nhiều và có thể đi -pđôcxơ vào những ngày gần nhất. Tất cả mưu mẹo này đều khá xấu xa nhưng tôi không thể bỏ qua.

Khi đồng hồ đánh mười hai tiếng, tôi lên đến sân nhà "Chân dê". Một xe trượt tuyết nông dân đã sẵn sàng ở đó. Tôi nằm dài trong xe, lưng lót một áo lông. "Chân dê" phủ lên tôi một lớp rom lạnh giá và đóng băng, ông buộc chéo lại và chúng tôi khởi hành. Bỏ rom tan băng và những dòng suối nhỏ lạnh toát chảy ràn rụa trên mặt tôi.

Được vài dặm chúng tôi dừng lại. "Chân dê" mở dây thùng. Tôi bò ra khỏi đồng rom. Người đánh xe huyết sáo. Có những tiếng đáp lại, tiếc là đó là tiếng người say rượu. Anh chàng Durian đã quá chén và anh ta còn mang theo bạn bè. Bước đầu như thế là bất lợi nhưng không còn cách lựa chọn nào khác. Tôi chuyển sang chiếc xe tuần lộc cùng gói hành lý nhỏ của mình. Tôi mặc trên người hai áo lông - một có lông bên trong, một đệm lông ngoài -, một tất lông và ủng lông, mũ bọc lông hai lớp và đôi giày cũng vậy, tóm lại tôi có một bộ trang phục y hệt người -txchiắc. Trong gói hành lý tôi có vài chai rượu: thứ hàng trao đổi đáng tin cậy nhất trong hoang mạc tuyết phủ này.

Xvéctrocôp viết trong hồi ký:

Từ trên tháp cứu hỏa thành Bêrêđốp, có thể quan sát - ít nhất trong vòng một dặm - mọi cử động trên nền tuyết trắng theo hướng ra ngoài thành phố hoặc ngược lại. Một giả thuyết có lý là cảnh sát sẽ tra hỏi nhân viên trực cứu hỏa xem có ai rời thành phố đêm đó không? Rôtscôpxki sắp xếp cho một người dân - cùng lúc đó - chở một con bê mới làm thịt đi về hướng Tôbônxcơ. Sự việc ấy - ta có thể đoán biết - được ghi nhận và hai ngày sau khi cảnh sát phát hiện ra Trôttxki đã bỏ trốn, họ liền đuổi theo con bê. Như vậy, cảnh sát mất thêm hai ngày nữa...

Nhưng mãi về sau tôi mới biết điều đó.

Chúng tôi theo con đường dọc sông Xốtxa. Người đánh xe chọn lũ tuần lộc trong số một đàn vài trăm con. Thoạt đầu anh chàng say này ngủ gà ngủ gật nhiều lần, những lúc ấy lũ tuần lộc dừng lại. Tình thế thật hiểm nguy với cả hai chúng tôi. Cuối cùng anh ta không phản ứng chút nào khi tôi lay anh. Lúc ấy tôi tháo chiếc mũ khỏi đầu anh, tóc anh nhanh chóng bị phủ bởi một lớp sương tuyết và cái hũ rượu ấy tỉnh dần. Chúng tôi tiếp tục đi. Quả thực là một chuyến đi tuyệt vời trong sa mạc tuyết tinh nguyên, giữa vương quốc của những khóm thông và dấu chân thú vật. Lũ tuần lộc chạy rất hăng, chúng thè lưỡi thờ hồng hộc: tru-tru-tru... Con đường mòn khá hẹp, lũ thú chạy chen chúc và tôi phải ngạc nhiên vì chúng không làm

vướng nhau trong chuyển động. Những con vật kỳ diệu không hề biết đói, biết mệt. Trước khi chúng tôi lên đường, lũ tuần lộc đã nhịn đói một ngày và bây giờ cũng thế, chúng tôi còn đi ít nhất một ngày nữa mà chúng không được ăn. Anh chàng đánh xe giải thích rằng bây giờ chúng mới "lấy đà". Chúng chạy đều đặn không biết mệt, từ tám đến mười dặm một giờ. Tự chúng kiếm ăn lấy. Chúng tôi buộc vào cổ lũ tuần lộc một thanh củi và thả chúng tự do. Sau đó chúng chọn một chỗ mà qua tuyết, chúng đánh hơi thấy mùi rêu. Lũ tuần lộc lấy móng đào thành một hố sâu rồi đầm gần hết thân mình trong đó và lao vào ăn. Đối với những con vật ấy, tôi có tình cảm giống như anh phi công đối với động cơ của anh ta khi đang bay ở độ cao vài trăm mét trên đại dương. Một trong ba con tuần lộc, con đầu, bị sỏi cẳng. Chúng tôi hoảng sợ biết mấy! Phải thay nó. Chúng tôi đi tìm lều trại của người -txchiác. Những trại này rải rác cách nhau vài chục dặm. Người dẫn đường của tôi, chỉ nhờ những dấu hiệu nhỏ nhặt nhất, vẫn tìm ra một điểm cư ngụ du mục. Anh ta cảm thấy mùi khói từ nhiều dặm xa.

Chúng tôi mất hơn một ngày để thay tuần lộc. Nhưng bù lại, lúc bình minh tôi được chứng kiến một cảnh tượng tuyệt vời: ba người -txchiác dùng dây thòng lọng bắt lũ tuần lộc trong đàn vài trăm con, có chó săn đuổi theo. Chúng tôi lại đi, khi qua rừng, lúc qua đầm lầy tuyết phủ. Có lúc chúng tôi vượt qua những cánh rừng mênh mông bị lửa thiêu trụi. Chúng tôi đun tuyết lấy nước và dùng nó nấu trà. Người dẫn đường của tôi ưa rượu hơn nhưng tôi cảnh giác kiểm soát và ngăn anh không vượt quá giới hạn.

Con đường bề ngoài có vẻ giống nhau, kỳ thực chúng thay đổi luôn. Cứ nhìn dáng những con tuần lộc thì biết. Bây giờ chúng tôi đi qua một khoảng trống: giữa những bụi cây phong và lòng sông. Chúng tôi đi rất khó nhọc. Gió xóa ngay trước mắt chúng tôi những vệt nước hẹp mà xe trượt để lại. Con tuần lộc thứ ba cứ mỗi phút lại chệch khỏi đường. Nó lún vào tuyết đến bụng hoặc hơn thế nữa, cố leo lên đường bằng vài cú nhảy chơi vơi, ép con ở giữa và xô con dẫn đường sang một bên. Đoạn tiếp cuộc hành trình được mặt trời sưởi ấm nên càng khó đi, làm dây cương bị đứt hai lần: cứ mỗi lần chúng tôi dừng lại, dây xe đóng băng dính chặt vào lòng đường và không thể lung lay được. Sau hai chặng đầu, lũ tuần lộc mệt mỏi trông thấy...

Nhưng rồi mặt trời lặn, đường đóng băng và chúng tôi lại rong ruổi dễ dàng hơn. Đường mềm, không lún là loại tốt nhất, theo người đánh xe. Lũ tuần lộc rảo chân êm ru và thoải mái kéo chiếc xe. Cuối cùng chúng tôi tháo dây cương con thứ ba và buộc nó sau xe vì không còn phải kéo nặng nữa, lũ tuần lộc hay chạy chệch có thể làm vỡ trục xe. Xe chúng tôi trượt đều đều, không tiếng động như một con thuyền trên mặt hồ phẳng như gương. Trong cảnh tranh tối tranh sáng dày đặc ấy, rừng như to lớn hơn. Tôi tuyệt đối không nhận ra đường và hầu như không cảm thấy chuyển động của xe. Những hàng cây như bị phù phép vù đi cạnh chúng tôi, những bụi cây biến mất trong nháy mắt, những gốc cây gãy đầy tuyết phủ, những cây phong lênh khênh gần như bay vút cạnh xe. Tất cả đầy vẻ bí hiểm. Tru-tru-tru..., hơi thở đều đặn và vôi vã của lũ tuần lộc vang lên trong bầu không khí tĩnh lặng như tờ của rừng buổi đêm.

Chuyến đi kéo dài một tuần. Chúng tôi đi được bảy trăm cây số và đến gần Uran. Trên đường, càng ngày chúng tôi càng gặp nhiều đoàn người chờ xe trượt. Tôi tự xưng với mọi người là kỹ sư trong đoàn thám hiểm địa cực của bá tước Tôn [Toll]. Gần đến Uran, chúng tôi gặp một ông, xưa đã tham gia đoàn thám hiểm ấy và biết thành phần của đoàn. Ông hỏi tôi dồn dập. May mà ông ta say rượu. Tôi tìm được lối thoát bằng chai rượu rum tôi mang theo người để phòng mọi hậu họa. Sau đó, mọi sự xảy ra đều tốt đẹp.

Ở vùng Uran đã có thể đi lại bằng ngựa. Tại đây tôi xưng là viên chức và đến được con đường sắt nhỏ cùng một viên thuế vụ đang đi kiểm tra trong vùng. Cảnh sát nhà ga thờ ơ nhìn tôi trút bỏ những chiếc áo lông của dân -txchiác.

Trên con đường nối với đường sắt Uran, tình hình tôi hoàn toàn chưa đảm bảo. Tại nhánh đường sắt này, mọi người "lạ mặt" đều bị để ý, người ta có thể bắt tôi tại bất kỳ một nhà ga nào theo điện tín gửi từ Tôbônxcơ. Tôi sống trong nỗi hồi hộp thường xuyên. Nhưng hai mươi tư giờ sau, khi lên toa tàu ẩm cứng ở Pécmơ, tôi cảm thấy mình đã thắng cuộc.

Con tàu qua những ga mà cách đây ít lâu những cảnh binh, đội áp tải và chỉ huy cảnh binh đã đón tiếp chúng tôi long trọng đến mức nào. Nhưng lần này tôi đi theo hướng ngược lại với những tình cảm hoàn toàn khác. Những phút đầu trên toa tàu rộng và hầu như trống không, tôi thấy sao chật hẹp và ngột ngạt! Tôi ra đầu toa, ở đó gió lộng và tối tăm, tôi kêu to không tự chủ từ lồng ngực - tiếng reo của niềm vui và tự do!

Tại chỗ dừng đầu tiên, tôi đánh điện cho vợ tôi và bảo cô ra đón ở một đầu mỗi đường sắt. Vợ tôi không ngờ nhận được bức điện này hoặc ít nhất cũng không ngờ lại nhận được nhanh thế. Điều đó thật dễ hiểu. Đường về Bêrêdốp kéo dài hơn một tháng. Báo chí Pêtécbuva mô tả rất chi tiết cuộc hành trình lên phương Bắc của chúng tôi. Những lá thư viết trên đường đi, giờ mới đến nơi. Ai nấy đều tưởng tôi còn trên đường đi -pđócxcơ. Thế mà đường về chỉ mất mười một ngày. Rõ ràng là vợ tôi không thể ngờ tới cuộc gặp

gõ tại vùng lân cận Pêtecua. Và như thế càng hay: chúng tôi vẫn cứ gặp nhau!

Thử xem N.I. Xêđốpva kể lại chuyện này như thế nào trong hồi ký của cô:

Nhận được bức điện ở Têriôki [Térioki] - một thị trấn Phần Lan gần Pêtecua, nơi tôi sống hoàn toàn lẻ loi với đứa con trai nhỏ -, tôi không thể ngồi yên một chỗ vì cảm động và mừng vui. Cùng ngày tôi nhận được lá thư của L.T., anh viết dọc đường khi đi. Lá thư này - ngoài việc mô tả chuyến đi - còn dặn tôi đem cho anh sách vở và những vật dụng cần thiết ở phương Bắc, nếu sau này tôi đi -pđôcxơ. Tất cả có vẻ như anh thay đổi ý định đột ngột và giờ đây anh lao trở về trên những con đường không thể theo dõi được và hẹn tôi ở một trạm ga nơi các tàu gặp nhau. Nhưng lạ thay, tên nhà ga biến mất khỏi bức điện. Sáng hôm sau tôi đến Pêtecua và cố tìm trong sách chỉ dẫn tên nhà ga mà tôi phải mua vé. Tôi không dám hỏi han gì và lên đường mà thực chất cũng không biết phải xuống ở ga nào. Tôi mua vé đi Viátca và lên đường vào buổi tối. Toa tàu đầy những diên chủ vừa đi mua thực phẩm từ các cửa hiệu sang trọng tại Pêtecua, họ về nhà để tổ chức vũ hội hóa trang. Cuộc nói chuyện chỉ xoay quanh bánh trắng, trứng cá muối, cá, rượu vang và những thứ tương tự; chúng làm tôi khó chịu - tôi lo lắng khi nghĩ đến đêm hẹn và khắc khoải vì ý nghĩ về những tai họa ngẫu nhiên có thể xảy ra... Tuy vậy trong thâm tâm tôi vẫn hi vọng sẽ gặp anh. Tôi vô cùng sốt ruột chờ buổi sáng khi chuyển tàu ngược lại vào ga Xaminô [Samino] - tôi mới biết tên ga dọc đường và sẽ ghi nhớ suốt đời. Hai đoàn tàu dừng lại, cả tàu tôi đi và chiếc ngược chiều. Tôi nhào ra ga: chẳng có ai! Tôi lại nhảy lên chiếc tàu kia, hoảng hốt tột độ, tôi chạy qua các toa: cũng không có ai. Cuối cùng tôi thấy chiếc áo lông của L.D. trong một toa - như vậy, anh ở đây, đúng là ở đây! Nhưng đâu? Tôi ào xuống tàu và lao ngay vào vòng tay L.D., anh vừa chạy ra từ nhà ga và cũng tìm tôi. L.D. giận dữ vì bức điện của anh bị đánh sai và anh định làm ầm ĩ ngay lập tức. Phải khó khăn lắm mới làm anh dịu đi. Khi đánh điện cho tôi, tất nhiên anh hiểu có thể không phải tôi mà lũ cảnh sát sẽ đón anh ở ga. Nhưng anh nghĩ có tôi anh sẽ dễ chịu hơn ở Pêtecua và anh tin vào số phận may mắn của mình. Chúng tôi vào ngồi trong toa và cùng nhau tiếp tục cuộc hành trình. Tôi ngạc nhiên về thái độ nhẹ nhõm và vẻ hồ hởi của L.D., anh cười và nói to trên tàu cũng như ở các ga. Tôi lại muốn biến anh thành người vô hình, cắt đứt anh thật kỹ bởi anh có nguy cơ bị tù khổ sai vì tội đào tẩu. Thế mà anh lại ngồi trong toa, ngay trước mắt mọi người và bảo tôi đây là phương sách tự vệ tốt nhất.

Từ nhà ga, chúng tôi đến thẳng Học viện Pháo binh, nơi ở của những người bạn tin cậy của chúng tôi. Chưa khi nào trong đời, tôi thấy những bộ mặt sừng sốt như lúc ấy trong gia đình Litkenxơ. Tôi đứng đó - giữa phòng ăn lớn - tựa một bóng ma và ai nấy đều nín thở ngắm tôi. Sau khi chúng tôi ôm hôn mọi người, một lần nữa họ lại ngạc nhiên và không tin vào mắt mình. Cuối cùng, họ cũng phải thừa nhận: đúng là tôi. Đến giờ tôi còn cảm thấy những giây phút ấy mới hạnh phúc làm sao! Nhưng hiểm nguy vẫn tồn tại, còn xa tôi mới thoát được chúng. Bác sĩ là người đầu tiên nhắc nhở tôi điều đó. Thậm chí, trong một ý nghĩa nhất định, chỉ từ giờ những nguy hiểm mới thực sự bắt đầu. Chắc chắn người ta đã gửi những bức điện từ Bêrêđốp thông báo việc tôi mất tích. Ở Pêtecua, rất nhiều người thuộc Xô-viết công nhân quen biết tôi. Vợ tôi và tôi quyết định đi Phần Lan, nơi các quyền tự do đạt được trong cách mạng vẫn được duy trì lâu hơn nhiều so với ở Pêtecua. Điềm nguy hiểm nhất là nhà ga Phần Lan. Ngay trước lúc tàu sắp khởi hành, vài sĩ quan cảnh binh lên tàu và kiểm tra các toa. Vợ tôi ngồi đối diện cửa sổ, nhìn vào mắt cô tôi biết nguy cơ lớn thế nào. Chúng tôi căng thẳng thần kinh đến tột độ trong vòng một phút nhưng các cảnh binh hoàn toàn bình thần nhìn chúng tôi rồi đi tiếp. Họ không thể làm gì tốt hơn thế.

Cả Lênin và Máctốp đã rời Pêtecua từ lâu và sống ở Phần Lan. Sự hòa nhập giữa các phe phái diễn ra ở Đại hội Xtóckhôm [Stockholm] tháng 4-1906 đã lại bắt đầu nứt nẻ. Cách mạng tiếp tục thoái trào. Phái men-sê-vích đồng thanh hối tiếc những việc họ phạm phải năm 1905. Những người bên-sê-vích không hối tiếc gì hết, họ đặt mục tiêu làm nổ ra một cuộc cách mạng mới. Tôi đến thăm Lênin và Máctốp ở các đô thị bên cạnh. Như mọi lần, phòng của Máctốp lộn xộn kinh khủng, tại góc nhà có một núi báo cao bằng đầu người. Khi nói chuyện, Máctốp thỉnh thoảng lại lao đầu vào đồng ấy và lấy ra các bài báo ông cần. Bàn làm việc đầy những bản thảo lấm tẩm tàn thuốc lá. Hai tròng kính cặp mũi cầu bần lủng lẳng trên cái mũi thon

mảnh của ông. Như thường lệ, Máctốp có vô số ý tưởng thông minh và sắc sảo nhưng ông thiếu một ý tưởng quan trọng nhất: không biết sắp tới mình sẽ làm gì.

Như mọi lần, phòng của Lênin luôn có một trật tự hoàn hảo. Ông không hút thuốc. Những tờ báo cần thiết được đánh dấu và luôn có sẵn trong tầm tay. Và quan trọng nhất: khuôn mặt giản dị nhưng khác thường của ông ánh lên vẻ cứng rắn và lòng tự tin kiên nhẫn.

Chưa rõ cách mạng thực sự thoái trào hay chỉ tạm dừng bước đôi chút trước khi cất cánh. Nhưng dù thể này hay thể khác, cần phải chiến đấu chống bọn hoài nghi, phải xem lại về mặt lý luận những kinh nghiệm năm 1905, phải đào tạo cán bộ cho một phong trào mới hoặc một cuộc cách mạng tiếp theo. Lênin nói ông thích những bài viết trong tù của tôi nhưng trách tôi không rút được những kinh nghiệm cần thiết về mặt tổ chức, nghĩa là không đứng về phía bên-sê-vích. Trong chuyện này ông có lý.

Khi già từ, ông cho tôi một loạt địa chỉ ở Hendingphô, đối với tôi chúng thật vô giá. Những người quen Lênin mách cho tôi đã giúp tôi thu xếp cùng gia đình ở -cbiôn [Oglbion], một nơi thuận tiện gần Hendingphô. Sau chúng tôi, Lênin cũng sống ở đó một thời gian. Viên cảnh sát trưởng Hendingphô là một *phần tử tích cực*, tức là một người Phần Lan có tư tưởng cách mạng quốc gia. Ông hứa sẽ báo cho tôi biết nếu có hiểm nguy đe dọa từ Pêtécboa. Tôi ở -cbiôn vài tuần với vợ và đứa con trai, cháu sinh ra khi tôi đang trong tù. Tại đây, trong cô đơn, tôi viết về cuộc hành trình của mình trong cuốn sách nhỏ *Đi và về*. Bằng tiền nhuận bút nhận được, xuyên qua Xtóckhôm tôi ra nước ngoài. Vợ và con tôi tạm thời phải ở lại Nga. Một chị *tích cực* trẻ người Phần Lan đưa tôi đến biên giới. Hồi ấy họ còn là bạn chúng tôi. Năm 1917 các phần tử tích cực thay lông đổi cánh thành phát-xít và là kẻ thù tệ hại của Cách mạng tháng Mười.

Trên một tàu hơi nước Bắc Âu, tôi bắt đầu một chuyến di tản mới, lần này sẽ kéo dài mười năm.

CHƯƠNG XVI

LƯU VONG LẦN THỨ HAI VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI ĐỨC

Đại hội đảng 1907 họp ở một nhà thờ theo xu hướng xã hội. Đại hội đông đúc, kéo dài, đầy sóng gió và hỗn độn. Tại Pêtécboa, Quốc hội Đuma thứ hai vẫn hội họp. Nhiệt tình cách mạng thuyên giảm nhưng người ta vẫn còn rất đề ý đến nó, kể cả trong chính trường Anh. Những người tự do có tên tuổi mời các đại biểu danh tiếng nhất của Đại hội đến nhà để trưng với khách của họ. Tuy nhiên, thoái trào cách mạng bắt đầu và thể hiện bằng sự hăng hực của quỹ đảng. Không đủ tiền để kết thúc Đại hội, chưa nói gì đến việc đưa các đại biểu ra về. Khi cái tin buồn bã ấy được thông báo dưới vòm nhà thờ, cắt đứt cuộc tranh luận xung quanh vấn đề khởi nghĩa vũ trang, các đại biểu ngạc nhiên và lo lắng nhìn nhau. Làm gì bây giờ? Chẳng lẽ cứ ở mãi trong cái nhà thờ Lônđôn? Nhưng rồi xuất hiện một lối thoát hoàn toàn bất ngờ. Một nhà tự do Anh bằng lòng cho cách mạng Nga mượn ba ngàn đồng bảng Anh, nếu tôi nhớ không nhầm, nhưng ông đòi hỏi tất cả các đại biểu của Đại hội phải ký nhận tờ "hối phiếu cách mạng". Ông nhận được một tờ giấy chứa vài trăm chữ ký, viết bằng đủ các thứ chữ của mọi dân tộc ở Nga. Nhưng ông người Anh ấy còn phải đợi lâu mới được hoàn trả khoản tiền nợ. Trong những năm thuộc thời kỳ phản động và chiến tranh, đảng không dám nghĩ đến việc trả những món tiền như thế. Chỉ chính phủ Liên Xô mới thanh toán được món nợ của Đại hội Lônđôn. Cách mạng thực hiện nghĩa vụ của mình, mặc dù thường có một sự chậm trễ nào đó.

Trong những ngày đầu của Đại hội, một người có tầm vóc cao, xương xẩu, khuôn mặt tròn, lưỡng quyền cao, đội chiếc mũ tròn chặn tôi ở phía cuối nhà thờ.

- Tôi là người khâm phục ông - người ấy nói với nụ cười vồn vã.

- Khâm phục tôi? - tôi ngạc nhiên hỏi.

Số là ông này nói về bài báo đã kích chính trị tôi viết trong tù. Người nói chuyện với tôi chính là Mácxim [Maxim] Goócki. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông tận mắt.

- Tôi nghĩ không cần chứng tỏ nhiều về chuyện tôi cũng khâm phục ông - tôi đáp.

Hồi đó Goócki gần với những người bên-sê-vích. Cùng đi với ông có một nữ nghệ sĩ rất nổi tiếng, bà Andorâyêva [Andréeva]. Chúng tôi cùng nhau đi dạo khắp Lônđôn.

- Ông thử tưởng tượng xem, chị ấy nói được tất cả các thứ tiếng - Goócki nói và lắc đầu về khâm

phục về phía Andorâyêva.

Bản thân Goóccki chỉ biết tiếng Nga, nhưng ông nói mới hay làm sao!

Khi một người hành khất vừa khép cánh cửa chiếc xe ngựa của chúng tôi, Goóccki quay về phía người phụ nữ, về năn nỉ:

- Phải cho anh ta những đồng xu này thôi.

Andorâyêva đáp lại:

- Cho rồi, Alêsenca [Aléchenka] ạ, anh ta đã nhận rồi mà.

Ở Đại hội Lônđôn, tôi có quan hệ gần gũi hơn với Rôđa Luýchxămbua, người tôi đã quen năm 1904. Đó là một phụ nữ bé nhỏ, thanh mảnh có vẻ bề ngoài gần như ốm yếu; chị có gương mặt quý phái, đôi mắt tuyệt vời và cái nhìn thông minh. Rosa chinh phục mọi người bởi tính tình và tư tưởng cương nghị. Phong cách chắc nịch, chính xác, quyết liệt, mãi mãi phản ánh trí tuệ anh dũng của chị. Đó là một con người đa dạng và giàu sắc thái. Cách mạng và những đam mê, con người và nghệ thuật nhân loại, thiên nhiên cùng chim chóc và cỏ cây đều có thể làm rung lên những dây tơ trong tâm hồn chị.

Chị viết cho Luida [Louise] Caoxki:

Tôi cần một người tin rằng tôi quay cuồng trong con lốc của lịch sử thế giới chỉ do một sự hiểu nhầm mà thôi, kỳ thực tôi sinh ra để chặn ngõng.

Mối quan hệ của tôi với Rôđa không đạt đến mức độ cá nhân thân thiết. Chúng tôi gặp nhau quá ít, quá hiếm hoi. Tôi chỉ khâm phục chị từ xa và rất có thể thời đó tôi chưa đánh giá chị đầy đủ.

Về vấn đề được gọi là "cách mạng thường trực", Luýchxămbua cũng bảo vệ lập trường về nguyên lý như tôi. Một hôm, trong cuộc nói chuyện ngoài hành lang, giữa Lênin và chúng tôi nảy ra một cuộc tranh luận - nửa đùa cợt - về đề tài này. Các đại biểu xúm lại thành nhóm, chen chúc quanh chúng tôi.

- Tất cả chỉ vì chị ấy nói tiếng Nga chưa thạo - Lênin nói về Rôđa.

- Ngược lại, chị nói rất thạo ngôn ngữ chủ nghĩa mác-xít - tôi đáp.

Các đại biểu cười và chúng tôi cùng cười với họ.

Ở Đại hội, tôi lại có dịp trình bày lập trường của mình về vai trò của giai cấp vô sản trong cách mạng tư sản và đặc biệt, quan hệ giữa họ với giai cấp nông dân. Về vấn đề này, Lênin phát biểu trong lời tổng kết:

Quan điểm của Trótxki là giai cấp vô sản và nông dân chung những quyền lợi, chung những lợi ích trong cuộc cách mạng hiện nay...

vì thế

Ở đây, hiển nhiên có sự đồng thuận trong những vấn đề cơ bản của mối quan hệ với các đảng tư sản.

Chỉ cần nói ngắn ấy về câu chuyện thêu dệt rằng năm 1905, dường như tôi đã "lờ đi" giai cấp nông dân.

Cũng phải nói thêm là bài phát biểu của tôi tại Đại hội Lônđôn năm 1907 - bây giờ tôi vẫn thấy tuyệt đối đúng - đã được in lại nhiều lần sau cách mạng tháng Mười như một hình mẫu về quan hệ của người bôn-sê-vích với giai cấp nông dân và tư sản.

Từ Lônđôn, tôi đi Béclin để gặp vợ tôi, cô phải đến từ Pêtécbuva. Khi ấy, cả Pácvút cũng đã vượt ngục từ Xibêri. Ở Đrétxđen [Dresden], anh giải quyết việc in ấn cuốn *Đi và về* trong nhà in xã hội dân chủ của Cađen [Kaden]. Tôi viết thêm một lời tựa về chính bản thân cuộc cách mạng cho cuốn sách ngắn thuật lại vụ tẩu thoát của tôi. Trong vài tháng, bài tựa ấy được phát triển thành một cuốn sách mang tựa đề *Russland in der Revolution* (Nước Nga trong cách mạng).

Tôi cùng vợ tôi và Pácvút đi bộ đến vùng Thụy Sĩ Xăcxông (vùng nói tiếng Đức). Lúc đó vào cuối mùa hè, thời tiết rất đẹp, những buổi sáng hơi lạnh lạnh, chúng tôi uống sữa và hít thở không khí núi. Tôi cùng vợ tôi thử xuống thung lũng bằng những con đường chưa có người đi nhưng việc này suýt làm tôi mất mạng. Sau đó chúng tôi đến Tiệp, vào thành phố nhỏ Hítsobéc [Hirschberg] - nơi nghỉ mát của những viên chức nhỏ - và ở lại đó vài tuần.

Lúc tiền sắp cạn - chuyện này xảy ra khá đều đặn -, Pácvút hoặc tôi viết một bài cho báo chí xã hội dân chủ. Ở Hítsobéc, tôi viết một cuốn sách về đảng Xã hội Dân chủ Đức cho nhà xuất bản bôn-sê-vích ở Pêtécbuva. Trong cuốn này, tôi trình bày lần thứ hai một suy nghĩ (lần đầu vào năm 1905): bộ máy không lồ của đảng Xã hội Dân chủ Đức trong thời điểm xã hội tư bản khủng hoảng có thể trở thành lực lượng chính yếu của trật tự bảo thủ. Nhưng vào thời ấy, bản thân tôi cũng không ngờ giả thuyết lý luận ấy sẽ được chứng tỏ đến mức nào trong thực tế về sau.

Chúng tôi chia tay nhau ở Hítsobéc. Tôi đi dự Đại hội ở Xtútgát [Stuttgart], vợ tôi về Nga với con,

còn Pácvút đi Đức.

Tại Đại hội Quốc tế, người ta còn cảm thấy hơi thở của cách mạng Nga 1905, ai nấy đều theo cánh tả. Nhưng đã có thể nhận ra sự vỡ mộng đối với các phương pháp cách mạng. Người ta còn chú ý chút đỉnh đến các nhà cách mạng Nga nhưng không khỏi mang chút châm biếm: "À, thế là các anh lại trở về với chúng tôi!"

Tháng Hai 1905, khi qua Viên để trở về Nga, tôi hỏi Víchto Átle: ông nghĩ gì về sự tham gia của những người xã hội dân chủ vào Chính phủ Lâm thời trong tương lai? Átle trả lời theo lối nói của ông:

- Các anh còn khối việc phải làm với chính phủ *hiện tại*, bận óc với chính phủ *tương lai* làm quái gì!

Tại Xtútgát tôi nhắc lại câu chuyện này với Átle.

- Thú thực các anh đã gần với Chính phủ Lâm thời hơn là tôi tưởng.

Nhìn chung, Átle rất có thiện cảm với tôi bởi xét đến cùng, quyền phổ thông đầu phiếu ở Áo là một thắng lợi do Xô-viết các đại biểu công nhân Pêtec-bua dành được.

Quensơ [Quelch] - đại biểu Anh, người đã giúp tôi vào được Bảo tàng Anh quốc năm 1902 - phát biểu không được lễ độ cho lắm tại Đại hội Xtútgát, ông gọi cuộc họp các nhà ngoại giao là *hội nghị của bọn cướp*. Điều này hiển nhiên không làm hài lòng hoàng thân Buylốp [Bülow], vì thế dưới áp lực của Béclin, chính quyền miền Vuôctenbéc [Württemberg] đã trục xuất Quensơ. Bében cảm thấy không tự chủ được. Nhưng đảng không dám làm gì để chống lệnh trục xuất. Họ không tổ chức nổi đến một cuộc biểu tình để phản đối. Đại hội Quốc tế xử sự như một bầy học sinh: đưa to mồm bị tổng khối lớp và lũ còn lại thì lạng thình. Dù con số đảng viên đảng Xã hội Dân chủ có lớn đến mấy, người ta thấy rõ sự yếu ớt của nó.

Tháng Mười 1907, tôi đã ở Viên. Chẳng bao lâu vợ tôi cũng đưa con sang. Trong lúc chờ đợi một làn sóng cách mạng mới, chúng tôi dọn về vùng ngoại ô thành phố ở Hüttendôócphơ [Hütteldorf]. Bảy năm sau chúng tôi rời Viên không cùng với làn sóng cách mạng mà với một thứ khác, đã nhấn chìm cả châu Âu trong bể máu.

Tại sao chúng tôi lại chọn Viên trong khi toàn thể người Nga di cư đều tập trung ở Thụy Sĩ và Pari? Bởi trong giai đoạn đó, đời sống chính trị Đức gần với tôi nhất. Chúng tôi không định cư được ở Béclin vì luôn bị cảnh sát quấy rầy. Thành thử chúng tôi chọn Viên. Nhưng trong vòng bảy năm ấy, tôi theo dõi đời sống Đức còn chăm chú hơn đời sống Áo vì nó quá giống con sóc đang nhào lộn trên chiếc bánh xe.

Tôi biết Víchto Átle từ năm 1902, ông được mọi người công nhận là lãnh tụ của đảng. Giờ đây đã đến lúc tôi làm quen với môi trường trực tiếp của ông, cũng như toàn bộ đảng của ông.

Mùa hè năm 1907, tôi làm quen với Hinhécđinh [Hilferding] tại nhà Caoxki. Lúc đó Hinhécđinh đang ở đỉnh cao cách mạng của mình, điều này không ngăn cản ông căm ghét Rôđa Luytxămbua và coi thường Các Lípnéc [Karl Liebknecht]. Nhưng như nhiều người khác, ông sẵn sàng có những kết luận cấp tiến nhất về nước Nga. Ông khen các bài của tôi mà tờ *Die Neue Zeit* (Thời mới) đã kịp dịch từ báo chí Nga trước khi tôi trốn ra nước ngoài và hoàn toàn bất ngờ đối với tôi, ông đề nghị chúng tôi xưng hô "cậu", "tớ" với nhau ngay khi mới vào đầu câu chuyện. Nhờ vậy quan hệ giữa chúng tôi bề ngoài có vẻ gần gũi. nhưng sự gần gũi ấy không có một cơ sở đạo đức hoặc chính trị nào.

Hồi đó, Hinhécđinh coi thường sâu sắc đảng Xã hội Dân chủ Đức vốn ù lỳ và thụ động, ông đối lập nó với hoạt động tích cực của người Áo. Tuy nhiên lời chỉ trích ấy không vượt quá bốn bức tường. Một cách công khai, Hinhécđinh vẫn là một nhân viên bàn giấy ăn lương của đảng Đức, không hơn không kém. Những lần qua Viên, Hinhécđinh đến thăm tôi và tôi tối ông lại đưa tôi đến quán cà phê với những người bạn mác-xít Áo của ông. Khi qua Béclin tôi cũng đến thăm Hinhécđinh. Một lần chúng tôi gặp gỡ Mác Đôn-an [MacDonald] tại một quán cà phê Béclin. Êđua Béc-ten làm phiên dịch, Hinhécđinh hỏi và Mác Đôn-an trả lời. Giờ đây tôi không còn nhớ những câu hỏi và lời đáp vì chúng chẳng có gì đặc biệt ngoài sự nhàm chán. Trong đầu, tôi tự hỏi: trong số ba người, ai là kẻ đi xa nhất khỏi cái mà tôi thường hiểu là chủ nghĩa xã hội. Tôi không biết phải trả lời thế nào.

Trong thời gian diễn ra cuộc hòa đàm ở Bô-rét-Litôpxơ, tôi nhận được một lá thư của Hinhécđinh. Không chờ điều gì long trời lở đất nhưng tôi vẫn tò mò khi mở phong bì. Từ khi cách mạng tháng Mười diễn ra, đây là tiếng nói trực tiếp đầu tiên từ phương Tây xã hội chủ nghĩa. Và tôi thấy gì? Hinhécđinh đề nghị chúng tôi thả tự do cho một tù nhân thuộc thứ "bác sĩ" rất đông đảo ở Viên. *Bức thư không hề có một chữ nào nói về cách mạng!* Tuy nhiên, Hinhécđinh vẫn xưng "cậu", "tớ" với tôi trong thư. Tôi nghĩ rằng mình hoàn toàn không có một thứ ảo vọng gì về ông. Thế mà tôi vẫn không thể tin vào mắt mình.

Tôi còn nhớ Lênin vồn vã hỏi:

- Người ta bảo đồng chí nhận được thư của Hinhécđinh phải không?

- Vâng.

- Thế nào, ông ta viết gì?
- Xin thả một tù nhân đồng hương.
- Và ông ta nói gì về cách mạng?
- Chẳng nói một chút gì hết.
- Chẳng-nói-một-chút-gì-hết?
- Đúng vậy!
- Không thể thế được!

Lênin trợn mắt như muốn đâm xuyên qua người tôi.

Tôi hơn ông một điểm là tôi đã có thì giờ nghiền ngẫm cái suy nghĩ: đối với Hinphécđinh, cách mạng tháng Mười và tấn thảm kịch Bòrét chỉ là dịp để ông can thiệp giúp một người quen. Tôi miễn cho bạn đọc khỏi phải biết hai ba từ mà Lênin buông ra trong cơn kinh ngạc.

Nhờ Hinphécđinh, tôi làm quen với các bạn của ông ở Viên: -ttô Baeo [Otto Bauer], Mác Átle [Max Adler] và Các Renne [Karl Renner]. Đó là những người rất thông thái, họ tỏ ra hiểu biết hơn tôi trong những lĩnh vực khác nhau. Tôi thích thú, có thể nói tôn kính, theo dõi cuộc nói chuyện đầu tiên của họ ở quán cà phê "Trung tâm". Nhưng chẳng bao lâu, tôi đâm ra ngờ vực: họ không phải là những nhà cách mạng. Hơn thế nữa, họ còn là những điển hình đối lập với mẫu người cách mạng. Điều đó được thể hiện trong mọi thứ: trong cách tiếp cận vấn đề, trong ý kiến về chính trị và đánh giá tâm lý, trong sự tự mãn - tự mãn chứ không phải tự tin -, thậm chí tôi còn phát hiện ra cái nhỏ mọn trong giọng nói của họ.

Điều làm tôi sững sờ là các nhà mác-xít thông thái ấy hoàn toàn bất lực trong việc sử dụng phương pháp mác-xít, khi những vấn đề chính trị lớn - đặc biệt là những bước ngoặt cách mạng - xảy ra. Việc này được chứng thực lần đầu qua trường hợp của Renne. Chúng tôi ngồi đến khuya trong quán cà phê, lúc đó không còn tàu điện đi về Húttendooécphơ nơi tôi ở, thành thử Renne đề nghị tôi nghỉ đêm ở nhà ông. Khi ấy chàng công chức có học thức và tài năng của dòng họ Hápso-bua [Habsbourg] này chưa hề nghĩ rằng số phận bất hạnh của đế chế Áo-Hung - mà anh là trạng sư lịch sử - sẽ đưa anh ta lên chức Quốc trưởng Cộng hòa Áo. Trên đường về nhà từ tiệm cà phê, chúng tôi trò chuyện về triển vọng phát triển của nước Nga, nơi mà trong thời gian ấy, lực lượng phản cách mạng đã củng cố được vị thế của nó. Renne trầm ngâm về vấn đề này theo phép lịch sự và về thờ ơ của một người ngoại quốc có học vấn. Điều làm ông bận tâm hơn nhiều là nội các Áo sắp tới của nam tước Béc [Beck]. Điểm cơ bản trong những ý kiến của ông về nước Nga là Liên minh các địa chủ và giai cấp tư sản - nổi bật trong Hiến pháp của Xtólurpin sau vụ đảo chính ngày 3 tháng Sáu 1907 - hoàn toàn tương ứng với sự phát triển của các lực lượng sản xuất trong nước, bởi vậy Liên minh có mọi cơ may để tồn tại.

Tôi phản bác, theo ý tôi khối lãnh đạo của địa chủ và tư sản thúc đẩy một cuộc cách mạng thứ hai, hẳn sẽ đưa giai cấp vô sản Nga lên nắm chính quyền. Tôi còn nhớ cái nhìn thoáng qua ngạc nhiên và độ lượng của Renne dưới ngọn đèn ga ngoài phố. Chắc ông coi tiên đoán của tôi như một mớ lộn xộn xuất phát từ sự dốt nát, giống như lời tiên tri thần bí kiểu *Khải huyền* mà cách đây vài tháng, một người Áo đã đưa ra trong Đại hội Xã hội Quốc tế ở Xtút-gát; lần ấy ông ta tiên đoán về ngày giờ của cuộc Thế chiến sắp tới.

- Anh nghĩ thế à? - Renne hỏi. - Dĩ nhiên, có thể tôi không biết đầy đủ tình hình ở Nga - ông nói thêm với vẻ lịch sự chết người.

Kéo dài câu chuyện là vô ích: chúng tôi không cùng chung một mảnh đất dưới chân. Rõ ràng đối với tôi, con người ấy xa lạ với biện chứng cách mạng chẳng khác gì vị hoàng đế Ai Cập bảo thủ nhất.

Các ấn tượng đầu tiên của tôi càng sâu hơn về sau này. Những con người ấy biết rất nhiều và - trong khuôn khổ thói quen nghề nghiệp về chính trị - họ có thể viết những bài báo mác-xít xuất sắc. Nhưng họ xa lạ đối với tôi. Tôi càng tin điều này khi phạm vi quan hệ và quan sát của tôi được mở rộng. Lúc họ nói chuyện với nhau, khi thì chủ nghĩa sô-vanh không che đậy, khi thì thối khoác lác của những kẻ kiếm lời nhỏ mọn, khi thì nổi kinh hoàng với cảnh sát, khi thì sự thô thiển với phụ nữ được thể hiện chân thật hơn nhiều so với mọi bài viết của họ. Tôi thăng thốt kêu lên trong lòng:

- Thế mà là một nhà cách mạng ư?

Ở đây, tôi không nói đến những công nhân, ở họ quả thật người ta có thể tìm thấy những nét tiểu tư sản, dĩ nhiên đơn sơ và ngây thơ hơn. Không, tôi tiếp xúc với tinh túy của chủ nghĩa mác-xít Áo thời tiền chiến cũng như với những nghị sĩ, những nhà văn và nhà báo. Qua những dịp gặp gỡ ấy, tôi hiểu dần ra rằng tâm lý cá nhân có thể quấy trộn biết bao yếu tố khác nhau và có một khoảng không trống rỗng ngăn nào giữa sự hấp thụ thụ động một phần nhất định của hệ thống với sự hóa thể tâm lý toàn bộ của chính nó và sự giáo dục nhân cách theo tinh thần của hệ thống. Hình thể tâm lý người mác-xít chỉ có thể hình thành ở giai đoạn có những đảo lộn xã hội, khi cách mạng làm đổ vỡ các truyền thống và phong tục. Ngược lại, nhà mác-xít Áo nhiều khi chỉ là một kẻ nhỏ nhen, anh ta nghiền cứu phần này, phần khác của chủ nghĩa

mác-xít như những kẻ khác học pháp lý và sống trên lợi tức của tư bản. Ở Viên - một thành cổ của một đế chế đầy đấng cấp, tự phụ và hư danh - những viện sĩ của chủ nghĩa mác-xít khoai trá tặng nhau các danh hiệu *Herr Doktor*. Nhiều khi các công nhân gọi họ là *Genosse Herr Doktor*.

Trong bảy năm ở Viên, tôi chưa có lấy một lần trò chuyện cởi mở với bất kỳ ai trong số những chính trị gia thượng đỉnh ấy, dù là thành viên đảng Xã hội Dân chủ Áo, tôi dự các cuộc hội họp, tôi tham gia những cuộc tuần hành, tôi cộng tác làm sách báo và đôi khi diễn thuyết ngắn bằng tiếng Đức. Tôi cảm thấy những nhà lãnh đạo xã hội dân chủ thật xa lạ, đồng thời - không mấy khó khăn - tôi tìm được tiếng nói chung với các công nhân xã hội dân chủ trong các cuộc họp và biểu tình ngày 1 tháng Năm.

Trong những điều kiện như thế, thư từ của Mác và Ăngghen đối với tôi là tập sách không thể thiếu được và vô cùng gần gũi. Bởi lẽ tôi kiểm tra được ở đó - trên đại thể và bằng cách chắc chắn nhất - không chỉ những tư tưởng mà toàn bộ những đánh giá của tôi về thế giới. Các lãnh tụ ở Viên của đảng Xã hội Dân chủ cũng dùng những khái niệm giống như tôi. Nhưng chỉ cần quay quanh trục chừng dăm độ bất kỳ một công thức nào trong số đó là đủ để phủ một nội dung hoàn toàn khác lên cùng một khái niệm.

Mối liên kết của chúng tôi chỉ là tạm thời, hời hợt và ảo tưởng. Thư từ giữa Mác và Ăngghen không phải là phát hiện lý luận đối với tôi: đó là một phát hiện tâm lý. *Toutes Propertinos gardées* - tôi nhận ra từ từng trang sách, rằng tôi rất gần gũi với họ về tinh thần. Họ cũng gần với tôi trong cách đánh giá con người. Tôi đoán được những điều họ chưa nói ra, tôi chia sẻ với họ những cảm tình, những bất bình và những căm ghét. Mác và Ăngghen là những người cách mạng đến tận xương tủy. Và trong khi ấy, ở họ lại không có chút bóng hình nào của tư tưởng giáo phái và khổ hạnh. Cả hai - đặc biệt Ăngghen -, vào bất cứ giây phút nào đều có thể nói được về bản thân họ: không có gì thuộc về con người lại xa lạ đối với họ. Nhưng nhân sinh quan cách mạng mà họ thấu triệt từ tâm não luôn nâng họ vượt khỏi những ngẫu nhiên của số phận và những bất ngờ của con người. Sự ti tiện chẳng những không phù hợp với họ mà cả với sự hiện diện của họ. Những thứ tầm thường không bám nổi vào đế giày của họ. Những lời bình phẩm, thiện cảm, bông đùa của họ - dù bình thường nhất - bao giờ cũng đơm không khí những đỉnh cao tâm hồn. Họ có thể nêu ý kiến chết người về ai đó nhưng bao giờ họ đơm đặt. Họ có thể thẳng tay nhưng không bao giờ xảo trá. Những chói lọi bên ngoài, những chức tước, phẩm hàm, danh hiệu chỉ tạo nên trong lòng họ phản ứng duy nhất: sự khinh bỉ thân nhiên. Những gì mà lũ thiên cận và những bộ óc tầm thường coi là tinh thần quý tộc ở họ, thực chất là ưu thế cách mạng của họ. Dấu hiệu chủ yếu của điều này là sự độc lập hữu cơ và tuyệt đối với công luận trong mọi thời điểm và tình huống. Đọc thư từ của họ tôi cảm thấy rõ ràng - hơn khi đọc sách họ - rằng sợi dây chắc chắn gắn bó mật thiết tôi với thế giới của Mác và Ăngghen khiến tôi không thể dung hòa với những nhà mác-xít Áo.

Những con người này huênh hoang về đầu óc thực tế và năng lực trong công việc, nhưng ngay trong địa hạt đó họ cũng là những kẻ nhỏ mọn. Năm 1907, nhằm tăng những khoản thu nhập, đảng quyết định mở một nhà máy bánh mì riêng. Đó là một sự phiêu lưu lớn, nguy hiểm về nguyên tắc và vô vọng trong thực tiễn. Ngay từ đầu tôi chống lại dự kiến ấy nhưng chỉ nhận được những nụ cười khoan dung về bề trên trong giới mác-xít thành Viên. Gần hai thập kỷ sau, trải qua mọi bất hạnh đủ kiểu, đảng Áo thua lỗ và đành nhượng lại cơ sở này cho tư nhân một cách nhục nhã. Để cự lại sự bất mãn của những công nhân đã gánh chịu rất nhiều hy sinh vô ích, -ttô Baeo tìm cách chứng tỏ việc rời bỏ doanh nghiệp là cần thiết. Ông ta nhắc lại cả những lời cảnh cáo mà tôi đưa ra ngay vào thời điểm công việc bắt đầu. Nhưng Baeo không giải thích cho công nhân biết tại sao ông không thấy trước những điều mà tôi thấy và tại sao ông không coi trọng những lời nhắc nhở - hoàn toàn không phải kết quả của sự sáng suốt cá nhân tôi. Bởi tôi không căn cứ vào tình hình chung của thị trường bột mì, vào trạng thái quần chúng đảng viên mà vào hiện trạng của đảng vô sản trong xã hội tư bản. Điều này có vẻ đặc sệt lý thuyết, thế mà tiêu chuẩn tôi nêu ra lại thực tế nhất. Những tiên đoán của tôi trở thành sự thật, điều này chỉ chứng tỏ ưu thế của phương pháp mác-xít trước trường phái mác-xít giả hiệu của Áo.

Về mọi mặt, Víchto Átle thuộc một cung bậc cao hơn rất nhiều so với các cộng sự của ông. Nhưng từ lâu, ông đã trở thành một kẻ hoài nghi. Nhiệt huyết chiến sĩ của ông bị tiêu hao trong những lộn độn, long đong nhỏ mọn ở Áo. Không một triển vọng nào biến thành hiện thực và đôi khi Átle phản kháng quay lưng lại với chúng:

- Tiên tri là một nghề bạc bẽo, nhất là ở Áo - ông nói.

Đó là điệp khúc thường xuyên của ông những lúc trò chuyện.

Trong những cuộc nói chuyện bên hành lang Đại hội Xtútgát, nói về tiên tri kiểu Áo, ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- Muốn nói gì tùy các vị! Về phần mình tôi cho là những tiên đoán chính trị dựa trên *Khái huyền* còn dễ chịu hơn mọi lời tiên đoán trên cơ sở duy vật lịch sử.

Dĩ nhiên ông đùa nhưng đó không chỉ là một lời nói dí dỏm. Và đây là điều làm tôi ngược hẳn với

Átle trong giây phút sinh tử: tôi không tưởng tượng nổi hoạt động chính trị cũng như đời sống tinh thần nói chung lại có thể tồn tại khi không có một dự cảm lịch sử khoáng đạt. Vichto Átle trở thành một kẻ hoài nghi và như thế, ông chịu đựng và thích nghi với đủ mọi thứ, đặc biệt với chủ nghĩa quốc gia đang đục rỗng đảng Xã hội Dân chủ Áo.

Quan hệ của tôi với các lãnh tụ tối cao của đảng càng xấu đi nhiều thêm khi tôi công khai chống lại chủ nghĩa sô-vanh của đảng Xã hội Dân chủ Áo-Đức. Chuyện này xảy ra năm 1909. Trong những cuộc gặp gỡ với các nhà xã hội Bancăng [Balkans] - nhất là những người Xécbi [Serbie], trong số họ có Đờmitri Tusôvích [Dmitri Tousevitch], sau này là sĩ quan và hy sinh trong cuộc chiến vùng Bancăng -, nhiều lần tôi được nghe những lời bất bình về chuyện tất cả báo chí tư sản Xécbi đều trích dẫn một cách khoái trá độc địa những lời bài xích sặc mùi sô-vanh nhằm vào Xécbi của tờ *Arbeiter Zeitung*, coi đó là bằng chứng chứng tỏ tình đoàn kết công nhân quốc tế chỉ là chuyện hoang đường. Tôi viết một bài rất thận trọng và ôn hòa chống lại chủ nghĩa sô-vanh của *Arbeiter Zeitung* cho tờ *Die Neue Zeit*. Caoxki cho in sau một hồi đắn đo ghê gớm. Ngay hôm sau, một người di tản Nga già có quan hệ rất thân thiết với tôi tên là X.L. Cliatrocô [Kliatchko] cho biết tôi đã gây ra một sự bất bình rất lớn trong nội bộ giới lãnh đạo đảng. "Sao mà anh ta dám!..." Trong những cuộc trò chuyện riêng tư, -tô Baeo và những nhà mác-xít Áo khác thống nhất rằng Lâyne [Leitner] - biên tập viên mục quốc tế của báo - đã dám đi quá xa. Átle cũng đồng tình với ý kiến này, dù không tán thành, nhưng ông cũng đành chịu đựng những khuynh hướng sô-vanh cực đoan. Nhưng trước sự can thiệp táo bạo của người ngoài, mọi lãnh tụ đều đồng tình và nhất trí. Sau này, vào một ngày thứ bảy, -tô Baeo đến gần bàn của tôi và Cliatrocô trong một quán cà phê và xạc cho tôi một trận nên thân. Phải thú nhận là tôi khá bối rối khi nghe những lời xối xả ấy. Điều làm tôi sững sốt không phải giọng lên lớp của Baeo mà chính là lý lẽ ông ta đưa ra.

- Những bài báo của Lâyne thì có vai trò quái gì? - ông ta cao giọng, vẻ hài hước. - Không hề tồn tại một chính sách ngoại giao nào đối với đế chế Áo-Hung. Chẳng có công nhân nào đọc các bài báo ấy đâu. Chúng hoàn toàn không có chút giá trị gì.

Tôi mở to mắt và lắng nghe. Hóa ra những con người ấy chẳng những không tin vào cách mạng, họ còn chẳng tin vào chiến tranh. Trong các tuyên ngôn ngày 1 tháng Năm của họ, họ có đã động đến chiến tranh và cách mạng nhưng chẳng bao giờ coi đó là chuyện nghiêm túc. Họ hoàn toàn không nhận ra trong cái tổ kiến mà họ xúm vào như những kẻ rồ dại, đã xuất hiện một chiếc ủng lính không lồ. Sáu năm sau họ buộc lòng phải nhận ra: rõ ràng có một chính sách ngoại giao đối với Áo-Hung. Nhưng về phần mình, ngay từ khi cuộc chiến xảy ra, họ đã dùng cái cách ăn nói xác xược mà Lâyne và bọn sô-vanh cùng một giuộc đã dạy cho họ.

Ở Béclin có một thứ tinh thần khác ngự trị - có thể chẳng khác hơn bao nhiêu, nhưng khác. Tính chất quan lại nực cười của các viện sĩ Viên có vẻ nhẹ hơn, những mối quan hệ cũng đơn giản hơn. Ở đây chủ nghĩa quốc gia ít được thể hiện hơn, hoặc ít nhất chúng không có lý do để xuất hiện thường xuyên và ồn ào như ở Áo là quốc gia gồm nhiều chủng tộc khác nhau. Dường như tình cảm quốc gia đã hòa vào lòng tự hào của đảng: tại Đức có đảng Xã hội Dân chủ mạnh nhất, cây vĩ cầm số một của Quốc tế!

Đối với người Nga chúng tôi, đảng Xã hội Dân chủ Đức là người mẹ, người dạy dỗ, là tấm gương sống. Chúng tôi lý tưởng hóa nó từ xa. Những cái tên như Bêben và Caoxki được đọc lên một cách thành kính. Mặc dù về mặt lý luận tôi đã có những dự cảm lo lắng kể trên đối với đảng Xã hội Dân chủ Đức, trong giai đoạn ấy tôi hoàn toàn sống dưới vòng luân quản của nó. Thực tế sau đây cũng góp một vai trò lớn về chuyện này: tôi cư trú ở Viên và thỉnh thoảng mới đi Béclin một chuyến, tôi so sánh hai thủ đô của xã hội dân chủ và tự nhủ một cách an ủi: "Không, Béclin không phải là Viên!"

Tại Béclin, hai lần tôi có dịp đến thăm các cuộc gặp gỡ hàng tuần của cánh tả, được tổ chức vào ngày thứ sáu ở quán ăn Rengôn [Rheingold]. Nhân vật trung tâm của các dịp hội họp ấy là Phoranxô Mêrinh [Franz Mehring]. Các Lípnhéc cũng hay xuất hiện, lúc nào ông cũng đến muộn và ra về sớm nhất. Lần đầu tiên Hinphécđinh đưa tôi đến đó. Khi ấy ông vẫn còn tự coi mình là người cánh tả dù ông thù ghét Rôđa Luychxămbua với sự căm ghét mà Đaxinski đã reo rắc ở Áo.

Tôi không giữ được gì trong trí nhớ của mình về những cuộc nói chuyện ở đây. Co mặt lại, Mêrinh giật giật cái má - đó là tật của ông -, ông châm biếm hỏi tôi: trong số những "tác phẩm bất tử" của ông, cuốn nào đã được dịch ra tiếng Nga.

Trong cuộc nói chuyện, Hinphécđinh gọi những người cánh tả Đức là những nhà cách mạng.

- Thôi đi, chúng tôi mà là những nhà cách mạng ư? - Mêrinh ngắt lời -, họ mới là những nhà cách mạng!

Và ông khẽ gật đầu về phía tôi.

Tôi biết Mêrinh quá ít và quá nhiều lần được chứng kiến bọn thiển cận chế nhạo cách mạng Nga, thành thử không biết Mêrinh đùa cợt hay ông nói nghiêm chỉnh. Nhưng hóa ra Mêrinh nói nghiêm chỉnh và

ông đã chứng tỏ điều này bằng cả phần đời còn lại của ông.

Tôi gặp Caoxki lần đầu năm 1907. Pácvút đưa tôi đến nhà ông. Tôi không khỏi xúc động khi leo lên bậc thang căn nhà gọn gàng, xinh xắn ở Phoritmao [Friedenau], cạnh Béclin. Một ông già nhỏ nhắn, vui vẻ có mái tóc bạc và cặp mắt trong xanh chào tôi bằng tiếng Nga. Cùng tất cả những điều tôi đã biết về ông, tôi thấy ông rất hấp dẫn. Đặc biệt lôi cuốn trong ông là vẻ thanh thản, không chút bận rộn vô ích mà sau này tôi mới hiểu ra, đó là nhờ uy tín không thể chối cãi và sự yên lặng nội tại của ông. Kẻ thù của Caoxki gọi ông là "Giáo hoàng của Quốc tế". Thông thường bạn bè cũng gọi ông như thế theo nghĩa yêu quý. Nhân dịp thượng thọ thất thập, bà mẹ già của Caoxki - tác giả những tiểu thuyết có khuynh hướng xã hội mà bà luôn đề tặng "cho con và người thầy" - nhận được lời chúc mừng của các nhà xã hội Ý, họ gọi bà là "alla mamma del papa", nghĩa là *bà mẹ của Giáo hoàng*.

Caoxki cho rằng sứ mệnh lý luận chủ yếu của ông là dung hòa tinh thần cải lương và cách mạng. Nhưng chính ông cũng được tạo ra, về mặt tư tưởng, trong thời kỳ cải lương. Đối với ông, thực tiễn chỉ là cải lương. Cách mạng là một viễn vọng lịch sử mù mịt. Caoxki đón nhận chủ nghĩa mác-xít như một hệ thống hoàn bị và truyền bá nó với tư cách bậc thầy. Việc phân tích những sự kiện lớn vượt quá khả năng của ông. Thời tàn lụi của ông đã bắt đầu từ cuộc cách mạng 1905. Buổi nói chuyện riêng với Caoxki không bồi bổ thêm cho tôi được mấy. Tư duy ông góc cạnh, khô cứng, ít sáng tạo, thiếu cảm giác tâm lý; cách đánh giá của ông sơ lược, những lời bông đùa của ông nhằm chán. Những lý do này khiến Caoxki trở thành một diễn giả rất yếu.

Tình bạn của ông với Rôda Luýchxămbua trùng hợp với giai đoạn hoạt động sáng tạo xuất sắc nhất của ông. Nhưng ít lâu sau cách mạng 1905, những dấu hiệu lạnh nhạt đầu tiên xuất hiện trong mối quan hệ giữa hai người. Caoxki rất có thiện cảm với cuộc cách mạng Nga và từ xa, ông bình phẩm nó không tồi. Nhưng con người ông chống lại sự du nhập các phương thức cách mạng vào Đức. Trước khi diễn ra cuộc biểu tình ở phố Công viên Tréptóp [Treptow], tôi gặp Rôda Luýchxămbua tại nhà Caoxki đúng lúc chị đang tranh luận kịch liệt với chủ nhà. Dù họ vẫn xưng hô thân mật và trò chuyện với giọng bạn bè gần gũi, nhưng có thể thấy sự bất bình cố kìm nén từ những lời đối đáp ngắn gọn của Rôda và sự bối rối nội tại từ những câu nói của Caoxki, ông cố giấu diếm chúng bằng những lời bông đùa không kém phần bối rối. Chúng tôi cùng nhau tới nơi biểu tình: Rôda, Caoxki, vợ ông, Hinhphécđinh, Guxtáp Êchxten [Gustav Eckstein] (đã quá cố) và tôi. Những cuộc đụng độ kịch liệt vẫn tiếp diễn giữa đường: Caoxki chỉ muốn đến như kẻ quan sát, còn Rôda Luýchxămbua lại muốn tham gia cuộc biểu tình.

Mâu thuẫn đối kháng giữa hai người nổ ra công khai năm 1910 về vấn đề đấu tranh cho quyền bầu cử ở nước Phổ. Lúc ấy, Caoxki khai triển triết học *chiến lược ăn mòn đối phương* (Ermattungsstrategie) để đối lập với *chiến lược nhằm quật ngã kẻ thù* (Niederwerfungsstrategie). Đó là hai xu hướng không thể dung hòa. Con đường Caoxki theo càng ngày càng thích nghi sâu sắc với chế độ hiện hành. Trong trường hợp đó, không phải xã hội tư bản mà chính lý tưởng cách mạng của quần chúng công nhân bị "ăn mòn". Tất cả những kẻ tầm thường, mọi viên chức, mọi tên cơ hội đều ủng hộ Caoxki. Ông dặt cho họ những tấm vải tư tưởng để họ che đậy vẻ trần truồng của họ.

Chiến tranh nổ ra, chiến lược của những chiến hào tiếp nối chiến lược ăn mòn về chính trị. Caoxki thích nghi với chiến tranh cũng như với hòa bình trước. Nhưng Rôda chứng tỏ chị đã trung thành với lý tưởng như thế nào...

Tôi còn nhớ người ta tỏ chức mừng thọ lục tuần cho Lêđêbua [Ledebour] ở nhà Caoxki. Trong số khách mời có cả Aogútxtơ Bêben [Auguste Bebel], lúc đó đã ngoài bảy mươi. Đây là giai đoạn đảng Xã hội Dân chủ Đức đạt đến đỉnh cao. Sự thống nhất trong chiến thuật dường như tuyệt đối. Các chiến sĩ kỳ cựu ghi nhận những thành công và tin tưởng hướng về tương lai. Lêđêbua - người được mừng thọ - về những bức biếm họa ngộ nghĩnh giữa bữa ăn. Tại buổi lễ có tính nội bộ ấy, tôi được làm quen với Bêben và Giulia [Julia] của ông. Những kẻ có mặt, kể cả Caoxki, nghe như muốn nuốt từng lời của ông già Aogútxtơ. Chẳng cần nói là tôi cũng vậy.

Con người Bêben đại diện cho sự vươn lên chậm chạp nhưng bền bỉ của giai cấp mới. Dường như từ đầu đến chân, ông già khô khan này được đúc bởi một nghị lực lúc nào cũng vươn tới mục tiêu duy nhất, kiên trì nhưng không thể bẻ gãy. Trong cách suy nghĩ, trong những lời hùng biện, trong các bài viết và sách vở của ông, Bêben hoàn toàn không tiêu phí chút năng lượng tinh thần nào mà không nhằm đáp ứng những nhiệm vụ thực tiễn trực tiếp. Đó chính là vẻ đẹp đặc biệt của xúc cảm chính trị trong ông. Bêben đại diện cho một giai cấp tự học trong những giờ phút nghỉ ngơi hiếm hoi, tiết kiệm từng phút một và ngẫu nhiên tham lam những gì thực sự cần thiết. Quả là một gương mặt vô song! Bêben mất trong thời gian giữa cuộc chiến Bancăng và Thế chiến thứ nhất, khi Đại hội hòa bình Bucarét [Bucarest] diễn ra. Tôi được tin này tại một nhà ga ở Plôétsti [Ploesti] (Rumani [Roumanie]) và không thể tin đó là sự thật: "Bêben qua đời. Đảng Xã hội Dân chủ sẽ ra sao?" Tôi liền nhớ lại lời Lêđêbua về nội tình đảng Đức: "20% cấp tiến, 30% cơ hội,

còn lại theo Bêben."

Người nổi nghiệp được Bêben lựa chọn là Hade [Haase]. Không chút nghi ngờ, tinh thần lý tưởng của Hade đã lôi cuốn ông già: không phải thứ lý tưởng cách mạng rộng lớn, điều này Hade không có, mà là một thứ lý tưởng được diễn giải hẹp hơn, thường nhật hơn, cá nhân hơn, chẳng hạn vì lợi ích của đảng, anh sẵn sàng từ bỏ chức trạng sư khá giả ở Côníchxobéc [Königsberg]. Những nhà cách mạng Nga hết sức sững sờ khi Bêben nhắc đến sự hy sinh không mấy anh dũng ấy trong bài diễn văn đọc tại đại hội đảng, hình như họp ở Giêna [Jéna]; ông còn kiên trì đề cử Hade làm phó chủ tịch Ban Trung ương đảng.

Tôi biết Hade khá rõ. Sau một Parteitag (phiên họp đảng), chúng tôi đi một chuyến ngắn ở Đức, cùng nhau đến thành phố Nurenéc [Nuremberg]. Hiền hậu và cần trọng trong các quan hệ cá nhân, nói cho cùng trong chính trị Hade vẫn là một kẻ tầm thường lương thiện, một nhà dân chủ hạn hẹp thiếu bản lĩnh cách mạng cũng như thiếu một chân trời rộng rãi về lý luận, bản chất ông là vậy. Xét về khuynh hướng triết học, ông tự coi - có phần lúng túng - là một môn đệ của Căng. Trong những tình huống nguy kịch, ông có thiên hướng tránh các quyết định không thể đảo ngược, tìm đến những phương sách nửa vời và chờ thời. Không có gì lạ nếu sau này đảng và những người xã hội độc lập chọn ông là người lãnh đạo.

Các Lípnéc đại diện một mẫu người khác hẳn. Chúng tôi quen biết nhau trong nhiều năm, giữa những lần gặp gỡ lại có những khoảng trống lớn. Căn hộ của ông ở Béclin là đại bản doanh của những người Nga di cư. Khi cần phải lên tiếng phản đối việc cảnh sát Đức giúp đỡ chế độ Nga hoàng, đầu tiên chúng tôi tìm đến Lípnéc và rồi ông đi gõ mọi cánh cửa và mọi cái đầu. Là nhà mác-xít thông thái, tuy nhiên Lípnéc không phải là một lý thuyết gia. Đó là một con người hành động. Bản tính cương quyết, đam mê và đầy tinh thần hy sinh, ông có trực giác chính trị, nhạy cảm với quần chúng và với các tình thế, vô cùng táo bạo và sẵn sàng khởi xướng. Đó là một nhà cách mạng. Chính vì thế, ông luôn thơ thẩn như một kẻ nửa xa lạ, nửa quen biết trong cái tòa nhà của đảng Xã hội Dân chủ Đức, nơi ngự trị một chế độ quan liêu nhần nhục, luôn sẵn sàng lui bước. Biết bao kẻ tầm thường, có đầu óc dung tục đã khinh thường và chế nhạo Lípnéc ngay trước mắt tôi.

Tại Đại hội đảng Xã hội Dân chủ họp đầu tháng Chín 1911 tại Giêna, theo đề nghị của Lípnéc, lẽ ra tôi phải phát biểu về chính sách vũ lực mà chính phủ Nga hoàng áp dụng ở Phần Lan. Nhưng trước khi đảng đàn chúng tôi được biết qua điện tín tin Xtôlupin bị ám sát ở Kiép. Bêben lập tức hỏi tôi dồn dập: vụ ám sát này có ý nghĩa gì? Đảng nào phải chịu trách nhiệm? Với bài phát biểu, liệu tôi có thu hút sự chú ý không hay ho gì cho tôi từ phía cảnh sát Đức không?

- Đồng chí sợ bài phát biểu của tôi sẽ gây nên những rắc rối nhất định nào đó? - tôi thận trọng hỏi ông già vì nhớ lại sự việc xảy ra với Quensơ ở Xtútgát.

- Vâng - Bêben trả lời -, thú thực tôi muốn anh đừng đăng đàn thì hơn.

- Nếu vậy, đồng chí đừng nghĩ đến nó nữa.

Bêben thở phào nhẹ nhõm.

Năm phút sau, Lípnéc chạy đến chỗ tôi, rất khẩn khoản.

- Có thực họ đề nghị anh đừng nói không? Và anh chấp thuận?

- Làm sao mà không chấp thuận được cơ chứ? - tôi chống chế. - Vì ở đây Bêben là chủ nhà chứ không phải tôi.

Lípnéc tuôn nổi bất bình của ông trong một bài phát biểu, ông công kích kịch liệt chính phủ Nga hoàng, bắt chập các dấu hiệu nhắc nhở của Chủ tịch đoàn, họ lo những biến cố rắc rối như bị buộc tội phạm thượng chẳng hạn.

Mầm mống những gì diễn ra sau này nằm trong các mẫu chuyện nhỏ trên đây.

Khi các tổ chức công đoàn Tiệp phản đối ban lãnh đạo Đức, những nhà mác-xít Áo - chống lại sự ly khai công đoàn - đã sử dụng một lý lẽ khá khéo léo dưới dạng chủ nghĩa quốc tế. Plêkhanốp phát biểu về vấn đề này tại Đại hội Quốc tế ở Copenhaghen [Kopenhagen]. Như mọi người Nga, ông cũng ủng hộ hoàn toàn và không hạn chế lập trường của người Đức chống lại người Tiệp. Ông già Átle - người đề cử Plêkhanốp vào nhiệm vụ này - cho rằng trong một việc khó xử như thế, chọn một người Nga đóng vai trò chánh thẩm phán tố cáo chủ nghĩa sô-vanh Xlavơ [Slaves], là hơn cả. Cố nhiên tôi không thể có gì chung với thứ chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi thiên cận khốn khổ của Nêmet [Nemec], Sucúp [Soukup] hoặc Smêran [Smeral], kẻ kiên trì tìm cách chứng tỏ cho tôi thấy cái lý của người Tiệp. Nhưng đồng thời, tôi hiểu quá sâu sắc đời sống nội tại của phong trào công nhân Áo nên không gán toàn bộ tội lỗi - hoặc chỉ tội lớn nhất - cho người Tiệp. Nhiều điều chứng tỏ rằng nhìn về toàn khối, đảng Tiệp cấp tiến hơn đảng Áo-Đức và những tên sô-vanh kiểu Nêmet sử dụng khéo léo bất bình chính đáng của quần chúng công nhân Tiệp đối với lãnh đạo của Viên.

Trên đường từ Viên đến Đại hội Copenhaghen, tại một ga nơi tôi cần đổi tàu, hoàn toàn tình cờ tôi gặp Lênin từ Pari đến. Chúng tôi phải chờ đợi gần một tiếng và do đó một cuộc trò chuyện kéo dài đã diễn

ra, rất thân mật trong nửa đầu và kém phần thân thiện ở nửa sau. Tôi chứng minh rằng trong việc ly khai của các công đoàn Tiệp, trước hết ban lãnh đạo Viên phải chịu trách nhiệm: họ hết sức trang trọng kêu gọi thợ thuyền các nước - và cả thợ thuyền Tiệp - đấu tranh, nhưng cùng lúc đó lại bắt tay với quân chủ trong hậu trường. Lênin rất thích thú lắng nghe. Ông có khả năng chú ý đặc biệt: hướng cái nhìn vào không gian xa vời, ông nghiêm khắc nhấn mạnh những gì cần thiết từ câu chuyện của người đối thoại.

Tuy nhiên, câu chuyện giữa chúng tôi có một tính chất khác hẳn khi tôi kể cho Lênin bài báo của tôi đăng trên tờ *Vorwärts* (Tiến lên) về đảng Xã hội Dân chủ Nga. Bài báo được viết nhân dịp Đại hội Copenhaghen và phê phán gay gắt cả hai phe men-sê-vích lẫn bôn-sê-vích. Trong bài này, điểm quan trọng nhất là vấn đề "trung dụng". Sau thất bại của một cuộc cách mạng, những cuộc trung dụng bằng vũ khí và những vụ tấn công của bọn khủng bố có thể phá hoại cả một đảng cách mạng nhất. Đại hội Lônđôn - qua số phiếu bầu của những người men-sê-vích, những người Ba Lan và một số người bôn-sê-vích - đã cấm sự trung dụng. Những câu hỏi vang lên từ các hàng ghế cử tọa "còn Lênin? ông ta nói gì?" chỉ được đáp lại bằng nụ cười bí ẩn.

Sau Đại hội Lônđôn, những cuộc trung dụng vẫn tiếp diễn gây thiệt hại cho đảng. Tôi đã tập trung một đôn vào điểm đó trên tờ *Vorwärts*.

- Đồng chí viết thế à? - Lênin hỏi với giọng trách móc khi tôi nhắc lại theo trí nhớ những ý chính và những diễn đạt chủ yếu nhất của bài báo do sự khẩn khoản của ông.

- Có thể đánh điện ngăn không cho in được không?

- Không - tôi đáp -, bài báo phải ra sáng nay. Và lại, tại sao lại phải ngăn không cho in? Bài báo ấy đúng, như nó được viết ra.

Thực ra bài viết không đúng vì nó dựa trên cơ sở thống nhất đảng bằng sự hợp nhất của những người bôn-sê-vích và men-sê-vích - loại trừ những kẻ cực đoan - khi trong thực tiễn, đảng hình thành trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống phe men-sê-vích.

Trong cuộc họp riêng của phái đoàn Nga tham dự Đại hội Copenhaghen, Lênin muốn mọi người lên án bài báo của tôi. Đây là xung đột sâu sắc nhất trong suốt cuộc đời chúng tôi. Ngoài ra hồi đó Lênin còn yếu, ông bị hành hạ bởi cơn đau răng khủng khiếp và phải quấn khăn trùm mặt.

Trong đoàn đại biểu, một bầu không khí thù địch xuất hiện đối với bài báo và tác giả của nó, những người men-sê-vích cũng bất mãn về nội dung chủ yếu chống lại họ của bài viết.

Tháng Mười 1910, Ácxenrôt viết cho Máctốp:

Bài báo của anh ta (Trótxki) trong *Die Neue Zeit* mới đáng giận làm sao! Còn đáng giận hơn cả bài trong *Vorwärts*.

Lunatrácxki kể lại:

Plêkhanốp - vốn hoàn toàn không ưa Trótxki - lợi dụng tình huống này và tổ chức một thứ phiên tòa. Tôi cho đó là điều bất công. Tôi bênh Trótxki khá tích cực và nói chung, với sự ủng hộ của Riadanốp, tôi góp phần làm hỏng kế hoạch của Plêkhanốp...

Đa số các đại biểu chỉ biết bài báo qua lời kể lại của kẻ khác. Tôi đòi họ phải tìm hiểu bài viết. Dinôviép cố chứng tỏ: không cần đọc bài báo mới lên án được nó. Đa số không đồng tình với ý kiến này. Hình như Riadanốp đã đọc và dịch luôn bài viết ấy.

Theo những cuộc truyện trò sơ bộ bên hành lang, ai nấy cứ tưởng bài báo là một thứ gì kinh khủng lắm, đến mức khi đọc nó người ta có cảm giác ngược hẳn: nó hoàn toàn vô hại. Tuyệt đại đa số đại biểu Nga khước từ việc lên án bài báo. Nhưng giờ đây, điều đó không ngăn cản tôi lên án bài viết của mình như một đánh giá sai lầm về chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Về vấn đề các công đoàn Tiệp, tại Đại hội phái đoàn Nga ủng hộ nghị quyết ở Viên và chống lại nghị quyết ở Praha [Prague]. Tôi đưa ra một đề nghị chính lý nhưng không thành công. Rút cục bản thân tôi cũng không hoàn toàn thấy rõ phần "chính lý" mà sau này chúng tôi cần thực hiện cho đường lối toàn diện của đảng Xã hội Dân chủ. Việc chính lý lẽ ra là một cuộc "thánh chiến" chống lại đảng Xã hội Dân chủ. Nhưng chúng tôi chỉ bước vào con đường này vào năm 1914.

CHƯƠNG XVII

CHUẨN BỊ MỘT CUỘC CÁCH MẠNG MỚI

Trong những năm của thời kỳ phản động, công việc của tôi phần lớn là viết những bài diễn giải về cách mạng 1905 và đặt cơ sở lý luận cho con đường dẫn đến cuộc cách mạng thứ hai.

Trước khi ra nước ngoài ít lâu, tôi đi thăm các khu người Nga di cư và các quần cư sinh viên để trình bày với họ hai bài thuyết trình: một bài về *Số phận của cách mạng Nga (trong tình trạng chính trị hiện nay)*, bài kia có nhan đề *Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội (những triển vọng xã hội-cách mạng)*. Bài thứ nhất chứng tỏ kinh nghiệm năm 1905 đã khẳng định triển vọng của cách mạng Nga, xét về mặt cách mạng thường trực. Bài thứ hai nối liền cách mạng Nga với cách mạng thế giới.

Tháng Mười 1908, tôi bắt đầu xuất bản ở Viên một tờ báo Nga mang tựa đề *Prápđa* [Pravda] (Sự thật) dành cho đông đảo quần chúng công nhân. Tờ báo được đưa vào nước Nga bằng đường buôn lậu, qua biên giới Galixi hoặc biển Hắc Hải. Tồn tại trong vòng ba năm rưỡi, ra nhiều nhất là hai số mỗi tháng, nhưng việc xuất bản đòi hỏi công sức lao động lớn và tỉ mỉ. Việc giao dịch thư từ bí mật với nước Nga chiếm mất nhiều thời giờ. Hơn nữa, tôi còn có quan hệ chặt chẽ với liên minh bất hợp pháp của những thủy thủ Hắc Hải và giúp họ ấn hành một tờ báo.

Cộng tác viên chính của tôi ở *Prápđa* là Adônphơ Giôphê [Adolf Joffé], sau này trở thành nhà ngoại giao Xô-viết nổi tiếng. Tình bạn của chúng tôi bắt đầu từ những ngày ở Viên. Giôphê là một người rất đáng quý về mặt tư tưởng, anh hiền hậu và hết lòng vì công việc. Giôphê dồn hết sức lực và tiền tài để ấn hành tờ *Prápđa*. Anh chữa chạy bệnh đau thần kinh theo phương pháp phân tâm học ở chỗ Anphrết Átले [Alfred Adler], một bác sĩ nổi tiếng ở Viên, khởi đầu như một môn đệ của giáo sư Phoroidô [Freud] nhưng sau chống lại sự phụ và sáng lập trường phái riêng của ông về tâm lý cá nhân. Qua Giôphê, tôi được biết các vấn đề của khoa phân tâm học, tôi thấy chúng vô cùng hấp dẫn mặc dù trên phương diện này, còn khá nhiều điều mong manh và mông lung, mở đường cho trí tưởng tượng và sự diễn giải độc đoán.

Một cộng sự khác của tôi là anh sinh viên Xcôbêlêp [Skobélev], sau này là bộ trưởng Bộ Lao động trong nội các Kêrenxki. Năm 1917 chúng tôi đã nhìn nhau chăm chăm như những kẻ thù. Trong một thời gian, thư ký tòa soạn tờ báo là Víchto Cốp [Victor Kopp], hiện nay là đại sứ Liên Xô tại Thụy Sĩ.

Giôphê về Nga để giải quyết những vụ việc liên quan đến tờ *Prápđa* ở Viên. Anh bị bắt ở Ôđétxa, ngồi tù một thời gian dài rồi bị đi đày ở Xibêri và chỉ được tự do nhờ cách mạng tháng Hai 1917.

Giôphê là một trong những chiến sĩ tích cực nhất của biển cả tháng Mười. Chỉ có thể cảm phục lòng can đảm cá nhân của con người đang lâm trọng bệnh ấy. Giờ đây, tôi vẫn như thấy trước mắt bóng hình lờng lững như gấu của anh trên một cánh đồng bị đạn tạc cày xéo gằn thành Pétécbuva vào mùa thu năm 1919. Trong bộ trang phục chải chuốt theo lối ngoại giao, nụ cười mềm mại trên khuôn mặt bình thân, tay cầm chiếc ba-toong, dường như dạo chơi trên Unter den Linder, Giôphê thích thú ngắm nhìn đạn nổ rất gần chúng tôi, không rảo bước và cũng không đi chậm lại. Đó là một diễn giả giỏi giang, chín chắn và nhiệt thành; anh viết cũng cừ như thế. Trong mọi việc anh luôn để ý đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất, đây là đức tính còn rất thiếu ở nhiều nhà cách mạng. Lênin đánh giá cao công tác ngoại giao của Giôphê. Trong nhiều năm liền, tôi có quan hệ mật thiết với anh hơn bất kỳ ai khác. Ở anh, không thể đo nổi lòng tận tâm trong tình bạn cũng như sự trung thành trong tư tưởng.

Giôphê kết thúc đời mình một cách bi thảm. Những căn bệnh di truyền làm cơ thể anh mòn mỏi. Anh cũng đau khổ không kém trước chiến dịch mại lị vô liêm sỉ của bọn kế nghiệp nhằm vào những người mác-xít. Không chống nổi bệnh tật và vì thế, không theo đuổi được cuộc đấu tranh chính trị, Giôphê tự vẫn vào mùa thu năm 1927. Bức thư anh viết cho tôi trước khi chết bị lũ tay sai của Xtalin đánh cắp từ chiếc tủ con bên giường ngủ của anh. Những dòng chữ nhằm kêu gọi sự chú ý của bè bạn bị Iarótxlápki [Iaroslavsky] và một số kẻ có tinh thần đòi bại tương tự cất khỏi văn bản, bị xuyên tạc và báo cáo lại một cách dối trá. Nhưng điều đó không ngăn trở tên tuổi Giôphê được ghi lại vĩnh viễn trong cuốn sách cách mạng như một trong những tên tuổi vinh quang nhất.

Trong những ngày đen tối nhất, vô vọng nhất của thời kỳ thoái trào, Giôphê và tôi vững vàng chờ đợi cuộc cách mạng mới, đúng như nó sẽ diễn ra vào năm 1917.

Xvétrocốp, trong những năm ấy là người men-sê-vích và hiện nay là xta-lin-nít, viết như sau trong hồi ký về *Prápđa* ở Viên:

Trong tờ báo này, anh [Trótxki] kiên trì và ngoan cố bảo vệ ý tưởng về một cuộc cách mạng "thường trực" của Nga, nghĩa là anh cố chứng tỏ một khi cách mạng đã nổ ra, nó không thể dừng lại trước khi chế độ tư bản bị lật đổ và hệ thống xã hội chủ

nghĩa lan ra trên khắp thế giới. Người ta chế nhạo anh, buộc tội anh là lãng mạn, cả những người bên-sê-vích và men-sê-vích đều cho là anh phạm phải bảy điều cấm nhưng anh vẫn kiên trì và giữ vững quan điểm của mình, không hề bối rối trước những đợt tấn công.

Năm 1909, tôi nêu đặc điểm những quan hệ cách mạng giữa giai cấp vô sản và nông dân trong tờ tạp chí Ba Lan của Rôda Luýchxămbua như sau:

Sự dẫn độn bản địa là thứ tai ương lịch sử của các phong trào nông dân. Những làn sóng đầu tiên của cách mạng năm 1905 đã phá vỡ sự hạn hẹp về chính trị của thứ nông dân nổi dậy trong làng mình để chống lại lãnh chúa và giành lại đất đai, nhưng khi mặc áo lính anh ta lại bắn vào công nhân. Cần phải khảo sát tất cả các sự kiện của cách mạng như một loạt bài học tàn nhẫn mà nhờ đó lịch sử đã đưa vào đầu nông dân ý tưởng về mối quan hệ giữa nhu cầu sở hữu ruộng đất địa phương và vấn đề trung tâm của chính quyền nhà nước.

Nhắc đến ví dụ về nước Phần Lan, ở đó đảng Xã hội Dân chủ có tác động to lớn tại nông thôn nhờ lập trường về vấn đề những người sản xuất nhỏ, tôi kết luận:

Ảnh hưởng của đảng ta trong quần chúng nông dân còn lớn đến đâu khi sau này đảng lãnh đạo một phong trào mới - rộng hơn gấp bội phần - của cả quần chúng thành thị lẫn nông thôn! Dĩ nhiên chỉ trong trường hợp chúng ta không tự hạ vũ khí, không e sợ trước những bả cám dỗ của quyền lực chính trị mà làn sóng mới chắc chắn sẽ đưa chúng ta tới.

Chỉ cần nói từng ấy về chuyện "bò qua giai cấp nông dân" hoặc "bò qua vấn đề ruộng đất" mà người ta kết tội tôi.

Ngày 4 tháng Chạp 1909, khi cách mạng có vẻ như bị đè bẹp vĩnh viễn và vô vọng, tôi viết như sau trên tờ *Prápđa*:

Ngay từ bây giờ, qua những đám mây đen của thế lực phản động đang bao phủ, chúng ta vẫn thấy ánh sáng trắng lợi của một tháng Mười mới.

Thời ấy, không chỉ phái tự do mà cả những người men-sê-vích cũng chế giễu những lời nói trên, họ chỉ thấy trong đó những khẩu hiệu tuyên truyền chẳng chứa đựng một nội dung nào. Giáo sư Miliucốp [Milliucop] - kẻ có thể tự hào về việc phát minh ra khái niệm "chủ nghĩa trót-kít" - phản bác lại tôi:

Ý tưởng về chuyên chính vô sản là hoàn toàn ấu trĩ và không ai ở châu Âu sẽ ủng hộ nó một cách nghiêm chỉnh.

Tuy nhiên, những sự kiện xảy ra trong năm 1917 đã làm lay chuyển tận gốc về tự tin đáng khâm phục của vị giáo sư tự do chủ nghĩa kia.

Trong những năm thoái trào tôi nghiên cứu các vấn đề về tình hình chung của công-thương nghiệp trên phạm vi toàn cầu cũng như quốc gia. Lợi ích cách mạng đã dẫn dắt tôi theo hướng này: tôi muốn tìm hiểu phụ thuộc tương hỗ giữa những dao động công-thương nghiệp với các giai đoạn của phong trào cộng nhân và cuộc đấu tranh cách mạng. Ở trường hợp này - cũng như trong các vấn đề cùng loại - tôi cố tránh nhất việc thiết lập một mối quan hệ máy móc giữa chính trị và kinh tế. Các phản ứng qua lại cần được suy ra từ cả quá trình với tất cả mọi phức tạp của nó.

Khi tôi còn ở thị trấn Hítso-béc, một vùng nhỏ ở Tiệp thì tại thị trường chứng khoán Niu Oóc nổ ra *ngày thứ sáu đen tối*. Hôm ấy báo trước một cuộc khủng hoảng tâm cỡ thế giới, một cuộc khủng hoảng sẽ có ảnh hưởng không thể tránh khỏi đến nước Nga đang bị cuộc chiến Nga-Nhật và cuộc cách mạng sau đó lay chuyển. Những hậu quả của cuộc khủng hoảng đó là gì?

Trong đảng, phải nói thêm là ở cả hai phía, ý kiến bao trùm là khủng hoảng sẽ làm tăng cuộc đấu tranh cách mạng. Tôi theo một quan điểm khác. Sau thời kỳ những cuộc chiến lớn và những thất bại lớn, khủng hoảng không nâng giai cấp công nhân lên mà đè nó xuống, cướp đi niềm tin, sức lực của nó và phân hóa nó về mặt chính trị. Chỉ một cuộc chấn hưng mới trong công nghiệp - trong những trường hợp như thế này - mới có thể siết chặt đội ngũ vô sản, nâng nó dậy, trả lại niềm tin cho nó và khiến nó có khả năng trong cuộc chiến tiếp tục.

Nhận định ấy bị phê phán và không gây được tin tưởng. Hơn thế nữa, các kinh tế gia chính thống của đảng còn phát triển một ý tưởng: hoàn toàn không thể có chấn hưng công nghiệp trong hệ thống phân cách mạng.

Ngược với họ, tôi xuất phát từ luận cứ cho một bước tiến mới trong kinh tế là không thể tránh khỏi. Điều này sẽ gây nên một làn sóng đình công mới, do đó cuộc khủng hoảng kinh tế mới có thể thúc đẩy cuộc đấu tranh cách mạng.

Dự kiến này đã hoàn toàn được chứng minh. Chấn hưng công nghiệp diễn ra năm 1910, độc lập với thời kỳ phân cách mạng. Nó gây nên những cuộc bãi công. Năm 1912 người ta xả súng vào công nhân các mỏ vàng dọc sông Lêna, tạo nên tiếng vang dữ dội trong toàn quốc. Năm 1914, khi cuộc khủng hoảng đã là một thực tế hiển nhiên, một lần nữa Pêtécbuva lại trở thành chiến trường của các chiến lũy công nhân. Pôncarê [Poincaré] cũng là một nhân chứng của điều này khi ông đến thăm Nga hoàng vào đêm trước của cuộc chiến.

Kinh nghiệm lý luận và thực tiễn ấy có giá trị không gì sánh nổi đối với tôi sau này. Tại Đại hội lần thứ ba Quốc tế Cộng sản, đại đa số các đại biểu đã chống lại tôi khi tôi bảo lưu ý kiến rằng một cuộc chấn hưng kinh tế ở châu Âu sau chiến tranh là điều không thể tránh khỏi và sẽ là điều kiện đầu tiên cho những khủng hoảng cách mạng tiếp tục. Gần đây tôi lại phải trách cứ Đại hội lần thứ sáu Quốc tế Cộng sản vì Đại hội này không hiểu chút nào sự thay đổi hiện trạng kinh tế và chính trị ở Trung Quốc, người ta đã sai lầm khi tính đến chuyện sau những thất bại nặng nề của cách mạng, cách mạng vẫn tiếp tục phát triển do cuộc khủng hoảng kinh tế trong nước ngày càng trầm trọng hơn.

Tự thân sự biện chứng của quá trình ấy chẳng phải là quá phức tạp. Nhưng nêu nó ra trong những nét tổng quát thì dễ hơn là tìm thấy nó ở mọi lúc, trên cơ sở những sự kiện sống động. Về vấn đề này, cho đến nay tôi vẫn vấp phải những thành kiến dai dẳng nhất, dẫn đến những sai lầm thô thiển và những hậu quả rất nặng nề trong chính trị.

Trong việc đánh giá số phận sắp tới của chủ nghĩa men-sê-vích và những nhiệm vụ tổ chức của đảng, tờ *Prápđa* còn xa mới đạt được sự chính xác của Lênin. Tôi vẫn luôn hi vọng một cuộc cách mạng mới sẽ buộc những người men-sê-vích đi vào con đường cách mạng như điều đã xảy ra vào năm 1905. Tôi chưa đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của sự lựa chọn tư tưởng ban đầu, cũng như bản lĩnh chính trị cần được rèn luyện. Trong những vấn đề phát triển nội bộ đảng, tôi sai lầm khi chủ trương một thuyết định mệnh *xã hội-cách mạng*. Đây là một lập trường lệch lạc. Nhưng nó vẫn còn cao hơn rất nhiều so với cái thứ định mệnh *quan liêu* không chút nền tảng tư tưởng, vốn đặc trưng cho đại đa số những kẻ phê phán tôi hiện nay trong Quốc tế Cộng sản.

Năm 1912, khi người ta nhận thấy rõ ràng có một sự chấn hưng mới trong chính trị, tôi thử triệu tập một cuộc họp thống nhất với sự tham gia của các đại diện mọi phe phái thuộc đảng Xã hội Dân chủ Nga. Thời kỳ đó, không phải tôi là người duy nhất hi vọng lập lại sự thống nhất trong đảng Xã hội Dân chủ Nga. Rôđa Luýchxambua là một bằng chứng. Chị viết như sau vào hè năm 1911:

Dù thế nào đi nữa, sự thống nhất của đảng còn có thể cứu vãn được nếu người ta *buộc* cả hai phái phải triệu tập một cuộc họp chung.

Tháng Tám 1911, chị nhắc lại ý kiến này:

Cách duy nhất để cứu vãn sự thống nhất là thực hiện một cuộc họp gồm những người được cử từ Nga đến vì ở Nga ai nấy đều muốn có hòa bình và thống nhất, họ đại diện cho lực lượng duy nhất bắt được các chú gà trống ngoài nước thấy ra lẽ phải.

Trong giới bôn-sê-vích, khuynh hướng hòa giải rất mạnh vào thời kỳ này, vì thế tôi không mất hi vọng điều đó sẽ khiến Lênin cũng tham gia cuộc họp chung. Nhưng Lênin chống lại sự họp nhất bằng toàn bộ sức lực của ông. Toàn bộ quá trình sau này của những sự kiện chứng tỏ ông có lý. Cuộc họp được tổ chức tháng 8-1912 ở Viên, không có sự tham gia của nhiều người bôn-sê-vích. Về mặt hình thức, tôi rơi vào "một khối" với những người men-sê-vích và một số nhóm bôn-sê-vích ly khai. Khối này không có cơ sở chính trị, tôi bất đồng ý kiến với phe men-sê-vích trong tất cả mọi vấn đề thiết yếu. Cuộc đấu tranh chống lại họ lại tiếp tục ngay sau ngày cuộc họp bế mạc. Hàng ngày, những xung đột trầm trọng mới lại diễn ra từ sự đối lập sâu sắc giữa hai khuynh hướng: khuynh hướng cách mạng xã hội và khuynh hướng cải lương dân chủ.

Ngày 4 tháng Năm, trước Hội nghị ít lâu, Ácxenrôt viết như sau:

Từ lá thư của Trôttxki, tôi nhận ra một thực tế vô cùng nghiêm trọng đối với tôi: sự thực anh ấy hoàn toàn không có ý tiến lại gần chúng ta và các bạn chúng ta ở Nga một cách nghiêm chỉnh... vì lợi ích một cuộc đấu tranh chung chống kẻ thù.

Quả thực tôi không hề và cũng không thể có ý định liên kết với những người men-sê-vích để chống lại phe bôn-sê-vích.

Sau cuộc họp, Máctốp phản nản trong một lá thư gửi Ácxenrôt:

... [Trótxki] làm sống lại những tập tục xấu nhất của chủ nghĩa cá nhân trong văn học của Lênin và Plêkhanốp.

Những thư từ giữa Ácxenrôt và Máctốp mới được công bố cách đây vài năm chứng tỏ cả hai đều thù ghét tôi lắm. Nhưng dù giữa họ và tôi có một vực thẳm, bản thân tôi không bao giờ có tình cảm tương tự đối với họ. Ngay bây giờ, tôi vẫn hồi tưởng lại một cách biết ơn vì bao điều tôi đã đạt được nhờ họ trong những năm tháng thời thanh niên.

Tình tiết "Khối tháng Tám" được ghi trong sách giáo khoa "chống trót-kít" thời những kẻ kế nghiệp. Đối với những người còn mới mẻ và những kẻ không biết gì, người ta thuật lại quá khứ như thể chủ nghĩa bôn-sê-vích lập tức được ra đời với toàn thể quần chúng, quân dụng trong phòng thí nghiệm lịch sử. Sự thực lịch sử cuộc đấu tranh giữa bôn-sê-vích và men-sê-vích cũng chính là lịch sử những cố gắng hợp nhất không ngừng. Khi Lênin về Nga năm 1917, ông còn cố gắng thêm một lần cuối cùng để điều đình với những người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Tháng Năm khi tôi từ Mỹ về, đa số các tổ chức xã hội dân chủ ở các tỉnh đã bao gồm những người bôn-sê-vích và men-sê-vích thống nhất. Trong Hội nghị của đảng tổ chức tháng 3-1917 - vài ngày trước khi Lênin về -, Xtalin đang đàn ủng hộ sự hợp nhất với đảng của Xêrêtelì [Tserételli]. Ngay cả sau khi cách mạng tháng Mười thắng lợi, Dinôviép, Camênhép, Rucốp, Lunatrácxki và vài chục người khác còn đấu tranh hăng hái cho một chính phủ liên hợp với những người xã hội cách mạng và men-sê-vích. Và cũng chính những con người ấy ngày nay cố gắng duy trì đời sống tư tưởng của họ bằng cách loan truyền những chuyện hoang đường kinh khủng về Hội nghị Hợp nhất ở Viên năm 1912!

Tờ *Kiépxcaia Muxli* [Kievskaja Mysl] (Tu tưởng Kiép) đề nghị tôi làm phóng viên chiến trường ở Bancăng. Đề nghị ấy càng hợp thời hơn vì Hội nghị tháng Tám đã tỏ rõ sự thất bại từ trong trứng nước. Tôi cảm thấy nhu cầu phải dứt khỏi công việc của đám di cư Nga, ít ra là trong một thời gian ngắn. Trong vài tháng sống ở bán đảo Bancăng vào thời kỳ chiến tranh, tôi đã học hỏi được rất nhiều điều.

Tôi đến vùng Đông Nam tháng 9-1912: tôi thấy cuộc chiến không những có thể xảy ra mà còn không tránh khỏi. Nhưng khi thấy những đoàn dài lính dự bị đi trên đường phố Bêôgorát [Belgrade], khi nhìn tận mắt từ đây sẽ không còn đường quay trở lại, rằng quả thật chiến tranh sẽ xảy ra trong những ngày tới, khi được biết một vài người tôi quen thân đã vác súng ra biên giới và họ sẽ là những người đầu tiên chém giết và bị chém giết, khi ấy, cuộc chiến tranh mà tôi hình dung quá nhẹ nhàng trong tâm tưởng và trong các bài báo bỗng trở nên vô lý và không thể nào tin được. Dường như tôi thấy những bóng ma khi tôi ngắm nhìn binh lính ra mặt trận - trung đoàn bộ binh 18 - trong bộ quân phục rằn ri, đi giày bện và những nhánh lá xanh cài trên mũ. Chiếc giày bện và cành lá nhỏ trên đầu hợp cùng mọi quân trang đầy đủ để sẵn sàng giao chiến khiến người lính giống như một vật hy sinh. Và trong cái điên cuồng của chiến tranh, vào giờ phút ấy, không gì làm cháy bỏng tâm tưởng tôi như những cành lá xanh và những đôi giày nông dân ấy.

Thế hệ hiện nay đã quá xa cách những tập quán và tâm trạng của cuộc chiến năm 1912! Từ hồi đó, tôi đã nhận thấy quan điểm đạo lý và nhân đạo về quá trình lịch sử là một cách nhìn cằn cỗi nhất. Nhưng tôi không đề cập đến những lời giải thích, đây là những cảm nghĩ của tôi. Tâm hồn tôi thấm nhuần trực tiếp cảm xúc bi thảm không nói ra được của lịch sử: sự bất lực trước số phận, nỗi đau cháy lòng cho đám người thiêu thân ấy.

Lời tuyên chiến được vang lên hai ba ngày sau. Tôi viết:

Ở Nga các bạn biết và tin ngay vào những điều này; nhưng tại đây, ngay chiến trường, tôi không tin nổi. Phối hợp những sự việc rất trung bình, rất thường nhật, rất người - như những chú gà, những điều thuốc, những đứa trẻ chân đất thò lò mũi dài - với hiện trạng bi thảm khó tưởng tượng của chiến tranh, điều này hoàn toàn khó hiểu đối với tôi. Tôi biết lời tuyên chiến đã được đưa ra, tôi biết cuộc chiến đã bắt đầu nhưng tôi vẫn chưa quen để tin vào những điều này.

Thế mà tôi vẫn phải tin, tin thực sự và lâu dài.

Những năm 1912-1913 đã giúp tôi gần gũi các nước Xécbi, Bungari, Rumani và... cuộc chiến tranh. Đây là sự chuẩn bị quan trọng về nhiều mặt, không những cho 1914 mà cả cho 1917. Trong các bài báo tôi mở cuộc chiến chống sự dối trá của chủ nghĩa thân Xlavơ và nói chung, chống chủ nghĩa sô-vanh, chống những ảo tưởng của cuộc chiến, chống những phương pháp đánh lạc hướng dư luận được tổ chức có khoa học.

Tòa soạn báo *Kiépxcaia Muxli* tương đối có bản lĩnh khi họ cho in một bài của tôi trong đó tôi thuật lại những hành động tàn bạo, thú vật của người Bungari đối với các thương binh và tù binh Thổ Nhĩ

Kỳ, rồi tôi tố cáo âm mưu cầm lạng của báo chí Nga.

Bài báo này làm dấy lên một cơn bão bất bình từ phía báo chí tự do Nga. Ngày 30 tháng Giêng 1913, qua báo chí, tôi đặt một câu hỏi "ngoài nghị viện" cho Miliucốp về những hành động tàn ác của người Xlavơ đối với người Thổ Nhĩ Kỳ. Bị dồn vào chân tường, Miliucốp - kẻ bảo vệ chí cốt nước Bungari chính thống - đáp lại bằng những lời ập úng thâm hại. Cuộc bút chiến kéo dài nhiều tuần kèm theo những ám chỉ không tránh khỏi của báo chí chính phủ: sau biệt danh Antidơ -tô không phải một gã di cư tầm thường mà là một điệp viên Áo-Hung ẩn náu.

Trong một tháng sống ở Rumani, tôi gắn bó với Đôbrughêanu-Ghêrêa [Dobrougeanu-Gherea] và cùng cố vĩnh viễn tình bằng hữu với Racốpxki, người tôi đã quen từ năm 1903.

Một nhà cách mạng Nga thuộc "thế hệ 1870" dừng lại Rumani khi đi qua nước này vào đúng đêm trước của cuộc chiến Nga-Thổ; tình thế buộc anh ở lại đó. Vài năm sau, dưới cái tên Ghêrêa, đồng hương của chúng tôi có một ảnh hưởng lớn, trước tiên tới giới trí thức Rumani và sau đó tới các công nhân tiến bộ. Phê bình văn học dựa trên cơ sở xã hội là lĩnh vực chính để Ghêrêa rèn luyện ý thức cho những nhóm tiên phong của giới trí thức Rumani. Xuất phát từ những vấn đề mỹ học và đạo đức cá nhân, anh đã đưa họ đến chủ nghĩa xã hội khoa học. Thời thanh niên, đại đa số các nhà chính trị thuộc hầu hết các đảng phái Rumani đều đã qua một trường học ngắn hạn về chủ nghĩa mác-xít dưới sự diu dắt của Ghêrêa. Nhưng điều này hoàn toàn không ngăn cản họ theo đuổi một đường lối chính trị ăn cướp, phản động lúc trưởng thành.

Người bạn khác của tôi, Khorítxchian Racốpxki là một trong những gương mặt quốc tế nhất của phong trào châu Âu. Là người gốc Bungari - ra đời tại thành phố Côtên [Kotel], trái tim Bungari - nhưng anh mang quốc tịch Rumani bởi sự thất thường của tấm bản đồ Bancăng; là một thầy thuốc được đào tạo theo trường Pháp nhưng theo những mối quan hệ, cảm tình và sự nghiệp văn chương, anh lại là người Nga. Racốpxki nói được tất cả các thứ tiếng của bán đảo Bancăng, ngoài ra anh biết thêm bốn thứ tiếng châu Âu; trong những giai đoạn khác nhau anh đã tích cực tham gia nội bộ bốn đảng Xã hội - Bungari, Nga, Pháp và Rumani - rồi trở thành một nhà lãnh đạo Liên bang Xô-viết, một trong những sáng lập viên Quốc tế Cộng sản, chủ tịch Hội đồng Dân ủy Ucoraina, đại diện ngoại giao của Liên Xô ở Anh và Pháp; sau nữa, anh cũng chia sẻ số phận của phe đối lập cánh tả. Những đặc tính cá nhân của Racốpxki - cái nhìn rộng rãi mang tầm quốc tế và tâm hồn cao thượng sâu xa - khiến Xtalin, con người có những đặc điểm hoàn toàn trái ngược, đặc biệt căm ghét anh.

Năm 1913, Racốpxki là người tổ chức và lãnh đạo đảng Xã hội Rumani, sau này gia nhập Quốc tế Cộng sản. Đảng ngày càng lớn mạnh. Racốpxki biên tập tờ nhật báo của đảng và cấp vốn cho tờ báo. Bên bờ Hắc Hải, không xa Mangalia là mấy, Racốpxki thừa hưởng một trang trại nhỏ mà tiền thu hoạch được anh dùng để trợ cấp cho đảng Xã hội Rumani cùng rất nhiều đảng phái và các nhân vật cách mạng nước ngoài khác. Mỗi tuần Racốpxki ở Bucarét ba ngày, anh viết báo, viết bài, chủ trì các phiên họp của Ban Trung ương, nói chuyện trong các cuộc mít-tinh lớn và các đoàn biểu tình ngoài phố. Sau đó anh đáp tàu hỏa về bờ Hắc Hải, mang về trang trại dây, đinh và một số dụng cụ khác. Anh đi xe ra đồng, kiểm tra công việc của chiếc máy kéo mới và chạy theo nó trên những luống cày, vẫn trong bộ áo choàng thành thị. Ngay hôm sau Racốpxki đã phải hối hả trở về để kịp tham dự một cuộc mít-tinh hoặc một phiên họp. Tôi theo anh trong các chuyến đi và khâm phục nghị lực sục sôi không biết mệt mỏi, tinh thần luôn sáng khoái và mối quan tâm tế nhị đối với những kẻ bình thường. Trên các đường phố Mangalia, chỉ trong vòng một phần tư giờ đồng hồ, Racốpxki chuyên từ tiếng Rumani qua tiếng Thổ, từ tiếng Thổ qua tiếng Bungari, sau đó sang tiếng Đức và tiếng Pháp khi nói chuyện với những người nhập cư, những đại diện thương nghiệp, rồi cuối cùng lại đàm đạo tiếng Nga với một kẻ thuộc một trong vô số các xcópét [skoptsy] Nga sống tại vùng phụ cận. Anh nói chuyện như một điền chủ, một bác sĩ, một người Bungari, một công dân Rumani và thông thường nhất, như một người xã hội. Trước mắt tôi, anh là một kỳ quan sống đi qua các phố phường của cái thành phố nhỏ xa xôi, vô tư, lười biếng bên bờ biển. Nhưng khi màn đêm tới, Racốpxki lại theo con tàu đến chiến trường. Và cả ở Bucarét, Xôphia [Sofia], Pari, Pêtécbuva hoặc Kháccốp, anh đều cảm thấy thoải mái và vững vàng.

Những năm tôi ra nước ngoài lần thứ hai cũng là thời kỳ tôi cộng tác với báo chí dân chủ Nga. Tôi xuất hiện trên tờ *Kiépxcaia Muxli* với bài báo dài về tạp chí *Simplicissimus* ở Muynich; tờ này đã lôi cuốn tôi một thời gian đến mức tôi chăm chú xem tất cả các số kể từ đầu, khi những bức vẽ của T.T. Hâyne [Heine] vẫn còn thấm đượm một giác quan xã hội mạnh mẽ.

Cùng thời gian đó tôi còn có dịp tìm hiểu kỹ hơn về văn học hiện đại Đức. Tôi viết cả một bài báo lớn mang nội dung phê bình xã hội về Vêđêkindơ [Wedekind] vì ở nước Nga, song song với thoái trào cách mạng, người ta càng quan tâm đến ông.

Kiépxcaia Muxli là tờ báo cấp tiến mang màu sắc mác-xít phổ biến nhất ở miền Nam nước Nga.

Một tờ báo như thế chỉ có thể tồn tại ở Kiép, nơi đời sống công nghiệp còn chậm tiến, các mâu thuẫn xã hội chưa phát triển và giới trí thức còn mang nhiều truyền thống của chủ nghĩa cấp tiến. *Mutatis mutandis*, có thể nói tờ báo cấp tiến này xuất hiện ở Kiép cũng bởi những lý do đã làm tờ *Simplicissimus* xuất hiện ở Mynich. Tôi đụng đến những đề tài đủ loại, đôi khi rất mạo hiểm xét trên bình diện kiểm duyệt. Những bài báo không dài lắm nhiều khi lại là kết quả của công cuộc chuẩn bị vô cùng rộng rãi. Cố nhiên trong một tờ báo xuất bản hợp pháp và vô đảng phái, tôi không thể nói tất cả những điều tôi muốn. Nhưng chưa bao giờ tôi viết những thứ tôi không muốn. Các bài tôi viết cho tờ *Kiépxcaia Muxli* được Nhà xuất bản Quốc gia Xô-viết in lại thành nhiều tập. Tôi không phải chối bỏ chút gì về những điều tôi đã viết. Có lẽ sẽ không thừa nếu nhắc lại rằng tôi đã cộng tác với báo chí tư sản với sự đồng tình chính thức của Ban Trung ương, trong đó đa số đứng về phe Lênin.

Tôi đã nhắc đến chuyện ngay sau khi tới Áo, chúng tôi liền dọn đến ở ngoại ô. Vợ tôi viết:

Tôi thích Húttendoócphơ. Căn hộ ở đây tốt hơn tôi mong muốn vì các nhà nghỉ thường được thuê vào mùa xuân, còn chúng tôi lại thuê trong thời gian thu đông. Qua cửa sổ có thể thấy những đỉnh núi nhuộm màu thu đỏ sẫm. Không phải rẽ ra phố, có thể ra cánh đồng qua một cửa có song thưa ngoài vườn. Vào những ngày chủ nhật mùa đông, dân thành Viên đi dạo về phía núi trên chiếc xe con và ván trượt tuyết, họ đội mũ màu sắc sỡ và mặc áo nịt len. Đến tháng Tư chúng tôi phải rời bỏ nơi này vì giá thuê nhà tăng gấp đôi; trong vườn và cả ở ngoài, hoa tím đã nở, mùi hương luồn qua những cánh cửa sổ để mở và làm căn phòng ngào ngạt hương thơm. Xêriôgia [Sérioja] sinh ra ở đây. Chúng tôi buộc phải dọn đến Xiêvêrinh [Sievering], một nơi bình dân hơn. Những đứa trẻ nói tiếng Nga và đồng thời cả tiếng Đức. Ở vườn trẻ và nhà trường chúng phải nói tiếng Đức, thành thử ở nhà khi chơi với nhau chúng vẫn tiếp tục trò chuyện bằng thứ tiếng này, nhưng hễ tôi hoặc cha chúng gọi, lập tức chúng chuyển sang tiếng Nga. Nếu chúng tôi nói với lũ trẻ bằng tiếng Đức, chúng cảm thấy bối rối và đáp lại bằng tiếng Nga. Trong những năm cuối chúng còn học được cả cách nói của thành Viên và chúng nói hết sức thành thạo.

Bọn trẻ đến chơi gia đình Cliatrocô, ở đó tất cả mọi người - ông chủ nhà, bà vợ và lũ con đã lớn - đều rất quan tâm đến chúng. Họ chỉ cho lũ trẻ nhiều điều thú vị và tặng chúng những món quà tuyệt vời.

Các con chúng tôi cũng quý Riadanốp, nhà nghiên cứu nổi tiếng về Mác. Riadanốp hồi đó sống ở Viên, những động tác táo bạo của anh trong môn thể dục đã tác động mạnh vào trí tưởng tượng các con tôi. Chúng thích anh vì cả bản tính âm ỉ nữa. Một lần người ta cắt tóc cho đứa bé và tôi cũng ngồi ở đó. Xêriôgia vẫy tôi lại và thì thầm vào tai:

- Con muốn họ cắt cho con giống như chú Riadanốp.

Nó mê cái đầu to trọc lóc của Riadanốp, không như của những kẻ khác mà đẹp hơn nhiều.

Khi chúng tôi đăng ký cho Liôvích [Liovik] đi học ở trường, vấn đề về môn giáo lý được đặt ra. Theo luật pháp Áo đương thời, cho đến mười bốn tuổi, trẻ con phải được giáo dục theo tín ngưỡng của cha chúng. Vì trong lý lịch của chúng tôi không có ghi nhận gì về tôn giáo, chúng tôi chọn cho Liôvích đạo Tin Lành vì đó là thứ tôn giáo nhẹ hơn cả đối với đôi vai và tâm hồn một đứa trẻ.

Giáo lý của Luthơ được một cô giáo dạy trong trường, nhưng sau những giờ chính quy. Liôvích thích các giờ học ấy, cứ nhìn mắt cháu thì biết, nhưng nó thấy không cần thiết phải trình bày dài dòng về điều này ở nhà. Một tối tôi nghe thấy nó thì thầm gì đó trên giường.

- Đây là một bài kinh, mẹ biết đấy, có những câu rất đẹp như là thơ vậy - cháu trả lời câu hỏi của tôi.

Ngay khi ra nước ngoài lần đầu, cha mẹ tôi cũng đến thăm tôi. Họ từng qua chỗ tôi tại Pari và Viên cùng cháu gái đầu của tôi, lâu nay vẫn sống cùng ông bà ở làng quê. Cha mẹ tôi đến Béclin năm 1910. Khi ấy họ đã hoàn toàn làm lành với số phận tôi. Lý lẽ cứng cỏi cuối cùng có lẽ là việc cuốn sách đầu tiên của tôi được xuất bản bằng tiếng Đức.

Mẹ tôi ốm nặng, bà bị nám tia. Trong mười năm cuối đời, bà chịu đựng bệnh tật như thêm một gánh nặng nữa, nhưng vẫn làm việc không ngừng. Tại Béclin, các bác sĩ phẫu thuật lấy đi một thận của bà. Lúc đó bà sáu mươi tuổi. Trong những tháng đầu sau khi mổ, sức khỏe bà hầu như bình thường. Trường hợp này gây nên sự chú ý khá rộng rãi trong giới y học. Nhưng chẳng bao lâu, căn bệnh lại tái diễn và cướp bà đi trong vòng vài tháng. Mẹ tôi mất ở Ianópca, nơi bà đã sống cả cuộc đời bận bịu và nuôi dạy con cái.

Chương lớn của đời tôi trong thời kỳ lưu trú ở Viên sẽ không đầy đủ nếu không nói về những người bạn gần gũi nhất ở đây: ông già di cư X. L. Cliatrocô và gia đình ông. Lịch sử toàn bộ chuyển ra nước ngoài lần thứ hai của tôi gắn bó mật thiết với gia đình này, một tổ ấm của những mối quan hệ rộng rãi ở châu Âu, một trung tâm thực sự của những chính kiến chính trị đa dạng và nói chung, của những hoạt động trí óc; ở đây mọi người chơi nhạc và nói bốn thứ tiếng châu Âu. Cái chết vào tháng Tư 1914 của ông chủ gia đình Xêmiôn Lovôvích [Sémion Lvovitch] khiến tôi và vợ tôi buồn vô hạn.

Viết về người em rất tài năng của mình, Lép Tônxtôi cho rằng Xécgây [Serge] chỉ thiếu một vài khuyết điểm nhỏ để trở thành nghệ sĩ lớn. Cũng có thể nói như thế về Xêmiôn Lovôvích: ông có đủ mọi nhân tố để trở thành chính trị gia lỗi lạc, trừ những khuyết điểm cần thiết. Trong gia đình Cliatrocô, mọi người luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ và tiếp đón thân tình chúng tôi, tất nhiên chúng tôi thường xuyên cần thiết cả hai thứ đó.

Nhuận bút từ *Kiépxcaia Muxli* trả cho tôi lẽ ra đủ cho cuộc sống thanh đạm của chúng tôi. Nhưng có những tháng mà công việc cho tờ *Prápđa* khiến tôi không viết nổi một dòng có thù lao. Những khi ấy khủng hoảng nổ ra. Vợ tôi biết rất rõ con đường đến hiệu cầm đồ, còn tôi cũng nhiều lần phải bán lại những cuốn sách tôi mua được trong thời kỳ sung túc hơn cho bọn buôn sách. Có khi đồ đạc nghèo nàn của chúng tôi bị lấy làm vật bảo đảm cho tiền thuê nhà. Chúng tôi nuôi hai con nhỏ và không được ai giúp đỡ. Cuộc sống đè nặng gấp đôi lên vai vợ tôi. Dù vậy cô vẫn tìm được sức lực và thì giờ giúp tôi trong công tác cách mạng.

CHƯƠNG XVIII

KHỞI ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH

Tên các rào dậu và bờ tường thành Viên, xuất hiện hàng chữ: "Alle Serben müssen sterben!". Câu này đã trở thành tiếng gọi tập hợp của lũ trẻ ngoài đường phố. Con trai thứ của chúng tôi, Xêriôgia - lúc nào cũng sẵn sàng tinh thần kháng cự -, đã tuyên bố trên bồn cỏ ở Xievering: "Hoch Serbien!". Cậu bé về nhà với những vết thâm tím trên người và được kinh nghiệm đầu tiên về chính trị quốc tế.

Biucanon [Buchanan] - cựu đại sứ Anh ở Pêtécbuva - trong hồi ký của ông đã hào hứng nói về "những ngày kỳ diệu đầu tháng Tám" khi "nước Nga hoàn toàn biến đổi". Chúng ta cũng tìm thấy sự khoái trá tương tự trong các hồi ký những vị lãnh đạo khác, mặc dù họ không hiện thân đầy đủ cho sự tự mãn thiên cận của giới cầm quyền như Biucanon. Tại mọi trung tâm châu Âu, những ngày đầu tháng Tám đều "kỳ diệu", tất cả các nước đều "biến đổi" để lao vào công cuộc tàn phá lẫn nhau.

Điều bất ngờ nhất là sự bùng nổ tinh thần yêu nước của quần chúng tại Áo-Hung. Thử hỏi cái gì đã thúc đẩy anh thợ đóng giày thành Viên, chàng Pôtspeixin [Pospesil] nửa Đức nửa Tiệp hoặc chị bán rau Phòrao Marét [Frau Maresch] hay anh đánh xe Phờrăngcơ [Frankl], đi biểu tình trước Bộ Chiến tranh? Một tư tưởng quốc gia? Loại gì? Bản thân đế chế Áo-Hung chính là sự phủ nhận của tư tưởng quốc gia. Không, động lực nằm ở chỗ khác.

Rất nhiều người sống ở thế giới này và cuộc đời của họ ngày lại ngày, trôi qua đơn điệu không chút hi vọng. Xã hội đương thời dựa trên họ. Tiếng chuông báo động của tổng động viên tác động vào cuộc sống họ như một lời hứa hẹn. Gạt bỏ tất cả những gì quen thuộc và làm họ chán chường, họ đi vào cái mới và cái khác thường. Những biến đổi khó nhận ra hơn vẫn chờ họ. Tốt hay xấu hơn? Tốt hơn, hẳn là thế: đối với Pôtspeixin, làm gì có thứ tệ hơn cái anh đã có trong hoàn cảnh "bình thường".

Tôi đã quanh quẩn trên các phố trung tâm thành Viên quen thuộc và quan sát đám đông lạ thường ở khu phố Rìng (Vòng cung) choáng ngợp, với những hi vọng mới được nhen lên trong họ. Và những hi vọng ấy phải chẳng đã biến thành hiện thực một phần? Vào thời khác, phải chăng những người phu khuôn vác ngoại thành, chị thợ giặt, anh thợ giày, người giúp việc và thợ học việc cũng cảm thấy như mình làm

chủ được tình thế trong khu phố Ring? Chiến tranh đung chạm đến mọi người, thành thử những kẻ bị áp bức, những người bị cuộc sống lừa gạt, khi ấy dường như bình đẳng với những người giàu, những kẻ mạnh. Xin đừng coi đây là nghịch lý, nhưng trong không khí của đám quần chúng biểu tình ca ngợi chiến công của dòng họ Hápsobua, tôi nhận ra một số nét rất thân thuộc từ những ngày tháng Mười 1905 ở Pêtécbuva. Chiến tranh không phải vô ích, trong lịch sử nó thường là mẹ đẻ của cách mạng.

Vậy mà khác nhau biết bao nhiêu - nói đúng hơn: đối lập nhau biết bao nhiêu - thái độ của các giai cấp thống trị đối với chiến tranh và cách mạng. Biucanon thấy những ngày tháng Tám ấy "kỳ diệu" và nước Nga đã thức tỉnh. Ngược lại, bá tước Vittê viết như sau về những ngày đau thương nhất của cách mạng 1905:

Tuyệt đại đa số ở nước Nga như mắc chứng điên cuồng.

Giống như cách mạng, chiến tranh cũng hoàn toàn làm trượt cuộc sống khỏi con đường ray quen thuộc. Nhưng cách mạng hướng những đòn của mình vào thể chế hiện hành. Ngược lại, chiến tranh trong thời gian đầu chỉ làm mạnh thêm chính quyền nhà nước, chỗ dựa bền vững duy nhất trong cảnh hỗn độn do nó gây ra - cho đến khi bản thân cuộc chiến chưa làm đổ sụp chính quyền đó. Những hi vọng mà người ta đặt vào các phong trào xã hội và dân tộc - ở Praha hoặc Toriétxtơ [Trieste], cũng như ở Vácava hoặc Tipholit [Tiflis] - hoàn toàn không có cơ sở trong thời kỳ đầu của cuộc chiến.

Tháng Chín 1914, tôi viết thư gửi về Nga:

Việc động viên và tuyên chiến dường như xóa hết mọi mâu thuẫn dân tộc và xã hội trong nước. Nhưng đó chỉ là một thời hạn lịch sử, một thứ tạm hoãn trong chính trị. Các hối phiếu được chuyển sang thời điểm khác, nhưng cuối cùng cũng phải được thanh toán đầy đủ.

Trong những dòng bị kiểm duyệt trên, cố nhiên không chỉ Áo-Hung mà nước Nga và trước hết, nước Nga là đối tượng tôi suy nghĩ.

Các sự kiện chồng chất lên nhau. Chúng tôi nhận qua điện tín tin Giôrét bị ám sát. Báo chí chứa đầy những điều dối trá điên cuồng khiến sự ngờ vực và hi vọng vẫn còn lại, ít nhất trong vòng vài giờ. Nhưng chẳng bao lâu khả năng ấy cũng tan biến. Jaurés bị kẻ thù ám sát và bị chính đảng ông phản bội.

Theo nhận xét của tôi, các nhà lãnh đạo đảng Xã hội Dân chủ Áo có thái độ như thế nào đối với chiến tranh? Một số vui ra mặt, họ bôi nhọ người Xécbi và người Nga, không mấy phân biệt giữa chính phủ và nhân dân các nước ấy; về bản chất, chủ yếu họ là những người quốc gia, văn hóa xã hội chỉ phủ lên họ một lớp mỏng nhưng chẳng mấy chốc cũng bong khỏi họ. Tôi còn nhớ Hanxơ Đốttrơ [Hans Deustch] - sau này trở thành một thứ bộ trưởng Bộ Chiến tranh - đã nói rất chân thành về tính chất không tránh khỏi và chức năng tẩy rửa của chiến tranh, bởi cuối cùng nó sẽ giải thoát nước Áo khỏi "con ác mộng" Xécbi. Một số khác - đứng đầu là Víchto Átle - nhìn nhận chiến tranh như một thứ tai họa ngoại lai mà họ phải chịu đựng. Tuy nhiên thái độ bàng quan thụ động ấy chỉ nhằm che giấu cánh quốc gia tích cực. Một số tư tưởng gia sâu sắc nhắc nhiều, một cách bóng gió, đến chiến thắng của Đức năm 1871, từng làm chấn hưng nền công nghiệp Đức và cùng với nó, cả phong trào xã hội dân chủ.

Ngày mùng một tháng Tám, Đức tuyên chiến với nước Nga. Trước đó người Nga đã bắt đầu rời khỏi Viên. Sáng ngày 3 tháng Tám, tôi đi Viênxailơ [Wienzeile] để bàn bạc với các đại biểu xã hội về những việc mà người Nga di cư như chúng tôi cần phải làm. Bị sức ì chi phối, trong phòng làm việc, Phridrich Átle [Friedrich Adler] vẫn tiếp tục lục tìm sách vở, giấy tờ, chuẩn bị tem cho Đại hội Quốc tế Xã hội sẽ họp ở Viên. Nhưng dự kiến về Đại hội thực ra đã thuộc về quá khứ... Những lực lượng mới đã xuất hiện trên vũ đài...

Ông già Átle đề nghị tôi lập tức cùng ông đến ngọn nguồn trực tiếp, tức ông phụ trách cảnh sát chính trị Gâyê [Geyer], để lấy tin tức. Ngồi trong xe, trên đường đến sở cảnh sát, tôi chỉ cho Átle thấy cuộc chiến đã tạo ra một bầu không khí như ngày hội.

- Chỉ cái lũ không phải ra mặt trận mới mừng rỡ - ông trả lời tôi ngay. - Ngoài ra, bây giờ tất cả những kẻ thần kinh không ổn định, tất cả những thằng điên đều nhào ra đường phố: đây là thời cơ của chúng. Vụ ám sát Giôrét chỉ mới là khởi điểm. Cuộc chiến mở rộng cửa cho mọi bản năng, mọi biểu hiện điên rồ...

Vốn là bác sĩ tâm thần trong chuyên ngành ban đầu của ông, Átle thường tiếp cận những sự kiện chính trị - "nhất là những sự kiện ở Áo", ông nói mỉa mai - theo quan điểm tâm thần học. Lúc đó ông không hề nghĩ chính con trai ông sẽ phạm một tội ác chính trị! Trong tạp chí *Kampf* do con trai ông là Phridrich biên tập, trước khi xảy ra cuộc chiến ít lâu, tôi đã viết một bài trong đó tôi vạch rõ tính chất vô nghĩa của khủng bố cá nhân. Đáng chú ý là ông chủ nhiệm rất tán thành bài báo này. Hành động khủng bố của anh

không gì khác hơn là sự bột phát của kẻ cơ hội lúc tuyệt vọng. Sau khi tìm được lối thoát cho nỗi thất vọng, Phridrich Átle lại trở về con đường cũ xưa kia.

Gây ra một giả thuyết thận trọng: sáng ngày mai, có thể có lệnh giam giữ người Nga và người Xécbi.

- Như vậy ông khuyên tôi nên đi?
- Càng sớm càng tốt.
- Được thôi, ngày mai tôi sẽ cùng gia đình đi Thụy Sĩ.
- Hừm... tôi muốn ông đi ngay hôm nay thì hơn.

Cuộc nói chuyện trên xảy ra vào ba giờ chiều, sáu giờ mười phút tối tôi đã ngồi trên tàu hỏa đến Durich cùng toàn thể gia đình. Tôi để lại nơi này những mối quan hệ suốt bảy năm, những sách vở, tài liệu lưu trữ, những công việc mới bắt đầu, trong đó có một cuộc bút chiến với giáo sư Masarich [Masaryk] về tương lai nền văn hóa Nga.

Bức điện báo tin đảng Xã hội Dân chủ Đức đầu hàng khiến tôi bị chấn động mạnh hơn là bản tuyên chiến, mặc dầu tôi chưa từng lý tưởng hóa một cách ngây thơ chủ nghĩa xã hội Đức. Tôi đã viết năm 1905 và sau đó còn nhắc lại nhiều lần:

Các đảng Xã hội châu Âu đã dựng nên chủ nghĩa bảo thủ của họ, tư tưởng này ngày càng mạnh khi chủ nghĩa xã hội càng cuốn hút được nhiều quần chúng... Bởi thế đảng Xã hội Dân chủ, đến một thời điểm nhất định, sẽ trở thành một trở ngại trực tiếp trong cuộc đụng độ giữa công nhân và tư sản phản động. Nói cách khác, tư tưởng bảo thủ trong tuyên truyền xã hội của đảng vô sản, một lúc nào đó, sẽ cản trở cuộc đấu tranh trực tiếp của giai cấp vô sản để giành chính quyền.

Trong trường hợp có chiến tranh, tôi không trông chờ các nhà lãnh đạo chính thức của Quốc tế có khả năng đưa ra những sáng kiến cách mạng nghiêm chỉnh. Nhưng tôi cũng không tin đảng Xã hội Dân chủ lại có thể đơn giản bỏ sát đất trước chủ nghĩa quân phiệt quốc gia.

Khi tờ báo *Vorwärts* (ấn hành ở Thụy Sĩ) tường thuật phiên họp ngày 4 tháng Tám của Râystac [Reichstag], không do dự, Lênin tuyên bố đó là một ấn bản giả mạo do Đại bản doanh Bộ Tham mưu Đức phát hành nhằm đánh lạc hướng và dọa dẫm kẻ thù. Dù có khả năng phán đoán, Lênin vẫn còn đặt niềm tin mãnh liệt vào đảng Xã hội Dân chủ Đức. Cùng lúc ấy, tờ *Arbeiter Zeitung* ở Viên đón mừng ngày đầu hàng của chủ nghĩa xã hội Đức là "ngày trọng đại của dân tộc Đức". Đó là tuyệt đỉnh đối với Aoxtéclít! Aoxtéclít "của họ"!... Tôi không coi số báo *Vorwärts* là giả mạo: những kinh nghiệm trực tiếp đầu tiên nhận được ở Viên đã chuẩn bị cho tôi chờ đón sự việc tệ hại nhất. Vậy mà cuộc bỏ phiếu ngày 4 tháng Tám vẫn là một trong những ấn tượng bi thảm nhất của đời tôi. Ángghen nói thế nào về điều này? - tôi tự hỏi. Câu trả lời thật rõ ràng. Và Bêben sẽ làm gì? Về điểm này, tôi đã không tìm thấy câu trả lời hoàn toàn sáng sủa. Nhưng Bêben không còn nữa. Thay thế ông, chúng ta thấy Hade, nhà dân chủ chất phác thiên cận, không chút hơi hướng lý luận và cách mạng. Trong tình huống nguy kịch, ông ta có thiên hướng tránh những quyết định không thể rút lại, tìm đến những biện pháp nửa vời và chờ đợi. Đây là những sự kiện đã vượt quá sức ông. Và sau ông là những Sâyđoman [Scheidemann], Êbéc [Ebert], Venxơ [Wels]...

Thụy Sĩ là tấm gương phản chiếu của Đức và Pháp nhưng dưới hình thức trung lập, nghĩa là cùn rì hơn và hoàn toàn bị thu nhỏ. Để tạo nên ấn tượng chung mạnh hơn, trong nghị viện Thụy Sĩ có hai nghị sĩ xã hội cùng tên, cùng họ: Giôhan Xigơ [Johann Sigg] ở Durich và Giăng Xigơ [Jean Sigg] ở Gionevơ. Người đầu thân Đức cuồng nhiệt, người thứ hai thân Pháp còn cuồng nhiệt hơn. Đó là tấm gương phản chiếu của Quốc tế tại Thụy Sĩ.

Đến gần tháng thứ hai của cuộc chiến, trên đường phố Durich tôi chạm trán với ông già Mônkenbua [Molkenbuh], ông tới đây để tác động dư luận. Trả lời câu hỏi "đảng của ông hình dung tiến trình Thế chiến như thế nào?", thành viên kỳ cựu của Voócxtan [Vorstand] đáp:

- Trong hai tháng sắp tới chúng ta sẽ kết liễu Pháp rồi quay lại phương Đông quật ngã quân đội Nga hoàng; ba tháng nữa, nhiều lắm là bốn, chúng ta sẽ đem lại một nền hòa bình bền vững cho châu Âu.

Tôi chép lại - đúng từng chữ một - câu trả lời ấy vào nhật ký, cố nhiên Mônkenbua không phát biểu ý kiến cá nhân mình. Ông chỉ truyền lại ý kiến chính thức của đảng Xã hội Dân chủ.

Cùng thời gian đó, đại sứ Pháp ở Pêtécbua cá cược với Biucanon năm đồng bảng Anh rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh. Không, những người "không tưởng" chúng tôi biết điều này, điều khác chính xác hơn các nhà xã hội dân chủ thực tiễn hay giới ngoại giao.

Thụy Sĩ - nơi tôi phải đợi chờ bên lề cuộc chiến - khiến tôi nhớ lại nhà trọ Phần Lan ở Rauha, nơi tôi được tin về làn sóng cách mạng năm 1905. Cố nhiên ở Thụy Sĩ người ta cũng tổng động viên quân đội và tại Baden [Basel] còn có thể nghe thấy tiếng gầm của đại bác. Vậy mà các nhà trọ lớn ở Thụy Sĩ, nơi

thừa thãi pho-mát và thiếu khoai tây là nỗi lo lớn nhất, làm ta liên tưởng đến một ốc đảo yên tĩnh bị vây bởi vòng lửa chiến tranh và tôi tự hỏi: có lẽ cũng không còn lâu cái ngày tôi có thể rời ốc đảo Rauha "yên tĩnh" ở Thụy Sĩ này để gặp lại công nhân thành Pétécua trong giảng đường Học viện Kỹ thuật. Nhưng cái ngày ấy chỉ đến sau đó ba mươi ba tháng.

Nhu cầu ghi nhận những gì đang diễn ra khiến tôi phải viết nhật ký. Từ ngày 9 tháng Tám, tôi đã viết:

Hoàn toàn hiển nhiên: không còn là những lầm lỗi, những bước tiến của một số kẻ cơ hội, những lời tuyên bố vụng về trên diễn đàn nghị viện, những cuộc bỏ phiếu cho ngân sách của phái xã hội dân chủ đại công quốc Baden [Baden], những thử nghiệm của nội các Pháp và cũng không phải tư cách bội bạc của một số lãnh tụ; vấn đề là *sự tan rã của Quốc tế* trong giai đoạn cần trách nhiệm cao nhất, so với nó mọi thứ trước đó chỉ là công cuộc chuẩn bị.

Ngày 11 tháng Tám, tôi viết trong nhật ký:

Chỉ có sự thức tỉnh của phong trào xã hội cách mạng - phong trào này phải lập tức nắm lấy những hình thức dữ dội nhất - mới có thể đặt nền móng cho một Quốc tế mới. Những năm tháng sắp tới sẽ là thời kỳ cách mạng xã hội.

Tôi tham gia tích cực vào đời sống của đảng Xã hội Thụy Sĩ. Trong các tầng lớp dưới, đường lối quốc tế của đảng mang lại những cảm tình hầu như nhất trí. Tôi rời mỗi cuộc họp đảng với niềm tin được nhân lên gấp đôi về lập trường đúng đắn của mình. Điểm tựa đầu tiên của tôi, được tìm thấy trong "Liên minh Công nhân Entrác [Eintracht]", hoàn toàn mang tính quốc tế nếu xét về thành phần. Theo giao ước của tôi với ban lãnh đạo Liên minh, đầu tháng Chín tôi thảo một dự thảo Tuyên ngôn chống chiến tranh và chống chủ nghĩa xã hội quốc gia. Ban lãnh đạo mời các lãnh tụ đảng đến dự một cuộc họp, tại đây tôi phát biểu bằng tiếng Đức để bảo vệ bản Tuyên ngôn. Nhưng các lãnh tụ không đến họp. Họ thấy quá mạo hiểm khi phải mình định lập trường trong một vấn đề nguy hiểm như thế, họ thà chờ đợi và hạn chế hoạt động trong khuôn khổ phê bình trong phòng kín những điều "thái quá" của chủ nghĩa sô-van Pháp và Đức. Nhưng phiên họp Entrác hầu như nhất trí chấp nhận Tuyên ngôn, bản này vẫn thực sự thúc đẩy công luận trong đảng dù phải bỏ qua một số điểm nhỏ. Kể từ đầu cuộc chiến, có lẽ đây là tài liệu quốc tế đầu tiên do một tổ chức công nhân công bố.

Trong những ngày tháng đó, lần đầu tiên tôi chạm trán trực tiếp với Radéc, anh từ Đức qua Thụy Sĩ vào đầu cuộc chiến. Trong đảng Đức anh ở cánh cực tả và tôi hi vọng tìm thấy ở anh một người cùng tư tưởng. Thực vậy, Radéc tuyên bố về tầng lớp lãnh đạo của đảng Xã hội Dân chủ Đức với vẻ nghiêm khắc lạ lùng. Trong chuyện đó chúng tôi nhất trí với nhau. Nhưng qua các dịp trò chuyện, tôi ngạc nhiên nhận thấy anh không hề nghĩ đến khả năng nổ ra của một cuộc cách mạng vô sản trong chiến tranh và nói chung, trong một tương lai gần. Không, anh đáp, nhìn trong tổng thể, lực lượng sản xuất của toàn nhân loại vẫn chưa phát triển đầy đủ. Tôi đã phải nghe quá nhiều lần chuyện các lực lượng sản xuất của Nga vẫn chưa đủ để giai cấp công nhân giành chính quyền. Nhưng tôi không hề tưởng tượng một câu trả lời như vậy lại xuất phát từ một chính trị gia cách mạng của một nước tư bản hàng đầu. Sau khi tôi đi khỏi Durích ít lâu, Radéc diễn thuyết một bài dài trong "Liên minh Entrác", anh chứng minh rằng giảng đại hải rằng thế giới tư bản vẫn chưa được chuẩn bị cho một cuộc cách mạng xã hội.

Trong tập hồi ký của ông, nhà văn Thụy Sĩ Brúpakhe [Brupbacher] thuật lại khá thú vị về bài diễn thuyết của Radéc và nói chung, về ngã tư đường của những người xã hội Durích giai đoạn đầu chiến tranh. Đáng chú ý, Brúpakhe lại cho rằng những ý kiến hồi đó của tôi là... hòa bình chủ nghĩa. Không thể đoán ra ông muốn nói gì. Quá trình tiến hóa của Brúpakhe thời ấy được tập trung lại trong tựa đề cuốn sách của chính ông: *Từ tiểu tư sản đến bên-sê-vích*. Tôi biết khá rõ về tư tưởng hồi ấy của Brúpakhe để hoàn toàn chấp nhận nửa đầu của nhận định trên. Ngoài ra, tôi không muốn chịu bất kỳ trách nhiệm gì về nửa sau.

Khi các báo chí xã hội Đức và Pháp đưa ra bức tranh rõ ràng về thảm trạng chính trị và đạo đức của chủ nghĩa xã hội chính thức, tôi gạt cuốn hồi ký ra một bên để viết một bài về chiến tranh và Quốc tế. Dưới tác động cuộc nói chuyện đầu tiên với Radéc, tôi viết cho cuốn sách nhỏ ấy một bài tựa trong đó tôi còn nhấn mạnh hơn: cuộc chiến hiện tại không phải gì khác ngoài sự nổi dậy của các lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn cầu chống lại một bên là chế độ tư hữu, bên kia là các biên giới quốc gia... Cũng như mọi cuốn sách khác, tập sách nhỏ mang tên *Chiến tranh và Quốc tế* của tôi có một số phạm nhất định, trước tiên ở Thụy Sĩ rồi ở Đức và ở Pháp, sau này ở Mỹ và cuối cùng ở Liên bang Xô-viết. Thiết tưởng cần nói vài lời ở đây về tất cả những chuyện này.

Bản thảo tiếng Nga được dịch bởi một người Nga không thạo tiếng Đức lắm. Một giáo sư Durich tên là Ragado [Ragaz] nhận phần biên tập bản dịch ấy. Đây là dịp để tôi làm quen với nhân vật đặc biệt này. Là một con chiên ngoan đạo, thậm chí xét về học thức và nghề nghiệp, Ragado là một nhà thần học; đồng thời đứng ở nhánh cực tả của chủ nghĩa xã hội Thụy Sĩ, ông chấp nhận cả những phương pháp thái quá nhất cho cuộc chiến đấu chống chiến tranh và tán thành cách mạng vô sản. Tôi rất cảm tình với Ragado vì ông và vợ ông tiếp cận những vấn đề chính trị hết sức nghiêm chỉnh, điều này khiến họ rất khác biệt với các viên chức xã hội dân chủ Áo, Đức, Thụy Sĩ và bao kẻ khác, những kẻ không biết một ý thức hệ tư tưởng nào.

Nếu tôi không nhầm, sau này Ragado buộc phải hy sinh bực giảng đại học cho các tư tưởng của mình. Trong giới của ông, điều này không nhỏ. Nhưng bên cạnh lòng kính trọng đối với con người đặc biệt này, qua các cuộc nói chuyện, tôi cảm thấy sự tồn tại - hầu như về mặt thực thể - của một tấm màng mong manh, nhưng hoàn toàn không thể chọc thủng giữa hai chúng tôi. Ông là người thần bí đến tận tâm can. Mặc dù không tìm cách áp đặt tín ngưỡng của mình cho người khác, thậm chí ông cũng không nói đến nó, nhưng trong mọi lời lẽ của ông, bản thân cuộc khởi nghĩa vũ trang cũng bị hơi lạnh của một thứ thế giới bên kia bao trùm, khiến tôi rùng mình khó chịu. Từ ngày bắt đầu biết suy tưởng, tôi trở thành nhà duy vật, trước tiên theo bản năng rồi sau đó bằng ý thức. Không những không cảm thấy sự thiếu vắng của những thế giới khác, nhưng tôi cũng không bao giờ duy trì được mối quan hệ tâm lý với những kẻ có thể thừa nhận cùng một lúc cả Đấng và Thần thánh ba ngôi.

Nhờ Ragado, bản tiếng Đức của cuốn sách được ấn hành tuyệt đẹp. Ngay từ tháng 12-1914, nó đã tìm được đường qua Áo và Đức, từ Thụy Sĩ. Trước tiên, những người cánh tả Thụy Sĩ - Phridrich Platten [Friedrich Platten] và những kẻ khác - lo việc này. Viết cho các nước nói tiếng Đức, cuốn sách trước hết chĩa mũi dùi vào đảng Xã hội Dân chủ Đức, đảng lãnh đạo Đệ nhị Quốc tế. Tôi còn nhớ một nhà báo tên là Henman [Heilmann], cây vĩ cầm hàng đầu của giàn nhạc sô-vanh chủ nghĩa, gọi cuốn sách là "điên rồ, nhưng vẫn mạch lạc trong sự điên rồ ấy". Không thể mong mỗi một lời khen nào hơn! Cố nhiên, không thiếu những lời ám chỉ cho rằng cuốn sách là một công cụ tuyên truyền khéo léo cho Liên minh.

Sau này ở Pháp, bất ngờ tôi đọc trong báo Pháp một mẫu tin qua điện tín từ Thụy Sĩ. Theo đó, một tòa án Đức xử tù vắng mặt tôi vì cuốn sách nhỏ viết tại Durich. Từ đó, tôi rút ra kết luận: cuốn sách đã trúng đích. Bằng bản án mà tôi không vội vàng tuân thủ, các quan tòa thuộc dòng họ Hôhendôlécno đã giúp tôi một việc vô giá. Với những kẻ vu khống và mật thám của Liên minh, bản án của phiên tòa Đức lúc nào cũng là một khó khăn lớn khi họ cố chứng tỏ tôi thực chất là điệp viên của Đại bản doanh Đức.

Tất cả những điều này không ngăn trở nhà chức trách Pháp chặn lại cuốn sách của tôi ở biên giới vì nó mang "nguồn gốc Đức". Để bảo vệ cuốn sách khỏi kiểm duyệt Pháp, một bài viết lập lờ xuất hiện trên tờ báo của Guxtáp Êcvê [Gustave Hervé]. Tôi nhớ Sáclo Rappôpô [Charles Rappoport] viết bài ấy, ông khá nổi tiếng và cũng gần là một nhà mác-xít. Rappôpô sản xuất khá nhiều trò chơi chữ, nhiều đến mức một người, nếu chỉ làm việc này suốt đời, cũng chỉ có thể làm ra ngần ấy.

Sau cách mạng tháng Mười, một người làm nghề xuất bản ở Niu Oóc có sáng kiến cho in cuốn sách mỏng tiếng Đức của tôi dưới dạng một cuốn sách bìa dày kiểu Mỹ. Theo lời kể của anh, tổng thống Uynxon [Wilson] đã điện thoại gọi anh mang bản in thử đến Nhà Trắng: đó là lúc tổng thống đang sáng chế mười bốn điểm của ông và theo lời những kẻ am tường, tổng thống không chịu nổi việc những người bôn-sê-vích lấy mắt của ông mọi diễn đạt hay nhất. Trong vòng hai tháng cuốn sách được bán ở Mỹ với số lượng mười sáu ngàn bản. Nhưng rồi tiếp đến thời kỳ những cuộc hòa đàm ở Bô-rét-Litôpxơ. Báo chí Mỹ chống đối tôi dữ dội và cuốn sách lập tức biến mất khỏi thị trường.

Ở nước Cộng hòa Xô-viết, cuốn sách ấy được tái bản nhiều lần và trở thành tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu quan hệ giữa chủ nghĩa mác-xít và chiến tranh. Nó chỉ bị biến mất khỏi "thị trường" của Quốc tế Cộng sản sau năm 1924, khi người ta phát hiện ra "chủ nghĩa trót-kít". Cũng như thời trước cách mạng, hiện nay cuốn sách bị cấm đoán. Hóa ra sách vở quả thực cũng có một số phận nhất định.

CHƯƠNG XIX

PARI VÀ DIMMÉCVAN

Tên cương vị phóng viên chiến trường của tờ *Kiépxcaia Muxli*, tôi qua biên giới Pháp ngày 19 tháng Mười một 1914. Tôi càng sẵn sàng nhận lời mời của tờ báo vì nhiệm vụ này tạo cho tôi khả năng thấy được cuộc chiến ở khoảng cách gần hơn.

Quang cảnh Pari thật buồn bã. Tối tối, các phố xá lại chìm trong bóng đêm. Những khinh khí cầu lơ lửng trên thành phố. Sau khi quân Đức bị chặn lại tại sông Mácơ [Marne], chiến tranh càng gay go và tàn bạo hơn. Trong cảnh hỗn mang không bờ bến đang xâu xé châu Âu, cạnh sự im lặng của quần chúng công nhân bị đảng Xã hội Dân chủ lờng gạt và phản bội, bộ máy hủy diệt sống cuộc đời riêng. Nền văn minh tư bản lao mình vào cái vô nghĩa, cổ chọc thủng bộ xương sọ dầy của nhân loại.

Vào giây phút khi quân Đức tiến gần đến Pari và những nhà tư sản yêu nước Pháp bắt đầu rời bỏ thủ đô, hai người Nga di cư ở đó cho ra đời một tờ nhật báo nhỏ bằng tiếng Nga. Tờ báo có nhiệm vụ giải thích cho kiều dân Nga lưu lạc tại Pari hiểu rõ những sự kiện đang xảy ra và duy trì tinh thần đoàn kết quốc tế trong họ. Trước khi ấn hành số báo đầu, "quỹ" của nhà xuất bản có vừa vặn ba mươi phờ-răng. Không kể "tinh táo" nào tin việc có thể cho ra một tờ nhật báo với cái vốn ban đầu ấy. Và thực vậy: mặc dầu tòa soạn và các cộng tác viên làm việc không lương, mỗi tuần ít nhất một lần tờ báo lại qua một cơn khủng hoảng tưởng chừng không lối thoát.

Nhưng người ta vẫn luôn tìm thấy lối thoát. Các thợ in trung thành với tờ báo thà nhịn đói, các chủ nhiệm chạy khắp thành phố nhằm kiếm vài chục phờ-răng - và số báo tiếp theo lại ra đời. Cứ thế, dưới những đòn của sự thiếu hụt và kiểm duyệt - đôi khi biến đi để rồi lại hiện ra ngay dưới một tiêu đề khác - tờ báo sống được hai năm, tức là cho đến cách mạng tháng Hai 1917. Sau khi đến Pari, tôi hằng hái cộng tác ngay với *Nasé Xlôvơ* [Naché Slovo] (Tiếng nói của chúng ta), lúc đó còn được gọi là *Gólôtxơ* [Golos] (Tiếng nói). Đối với tôi, tờ nhật báo này cũng là công cụ chính để định hướng trong dòng thời cuộc. Những kinh nghiệm học được ở tờ *Nasé Xlôvơ* sau này cũng có ích khi tôi phải trực tiếp phụ trách công tác quân sự.

Gia đình tôi chỉ chuyển đến Pháp vào tháng 5-1915. Chúng tôi cư trú ở Sévơ [Sèvres], trong một căn nhà nhỏ do một người bạn trẻ - họa sĩ người Ý Ronê Parétxơ [René Parece] - nhường lại. Lũ trẻ bắt đầu đi học trong trường Sévơ. Mùa xuân thật tuyệt vời, cây cỏ đặc biệt dịu dàng và mon trón. Nhưng ngày càng nhiều phụ nữ vận đồ tang. Học sinh thành trẻ mồ côi. Hai đạo quân đào hố tự chôn mình dưới lòng đất. Trên tờ báo của mình, Clê măngxô [Clémenceau] bắt đầu công kích Giôphơơ [Joffre]. Bọn phản động ngầm chuẩn bị đảo chính. Tin tức về chuyện đó lan truyền từ miệng này qua miệng khác. Trong một hai ngày liền, trên các trang của tờ *Temps* (Thời báo), người ta gọi nghị viện là "nơi tụ hội của những con lừa", không hơn không kém. Tuy thế, chính tờ *Temp* này lại đòi hỏi thật nghiêm khắc việc các nhà xã hội phải tôn trọng khối thống nhất dân tộc.

Giôrét không còn nữa. Tôi đến tiệm cà phê Croissant (Café du Croissant - quán cà phê Bánh sừng bò) nơi ông bị ám sát để muốn tìm lại dấu vết gì đó của ông. Tôi xa ông về chính trị. Nhưng không thể không cảm thấy sức cuốn hút của nhân vật kiệt xuất này. Thế giới nội tại của Giôrét được tạo bởi những truyền thống dân tộc, những nguyên lý đạo đức siêu hình, tình thương kẻ khổ cùng và trí tưởng tượng thi sĩ. Đồng thời, ông có những nét quý phái rõ rệt, cũng như Bêben đơn giản là người bình dân về mặt tinh thần, đạo đức. Tuy nhiên, cả hai vượt hẳn lên trên cái di sản họ để lại.

Tôi được nghe Giôrét trong các cuộc mít-tinh nhân dân ở Pari trong các Đại hội Quốc tế và trong các phiên họp ủy ban. Và mỗi lần, tôi lại nghe ông như thể mới nghe lần đầu. Không trở thành khuôn sáo, về cơ bản không bao giờ ông lặp lại mình, luôn luôn tự phát hiện những cái mới về mình, lúc nào ông cũng huy động được những nguồn ẩn tinh thần. Bên cạnh sức mạnh oai nghiêm, nguyên sơ như một dòng thác, trong ông lại ẩn nự nhiều vẻ dịu dàng, bừng sáng trên khuôn mặt như ánh sáng phản chiếu của nền văn hóa cao cả nhất. Ông xô những tảng đá, găm như sấm, làm lung chuyển các nền móng, nhưng không bao giờ ông mũ ni che tai trước những kẻ khác, lúc nào ông cũng sẵn sàng, tinh táo lắng tai nghe mọi lời phản hồi, để rồi lập tức phản bác, bắt bẻ đối phương không thương xót, ông quét sạch các trở ngại đôi khi như trận cuồng phong, đôi khi lại độ lượng, mềm mại như một người thầy, một người anh lớn.

Giôrét và Bêben là hai đối cực, đồng thời là hai đỉnh cao của Đệ nhị Quốc tế. Cả hai đều là những nhà dân tộc sâu sắc: Giôrét với cái vốn tu từ học La Tinh nồng cháy, Bêben với cái khô khan của người theo đạo Tin Lành. Tôi yêu quý cả hai, nhưng theo cách khác nhau. Bêben tiêu phí đến cùng thể lực của mình, Giôrét ngã xuống lúc tài hoa đang nở rộ, nhưng cả hai đều ra đi đúng lúc. Cái chết của họ dựng lên một cái mốc, đánh dấu sự kết thúc sứ mệnh lịch sử tiên bộ của Đệ nhị Quốc tế.

Đảng Xã hội Pháp ở trong trạng thái hoàn toàn phá sản về tinh thần, Không ai thay thế được vị trí Giôrét. Vaiăng [Vaillant], vị "chống quân phiệt" cựu trào nhả ra hàng ngày những bài báo sản sinh trong tinh thần sô-vanh cực đoan nhất. Tôi tình cờ gặp ông già ở Ủy ban Hành động, gồm những đại diện các

chính đảng và công đoàn. Vaiăng là cái bóng của chính mình - bóng của chủ nghĩa Blăngki [Blanqui] với truyền thống chiến tranh Xăng Quylốt [Sansculotte] thời Râymon Pôencarê [Raymond Poincaré]]. Nước Pháp tiên chiến, đặc trưng bởi nhịp độ tăng dân số không đáng kể và những hình thức bảo thủ của đời sống kinh tế và tư tưởng, trong con mắt Vaiăng là quốc gia duy nhất hoạt động và tiến bộ, là dân tộc được ân sủng và đi giải phóng, nước duy nhất mà các dân tộc khác chỉ cần tiếp xúc đã thức tỉnh về tinh thần. Chủ nghĩa xã hội của ông mang tính sô-vanh, chủ nghĩa sô-vanh của ông mang tính cứu thế.

Guylo Ghétxđơ [Jules Guesde] - lãnh tụ cánh mác-xít của đảng Xã hội, kẻ tự tiêu hủy những trử lực tốt cùng trong cuộc chiến đấu dai dẳng suy kiệt chống những sùng bái trong nền dân chủ - chỉ đủ sức để đặt uy tín tinh thần chưa từng hoen ố của mình trước "bàn thờ" nền quốc phòng. Tất cả đều hỗn loạn. Mácxen Xăngba [Marcel Sembat], tác giả cuốn sách *Vua hay hòa bình* là trợ lý của Ghétxđơ trong chính phủ... Briăng [Briand]. Pie Ronôđen [Pierre Renaudel] trở thành "thủ lĩnh" của đảng một thời gian. Bởi rất cuộc cũng phải đặt ai đó vào vị trí bỏ trống của Giôrét. Ronôđen cố rung lưới bắt chước vị lãnh tụ bị ám sát bằng động tác. Lôngghê [Longuet] gắng theo kịp Ronôđen, nhưng điều ông ta gọi là cánh tả có phần khá ngượng ngập. Tất cả cách sử sự của ông khiến người ta nhớ lại Mác không phải chịu trách nhiệm về đàn cháu của mình. Phong trào Công đoàn Chính thống mà người đại diện là Giuô [Jouhaux] (chủ tịch "Confédération Générale") kiệt sức trong vòng hai mươi tư giờ đồng hồ. Ông ta "phủ nhận" nhà nước trong thời bình để rồi quý gôi trước nó trong chiến tranh. Tay hề cách mạng Écvê mới hôm qua còn là kẻ chống quân phiệt, nay lộn ngược chiếc áo vét và như một kẻ sô-vanh cực đoan, ông ta cũng vẫn là một tay hề tự mãn. Để diều cợt thẳng thừng hơn những ý tưởng ngày hôm qua, tờ báo của ông ta vẫn ra với tựa đề *La Guerre Sociale* (Cuộc chiến tranh xã hội).

Nhìn chung, tất cả có vẻ như một hội giả trang tang tóc, một vũ hội hóa trang của thần chết. Bất giác tôi tự nhủ: không, dù sao chúng ta cũng được nặn bằng thứ chất liệu nghiêm chỉnh hơn - những sự kiện không làm chúng ta bất ngờ. Đã thấy trước được ít nhiều, ngay bây giờ chúng ta cũng tiên đoán được nhiều điều và chúng ta chuẩn bị cho nhiều tình huống. Biết bao lần chúng tôi đã nắm chặt tay khi tập đoàn Ronôđen, tập đoàn Écvê và những kẻ cùng loại cô kết thân từ xa với Các Lípnêch! Cũng có một vài nhân tố đối lập tàn mạn chỗ này, chỗ kia - trong đảng, trong các công đoàn -, nhưng thực tế họ hầu như không có dấu hiệu hoạt động.

Trong số kiều dân Nga, chính trị gia kiệt xuất nhất tôi gặp ở Pari chắc chắn là Máctốp, thủ lĩnh phe men-sê-vích, một trong những kẻ tài ba nhất tôi có dịp tiếp xúc trong đời. Điều bất hạnh của ông là ở chỗ số phận đã run rui ông thành một chính trị gia trong một thời kỳ cách mạng mà không cho ông một trử lượng nghị lực cần thiết. Kết cấu tinh thần của Máctốp thiếu sự cân bằng và điều đó thể hiện bi thảm mỗi lần những sự kiện lớn xảy ra. Tôi được quan sát Máctốp trong ba giai đoạn lịch sử: năm 1905, năm 1914 và năm 1917. Phản ứng đầu tiên của Máctốp trước các sự kiện hầu như lúc nào cũng mang màu sắc cách mạng. Nhưng Máctốp chưa kịp ghi lại những ý tưởng của mình thì mọi thứ hoài nghi đã tấn công ông từ mọi hướng. Trong kho tư tưởng phong phú, mềm dẻo và đa dạng của ông, thiếu một cái giá để tựa là nghị lực. Trong thư từ viết cho Ácxenrôt năm 1905, khi cuộc cách mạng thứ nhất đạt đến đỉnh cao, Máctốp cay đắng phàn nàn là ông không xếp đặt nổi các ý nghĩ của mình. Và quả thực, ông cũng không làm nổi việc đó đến tận lúc thời kỳ phản động quay trở lại. Đầu cuộc chiến, Máctốp lại kêu ca với Ácxenrôt rằng các sự kiện đẩy ông đến giới hạn của sự điên rồ. Cuối cùng vào năm 1917, ông bước một bước rụt rè về cánh tả nhưng trong phách của ông, ông nhường quyền lãnh đạo cho Xêrêtel và Đan [Dan], nghĩa là hai nhân vật cùng tầm chỉ đến mắt cá chân ông, người thứ nhất về mặt trí tuệ và người thứ hai về mọi mặt.

Ngày 14 tháng Mười 1914, Máctốp viết như sau cho Ácxenrôt:

Dường như chúng ta có thể thỏa thuận với Lênin mau lẹ hơn với Plêkhanốp. Hình như bây giờ Lênin chuẩn bị đóng vai trò chiến sĩ chống lại chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế.

Nhưng bầu không khí trên không kéo dài bao lâu ở Máctốp. Ông đã héo hon khi gặp tôi ở Pari. Sự cộng tác của chúng tôi với *Nasê Xlôvơ* đã thành cuộc chiến quyết liệt từ những ngày đầu, kết cục Máctốp rút khỏi ban biên tập và thôi luôn cả vai trò cộng tác viên.

Sau khi đến Pari ít lâu, tôi cùng Máctốp đi tìm Mônát [Monatte], một biên tập viên của tờ *La vie Ouvrière* (Đời sống công nhân), cơ quan ngôn luận của công đoàn. Là cựu giáo viên, sau này Mônát làm thợ sửa lỗi trong nhà in và có dáng dấp một công nhân Pari điển hình. Con người thông minh và có tính khí ấy không chấp nhận, dù chỉ trong một phút, việc hòa hoãn với chủ nghĩa quân phiệt và nhà nước tư sản. Được thôi, nhưng tìm chỗ thoát ở đâu? Về điểm này chúng tôi không nhất trí với nhau. Mônát "phủ nhận" nhà nước và đấu tranh chính trị. Sau khi chống đối thẳng thừng chủ nghĩa sô-vanh trong công đoàn, nhà nước thấy kế sự phủ nhận đó và buộc Mônát phải mặc quần đỏ.

Nhờ Mônát, tôi làm quen với nhà báo Rótxmê [Rosmer], anh cũng thuộc trường phái công đoàn vô chính phủ, nhưng - như các sự kiện đã chứng tỏ - ngay từ hồi đó anh đã gần chủ nghĩa mác-xít hơn nhiều so với đám theo Ghétxđơ. Từ đạo ấy, chúng tôi duy trì một tình bạn thân thiết, trải qua mọi thử thách của chiến tranh, của cách mạng, của chính quyền Xô-viết và của sự thất bại của phe đối lập...

Cũng trong giới đó tôi làm quen với một số nhân vật của phong trào công nhân Pháp mà đến giờ tôi chưa hề biết: Merohem [Merrheim], thư ký Liên đoàn thợ luyện kim, một người thận trọng, kín đáo và quy lụy, xét về mọi mặt anh kết thúc khá buồn thảm; nhà báo Ghinbô [Guilbeaux], sau bị kết án tử hình vắng mặt vì tội danh "phản bội Tổ quốc" bịa đặt; "bố già" Buócđơrông [Bourderon], thư ký Công đoàn thợ đóng thùng; thầy giáo Lôriô [Loriot], người đi tìm lối thoát trên con đường chủ nghĩa xã hội cách mạng, và nhiều người khác nữa.

Hàng tuần chúng tôi gặp nhau ở bên Gienmáp (Quai Jemappe), đôi khi chúng tôi tụ họp đông hơn ở Grônggiơ-ô-Ben [Gronge-aux-Belles], trao đổi với nhau những tin tức moi được sau hậu trường về chiến tranh và hoạt động ngoại giao. Chúng tôi phê phán chủ nghĩa xã hội chính thức, cố gắng nắm bắt các dấu hiệu thức tỉnh của chủ nghĩa xã hội, làm vững niềm tin ở những kẻ còn do dự và chuẩn bị cho tương lai.

Ngày 4 tháng Tám 1915, tôi viết trên *Nasé Xlôvơ*:

Dù thế, chúng ta đứng trước ngày kỷ niệm đẫm máu này mà không hề nao núng về tinh thần hoặc bi quan về chính trị. Là những người cách mạng quốc tế, chúng ta đứng vững trong tai họa khủng khiếp nhất của thế giới, trên vị trí phân tích, phê phán và nhìn xa trông rộng của chúng ta. Chúng ta không chấp nhận bất kỳ một thứ mắt kính "quốc gia" nào mà các bộ tham mưu mời chào - chẳng những với giá rẻ mạt mà họ còn thưởng công cho chúng ta! Chúng ta vẫn tiếp tục nhìn nhận sự việc đúng như chúng có, tiếp tục gọi chúng bằng tên của chúng và dự kiến luận lý sự vận động kế tiếp của chúng.

Và bây giờ, sau mười ba năm, tôi chỉ có thể nhắc lại những lời như thế. Không ngày nào chúng tôi rời cái cảm giác chúng tôi đứng cao hơn tư tưởng chính trị chính thông - kể cả chủ nghĩa xã hội "ái quốc" -, và điều này không xuất phát từ lòng tự phụ vô cơ sở. Không có gì cá nhân trong cái cảm giác ấy, nó xuất phát từ lập trường nguyên lý của chúng tôi: chúng tôi đã chiếm lĩnh đỉnh cao. Quan điểm phê phán trước hết cho chúng tôi khả năng nhìn nhận rõ rệt hơn về triển vọng của chiến tranh. Như mọi người đều biết, cả hai bên tham chiến đều tính đến một thắng lợi nhanh chóng. Có thể kể ra vô số ví dụ của tinh thần lạc quan nhẹ dạ ấy:

Trong một thời gian, đồng nghiệp người Pháp của tôi có tinh thần lạc quan đến mức ông cuộc với tôi năm đồng bảng Anh, rằng chiến tranh sẽ kết thúc trước lễ Giáng sinh.

Biucanon viết như thế trong hồi ức của ông. Trong thâm tâm, bản thân Biucanon cũng cho rằng cuộc chiến sẽ kết thúc muộn nhất là vào lễ Phục sinh.

Từ mùa thu năm 1914, trái với mọi tiên đoán chính thức, ngày này qua ngày khác chúng tôi nhận định trên báo chí rằng chiến tranh còn kéo dài vô vọng và toàn châu Âu sẽ đổ nát khi ra khỏi cuộc chiến. Hàng chục lần, chúng tôi viết trên tờ *Nasé Xlôvơ* rằng sau chiến tranh - khi khói và hơi độc đã tan - nước Pháp cùng lắm cũng chỉ thành một nước Bi lớn trên vũ đài quốc tế trong trường hợp Đồng minh chiến thắng. Chúng tôi tiên đoán chắc chắn sự chuyên chính tâm cỡ thế giới của Hoa Kỳ trong thời gian sắp tới. Chúng tôi viết có lẽ đã đến lần thứ một trăm vào ngày 5 tháng Chín 1916:

Chủ nghĩa đế quốc đánh cuộc vào những kẻ mạnh trong cuộc chiến này; thế giới sẽ thuộc về họ.

Từ lâu gia đình tôi đã chuyển từ Sèvres về Pari, tại khu phố nhỏ Uđơri (Rue Oudry). Pari ngày càng trống trải. Những chiếc đồng hồ ngoài phố thay nhau ngừng chạy. Không hiểu tại sao có rom bản thò ra từ miệng con sư tử Benpho [Belfort]. Chiến tranh ngày càng chôn sâu bản thân nó dưới lòng đất. Cần phải ra khỏi chiến hào, ra khỏi hốc, khỏi sự đình đốn, bất động - đó là tiếng thét của lòng yêu nước. Di chuyển! Vận động! Sự điên rồ khủng khiếp của trận Vécđoong [Verdun] xuất phát từ đây. Trong những ngày ấy, dấy dựa giữa đòn sấm sét của bộ máy kiểm duyệt thời chiến, tôi viết như sau trên tờ *Nasé Xlôvơ*:

Dù các trận đánh ở Vécđoong có tầm quan trọng quân sự to lớn đến đâu đi nữa, tầm cỡ chính trị của chúng còn lớn hơn rất nhiều, không thể so sánh được. Ở Béclin và những nơi khác (sic) người ta muốn "vận động" - thế thì họ sẽ nhận được nó. Các vị

nghe rõ không? Ở Vécdoong, người ta đã rèn *ngày mai của chúng ta*.

Mùa hạ năm 1915, nghị sĩ Ý Mógari [Morgari] - bí thư khuynh hướng xã hội trong nghị viện Rôma [Rome] - đến Pari. Đó là một người ngây thơ, ông có ý đồ kêu gọi các nhà xã hội Pháp và Anh tham gia một hội nghị quốc tế. Tại sân thượng tiệm cà phê nằm trên một đại lộ, cùng với Mógari, chúng tôi gặp gỡ vài nghị sĩ xã hội, chẳng hiểu sao họ tự cho mình là "cánh tả". Mọi thứ trôi qua dễ dàng chừng nào cuộc nói chuyện còn nằm trên khuôn khổ những lời lẽ hòa bình chủ nghĩa luyện thuyên và nhắc lại chung chung việc cần thiết phải gây dựng lại những quan hệ quốc tế. Nhưng khi Mógari vừa đổi giọng thâm trầm và bắt đầu nói về chuyện cần kiếm một số hộ chiếu giả để qua Thụy Sĩ - rõ ràng ông bị nóng mặt bởi khía cạnh "Cácbonari" của vấn đề - thì các ngài nghị sĩ đều thuận mắt. Một vị, tôi không nhớ là ai, vội vàng ra hiệu cho người bồi bàn và thanh toán hết mọi khoản của cuộc gặp mặt. Bóng ma Mòlie [Molière] hiện lên trên sân thượng ấy và tôi tin rằng hồn ma Rabole [Rabelais] cũng đi cùng với ông. Cuộc gặp gỡ kết thúc ở đó. Trên đường về nhà chúng tôi cười rử rươi với Máctốp, vừa vui vừa bực bội.

Mónát và Rótxmê đã bị động viên, họ không đến được chỗ chúng tôi. Tôi đến cuộc họp cùng Merohem và Buócđơông, những người hòa bình chủ nghĩa rất ôn hòa. Không ai cần hộ chiếu giả vì chính phủ vẫn chưa bỏ đến tận cùng những phong tục thời bình, họ đã cấp giấy tờ hợp lệ cho tất cả chúng tôi.

Grim [Grimm], lãnh tụ xã hội ở Bécno [Berne], gánh trách nhiệm tổ chức Hội nghị, vào thời ấy ông gắng sức vượt cao hơn bản tính thiên cận của đảng ông và bản thân. Grim chuẩn bị địa điểm cho Hội nghị tại một làng nhỏ mang tên Dimmécvan [Zimmerwald] nằm trên cao giữa những quả núi, cách Bécno mười ki-lô-mét. Các đại biểu chen chúc nhau trong bốn chiếc xe ngựa mui trần và đi lên núi. Người qua lại tò mò nhìn đoàn người kỳ lạ ấy. Các đại biểu tự bông đùa rằng nửa thế kỷ sau ngày Đệ nhất Quốc tế thành lập, nay lại có thể chất tất cả những người quốc tế lên bốn chiếc xe. Nhưng không có chút hoài nghi nào trong những lời lẽ khôi hài ấy. Sợi dây lịch sử hay bị đứt đoạn. Khi ấy cần nói chúng lại. Đó chính là điều chúng tôi đã làm ở Dimmécvan.

Hội nghị (từ ngày 5 đến 8 tháng 9-1915) diễn ra đầy giông bão. Cách cách mạng do Lênin đứng đầu và nhóm hòa bình gồm đa số các đại biểu khó nhất trí với nhau trong một tuyên bố chung do tôi khởi thảo. Bản tuyên bố còn xa mới nói được tất cả những điều cần nói, tuy vậy nó vẫn là một bước tiến đáng kể. Lênin đứng về phía cực tả của Đại hội, trong nhiều vấn đề ông đứng một mình trong phe cánh tả ấy. Về hình thức, tôi không thuộc cánh tả ở Dimmécvan dù tôi gần nó trong mọi vấn đề thiết yếu. Tại Dimmécvan, Lênin làm căng mạnh chiếc lò xo hợp tác quốc tế sau này. Trong cái làng nhỏ miền núi Thụy Sĩ ấy, ông đã đặt những viên đá tảng đầu tiên của một Quốc tế cách mạng.

Trong bài phát biểu của mình, các đại biểu Pháp nhấn mạnh tầm quan trọng to lớn của *Nasé Xlôvơ* đối với họ: tờ báo thiết lập quan hệ tư tưởng giữa họ với phong trào quốc tế các nước khác. *Racôpxki* lưu ý *Nasé Xlôvơ* đã đóng vai trò quan trọng trong việc dự thảo đường lối chính trị quốc tế của các đảng Xã hội Dân chủ vùng Bancăng. Đảng Ý cũng biết *Nasé Xlôvơ* qua những bài dịch của Balabanôva [Balabanova]. Tuy nhiên, tờ báo được báo chí Đức nhắc đến nhiều nhất, kể cả báo chí chính thống: như Ronôđen tìm cách dựa vào Lípnehc, Sâyđoman cũng rất muốn coi chúng tôi là đồng minh của họ.

Bản thân Lípnehc không đến được Dimmécvan. Ông đã trở thành tù binh của quân đội dòng họ Hôhendôlécno trước khi là tù nhân trong nhà ngục. Lípnehc gửi một lá thư đến Hội nghị trong đó ông cho biết chuyện biến đứt khoát của ông từ đường lối hòa bình sang đường lối cách mạng. Tên ông được nhắc tới nhiều lần trong Hội nghị, nó đã thực sự trở thành khái niệm trong cuộc đấu tranh làm tan nát chủ nghĩa xã hội quốc tế.

Từ Dimmécvan, những người tham dự bị nghiêm cấm không được gửi đi bất kỳ bài viết nào về hội nghị, đề phòng chuyện những tiết lộ thông tin quá sớm trên báo chí sẽ gây khó khăn cho các đại biểu tại biên giới quê hương khi họ trở về nước. Vài ngày sau, cái tên Dimmécvan - vốn chưa được ai biết đến đến vào lúc đó - lan tràn khắp thế giới. Điều này làm ông chủ khách sạn điếng người. Ông bác tốt bụng người Thụy Sĩ tuyên bố với Grim rằng ông hi vọng có thể nâng giá cơ ngơi của ông lên rất cao, vì thế ông sẵn lòng bỏ một khoản tiền nhất định vào quỹ tiền tệ của Đệ tam Quốc tế. Tuy nhiên, tôi cho rằng chẳng mấy chốc ông ta đã thay đổi ý định.

Hội nghị Dimmécvan đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào phản chiến tại nhiều nước. Những người Spáctakít ở Đức mở rộng hoạt động của họ. Ở Pháp, ủy ban phục hồi các quan hệ quốc tế được thành lập. Những công nhân thuộc các khu cư ngụ của cộng đồng Nga ở Pari siết chặt hàng ngũ quanh tờ *Nasé Xlôvơ*, cứu nó khỏi tình trạng thiếu thốn tài chính và mọi khó khăn khác. Máctốp trong giai đoạn đầu còn cộng sự hăng hái với báo, nay rời bỏ nó. Sau vài tháng, xét về căn bản, những bất đồng quan điểm thứ yếu còn phân cách tôi với Lênin ở Dimmécvan đã được xóa bỏ hoàn toàn.

Nhưng giữa chừng, những đám mây đen tụ họp trên đầu chúng tôi và ngày càng dày đặc trong

năm 1916. Dưới dạng "thông báo", tờ báo phản động *Liberté* (Tự do) đăng tải những bài kết tội chúng tôi là thân Đức. Càng ngày chúng tôi càng nhận được nhiều thư hăm dọa nặc danh. Những lời buộc tội và đe dọa hăm xuất phát từ đại sứ quán Nga. Nhiều khuôn mặt đáng ngờ thường xuyên lẩn khuất quanh nhà in. Écve đem cảnh sát ra đe dọa nạt chúng tôi. Chủ tịch Ủy ban Phụ trách Kiều dân Nga, giáo sư Đurokhem [Durkheim] cho biết người ta bàn tán trong các giới thượng đỉnh về chuyện cấm tờ *Nasé Xlôvơ* và trực xuất chủ nhiệm của nó. Tuy nhiên sự việc ngày càng bị trì hoãn. Người ta không sinh sự nổi vì tôi không vi phạm pháp luật, không vi phạm cả những luật định độc đoán của mạng lưới kiểm duyệt. Cần phải có một cơ coi được. Cuối cùng họ cũng tìm ra, hay nói đúng hơn, cũng nặn ra được một lý do như thế.

CHƯƠNG XX

BỊ TRỰC XUẤT KHỎI PHÁP

Sau khi tôi đến Cônxtantinốp, một số báo chí Pháp còn tuyên bố rằng lệnh trực xuất tôi ra khỏi nước này vẫn còn hiệu lực đến ngày nay, tức là sau mười ba năm. Nếu quả vậy, chúng ta lại có thể thấy rõ: không phải mọi giá trị đều mất đi trong tai họa khủng khiếp nhất của hoàn cầu. Đúng là trong những năm ấy, đạn chì đã giết đi hàng loạt thế hệ. Bao nhiêu thành phố bị san bằng. Các vương miện vương hầu lẫn lóc trên những khoảng đất bỏ trống ở châu Âu. Biên giới quốc gia đổi thay. Biên giới nước Pháp đã cắm cửa tôi cũng xê dịch. Nhưng trong cuộc đảo lộn khổng lồ ấy, cái lệnh mà Manvi [Malvy] ký vào đầu thu 1916 vẫn còn nguyên vẹn. Rút ra kết luận gì đây, khi sau đó, bản thân Manvi cũng bị đi đày biệt xứ, rồi ông ta lại trở về nước? Thì sao? Trong lịch sử, sản phẩm của bàn tay con người nhiều khi tỏ ra mạnh hơn kẻ đã tạo ra nó.

Thật ra một luật gia kỹ tính có thể phản bác rằng ông không thấy tính liên tục cần thiết trong hiệu lực của pháp lệnh ấy. Chẳng hạn năm 1918, phái bộ quân sự Pháp ở Mátxcova đã đề tòi toàn quyền sử dụng những sĩ quan đang tại chức. Làm sao có được điều này với một người ngoại quốc "bất trị" bị trực xuất khỏi Pháp? Hoặc giả một ví dụ khác: ngày 10 tháng Mười 1922, Heriô [Herriot] đến thăm Mátxcova và hoàn toàn không nhằm mục đích nhắc tôi nhớ đến lệnh trực xuất. Ngược lại chính tôi đã động đến lệnh ấy khi ngài Heriô thân ái hỏi bao giờ tôi định đến thăm Pari. Nhưng, nhắc lại quá khứ tôi chỉ có ý đùa là chính. Cả hai chúng tôi đều cười, tất nhiên mỗi người mỗi khác nhưng vẫn là cười cùng với nhau. Lại cũng là một sự thực nữa: năm 1925, thay mặt các nhà ngoại giao có mặt trong lễ khánh thành nhà máy điện Satura [Chatoura], ngài đại sứ Pháp, ông Hécbét [Herbette] đã đáp từ bài diễn văn của tôi với những lời lẽ ân cần nhất để rồi từ đó, cái tai hoài nghi nhất cũng không bắt được chút tiếng vang nào của sắc lệnh do ông Manvi ký.

Thì sao? Chẳng phải ngẫu nhiên mà một trong hai viên thanh tra dẫn độ tôi từ Pari đến Irun đã nói:
- Các chính phủ đến rồi lại đi, chỉ có số cảm là ở lại!

Để hiểu rõ hơn hoàn cảnh tôi bị trực xuất khỏi Pháp, cần trình bày vắn tắt việc tờ báo nhỏ tiếng Nga do tôi biên tập đã hoạt động trong những điều kiện ra sao. Kẻ thù chính yếu của tờ báo dĩ nhiên là đại sứ quán Nga hoàng. Ở đó người ta chăm chỉ dịch ra tiếng Pháp các bài trên *Nasé Xlôvơ* rồi chuyển tới Quai d'Orsay và Bộ Chiến tranh, kèm theo những lời bình luận thích hợp. Từ đây, người ta hoảng hốt gọi điện thoại đến ông Salơ [Chasles], kiểm duyệt viên quân sự của chúng tôi, một người đã sống nhiều năm ở Nga trước Thế chiến trên cương vị một giáo viên Pháp văn. Salơ không có tính cách quyết đoán lắm. Ông luôn giải quyết các hoài nghi của mình theo phương châm "thà bỏ đi còn hơn giữ lại". Tiếc rằng ông đã không áp dụng nguyên tắc này với bài tiểu sử rất kém cỏi về Lênin ông viết vài năm sau. Là một kiểm duyệt viên yếu bóng vía, chẳng những Salơ bảo vệ Nga hoàng, nữ hoàng, Xadônốp [Sazonov] hoặc bảo vệ những mộng tưởng chinh phục eo biển Đácđanen [Dardanelles] của Miliucốp mà ông ta còn bênh vực cả Rátxpuchin [Raspoutine]. Chẳng khó gì cũng có thể vạch ra: cuộc chiến chống lại tờ *Nasé Xlôvơ* - vì sự thực, đây là một cuộc chiến dai dẳng - không phải vì chủ nghĩa quốc tế của tờ báo mà do tinh thần cách mạng chống lại chế độ Nga hoàng của nó.

Lần đầu tiên chúng tôi nhận thấy chế độ kiểm duyệt đạt đến đỉnh cao của căn bệnh cấp tính vào thời kỳ người Nga thắng trận ở Galixi: thắng lợi quân sự nhỏ nhất nhất cũng khiến đại sứ quán Nga hoàng trở nên hỗn xược đến cực độ. Lần này, mọi sự suy đốn đến mức họ xóa toàn bộ bài truy điệu bá tước Vittê, ngay đến cả tên bài, dù nó chỉ vồn vẹn năm chữ cái: W-Í-T-T-Ê.

Cần phải nói thêm là cũng trong thời gian đó, cơ quan ngôn luận chính thức của hải quân Pê-téc-bua cho đăng tải những bài báo vô cùng tráo trối với Cộng hòa Pháp; người ta chế nhạo các "tiểu vương" - nghị sĩ - trong nghị viện Pháp. Kẹp sách một tờ tạp chí Pê-téc-bua, tôi đến sở kiểm duyệt.

- Thực ra tôi chẳng dính dáng gì đến tất cả chuyện này - ngài Salơ nói -, mọi chi tiết liên quan đến tờ báo các ông đều đến từ Bộ Ngoại giao. Có lẽ ông muốn nói chuyện với một nhà ngoại giao của chúng tôi?

Nửa giờ sau tại một phòng của Bộ Chiến tranh, tôi thấy xuất hiện một vị thượng lưu tóc hoa râm, dáng dấp chính khách. Cuộc đối thoại giữa chúng tôi đại khái diễn ra như thế này (sau đó ít lâu tôi ghi lại ra giấy):

- Ông có thể giải thích cho tôi biết tại sao người ta lại cắt đi trong báo chúng tôi bài viết về một viên chức Nga đã nghỉ hưu, hơn thế nữa, bị thất sủng, và lại, vừa mới mất? Chính xác hơn, việc này liên quan gì đến chiến sự?

- Nào, ông cũng biết đấy, những bài báo như thế làm họ không thoải mái - vị chính khách đáp và hát đầu không dứt khoát về phía tòa nhà đại sứ quán Nga.

- Nhưng chúng tôi viết chính là để họ không thoải mái...

Nhà ngoại giao mỉm cười độ lượng với lời đáp của tôi, như thể đó là một câu pha trò dí dỏm.

- Chúng tôi đang ở trong thời chiến. Chúng tôi lệ thuộc các đồng minh của mình.

- Phải chăng ông muốn nói nội tình nước Pháp được đặt dưới sự kiểm soát của đường lối ngoại giao Nga hoàng? Trong trường hợp này, phải chăng tổ tiên các ông đã làm khi chặt đầu Lui Capê [Louis Capet]?

- -, ông quá lời! Và lại xin ông chớ quên điều này: chúng tôi đang trong thời chiến...

Từ đó về sau câu chuyện trở nên uể oải. Với nụ cười tinh tế, nhà ngoại giao giải thích cho tôi hay: các bậc thượng lưu cũng là người trần thế, người sống không thích ta nói xấu về kẻ đã chết. Sau cuộc hội kiến, mọi việc vẫn tiếp diễn như xưa. Ông kiểm duyệt lại gạch, xóa. Nhiều khi thay vì tờ báo, chúng tôi cho ra một tờ giấy trắng. Không bao giờ chúng tôi làm trái ý ông. Và ngài Salơ lại càng ít khi dám trái ý những kẻ ủy nhiệm ông.

Tuy nhiên vào tháng 9-1916, sở cảnh sát thông báo lệnh trục xuất tôi khỏi nước Pháp. Tại sao? Người ta chẳng thèm giải thích với tôi một lời. Dần dần tôi mới vỡ ra: nguyên nhân là một vụ khiêu khích đê tiện do mật vụ Nga tổ chức ở Pháp.

Khi nghị sĩ Giăng Lôngghê lên tiếng phản đối, nói đúng hơn là bày tỏ nỗi buồn phiền của ông vì lệnh trục xuất tôi - những hành động phản đối của Lôngghê lúc nào cũng vang lên như một giai điệu vô cùng mềm mại -, thủ tướng Pháp Briăng đáp như sau:

- Nhưng ông có biết người ta đã tìm thấy tờ *Nasé Xlôvo* ở Mácxây [Marseille] trong tay những lính Nga đã ám hại ông thiếu tá của họ không?

Lôngghê không tính đến chuyện ấy. Ông biết về đường lối "Dimmécvan" của tờ báo và có thể chấp nhận nó bằng cách này hay cách khác, nhưng việc giết hại một thiếu tá quả thực làm ông bất ngờ. Lôngghê hỏi tin tức từ những người bạn Pháp của tôi, những người này lại hỏi tôi nhưng tôi cũng không biết gì hơn họ về vụ giết người ở Mácxây. Tình cờ các phóng viên báo chí tự do Nga - những nhà "ái quốc" vốn thù ghét tờ *Nasé Xlôvo* - lại dính vào vụ này và họ làm sáng tỏ mọi tình huống của câu chuyện.

Số là cùng lúc với việc gửi lính Nga đến lãnh thổ Cộng hòa Pháp - những đội quân này được gọi là "tượng trưng" vì có quân số không đáng kể -, chính phủ Nga hoàng cũng huy động tức thì một lượng điệp viên cân xứng cùng những *agent provocateur*. Trong số này, có một tên Uynnhinh [Winning] nào đó (nếu tôi không nhầm) đến từ Lônđôn với thư ủy nhiệm của lãnh sự Nga. Thoạt đầu Uynnhinh muốn lôi kéo những phóng viên Nga ôn hòa nhất để họ tuyên truyền "cách mạng" trong hàng ngũ binh lính. Nhưng tại đây y bị cự tuyệt thẳng cánh. Uynnhinh không dám tìm đến tòa soạn *Nasé Xlôvo*, thành thử chúng tôi không may hay biết về y. Sau thất bại ở Pari, Uynnhinh đến Tulông [Toulon], tại đó dường như y thành công chút ít trong tầng lớp lính thủy Nga, những người này chưa kịp hiểu tường tận về y.

- Địa bàn ở đây rất thuận lợi cho công việc của chúng tôi, hãy gửi cho chúng tôi sách vở và báo chí cách mạng - từ Toulon, Uynnhinh viết cho nhiều nhà báo Nga (y chọn những nơi gửi đến một cách ngẫu nhiên) nhưng không nhận được hồi âm.

Ở Tulông, có một vụ náo loạn lớn nổ ra trên chiếc tuần dương hạm Nga mang tên Átxcônđơ [Askold]. Vụ này bị dập tắt thô bạo. Vai trò của Uynnhinh quá rõ ràng ở đó, thành thử hẳn cảm thấy cần kịp thời chuyển hoạt động đến Mácxây.

Tại đây địa bàn cũng khá "thuận lợi". Không phải không có sự tham gia của Uynnhinh mà những cuộc nổi loạn đã xảy ra trong đám lính Nga, kết cục viên thiếu tá Craode [Krause] bị ném đá đến chết trong sân trại lính. Binh lính dính vào vụ này bị bắt, người ta tìm thấy nơi họ ở một số báo *Nasé Xlôvo*. Khi các nhà báo Nga đến Mácxây để tìm hiểu sự thể, các sĩ quan cho biết trong thời gian xảy ra vụ bạo loạn, một

anh chàng Uynnhinh nào đó đã nhét vào tay tất cả mọi người một số *Nasé Xlôvơ*, bắt kể "đương sự" có muốn hay không. Chỉ vì vậy mới có thể tìm thấy tờ báo ở chỗ những kẻ bị bắt: họ còn chưa đủ thì giờ để đọc nó.

Cần ghi nhận rằng ngay sau cuộc hội kiến giữa Lôngghê và Briăng, tức là trước khi vai trò của Uynnhinh được làm sáng tỏ, tôi đã viết thư ngỏ cho Guylơ Ghétđơ trong đó tôi nêu giả thiết tờ *Nasé Xlôvơ* có thể bị một tên khiêu khích đặt vào tay những người lính vào giây phút thích hợp. Giả thuyết ấy được xác nhận một cách không thể chối cãi bởi những kẻ thù truyền kiếp của tờ báo - và sớm hơn rất nhiều so với tôi chờ đợi. Nhưng điều này không được tính đến. Hoàn toàn rõ ràng, đường lối ngoại giao Nga hoàng khiến chính phủ Cộng hòa hiểu rằng nếu họ cần lính Nga, phải lập tức thiêu cháy cái tổ của những người cách mạng Nga. Mục tiêu ấy đã đạt: chính phủ Pháp - vẫn do dự cho đến khi ấy - liền cấm tờ *Nasé Xlôvơ* và bộ trưởng Nội vụ Manvi ký nghị định trục xuất tôi khỏi Pháp, văn bản này được chuẩn bị trước tại sở cảnh sát.

Bấy giờ chính phủ đã cảm thấy an toàn. Briăng coi chuyện xảy ra ở Mácxây là lý do trục xuất tôi, ông ta thông báo không chỉ cho Giăng Lôngghê mà còn cho nhiều nghị sĩ khác, trong số họ có Lâygo [Leysgues], chủ tịch một ủy ban nghị viện. Điều này không thể không có tác động. Nhưng một tờ báo được kiểm duyệt chặt chẽ và bán tự do tại các quầy báo Pari như *Nasé Xlôvơ* không thể cô động việc giết hại một thiếu tá, thành thử vụ này vẫn bị bao phủ bởi tấm màn bí ẩn chừng nào nội tình vụ khiêu khích chưa sáng tỏ. Tại nghị viện, các nghị sĩ cũng biết điều này. Tôi nghe kể rằng Panhlovê [Painlevé] - bộ trưởng Giáo dục thời ấy - đã kêu lên khi được thông báo về hậu trường vụ này:

- Thật nhục nhã... chúng ta không thể để như thế được!

Nhưng người ta đang ở trong thời chiến, Nga hoàng lại là đồng minh của Pháp. Không thể lột mặt nạ của Uynnhinh. Lệnh của Manvi được thi hành.

Sở cảnh sát cho biết tôi bị trục xuất đến một nước do tôi lựa chọn. Đồng thời, lập tức họ lưu ý: Anh và Ý từ chối vinh dự cho tôi tận hưởng lòng hiếu khách của họ. Không còn cách nào khác, tôi đành trở lại Thụy Sĩ. Nhưng tiếc thay, đại diện ngoại giao nước này từ chối thẳng thừng việc cấp thị thực cho tôi. Tôi gửi điện tín đến bạn bè ở đó và nhận được hồi âm đáng yên tâm: vấn đề này sẽ được giải quyết tích cực. Tuy nhiên đại diện ngoại giao Thụy Sĩ vẫn giữ nguyên lệnh cấm. Sau này tôi mới biết sứ quán Nga - được Đồng minh ủng hộ - đã gây áp lực cần thiết với Bécơ và các nhà chức trách Thụy Sĩ cố tình trì hoãn giải quyết vấn đề để Pháp có thời gian tổng tôi đi nơi khác. Muốn đến Hà Lan và Bắc Âu, tôi phải qua nước Anh nhưng chính phủ Anh cũng kiên quyết khước từ quyền quá cảnh của tôi. Chỉ còn lại Tây Ban Nha. Nhưng lần này tôi từ chối vì không muốn tự mình đến bán đảo Ibêrich [Ibérique]. Tôi kéo co với cảnh sát Pari gần sáu tuần lễ. Lũ mặt thám theo gót tôi, đứng canh trước nhà tôi và tòa soạn báo, không khi nào chúng rời mắt khỏi tôi.

Cuối cùng, nhà đương cục Pari quyết định dùng những biện pháp cứng rắn hơn. Cảnh sát trưởng Lôrăng [Laurent] gọi tôi đến và cảnh cáo rằng ông ta sẽ cử hai viên thanh tra đến chỗ tôi vì tôi không chịu tình nguyện ra đi.

- Họ sẽ mặc thường phục - ông nói thêm, giọng rất ân cần.

Sứ quán Nga hoàng đã đạt mục đích: tôi bị trục xuất khỏi Pháp.

Có thể có vài điểm sai nhỏ trong câu chuyện tôi kể dựa trên những ghi chép hồi ấy. Nhưng xét về thực chất thì tôi chính xác. Và lại đa số những ai dính dáng đến chuyện này nay còn sống cả, nhiều người trong số họ hiện ở Pháp. Các giấy tờ, chứng từ vẫn còn đó. Phục hồi sự thực quả thật không phải điều quá hao công tốn sức. Về phần mình, tôi dám đoán chắc rằng nếu moi được lệnh trục xuất của Manvi khỏi kho lưu trữ cảnh sát và đưa đi thử dấu vân tay, hẳn có thể thấy dấu ngón tay trở của ngài Uynnhinh tại một góc nào đó.

CHƯƠNG XXI

QUA TÂY BAN NHA

Hai viên thanh tra cảnh binh chờ tôi tại nhà ở khu phố nhỏ Uđơri. Một người tầm vóc nhỏ, trông hơi già, người kia lực lưỡng, đầu hói, đen như hắc ín, tuổi chừng bốn mươi lăm. Bộ thường phục khá nực cười trên người họ và khi trả lời, họ bắt giắc đưa tay lên một cái lưới trai vô hình. Trong lúc tôi giã từ bạn bè và gia đình, hai ông cảnh sát quá lịch sự đứng nép sau cánh cửa. Lúc ra đi, người nhiều tuổi hơn còn ngả mũ nhiều

lần:

- *Excusez, Madame!*

Một tên mật thám đợi dưới cửa, y đã theo dõi tôi không mệt mỏi và điên cuồng trong hai tháng cuối. Thân thiện như không có gì xảy ra, hắn sửa lại tấm chân len và đóng cửa xe sau khi tôi lên. Y giống như người thợ săn chuyên chờ con thú đến cho người đặt hàng. Chúng tôi khởi hành.

Chuyến tàu tốc hành, toa hạng ba. Tôi vỡ ra rằng viên thanh tra cao tuổi hơn lại là một chuyên gia về địa lý: Tômxơ [Tomsk], Cadan [Kazan], hội chợ Nhigionhi-Nôvogôrôt...- ông biết hết. Ông ta biết tiếng Tây Ban Nha, quen thuộc đất nước chúng tôi đến. Người kia - anh chàng cao lớn ngăm đen - im lặng hồi lâu và cau có ngồi co quắp cạnh chúng tôi. Nhưng rồi anh cũng lên tiếng:

- Chúng tộc La Tinh dậm chân tại chỗ, nó đã bị các nòi giống khác vượt qua hết rồi - đột nhiên anh tuyên bố, trong khi cắt một lát thịt mỡ với bàn tay lông lá đeo những chiếc nhẫn lớn. - Bởi vì thừa ngài, có cái gì trong văn học? Đâu đâu cũng thấy suy đồi. Trong triết học cũng thế. Từ thời Đêcácô [Descartes] và Pátxcan [Pascal] đến nay, mọi sự đều ngừng trệ... Cái chúng tộc La Tinh dậm chân tại chỗ rồi.

Tôi sùng sốt đợi nghe tiếp nhưng anh ta im lặng và nhai mẩu bánh mì kẹp thịt mỡ.

- Ít lâu trước đây các ông đã có Tônxtôi nhưng với chúng tôi, Ípxen gần gũi hơn là Tônxtôi.

Rồi anh ta lại yên lặng.

Ông già, phật ý vì cái dòng tri thức ấy, liền bắt đầu giảng giải tầm quan trọng của tuyến đường sắt Xibêri. Sau đó, nhằm bổ sung và giảm nhẹ những ý kiến bi quan của bạn đồng nghiệp, ông ta nói thêm:

- Vâng, chúng tôi thiếu đầu óc sáng kiến. Ai nấy đều muốn thành viên chức. Điều này thật đáng buồn nhưng không thể phủ nhận được.

Tôi nhần nhục nghe cả hai người, không phải không có chút tò mò.

- Theo dõi ư? -, bây giờ không làm nổi điều đó! Theo dõi chỉ thực sự nếu nó vô hình, đúng không? Phải nói thẳng ra: tàu điện ngầm giết chết sự theo dõi. Cần phải quy định cho những kẻ bị theo dõi: đừng lên tàu điện ngầm! Có thể mới theo dõi được...

Và anh chàng da ngăm đen bật cười, sa sầm mặt. Ông già bồi thêm, gắng xoa dịu:

- Nhiều khi chúng tôi theo dõi ai đó mà cũng chẳng biết tại sao lại phải theo dõi...

- Cảnh sát chúng tôi là lũ người hoài nghi - anh chàng ngăm đen lại tuyên bố, chẳng cần đầu đuôi gì. - Các ông có những ý tưởng của các ông. Nhưng chúng tôi phải canh giữ những gì đang tồn tại. Cứ thử xem Đại Cách mạng của chúng tôi. Là một trào lưu tư tưởng vĩ đại biết nhường nào! Vậy mà mười bốn năm sau cuộc cách mạng ấy, nhân dân còn bất hạnh hơn bao giờ hết. Ông đọc Tenơ [Taine] mà xem... Cảnh sát chúng tôi là những kẻ bảo thủ do chức vụ. Chủ nghĩa hoài nghi là triết học duy nhất hợp với nghề nghiệp chúng tôi. Xét đến cùng, chẳng ai chọn được đường đời cho mình. Làm gì có tự do ý chí. Tất cả đều là tiền định trong tiến trình của sự vật...

Rồi anh ta ung dung nhắc chai rượu vang đỏ lên miệng. Sau đó, đóng nút chai, anh tiếp lời:

- Ông Ronăng [Renan] bảo các tư tưởng mới mẽ bao giờ cũng đến quá sớm. Quả thực là như vậy.

Giữa chừng, anh chàng da ngăm đen nhìn bàn tay tôi với vẻ nghi ngờ vì tôi tình cờ đặt lên nắm xoay cánh cửa. Để y yên tâm, tôi lại thọc tay vào túi.

Trong thời gian đó, ông già lại tấn công: ông nói về người Bắtxơ [Basques], về ngôn ngữ, phụ nữ, đầu tóc của họ và nhiều thứ tương tự khác. Chúng tôi đến ga Hênđay [Hendaye].

- Nhà văn lãng mạn lớn của chúng tôi là Đêrulét [Déroulède] đã sống ở đây. Ông ấy chỉ cần được thấy những rặng núi nước Pháp. Một Đôn Kihôtê [Don Quijote] trong xứ xinh Tây Ban Nha của ông - anh chàng ngăm đen mỉm cười khoan dung nhưng kiên quyết. - Xin ông theo chúng tôi đến phòng cảnh sát nhà ga.

Ở Irun, một cảnh sát Pháp hỏi tôi điều gì đó nhưng người áp giải ra hiệu với anh ta và vội vã dẫn tôi đi qua các hành lang rồi rầm của nhà ga.

- *C'est fait avec discrétion? N'est-ce pas?* - anh ngăm đen hỏi. - Từ đây ông có thể đáp tàu điện đi Xanh Xêbắtxchiêng [Saint Sébastien]. Ông phải làm ra vẻ đi du lịch để tránh gây nghi ngờ cho cảnh sát Tây Ban Nha, họ cũng rất đa nghi. Và từ đây chúng ta không còn quen biết nhau nữa, đúng không?

Chúng tôi lạnh lẽo chia tay nhau.

Từ Xanh Xêbắtxchiêng, nơi tôi có dịp ngắm biển và kinh hoàng vì giá cả đắt đỏ, tôi đi Madrit: tôi rơi vào một thành phố mà ở đó, tôi hoàn toàn không quen biết ai và cũng chẳng ai biết tôi. Hơn nữa tôi không biết tiếng Tây Ban Nha, ngay giữa sa mạc Xahara hoặc pháo đài Piôt-Paven tôi cũng không thể cô đơn hơn. Không còn cách lựa chọn nào khác, đành phải nhờ đến ngôn ngữ của nghệ thuật. Hai năm nay, chiến tranh đã khiến tôi quên rằng nghệ thuật vẫn tồn tại trên thế gian này. Với vẻ tham lam của kẻ lữ hành đói khát, tôi ngấu ngiến những vật báu vô giá của bảo tàng Madrit và như xưa, tôi cảm thấy có cái gì "vĩnh cửu" trong nghệ thuật ấy. Những bức họa thiên tài của Vêlaquêđơ [Vélasquez], Ribêra [Ribera] hay Bôtso

[Bosch] tràn trề niềm vui cuộc đời ngây thơ. Người trông coi phòng tranh, một bác già cho tôi mượn chiếc kính lúp để quan sát hình dáng những nông dân, những chú lừa và chó nhỏ li ti trong tranh của Mien [Miel]. Không thể nào cảm thấy chiến tranh ở đây. Tất cả đều vững vàng và nguyên xi tại chỗ. Những sắc màu sống cuộc đời không chịu ai kiểm soát của chúng. Trong những cuộc dạo chơi bảo tàng, tôi ghi lại như sau vào sổ tay:

Giữa chúng ta và những người xưa ấy - tôi không muốn coi thường hoặc hạ thấp họ - một nghệ thuật mới được dựng lên ngay từ trước chiến tranh, sâu kín hơn, cá nhân hơn, nhiều sắc thái, chủ quan hơn và căng thẳng hơn. Cuộc chiến chắc hẳn sẽ cuốn đi trong một thời gian dài những tâm trạng ấy và cung cách ấy, cùng với những say mê và đau khổ của quần chúng - nhưng điều này hoàn toàn không có nghĩa là trở về những hình thức xưa, dù đẹp đến mấy: đến cái hoàn thiện của môn giải phẫu học và thực vật học, đến những cặp đùi kiểu Rubenxơ (mặc dù sau cuộc chiến, những cặp đùi hẳn đóng một vai trò lớn trong nền nghệ thuật mới thêm khát cuộc sống). Khó đoán được, nhưng từ những cảm xúc vô song xuất phát từ trong lòng nhân loại văn minh, một nền nghệ thuật mới phải được ra đời.

Có ro trong khách sạn, tôi đọc báo chí Tây Ban Nha với cuốn tự điển trong tay và chờ hồi âm các thư gửi đi Thụy Sĩ và Ý. Tôi vẫn còn hi vọng đến được các xứ ấy.

Ngày thứ tư, tôi nhận được một lá thư từ Pari trong đó có địa chỉ một người xã hội Pháp tên là Gabiê [Gabier]. Ông đứng đầu một hãng bảo hiểm ở đây. Mặc dầu có địa vị xã hội vững chắc, Gabiê kiên quyết phản đối đường lối vệ quốc của đảng ông. Cũng từ ông, tôi được biết đảng Tây Ban Nha hoàn toàn chịu ảnh hưởng chủ nghĩa xã hội quốc gia của Pháp. Chỉ ở Bắcxêlôna [Barcelone] - nơi có những người hoạt động công đoàn - mới có phe đối lập đáng kể. Chủ tịch đảng Xã hội, Anghilanô [Anguilano] - người tôi muốn đến thăm - đang bị tù mười lăm ngày vì anh tuyên bố thiếu lễ độ về một vị thánh công giáo nào đó. Vào thời xưa, hẳn Anghilanô đã bị thiêu sống trên giàn lửa rồi.

Tôi vẫn đợi hồi âm từ Thụy Sĩ, tôi học vẹt những từ Tây Ban Nha, tôi trò chuyện với Gabiê và thăm các bảo tàng. Ngày 9 tháng Mười một, trong một nhà trọ nhỏ mà Gabiê sắp đặt cho tôi, cô hầu phòng gọi tôi ra hành lang với điệu bộ hoảng hốt. Ở đó có hai anh chàng về bề ngoài khó nhâm lẫn, không được nhà nhận lăm, chúng mời tôi đi theo. Đến đâu ư? Cố nhiên là ra sở cảnh sát Madrít. Tại đó, tôi bị bắt ngồi trong một góc.

- Điều này có nghĩa là tôi bị bắt? - Tôi hỏi.

- Vâng, *par una hora, dos horas*.

Tôi ngồi liền tại chỗ trong tư thế ấy suốt bảy giờ đồng hồ. Chín giờ tối, người ta đưa tôi lên tầng trên. Tôi đứng trước một đình Ôlimpơ khá đông đảo.

- Tóm lại, tại sao các vị bắt tôi?

Câu hỏi đơn giản ấy hoàn toàn khiến cử tọa sững sờ. Lần lượt họ đưa ra các giả thuyết khác nhau. Một vị viện dẫn những khó khăn nhất định do chính phủ Nga gây ra trong việc cấp hộ chiếu cho người nước ngoài vào Nga.

- Nếu ông biết chúng tôi đã tốn bao nhiêu tiền của để truy nã những kẻ vô chính phủ ở nước tôi - một vị khác nói như muốn gây thiện cảm với tôi.

- Nhưng xin quý vị thứ lỗi, tôi không thể đồng thời chịu trách nhiệm về cảnh sát Nga và những người vô chính phủ Tây Ban Nha.

- Dĩ nhiên rồi, cố nhiên, chúng tôi chỉ nêu nó như một ví dụ thôi...

- Ông có tư tưởng gì? - cuối cùng, vị thủ trưởng hỏi tôi sau hồi lâu suy nghĩ.

Tôi trình bày các tư tưởng của tôi dưới dạng dễ hiểu.

- Nào, ông thấy đấy! - người ta đáp.

Cuối cùng, qua người thông ngôn vị thủ trưởng tuyên bố: họ đề nghị tôi rời Tây Ban Nha trong thời hạn ngắn nhất và cho đến khi ấy, tự do của tôi sẽ bị "hạn chế đôi chút".

- Tư tưởng của ông *trop avancées* đối với Tây Ban Nha - ông ta thành thật thổ lộ qua người thông ngôn.

Nửa đêm, một nhân viên dẫn tôi đến nhà tù bằng xe ngựa. Đồ dùng cá nhân của tôi trải qua sự lục soát không tránh khỏi ở trung tâm nhà tù hình sao năm cánh, gồm năm tòa nhà ba tầng lớn. Những cầu thang đều bằng thép. Bầu không khí im lặng đặc biệt buổi đêm của nhà tù đầy uế khí và ác mộng. Những bóng điện yếu ớt ngoài hành lang. Mọi thứ đều quen thuộc với tôi, ở đâu cũng vậy. Tiếng ồn khi cánh cửa bọc sắt hé mở. Một phòng lớn tranh tối tranh sáng, mùi nhà tù hôi thối, kính tắm, một chiếc giường khốn

khô. Tiếng ồn của cánh cửa bị sập lại. Đã bao lần như thế rồi nhỉ, trong đời?

Tôi mở cửa thông hơi sau tấm lưới sắt. Một làn không khí mát rượi ùa vào. Để nguyên bộ quần áo cài khuy đến tận cổ, tôi nằm dài trên giường và đắp bằng chiếc áo choàng. Chỉ lúc đó tôi mới hiểu sự ngu xuẩn của những gì đã diễn ra. Tôi ở Madrid - và trong tù. Chẳng bao giờ tôi nghĩ đến điều này. Idovônxi [Isvolsky] đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Bị giam ở Madrid! Nằm dài trên giường của "nhà tù kiểu mẫu" Madrid, tôi phá lên cười từ tâm can. Cứ thế, tôi cười cho đến khi ngủ thiếp đi.

Giờ đi dạo, tù thường phạm cho tôi biết trong cái nhà tù này có những phòng phải trả tiền và những phòng khác không mất tiền. Phòng hạng nhất giá 1,5 pêxêta [peseta] một ngày, phòng hạng nhì 75 xentimô [centimo]. Mọi người bị giam đều có quyền chuyển sang phòng trả tiền, nhưng họ không được từ chối loại phòng không mất tiền. Phòng tôi thuộc loại hạng nhất và phải trả tiền. Tôi lại cười rữ, rất thật lòng. Xét cho cùng thì mọi thứ đều hợp lý. Làm sao có được bình đẳng trong nhà tù ở một xã hội hoàn toàn xây dựng trên bất bình đẳng? Ngoài ra, tôi cũng được biết những người ở phòng phải trả tiền được đi dạo một ngày hai lần, mỗi lần một giờ, còn những kẻ khác chỉ được tổng cộng nửa giờ. Điều này cũng lại hợp lý. Lá phổi của tên tham ô trả 1,5 phờ-răng một ngày có quyền được hưởng nhiều không khí hơn của anh thợ bãi công, thợ không mất tiền.

Ngày thứ ba, tôi bị gọi đi đo người và người ta bảo tôi nhúng các ngón tay vào mực in để lăn dấu lên phiếu lưu trữ. Tôi từ chối. Khi ấy người ta dùng "bạo lực" nhưng với phép lịch sự tinh tế. Tôi nhìn về phía cửa sổ trong khi người quản tù lễ phép bôi bản bàn tay tôi, ngón này tiếp ngón khác và ấn nó hàng chục lần lên các loại phiếu và giấy tờ khác nhau - ban đầu tay phải rồi đến tay trái. Tiếp đó, họ cho tôi ngồi và bảo tôi cởi giày. Tôi lại cự tuyệt và sự việc trở nên khó khăn hơn. Các nhân viên quản trị lúng túng quay tròn quanh tôi. Cuối cùng, đột ngột họ đưa tôi đi vì có người đến thăm: Gabiê và Anghilanô, anh mới được thả ngày hôm qua từ một nhà tù khác. Hai người cho tôi hay là họ đã làm đủ mọi việc để tôi được phóng thích. Ngoài hành lang tôi gặp cha tuyên úy. Cha bày tỏ mối cảm tình Thiên Chúa giáo với tư tưởng hòa bình của tôi và nói thêm để an ủi:

- *Paciencia, paciencia!*

Quả thực tôi cũng chả còn cách nào khác.

Sáng ngày 12, một nhân viên thông báo tôi phải đi Cadích ngay tối hôm đó và hỏi tôi có muốn trả tiền vé không. Nhưng hoàn toàn không có ý đi Cadích, thành thử tôi từ chối thẳng thừng việc trả tiền đi đường. Trả tiền phòng trong nhà tù kiểu mẫu là đủ với tôi lắm rồi.

Thế là chiều hôm ấy tôi đi từ Madrid đến Cadích. Vua Tây Ban Nha chịu mọi phí tổn đi lại. Nhưng tại sao Cadích? Tôi xem lại bản đồ một lần nữa. Cadích ở tận cùng bán đảo châu Âu về phía Tây Nam: từ Bêrêdốp tôi qua Uran đến Pêtécbuga trên cỗ xe tuần lộc, từ đó đi đường vòng đến Áo, từ Áo ngang Thụy Sĩ qua Pháp, từ Pháp sang Tây Ban Nha và cuối cùng, qua toàn bộ bán đảo Ibêric đến Cadích. Hướng đi chung là từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Ở đây là tận cùng của lục địa, bắt đầu đại dương. *Paciencia!*

Các nhân viên dẫn độ tôi hoàn toàn không giữ bí mật về lộ trình: ngược lại, họ kể rất chi tiết về chuyến của tôi với bất kỳ ai muốn nghe, thêm nữa, theo khía cạnh tốt nhất: tôi không làm bạc giả, chỉ là một *caballero* nhưng có những tư tưởng không hợp lắm. Mọi người an ủi rằng khí hậu ở Cadích rất tốt.

Tôi gạn hỏi những người áp tải:

- Làm sao các ông phát hiện ra tôi?

- Rất đơn giản: qua một bức điện từ Pari...

Tôi cũng từng nghĩ như vậy. Văn phòng ở Madrid nhận được một bức điện từ sở cảnh sát Pari: "Một tên vô chính phủ nguy hiểm tên là... vượt biên ở Xanh Xêbátchiêng. Y muốn lưu trú tại Madrid". Thành thử người ta đã chờ đợi, đã lùng tìm và lo lắng khi không thấy tôi suốt tuần lễ đầu. Cảnh sát Pháp rất "té nhị" đưa tôi qua biên giới, một trong hai viên cảnh binh - kẻ sùng bái Môngtenhơ [Montaigne] và Ronăng - còn hỏi tôi "*C'est fait avec discrétion? N'est-ce pas?*"; nhưng cùng lúc đó, cũng chính sở cảnh sát ấy lại điện đến Madrid rằng một tên "vô chính phủ" nguy hiểm đã qua các cửa Irun và Xanh Xêbátchiêng.

Trong tất cả chuyện này, người đảm nhiệm vai trò chính là Bidê-"Phôpa" [Bidet-"Fauxpas"], chỉ huy cái gọi là "cảnh sát hành chính". Y là linh hồn của việc theo dõi và trục xuất tôi. Bidê nổi lên trong đám đồng nghiệp về sự lỗ mãng và quý quyết lạ thường. Y đã thử đàm đạo với tôi bằng một giọng mà các sĩ quan cảnh binh Nga hoàng cũng không dám dùng. Đến cuối mọi cuộc nói chuyện, bao giờ tôi cũng sôi máu và to tiếng. Ra khỏi phòng, tôi còn cảm thấy trên lưng cái nhìn căm ghét của hắn.

Khi Gabiê đến thăm, tôi nói với ông chắc chắn Bidê-"Phôpa" là kẻ chuẩn bị vụ bắt bớ tôi. Nhờ tôi, cái tục danh ấy được lan truyền trong báo chí Tây Ban Nha.

Không đầy hai năm sau, nhờ số phận đặc biệt run rui, tôi được mãn nguyện hết sức bắt ngò với ngài Bidê.

Mùa hè năm 1918, một lần tôi được gọi lên Bộ Dân ủy Quốc phòng và người ta cho tôi biết Bidê -

Bidê sấm sét - đang bị giam trong một nhà tù Xô-viết. Tôi không tin ở tai mình. Thì ra chính phủ Pháp gửi Bidê trong một phái bộ quân sự với mục đích làm do thám và tổ chức bạo loạn tại nước Nga Xô-viết. Và y đã vung về để bị tóm. Không thể chờ một sự trả đũa lớn hơn từ nữ thần Nê-mê-dida [Némésis], nhất là nếu ta nói thêm rằng sau đó ít lâu, ngài bộ trưởng Nội vụ Manvi - người đã ký quyết định trục xuất tôi khỏi Pháp - cũng bị nội các Clê-măng-xô tống khỏi nước này vì tội "âm mưu hòa bình chủ nghĩa". Sự trùng lặp của các sự kiện? Cứ như nó được chuẩn bị cho một kịch bản phim!

Khi Bidê bị dẫn đến Bộ Dân ủy Quốc phòng, tôi không nhận ra y ta ngay. Tên sấm sét ấy chỉ còn là một kẻ phàm phu tục tử tầm thường và ỉu xiu. Tôi sững sờ nhìn hắn.

- *Mais oui, monsieur* - y cúi đầu nói với tôi -, *C'est moi.*

Quả thật, đúng là Bidê.

- Nhưng sao lại thế này? Việc xảy ra thế nào?

Tôi thành thực ngạc nhiên. Bidê dang cánh tay như một nhà triết học và nói với lòng tin của một cảnh binh tinh tại:

- *C'est la marche des événements.*

Đúng thế! Một cách diễn đạt tuyệt vời. Trong ký ức tôi hiện ra anh chàng ngăm đen có tư tưởng định mệnh đã áp giải tôi đến Xanh Xê-bát-xiêng: "Làm gì có tự do ý chí. Tất cả đều là tiền định trong tiến trình của sự vật..."

- Nhưng này ông Bidê, ông không lịch sự gì mấy với tôi hồi ở Pari!...

- -, dù buồn bã đến mấy tôi cũng phải thừa nhận điều này, thưa ngài dân ủy. Tôi hay nghĩ đến nó khi nằm trong nhà giam.

Và y nói thêm, về ý tứ:

- Đôi khi con người cũng cần phải biết nhà tù nó thế nào, nhìn từ bên trong. Nhưng dù sao tôi vẫn hi vọng cách rằng sự sự của tôi ở Pari sẽ không đem lại cho tôi những hậu quả tai hại.

Tôi trấn an hắn về điều này.

- Trở về Pari, tôi sẽ không bao giờ làm lại nghề này nữa - y đảm bảo với tôi.

- Thật vậy ư, ông Bidê? *On revient toujours à ses premiers amours.*

Tôi hay kể lại màn kịch này cho bạn bè đến nỗi tôi nhớ đoạn đối thoại như nó mới vừa xảy ra hôm qua. Sau này, Bidê được phóng thích nhân một cuộc trao đổi tù binh và tôi không biết gì thêm về số phận của y.

Nhưng từ Bộ Dân ủy Quốc phòng, chúng ta cần quay lại Cađích một thời gian.

Sau khi đã thảo luận với thống đốc thành phố, viên cảnh sát trưởng Cađích cho tôi biết tám giờ sáng ngày hôm sau tôi sẽ bị đưa đi La Havan [La Havane]. Dịp may tình cờ, có một chiếc tàu khởi hành đến đó.

- Đi đâu cơ?

- La Havan

- La Havan?

- Phải, La Havan!

- Tôi không muốn tới đó!

- Nếu vậy, chúng tôi buộc lòng phải giữ ông dưới khoang tàu.

Ông thư ký phòng lãnh sự Đức, bạn của viên cảnh sát trưởng - ông ta tham dự câu chuyện với tư cách thông ngôn - khuyên tôi *sich mit den Realitäten abzufinden.*

Paciencia, paciencia! Thế này thì thật là quá quắt. Tôi lại tuyên bố rằng mọi việc không thể diễn ra như vậy. Cùng một đám mật thám, tôi chạy đến bu-rô điện qua các phố xá của thành phố tuyệt vời mà khi ấy tôi chẳng nhận ra mấy, tôi gửi những bức điện "urgente" (khẩn) cho Gabiê, Anghilanô, cho ông giám đốc Sở mật thám, cho ông bộ trưởng Nội vụ, cho ông thủ tướng Rô-manô-nét [Romanones], cho báo chí tự do, cho các nghị sĩ cộng hòa, tôi huy động mọi lý lẽ có thể đưa vào khuôn khổ một bức điện. Rồi tôi gửi thư từ đi khắp mọi nơi có thể.

Tôi viết cho nghị sĩ Ý Sê-rati [Serrati]:

Bạn thân mến, bạn thử tưởng tượng hiện nay bạn đang ở Tô-véc, trong vòng kiểm soát của cảnh sát Nga và người ta muốn trục xuất bạn đi Tô-ki-ô [Tokio], nơi bạn không hề muốn đến... Trước ngày bị tống đi La Havan, tình trạng của tôi ở Cađích cũng gần như thế.

Rồi cùng với lũ mật thám, tôi lại chạy thật nhanh tới chỗ ông cảnh sát trưởng. Nhân nhượng trước những ép buộc của tôi, ông điện cho Mađrít - phí tổn do tôi chịu - rằng tôi thả ở tù tại Cađích để chờ một chuyến tàu đi Niu Oóc còn hơn là đi La Havan. Tôi không muốn đầu hàng. Thật là một ngày nóng bỏng!

Trong lúc đó, nghị sĩ cộng hòa Cátxt rôviđô [Castrovido] chất vấn chính phủ trong viện Côrô-tét [Cortes] về việc tôi bị bắt và bị trục xuất. Một cuộc tranh luận nổ ra trên báo chí. Những tờ báo cánh tả công kích cảnh sát, nhưng với tư cách thân Pháp, họ lên án chủ nghĩa hòa bình của tôi. Những tờ cánh hữu thiện cảm với tính "thân Đức" (bởi không phải ngẫu nhiên mà tôi bị trục xuất khỏi Pháp!) nhưng lại ngại tư tưởng "vô chính phủ" của tôi. Trong cái khối hỗn tạp ấy, không ai hiểu được gì. Tuy nhiên, tôi được phép chờ ở Cađích chuyến tàu gần nhất đi Niu Oóc. Đó là một thắng lợi đáng kể!

Trong vài tuần tiếp đó, tôi chịu sự quản thúc của cảnh sát Cađích. Nhưng đây là thứ kiểm soát hòa bình và thân thiện, không như ở Pari. Ở đó trong hai tháng cuối, tôi phải tiêu hao không biết bao nhiêu năng lượng để lánh lữ mật thám. Tôi lần tránh trong tắc-xi, tôi lên vào phòng chiếu bóng tối om, nhảy vào tàu điện ngầm trong giây phút chót hoặc bất ngờ tụt xuống toa xe ngay trước khi cửa toa đóng lại... Những tên mật thám cũng nhanh mắt, chúng nghĩ ra đủ mọi thứ mưu mẹo trong quá trình săn đuổi tôi: chúng chiếm đoạt xe cộ, đứng canh ngoài cửa rạp phim, đột nhập lên các toa tàu điện và tàu điện ngầm như những trái bom, khiến hành khách và người kiểm tra vé bất bình đến cao độ. Xét cho cùng, tất cả những thứ đó cũng chỉ là *l'art pour l'art*. Hoạt động chính trị của tôi hoàn toàn diễn ra trước mắt cảnh sát. Nhưng lữ chó săn hỗn hên theo dấu chân tôi làm tôi khó chịu và khiến tinh thần thể thao sống dậy trong tôi.

Còn ở Cađích thì lại khác: tay mật thám tuyên bố bây giờ anh ta đi nhưng rồi sẽ trở lại vào một giờ nào đó và tôi phải kiên nhẫn ngồi chờ tại khách sạn. Mật khác, anh ta cương quyết bảo vệ quyền lợi của tôi, giúp đỡ tôi khi mua bán và nhắc tôi từng cái ổ gà trên vỉa hè. Khi một bác bán hàng rong bán một tá tôm hùm luộc cho tôi với giá hai rêan [real], tay mật thám giận dữ văng tục, vung vẩy tay hăm dọa và đến lúc người bán hàng đã ra khỏi quán cà phê, anh ta còn chạy theo và làm âm lên trước cửa hiệu khiến mọi người bầu lại.

Cổ không để mất thời gian, tôi nghiên cứu lịch sử Tây Ban Nha trong thư viện thành phố, tôi học thuộc lòng cách chia động từ tiếng Tây Ban Nha và gia tăng vốn từ Anh ngữ nhằm chuẩn bị sang châu Mỹ. Ngày lại ngày trôi qua lúc nào không biết. Tối tối, tôi thường buồn rầu nhận thấy sắp tới ngày đi mà tôi vẫn chưa tiến bộ được bao nhiêu.

Tôi thường chỉ có một mình ở thư viện, không kể những con mọt đã gặm nhấm nhiều pho sách văn học từ thế kỷ XVIII. Đôi khi, phải gắng sức mới đoán nổi tên một tác gia hoặc một dữ kiện ngày tháng.

Tôi tìm thấy trong sổ tay hồi đó của tôi ghi chú nhỏ sau đây:

Một sử gia của cách mạng Tây Ban Nha nói về những kẻ đầu cơ chính trị: năm phút trước thắng lợi của phong trào quần chúng, họ còn lên án nó là tội lỗi và rò dại, nhưng sau đó họ lại tìm cách ngoi lên hàng đầu. Cũng sử gia ấy tiếp tục viết: những đức ông tài ba này xuất đầu lộ diện trong tất cả các cuộc cách mạng sắp tới và chúng là kẻ to mồm nhất. Người Tây Ban Nha gọi loại người mảnh lói như chúng là *panzistas*, xuất phát từ chữ *panse* (bụng). Mọi người đều biết tên anh bạn cũ thân thiết của chúng ta - Xanchô Panxa [Sancho Pansa] - cũng xuất phát từ đây. Cách gọi ấy thật khó dịch, nhưng khó khăn ở đây chỉ trên quan điểm ngôn ngữ học và không mang đặc tính chính trị. Đó là một điển hình quốc tế thực sự.

Sau năm 1917, tôi còn nhiều dịp để tin ở điều đó.

Cần chú ý là báo chí Cađích hoàn toàn không nói gì đến chiến tranh, cứ như thể nó không tồn tại. Khi trò chuyện, tôi lưu ý những người Tây Ban Nha rằng trong tờ *El Diario de Cadiz*, tờ báo địa phương được truyền bá rộng rãi nhất, không hề có những mẩu tin chiến sự. Người ta ngạc nhiên trả lời tôi:

- Không có lẽ? Vô lý!... À, mà đúng thật!...

Như vậy, chính họ cũng không nhận ra điều này. Nhưng rốt cục cuộc chiến xảy ra đâu đó ở phía bắc rặng Pirênê [Pyrenées]. Bản thân tôi cũng bắt đầu mất thói quen nghĩ đến chiến tranh.

Con tàu thủy đi Niu Oóc xuất phát từ Bắcxêlôna. Tôi xin phép đến thành phố này để gặp gia đình.

Ở Bắcxêlôna tôi lại có những khó khăn mới với cảnh sát, tôi lại phản kháng và đánh những bức điện. Lữ mật thám lại xuất hiện. Gia đình tôi đến Bắcxêlôna. Trong thời gian vừa rồi, mọi người cũng trải qua nhiều lo âu, khác khoải ở Pari. Nhưng nay mọi sự đã ổn thỏa. Chúng tôi đi thăm thành phố cùng với lữ mật thám. Các con trai tôi thích biển và hoa quả ngoài phố. Chúng tôi đã yên lòng với việc đi Mỹ. Mọi cố gắng, nài nỉ của tôi để được qua Ý đến Thụy Sĩ đều không đạt kết quả nào. Thật ra - nhờ sự chạy vạy của các nhà xã hội Ý và Thụy Sĩ - cuối cùng tôi cũng được cấp giấy phép nhưng khi ấy gia đình tôi đã ở trên con tàu hơi nước Tây Ban Nha rời cảng Bắcxêlôna ngày 25 tháng Chạp. Cố nhiên, sự chậm chễ nọ không hề vô tình. Trên phương diện này, Ido-vôn-xki đã khéo xếp đặt mọi sự.

Cánh cửa châu Âu khép lại với tôi ở Bắcxêlôna. Cảnh sát đưa tôi và gia đình lên chiếc tàu mang

tên Môn-xê-rát [Montserrat] của một hãng "viễn dương" Tây Ban Nha. Con tàu này sẽ cập bến Niu Oóc sau mười bảy ngày. Mười bảy ngày hẳn là một thời hạn rất hấp dẫn vào thời Cô-lôm-bô, pho tượng ông vươn cao trên hải cảng Béc-xê-lô-na.

Biển cực kỳ dữ dội trong thời điểm tồi tệ nhất của năm. Con tàu làm mọi cách để nhắc chúng tôi: cuộc đời chẳng đáng bao nhiêu. Chiếc Môn-xê-rát là một đồng sắt gỉ, không mấy thích hợp trong việc giao thông trên đại dương. Nhưng trong thời chiến, lá cờ trung lập Tây Ban Nha làm giảm đi nhiều nguy cơ bị đánh chìm. Vì thế, hãng tàu thủy này đòi giá cao, cho hành khách ở tồi tàn và nuôi họ còn tệ hơn.

Dân số trên tàu có thành phần rất hỗn tạp và nói chung không mấy hấp dẫn. Trên boong tàu, tôi thấy nhiều kẻ đào tẩu - đa số thuộc loại có máu mặt - từ nhiều nước khác nhau. Một họa sĩ mang những bức tranh, tài năng, gia đình và tài sản của mình rời xa tuyến lửa, với sự bảo trợ của người cha già. Một võ sĩ quyền Anh - đồng thời là nhà văn, anh em họ với -txca Oai-đơ [Oscar Wilde] - tuyên bố thẳng thừng: anh thích đánh quai võ hàm các ngài *yankees* trong một môn thể thao cao quý hơn là giờ sườn ra trước lưỡi lê của người Đức. Nhà vô địch bi-a - một *gentleman* không chệ vào đâu được - bất bình vì lệnh động viên tràn cả đến lứa tuổi ông. Và tất cả những điều này để làm gì? Cho sự giết chóc vô nghĩa ư? Không! Và ông nhấn mạnh cảm tình của mình với những tư tưởng Dim-méc-van. Những hành khách khác cũng tương tự như thế: lính đào ngũ, những tay phiêu lưu, đầu cơ hoặc những phần tử "bất hảo" bị tổng khởi châu Âu - có ai là người muốn vượt Đại Tây Dương vào mùa này trên một con rùa Tây Ban Nha ọp ẹp?

Còn khó hơn nếu ta muốn tìm hiểu tường tận đặc điểm của hành khách hạng ba. Họ chông chất lên nhau, ít cử động, ít trò chuyện vì ít ăn, họ lãnh đạm bởi từ một sự khốn cùng - độc địa và quá quen thuộc - đến một sự khốn cùng khác, hiện còn chưa được biết đến. Châu Mỹ phục vụ cho châu Âu đang tham chiến và cần thêm nhân công mới, miễn là họ không đem lại cho nó bệnh đau mắt hột, tư tưởng vô chính phủ và các thứ bệnh khác.

Con tàu đem lại cho các con tôi một trường quan sát vô tận. Mỗi bận, chúng lại phát hiện được một cái gì đó.

- Cha biết không, chú thợ đốt lò là người rất tốt. Một *Republicain*. - Bọn trẻ thường xuyên đi chuyển từ nước này qua nước khác, thành thử chúng có một kiểu nói "quy ước" nào đó.

- Một người cộng hòa? Thế các con hiểu như thế nào về điều này.

- Chú giảng mọi thứ rất rõ cho bọn con: chú nói *Alphonso* rồi chú pằng-pằng!

Thế thì quả thực đó là một người cộng hòa, tôi công nhận quan sát của các con tôi. Bọn trẻ đem đến cho anh đốt lò thứ nho khô Magala và nhiều đồ ăn ngon khác. Chúng còn giới thiệu chúng tôi với nhau. Anh đốt lò cộng hòa chỉ chạc hai mươi tuổi và đã có những tư tưởng rất rõ ràng về vấn đề quân chủ.

Mùng 1 tháng Giêng 1917. Trên tàu mọi người chúc nhau một năm mới tốt lành. Tôi đã đón hai năm chinh chiến ở đất Pháp, năm thứ ba trên đại dương. Thử hỏi 1917 sẽ đem đến những gì?

Ngày 13 tháng Giêng. Chủ nhật. Chúng tôi đến gần Niu Oóc. Mọi người tỉnh giấc lúc ba giờ. Ai nấy đứng lặng trên boong tàu. Trời tối. Lạnh. Gió. Mưa. Trên bờ, lồ nhố những tòa nhà ẩm ướt.

Tân thế giới!

CHƯƠNG XXII

Ở NIU OÓC

Như thế, tôi đến Niu Oóc, một đô thị thô thiển lạ thường của sự tự động hóa tư bản chủ nghĩa, nơi mỹ học của chủ nghĩa lập thể ngự trị ngoài phố và đạo lý của đồng đô-la thắng thế trong lòng. Niu Oóc gây ấn tượng mạnh với tôi vì nó thể hiện hoàn thiện nhất tinh thần thời hiện đại.

Tôi cho rằng đa số huyền thoại được đặt ra về tôi là trong thời gian tôi lưu trú ở Hoa Kỳ. Nếu tại Na Uy nơi tôi chỉ quá cảnh, các nhà báo có đầu óc sáng tạo còn đặt chuyện tôi làm nghề mổ cá thu thì ở Niu Oóc - nơi tôi sống hai tháng - báo chí đã gán cho tôi vô số thứ nghề nghiệp, nghề này lý thú hơn nghề khác. Nếu tôi gom góp tất cả những cuộc phiêu lưu mà báo chí dán cho tôi, hẳn đã có một thứ tiểu sử thú vị hơn nhiều so với cuốn sách tôi viết ở đây. Nhưng tôi buộc phải làm bạn đọc Mỹ thất vọng. Nghề duy nhất mà tôi làm ở Niu Oóc là nghề của một nhà cách mạng xã hội. Và vì nó diễn ra trước cuộc chiến tranh "giải phóng", "dân chủ", cái nghề này cũng không bị xua đuổi hơn nghề buôn rượu lậu ở Hoa Kỳ. Tôi viết bài,

làm chủ nhiệm một tờ báo và diễn thuyết trong các cuộc mít-tinh của giới công nhân. Tôi ngập đầu trong công việc và không cảm thấy lạc lõng.

Trong một thư viện ở Niu Oóc, tôi chăm chỉ nghiên cứu đời sống kinh tế Hoa Kỳ. Tôi sùng sốt trước các số liệu tăng trưởng của nền xuất khẩu của nước này trong thời gian cuộc chiến xảy ra. Đối với tôi, đó thực sự là một phát kiến lớn. Không những báo trước việc Hoa Kỳ sẽ tham chiến, chúng còn quyết định vai trò đáng kể của nước này trên thế giới, khi cuộc chiến kết thúc. Tôi liền viết vài bài báo và đi diễn thuyết về đề tài này. Từ hồi ấy, vấn đề "Mỹ và Âu" vĩnh viễn là một trong những chủ đề được tôi quan tâm hàng đầu. Hiện nay tôi vẫn chăm chú nghiên cứu vấn đề này và muốn dành cho nó một cuốn sách. Để hiểu tương lai nhân loại, không đề tài nào có ý nghĩa hơn.

Sau khi đến Niu Oóc một ngày, tôi viết trong tờ báo Nga *Nôvui Mir* [Novy Mir] (Thế giới mới):

Tôi rời châu Âu đắm máu với niềm tin sâu sắc vào cuộc cách mạng sắp tới. Và tôi đã đặt chân lên bờ cái Tân Thế giới khá già cỗi này, hoàn toàn không mang chút ảo mộng "dân chủ" nào.

Mười ngày sau, tôi phát biểu trong một cuộc "gặp gỡ" quốc tế:

Bản chất sự kiện kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt là ở chỗ: châu Âu suy tàn ngay tại nguồn của cải cơ bản của mình, còn châu Mỹ thì cứ giàu lên. Và trong khi thêm thường nhìn ngắm Niu Oóc, tôi - vẫn cảm thấy mình là người Âu - khắc khoải tự hỏi: liệu châu Âu có trụ được không? Phải chăng nó sẽ thành một nhà mồ? Và trọng tâm đời sống kinh tế và văn hóa sẽ dịch chuyển sang đây, châu Mỹ?

Dù có những thành tựu trong cái gọi là sự ổn định của châu Âu, câu hỏi này vẫn mang tính thời sự cho đến tận bây giờ.

Tôi diễn thuyết bằng tiếng Nga và tiếng Đức trong một số khu ở Niu Oóc, ở Philadelphia [Philadelphie] và các thành phố lân cận. Kiến thức tiếng Anh của tôi dạo ấy yếu hơn hiện nay, thành thử tôi không dám nghĩ đến chuyện đăng đàn trước công chúng bằng thứ ngoại ngữ này. Tuy nhiên ở Niu Oóc, nhiều lần tôi thấy người ta viện dẫn các bài nói chuyện của tôi bằng tiếng Anh. Mới đây thôi, biên tập viên một tờ báo ở Cônxtantinốp kể chuyện về một buổi diễn thuyết giả tưởng ấy của tôi, trong đó anh ta có mặt khi còn là sinh viên tại Mỹ. Thú thực tôi không đủ can đảm để nói cho anh ta biết chắc hẳn anh là nạn nhân của trí tưởng tượng bản thân. Nhưng trời hỡi, anh chàng ấy còn lặp lại "hội tưởng" nọ trên những trang báo của anh ta, lần này với vẻ tự tin hơn.

Chúng tôi thuê một căn nhà trong xóm thợ và mua chịu các đồ đạc nội thất. Căn phòng giá 18 đô-la một tháng này có nhiều tiện nghi hơn hẳn so với châu Âu: điện, lò ga, phòng tắm, điện thoại, thang máy tự động chớ hàng (có thể chớ cả rác rưởi khi xuống). Tất cả những thứ này lập tức làm các con tôi thích Niu Oóc. Trong một thời gian, máy điện thoại là trung tâm cuộc sống của chúng tôi. Chúng tôi chưa từng biết dụng cụ kỹ bí ấy ở Viên cũng như ở Pari.

Gác công nhà chúng tôi là một người da đen. Vợ tôi đưa cho ông ta tiền thuê nhà một quý nhưng không nhân được biên lai vì hôm trước, chủ nhà đem cuốn sổ đi kiểm tra. Hai ngày sau khi chúng tôi đến ở, ông da đen biến mất và cuỗm theo tiền thuê nhà của vài người khách trọ. Ngoài tiền nong, chúng tôi còn gửi ông giữ hộ hành lý. Chúng tôi rất hoang hốt. Khởi đầu thế là dở rồi. Nhưng mọi đồ đạc của chúng tôi vẫn còn nguyên. Và khi mở chiếc thùng gỗ để bát đĩa, chúng tôi vô cùng sùng sốt khi tìm thấy những đồng đô-la của chúng tôi, được cuộn cẩn thận trong giấy. Người gác công chỉ đem theo tiền những kẻ thuê nhà đã nhận biên lai hợp lệ. Không nhẹ tay với ông chủ, nhưng người da đen không muốn gây thiệt hại cho những người thuê nhà. Quả là một người tuyệt vời! Chúng tôi rất cảm động vì sự lưu tâm đó và luôn nghĩ về ông với tấm lòng biết ơn. Tôi thấy câu chuyện nhỏ ấy có một tầm quan trọng rất lớn lao. Đường như nó cho ta thấy một mảnh của vấn đề "da đen" tại Hoa Kỳ.

Vào những ngày tháng ấy, Hoa Kỳ ráo riết chuẩn bị cho chiến tranh. Trong việc này - như thường lệ - những người hòa bình chủ nghĩa lại là những người đóng góp nhiều nhất. Họ đọc những bài diễn văn rề rề về cái lợi của hòa bình so với chiến tranh và lặp đi lặp lại đoạn kết với lời hứa ủng hộ chiến tranh nếu nó trở nên "cần thiết". Briăng cũng tuyên truyền trong cái tinh thần ấy. Các nhà xã hội cùng gây chung một sợi dây đàn với đám hòa bình chủ nghĩa. Và ai cũng biết: đối với những tín đồ hòa bình chủ nghĩa, chiến tranh chỉ tột vào thời bình.

Khi người Đức tuyên bố cuộc chiến toàn diện bằng tàu ngầm, hàng núi quân trang, quân dụng chất đống tại mọi sân ga miền Đông Hoa Kỳ và các hải cảng trên toàn quốc, làm tắc nghẽn các tuyến đường sắt. Lập tức, giá cả hàng tiêu dùng tăng vọt. Tôi thấy ở cái thành phố Niu Oóc vốn rất giàu có, hàng vạn phụ nữ và các bà mẹ xuống đường, đảo lộn hòm xiềng, rỏ rã các quầy hàng rong ngoài phố và làm tan nát những

cửa hiệu nhỏ. Cả thế giới này sẽ ra sao sau cuộc chiến? - tôi tự vấn và hỏi những người khác.

Lời tuyên bố được chờ đợi từ lâu vang lên ngày 3 tháng Hai: Hoa Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đức. Ngày lại ngày, khúc nhạc sô-vanh càng vang lên mạnh mẽ. Giọng nam cao (của các tín đồ hòa bình chủ nghĩa) và giọng kim (của những người xã hội) không phá hỏng chút nào bản hòa tấu. Tôi đã có dịp quan sát tất cả những điều này ở châu Âu và sự động viên tinh thần ái quốc kiểu Mỹ chỉ là lặp lại mọi điều đã thấy. Tôi ghi nhận các giai đoạn của diễn biến trong tờ báo tiếng Nga của tôi và thầm nghĩ: sao nhân loại lại ngu dốt đến thế? Học hoài mà chẳng hiểu!

Từ cửa sổ tòa soạn, tôi được mục kích quang cảnh sau. Một ông già mắt toét nhèm, râu xám và dựng đứng, dừng lại trước một thùng rác và moi từ trong ra một mẩu bánh mì. Ông già cố bẻ nó, ông đưa mẩu bánh cứng như đá lên miệng rồi đập vài lần vào cạnh thùng rác. Nhưng vô hiệu, mẩu bánh cứ ì ra. Khi ấy, ông nhìn quanh vẻ lo lắng pha lẫn bối rối, dứt "báu vật" tìm thấy dưới cái vét-tông màu nâu sẫm và tập tễnh đi tiếp trên phố Xanh Mác Poiétxơ [Saint Mark's Place]... Chuyện cảnh nhỏ nhoi này diễn ra ngày 2 tháng Ba 1917. Nó không thay đổi được chút nào các kế hoạch của giai cấp thống trị. Mục đích của giai cấp này là biến chiến tranh thành một thứ không tránh khỏi và phá vỡ hòa bình chủ nghĩa phải ủng hộ lời tuyên chiến.

Tại Niu Oóc, Bukharin là một trong số những người đầu tiên đón chúng tôi, anh cũng vừa bị trục xuất khỏi bán đảo Xcăngđinavơ [Scandinavie]. Bukharin biết gia đình chúng tôi từ thời kỳ ở Viên và anh tiếp chúng tôi với vẻ hào hứng con trẻ, vốn là đặc tính của anh. Mặc dầu chúng tôi mệt mỏi và đã quá khuya, ngay hôm đầu anh dẫn chúng tôi đi thăm thư viện công cộng. Công việc chung của chúng tôi ở Niu Oóc mở đầu một quá trình mà Bukharin ngày càng quyến luyến với tôi, mãi đến năm 1923, khi đó cảm giác ấy mới đảo ngược hoàn toàn. Bản chất con người ấy là luôn luôn phải dựa dẫm, phải tồn tại và phải gắn bó với ai đó. Những lúc ấy, Bukharin chỉ là một người đang lên đồng, qua anh một kẻ khác nói và hành động. Cần đề ý đến anh ta, bằng không thì, bằng một cách không tự giác và hầu như khó nhận biết, anh sẽ rơi vào ảnh hưởng ngược lại như người ngã vào bánh ô tô. Không bị quản thúc, anh sẽ lãng mạ hết lời thần tượng của anh, cũng hăng hái như lúc anh thần thánh hóa họ. Tôi chưa bao giờ thật sự coi trọng Bukharin và để mặc anh muốn làm gì thì làm, tức là để anh rơi vào ảnh hưởng của kẻ khác. Sau khi Lênin qua đời, trước tiên Bukharin là con rối của Dinôviép và tiếp đó là của Xtalin. Giờ đây, khi tôi viết những dòng này, Bukharin lại qua một cơn khủng hoảng mới và chịu đựng những ảnh hưởng tinh thần nào đó, lạ lẫm và không quen biết đối với tôi.

Thời gian đó Cônlôntai [Kollontai] cũng ở Mỹ. Chị đi vắng luôn và nói chung chúng tôi ít gặp gỡ nhau. Trong chiến tranh, chị đi một bước ngoặt mạnh mẽ về phía tả, chị rời hàng ngũ men-sê-vích để đứng cùng những người bôn-sê-vích cánh tả. Kiến thức ngoại ngữ và tính khí của chị khiến chị trở thành một nhà tuyên truyền quý báu. Nhưng những quan điểm lý luận của chị vẫn còn mờ mịt. Thời ở Niu Oóc, đối với chị, chẳng có gì được coi là đủ tính cách mạng. Chị liên hệ thư từ với Lênin. Làm méo mó các sự kiện và tư tưởng qua lăng kính cực tả thời đó của chị, Cônlôntai chuyển cho Lênin những thông tin về nước Mỹ và đặc biệt, về hoạt động của tôi. Trong những hồi âm của Lênin, có thể thấy tiếng vang của những thông tin sai lạc và thành kiến của chị đối với tôi từ hồi đầu.

Sau này, trong cuộc đấu tranh chống lại tôi, những kẻ kẻ nghiệp bất tài không quên sử dụng những ý kiến sai lầm mà về sau, bản thân Lênin cũng phủ nhận - bằng lời nói và bằng chính hành động của ông.

Trở về Nga, hầu như ngay từ những ngày đầu, Cônlôntai đã gia nhập phe đối lập cực tả, chẳng những đề chống tôi mà chống cả Lênin. Chị đã phá kịch liệt "thứ đường lối của Lênin và Trôtxki" để rồi sau đó cúi đầu một cách cảm động trước thể chế của Xtalin.

Về mặt ý thức hệ, đảng Xã hội Hoa Kỳ cực kỳ lạc hậu, ngay cả so với chủ nghĩa xã hội quốc gia châu Âu. Tuy nhiên, cái vẻ dương dương tự đắc của báo chí Hoa Kỳ - lúc ấy đang còn đứng ở vị trí trung lập - đối với châu Âu "trong cơn sóng gió" vẫn còn thấy được trong tư tưởng những nhà xã hội nước này. Một số, như Hinquit [Hillquit] sẵn sàng đóng vai trò "ông bác" xã hội châu Mỹ, người đến châu Âu đứng lúc để hòa giải các đảng phái thù địch trong Đế nhị Quốc tế.

Cho đến nay, tôi vẫn không nín được cười thầm khi nhớ lại các lãnh tụ của chủ nghĩa xã hội Mỹ. Những người nhập cư - thời trẻ từng đóng một vai trò gì đó ở châu Âu - nhanh chóng đánh mất những điều kiện tất yếu về mặt lý thuyết mà họ mang theo trong cuộc chiến chen chúc cho sự thành đạt bản thân. Ở Hoa Kỳ, có một tầng lớp đông đảo các thầy thuốc, trạng sư, nha sĩ, kỹ sư và những kẻ tương tự, đã thành đạt hoặc thành đạt nửa chừng; họ chia sẻ thời giờ rỗi rãi quý báu của mình để tham gia khúc hòa tấu của những danh nhân châu Âu và đảng xã hội Mỹ. Sự từng trải của họ gồm những mẩu, những mảnh các ý kiến thông thái tiếp thu được thời họ còn cắp sách đến trường. Hơn nữa, tất cả bọn họ đều có xe hơi, họ luôn luôn được bầu vào các ban lãnh đạo, các tổ và các phái bộ của đảng. Cái giới tự đắc này ghi dấu ấn tinh thần lên chủ nghĩa xã hội Mỹ. Đối với họ, Uynxon có uy tín hơn Mác rất nhiều. Tóm lại, đó là những dạng

từ tựa như ông Bápbít [Babbitt], người bỏ sung những vụ việc buôn bán bằng các suy tư đả đui trong ngày chủ nhật về tương lai nhân loại. Những con người ấy sống trong những bộ lạc quốc gia nhỏ, trong đó sự đoàn kết tư tưởng thường chỉ để che giấu các quan hệ làm ăn. Mỗi bộ lạc có một lãnh tụ, thường là người giàu nhất trong bọn. Tất cả đều rất khoan dung với mọi thứ tư tưởng, miễn là những tư tưởng ấy không phá hoại uy tín truyền thống của họ và không đe dọa - lạy Chúa! - sự phồn vinh cá nhân họ. Bápbít bậc nhất trong các Bápbít là Hinquít, lãnh tụ xã hội lý tưởng của những nhà sĩ thành đạt.

Lần tiếp xúc đầu tiên của tôi đối với những con người ấy đủ khiến họ ghét tôi ra mặt. Những cảm giác của tôi, có lẽ trầm lắng hơn, chắc chắn không phải những thiện cảm. Chúng tôi thuộc về những thế giới khác nhau. Trong mắt tôi, họ đại diện cho bộ phận thối nát nhất của cái thế giới tôi đã và đang đấu tranh.

Ông già Ogien Đép [Eugene Debs] nổi bật trong thế hệ già bằng ngọn lửa nội tại không thể dập tắt của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Là nhà cách mạng chân thành nhưng lãng mạn và mang tâm hồn của một mục sư, hoàn toàn không phải là chính trị gia và lãnh tụ, Đép chịu ảnh hưởng của những kẻ kém ông về mọi mặt. Nghệ thuật lớn nhất của Hinquít là giữ được Đép ở phía cực tả mà không phải đoạn tuyệt quan hệ làm ăn với Gômépéc [Gompers].

Đép là người có sức lôi cuốn mạnh trong các quan hệ cá nhân. Khi chúng tôi gặp nhau, ông luôn ôm chặt và hôn tôi; phải thừa nhận là ông già ấy không thuộc hạng người "lạnh lẽo". Khi đám Bápbít phong tỏa tôi, Đép không tham gia, ông chỉ cay đắng lảng ra xa.

Hầu như từ những ngày đầu, tôi tham gia tòa soạn tờ nhật báo tiếng Nga *Nóvui Mir*, trong đó ngoài Bukharin còn có sự cộng tác của Vólôđácxki [Volodarsky] - sau này bị bọn xã hội cách mạng sát hại ở vùng phụ cận Pêtorôgorát [Pétrograd] - và Trútnốpxki [Tchoudnovsky], cũng bị thương ở đó và sau bị giết ở Ucoraina. Tờ báo trở thành trung tâm tuyên truyền cách mạng quốc tế. Trong mọi liên đoàn quốc gia của đảng xã hội đều có những cộng tác viên biết tiếng Nga. Nhiều thành viên của liên đoàn Nga nói tiếng Anh. Vì thế các tư tưởng của *Nóvui Mir* thâm nhập trong các giai tầng rộng rãi của giới công nhân Mỹ. Các quan chức của chủ nghĩa xã hội chính thức lo lắng. Những cuộc chiến bè đảng hung bạo nổi lên chống người khách từ châu Âu mới tới đất Mỹ ngày hôm qua, chẳng biết chút gì về tâm lý Mỹ mà toan áp đặt những phương pháp hảo huyền của anh ta vào giới thợ thuyền nước này. Cuộc chiến nổ ra vô cùng dữ dội. Trong liên đoàn Nga, bọn Bápbít "dày dạn" và "uru tú" bị đẩy lùi lập tức. Trong liên đoàn Đức, ông già Sluêtê [Schlueter] - chủ nhiệm tờ *Volkszeitung* và bạn chiến đấu của Hinquít - đành chịu mất ảnh hưởng trước biên tập viên trẻ Lôr [Lore], nhưng anh này lại thuộc phái chúng tôi. Những người Létôn [Lettonie] một lòng một dạ theo chúng tôi đến cùng. Liên đoàn Phần Lan cũng hướng về chúng tôi. Chúng tôi thâm nhập ngày càng thành công vào Liên đoàn Do Thái vốn rất vững, họ có một tòa lầu mười ba tầng, từ đó mỗi ngày tuôn ra hai mươi vạn bản *Vorwaerts*, bốc lên mùi thiu thối của thứ xã hội chủ nghĩa tiêu tư sản đa cảm, sẵn sàng phản bội một cách tẻ nhạt nhất. Trong hàng ngũ quần chúng công nhân bản địa Mỹ, những quan hệ và ảnh hưởng của đảng xã hội và cụ thể, của cánh cách mạng chúng tôi kém phần rộng rãi. *The Call* (Tiếng gọi), tờ báo tiếng Anh của đảng được viết theo tinh thần hòa bình trung lập, nội dung nghèo nàn, trống rỗng. Chúng tôi quyết định bắt đầu bằng việc phát hành một tờ tuần báo mác-xít chiến đấu. Công cuộc chuẩn bị đang rầm rộ thì bị cản trở bởi... cách mạng Nga

Sau hai ba ngày lặng im bí hiểm, những tin tức mơ hồ và hỗn độn về cuộc cách mạng ở Pêtorôgorát bắt đầu lọt ra ngoài qua đường điện tín. Giới công nhân gồm nhiều chủng tộc ở Niu Oóc lặng đi vì hồi hộp. Người ta muốn nhưng cũng không dám hi vọng. Báo chí Mỹ hoàn toàn lưỡng lự. Từ mọi nơi, các nhà báo, nhà phỏng vấn, các phóng viên và người viết phóng sự lũ lượt đổ dồn đến tòa soạn *Nóvui Mir*. Trong một thời gian, tờ báo của chúng tôi trở thành trung tâm hội tụ của cả giới báo chí Niu Oóc. Các tòa soạn và tổ chức xã hội điện thoại cho chúng tôi không dứt.

- Chúng tôi nhận được điện tín báo tin thứ chính phủ Gutrocóp [Goutchkov]-Miliucóp đã hình thành ở Pêtécbuva. Thế là thế nào?

- Nghĩa là ngày mai nội các Miliucóp-Kêrenxki sẽ được thành lập.

- Ra thế! Còn sau đó?

- Sau đó ư? Rồi sẽ đến lượt chúng tôi.

- -!

Cuộc nói chuyện trên lặp lại vài chục lần. Hầu như những người chất vấn đều cho là tôi nói đùa.

Trong một cuộc họp thu hẹp của những người xã hội dân chủ Nga - chỉ gồm các vị được coi là quan trọng nhất - tôi đọc một diễn văn trong đó tôi cổ vũ đảng của giai cấp cần lao nhất thiết sẽ dành được quyền hành trong giai đoạn hai của cách mạng Nga. Hiệu quả đạt được gần giống như khi tôi ném một hòn đá xuống đầm lầy nhưng nhúc nhích những chú ếch nhái ngạo mạn và no nê. Bác sĩ Inghécman [Ingermann] không quên giáng giải cho cử tọa: tôi không biết đến cả bốn phép tính số học cơ bản của chính

trị và chẳng nên mất thời giờ vô ích - dù chỉ là dăm phút - để gạt bỏ những câu nói lung củng, lộn xộn của tôi.

Quần chúng công nhân đón chờ những triển vọng của cách mạng theo một cung cách hoàn toàn khác. Những cuộc mít-tinh đông đảo với bầu không khí hăng hái chưa từng có diễn ra trong tất cả các khu của Niu Oóc. Khi được tin lá cờ đỏ tung bay trên Cung điện mùa Đông, quần chúng phấn chấn hò reo khắp mọi nơi. Không chỉ các kiều dân Nga, nhiều khi cả lớp con cháu không biết tiếng mẹ đẻ của họ cũng đến dự những buổi họp ấy để hít thở không khí hào hứng do cách mạng mang đến.

Không mấy khi tôi ở nhà. Gia đình tôi cũng sống cuộc sống phức tạp riêng của nó. Vợ tôi chăm lo xếp đặt tổ ấm gia đình. Lũ trẻ tìm thấy những bạn mới. Được ưa chuộng hơn cả là anh lái xe của bác sĩ M. Vợ ông bác sĩ ấy cùng vợ tôi đi dạo với bọn trẻ và tỏ ra rất thân mật với chúng. Nhưng chị cũng chỉ là một phụ nữ bình thường. Còn anh lái xe mới thật là một thầy phù thủy, một người khổng lồ, một siêu nhân! Chỉ bằng cái phẩy tay, anh khiến chiếc xe quy thuận. Ngồi cạnh anh trên xe là một hạnh phúc tuyệt vời. Khi vào một hàng bánh ngọt, lũ trẻ phật ý kéo tay mẹ chúng và hỏi:

- Sao chú tài xế không đi cùng với chúng ta?

Khả năng thích nghi của trẻ con thật vô bờ bến. Ở Viên, chúng tôi thường sống trong những xóm thợ, vì thế bọn trẻ - ngoài tiếng Nga và tiếng Đức - còn nói rất thành thạo thổ ngữ thành Viên. Nhiều lần bác sĩ Anphrét Átle rất hài lòng xác nhận: chúng nói thứ thổ ngữ ấy giỏi như bất cứ ông già *Fiakerkutscher* nào của thành Viên. Trong trường học ở Durich, bọn trẻ buộc phải chuyển sang thổ ngữ Durich vì đây là ngôn ngữ trong nhà trường ở các lớp dưới, ở đó tiếng Đức được dạy như ngoại ngữ. Tại Pari, lũ trẻ phải đột ngột xoay sang tiếng Pháp. Các cháu học thành thạo ngôn ngữ mới này trong vòng vài tháng. Nhiều khi tôi ghen tị với chúng vì vẻ thoải mái, nhẹ nhõm khi chúng nói tiếng Pháp. Thời gian không đầy một tháng ở Tây Ban Nha và trên con tàu Tây Ban Nha cũng đủ để lũ trẻ nắm được nhiều từ và ngữ thông thường nhất. Cuối cùng, tại Niu Oóc, chúng học hai tháng liền trong một trường Mỹ và nắm vững những nét chủ yếu của tiếng Anh. Sau cách mạng tháng Hai, bọn trẻ tiếp tục học ở Pêtorôgorát. Đời sống học đường bị xáo trộn. Các ngoại ngữ bay hơi khỏi tâm trí của các cháu còn nhanh hơn khi chúng đọng lại thuở trước. Nhưng các con tôi nói tiếng Nga theo kiểu của người nước ngoài. Nhiều lần, chúng tôi ngạc nhiên nhận thấy cấu trúc một câu tiếng Nga của chúng nói hết như dịch từ tiếng Pháp. Tuy vậy, các cháu lại không thể nói lại được một lần nữa chính câu nói ấy bằng tiếng Pháp. Lịch sử những chặng đường di tản của chúng tôi được ghi lại như vậy đây trong những bộ óc non trẻ, tựa như trên những cuộn giấy cổ bằng cò lác được viết chồng chéo nhiều lần.

Khi từ tòa soạn, tôi gọi điện cho vợ tôi báo tin cách mạng nổ ra ở Pêtécbuva, con trai thứ của chúng tôi đang nằm viện vì bệnh bạch hầu. Cháu lên chín. Nhưng đã từ lâu cháu biết rõ cách mạng đồng nghĩa với đình chiến, với việc trở về Nga và với hàng ngàn hạnh phúc khác. Cháu nháy chồm lên và múa may mừng cách mạng trên giường. Điều này chứng tỏ cháu đã khỏi bệnh.

Chúng tôi cố gắng rời Mỹ bằng chuyến tàu thủy đầu tiên. Tôi chạy đi chạy lại đến các lãnh sự xin giấy tờ và thị thực. Tối hôm trước ngày khởi hành, bác sĩ cho phép đứa nhỏ mới lành bệnh được đi dạo. Vợ tôi cho cháu đi trong nửa giờ rồi sửa soạn hành lý. Đã bao lần cô phải làm từ đầu đến cuối công việc ấy! Nhưng không thấy cháu về. Tôi thì ở tòa soạn báo. Ba giờ khắc khoải trôi qua. Điện thoại kêu vang trong nhà chúng tôi. Ban đầu một giọng đàn ông không quen biết, rồi tiếng của Xécgây:

- Con đang ở đây!

Đấy là một đồn cảnh sát ở đầu bên kia Niu Oóc. Cậu bé muốn nhân chuyến đi dạo đầu tiên ấy để giải đáp một câu hỏi đã hành hạ cháu từ lâu: quả thực có phố Thứ Nhất (First Avenue) không? - chúng tôi ở phố 164, nếu tôi không nhầm. Dĩ nhiên cháu đã lạc, lần la hỏi người qua đường và được họ đưa đến đồn cảnh sát khu vực. May sao, cháu nhớ được số điện thoại của chúng tôi.

Một giờ sau, khi vợ tôi cùng cháu đầu đến đồn cảnh sát, họ được tiếp đón vui vẻ như một vị khách chờ đợi từ lâu. Cậu bé Xêriôgia mặt đỏ bừng và đang chơi bài với một chú cảnh sát. Để che giấu nỗi bối rối do sự chăm sóc quá tận tình của cơ quan hành chính, cháu chăm chỉ nhai kẹo cao su Mỹ màu đen cùng các bạn mới của nó. Bù lại, đến nay Xêriôgia vẫn còn nhớ số điện thoại của chúng tôi ở Niu Oóc.

Quá cường điệu nếu bảo tôi đã làm quen với Niu Oóc. Tôi quá vội vã ngụp lặn trong công việc của đảng xã hội Mỹ. Cách mạng Nga cũng đến quá nhanh. Vốn vẹn, tôi chỉ nắm bắt được chút gì đó từ nhịp sống của con quái vật có tên là Niu Oóc. Tôi trở về châu Âu trong tâm trạng của một kẻ mới thoáng nhìn vào bên trong cái lò tôi luyện tương lai nhân loại. Tôi tự an ủi sẽ có ngày trở lại nơi đây. Đến nay tôi vẫn chưa từ bỏ hi vọng ấy.

CHƯƠNG XXIII

TRONG TRẠI TẬP TRUNG

Ngày 25 tháng Ba, tôi đến tổng lãnh sự Nga ở Niu Oóc: ở đây chân dung Nhicôlai Đệ nhị đã được hạ khỏi tường nhưng bầu không khí nặng nề của một đồn cảnh sát Nga cũ vẫn tiếp tục ngự trị. Sau một vài trở ngại và trì hoãn không tránh khỏi, ông tổng lãnh sự bằng lòng cấp các giấy tờ hợp lệ để tôi có thể về Nga. Tại phòng lãnh sự Nga ở Niu Oóc, sau khi tôi điền xong các tờ khai, người ta tuyên bố chính quyền Anh sẽ không gây trở ngại gì cho chuyến quá cảnh của tôi. Thành thử, mọi sự dường như đầu vào đây.

Ngày 27 tháng Ba, tôi cùng gia đình và vài người đồng hương xuống con tàu thủy Na Uy mang tên Coríxtianiápgióoc [Christianiafjord]. Mọi người già từ chúng tôi bằng hoa và những bài diễn văn. Chúng tôi trở về đất nước cách mạng. Có đầy đủ hộ chiếu và thị thực. Cách mạng, hoa và thị thực làm thành một bản hòa tấu tràn ngập tâm hồn phiêu lãng của chúng tôi.

Ở Heliphécxơ [Halifax] (Canada) nơi nhà chức trách hải quân Anh kiểm tra tàu, các sĩ quan cảnh binh chỉ xem xét hộ chiếu những công dân Mỹ, Na Uy, Đan Mạch và các nước khác một cách hình thức. Nhưng những người Nga chúng tôi thực sự bị hỏi cung: chúng tôi có tư tưởng gì, có kế hoạch chính trị gì, v. v...? Tôi từ chối không chuyện trò với họ về vấn đề này. Tôi nói: các ngài có thể xem xét những thông tin liên quan đến nhân dạng tôi, nhưng thế là hết; nội tình chính trị Nga hiện thời chưa thuộc quyền kiểm soát của hải quân Anh.

Nhưng điều này không ngăn trở Masen [Machen] và Óátxtút [Wastwood], hai sĩ quan điều tra, - sau khi cuộc hỏi cung thứ hai thất bại - dò hỏi các hành khách khác về tôi. Hai viên sĩ quan này nhấn mạnh tôi là một *terrible socialist* (nhà xã hội ghê gớm).

Toàn bộ cuộc điều tra thật khiếm nhã và đã đẩy những nhà cách mạng Nga vào một tình thế bị phân biệt đối xử thái quá so với các hành khách khác, những người không có cái rủi ro đại diện cho một quốc gia đồng minh với Anh. Đến nỗi nhiều người - sau khi bị truy hỏi - đã lập tức bày tỏ sự phản kháng quyết liệt với chính quyền Anh vì hành vi của các cảnh sát. Tôi không làm điều đó; sau này tôi sẽ phản nản trực tiếp với Bendébút [Belzébuth] về lũ quỷ sứ này. Tuy nhiên, lúc đó chúng tôi cũng chưa nhìn thấy hết diễn biến sắp tới của các sự việc.

Ngày 3 tháng Tư, những sĩ quan Anh - được các thủy thủ đi kèm - xuất hiện trên boong tàu Coríxtianiápgióoc. Nhân danh thủy sư đô đốc địa phương, họ ra lệnh cho tôi cùng gia đình và năm hành khách phải rời tàu. Được hỏi về nguyên do của đòi hỏi ấy, họ hứa đến Heliphécxơ sẽ đưa sự việc đáng tiếc "ra ánh sáng". Chúng tôi coi lệnh này là bất hợp pháp và từ chối không tuân thủ. Những thủy thủ có vũ trang lao vào chúng tôi và dù số lớn hành khách la ó phản đối *shame, shame* (xấu hổ, nhục nhã!), họ xóc chúng tôi xuống một chiếc xuồng tuần tiễu và chở về Heliphécxơ dưới sự hộ tống của một tuần dương hạm. Tôi bị chùng một chục thủy thủ giữ chặt, con trai đầu của tôi chạy đến giúp tôi, cháu ra sức thui một sĩ quan bằng nắm đấm nhỏ bé và kêu lên:

- Con cho lão ấy một phát nữa, ba nhé?

Nó mười một tuổi. Cháu nhận được bài học đầu tiên của nền dân chủ Anh.

Cảnh sát để vợ và con tôi ở Heliphécxơ. Chúng tôi, những người còn lại, bị đưa lên xe lửa về trại Amhéc [Amherst], nơi giam giữ tù binh Đức. Tại đây, trong văn phòng tiếp nhận, chúng tôi bị lục soát như chưa từng thấy bao giờ, ngay cả khi tôi bị giam ở pháo đài Piót-Paven. Trong nhà tù Nga hoàng, khi chúng tôi bị bắt cởi hết quần áo và cảnh sát sờ nắn khám người, việc đó được làm kín đáo, không để người khác nhìn thấy. Ở đây, ngược lại, các đồng minh dân chủ buộc chúng tôi trải qua những thủ tục nhục nhã ấy trước mặt hàng tá người. Nhân vật chính của vụ lục soát, tên trung sĩ Ônxen [Olsen] người Thụy Điển-Canada, vĩnh viễn đọng lại trong tâm trí tôi với cái đầu sen đầm đỏ hung kiêu tội phạm. Bọn cận bã điều khiển từ xa thừa biết chúng tôi là những nhà cách mạng Nga chính trực trên đường trở về quê hương vừa được cách mạng giải phóng.

Chỉ đến sáng hôm sau, đáp lại những đòi hỏi và phản kháng liên tục của chúng tôi, viên chỉ huy trại, đại tá Mờrítxơ [Morris] mới đưa ra lý do chính thức khiến chúng tôi bị bắt giam:

- Các ông là người nguy hiểm đối với chính phủ Nga hiện tại - y tuyên bố cụt lùn.

Viên đại tá vốn không quá hùng biện, hơn nữa, khuôn mặt ông ta có vẻ bưng bưng một cách đáng ngờ ngay từ sáng sớm.

- Nhưng chính các đại diện của chính phủ Nga ở Niu Oóc đã cấp giấy thông hành hợp lệ cho

chúng tôi về Nga. Và lại, hãy để cho cái chính phủ Nga ấy tự lo lấy thân!

Đại tá Môrítxơ ngấm nghĩ, quai hàm giật giật nhai đi nhai lại rồi nói thêm:

- Các ông cũng nguy hiểm cho cả phe Đồng minh...

Người ta không cho chúng tôi xem bất kỳ một lệnh bắt giữ nào. Nhân danh cá nhân, ông đại tá còn nói: là những người cư trú chính trị, cố nhiên chúng tôi có lý do rời bỏ đất nước mình và cũng đừng ngạc nhiên về những sự việc xảy ra. Đối với ông, cách mạng Nga không hề tồn tại. Chúng tôi cố giải thích cho ông rằng các bộ trưởng Nga hoàng - những kẻ đã khiến chúng tôi phải cư trú chính trị thời xưa - nay đã đều ngổ tù vì họ chưa kịp di tản. Nhưng tất cả những điều này đều quá phức tạp đối với viên đại tá, kẻ từng lập thân tại các thuộc địa Anh và trong cuộc chiến chống người Bê. Khi nói chuyện, tôi không tỏ ra kính trọng ông đến mức cần thiết khiến ông ta găm gù sau lưng tôi:

- Thằng này cứ thử rơi vào tay ông ở bờ biển Nam Phi mà xem...

Đó cũng là câu cửa miệng của ông.

Về mặt luật pháp, vợ tôi không phải là người di cư chính trị vì cô ra nước ngoài bằng hộ chiếu hợp lệ. Tuy nhiên cô cũng bị bắt giữ cùng hai con trai nhỏ, một lên chín, một lên mười một. Tôi không phóng đại khi nói lũ trẻ cũng bị bắt giữ. Thoạt đầu, các nhà chức trách Canada cố tách chúng khỏi mẹ để đưa vào một trại tể bản. Hoảng hốt vì chuyện ấy, vợ tôi tuyên bố không bao giờ cho phép họ chia rẽ cô với các con. Chỉ nhờ sự phản kháng của cô mà lũ trẻ mới được cùng cô đến ở nhà một cảnh sát người Anh lai Nga, anh này chỉ cho các con tôi ra đường dưới sự quản thúc của anh, kể cả khi lũ trẻ không đi cùng mẹ chúng, tránh việc họ gửi đi những thư từ hoặc điện tín "bất hợp pháp". Chỉ mười một ngày sau, vợ con tôi mới được chuyển đến một khách sạn với điều kiện hàng ngày phải ra trình báo ở sở cảnh sát.

Trại tù binh Amhéc đặt trong tòa nhà rêu phong cỏ mọc của một xưởng đúc cũ; người ta tịch thu xưởng này của một ông chủ người Đức. Các phân gỗ được xếp thành ba tầng và hai hàng, dọc theo tường nhà. Tám trăm người bị giam giữ trong điều kiện như thế. Không khó khăn gì cũng có thể tưởng tượng ra bầu không khí phòng ngủ này ban đêm. Mọi người vật vã trong các hành lang giữa các tấm ván, dùng cùi tay huých nhau, người nằm, kẻ đứng, họ chơi bài hoặc đánh cờ. Số đông thạo nghề vật như đục đẽo, lắp ráp các đồ vật trong nhà, một vài người vô cùng khéo léo. Đến nay tôi vẫn giữ ở Mátxcova một vài tuyệt phẩm do các tù nhân Amhéc làm ra. Có năm người quản trí trong số những tù nhân, mặc dù họ đã cố gắng anh dũng để tự duy trì thể xác và tinh thần. Chúng tôi ăn và ngủ cùng một buồng với những kẻ bất hạnh điền khùng ấy.

Trong số tám trăm tù nhân cùng sống với tôi gần một tháng, có khoảng năm trăm thủy thủ từ những tàu chiến Đức bị người Anh đánh đắm và chừng hai trăm công nhân rơi vào cuộc chiến ở Canada, ngoài ra còn có khoảng một trăm tù thường phạm thuộc tầng lớp sĩ quan và dân sự.

Quan hệ của chúng tôi với các bạn tù người Đức tiến triển ngày một tốt đẹp khi họ hiểu rằng chúng tôi là những người cách mạng xã hội và bị bắt vì thế. Các sĩ quan và hạ sĩ quan thủy quân già cả - họ sống biệt lập, cách chúng tôi một tấm gỗ ván - lập tức coi chúng tôi là kẻ thù. Nhưng ngược lại, quân chúng trong quân ngũ ngày càng có thiện cảm với chúng tôi. Một tháng trải qua trong trại tập trung giống như một cuộc mít-tinh không lồ duy nhất. Tôi nói chuyện với các tù nhân về cách mạng Nga, về Líp-nêch, về Lênin, về những nguyên nhân tan vỡ của Quốc tế cũ, về sự tham chiến của Hoa Kỳ. Ngoài những cuộc diễn thuyết công khai, thường xuyên có những cuộc nói chuyện theo từng nhóm. Ngày lại ngày, tình bạn giữa chúng tôi càng được thắt chặt.

Về tâm trạng, đám tù nhân thuộc quân ngũ chia làm hai loại. Một loại nói: "Thôi, đủ rồi, phải làm một lần cho dứt điểm". Họ mơ mộng đến chuyện xuống đường tại những nơi công cộng. Loại khác nói: "Tôi thì có dính dáng gì đến tất cả những chuyện ấy? Không, chẳng bao giờ tôi để lọt vào tay bọn chúng nữa..."

- Nhưng cậu lần tránh bọn chúng bằng cách nào cơ chứ? - những người khác hỏi.

Anh thợ mỏ Babinxki [Babinski], to cao, mắt xanh, người Xilêdia [Silésie] nói:

- Tôi sẽ đem vợ con vào rừng sâu rồi đặt bẫy sói quanh nhà và chỉ ra khỏi nhà với khẩu súng trong tay. Cứ thử đến gần tớ mà xem...

- Thế tớ, cậu cũng không cho đến gần à, Babinxki?

- Cậu cũng không. Tớ cóc tin ai sất...

Các thủy thủ tìm mọi cách để giúp tôi đỡ khổ. Tôi phải cương quyết phản đối để giành quyền tự xếp hàng lĩnh bữa trưa và tham gia những công việc chung: quét nhà, gọt khoai tây, rửa bát đĩa và dọn các công trình phụ.

Quan hệ giữa đám lính trơn trong quân ngũ và các sĩ quan đầy hiềm khích. Trong số sĩ quan, vài kẻ mặc dầu là tù binh, vẫn lập những phiếu hạnh kiểm thủy thủ "của họ". Cuối cùng, họ cũng thừa kiện với trưởng trại, đại tá Môrítxơ. Họ phàn nàn tôi tuyên truyền "phản quốc". Ngài đại tá Anh quốc lập tức đứng

về phía chủ nghĩa ái quốc của dòng họ Hôhendôlécơ và cảm tôi tiếp tục nói chuyện trước công chúng. Nhưng điều này chỉ xảy ra vào những ngày cuối cùng của tôi ở trại và càng làm tôi gần gũi hơn nữa với anh em thù thù và công nhân. Họ đáp lại sự cảm đoán của ngài đại tá bằng một bản kháng cáo gồm 535 chữ ký. Bản "trung cầu dân ý" thực hiện dưới bàn tay phũ phàng của tên thượng sĩ Ônxen hoàn toàn bù đắp mọi khó khăn tôi phải chịu đựng trong trại Amhéc.

Trong suốt thời gian chúng tôi bị giam giữ ở trại, các nhà chức trách cố tình bác bỏ quyền được liên lạc với chính phủ Nga của chúng tôi. Họ không chuyển những bức điện của chúng tôi đến Pêtorôgorát. Chúng tôi cố khiếu nại việc cảm đoán ấy trong bức điện gửi thủ tướng Anh Lôi Gioóc [Lloyd George]. Nhưng bức điện ấy cũng không được chuyển đi. Đại tá Môrítxơ đã quen với việc đơn giản hóa luật *habeas corpus* ở các thuộc địa. Hơn nữa, chiến tranh cũng che chở ông ta. Trước khi cho phép tôi đi gặp vợ tôi, ngài trưởng trại đặt điều kiện tôi không được nhờ vợ chuyển bất cứ thư từ gì đến lãnh sự Nga. Điều ấy nghe như không thật, thế mà đã xảy ra. Tôi từ chối việc gặp gỡ. Cố nhiên, ông lãnh sự cũng không vội vã giúp đỡ chúng tôi. Ông ta còn đợi chỉ thị. Mà để hiểu là các chỉ thị đã đến chậm.

Phải nói rằng cho đến nay tôi vẫn chưa hiểu hoàn toàn rõ ràng toàn bộ cái cơ chế bí ẩn của việc bắt giữ và phóng thích tôi. Hẳn chính quyền Anh đã ghi tên tôi vào sổ đen khi tôi hoạt động ở Pháp. Bằng mọi cách, nó đã trợ giúp chính phủ Nga hoàng tống tôi khỏi châu Âu. Chắc hẳn chính phủ Anh đã dựa trên cơ sở hồ sơ cũ ấy, cộng thêm tin tức mới về hoạt động "phản quốc" của tôi ở Mỹ, để hạ lệnh bắt tôi tại Heliphécxơ.

Khi tin tôi bị bắt lan đến báo chí cách mạng Nga, sứ quán Anh ở Nga - chắc hẳn không lo ngại trước chuyện về nước của tôi - đã gửi thông cáo chính thức đến các báo ở Pêtorôgorát, cho biết những người Nga bị bắt giữ ở Canada đã "lên đường với sự giúp đỡ tài chính của đại sứ quán Đức để lật đổ Chính phủ Lâm thời". Điều này, ít nhất cũng rõ ràng.

Tờ *Prápđa* do Lênin chỉ đạo đã trả lời Biucanon ngày 16 tháng Tư (có lẽ chính Lênin viết):

Thư hỏi chúng ta có thể tin được không, dù chỉ trong giấy lát, vào sự căm giận của bản thông cáo, rằng Trốtxki - cựu chủ tịch Xô-viết các đại biểu công nhân Pêtécbuia năm 1905, nhà cách mạng từng kháng khái hy sinh hàng chục năm của đời mình cho sự nghiệp cách mạng - lại có thể dính líu đến một kế hoạch do chính phủ Đức bỏ tiền? Bởi đây là sự vụ không hiển nhiên, tệ hại, vô liêm sỉ đối với một nhà cách mạng. Ông nhận được tin ấy của ai, ông Biucanon? Tại sao ông không nói?... Sáu kẻ lồi chân kéo tay đồng chí Trốtxki và họ đã làm tất cả điều này nhân danh tình hữu nghị của ông với Chính phủ Lâm thời...

Chính phủ Lâm thời có vai trò gì trong tất cả vụ này? Điều đó còn chưa rõ ràng lắm.

Không cần phải chứng minh việc Miliucốp, lúc đó là Ngoại trưởng, đồng tình việc bắt bớ tôi tự đáy lòng. Ngay từ năm 1905, y đã điên cuồng chống "chủ nghĩa trót-kít": bản thân khái niệm này cũng xuất phát từ y. Nhưng vào năm 1917, Miliucốp phụ thuộc các Xô-viết và y càng phải mưu mô, thủ đoạn vì các đồng minh xã hội-ái quốc của y chưa bắt đầu khủng bố những người bôn-sê-vích.

Đại sứ Anh Biucanon hình dung sự việc như sau trong hồi ký của ông:

Trốtxki và những kẻ khác bị bắt ở Heliphécxơ trong khi người ta làm sáng tỏ ý đồ của Chính phủ Lâm thời đối với họ.

Theo Biucanon, Miliucốp được thông báo ngay về việc tôi bị bắt. Hình như từ ngày 8 tháng Tư, đại sứ Anh đã chuyển lên chính phủ của ông ta lời đề nghị phóng thích tôi của Miliucốp. Nhưng hai ngày sau, cũng ngài Miliucốp ấy đã rút lại lời thỉnh cầu và bày tỏ hi vọng chúng tôi sẽ tiếp tục bị giam giữ ở Heliphécxơ. Và Biucanon rút ra kết luận cuối cùng:

Như vậy, chính Chính phủ Lâm thời là người phải chịu trách nhiệm về sự giam giữ họ kéo dài.

Tất cả những điều ấy đều rất có thể. Biucanon chỉ quên không làm sáng tỏ trong hồi ký của ông ta về số phận sau đó của khoản tiền tôi nhận được từ chính phủ Đức nhằm lật đổ Chính phủ Lâm thời. Không có gì lạ: sau khi tôi về Pêtorôgorát, bị dồn đến chân tường, Biucanon đành thú nhận trong báo chí là ông ta hoàn toàn không biết gì về số tiền đó. Chưa bao giờ người ta đối trá nhiều như trong thời kỳ "đại chiến tranh giải phóng". Nếu những điều bịp bợm đều bùng nổ thì hành tinh chúng ta đã tan thành bụi khói từ rất lâu trước hiệp ước Vécxay [Versailles].

Cuối cùng Xô-viết cũng can thiệp và Miliucốp đành nhượng bộ. Giờ đã điem vào ngày 29 tháng Tư: chúng tôi được thả khỏi trại tập trung. Nhưng ngay việc trả tự do cũng diễn ra bằng vũ lực. Đơn giản,

người ta ra lệnh cho chúng tôi gói ghém hành lý và đi theo toán lính canh. Chúng tôi đòi được biết mình bị đưa đi đâu và nhằm mục đích gì. Họ từ chối. Các tù nhân lo ngại, nghĩ chúng tôi sẽ bị giam giữ trong một pháo đài. Chúng tôi lại yêu cầu họ phải gọi điện cho viên lãnh sự Nga ở thành phố gần nhất. Điều này cũng bị khước từ. Chúng tôi có đủ cơ sở để đừng tin vào lòng tốt của các ngài cướp biển ấy. Chúng tôi tuyên bố không tự nguyện rời trại, chừng nào họ chưa cho biết chặng kế tiếp của cuộc hành trình mới. Viên chỉ huy ra lệnh dùng vũ lực. Toán lính hộ tống xách tuột hành lý của chúng tôi ra ngoài. Chúng tôi vẫn ương ngạnh nằm dài trên tấm phản. Và chỉ khi đám hộ tống cảm thấy cần phải xốc nách chúng tôi đi như họ đã làm trên tàu thủy trước đó một tháng, nhưng lần này còn phải vượt qua một đoàn thủy thủ bị kích động, viên chỉ huy mới nhượng bộ. Theo phong cách đặc thù của thực dân Anh, y thông báo chúng tôi sẽ được chuyển sang một chiếc tàu Đan Mạch sắp khởi hành về Nga. Khuôn mặt đỏ gay của y co giật. Y không sao chịu nổi việc chúng tôi sắp thoát khỏi tay y. Giá chúng tôi lọt vào tay y ở bờ biển Nam Phi thì phải biết!...

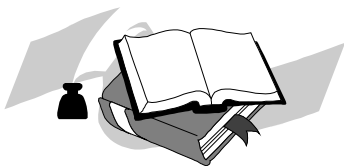
Các bạn tù long trọng tiễn chúng tôi khỏi trại. Trong lúc các sĩ quan lui vào phòng riêng của họ và chỉ vài kẻ thù mũi vào những khe hở trên vách, thủy thủ và công nhân xếp thành hàng suốt dọc hành lang. Ban nhạc chơi một bản hành khúc cách mạng bằng các phương tiện tại chỗ, những bàn tay bè bạn chia về phía chúng tôi từ mọi hướng. Một tù nhân đọc bài diễn văn ngắn chào mừng cách mạng Nga và nguyên rủa để chế Đức. Đến giờ tôi vẫn thấy ám lòng khi nghĩ lại tình thân của chúng tôi với anh em thủy thủ Đức ở trại Amhéc vào cực điểm của chiến tranh. Sau này, tôi còn nhận những bức thư thân thiết từ nhiều bạn Đức ấy.

Khi từ biệt Masen, trước mặt viên sĩ quan cảnh binh Anh đã bắt giữ và chứng kiến sự ra đi của chúng tôi, tôi dọa sẽ lập tức chất vấn Ngoại trưởng Miliucốp trong Hội nghị Lập hiến về việc cảnh sát Anh-Canada đã ngược đãi các công dân Nga như thế nào.

Viên cảnh binh lạnh lợi đáp:

- Mong rằng không bao giờ ông vào được Hội nghị Lập hiến...

(Hết quyển 1)



Sách của Tủ sách Nghiên cứu

Đã xuất bản

- Quan liêu ở Việt Nam (Nhóm Đệ tứ Việt Nam tại Pháp, 1976)
- Dân chủ xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản (Vũ Gia Minh, 1980)
- Vấn đề Ba Lan (Hà Cương Nghị, 1981)
- Cuộc cách mạng bị phản bội (Lép Trótxki, 1993)
- Tờ trình bí mật của Krúpssép về Xtalin (1994)
- Người Việt ở Pháp 1940-1954 (Đặng Văn Long, 1997)
- Về nạn súng bãi cá nhân và những hậu quả của nó (Nhi-kita Khorútsốp, phát hành trên mạng Internet, 1998)
- Đòi tôi (Lép Trótxki, tập 1, 1998)

Sắp xuất bản:

- Đòi tôi (Lép Trótxki, tập 2)
- Văn học và cách mạng (Lép Trótxki)
- Đệ tam Quốc tế sau thời Lênin (Lép Trótxki, 2 tập)
- Cách mạng thường trực (Lép Trótxki)

Địa chỉ liên hệ:

Tủ sách Nghiên cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11, France

MỤC LỤC

Lời cảm ơn
Lời giới thiệu.....

QUYỀN THỨ NHẤT

Tựa.....

Chương I: Ianópca.....

Chương II: Những người hàng xóm - Trường học đầu tiên.....

Chương III: Gia đình và học đường.....

Chương IV: Sách và những xung đột đầu tiên.....

Chương V: Nông thôn và thành thị.....

Chương VI: Sự công phá.....

Chương VII: Tổ chức cách mạng đầu tiên.....

Chương VIII: Những nhà tù đầu tiên của tôi.....

Chương IX: Đi đày lần thứ nhất.....

Chương X: Trốn thoát lần thứ nhất.....

Chương XI: Lưu vong lần thứ nhất.....

Chương XII: Đại hội đảng và sự chia rẽ.....

Chương XIII: Trở về nước Nga.....

Chương XIV: 1905.....

Chương XV: Xét xử, lưu đày, trốn thoát.....

Chương XVI: Lưu vong lần thứ hai và chủ nghĩa xã hội

Đức.....

Chương XVII: Chuẩn bị một cuộc cách mạng mới.....

Chương XVIII: Khởi đầu cuộc chiến tranh.....

Chương XIX: Pari và Dimmécvan.....

Chương XX: Bị trục xuất khỏi Pháp.....

Chương XXI: Qua Tây Ban Nha.....

Chương XXII: Ở Niu Oóc.....

Chương XXIII: Trong trại tập trung.....

Sách của Tủ sách Nghiên cứu.....

Mục lục.....